

#1 New York Times Bestseller

# JOHN GRISHAM



## HỘI VỆ NHÂN

THE GUARDIANS

*Tiểu thuyết*

Thái Hòa dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Hai mươi hai năm trước, Quincy Miller, một thanh niên da đen, bị kết tội ám sát luật sư Keith Russo. Mòn mỏi trong tù, một mực kêu oan nhưng chẳng ai đoái hoài, cuối cùng anh tuyệt vọng viết thư cho Hội Mục vụ Vệ nhân.

Luật sư Cullen Post đã tiếp nhận vụ án. Từng nhiều năm đi khắp đất nước để cứu những người vô tội bị lãng quên, anh nhận ra một bí mật đen tối, tàn nhẫn đằng sau tấn bi kịch của Quincy Miller: những kẻ thực sự sát hại Keith Russo không muốn Miller được minh oan.

Họ đã giết một luật sư hai mươi hai năm trước, và lần nữa, họ sẽ không tha thứ cho kẻ nào cản đường.

## CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI DỊCH

Nhân vật Cullen Post là một luật sư, đồng thời cũng là linh mục. Nhưng bởi anh không thật sự thực thi chức vụ linh mục khi không phụ trách nhà thờ nào, suốt truyện chỉ một lần duy nhất cử hành một việc phụng vụ nhỏ, đồng thời cũng hiếm khi nhận mình là linh mục, trừ những trường hợp cần thiết. Có thể nói hơn 90% trong anh là luật sư, nên tôi chủ đích dùng danh xưng bình thường, thay vì dùng *cha* theo cách mọi người hay gọi các linh mục.

*Đề tặng*  
*James McCloskey*  
*“Người giải oan”*



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)



Duke Russell bị kết tội đã gây ra những tội ác không thể dung thứ, nhưng anh không phải là thủ phạm; mặc dù vậy, anh sẽ bị hành hình chỉ sau một tiếng bốn mươi phút nữa. Lúc nào cũng vậy, vào những đêm u uất như thế này, kim đồng hồ dường như luôn gấp gấp hơn khi giờ phút định mệnh đã cận kề. Tôi đã phải trải qua hai lần đếm ngược sinh tử như thế ở hai tiểu bang khác nhau. Một lần đồng hồ chạy mãi đến tận hồi kết, khi người tôi muốn cứu đã thoát lời trắng trối. Lần kia thì chiếc kim định mệnh dừng lại như có phép lạ.

Thời gian cứ tích tắc trôi, lần này dừng thế nữa, tối nay dừng vậy. Có lẽ rồi sẽ đến lúc những người đi đầu hành tiểu bang Alabama này dọn được bữa ăn cuối cùng cho Duke trước khi châm kim độc vào người anh, nhưng tối nay thì không. Anh mới ở buồng giam tử tù có chín năm. Ở bang này, trung bình phải 15 năm. Tận 20 năm cũng là chuyện thường. Chúng tôi đã đệ đơn kháng cáo gửi lên Tòa Phúc thẩm ở Atlanta, và khi nó đến được tay đúng người trong bộ máy hành pháp thì chỉ trong vòng một tiếng sẽ có lệnh đình cuộc hành hình này lại. Duke sẽ trở lại cảnh biệt giam kinh hoàng và sống thêm một ngày nữa.

Tôi đã làm luật sư cho anh bốn năm rồi. Đội ngũ pháp lý của anh còn bao gồm một hãng luật cực lớn ở Chicago chấp nhận làm miễn phí, và một nhóm chống án tử hình khá là yếu ớt ở Birmingham. Bốn năm trước, khi tin chắc anh vô tội, tôi đã nhận làm luật sư biện hộ chính. Hiện tại, tôi đang lo năm vụ, đâu là án oan sai, hoặc ít ra là tôi nghĩ như thế.

Tôi đã phải chứng kiến một thân chủ của mình ra đi. Tôi vẫn tin rằng ông ấy vô tội, chỉ là không thể chứng minh kịp thời. Một người là đủ quá rồi.

Lần thứ ba trong ngày, tôi lại đến khu buồng giam tử tù của Alabama, dừng lại trước máy dò kim loại chắn ngang cửa lớn, đối diện với hai quần giáo mặt mày cau có đang bảo vệ lãnh địa của mình. Một người cầm tập giấy tìm thông tin và bắt đầu nhìn tôi như thể quên mất tên cái người vừa mới đến đây có hai tiếng trước.

“Post, Cullen Post,” tôi nói với gã đầu óc tối tăm ấy. “Muốn gặp Duke Russell.”

Anh ta rà qua tập giấy như thể trong đó có thông tin quan trọng sống còn, tìm được cái anh ta muốn, và hít hàm hướng về một cái giỏ nhựa nằm trên băng chuyền ngắn. Tôi đặt cặp táp và điện thoại vào đó, hết như lần trước.

“Đồng hồ và thắt lưng?” Tôi hỏi, rất sành sỏi.

“Không cần,” anh ta cố rướn giọng cần nhần. Tôi bước qua máy dò kim loại, và thế là một lần nữa, một luật sư vô tội lại xoay sở trót lọt vào khu tử tù mà không đem vũ khí theo. Tôi cầm cặp táp và điện thoại rồi theo một quần giáo khác xuống hành lang lạnh lẽo chỉ có tường và song sắt. Anh ta gạt đầu, khóa mở tanh tách, song sắt trượt mở ra, chúng tôi lại tiến vào một hành lang khác, dẫn sâu vào tòa nhà thẩm phán này. Đích của chúng tôi là căn phòng có mấy người đang đứng bên ngoài một cánh cửa thép kín bưng. Bốn người mặc đồng phục, hai người mặc vest. Một trong hai người đó là giám đốc nhà tù.

Viên giám đốc nhìn tôi nghiêm nghị rồi bước tới. “Cho tôi nói chuyện với anh một lát?”

“Không được lâu nhé,” tôi trả lời. Chúng tôi đi ra một góc để nói chuyện riêng. Viên giám đốc không phải kẻ xấu, chỉ đang thi hành bổn phận, một công việc mà anh ta mới vừa tiếp quản và chưa hề giám sát cuộc hành hình nào. Anh ta cũng là đối thủ của tôi, nhưng sẽ không đoạt được thứ mình muốn từ tôi đâu.

Chúng tôi thì thầm với nhau như đôi bạn thân, “Anh thấy thế nào?”

Tôi đảo mắt nhìn quanh để xem xét tình hình, “Trời, tôi chẳng biết nữa. Tôi thấy chỗ này giống cuộc hành hình mà.”

“Thôi nào, Post. Luật sư của chúng tôi nói vụ này thế nào cũng xong.”



“Luật sư bên anh toàn lũ ngốc. Chuyện này ta đã nói rõ với nhau rồi.”

“Thôi nào, Post. Giờ tình hình cũng có khác gì đâu?”

“Năm mươi năm mươi thôi,” tôi nói dối.

Câu đó khiến viên giám đốc bối rối, và không chắc phải trả lời thế nào. “Tôi muốn gặp thân chủ của mình,” tôi bảo.

“Được,” đột nhiên anh ta nói to hể lên, như thể có chút chán nản. Không được để người ta thấy là đang hợp tác với tôi nên nói xong anh ta liền rút đi ngay. Những quản giáo lùi lại khi một người trong số họ mở cửa.

Trong phòng chờ hành hình, Duke đang nằm trên nệm, mắt nhắm nghiền. Để giải trí lần cuối, người ta cho anh một tivi màu nhỏ để muốn xem gì thì xem. Tivi đang để chế độ tắt tiếng với hình ảnh các phóng viên rảo quanh mấy đám cháy rừng ở Bờ Tây. Giờ tử hình của anh không phải chuyện gì lớn để truyền thông quốc gia phải chú ý.

Đến giờ hành hình, mỗi bang đều có những thủ tục vớ vẩn riêng, tất cả chỉ để tăng thêm kịch tính hết sức có thể cho giờ phút này. Ở đây thì họ cho tất cả những người thân thuộc vào thăm trong một phòng thăm viếng rộng. Đến 10:00 tối thì chuyển từ sang phòng chờ ngay sát phòng hành hình, nơi anh sẽ bị giết. Chỉ có tuyên úy và luật sư mới được vào phòng đó cùng anh. Bữa ăn cuối cùng dọn lên tầm 10:30, và anh có thể yêu cầu món gì cũng được, trừ những thứ có cấn.

“Anh khỏe không?” tôi hỏi khi Duke ngẩng dậy, mỉm cười.

“Đang thấy tuyệt nhất đời. Anh có tin gì không?”

“Chưa, nhưng tôi vẫn lạc quan. Sẽ sớm nghe tin thôi.”

Duke là người da trắng, 38 tuổi, và trước khi bị bắt vì tội cưỡng hiếp và giết người, tiền sử của anh chỉ có hai lần lái xe khi say và vài lần bị phạt quá tốc độ. Không có vụ nào liên quan đến bạo lực. Hồi trước, anh thích tiệc tùng và hay bày trò phá phách, nhưng sau chín năm biệt giam, anh đã trầm tính lại đáng kể. Công việc của tôi là trả lại tự do cho anh, và lúc này, có vẻ nó chỉ còn là ước mơ hão huyền..

Tôi cần đi đâu khiên, đổi sang một kênh của Birmingham, nhưng vẫn đề tắt tiếng.

“Trông anh tự tin khủng khiếp.” Duke bảo.

“Tôi có căn cứ để làm thế mà. Tôi đâu có bị người ta tiêm.”

“Anh hài thật đấy, Post.”

“Thư giãn nào, Duke.”

“Thư giãn à?” Anh đặt chân xuống sàn, và trên môi lại nở một nụ cười. Trông anh đích thực là đang thư giãn, quá thư giãn trong hoàn cảnh này. Anh cười lớn, “Nhớ Lucky Skelton không?”

“Không.”

“Cuối cùng họ đã xử được anh ấy, khoảng năm năm trước, nhưng họ phải mất đến ba bữa ăn cuối cùng. Anh ấy đã kịp hăm phanh được trước bờ vực ba lần, trước khi bị người ta đẩy xuống. Anh ấy đòi pizza xúc xích và Coca anh đào.”

“Còn anh thì yêu cầu món gì?”

“Bít-tết và khoai tây chiên, cùng một lốc bia 6 lon.”

“Bia thì chắc không được rồi.”

“Anh sẽ đưa được tôi ra khỏi đây chứ, Post?”

“Tối nay thì không, nhưng tôi đang xử lý.”

“Nếu được ra tù, tôi sẽ đi thẳng đến một quán và uống bia lạnh cho đến khi nằm vật ra sàn.”

“Tôi sẽ đi cùng anh. À, Thống đốc đây rồi.” Ông ta xuất hiện trên màn ảnh, tôi liền mở âm thanh.

Thống đốc đứng trước một hàng micro, ánh đèn máy quay chĩa vào sáng choang. Nhìn bộ vest đen, cà vạt paisley, áo sơ-mi trắng, tóc chải gel sệt nào ra sệt nấy, tôi biết chắc đây là một màn nhằm quảng bá tranh cử. Với bộ mặt đầy nghiêm trọng, ông ta nói, “Tôi đã xem xét thấu đáo vụ việc của ông Russell, cũng như đã tham luận kỹ lưỡng với các điều tra viên. Tôi cũng đã gặp gia đình của Emily Broone, nạn nhân trong tội ác của ông

Russell, và gia đình họ kịch liệt phản đối ý tưởng khoan hồng. Sau khi cân nhắc mọi mặt của vụ này, tôi đã quyết định giữ nguyên bản án của anh ta. Phán quyết của tòa tiếp tục có hiệu lực, và buổi hành hình sẽ được diễn ra. Người dân đã lên tiếng. Do đó, sẽ không có sự khoan hồng cho ông Russell.” Ông ta tuyên bố một cách bí ẩn nhất có thể, rồi cúi chào và từ từ ra khỏi ống kính máy quay, màn trình diễn đã xong, diễn viên chính đã rời khỏi khán phòng. Mới ba ngày trước, ông ta đã thu xếp được thời gian để gặp tôi trong 15 phút, chỉ để sau đó oang oang với báo giới rằng chúng tôi đã *gặp riêng*.

Nếu đã xem xét lại một cách *thấu đáo*, hẳn ông ta đã biết Duke Russell không hề liên quan đến vụ cưỡng hiếp và giết Emily Broone 11 năm trước. Tôi lại bấm tắt tiếng, “Chẳng ngạc nhiên gì.”

“Ông ta có bao giờ ban lệnh khoan hồng chưa?” Duke hỏi.

“Dĩ nhiên là chưa.”

Có tiếng gõ cửa mạnh, rồi cánh cửa mở tung. Hai quản giáo bước vào, một người đang cầm trên tay bữa ăn cuối cùng. Họ để nó xuống rồi đi mất. Duke nhìn vào đĩa bít-tết, khoai tây chiên và một lát bánh chocolate khá là mỏng, rồi nói, “Chẳng có bia.”

“Thôi thì thưởng thức trà đá vậy.”

Anh ngồi trên giường và bắt đầu ăn. Mùi đồ ăn thơm ngon làm tôi phát thèm, vì ít nhất 24 tiếng rồi tôi chưa ăn gì. “Khoai tây chiên không?” anh hỏi.

“Không, cảm ơn anh.”

“Tôi đâu ăn hết chỗ này được. Chẳng biết vì sao, nhưng tôi chẳng thấy thèm ăn lắm.”

“Mẹ anh sao rồi?”

Anh nhai một miếng bít-tết lớn rồi nhai chậm rãi. “Không ổn lắm, anh hẳn cũng biết rồi. Mẹ tôi khóc nhiều lắm. Khá là kinh khủng.”

Điện thoại trong túi tôi rung lên, tôi cầm lấy, nhìn vào màn hình, “Đây rồi.” Tôi cười với Duke và trả lời điện thoại. Là nhân viên Tòa Phúc thẩm 11, một người tôi quen thân, và anh ấy báo là sắp vừa ký lệnh hoãn thi

hành án vì cần thêm thời gian để xác định liệu Duke Russell có được xét xử công bằng không. Tôi hỏi khi nào, và anh ấy bảo lệnh sẽ được công bố ngay lập tức.

Tôi quay sang thân chủ của mình, “Anh được ở lại r ồi. Tối nay khỏi đựng đến kim tiêm. Ăn miếng bít-tết đó mất bao lâu nhỉ?”

“Năm phút,” anh cười tít mắt và nh ồi thêm thịt vào miệng.

“Cho tôi mười phút được không?” Tôi hỏi anh bạn trên điện thoại. “Thân chủ của tôi muốn ăn cho xong bữa ăn cuối cùng.” Chúng tôi bàn qua lại và cuối cùng thống nhất là bảy phút. Tôi cảm ơn anh ấy, kết thúc cuộc gọi, r ồi bấm gọi số khác. “Ăn nhanh đi,” tôi nói. Đột nhiên, Duke lấy lại cảm giác thèm ăn và hùng hục xơi hết bữa ăn trước mặt.

Kể gây nên bản án oan sai của Duke là một công tố viên tỉnh lẻ tên là Chad Falwright. Hiện giờ, anh ta đang ng ồi chờ ở tòa nhà hành chính của nhà tù, cách đây t ầm một cây số, sẵn sàng đón nhận thời khắc vinh quang nhất trong sự nghiệp của mình. Anh ta cứ tưởng đến 11:30 thì sẽ được lên xe của nhà tù, cùng gia đình Broone và cảnh sát trưởng địa phương, đến đây bu ồng tử tù này, vào một căn phòng nhỏ có tấm cửa kính lớn với bức màn. Chad cứ nghĩ khi yên vị ở đó r ồi, họ sẽ chờ trong giây lát, đến lúc Duke bị cột vào ghế, kim tiêm vào tay, r ồi tấm màn sẽ vén lên đầy kịch tính.

Với một công tố viên, không gì thành công hơn được chứng kiến một vụ hành hình do chính mình khởi tố.

Nhưng Chad không có được phút giây mơ mộng đó. Tôi bấm số gọi và anh ta nghe máy ngay. “Post đây,” tôi nói. “Ở đây bu ồng tử tù có tin xấu r ồi nhé. Tòa Phúc thẩm 11 vừa ra lệnh hoãn. Có vẻ anh sẽ phải cụp đuôi về lại Verona r ồi.”

Anh ta lắp bắp, và chỉ nói được “Cái quái gì?”

“Nghe tôi nói rõ r ồi mà, Chad. Lời buộc tội sai bét của anh đang được làm sáng tỏ, và tôi dám nói, có vẻ không bao giờ anh đem được đầu của Duke về làm chiến tích đâu. Tòa Phúc thẩm 11 đã có những nghi hoặc về tính công bằng của phiên tòa, nên họ đang cho xét lại. Hết r ồi, Chad à. Xin lỗi vì phá hỏng khoảnh khắc vinh quang của anh.”

“Anh đùa hả, Post?”

“Ồ, hẳn rồi. Giờ ở đây buồng tử tù này, ai cũng cười mà. Anh đã được vui khi trả lời báo giới cả ngày hôm nay rồi, giờ cứ vui thêm chút nữa đi nhé.” Tôi quá kinh tởm gã này, đến mức không diễn tả nổi.

Tôi tắt máy rồi nhìn Duke đang ăn mừng thoát nạn. Anh hỏi với miệng đầy ứ thịt, “Anh gọi cho mẹ tôi được không?”

“Không. Ở đây chỉ luật sư mới được đem điện thoại theo, nhưng bà ấy sẽ sớm biết thôi. Ăn nhanh đi nào.” Duke uống trà cho êm họng, rồi quay sang chiến tiếp miếng bánh chocolate. Tôi cần đi đâu khiên, mở âm lượng to lên. Khi anh đang càn quét cho hết phần ăn, một phóng viên thở không ra hơi chạy vào nhà tù, lắp bắp báo tin đã có lệnh hoãn thi hành án. Anh ta có vẻ rối bời, đọc trên mặt chỉ thấy có mỗi chữ hoang mang to tướng.

Chỉ trong vài giây, có tiếng gõ cửa và giám đốc nhà tù bước vào. Anh ta nhìn tivi rồi nói, “Chắc anh đã nghe tin rồi?”

“Phải, giám đốc à, xin lỗi vì làm hỏng tiệc. Bảo người của anh nghỉ đi, và làm ơn gọi giúp tôi chiếc xe nhé.”

Duke lấy tay áo chùi miệng, bắt đầu cười lớn, “Đừng ra về thất vọng thế chứ, giám đốc.”

“Không, thật ra tôi nhẹ cả người ấy,” viên giám đốc nói, nhưng sự thật hiện rõ rành rành rồi. Cả anh ta cũng đã dành nguyên ngày hôm nay để trả lời báo giới, hưởng thụ vô vàn sự chú ý rồi. Thế mà đột nhiên, màn nước rút hoành tráng của anh lại kết bằng một cú ngã đau ở vạch đích.

“Tôi đi đây,” tôi nói và bắt tay Duke chào tạm biệt.

“Cảm ơn, Post,” anh nói.

“Tôi sẽ liên lạc với anh sau.” Trước khi ra khỏi phòng, tôi quay qua viên giám đốc, “Nhờ anh chuyển lời hỏi thăm đến Thống đốc nhé.”

Vừa ra khỏi cửa tòa nhà, một luồng khí lạnh xộc thẳng vào mặt làm tôi khoan khoái lạ. Một quản giáo dẫn tôi đến chiếc xe nhà tù cách đó vài bước. Tôi lên xe rồi anh ta đóng cửa lại. “Ra cửa chính,” tôi nói với tài xế.

Khi chiếc xe chầm chậm đi ra cổng Cơ sở Cải huấn Holman này, tôi mới đột nhiên thấy mệt và đói. Nhưng cũng vô cùng nhẹ nhõm. Tôi nhắm

mất lại, thở sâu, và tận hưởng phép lạ cho Duke được sống thêm một ngày nữa. Tôi đã cứu được mạng anh, tạm thời là thế. Còn trả lại tự do cho Duke chắc phải cần thêm một phép lạ nữa.

Vì nhiều lý do mà chỉ những người đi đầu hành nơi này biết, nhà tù đã bị phong tỏa suốt năm tiếng qua, như thể các tù nhân phần nộ ở đây có thể tổ chức cuộc bạo loạn ngục Bastille và xông vào dây bu lông tử tù để giải cứu Duke. Giờ đã hết lệnh phong tỏa, bầu khí sôi sục đã qua đi. Nhân lực bổ sung để duy trì trật tự giờ đang rút đi, và tôi cũng muốn thoát khỏi chỗ này càng sớm càng tốt. Xe của tôi đỗ ở chỗ gần cổng chính, nơi phóng viên báo đài đang lục tục dỡ dụng cụ và lên đường về nhà. Tôi cảm ơn viên quản giáo, lên chiếc Ford SUV của mình và vội vã rời đi. Qua hai dặm trên đường cao tốc, tôi ghé lại một cửa hàng tạp hóa đã đóng cửa để gọi một cuộc.

Kẻ đó tên là Mark Carter. Nam, da trắng, 33 tuổi, sống ở một căn nhà thuê nho nhỏ tại thị trấn Bayliss, cách Verona tám 15 cây số. Trong hồ sơ, tôi có nhiều ảnh chụp nhà và xe của hắn, cả ảnh cô bạn gái hiện thời của hắn nữa. Mười một năm trước, Carter đã cưỡng hiếp và giết Emily Broone, và giờ việc của tôi là chứng minh đi đầu đó.

Dùng sim rác, tôi gọi đến điện thoại của hắn, một số điện thoại mà theo lý tôi không thể nào tìm được. Sau năm tiếng chuông, hắn nghe máy, “Alo.”

“Mark Carter à?”

“Ai đấy?”

“Anh không biết tôi, Carter à, nhưng tôi gọi từ nhà tù. Duke Russell vừa được hoãn án, nên tôi rất tiếc phải báo cho anh biết là vụ án vẫn chưa hoàn toàn khép lại. Anh có đang xem tivi không đấy?”

“Ai đấy?”

“Tôi chắc là anh đang xem tivi, Carter, cái xác béo của anh và cả cô bồ béo của anh đang cầu trời cho Bang giết Duke vì tội ác do tay anh gây ra. Anh là đồngkhốn nạn, Carter, sẵn sàng nhìn anh ấy chết vì tội ác do anh làm. Đồ hèn.”

“Ngon thì nói thẳng với tao đi.”

“Ồ, Carter, tôi sẽ làm thế, khi ta gặp nhau ở tòa. Tôi sẽ tìm ra chứng cứ, và chẳng mấy chốc Duke sẽ được tự do. Còn anh thế chỗ anh ấy. Tôi đang tìm đến anh đây, Carter.”

Nói xong tôi tắt máy ngay, để hẳn không nói thêm được gì nữa.

Uì xăng thì rẻ hơn nhà nghỉ cùi bắp một chút, nên tôi rất thường lái xe đơn độc trên đường vào những giờ tối muộn. Lúc nào cũng thế, tôi cứ tự nhủ r ồi mình sẽ ngủ sau, như thế trước mắt tôi là giấc ngủ đông dài đang chờ ập đến. Sự thật là tôi chợp mắt rất nhiều, nhưng lại hiếm khi ngủ, và chuyện này chắc khó lòng thay đổi được. Tôi đã gánh lấy sứ mệnh cứu mạng những con người vô tội đang mục rữa trong tù, trong khi những kẻ cường hiếp giết người thực sự vẫn nhởn nhơ.

Duke Russell bị kết tội ở một thị trấn mà tâm thức người ta chỉ như ao hồ tù đọng, nơi mà phân nửa b ồi thẩm đoàn còn đọc chưa trôi chảy, và dễ dàng bị dắt mũi bởi hai gã chuyên gia tự phong khoác lác mà Chad Falwright đưa lên bục đối chất. Người đầu tiên là một nha sĩ tỉnh lẻ đã nghỉ hưu ở Wyoming, và làm thế nào ông ta lại đến tận Verona, Alabama, lại là một chuyện khác nữa. Với uy thế ghê gớm, bộ vest chỉnh chu, và vốn từ cao ngất, ông ta làm chứng rằng ba dấu răng trên tay của Emily Broone là của Duke. Gã hề đó là cái máy làm chứng trên khắp cả nước, lúc nào cũng cho bên công tố, và luôn nhận thù lao hậu hĩnh. Cái đầu bệnh hoạn của lão nghĩ rằng một vụ cường hiếp không đủ mức bạo lực nếu thiếu vài dấu răng của kẻ thủ ác hằn trên người nạn nhân.

Một giả thuyết vô căn cứ và lối bịch như thế, đáng ra phải bị vạch trần trong phiên đối chất, nhưng có lẽ lúc đó luật sư của Duke hoặc còn say rượu hoặc đang ngủ gật mất r ồi.

Gã chuyên gia thứ hai là người ở phòng xét nghiệm hình sự của bang. Lĩnh vực chuyên gia của gã là phân tích mẫu tóc. Bẫy sới lông vùng kín được tìm thấy trên người Emily, và gã này đã thuyết phục b ồi thẩm đoàn rằng chúng là của Duke. Nhưng không đúng. Có thể chúng là của Mark



Carter, dù chuyện đó vẫn chưa biết chắc được. Chưa thôi nhé. Đám ngờ nghệch phụ trách đi điều tra vụ này chỉ nghi ngờ chút ít với Carter, dù người ta thấy hắn là người cuối cùng ở với Emily.

Vết cắn và mẫu tóc đã bị xem là thiếu độ khả tín trong hầu hết các hệ thống hành pháp tiến bộ. Cả hai phương pháp này đều nằm trong phạm vi kiến thức bị xem là tệ hại và thiếu sự ổn định, mà các luật sư biện hộ và kháng cáo thường gọi là “khoa học tào lao,” có Chúa biết bao nhiêu người vô tội đã phải lãnh những bản án dài đằng đặc vì những chuyên gia thiếu tư cách này và những giả thuyết vô căn cứ của họ.

Bất kỳ luật sư biện hộ nào có chút phẩm chất sẽ đối chất ra ngô ra khoai với hai chuyên gia này, nhưng luật sư của Duke còn chẳng xứng đáng với thù lao 3.000 đô-la mà bang trả cho. Thật sự là anh ta chẳng xứng được trả đồng nào. Anh ta thiếu kinh nghiệm về án hình sự, nằng nặc mùi rượu trong phiên tòa, và chẳng chuẩn bị gì sất, thậm chí tin rằng thân chủ của mình có tội. Bản thân anh ta ba lần bị phạt vì tội say xỉn lái xe chỉ một năm sau phiên tòa đó, bị tước giấy phép luật sư và cuối cùng chết vì xơ gan.

Và tôi là người phải gom góp các mảnh chứng cứ và tìm cho được công lý.

Nhưng chẳng ai mời tôi tham gia vào vụ này cả. Như lâu nay luôn vậy, tôi tình nguyện.

Tôi đang trên xa lộ liên bang đến Montgomery, cách đó hai tiếng rưỡi lái xe, và thế là có nhiều thời gian để suy ngẫm trừu tượng. Nếu có ghé lại một nhà nghỉ, tôi cũng sẽ không ngủ được vì đang quá phấn khích với phép lạ phút chót đã đoạt được từ hư không. Tôi đã nhắn tin cho nhân viên tòa ở Atlanta để cảm ơn, cũng đã nhắn tin cho sếp, cầu trời, chắc giờ bà ấy ngủ rồi.

Sếp tôi là Vicki Gourley, làm việc trong một văn phòng nhỏ của Hội ở khu phố cũ tại Savannah. Mười hai năm trước, bà đã tự bỏ tiền túi để lập Hội Mục vụ Vệ nhân. Vicki là tín hữu Kitô mộ đạo, xem công việc của mình phát xuất trực tiếp từ Phúc âm. Chúa Jesus đã bảo phải nhớ đến các tù nhân. Bà không thường rảo quanh các nhà tù để thăm nom, thay vào đó, bà làm việc 15 tiếng một ngày để giải thoát những người vô tội. Nhiều năm trước, bà ở trong bồi thẩm đoàn đã kết án một thanh niên tội giết người và

ra bản án tử. Hai năm sau, lời kết án sai bị vạch trần. Công tố viên đã che giấu chứng cứ giải tội và dùng đến lời khai man của một kẻ chỉ điểm trong tù. Cảnh sát đã dàn dựng chứng cứ và nói dối b ố thẩm đoàn. Khi kẻ sát nhân thực sự bị vạch trần bởi công nghệ ADN, Vicki đã bán công ty làm sà n của mình cho các cháu của bà, lấy ti ền đó lập nên Hội Mục vụ Vệ nhân.

Tôi là người đầu tiên vào làm cho bà. Giờ đã có thêm người thứ hai.

Ngoài ra còn có thêm một nhân sự tự do tên là Francois Tatum, một người da đen 45 tuổi, từ h ồi niên thiếu đã nhận ra rằng ở vùng quê Georgia sẽ dễ sống hơn nếu tự nhận mình tên là Frankie thay vì Francois. Có vẻ mẹ anh gốc Haiti nên đã đặt cho con cái những cái tên tiếng Pháp quá xa lạ với cái hốc hẻo lánh đó của thế giới nói tiếng Anh.

Frankie là người đầu tiên được tôi giải oan. Anh chịu án chung thân ở Georgia vì tội giết người mà anh không phạm. Lúc đó, tôi đang làm linh mục của **Giáo hội Giám nhiệm** ở một nhà thờ nhỏ tại Savannah. Chúng tôi lo mục vụ nhà tù và nhờ đó tôi gặp được Frankie. Trong đầu anh chỉ nghĩ đến một chuyện là mình vô tội, và chỉ toàn nói chuyện đó thôi. Anh thông minh và rất ham đọc, đã tự học thông thạo v ề luật. Sau hai l ần gặp, anh đã hoàn toàn thuyết phục được tôi.

Trong thời gian đầu tham gia ngành luật, việc của tôi là biện hộ cho những người không đủ ti ền thuê luật sư. Tôi đã biện hộ cho hàng trăm thân chủ, và sau một thời gian dài, tôi bắt đầu cho rằng họ đầu có tội. Tôi chưa hề dừng lại mà nghĩ đến cảnh ngộ của những người bị kết án oan. Frankie đã thay đổi đi ều đó. Tôi lao vào đi ều tra vụ của anh và sớm nhận ra mình có thể chứng minh anh vô tội. R ồi tôi gặp Vicki, bà đề nghị tôi một công việc với mức lương còn thấp hơn việc mục vụ của tôi nữa. Và đến giờ vẫn thế.

Francois Tatum trở thành thân chủ đầu tiên thuê Hội Mục vụ Vệ nhân biện hộ. Sau 14 năm trong tù, anh đã bị người thân bỏ rơi hoàn toàn. Bạn bè cũng biến mất hết. Mẹ anh đã từ mặt anh, các anh chị em ruột thì sang ở với bà dì và không bao giờ xuất hiện lại. Anh chẳng biết cha mình là ai. Tôi là người đầu tiên đến thăm anh trong tù sau 12 năm rông. Sự hờ hững đến thế thật quá đỗi kinh khủng, nhưng nó cũng có mặt tốt. Khi được trả tự do và hoàn toàn giải hết án oan, Frankie được Bang Georgia và những

người chịu trách nhiệm đẩy anh vào tù b ởi thường một khoản t iền lớn. Khi chẳng có người thân hay bạn bè bu bám xin t iền, anh lặng lẽ nhẹ nhàng lướt vào cuộc sống tự do. Anh có một căn hộ nhỏ ở Atlanta, một hộp thư ở Chattanooga, nhưng h ầu hết thời gian, anh rong ruổi trên đường khám phá không gian rộng mở. T iền của anh nằm rải rác ở nhi ều ngân hàng khắp miền Nam, chẳng ai xác định hết được. Anh không muốn có mối quan hệ nào, vì đã quá sợ hãi chúng. Và còn vì anh luôn sợ người ta sẽ cố đào mộ mình.

Frankie chỉ tin tôi, mỗi mình tôi. Khi vụ kháng cáo của anh đã đầu vào đấy, anh đề nghị trả cho tôi một khoản cực kỳ hậu hĩnh. Tôi từ chối. Anh xứng đáng giữ từng đ ồng đó khi đã sống sót khỏi nhà tù. Khi ký hợp đ ồng làm cho Hội Vệ nhân, tôi đã có lời thềkhó nghèo. Nếu thân chủ của tôi có thể sống bằng khẩu phần ăn hai đô-la một ngày thì ít ra tôi cũng phải biết tận tiện.

Đến phía Đông Montgomer, tôi ghé vào một trạm dừng chân xe tải ở Tuskegee. Trời vẫn còn tối, chưa đến 6:00 sáng và trên bãi đỗ xe đ ầy đá sỏi, những đ ầu máy kêu rừ rừ trong khi tài xế của chúng đang chợp mắt hoặc ăn sáng. Quán khá đông khách, cái mùi thịt xông khói và xúc xích xộc thẳng vào mũi ngay khi tôi vừa bước vào. Ở góc quán, Frankie vẫy tay gọi tôi.

Vì đang ở vùng thôn quê Alabama nên chúng tôi chào nhau bằng cái bắt tay chuẩn mực, thay vì ôm nhau thắm thiết. Hai người đàn ông, một đen một trắng, ôm nhau giữa trạm dừng xe tải chật kín người sẽ khiến một vài kẻ cau mày, nhưng chúng tôi cũng không quá lo vềđiều đó. Frankie có nhi ều t iền hơn tất cả người ở chỗ này cộng lại, và anh vẫn rắn chắc, nhanh nhẹn như thời ở trong tù. Anh không gây chuyện. Đơn giản là anh có khí chất và tự tin đủ để khiến người khác phải chùn tay.

“Chúc mừng nhé,” anh nói. “Suýt soát lắm đấy.”

“Duke đã bắt đ ầu bữa ăn cuối cùng họ mới gọi đến. Anh ấy phải ăn vội.”

“Nhưng anh thì có vẻ rất tự tin.”

“Tôi giả vờ thôi, cái kiêu ra vẻ cứng của luật sư ấy mà. Bụng dạ tôi thì nôn nao cả lên.”

“Nhân nói về chuyện đó, chắc anh đói lắm rồi.”

“Quá chuẩn. Tôi đã gọi Carter ngay khi ra khỏi nhà tù. Không tìm được.”

Anh nhú mào, “Được rồi. Tôi chắc là có lý do cả.”

“Không phải lý do hay ho gì đâu. Chỉ là tôi quá giận không tìm được thôi. Gã đó đang ngủ để đếm từng phút đến giờ Duke bị tiêm thuốc độc. Anh có tưởng tượng nổi không, hung thủ thực sự lặng lẽ ăn mừng khi người chịu tội thay bị hành hình? Ta phải xử lý hắn, Frankie à.”

“Sẽ thế mà.”

Cô phục vụ đến, tôi gọi trứng và cà phê. Frankie thì ăn bánh kẹp và xúc xích.

Anh nắm rõ về các vụ của tôi không kém gì tôi. Anh đọc hết mọi hồ sơ, biên bản, báo cáo và chi tiết phiên tòa. Frankie thấy lý thú khi đi vào một nơi chẳng ai biết anh như Verona, Alabama, để tìm thông tin. Anh táo bạo nhưng không bao giờ làm liều vì chẳng hề muốn bị bắt. Cuộc sống mới của anh quá tốt đẹp, sự tự do này quá giá trị với anh, nhất là anh đã phải thiếu thốn chúng quá lâu rồi.

“Ta phải kiểm tra ADN của Carter,” tôi bảo. “Bằng cách nào đó.”

“Tôi biết, tôi biết mà. Tôi đang lo vụ đó. Anh cần nghỉ ngơi chút đi, sắp.”

“Chẳng phải tôi luôn thế à? Và hai ta đều biết rằng vì là luật sư, nên tôi không thể kiểm tra ADN của Carter theo cách bất hợp pháp được.”

“Nhưng tôi thì được, phải chứ?” Anh mỉm cười, nhấp ly cà phê. Cô phục vụ vừa đem ly cà phê của tôi đến, rót đầy.

“Có lẽ. Để bàn chuyện đó sau đi. Máy tuần tới, hắn sẽ hoảng cả lên vì cuộc gọi của tôi cho mà xem. Hay cho hắn rồi. Hắn sẽ phạm sai lầm và ta sẽ nắm thóp hắn.”

“Giờ anh định đi đâu?”

“Savannah. Tôi sẽ ở đó vài ngày, rồi đến Florida.”

“Florida. Seabrook?”

“Phải, Seabrook. Tôi quyết định nhận vụ này.”

Khuôn mặt Frankie không bao giờ biểu cảm gì nhiều. Mắt anh hiếm khi nhấp nháy, giọng nói thì trầm đều như thể cân nhắc từng từ vậy. Để sống sót trong tù, người ta phải biết làm mặt tỉnh. Những quãng thời gian cô độc kéo dài không phải là chuyện lạ gì với anh. “Anh chắc chứ,” anh hỏi tôi, trong giọng nói rõ ràng có chút hoài nghi về Seabrook.

“Anh chàng đó vô tội, Frankie à. Và lại chẳng có luật sư.”

Đồ ăn lại dọn lên, và chúng tôi cắm đầu vào bơ, si-rô, nước sốt nóng. Vụ Seabrook đã được gửi đến văn phòng chúng tôi gần ba năm rồi, và chúng tôi, toàn thể nhân sự, đã tranh luận xem có nên dính vào vụ này không. Đây là chuyện khá bất thường với chúng tôi. Chẳng ngạc nhiên gì khi Hội Vệ nhân nhận vô số thư của các phạm nhân từ khắp 50 bang nói rằng mình vô tội, nhưng thực ra, đa số là không, nên chúng tôi phải xem xét và chọn lọc cẩn thận, chỉ nhận những vụ nào xác định vô tội rõ ràng nhất. Ấy thế mà đôi khi chúng tôi vẫn mắc sai lầm.

Frankie nói, “Anh xuống đó có thể hơi nguy hiểm đấy.”

“Tôi biết. Ta đã lần lửa lâu rồi. Và trong lúc đó, anh ấy đang đếm ngược từng ngày, chịu ng ồi tù thay cho kẻ khác.”

Frankie miệng nhai bánh kếp, đầu gật rất khẽ, rõ ràng vẫn chưa hoàn toàn chấp nhận.

Tôi hỏi, “Có bao giờ ta trốn tránh một cuộc chiến cao đẹp chưa, Frankie?”

“Có lẽ lần này nên cho qua. Ngày nào anh chẳng từ chối vài vụ, phải chứ? Có lẽ vụ này nguy hiểm hơn mọi vụ khác đấy. Chúa biết anh có biết bao người để biện hộ mà.”

“Giờ anh yếu mềm rồi à?”

“Không, tôi chỉ không muốn thấy anh bị gì. Chẳng ai thấy được tôi, Cullen à. Tôi sống và làm việc trong bóng tối. Nhưng tên anh nằm trên đơn kháng cáo. Anh mà đi đi đâu tra ở một nơi kinh khủng như Seabrook thì có thể chọc giận vài nhân vật sừng sỏ đấy.”

Tôi mỉm cười, “Thế thì càng phải làm chứ sao.”

KHI CHÚNG TÔI RA KHỎI QUÁN mặt trời đã lên. Trong bãi đỗ xe, chúng tôi ôm nhau chào từ biệt. Tôi chẳng biết giờ anh sẽ đi về đâu, cái hay của Frankie là thế. Sáng nào anh ấy cũng thức dậy như một người tự do, tạ ơn Chúa vì phúc phần của mình, rỗi lên chiếc bán tải đời mới và rong ruổi dưới ánh mặt trời.

Sự tự do của anh tiếp thêm sinh lực cho tôi trên con đường này. Nếu không nhờ Hội Mục vụ Vệ nhân, hẳn Frankie đã mục ruỗng trong tù rỗi.

Chẳng có tuyến đường đi thẳng từ Opelika, Alabama, đến Savannah. Tôi rời xa lộ liên bang và bắt đầu đi qua vùng trung Georgia trên con đường hai làn xe đông đúc vì đang là buổi sáng. Tôi từng qua đây r ồi. Trong mười năm qua, tôi đã đi h ầu như mọi đường cao tốc dọc Vành đai Tử th ần, từ Bắc Carolina đến Texas. Có l ần tôi suýt nhận một vụ ở California, nhưng Vicki đã hủy nó. Tôi không thích sân bay và Hội cũng chẳng đủ ti ền để tôi bay đi bay về. Thế nên tôi bỏ khá nhi ều giờ sau vô-lăng, kèm theo đó là khá nhi ều cà phê đen và sách nói. Tôi cứ luân phiên giữa những khoảng suy nghĩ sâu lắng và những phút hăng hái qua điện thoại.

Vào một thành phố nhỏ, tôi đi ngang qua tòa án và thấy ba luật sư trẻ trong bộ vest đẹp nhất của họ đang hối hả bước vào, chắc chắn là dự một vụ quan trọng. Cách đây không lâu, hẳn tôi cũng thế.

L ần đầu tôi bỏ ngành luật là năm 30 tuổi, và vì lý do chính đáng.

BUỔI SÁNG ĐÓ bắt đầu với tin tức kinh hoàng về hai thiếu niên da trắng 16 tuổi bị cắt cổ chết. Cả hai đều bị cắt xẻo bộ phận sinh dục. Hai đứa trẻ đang đỗ xe ở một vùng quê hẻo lánh, thì bị một nhóm thiếu niên da đen xông đến cướp xe. Vài giờ sau, người ta tìm thấy chiếc xe. Trong xe, hội đó vẫn đang tám chuyện vui vẻ.

Cảnh sát bắt giữ chúng. Báo đài đưa tin r ầm rộ. Đây đúng là tin ban sáng chuẩn mực ở Memphis mà. Vụ bạo lực đêm qua được gửi đến qu ần chúng chán nản vốn luôn đau đầu một câu hỏi: “Ta còn chịu đựng được bao nhiêu nữa?” Tuy thế, thậm chí với Memphis, tin này vẫn quá sốc.

Tôi và Brooke xem tin đó trên giường khi đang nhâm nhi ly cà phê đầu ngày như thường lệ. Sau bản tin đầu tiên, tôi lẩm bẩm, “Vụ này có thể tệ lắm đây.”

“Vụ này chắc chắn tệ lắm rồi,” cô ấy chỉnh lại.

“Em hiểu ý anh mà.”

“Anh sẽ bào chữa cho một trong số chúng à?”

“Anh đang cầu nguyện đây này,” tôi nói. Đến lúc bước vào bồn tắm, tôi cứ nôn nao cả lên và nghĩ cách để khỏi phải đến văn phòng. Tôi chẳng còn thiết ăn gì, bỏ cả bữa sáng. Khi tôi chuẩn bị đi thì chuông điện thoại reo lên. Cấp trên giục tôi đến nhanh. Tôi hôn chào Brooke, “Chúc anh may mắn nhé. Sẽ là một ngày dài đây.”

Văn phòng luật sư công nằm trong Khu phức hợp Tư pháp ngay trung tâm thành phố. Lúc tám giờ, khi tôi bước vào đó, bầu không khí u ám như nhà xác. Ai cũng có vẻ thu mình trong bàn làm việc của mình và tránh nhìn mặt nhau. Vài phút sau, cấp trên gọi điện bảo chúng tôi vào phòng họp. Nhóm chuyên trọng án có bảy người, và vì đây là Memphis, nên chúng tôi có rất nhiều thân chủ phải lo. Ở tuổi 30, tôi là người trẻ nhất, và khi nhìn quanh phòng, tôi biết lần này đến lượt mình rồi.

Sếp của tôi bảo, “Có vẻ chúng có năm người, đều đang bị giam. Từ 15 đến 17 tuổi. Hai tên đã đồng ý khai. Có vẻ chúng tìm thấy hai cô cậu đó đang vui vẻ ở băng ghế sau, rồi tấn công. Bốn trong năm bị cáo là thành viên dự bị của băng Raven, và để được kết nạp, chúng phải cưỡng hiếp một cô gái da trắng, tóc vàng. Crissy Spangler có tóc vàng hoe. Tên cần đầu, Lamar Robinson, là kẻ ra lệnh. Cậu bé Will Foster bị cột vào cây và phải chứng kiến chúng thay nhau cưỡng hiếp Crissy. Khi cậu ấy không chịu im lặng, chúng cắt bộ phận sinh dục rồi cắt cổ cậu ấy. Sở Cảnh sát Memphis đang gửi ảnh đến.”

Sáu người chúng tôi đứng đó kinh hoàng và câm lặng trước thực tế rùng rợn này. Tôi bỗng liếc mắt về phía khung cửa sổ cài then. Giờ mà nhảy chúi đầu xuống công viên cũng chẳng có gì là vô lý.

Sếp nói tiếp, “Chúng lấy xe của Will, vượt đèn đỏ ở Đường Nam số 3, khôn thật. Cảnh sát chặn ba người bọn chúng lại, thấy có máu, và bắt giam.



Hai tên chịu khai, nói rõ đầu đuôi vụ việc. Chúng nói rằng những tên khác mới là kẻ thủ ác, nhưng lời khai của chúng cho thấy cả năm tên đều tham gia. Pháp y đang đến. Không cần phải nói, chúng ta dính sát rạt với vụ này rồi. Chiều nay sẽ có buổi trình diện lần đầu cho hai bị cáo, và tình hình đang rối tung. Báo giới có mặt khắp nơi, tình tiết bị rò rỉ liên tục.”

Tôi nhích lại gần cửa sổ một chút. Tôi nghe ông ấy nói, “Post, cậu nhận một tên 15 tuổi, Terrence Lattimore. Cho đến giờ, hắn chưa chịu khai gì.”

Khi phân công những người khác xong, cấp trên bảo chúng tôi, “Giờ đến phòng giam và gặp thân chủ mới của các cậu ngay. Hãy báo cho cảnh sát rằng không được thẩm vấn chúng nếu không có các cậu hiện diện. Chúng là thành viên băng đảng, và nhiều khả năng sẽ không chịu hợp tác, nhất là khi còn sớm thế này.”

Ông nói xong thì nhìn chúng tôi, những kẻ đen đui này, nhìn từng người mà nói, “Tôi xin lỗi.”

Một tiếng sau, khi tôi đang đi vào trại giam của thành phố, thì có ai đó, có lẽ là nhà báo, hét lên, “Anh biện hộ cho một trong số lũ giết người đó hả?”

Tôi vờ như không nghe thấy và bước tiếp.

Khi tôi vào phòng gặp chật hẹp, Terrence Lattimore ngồi đó, bị Còng ở cổ tay và cổ chân, xích vào một cái ghế sắt. Khi chỉ còn hai chúng tôi với nhau, tôi giải thích rằng tôi được chỉ định biện hộ cho cậu ta và cần hỏi vài câu, những câu đơn giản mở đầu thôi. Đáp lại, cậu ta chỉ trừng mắt và cười mỉa. Có lẽ cậu ta chỉ mới 15 tuổi, nhưng là đứa gai góc đã trải hết sự đời, được trui rèn trong những trận đánh nhau, theo kiểu băng đảng, ma túy và bạo lực. Cậu ta ghét tôi và tất cả những ai mang màu da trắng. Cậu ta bảo là không có địa chỉ và bảo tôi tránh xa gia đình cậu ta ra. Tiền án tiền sự của thiếu niên này gồm hai lần bị đuổi học, bốn lần bị kết tội ở tòa vị thành niên, tất cả đều liên quan đến bạo lực.

Đến trưa, tôi đã sẵn sàng nộp đơn từ chức và tìm một công việc khác. Ba năm trước, tôi chỉ gia nhập văn phòng luật sư công vì không thể xin nổi vào hãng luật nào. Và sau ba năm vất vả trong vũng lầy của hệ thống tư pháp hình sự, tôi đã nhiều lần tự vấn tại sao lúc đầu mình vào trường luật làm gì. Tôi thật sự chẳng nhớ rõ lý do đó nữa. Sự nghiệp này đẩy tôi tiếp

xúc hăng ngày với những người mà nếu ở ngoài tòa án, chẳng bao giờ tôi buồn đến gần.

Bữa trưa thì khởi nói, vì chẳng ai nuốt nổi. Năm người được chọn chúng tôi vào họp với cấp trên và xem qua ảnh chụp hiện trường cũng như báo cáo pháp y. Vừa xem xong, tôi liền nôn thốc nôn tháo.

Tôi đang làm gì với đời mình thế này? Là một luật sư hình sự, tôi đã quá chán với câu hỏi “Sao anh có thể biện hộ cho một kẻ mà ai cũng biết là có tội chứ?” Tôi luôn trả lời đúng sách vở đã học ở trường luật, “Ai cũng có quyền được biện hộ thích đáng. Quyền đó được ghi trong Hiến pháp.”

Nhưng tôi không còn tin thế nữa. Sự thật là có những tội ác quá tàn bạo và ghê tởm đến mức kẻ thủ ác phải bị xử tử, và nếu như người ta không chấp nhận án tử hình, thì hẳn cũng phải bị tù chung thân. Khi rời phòng họp kinh khiếp đó, niềm tin lâu nay của tôi bị lung lay tận gốc rễ.

Tôi rúc vào cái hốc gọi là văn phòng của mình, nơi ít nhất có cửa để khóa lại, để không phải gặp ai nữa. Từ cửa sổ nhìn xuống đường, tôi hình dung mình nhảy đi và hạ cánh nhẹ nhàng ở bãi biển đẹp đẽ nào đó, tận hưởng cuộc đời tươi sáng, chẳng phải lo gì ngoài biển xanh cát trắng và những ly cocktail mát lạnh. Kỳ lạ thay, trong những giấc mơ đó của tôi, lại chẳng có Brooke. Điện thoại bàn bỗng vang lên, lôi tôi khỏi giấc mơ êm đềm.

Mà đó không phải mơ, ảo giác thì đúng hơn. Mọi thứ đột nhiên như thước phim quay chậm, và tôi chật vật lắm mới thốt lên được hai chữ, “Alo.” Nghe tiếng thì là một nhà báo muốn hỏi vài câu về đám sát nhân. Làm như tôi sẽ tiết lộ tình tiết vụ án cho cô ta vậy. Tôi gác máy. Một tiếng trôi qua, và tôi chẳng biết mình đã làm gì trong một tiếng đó nữa. Tôi tê dại và nôn nao, chỉ muốn chạy thoát khỏi tòa nhà. Tôi nhớ mình có gọi cho Brooke, báo tin kinh khủng này.

Buổi trình diện đầu tiên vào lúc hai giờ chiều được dời địa điểm từ phòng xử án nhỏ sang một phòng lớn hơn, thế mà vẫn kín chỗ. Vì mức độ của vụ này, Memphis đã đi đầu rất nhiều cảnh sát, và hầu hết bọn họ đều dồn cả vào phòng xử án chiều nay. Họ chặn tất cả cửa vào, khám xét mọi nhà báo và người dự khán. Trong phòng xử án, cảnh sát đứng hai hàng dọc lối đi giữa và rải đều ở ba bức tường.

Một người anh em họ của Will Foster là lính cứu hỏa ở Memphis. Anh đến cùng một nhóm đồng nghiệp, và có vẻ họ sẵn sàng lao vào trả nợ máu bất kỳ lúc nào. Vài người da đen co rúm ở góc cuối phòng, cách xa gia đình các nạn nhân hết mức có thể. Nhìn đâu cũng thấy nhà báo, nhưng không ai được cầ theo máy ảnh. Các luật sư không có phận sự cũng chen chúc kiếm một chỗ với vẻ hiêu kỳ.

Tôi vào phòng xử án bằng cửa riêng, nhẹ nhàng đi qua để r ấ sống sờ trước đám đông này. Người đâu mà chặt kín cả phòng. Một bầu không khí nặng nề đặc quánh bao trùm.

Thẩm phán vào ghế và yêu cầu tất cả trật tự. Năm bị cáo được đưa vào, cả năm đều mặc đồ tù nhân màu cam, xích chung với nhau. Những người dự khán hau háu nhìn xuống. Đám họa sĩ phóng sự thì hí hoáy vẽ hình minh họa. Sau lưng năm bị cáo là một hàng cảnh sát che chắn họ khỏi đám đông. Các bị cáo đứng trước thẩm phán, ai cũng cúi gằm mặt. Từ sau những hàng ghế dự khán, một tiếng dữ dội hét lên. “Xử chúng luôn đi, khốn kiếp! Cho chúng đi luôn!” Cảnh sát li ền dẹp yên anh ta.

Một bà nọ thì hét lên trong nước mắt.

Tôi bước đến sau lưng Terrence Lattimore, đứng cùng hàng với bốn đồng nghiệp của mình. Vừa bước lên, tôi vừa nhìn những người đang ng ấ với nhau ở hai hàng ghế đầu. Rõ ràng họ là người thân thiết với các nạn nhân, và ánh mắt của họ dành cho tôi hiện rõ hai chữ căm ghét.

Thân chủ ghét tôi. Nạn nhân cũng ghét tôi. Thế thì tôi đứng trong phòng xử án này để làm gì?

Thẩm phán đập búa, “Trật tự. Đây là buổi trình diện đầu tiên, mục đích là xác định danh tính của các bị cáo và bảo đảm họ có luật sư biện hộ. Chỉ thế thôi. Giờ thì, ai là Lamar Robinson?”

Robinson ngược lên và lắp bắp nói gì đó.

“Anh bao nhiêu tuổi, anh Robinson?”

“Mười bảy.”

“Cô Julie Showalter ở văn phòng luật sư công đã được chỉ định biện hộ cho anh. Anh đã nói chuyện với cô ấy chưa?”

Đồng nghiệp Julie của tôi bước lên, đứng giữa Robinson và bị cáo bên cạnh. Vì các bị cáo bị xích lại với nhau, nên luật sư chỉ có thể tiến lại sát họ được chừng đó. Trong phòng xử án, các bị cáo luôn được tháo còng và xích, nhưng lần này thì không, và điều đó thể hiện rõ thái độ của thẩm phán về vụ này rồi.

Robinson ngoái nhìn Julie và nhún vai.

“Anh có muốn cô ấy biện hộ cho mình không, anh Robinson?”

“Cho tôi luật sư da đen được không?”

“Anh có thể thuê bất kỳ ai anh muốn. Anh có tiền để thuê luật sư riêng không?”

“Có lẽ.”

“Được, ta sẽ bàn chuyện đó sau. Giờ đến anh Terrence Lattimore.” Terrence nhìn thẩm phán như thể muốn xông lên cắt cổ cả ông ta luôn vậy.

“Anh bao nhiêu tuổi, anh Lattimore?”

“Mười lăm.”

“Anh có tiền để thuê luật sư riêng không?”

Cậu ta lắc đầu.

“Anh có muốn anh Cullen Post ở văn phòng luật sư công biện hộ cho mình không?”

Cậu ta nhún vai bất cần.

Thẩm phán nhìn tôi, “Anh Post, anh đã nói chuyện với thân chủ của mình chưa?”

Và anh Post là tôi đây chẳng thể trả lời. Tôi đã cố mở miệng, nhưng không nói được gì. Tôi lùi một bước, mắt vẫn chăm chăm về phía thẩm phán đang nhìn tôi không chớp mắt. “Anh Post?”

Phòng xử vẫn im lìm, nhưng tai tôi ong lên, một tiếng inh tai nhức óc cứ dội vào. Đầu gối nhũn, thở không ra hơi, tôi lại lùi thêm bước nữa, và quay người băng qua hàng rào cảnh sát. Tôi đi thẳng ra dãy chắn, đẩy tăm chắn, bước vào lối đi giữa khán phòng. Tôi liên tục va vào các cảnh sát đứng hai

bên lối đi, không một ai cố cản tôi lại. Hình như thẩm phán có nói, “Anh Post, anh đi đâu vậy?” Anh Post đó cũng chẳng biết.

Tôi qua cửa chính, rời phòng xử án, và đi thẳng đến phòng vệ sinh nam, vào một buồng, khóa cửa lại, rồi nôn, nôn mãi đến khi không còn gì trong bụng nữa. Nôn xong, tôi ra bồn rửa, táp nước lên mặt, sau đó hình như tôi đi xuống bằng thang cuốn, nhưng chẳng ý thức được gì về thời gian, địa điểm, âm thanh hay cử động gì hết. Tôi chẳng nhớ mình rời tòa nhà khi nào nữa.

Chẳng hiểu bằng cách nào, tôi lại đang trên xe, lái dọc đại lộ Poplar về phía Đông, cố thoát khỏi thành phố. Tôi vô thức vượt cả đèn đỏ và suýt chút nữa gây tai nạn. Tiếng bóp còi inh ỏi giận dữ văng vẳng sau lưng. Rồi tôi nhận ra mình đã để quên cặp táp ở phòng xử án, thế mà tôi cười. Không đời nào tôi lấy nó đâu, lấy làm gì.

Ông bà ngoại tôi sống ở một nông trại nhỏ cách Dyersburg, Tennessee, mười dặm. Tôi về đến đó, mà chẳng biết là lúc nào, cũng chẳng nhớ sao mình lại quyết định về quê nhà. Ông bà tôi ngạc nhiên, nhưng nhanh chóng nhận ra tôi đang gặp chuyện. Ông bà thay nhau hỏi, nhưng đáp lại chỉ là ánh mắt trống rỗng vô hồn. Họ cho tôi đi nằm và gọi Brooke.

Tối đó, xe cấp cứu đến đưa tôi đi. Brooke đi cùng tôi suốt ba tiếng đến một bệnh viện tâm thần gần Nashville. Bệnh viện ở Memphis hết chỗ, mà tôi cũng chẳng muốn về lại nơi đó. Những ngày tiếp theo, tôi bắt đầu trị liệu và dùng thuốc, kèm những buổi tư vấn dài giờ với bác sĩ tâm lý, rồi dần dần bình phục. Sau một tháng, công ty bảo hiểm thông báo rằng họ sẽ không chi trả nữa. Lúc đó, tôi cũng đã sẵn sàng để xuất viện.

Tôi chẳng muốn trở lại căn hộ ở Memphis, nên chuyển đến sống với ông bà ngoại. Suốt thời gian đó, tôi và Brooke cũng quyết định chia tay. Thật ra, trong ba năm kết hôn với nhau, từ năm thứ hai, chúng tôi đã nhận ra mình không thể sống bên nhau trọn đời và cố gắng chỉ khiến cả hai thêm đau khổ. Lúc đó, chúng tôi chẳng dám nói thẳng ra với nhau, cả hai vẫn êm đềm, hiếm khi cãi vã hay gây gổ gì. Nhưng không hiểu sao, trong những ngày tăm tối đó, chúng tôi lại tìm được can đảm để thành thực thú nhận. Trong lòng vẫn còn yêu, nhưng cuộc sống hai đứa đã xa nhau quá rồi. Mới đầu, chúng tôi đồng ý ly thân một năm để xem sao, nhưng rồi quyết định

đó cũng bị gạt đi luôn. Tôi chưa hề trách cô ấy bỏ tôi trong cơn suy sụp này. Chính tôi cũng muốn dừng như cô ấy vậy. Chúng tôi đau đớn chia tay nhau, nhưng thề vẫn sẽ làm bạn, hoặc ít nhất cố gắng để làm bạn. Thế mà cả chuyện đó cũng không thành.

Brooke vừa bước ra khỏi đời tôi, thì Chúa đến gõ cửa. Ngài đến qua cha Bennie Drake, linh mục Giáo hội Giám nhiệm ở nhà thờ Dyersburg. Cha Bennie t ần 40, ng ầu và ch ất, nói năng hóm hỉnh, h ầu như lúc nào cũng mặc qu ần jeans bạc màu kèm áo sơ-mi đen và cổ áo linh mục. Chẳng mấy chốc cha đã là điểm sáng trong những ngày tăm tối của tôi. Mới đầu cha viếng thăm tôi hàng tu ần, r ồi chẳng mấy chốc thành hằng ngày, và tôi cứ trông mong đến giờ đàm đạo cùng cha trước hiên nhà. Tôi tin tưởng cha ngay lập tức và thú nhận với cha rằng tôi chẳng còn muốn quay trở lại ngành luật. Tôi chỉ mới 30 và muốn làm một công việc giúp đỡ tha nhân. Tôi không muốn dành cả quãng đời còn lại để đi kiện tụng hoặc bào chữa cho kẻ có tội, hay phải cày cuốc trong những công ty luật đầy áp lực. Càng thân thiết với cha Bennie, tôi càng muốn giống cha hơn. Cha thấy tôi có phẩm chất và gợi ý tôi nên cân nhắc chuyện làm linh mục. Chúng tôi đã cùng nhau c ầu nguyện nhi ều giờ, chuyện trò trao đổi còn lâu hơn nữa. Dần dần, trong lòng tôi bắt đầu cảm thấy tiếng Chúa gọi.

Tám tháng sau phiên trình diện khủng khiếp đó, tôi chuyển đến Alexandria, Virginia và gia nhập chủng viện, chuyên tâm học hành suốt ba năm trời. Để trang trải, tôi làm trợ lý đi ầu tra tại một hãng luật lớn ở DC, 24 tiếng mỗi tu ần. Tôi ghét công việc này, nhưng vẫn che giấu được sự khinh bỉ đó. Và cứ thế, cứ mỗi tu ần trôi qua, cái lý do vì sao tôi bỏ nghiệp này cứ hiện ra rõ m ền một.

Đến năm 35 tuổi, tôi được phong chức và làm linh mục phụ tá tại Nhà thờ Giám nhiệm Hòa bình trên phố Drayton, hạt Savannah. Linh mục chánh xứ là Luther Hodges, cha đã phụ trách tuyên úy cho nhà tù nhi ều năm r ồi. Chú của cha đã chết trong tù, và cha quyết tâm giúp đỡ những con người bị lãng quên này. Ba tháng sau khi chuyển đến Savannah, tôi gặp Francois Tatum, một con người thật sự bị đời đẩy vào quên lãng.

Hai năm sau, đưa được Frankie ra khỏi tù là chuyện vui mừng nhất đời tôi. Tôi đã tìm được ơn gọi của mình. Và nhờ Chúa dẫn lối, tôi gặp được Vicki Gourley, một người dốc trọn vì sứ mệnh của mình.

Hội Mục vụ Vệ nhân đặt văn phòng ở một góc nhỏ trong nhà kho cũ phố Broad tại Savannah. Phần còn lại của tòa nhà, là trụ sở của công ty đóng sàn mà Vicki đã bán đi nhiều năm về trước. Bà vẫn là chủ nhà kho này, và cho các cháu thuê lại nó để làm ăn. Hầu hết tiền thuê nhà bà đầu chi cho công tác của Hội.

Khi tôi đến nơi thì đã gần trưa. Tôi chẳng trông chờ sẽ được chào đón như người hùng, và cũng chắc chắn là sẽ không có việc này. Văn phòng chúng tôi chẳng có tiếp tân, chẳng có khu vực tiếp khách, cũng chẳng có chỗ đẹp để bàn chuyện với thân chủ. Họ đầu trong tù cả. Chúng tôi chẳng có thư ký vì không đủ tiền để tuyển. Đánh máy, lưu hồ sơ, lên lịch, trả lời điện thoại, pha cà phê, đổ rác, tất tần tật mọi việc chúng tôi đầu tự làm.

Hầu như bữa trưa nào Vicki cũng ghé ăn cùng mẹ đang ở nhà an dưỡng cùng con phố. Văn phòng của bà quá ngăn nắp, giấy tờ trên bàn tờ nào ngay ngắn tờ nấy. Trên bàn nhỏ sau bàn làm việc, là ảnh Vicki và Boyd, người chồng quá cố của bà. Ông đã lập nên công ty này, và sau khi ông mất sớm bà đã tiếp quản rồi đi đầu hành nó với bàn tay sắt cho đến khi chuyển sang lập Hội Vệ nhân vì quá bức mình với hệ thống tư pháp này.

Đối diện văn phòng bà là văn phòng của Mazy Ruffin, phụ trách kiện tụng và là bộ não của Hội. Tôi cũng chẳng thấy cô ấy đâu, có lẽ đang đi chăm bọn trẻ ở đâu đó. Cô có bốn đứa con, thường đến chơi trụ sở Hội vào những buổi chiều. Và những lúc bọn trẻ huyền não như thế, Vicki chỉ nhẹ nhàng đóng cửa phòng mình để làm việc. Tôi cũng thế, trong mỗi lần hiếm hoi ngỗ làm chút việc ở đây. Bốn năm trước, khi chúng tôi tuyển Mazy, cô ấy đã ra hai đi đầu kiện miễn thương lượng. Thứ nhất là được đưa con cái đến văn phòng khi cần thiết, vì cô ấy không đủ tiền để thuê người trông

trẻ. Thứ hai là mức lương. Cô ấy cần 65.000 đô-la mỗi năm để đủ sống, không thiếu một xu. Lương của cả tôi và Vicki cộng lại cũng chưa đến mức đó, nhưng chúng tôi chẳng phải nuôi con nên không có gì phải lo chuyện lương bổng. Chúng tôi đã đồng ý với cả hai yêu cầu, và đến tận lúc này, Mazy vẫn là người được trả lương cao nhất Hội.

Mazy là người xuất sắc về thương lượng. Cô ấy lớn lên ở những khu dân cư nghèo miền Nam Atlanta, từng trải qua cảnh vô gia cư, dù cho hiếm khi cô nhắc đến thời gian đó. Nhờ thông minh xuất sắc, một giáo viên trung học đã chú ý đến cô và yêu thương giúp đỡ cô nhiều. Cô được học bổng toàn phần tại Đại học Morehouse và Trường Luật Emory, rồi ra trường với số điểm gần như tuyệt đối. Cô từ chối các hãng luật lớn và thay vào đó làm luật sư cho người cùng màu da với mình ở Quỹ Biện hộ Pháp lý NAACP. Sự nghiệp của cô xuống dốc khi hôn nhân đổ vỡ. Sau đó, khi chúng tôi đang cố tìm thêm một luật sư cho Hội, một người bạn đã giới thiệu cô.

Tầng trệt là lãnh địa của hai nữ chủ. Mỗi lần đến đây, tôi đều ở tầng hai, trong căn phòng bé xíu mà tôi xem là văn phòng. Đối diện phòng tôi là phòng họp, dù chúng tôi chẳng mấy khi vào đó. Thường thì chúng tôi chỉ dùng nó mỗi khi cần lấy lời chứng hoặc gặp gỡ thân chủ và gia đình.

Tôi vào phòng họp, mở đèn lên. Ở giữa phòng là chiếc bàn oval dài mà tôi mua ở chợ trời với chỉ 100 đô-la. Quanh bàn có mười chiếc ghế đủ chủng loại mà chúng tôi gom góp qua nhiều năm. Dù thiếu phong cách và thẩm mỹ, nhưng phòng này lại vô cùng chất. Trên Bức tường Danh vọng, theo cách gọi tự hào của chúng tôi, là tám bức chân dung của những người được giải oan, tất nhiên người ở đầu hàng là Frankie. Những gương mặt hân hoan của họ chính là linh hồn và tâm điểm của Hội. Họ thúc đẩy chúng tôi xông lên, đấu tranh với bộ máy pháp lý, đấu tranh giành tự do và công lý.

Chỉ mới có tám người, còn hàng ngàn người nữa đang chờ. Công việc của chúng tôi là vô tận, và dù đó là một sự thật có lẽ gây nản lòng, nhưng thực sự, cũng là thứ truyền động lực vô cùng.

Trên bức tường khác là năm tấm ảnh nhỏ của những thân chủ hiện thời, tất cả đều trong bộ áo tù. Duke Russell ở Alabama. Shasta Briley ở Bắc



Carolina. Billy Rayburn ở Tennessee. Curtis Wallace ở Mississippi. Little Jimmy Flagler ở Georgia. Ba người da đen, hai người da trắng, một người là phụ nữ. Màu da và giới tính chẳng thành vấn đề. Quanh phòng là bộ sưu tập những trang báo đóng khung ghi lại những khoảnh khắc rực rỡ lúc chúng tôi đi cùng các thân chủ vô tội ra khỏi nhà tù. Hầu như tấm nào cũng có tôi, đi cùng các luật sư đã hỗ trợ trong những vụ đó. Vài tấm có Mazy và Vicki. Nhưng trên những tấm ảnh, nụ cười của ai cũng hết như nhau.

Tôi leo cầu thang lên căn penthouse của mình. Vicky đã cho tôi ở miễn phí trong căn hộ ba phòng tại tầng trên cùng. Tôi không mô tả đồ đạc ở đó đâu. Có thể nói, trong đời tôi hiện giờ chỉ có hai người phụ nữ, là Mazy và Vicki, và họ chẳng hề lên đây làm gì. Mỗi tháng tôi về đây mười hôm, và rõ ràng là chẳng muốn bỏ thời gian để dọn dẹp gì mấy. Thật sự là nếu tôi có ở đây thường xuyên thì nó cũng chỉ bừa bộn thêm chứ chẳng thể nào khác hơn nổi.

Tôi vào phòng tắm, rồi lăn ra giường.

SAU HAI TIẾNG NGỦ NHƯ CHẾT, tôi tỉnh giấc vì tiếng ồn dưới lầu. Tôi mặc vội áo quần và lao xuống. Mazy chào tôi với nụ cười hết cỡ và cái ôm chặt cứng. “Chúc mừng anh, chúc mừng, chúc mừng.”

“Suýt thì hỏng hết ấy, rất sát sao. Khi họ gọi đến thì Duke đang ăn món bít-tết rồi.”

“Anh ấy có ăn xong không?”

“Dĩ nhiên là xong chứ.”

Bé Daniel, cậu con trai bốn tuổi của Mazy, chạy đến ôm chầm tôi. Nó chẳng biết tối qua tôi ở đâu hay đã làm gì, lúc nào nó cũng sẵn sàng ôm lấy tôi. Vicki nghe thấy tiếng chuyện trò và cũng chạy đến. Thế là tôi lại được ôm, được chúc mừng.

Lần thất bại trong điệp vụ giải cứu Albert Hoover ở Bắc Carolina, chúng tôi đã khóc cùng nhau trong văn phòng của Vicki. Lần này tuyệt hơn nhiều.

“Tôi có pha cà phê đây,” Vicki nói.

Văn phòng bà rộng hơn của Mazy, và không để đầy đồ chơi hay những cái bàn xếp với sách tô màu, nên chúng tôi qua đó để họp nhanh một chút. Vì tối qua tôi đã gọi điện cho cả hai suốt giờ sinh tử căng thẳng, nên họ nắm gần hết chi tiết rồi. Tôi kể lại cuộc gặp với Frankie, rồi cả ba cùng bàn bước tiếp theo trong vụ của Duke. Giờ tôi mới nhận ra là hiện giờ không có vụ gì gấp gáp, không có ai bị lên lịch hành hình, không có thời khắc chỉ mảnh treo chuông nào cả, thật nhẹ nhõm, quá nhẹ nhõm. Các tử tù đầu chờ đợi nhiều năm, mọi chuyện diễn ra rất chậm, cho đến khi người ta lên lịch ấn định ngày tai ác ấy. Rồi tất cả bỗng rồi ren cả lên, chúng tôi phải chạy đua với thời gian, và một khi có được lệnh hoãn thi hành án rồi, chúng tôi biết là phải vài tháng, hoặc thậm chí vài năm, cơn hoảng loạn đó mới xảy đến lần nữa. Nhưng không thể nào thư giãn hoàn toàn, vì thân chủ của chúng tôi vô tội và đang đấu tranh để sống sót trong cơn ác mộng tù tội.

Chúng tôi bàn thảo về bốn vụ kia, không vụ nào phải gấp gáp đến điên cuồng vì có ngày hành hình.

Tôi mở lời nói về vấn đề khó nói nhất của Hội, “Vicki à, ngân sách thế nào rồi?”

Bà mỉm cười, như lúc nào cũng thế, “Ồ, ta phá sản rồi.”

Mazy nói, “Tôi phải gọi một cuộc.” cô đứng lên, hôn nhẹ lên trán tôi, “Giỏi lắm, Post,” rồi về văn phòng mình.

Cô thường không muốn bàn đến chuyện ngân sách, tôi và Vicki cũng không muốn cô phải nhọc lòng vì chuyện đó.

Vicki quay sang tôi, “Tổ chức Cayhill vừa gửi tặng chi phiếu 50.000, vậy là ta có khoản để chi dùng trong vài tháng tới.” Công việc của Hội cần đến nửa triệu đô-la một năm, và chúng tôi xoay sở ra con số đó bằng cách tìm đến, thật sự là đi năn nỉ nài van, các tổ chức phi lợi nhuận nhỏ và một vài cá nhân hảo tâm. Nếu ham gây quỹ, tôi có thể dành đến nửa thời gian trong ngày để gọi điện, viết thư và nói những bài mủi lòng. Số tiền chúng tôi gây quỹ được có tương quan với số người vô tội chúng tôi có thể giải oan, nhưng tôi chẳng có thời gian lẫn hứng thú với việc đi xin. Từ lâu, tôi và Vicki đã quyết định rằng chúng tôi sẽ tránh nỗi phiền não vì chi phí cho

nhân sự đồng người và áp lực gây quỹ triền miên. Chúng tôi muốn tổ chức gọn nhẹ, và đến giờ vẫn thế.

Để giải oan một vụ phải mất nhiều năm ròng và tiêu tốn ít nhất 200.000 đô. Lại lòng là, mỗi khi cần thêm tiền, chẳng hiểu sao chúng tôi đều có người giúp.

“Ta sẽ ổn cả thôi,” bà nói câu cửa miệng của mình. “Tôi đang xin thêm trợ cấp và cố thuyết phục vài nhà hảo tâm. Ta sẽ trụ được. Lúc nào chẳng thế.”

“Mai tôi sẽ gọi vài cuộc,” tôi hứa. Dù là chuyện tôi không ưa, nhưng vẫn buộc mình phải dành vài giờ mỗi tuần để gọi cho các luật sư có cảm tình với chúng tôi để xin tiền. Tôi cũng có một cơ sở nhà thờ để xin hỗ trợ. Chúng tôi không hẳn là hội mục vụ tôn giáo, nhưng tự nhận là thế cũng đâu ảnh hưởng gì đến tiêu chí của Hội.

Vicki hỏi, “Có vẻ anh định đến Seabrook.”

“Phải. Tôi đã quyết định rồi. Ta đã lưỡng lự ba năm rồi, và tôi cũng chán bàn lùi bàn tới vụ này. Chúng ta tin chắc rằng anh ấy vô tội. Anh ấy đã ngồi tù 25 năm mà chẳng có luật sư nào hỗ trợ. Chẳng ai chịu nhận vụ của anh ấy, và tôi muốn chúng ta là người đầu tiên.”

“Mazy và tôi ủng hộ anh.”

“Cảm ơn bà.” Sự thật là, về việc chọn theo hoặc bỏ vụ nào, tôi mới là người quyết định. Chúng tôi đánh giá các vụ án trong một thời gian dài, tìm hiểu cặn kẽ các thông tin dữ kiện hết sức có thể, và nếu một trong ba người kiên quyết phản đối, chúng tôi sẽ không nhận vụ đó. Vụ ở Seabrook đã đau đầu trong lòng chúng tôi suốt một thời gian dài, chủ yếu là bởi chúng tôi chắc chắn rằng anh ấy đã bị gài tội.

Vicki nói, “Tối nay, tôi sẽ nướng thịt gà Cornwall.”

“Sướng quá. Tôi đang chờ được mời đây,” Bà sống một mình và lại mê nấu ăn, mỗi lần tôi về đây, chúng tôi thường quy tụ ở căn nhà trệt ấm cúng của bà cách đây bốn khối nhà để ăn một bữa thật lâu. Bà thì lo cho sức khỏe và thói quen ăn uống lộn xộn của tôi. Mazy thì lo cho chuyện tình yêu của tôi, một thứ vốn không tồn tại và cũng chẳng làm tôi bận lòng.

Thị trấn Seabrook nằm ở vùng sông lạch thôn quê Bắc Florida, xa khỏi những khu vực phát triển và các cộng đồng hưu trí. Cách đó hai tiếng chạy xe về phía Nam là Tampa, Gainesville thì cách một tiếng chạy xe về phía Tây. Dù Vịnh chỉ cách đó 45 phút chạy xe, đường thì hai làn, nhưng các nhà phát triển đô thị của bang chẳng hề để tâm tu sửa con đường dọc biển này. Với dân số 11.000 người, Seabrook là thủ phủ của Hạt Ruiz, trung tâm của hầu hết hoạt động thương mại trong khu vực bị bỏ rơi này. Dân số đây ngày càng suy giảm, nhưng có gỡ gạc lại được đôi chút nhờ vài người ở tuổi nghỉ hưu tận dụng lợi thế sinh hoạt giá rẻ khi ở trong những bãi nhà xe di động. Con phố chính vẫn mãi trong tình trạng dang dở với vài tòa nhà trống không, và ở rìa thị trấn, khá nhiều ngôi nhà lớn đang treo biển bán tháo. Tòa nhà tòa án theo phong cách Tây Ban Nha ở đây vẫn còn đẹp và khá bận rộn, với hơn hai chục luật sư lo xử lý công chuyện pháp lý của hạt.

Hai mươi hai năm trước, một luật sư bị giết trong văn phòng mình, và vài tháng sau, lần đầu tiên và duy nhất, Seabrook được người khắp cả nước biết đến. Nạn nhân là luật sư Keith Russo, bị giết năm 37 tuổi. Thi thể được tìm thấy trên sàn, sau bàn làm việc, máu tung tóe khắp nơi. Anh bị bắn hai phát vào đầu bằng một khẩu shotgun cỡ đạn 12 và khuôn mặt gần như không còn lại gì. Ảnh chụp hiện trường quá khủng khiếp, thậm chí là tởm lợm, ít nhất là với vài b ả thẩm. Tối ngày định mệnh vào tháng 12 đó, anh làm việc muộn trong văn phòng mình. Không lâu trước thời điểm anh chết, điện trong văn phòng anh đã bị cắt.

Keith làm nghề luật ở Seabrook đã 11 năm, cùng người cộng sự cũng là vợ anh, Diana Russo. Hai người không có con. Thời gian đầu mới lập công ty, họ chăm chỉ miệt mài hỗ trợ pháp lý cho đủ mọi mục đích thông thường, nhưng rồi cả hai muốn lên t ầm và thoát khỏi cảnh chán chường của những

lần lo viết di chúc và đệ đơn ly dị. Họ mong mỗi trở thành luật sư biện hộ tại tòa và tận dụng hệ thống luật dân sự sinh nhiều lợi ích của bang. Tuy nhiên, ở lần đó, cạnh tranh rất khốc liệt và hai người phải giành giệt mới có những vụ béo bở.

Thời điểm người chồng bị giết, Diana đang ở tiệm làm tóc. Ba tiếng sau, cô mới phát hiện ra thi thể chồng khi đi tìm anh vì không thấy anh về nhà, gọi điện cũng chẳng nghe máy. Sau tang lễ, cô trốn đời và than khóc chồng mình hàng tháng trời. Cô đóng cửa văn phòng, bán tòa nhà, và cuối cùng bán luôn căn nhà đang ở rồi dọn về quê Sarasota. Trong tay cô lúc đó có hai triệu đô-la tiền bảo hiểm nhân thọ và còn thừa kế phần của Keith trong tài sản chung của cả hai. Các nhà điều tra có nhắc đến chuyện chính sách bảo hiểm, nhưng không lần theo hướng đó. Ngay từ khi mới kết hôn, cả hai đã rất tin tưởng vào uy tín của bảo hiểm nhân thọ. Bản thân cô cũng có hợp đồng bảo hiểm rất cao.

Ban đầu, cảnh sát không xác định được nghi phạm nào, cho đến khi Diana nhắc đến Quincy Miller, một thân chủ cũ của hai vợ chồng, và còn là một thân chủ cực kỳ khó chịu. Bốn năm trước ngày xảy ra vụ án, Keith đã xử lý vụ ly hôn cho Quincy, và anh không mấy hài lòng với kết quả vụ này. Thẩm phán quyết định mức chu cấp và nuôi con quá nhiều so với năng lực tài chính của anh, và dần khiến anh khốn đốn. Khi Quincy không thể trả thêm phí luật sư để kháng cáo, Keith từ bỏ vụ này, không biện hộ cho Quincy nữa, rồi hạn chót kháng cáo trôi qua. Quincy kiếm cũng khá nhờ làm tài xế xe tải cho một công ty trong vùng, nhưng anh bị mất việc vì vợ cũ đòi trát tòa tịch thu tiền lương của anh để thực hiện bốn phần chu cấp. Khi không còn tiền để chi trả, anh đệ đơn phá sản và đi khỏi vùng đó. Rồi anh bị bắt và đưa về Seabrook để giam giữ vì tội không chi trả theo giao ước, và phải ở đó ba tháng trước khi thẩm phán tha về. Anh lại bỏ đi, rồi bị bắt vì tội bán ma túy ở Tampa, ngồi tù một năm, rồi được ân xá.

Chẳng mấy ngạc nhiên khi người ta trút hết tội trạng vụ Keith Russo lên đầu anh. Hầu hết luật sư trong vùng đều ngầm công nhận rằng Keith đáng ra phải tích cực hơn trong vụ của Quincy. Keith ghét lo các vụ ly hôn và xem nó là thứ hạ giá đối với một luật sư biện hộ lừng lẫy. Theo Diana, Quincy có ghé văn phòng ít nhất hai lần, đe dọa nhân viên và đòi gặp luật sư cũ của mình. Không có ai gọi báo cảnh sát về chuyện này, ít nhất theo

tường trình của cảnh sát là vậy. Diana còn nói rằng Quincy đã gọi đến nhà họ đe dọa, nhưng họ thấy không đáng lo nên không cần đổi số điện thoại làm gì.

Người ta còn tìm được hung khí. Quincy thì là chưa hề sở hữu súng, nhưng vợ cũ của anh ấy lại khai với cảnh sát rằng chồng mình từng có một khẩu. Hai tuần sau vụ giết người, cảnh sát tìm ra một manh mối lớn, khi dùng lệnh lục soát để thu giữ xe của Quincy. Trong thùng xe, họ tìm thấy một cây đèn pin với vài vết nhỏ chất gì đó dính trên mặt kính. Họ cho rằng đó là máu. Quincy một mực nói rằng mình chưa hề thấy cây đèn pin này, nhưng vợ cũ lại bảo cô tin chắc đây là đèn của anh.

Giả thuyết nhanh chóng được xác nhận, và vụ án được phá. Cảnh sát tin rằng Quincy đã cẩn thận lên kế hoạch vụ tấn công và chờ cho đến khi Keith làm việc muộn một mình trong văn phòng, cắt điện từ cầu dao sau văn phòng, lên qua cửa sau không đóng, rồi vì đã nhiều lần vào văn phòng này, nên Quincy biết rõ phải tìm Keith đâu. Dùng cây đèn pin trong bóng tối vì cúp điện, Quincy xông vào văn phòng của Keith, bắn hai phát rồi bỏ chạy. Với lượng máu tung tóe ở hiện trường, quá hợp lý khi cho rằng máu đã bắn vào một vài vật dụng.

Cảnh sát còn tìm được một con nghiện tên Carrie Holland khai rằng, khi đứng cách đó hai khối nhà trong một con hẻm, đã thấy một người da đen chạy ra khỏi khu vực này. Cô còn nói hình như người này cần một khúc gì đó, dù không chắc chắn lắm. Quincy là người da đen. Ở Seabrook này, 80% là dân da trắng, 10% là da đen, còn lại là dân gốc Trung Mỹ. Carrie không thể nhận diện được Quincy, nhưng thì là anh cùng chiều cao với người cô đã thấy.

Luật sư do tòa chỉ định cho Quincy đã thành công trong việc yêu cầu đổi tòa, thế là vụ này được xử ở tòa của hạt kế bên. Chỗ đó có 83% là dân da trắng. Trong bồi thẩm đoàn, chỉ có một người da đen.

Căn cứ kết tội đầu xoay quanh cây đèn pin tìm được trong xe của Quincy. Một chuyên gia phân tích vết máu từ Denver đã làm chứng rằng dựa theo vị trí của thi thể và đường đạn giả định, cộng với chiều cao của nạn nhân và hung thủ, cũng như khối lượng máu dính trên tường, kệ sách và bàn nhỏ, ông ta tin chắc rằng cây đèn pin này có hiện diện vào thời điểm

nổ súng. Những vết bí ẩn trên mặt đèn pin được mô tả là *vết đen*, Chúng quá nhỏ, không thể xét nghiệm được, nên không có gì chứng minh đó là máu của Keith. Dù vậy, tay chuyên gia đó vẫn kiên quyết bảo tòa rằng chúng chắc chắn là máu. Quá đáng hơn nữa, tay chuyên gia này dù thừa nhận mình chưa hề thực sự nhìn thấy cây đèn pin, nhưng đã kiểm tra nó *cực kỳ kỹ lưỡng*, qua các tấm ảnh được đi đầu tra viên gửi cho. Cây đèn pin này đã biến mất chỉ vài tháng sau khi bắt đầu phiên tòa.

Diana thì làm chứng chắc chắn rằng chính mình biết rõ và rất kinh hãi thân chủ cũ này. Keith đã nhiều lần tâm sự với cô rằng anh sợ Quincy, thậm chí nhiều lúc còn cặm theo súng để phòng thân.

Carrie Holland cũng lên làm chứng, nói đủ thứ chuyện, không chuyện gì xác định rõ thủ phạm là Quincy. Cô bác bỏ chuyện bị bên công tố ép buộc cô ra làm chứng để đổi lấy khoan hồng với tội trạng về ma túy.

Trong thời gian chờ ra tòa, Quincy bị chuyển sang nhà tù ở Gainesville. Không ai giải thích gì về lý do chuyển này. Anh đó một tuần rồi bị chuyển về Seabrook. Tuy nhiên, trong thời gian ở Gainesville, Quincy bị cho ở cùng buồng với một tay chỉ điểm trong tù tên là Zeke Huffey, và về sau gã làm chứng trước tòa rằng Quincy đã khoe khoang về vụ giết người và lấy làm tự hào. Huffey biết rõ chi tiết vụ giết người, kể cả số phát súng và cỡ đạn. Để thêm thắt cho lời khai, gã còn nói với bồi thẩm đoàn rằng hôm sau ngày gây án, Quincy đã lái xe ra bờ biển và ném súng xuống vịnh. Lúc đối chất, Huffey bác bỏ giả thuyết rằng gã đã thỏa thuận với bên công tố để được khoan hồng.

Đi đầu tra viên của cảnh sát bang làm chứng rằng không tìm thấy dấu vân tay của Quincy ở hiện trường hay trên cùi dao ở sau văn phòng, nhưng lại được phép ước đoán rằng *có lẽ hung thủ mang găng tay*.

Khi nhân viên pháp y lên làm chứng, đã trưng ra những tấm ảnh màu chụp hiện trường vụ án. Luật sư biện hộ phản đối kịch liệt, nói rằng những tấm ảnh này tạo định kiến, thậm chí là kích động thù hận, thế nhưng thẩm phán đã bác bỏ lời phản đối. Một vài bồi thẩm có vẻ đã sốc trước những hình ảnh chân thực với xác của Keith ngập trong máu, khuôn mặt nát bét không còn gì. Nguyên nhân tử vong quá rõ ràng.

Vì tiền án tiền sự và các vấn đề pháp luật của mình, Quincy không được lên bục để làm chứng. Luật sư của anh là Tyler Townsend, lúc đó chưa được 30 tuổi, mới vào nghề, và do tòa chỉ định. Kinh nghiệm non trẻ chưa hề biện hộ vụ trọng tội nào thường đã là vấn đề rồi, nhưng trong vụ Quincy thì không. Townsend biện hộ rất ngoan cường. Anh công kích mọi nhân chứng và chứng cứ mà bên công tố đưa ra. Anh thách thức các chuyên gia và đặt nghi vấn về kết luận của họ, chỉ ra những sai sót trong giả thuyết của họ, giễu cợt sở cảnh sát vì để mất chiếc đèn pin, vật chứng quan trọng nhất trong vụ này. Anh vẫy những tấm ảnh màu chụp chiếc đèn pin trước mặt bồi thẩm đoàn, bảo họ nghĩ xem liệu những vết trên mặt kính có phải là máu hay không. Anh khinh bỉ Carrie Holland và Zeke Huffey, gọi họ là lũ dối trá. Anh còn cho rằng Diana không phải là góa phụ vô tội và đã khiến cô bật khóc trong phiên đối chất, vốn cũng chẳng phải việc khó khăn gì lắm. Anh liên tục bị thẩm phán cảnh cáo, nhưng vẫn không chút nao núng. Anh biện hộ quá nhiệt tâm đến nỗi một vài thành viên bồi thẩm đoàn không thêm giấu sự khinh bỉ trên vẻ mặt. Phiên tòa trở thành cuộc cãi vã khi Tyler hạch tội công tố viên, bất kính với thẩm phán, và lớn giọng quát nạt nhân chứng của bên công tố.

Bị cáo đã đưa ra một chứng cứ ngoại phạm. Theo một phụ nữ tên Valerie Cooper, Quincy đã ở với cô ấy vào thời điểm xảy ra án mạng. Cô là bà mẹ đơn thân sống ở Hernando, cách Seabrook một tiếng đi xe về phía Nam. Cô gặp Quincy ở một quán bar và hai người cứ hợp rồi tan. Cô khẳng định chắc chắn rằng Quincy đã ở với cô, nhưng khi lên bục nhân chứng, cô bị uy hiếp và không còn khả tín. Đến khi công tố viên đưa ra cáo buộc về tội ma túy thì cô sụp đổ hoàn toàn.

Trong bài diễn văn kết thúc đầy danh thép, Tyler Townsend đã dùng hai đạo cụ là một khẩu shotgun và một cây đèn pin, rồi lập luận rằng gần như không thể nào bắn hại phát súng vào mục tiêu khi tay đang cầm cả hai thứ. Các bồi thẩm có vẻ hiểu được vấn đề này, vì họ hầu hết là dân thôn quê, nhưng nỗ lực này của anh chẳng thay đổi được gì. Tyler đã giàn giụa nước mắt khi nài xin một phán quyết vô tội.

Nhưng kết quả không như thế. Bồi thẩm đoàn chỉ cần chốc lát hội ý là đã đủ để tuyên bố Quincy có tội giết người. Nhưng bản án thì phức tạp hơn, và bồi thẩm đoàn tỏ ra chần chừ. Cuối cùng, sau hai ngày bàn luận



căng thẳng kịch liệt, người da đen duy nhất trong bồi thẩm đoàn cương quyết mức án chung thân miễn ân xá. Mười một người da trắng còn lại thì thất vọng vì không thể ra án tử.

Quincy tiếp tục đệ đơn kháng án, và tòa ở cấp nào cũng đều giữ nguyên phán quyết cũ. Suốt 22 năm, anh luôn khẳng định mình vô tội, nhưng chẳng ai chịu nghe.

Luật sư trẻ Tyler Townsend suy sụp trước thất bại này và không bao giờ vực dậy được. Cả thị trấn Seabrook quay lưng lại với anh, và nghề luật sư anh mới chập chững bước vào giờ cũng đã cùng đường. Không lâu sau khi các đơn kháng cáo bị bác, anh chấp nhận bỏ cuộc và chuyển đến Jacksonville, làm luật sư công bán thời gian để kiếm tiền trang trải trong lúc chờ chuyển nghề khác.

Frankie đã tìm ra anh đang ở Fort Lauderdale, sống êm đềm với gia đình, làm ăn phát đạt nhờ một trung tâm mua sắm hợp tác cùng cha vợ. Chúng tôi biết là phải thật thận trọng và khéo léo khi hỏi chuyện anh.

Diana Russo không hề trở lại Seabrook, và theo chúng tôi biết, cũng không hề tái hôn. Nhưng chuyện đó vẫn còn cần kiểm chứng. Năm ngoái, nhờ một công ty an ninh tư nhân mà chúng tôi đã vài lần cộng tác, Vicki đã tìm ra cô đang sống ở đảo Martinique. Để mấy tay thám tử đó đi đầu tra kỹ hơn và cung cấp thêm thông tin, có lẽ phải tốn thêm cả mớ tiền nữa. Nhưng hiện giờ, tiền là cái chúng tôi đang thiếu. Và gặp trực tiếp để cố nói chuyện với cô ấy có lẽ cũng chỉ phí thời gian mà thôi.

Mục đích của chúng tôi là giải oan cho Quincy Miller, còn chuyện tìm kẻ sát nhân thực sự chỉ là ưu tiên phụ. Và để đạt được mục đích chính, chúng tôi phải lật lại được phán quyết của Bang. Việc phá án không phải của tôi, đó là phận sự của người khác, nhưng suốt 22 năm qua, tôi có thể nói chắc rằng chưa một ai chịu làm việc này. Ai cũng coi như vụ này đã xong, bang Florida đã ra phán quyết. Nhưng phán quyết đó không phải là sự thật.

Tám năm qua Quincy ở Cơ sở Cải huấn Garvin, gần thị trấn nông thôn Peckham, cách Orlando tám tiếng lái xe về phía Bắc. Cách đây bốn tháng tôi đã đến đây lần đầu tiên, với danh nghĩa một linh mục làm việc mục vụ. Hồi đó, tôi mặc áo sơ-mi đen có cổ áo linh mục. Khi khoác lấy thân phận linh mục tôi được tôn trọng hơn nhiều so với lúc làm luật sư, ít ra là ở các nhà tù.

Hôm nay tôi lại đeo cổ áo linh mục, chỉ để cho họ một vết đau. Vicki đã lo xong giấy tờ, và tôi chính thức là luật sư của Quincy. Viên quản giáo ở bàn tiếp tân hết nhìn giấy tờ lại nhìn lên cổ áo linh mục của tôi, có lẽ vô cùng thắc mắc nhưng quá rối không dám hỏi. Tôi nộp điện thoại, đi qua máy quét an ninh, rồi chờ một tiếng trong phòng đợi, lần giờ mấy tạp chí lá cải và tự vẫn không biết thế giới này sẽ đi về đâu. Cuối cùng, cũng có một quản giáo đến dẫn tôi ra khỏi tòa nhà chờ, đi dọc theo một lối hẹp với hai bên là hàng rào kẽm gai. Tôi đã vào nội vi nhiều nhà tù rồi, và không còn thấy sốc vì cảnh khắc nghiệt ở những nơi này nữa. Không hiểu sao, chúng đều giống hệt nhau, với những khối nhà bê tông không cửa sổ, sân chơi đầy những con người trong bộ đồ giống hệt nhau đang cố giết thời gian, các quản giáo thì lộ rõ vẻ khinh miệt vì tôi là kẻ xâm phạm nơi này để giúp đỡ cho những kẻ mặt hạng. Chúng tôi đi vào một tòa nhà khác, rồi vào một căn phòng dài với dãy buồng nhỏ. Quản giáo mở cửa một buồng mời tôi vào.

Quincy đã ngồi chờ ở đó, phía sau một tấm mica dày. Cánh cửa buồng khép lại để chúng tôi lại một mình. Như để cản trở giao tiếp hết sức có thể, tấm mica không hề có lỗ để truyền âm, và chúng tôi buộc phải nói chuyện bằng cái điện thoại cổ lỗ sĩ không biết có từ đời thuở nào. Nếu muốn

chuyển giấy tờ cho thân chủ, tôi buộc phải gọi một quản giáo để anh ta xem xét trước rồi mới đi vòng qua bên kia giao.

Quincy cười và đấm nhẹ tay lên tấm mica. Tôi cũng chào lại như thế, đây là kiểu bắt tay chính thức ở chỗ như thế này. Giờ anh đã 51 tuổi, nhưng nếu không nhìn mái tóc muối tiêu, có lẽ người ta chỉ nghĩ anh mới 40. Ngày nào anh cũng tập tạ, tập karate, cố tránh những món hại cơ thể mà nhà tù dọn cho, giữ thân hình gọn gàng và tập thiêu. Anh cầm điện thoại lên, “Anh Post, trước hết, tôi muốn cảm ơn anh đã nhận vụ của tôi.” Mắt anh rướm rướm, nhưng rồi anh kìm được.

Ít nhất suốt 15 năm qua, Quincy chẳng có luật sư cũng chẳng có ai đại diện pháp lý cho mình, không một ai trong thế giới tự do này cố gắng chứng minh anh vô tội, Từ kinh nghiệm bao lâu nay, tôi biết rằng chuyện đó đè nặng lòng người ta đến mức không thể nào chịu nổi. Một bộ máy hủ hoai đã giam cầm anh, và không một ai đấu tranh chống lại bộ máy đó. Là một người vô tội ngồi tù, lòng anh đã quá nặng trĩu rồi, và khi không có tiếng nói, anh càng cảm thấy thật sự bất lực.

Tôi đáp lời, “Có gì đâu mà. Tôi vinh dự được ở đây. Hầu hết thân chủ đều chỉ gọi tên tôi, không cần trình trọng làm gì?”

Anh lại mỉm cười. “Được. Thế thì cũng vậy với tôi nhé.”

“Giấy tờ đã xong xuôi cả, và giờ tôi chính thức biện hộ cho anh. Anh có thắc mắc gì không?”

“Có, tôi thấy anh giống nhà truyền giáo hay gì đó. Sao anh lại đeo cổ áo đó vậy?”

“Vì tôi là linh mục ở Giáo hội Giám nhiệm, và cổ áo này thường giúp tôi được tôn trọng hơn, hầu như là thế.”

“Chỗ chúng tôi cũng có một nhà truyền giáo hay đeo cổ áo này. Tôi thật chẳng hiểu vì sao.”

Hồi nhỏ, Quincy có theo Giáo hội Giám lý Phi châu, và đúng là hàng giáo sĩ của họ có đeo cổ áo này. Đến tuổi thiếu niên, anh đã bỏ đạo. Năm 18 tuổi, anh cưới bạn gái vì cô có thai, nhưng hôn nhân của họ chẳng vững bền. Họ có thêm hai người con nữa. Tôi biết tên tuổi, địa chỉ, chỗ làm việc của họ, và cũng biết là từ sau phiên tòa họ không nói chuyện với anh nữa.

Vợ cũ thì làm chứng chống lại anh. Chỉ có người em trai độc nhất của anh, Marvis, một vị thánh thực sự, vẫn đến thăm anh mình hàng tháng, thỉnh thoảng lại gửi cho anh chút tiền.

Quincy còn sống đã là quá may mắn. B ố thẩm da đen duy nhất đó đã cứu mạng anh. Không nhờ vậy, anh đã vào phòng hành hình trong cái thời Florida hăng hái thi hành tử hình r ồi.

Như lâu nay vẫn vậy, tập hồ sơ của Hội Vệ nhân về vụ của Quincy dày hết cỡ, và chúng tôi biết tường tận về anh hết sức có thể.

“Vậy giờ ta sẽ làm thế nào, Post?” anh hỏi, nhoen cười.

“Ồ, nhiều việc lắm. Bắt đầu từ hiện trường vụ án và tiến hành đi điều tra lại tất cả.”

“Vụ việc đã từ lâu lắm rồi.”

“Phải, nhưng Keith Russo vẫn là người chết, và những người làm chứng chống lại anh vẫn còn sống. Chúng tôi sẽ tìm họ, cố lấy lòng tin của họ và xem thử giờ nói thế nào?”

“Tên chỉ điểm đó thì sao?”

“Tôi cũng thấy ngạc nhiên khi gã ta chưa chết vì chơi thuốc. Huffey đã vào tù thêm lần nữa, lần này là ở Arkansas. Ở tuổi 40, gã đã ng ồi tù 19 năm, tất cả đều do ma túy. Tôi sẽ đi gặp gã.”

“Không có chuyện Huffey nhận là đã nói láo đâu, anh cũng nghĩ thế nhỉ?”

“Có lẽ. Đám chỉ điểm khó đoán lắm. Dân chỉ điểm chuyên nghiệp xem nhẹ những lời chứng dối của mình. Ngoài anh ra, gã còn chỉ điểm ít nhất năm vụ khác, tất cả đều để kiếm thỏa thuận ngon lành với cảnh sát. Cứ khẳng khẳng bảo vệ lời đã khai với b ố thẩm đoàn đâu ích lợi gì cho gã.”

“Tôi không bao giờ quên cái lúc chúng đưa gã ta vào, tinh tươm sạch sẽ, sơ-mi trắng cà vạt. Lúc đầu tôi không nhận ra Huffey. Tôi chỉ ở chung buồng với gã mấy tuần, lại từ mấy tháng trước rồi. Và khi gã bắt đầu tuôn ra những lời thú tội bịa đặt, tôi chỉ muốn hét vào mặt tên này. Rõ ràng, cảnh sát đã mớm rất nhiều thông tin vụ án cho gã, từ chuyện cắt điện, đến cái đèn pin, đủ thứ. Nghe gã nói, tôi biết ngay mình đã bị gài. Tôi nhìn các b ố

thầm và thấy rõ là họ tin sái cổ. Tin hết, không chừa lời nào. Và anh biết sao không, Post? Tôi nghĩ đó nghe Huffey nói mà lòng cay lăm. ‘Khốn nạn, gã chỉ điểm này đã thề nói sự thật. Và đáng ra thẩm phán phải bảo đảm mọi nhân chứng đều nói thật. Công tố viên biết thừa nhân chứng của mình nói dối, biết gã ta đang thỏa thuận với cảnh sát để cứu thân mình. Ai cũng biết cả, trừ đám đầu đất trong buổi thẩm đoàn.’”

“Tôi rất buồn khi phải thừa nhận với anh, đó chẳng phải chuyện lạ gì. Đám chỉ điểm trong tù ra tòa làm chứng suốt. Các nước văn minh khác đều cấm vụ này, nhưng ở đất nước này thì không.”

Quincy nhắm mắt lại, lắc đầu. “Khi gặp tên khốn nạn đó, cứ bảo là tôi chưa quên đâu.”

“Nghĩ chuyện trả thù đâu ích gì cho anh, Quincy. Chỉ thêm phí phạm sức lực.”

“Có lẽ thế thật, nhưng tôi có quá nhiều thời giờ để nghĩ đủ thứ chuyện mà. Anh định hỏi chuyện June luôn sao?”

“Nếu cô ấy chịu nói.”

“Tôi dám chắc là không.”

Vợ cũ của Quincy đã tái hôn, chỉ ba năm sau khi anh vào tù, rồi lại ly hôn, và giờ tái hôn thêm lần nữa. Frankie bảo cô ấy đang Tallahassee và giờ mang họ Walker. Rõ ràng, June đang rất ổn định bên Otis Walker, một thợ điện ở Đại học Bang Florida. Họ sống ở khu trung lưu da đen và đã có một đứa con với nhau. Cô đã có năm đứa cháu vốn gọi Quincy là ông, nhưng bản thân anh chưa bao giờ thấy mặt chúng, kể cả trên ảnh. Anh cũng chẳng thấy mặt cả ba đứa con từ sau phiên tòa. Hình ảnh về chúng trong anh vẫn là ba đứa con nít mấy tuổi, như thời gian đã ngưng đọng lại ngay thời điểm đó vậy.

“Tại sao cô ấy không nói chuyện với tôi chứ?” Tôi hỏi.

“Vì cô ta cũng làm chứng dối. Thôi nào, Post. Ai cũng nói dối hết mà, kể cả đám chuyên gia.”

“Tôi không chắc các chuyên gia có biết họ đang nói dối không. Chỉ là họ không xác định được vấn đề một cách khoa học, và đưa ra ý kiến tâng

bậy.”

“Nói sao cũng được. Anh sẽ thấy ra thôi. Tôi biết quá rõ là June đã nói dối. Cô ta nói dối về chuyện đèn pin và khẩu súng, nói dối chuyện tôi ở thị trấn vào đêm xảy ra án mạng.”

“Nhưng tại sao cô ấy lại nói dối, Quincy?”

Anh lắc đầu, như thể tôi vừa hỏi một câu quá ngốc nghếch. Anh bỏ điện thoại xuống, đưa tay chùi mắt, rồi lại nhấc điện thoại lên. “Chúng tôi xung đột, Post à. Chúng tôi chưa bao giờ là của nhau, và ly hôn là chuyện chắc chắn phải xảy ra. Russo đã cho tôi một vốn đầu tư để đầu tư vào ly hôn, rồi tôi sa cơ, không trả nổi tiền chu cấp và nuôi con. Cô ta thì mất việc và đang lâm vào thế khó. Khi tôi hết nợ tiền chu cấp, cô ta kiện tôi hết lần này đến lần khác. Ly hôn đã tệ rồi, nhưng chuyện sau đó còn tệ hơn. Chúng tôi dằn ghét nhau, ghét cùng cực. Khi bị bắt vì tội giết người, tôi đang thiếu cô ta cỡ 40 ngàn đô-la. Chắc giờ vẫn còn thiếu nhỉ? Ôi trời, cứ kiện tôi tiếp đi.”

“Vậy đó là trả thù?”

“Hận thì đúng hơn. Tôi chưa hề có súng, Post à. Cứ xem hồ sơ sẽ thấy.”

“Chúng tôi đã xem rồi. Chẳng có gì cả.”

“Thấy chưa.”

“Nhưng hồ sơ chẳng là gì cả, nhất là ở bang này. Có vô vàn cách để kiếm súng mà.”

“Anh tin ai, Post, tin tôi hay tin con đàn bà dối trá đó?”

“Quincy, nếu không tin anh, tôi đâu đến đây làm gì.”

“Tôi biết, tôi biết mà. Tôi hiểu được chuyện khẩu súng, nhưng tại sao cô ta lại nói dối cả chuyện cây đèn pin? Tôi chưa hề thấy cây đèn pin đó. Họ còn chẳng trình nó cho tòa được nữa là.”

“Nếu ta giả định là anh bị bắt, bị khởi tố, rồi bên công tố cẩn thận lên kế hoạch gài tội cho người vô tội, thì hẳn cảnh sát đã nhờ cậy June khai rằng cây đèn pin là của anh. Và cô ấy làm thế vì hận anh.”

“Nhưng nếu bị đẩy vào buồng tử tù, làm sao tôi trả nợ cho cô ta được chứ?”

“Hỏi hay lắm, anh đang bắt tôi cố hiểu suy nghĩ của cô ấy đấy.”

“Thôi, cho tôi xin. Đúng là điên thật.”

Chúng tôi cùng cười phá lên. Anh đứng dậy, cúi sát mặt vào tấm mica và hỏi, “Hôm nay anh ở đây bao lâu, Post?”

“Ba tiếng.”

“Hallelujah. Nói nghe này, Post. Buồng giam của tôi rộng mét tám dài ba mét, cũng vừa bằng cái hốc ta đang ngồi đây. Bạn cùng buồng của tôi là một thằng nhóc da trắng dân ngoại ô, chơi ma túy. Nó không xấu, làm bạn tù cũng được, nhưng anh tưởng tượng nổi sống đến mười tiếng một ngày cùng một con người khác trong cái chuồng bé tí là thế nào không?”

“Không.”

“Dĩ nhiên rồi, tôi nói luôn nhé, hơn một năm mà chúng tôi chẳng nói với nhau lời nào.”

“Tại sao không?”

“Vì không chịu nổi nhau. Tôi không có vấn đề gì với nó, Post ạ, nhưng chúng tôi quá khác nhau. Tôi nghe Motown, nó lại thích nhạc đồng quê. Tôi ngăn nắp gọn gàng kinh khủng, còn nó thì quá bừa bãi. Tôi chẳng chơi thuốc, nó thì gần như lúc nào cũng phê. Nói chừng đó được rồi. Xin lỗi vì lời chuyện đó ra kể. Tôi ghét mấy kẻ hay than thở. Anh đến đây đúng là trên cả tuyệt vời, Post à. Anh không hiểu nổi đâu.”

“Tôi vinh dự được làm luật sư của anh, Quincy.”

“Nhưng tại sao? Anh đâu kiếm được nhiều tiền, phải chứ? Biện hộ cho mấy người như tôi đâu kiếm được gì nhiều?”

“Ta chưa có bàn chuyện phí luật sư, phải không nào?”

“Cứ gửi hóa đơn cho tôi. Rồi hãy kiện tôi nhé.”

Chúng tôi lại cười phá lên, rồi anh ngồi xuống, kẹp điện thoại nơi cổ.  
“Tôi hỏi thật, ai trả công cho anh?”

“Tôi làm cho một tổ chức phi lợi nhuận, và đúng, tôi không kiếm được nhiều tiền. Nhưng tôi đâu làm vì tiền.”

“Xin Chúa chúc lành cho anh, Post.”

“Diana Russo đã làm chứng rằng anh đã đến văn phòng của vợ chồng họ và đe dọa Keith ít nhất là hai lần. Có đúng không?”

“Không. Tôi có đến văn phòng gã vài lần khi đang tiến hành ly hôn, nhưng khi có phán quyết, tôi chẳng đến nữa. Khi gã không chịu nói chuyện qua điện thoại, tôi có đến văn phòng gã một lần, và phải, tôi đã tính cần theo cây gậy bóng chày mà moi óc gã ra. Nhưng cô tiếp tân ở phòng ngoài bảo gã không có ở văn phòng, đang đến tòa rồi. Tôi biết là nói dối, vì đã thấy xe của gã ở ngoài, một chiếc Jaguar đen sang chảnh, đỗ ngay sau văn phòng. Tôi biết cô ta nói dối, và định làm to chuyện luôn, nhưng rồi lại thôi. Tôi cố nhịn rồi bỏ về, không bao giờ đến đó nữa. Tôi thề, sự thật là thế, Post à. Tôi thề đấy. Diana đã nói dối, như mọi người khác.”

“Cô ấy làm chứng là anh đã gọi đến nhà họ vài lần và buông lời hăm dọa.”

“Lại dối trá nữa. Điện thoại có ghi lại hết mà, Post. Tôi đâu có ngu. Luật sư của tôi, Tyler Townsend, đã cố liên hệ công ty điện thoại để lấy danh sách cuộc gọi, nhưng Diana đã ra tay chặn đứng. Anh ấy đã cố xin trát tòa, nhưng chưa xin kịp thì xử xong rồi. Khi tôi đã bị tuyên án, thẩm phán không chịu phê chuẩn trát tòa nữa. Và chúng tôi chẳng bao giờ lấy được danh sách cuộc gọi. Nhân tiện, anh nói chuyện được với Tyler chưa?”

“Chưa, nhưng tôi dự định sẽ gặp. Chúng tôi biết anh ấy ở đâu.”

“Anh ấy là người tốt, Post à, quá tốt. Anh bạn trẻ đó đã tin tưởng tôi và đấu tranh đến hơi thở cuối cùng, một chiến binh thực sự. Tôi biết luật sư các anh nhiều lúc không hay ho gì, nhưng anh ấy là người tốt.”

“Anh có liên lạc gì với anh ấy không?”

“Không còn nữa, đã quá lâu rồi. Tyler có viết thư cho tôi trong mấy năm đầu, thậm chí cả sau khi bỏ nghề luật. Có lần anh ấy kể trong thư rằng vụ của tôi khiến anh mất hết tinh thần. Tyler biết tôi vô tội, và khi để thua vụ của tôi, anh ấy cũng mất niềm tin vào hệ thống tư pháp, nói rằng không muốn dính dáng gì đến nó nữa. Cách đây tám mươi năm, anh ấy có ghé



thăm, tôi mừng lắm nhưng nó cũng gợi lại những ký ức buồn. Tyler đã khóc khi thấy tôi đấy, Post à.”

“Anh ấy có giả thuyết gì về hung thủ thật sự không?”

Quincy hạ điện thoại xuống, nhìn lên trần, như thể câu đó quá đùng chạm. Rồi anh cầm điện thoại và hỏi, “Anh nghĩ đường dây này đủ bảo mật không, Post?”

Luật pháp cấm nhà tù nghe lén cuộc trò chuyện giữa luật sư và thân chủ, nhưng chuyện đó không phải là không có. Tôi lắc đầu. Không.

“Tôi cũng thế. Nhưng tôi gửi thư cho anh thì bảo mật được, phải chứ?”

“Phải.” Nhà tù không được mở thư liên quan đến vấn đề pháp lý, và theo kinh nghiệm, tôi biết luật này họ không dám phá. Quá dễ để nhận ra thư đã bị người ta động vào hay chưa.

Quincy đưa tay ra dấu rằng anh sẽ nói chuyện này trong thư. Tôi gật đầu.

Suốt 22 năm qua, Quincy ở trong tù, một nơi được cho là an toàn tránh xa hiểm nguy từ bên ngoài, nhưng anh vẫn luôn lo lắng, nội chuyện đó đã khiến tôi ngộ ra nhiều đi đâu. Keith Russo bị giết không phải là chuyện vô cớ. Có ai đó, không phải Quincy Miller, đã lên kế hoạch giết người, thực hiện rất chính xác, rồi thoát tội. Tiếp theo là gài tội thật gọn gàng và thấu đáo, một việc cần đến những tay đàn xếp âm mưu đầy tinh khôn, và đến giờ vẫn đang tiếp tục duy trì như vậy. Tìm được những kẻ đó có lẽ là việc bất khả thi, nhưng nếu không nghĩ rằng có thể chứng minh Quincy vô tội thì tôi đâu nghĩ đây làm gì.

Chúng vẫn đang nhón nhơ ngoài kia, và Quincy vẫn đang bồn chồn khi nghĩ đến chúng.

Ba tiếng đồng hồ trôi qua thật nhanh, và chúng tôi đã trao đổi được nhiều chuyện về anh, chẳng hạn như anh đọc hai hoặc ba quyển sách mỗi tuần, anh nghe tôi kể về những người được giải oan và rất phấn khích, anh mê nhạc Detroit thập niên 1960, anh có một cái tivi màu và tìm niềm vui nơi những trận đấu, thậm chí là các trận hockey, anh còn chửi rủa hệ thống cải huấn chẳng bận tâm mấy đến chuyện tái hòa nhập xã hội. Khi quản

giáo gõ cửa, tôi tạm biệt Quincy và hứa sẽ quay lại. Chúng tôi nắm tay với nhau trên tấm mica và anh cảm ơn tôi thêm lần nữa.

Chiếc Chevrolet Impala của Otis Walker đỗ trong bãi của nhân viên, phía sau nhà bảo trì ở rìa khuôn viên trường đại học. Frankie đỗ xe gần đó, ngồi chờ. Chiếc xe đời 2006 này được Otis mua bằng tín dụng nghiệp đoàn. Vicki nắm rõ hết mấy thông tin này. Người vợ thứ hai của anh, June, thì đi chiếc sedan Toyota, đã mua thẳng, không cần trả góp. Cậu con trai 16 tuổi của họ vẫn chưa có bằng lái.

Năm phút sau giờ tan ca, Otis đi cùng hai đồng nghiệp khác rời tòa nhà ra bãi đỗ xe. Frankie bước ra khỏi xe, vờ kiểm tra lốp. Hai đồng nghiệp kia tản ra, gọi với lại chào tạm biệt. Vừa lúc Otis chuẩn bị mở cửa xe, Frankie liền xuất hiện, “Anh Walker, nói chuyện chút được không?”

Otis lập tức tỏ vẻ hoài nghi, nhưng Frankie là anh bạn da đen với nụ cười nồng hậu, quá rành cách để tiếp cận người lạ. “Có lẽ được,” anh trả lời.

Frankie liền đưa tay ra bắt, “Tôi là Frankie Tatum, và tôi đang đi đầu tra cho một luật sư ở Savannah.”

Giờ thì ngờ vực trong Otis lại dâng cao hơn nữa. Anh mở cửa, ném hộp đồ ăn trưa vào, đóng cửa lại rồi nói, “Được thôi.”

Frankie đưa hai tay lên, như kiểu đầu hàng, “Tôi đến với thiện chí mà. Tôi chỉ muốn thông tin về một vụ án xảy ra từ lâu rồi.”

Đến nước này, một người da trắng thường sẽ cự tuyệt, nhưng nhìn Frankie, ai cũng sẽ thấy anh có vẻ hoàn toàn vô hại. “Anh nói tiếp đi.” Otis bảo.

“Tôi chắc là vợ anh có kể về người chồng trước, Quincy Miller.”

Cái tên đó hình như làm Otis hơi chùng xuống, nhưng anh vẫn còn đủ hiếu kỳ để nghe tiếp thêm chút nữa. “Không kể gì nữa. Chuyện lâu rồi mà. Anh có liên quan gì đến Quincy hả?”

“Tôi làm việc cho luật sư của anh ấy. Chúng tôi tin là Quincy bị gài tội giết người, và đang cố chứng minh chuyện đó.”

“Thế thì chúc may mắn nhé. Quincy lãnh cái mà gã đáng phải nhận rồi.”

“Không hẳn đâu, anh Walker. Quincy là người vô tội mà phải ở tù 22 năm qua vì tội do kẻ khác gây ra.”

“Anh thật sự tin thế sao?”

“Thật. Luật sư sếp của tôi cũng tin như thế.”

Otis trăn ngâm một thoáng. Anh chẳng có tiền án tiền sự, chưa hề vào tù, nhưng có người cháu họ đang ngồi tù hơi lâu vì tội hành hung cảnh sát. Với người Mỹ da trắng, nhà tù là nơi để kẻ xấu trả giá cho tội lỗi của mình. Với người Mỹ da đen, nhà tù thường là cái nhà kho để lôi đám thanh thiếu niên ra khỏi đường phố.

Otis hỏi tiếp, “Vậy ai giết tay luật sư đó?”

“Chúng tôi không biết, và có lẽ không bao giờ biết. Nhưng chúng tôi đang cố tìm sự thật và đưa Quincy ra tù.”

“Tôi không chắc sẽ giúp được gì cho anh.”

“Nhưng vợ anh thì có. Cô ấy đã làm chứng chống lại Quincy. Tôi chắc cô ấy có kể với anh về chuyện đó.”

Otis nhún vai, nhìn lảng đi. “Có lẽ, nhưng chuyện lâu rồi mà. Nhiều năm rồi, cô ấy còn chẳng nhắc đến cái tên Quincy.”

“Tôi nói chuyện với cô ấy được không?”

“Nói về chuyện gì chứ?”

“Lời chứng của cô ấy. Cô ấy đã không nói sự thật, anh Walker à. Cô ấy bảo bố thẩm đoàn rằng Quincy có một khẩu shotgun cỡ 12. Nó là hung khí, nhưng là của kẻ khác.”

“Nghe này, tôi gặp June sau vụ đó. Thật ra, cô ấy cưới một người nữa, rồi mới đến tôi. Tôi là người thứ ba rồi, anh hiểu chứ? Tôi biết trước đó cô ấy đã khổn khổ nhiều, nhưng hiện giờ cuộc sống của chúng tôi đang rất tốt. Tôi chẳng muốn cô ấy phải gặp rắc rối gì với Quincy Miller nữa.”

“Tôi đang xin anh giúp, Otis à. Thế thôi. Một người anh em đang phí đời trong tù, cách đây chưa đến hai tiếng đi xe. Đám cảnh sát da trắng, công tố viên da trắng, và bọn thâm đoàn da trắng, bảo là anh ấy đã giết một luật sư da trắng. Mà chuyện thực sự đâu phải như vậy.”

Otis nhổ nước bọt, dựa lưng vào cửa xe, hai tay khoanh trước ngực.

Frankie nhẹ nhàng ép thêm chút nữa. “Nghe này, tôi đã ngồi tù 14 năm ở Georgia, gánh tội giết người thay cho kẻ khác. Tôi hiểu cảnh đó là thế nào. Tôi gặp may và được ra tù, nhưng vẫn còn những người vô tội khác đang kẹt lại. Những người như tôi và anh. Rất nhiều người như thế đang mục ruỗng trong tù. Hệ thống thối nát này chơi ta đây, Otis. Chúng tôi chỉ đang cố giúp Quincy thôi.”

“Vậy June liên quan gì đến vụ này?”

“Cô ấy từng kể với anh về cây đèn pin chưa?”

Otis thoáng suy nghĩ rồi lắc đầu. Frankie không để mất một giây nào. “Có một cây đèn pin dính máu. Cảnh sát nói nó được lấy từ hiện trường vụ án. Quincy chưa hề thấy hay chạm đến nó. June lại khai rằng anh ấy từng có một cây giống thế. Nhưng chuyện đâu phải vậy, Otis. Không đúng sự thật. Cô ấy còn khai rằng Quincy đang ở Seabrook vào đêm xảy ra án mạng. Không đúng. Anh ấy đang ở với bạn gái, cách đó một tiếng chạy xe.”

Otis cưới June đã 17 năm rồi. Frankie cho rằng anh ấy hiểu khá rõ chuyện June vòng vo với sự thật, nên có lý do gì để phải tránh né đâu.

Nhưng Otis bật lại ngay, “Anh nói cô ấy là kẻ dối trá sao?”

“Không, hiện giờ thì không. Nhưng chính anh đã nói, hồi đó cô ấy khác lắm. Cô ấy và Quincy đang hận nhau. Quincy nợ cô ấy cả đồng tiền chu cấp. Cảnh sát đã thừa thế mà đưa cô ấy lên làm nhân chứng và định tội.”

“Chuyện lâu lắm rồi mà.”

“Đúng, anh nói quá đúng. Cứ hỏi Quincy đi. Hai mươi hai năm trong tù đấy.”

“Cứ cho là h ồi đó cô ấy không nói thật đi. Thế anh nghĩ giờ cô ấy sẽ thừa nhận hả? Thôi, cho tôi xin.”

“Tôi chỉ muốn nói chuyện với cô ấy. Tôi biết cô ấy làm việc ở đâu. Tôi có thể đến đó, nhưng chúng tôi không làm việc kiểu đó. Tôi không phục kích anh, Otis. Tôi tôn trọng đời tư của anh, và tôi mong anh nói qua chuyện này với June. Thế thôi.”

“Tôi thì thấy hơi giống phục kích r ồi đấy.”

“Thế tôi còn cách nào nữa đây? Gửi email chắc? Nghe này, giờ tôi sẽ đi khỏi đây. Anh cứ nói chuyện với vợ anh, xem ý cô ấy thế nào.”

“Biết thừa cô ấy sẽ nói gì r ồi. Cô ấy chẳng muốn can hệ gì đến Quincy Miller nữa.”

“Tôi e là có đấy.” Frankie đưa danh thiếp Hội Mục vụ Vệ nhân cho Otis. “Có số của tôi đây. Tôi chỉ mong anh giúp cho, Otis.”

Otis c ần lấy, đọc cả hai mặt thiếp. “Anh làm việc với một giáo hội gì đó à?”

“Không. Người phụ trách vụ này cũng là luật sư đã giúp tôi ra khỏi tù. Và anh ấy cũng là linh mục. Là người tốt. Việc của anh ấy là giải oan cho người vô tội.”

“Người da trắng?”

“Phải.”

“Thế thì là kẻ xấu.”

“R ồi anh sẽ thích anh ấy. June cũng sẽ thế. Cứ cho chúng tôi một cơ hội đi, Otis.”

“Anh đừng trông mong gì thì hơn.”

“Cảm ơn anh đã nói chuyện với tôi.”

“Khỏi c ần khách sáo.”

Hội Vệ nhân có nhiều loại tờ rơi để chúng tôi dùng cho các mục đích khác nhau. Nếu muốn tiếp cận đàn ông da trắng, sẽ dùng gương mặt tươi cười của tôi ở mặt trước và trang giữa, với điểm nhấn chính là cổ áo linh mục. Nếu cần tiếp cận phụ nữ da trắng, thì điểm nhấn sẽ là Vicki. Với người da đen thì là hình Mazy khoác tay một người da đen đã được giải oan. Ta thích nói rằng màu da đâu quan trọng gì, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Chúng tôi thường dùng cách đó để người ta chịu mở lòng.

Vì Zeke Hufsey là người da trắng, nên tôi gửi tờ gấp in hình tôi, kèm một lá thư lời lẽ ngọt ngào báo rằng hoàn cảnh của gã ta đã khiến tổ chức của chúng tôi phải lưu tâm và tìm cách giúp đỡ. Hai tuần sau, tôi nhận được một lá thư viết tay trên tờ giấy vỡ kẻ ô, cảm ơn tôi đã quan tâm. Tôi hồi đáp như thường lệ và hỏi gã có cần gì không. Chẳng ngạc nhiên gì khi ngay lá thư tiếp theo, gã liền hỏi xin tiền. Tôi gửi cho Zeke 200 đô-la trên MoneyGram, kèm một lá thư hỏi xem tôi đến gặp được không. Dĩ nhiên là được rồi.

Zeke cả đời là tội phạm, đã ngồi tù ở ba bang khác nhau. Gã là dân ở Tampa, nhưng chúng tôi chẳng tìm được dấu tích gì về gia đình gã ở đó. Năm 25 tuổi, Zeke cưới vợ, nhưng chẳng mấy chốc cô ta đã đòi ly hôn khi gã bị kết tội bán ma túy. Theo chúng tôi biết, Zeke không có con, nên hiếm khi có ai vào thăm nuôi. Ba năm trước, gã bị bắt ở Little Rock, Arkansas, và đang chịu án năm năm ở tiểu bang mang tên Mảnh đất của Cơ hội này.

Vụ của Quincy Miller là mở đầu cho trò chỉ điểm của Zeke. Lúc ra làm chứng, Zeke mới 18 tuổi, và một tháng sau phiên tòa, gã được giảm án cho tội bán ma túy rồi được thả. Thỏa thuận kiểu đó quá hời, nên sau đó, gã trai tiếp tục làm thế hết lần này đến lần khác. Nhà tù nào cũng có những con

nghiện có nguy cơ chịu thêm án, và luôn sẵn sàng làm bất kỳ việc gì để thoát tội. Được cảnh sát và công tố viên chỉ bảo tận tình, một tay chỉ điểm có thể khai man rất hiệu quả. Các bồi thẩm đơn giản là không thể tin rằng có nhân chứng nào, khi đã tuyên thệ nói sự thật, lại huyền thuyên một câu chuyện bịa đặt 100%.

Zeke đang thụ án ở một nhà tù vệ tinh nằm giữa những cánh đồng bông ở Đông Bắc Arkansas. Tôi không chắc tại sao người ta lại xem nó chỉ là nhà tù vệ tinh. Nó vẫn có đủ hàng rào và kiến trúc thăm nã như mọi nhà tù tôi thường đến. Không may là, nhà tù này được đi đầu hành bởi công ty tư nhân, hoạt động vì lợi nhuận, nghĩa là ít quản giáo hơn và lương cũng thấp hơn, đồ ăn tù vồn đã tệ nay còn tệ hơn, họ còn ăn bớt chi phí sinh hoạt đủ mọi thứ, từ bơ đậu cho đến giấy vệ sinh, và chăm sóc y tế hầu như không có. Tôi cho là ở nước Mỹ, tất cả mọi thứ, kể cả giáo dục và cải huấn, đều là cuộc chơi cho những kẻ trục lợi.

Tôi được dẫn đến căn phòng có một dãy buồng sát cạnh nhau để luật sư gặp thân chủ. Tôi bước vào một buồng và quản giáo chốt luôn cửa ngoài. Tôi thông thả ngó xuống nhìn chăm chăm vào tấm mica dày cộm. Vài phút trôi qua, rồi nửa tiếng, nhưng tôi chẳng có gì phải nôn nóng. Cuối cùng, cửa bên đối diện mở ra, và Zeke Huffey bước vào. Gã cười với tôi khi quản giáo mở còng. Khi chỉ còn hai chúng tôi với nhau, gã hỏi, “Sao ta lại ở phòng luật sư vậy?” Rõ ràng gã đang nhìn cổ áo linh mục của tôi.

“Rất vui được gặp anh, Zeke. Cảm ơn đã dành thời gian gặp tôi.”

“Ồ, thời gian thì tôi đâu có thiếu. Chẳng biết anh là luật sư đấy.”

“Tôi vừa là luật sư vừa là linh mục. Ở đây anh sống có ổn không?”

Gã cười rồi dứt thuốc. Mà phòng này, dĩ nhiên không có thông gió. “Tôi ở tù cũng khá khá rồi, chỗ này là tệ nhất. Nhà tù của bang nhưng cho công ty Cải huấn Atlantic thuê. Từng nghe tên họ chưa?”

“Rồi. Tôi đã đến các nhà tù của họ vài lần. Thứ gì cũng tệ nhỉ?”

“Một cuộn giấy vệ sinh giá bốn đô. Trong khi nó chỉ đáng một đô. Họ cho chúng tôi một cuộn mỗi tuần, giấy thô ráp đến nỗi tôi trầy trượt, đi đứng chẳng thẳng nổi luôn. May cho tôi là anh đã gửi tiền cho. Cảm ơn anh, Post. Vài bạn tù khác chẳng bao giờ được ai gửi cho đồ ư nào.”



Dưới cổ gã lòi ra những hình xăm tù ghê sợ. Đôi mắt và hai gò má hõm cả vào, đúng dáng vẻ của con nghiện lây lất, cả đời phê pha bằng ma túy rẻ tiền.

Tôi nói, “Khi nào được, tôi sẽ gửi thêm tiền, nhưng ngân sách của chúng tôi có hạn thôi.”

“Chúng tôi mà anh nói là ai thế, và thật sự tại sao anh lại đến đây? Một luật sư đâu giúp gì được cho tôi.”

“Tôi làm việc cho một tổ chức phi lợi nhuận tập trung cứu cuộc đời của những người vô tội. Quincy Miller đang là thân chủ của chúng tôi. Nhớ anh ấy chứ?”

Gã cười và nhả một ngụm khói dày đặc. “VẬY là anh ngụy tạo một cái cớ để gặp tôi?”

“Anh muốn tôi đi à?”

“Còn tùy anh muốn gì?” Là tội phạm cả đời, Zeke biết cuộc chơi thế nào cũng vậy. Tôi muốn gì đó mà chỉ gã có, và gã đang tính cách thu lợi từ nó. Trò này gã chơi mãi thành quen rồi.

Tôi nói, “Nói về sự thật trước đã.”

Zeke bật cười, “Sự thật, công lý, và cung cách của nước Mỹ. Anh Post à, chỉ có thằng ngu mới tìm sự thật ở chỗ thế này.”

“Công việc của tôi là thế mà, Zeke. Đây là cách duy nhất để tôi đưa Quincy ra khỏi tù. Cả anh và tôi đều biết, anh là tay chỉ điểm lọc lõi đã khai man ở phiên tòa xử Quincy. Anh ấy chưa hề nói gì với anh cả. Chính cảnh sát và công tố viên đã mớm thông tin và dạy anh phải khai thế nào. B ải thẩm đoàn tin sái cổ và Quincy bị tống vào tù suốt 22 năm. Đến lúc cho anh ấy được tự do rồi.”

Gã nhìn tôi cười, như đang nghe chuyện hài vậy. “Tôi đói. Mua cho tôi Coca và đậu phộng được chứ?”

“Được.” Người thăm tù mua đồ ăn vặt cho tù nhân không phải là chuyện hiếm, kể cả ở nơi như thế này. Tôi gõ cửa và một lát sau, quản giáo mở cho tôi ra. Tôi cùng anh ta bước tới máy bán hàng tự động, rồi tôi từ từ nhét từng xu vào. Một lon soda 350ml giá hai đô-la, hai gói đậu phộng, mỗi

gói một đô-la, viên quản giáo đưa tôi về lại phòng, rồi vài phút sau, Zeke lộ mặt ra, tôi đưa gã mấy thứ đó. “Cảm ơn,” gã vừa nói vừa nốc ngay một ngụm.

Phải giữ cho cuộc chuyện trò tiếp diễn, nên tôi hỏi, “Sao cảnh sát thuyết phục được anh làm chứng chống lại Quincy?”

“Anh biết họ làm việc kiểu gì mà, anh Post. Họ luôn tìm nhân chứng, nhất là khi không có chứng cứ. Tôi chẳng nhớ rõ chuyện đó. Lâu lắm rồi mà.”

“Phải. Chắc chắn với Quincy là quá lâu. Anh có bao giờ nghĩ đến anh ấy không, Zeke? Anh biết nhà tù tệ thế nào mà. Anh chưa hề dành một giây nghĩ đến chuyện anh đã góp phần đẩy một người vô tội vào sau song sắt cả đời sao?”

“Không. Tôi quá bận lo mấy chuyện khác, anh biết mà.”

“Không, tôi không biết. Quincy có cơ hội để giải oan. Một việc cần nhiều công sức, nhưng mà lúc nào chẳng vậy. Đây là công việc của tôi, Zeke à, và tôi biết mình đang làm gì. Chúng tôi cần anh giúp.”

“Giúp hả? Tôi phải làm gì nào?”

“Nói ra sự thật. Ký bản khai có tuyên thệ nói rằng anh đã khai dối ở phiên tòa và làm thế vì cảnh sát và công tố viên đề nghị cho anh thỏa thuận hời.”

Zeke bốc một nắm đậu phộng, miệng nhai, mắt nhắm xuống sàn. Tôi ép thêm chút nữa. “Tôi biết anh đang nghĩ gì, Zeke. Anh nghĩ rằng Florida là dĩ vãng xa xưa, và anh chẳng muốn dính dáng gì đến vụ án xưa lắc xưa lơ này. Anh đang nghĩ là nếu giờ mình thú nhận sự thật thì mấy cảnh sát và công tố viên đó sẽ gán anh tội khai man và cho anh ở dài dài trong tù. Nhưng sẽ không có chuyện đó đâu. Thời hạn cho tội khai man đó đã qua lâu rồi. Hơn nữa, mấy người đó đâu còn nữa. Cảnh sát trưởng đã nghỉ hưu. Công tố viên cũng thế. Thẩm phán vụ đó đã chết rồi. Bộ máy ở đó chẳng bận tâm gì đến anh đâu. Anh chẳng được mà cũng chẳng mất gì khi giúp Quincy giải oan. Chuyện dễ quyết định quá mà, Zeke. Cứ làm việc tốt, nói ra sự thật, rồi sống tiếp thôi.”

“Anh Post này, 17 tháng nữa là tôi ra tù, và tôi chẳng muốn làm gì để phải bị giam thêm nữa đâu.”

“Arkansas đâu có quan tâm anh làm gì ở tòa Florida từ 22 năm trước. Anh đâu có khai man ở đây. Họ chẳng màng gì đâu. Khi anh được ân xá rồi, họ chỉ quan tâm làm sao có người lấp vào chỗ trống trong buồng giam của anh. Anh biết mọi chuyện vận hành thế nào mà, Zeke. Anh là tay chuyên nghiệp trong trò này rồi.”

Gã này đủ ngu để cười với lời khen đó. Ý nghĩ mình là kẻ kiểm soát khiến gã thích thú. Zeke nhấp một ngụm Coca, đốt thêm điều thuốc, “Tôi chẳng biết nữa, anh Post, tôi thấy làm thế nguy cơ cao quá. Sao tôi phải dây vào làm gì?”

“Sao lại không? Anh đâu phải đây tớ trung thành của cảnh sát và công tố viên. Họ đâu quan tâm anh bị gì, Zeke. Anh là đối thủ của họ đấy. Hãy cứ làm việc tốt cho phe mình thì hơn.”

Zeke không nói gì, tôi cũng tạm dừng, cuộc trò chuyện ngưng hẳn một lúc. Nhưng thời gian đâu quan trọng gì ở đây. Gã ăn hết gói đậu đầu tiên rồi mở gói thứ hai. “Tôi chưa hề thấy luật sư nào làm mấy việc như anh. Anh cứu được mấy người vô tội rồi?”

“Tám người, trong mười năm qua. Tất cả đều vô tội. Hiện tại, chúng tôi đang lo cho sáu người, kể cả Quincy.”

“Anh đưa tôi ra được không?” Một câu mà cả hai chúng tôi đều thấy hài hước.

“Zeke à, nếu tôi nghĩ anh vô tội, có lẽ tôi sẽ nỗ lực xem sao.”

“Có lẽ chỉ phí thời gian của anh thôi.”

“Có lẽ thế. Anh giúp chúng tôi được chứ, Zeke?”

“Khi nào anh bắt đầu tiến hành?”

“Chúng tôi đang làm việc rất căng cho vụ này. Đi điều tra đủ mọi thứ và lập hồ sơ để kháng cáo vô tội. Nhưng tiến trình này chậm rãi. Không có gì buộc anh phải vội vã cả, nhưng tôi muốn tiếp tục giữ liên lạc với anh.”

“Cứ làm thế đi, anh Post, và nếu có đờng nào dư dả, thì gửi cho tôi với. Ở cái hốc rác rưởi này, Coca và đậu phộng là một bữa ngon rồi.”

“Tôi sẽ gửi thêm tiền, Zeke. Và nếu anh có chút thời gian để suy nghĩ, hãy nghĩ về Quincy. Anh nợ anh ấy đấy.”

“Nói cũng đúng.”

Carrie Holland chỉ mới 19 tuổi vào cái năm cô khai trước phiên toàn xử Quincy rằng đã thấy một người da đen chạy dọc con phố tối tăm vào đúng thời điểm xảy ra vụ án mạng. Người được mô tả cao bằng Quincy, dáng người cũng giống Quincy, và đang cầm trên tay một vật giống cây gậy hay gì đó. Cô nói mình vừa đỗ xe trước một tòa nhà văn phòng thì nghe thấy hai tiếng động lớn ở phía văn phòng luật của Russo cách đó ba khối nhà, rồi thấy một người đàn ông chạy ngang qua. Tyler Townsend đã công kích những điểm này trong phiên đối chất. Cô không sống trong tòa nhà đó, nhưng khai rằng đến đó để thăm bạn. Người bạn đó tên gì? Khi cô ngập ngừng, Tyler liền thể hiện sự hoài nghi và chế giễu, “Cho tôi biết tên bạn của cô đi, và tôi sẽ gọi cô ấy lên làm nhân chứng,” nhưng công tố viên đã phản đối và thẩm phán chấp thuận. Theo biên bản tòa, có vẻ Carrie không nhớ được cái tên đó.

Tyler nhắm vào con phố tối tăm không có đèn đường đó. Dùng bản đồ, anh xác định được các tòa nhà và khoảng cách từ chiếc xe của Carrie đến văn phòng của Russo, rồi hỏi cô có chắc mình có thể thấy được những điều như đã khai không. Tyler tranh cãi với Carrie, nhưng thẩm phán đã can thiệp và bắt phải ngưng.

Cách đó một năm, Carrie đã bị kết tội về ma túy, và Tyler viện vào đó để công kích. Anh hỏi cô có đang phê khi lên bục nhân chứng không, và còn cho rằng Carrie vẫn đang trong tình trạng nghiện. Anh yêu cầu xác định xem có phải cô đang hẹn hò với một cảnh sát Hạt Ruiz không. Cô từ chối xác nhận. Khi phiên đối chất kéo dài quá, thẩm phán buộc Tyler đẩy nhanh tiến độ. Khi anh phản đối rằng chính công tố viên đã chiếm thời gian của mình, thẩm phán lại đe dọa phạt anh tội khinh thường tòa, và không phải lần đầu tiên anh bị thẩm phán gán tội này. Khi Tyler đối chất với Carrie

Holland xong, anh đã nêu rõ những hoài nghi về độ khả tín của cô, nhưng đờng thời cũng mắg nhiếc cô đến mức khiến b ải thẩm đoàn thấy thương cho cô.

Không lâu sau phiên tòa, Carrie đã dọn đi khỏi chỗ đó. Cô sống ở Columbus, Georgia một thời gian, lấy chồng, sinh hai con, rồi ly hôn và sau đó không còn ai rõ tung tích gì nữa. Vicki phải mất một năm đi ầu tra trên mạng mới xác định được hiện giờ cô ấy đổi họ thành Carrie Pruitt và đang sống ở một vùng hẻo lánh ở Tây Tennessee. Cô làm trong một nhà máy nội thất gần Kingsport, sống trên nhà di động neo dọc trục đường chính của hạt với một người tên Buck.

Và cô đã không còn dính vào rắc rối nữa, thật mừng. Tiền sự của cô chỉ có một cáo buộc về ma túy ở Seabrook, và tội đó vẫn chưa được xóa bỏ. Chúng tôi cho rằng Carrie đã cai nghiện và sống đi ầu độ, một chuyện rất thuận lợi cho việc chúng tôi muốn làm.

Một tháng trước, Frankie đã đến khu vực đó khảo sát trước như thường lệ. Anh đã chụp lại nhà di động của cô và khu vực quanh đó, chụp cả nhà máy cô đang làm việc. Hợp tác với một nhà đi ầu tra ở Kingsport, anh biết được một cậu con trai của cô đang trong quân ngũ, cậu kia thì sống ở Knoxville. Buck lái xe tải và không có tiền án tiền sự gì. Lạ hơn nữa, cha của Buck từng là mục sư ở một nhà thờ thôn quê cách chỗ họ sống hơn 30 km. Gia đình họ hẳn khá yên ổn.

Và cũng có khả năng rất cao là Buck hay bất kỳ ai khác ở đó đ ầu chẳng biết gì nhiều về quá khứ của cô. Đi ầu này khiến chuyện phức tạp hơn. Đâu có lý do gì để cô phải dính líu trở lại với lần thấy Quincy Miller cách đây hơn 20 năm và làm xáo trộn cuộc đời hiện tại?

Tôi gặp Frankie tại một tiệm bánh kẹp ở Kingsport, vừa ăn bánh waffle vừa xem ảnh. Xe di động nằm ở chỗ vắng người, sau xe có một chuồng chó dài để Buck nuôi mấy con chó săn. Anh lái một chiếc bán tải. Carrie thì lái chiếc Honda. Vicki đã kiểm tra số xe và xác minh quyền sở hữu. Cả hai người đ ầu không đăng ký bảo hiểm. Họ còn có một chiếc thuyền câu cá nhỏ cất cạnh xe di động. Rõ ràng Buck đ ầu tư rất kỹ vào việc săn bắn và câu cá.

“Tôi chẳng thích khung cảnh chỗ này,” Frankie nói, xáo mấy tấm ảnh lại.

“Tôi từng thấy nhiều chỗ còn tệ hơn,” tôi nói, và đúng là thế. Tôi từng gõ cửa nhiều nơi mà trong lòng chắc mẩm thế nào cũng được tiếp đón bằng chó săn hoặc súng. “Nhưng cứ cho là Buck chẳng biết gì về quá khứ của cô ấy, chưa hề nghe đến Quincy. Nếu giả định như thế, thì hoàn toàn có khả năng cô ấy muốn cho vụ này ngủ yên trong quá khứ.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Vậy là không nên tiếp cận ngôi nhà đó.”

“Mấy giờ cô ấy đi làm?”

“Tôi không rõ, nhưng tám giờ vào, năm giờ ra, không ra ngoài ăn trưa. Mỗi giờ được chín đô. Làm ở đây chuyen lắ p rắ p, không phải văn phòng, nên không gọi điện giữa giờ được.”

“Cô ấy lại không chuyện trò nhiều với đồng nghiệp. Hôm thứ Bảy, thời tiết thế nào?”

“Trời quang nắng đẹp. Quá chuẩn để đi câu.”

“Cứ mong là thế đi.”

VÀO TÁNG SÁNG NGÀY THỨ BẢY, Frankie đang ghé vào đở xắ ng trước cửa hàng tạp hóa cách xe di động hơn một cây số. Hôm nay là ngày may mắn của chúng tôi, nên có lẽ đây là thời cơ. Buck và một anh bạn đã lên xe, kéo thuyền hướng đến một con sông hay hồ nào đó. Frankie gọi báo và tôi liền nhắc máy gọi đến số bàn của họ.

Có tiếng phụ nữ gái ngủ nghe máy. Tôi mở lời thân thiện, “Cô Pruitt, tôi là Cullen Post, luật sư ở Savannah, Georgia. Cô có thể nói chuyện một lát được không?”

“Ai cơ? Anh muốn gì?” Giọng gái ngủ biến mất hoàn toàn.

“Tôi là Cullen Post. Tôi muốn hỏi chuyện cô về một phiên tòa mà cô đã dự từ lâu lắm rồi.”

“Anh gọi nh ắ n số rồi.”

“Hồi đó, cô còn mang họ Holland, sống ở Seabrook, Florida. Tôi có đầy đủ hồ sơ đây, Carrie à, và tôi hoàn toàn không muốn gây phiền toái gì cho cô.”

“Anh gọi nhậm số rồi.”

“Tôi biện hộ cho Quincy Miller. Anh ấy đã ngồi tù 25 năm, vì cô đấy, Carrie à. Ít ra cô có thể nói chuyện với tôi 30 phút chứ.”

Bên kia liềp dập máy. Mười phút sau, tôi đã đến trước nhà di động. Frankie ở cách đó không xa, phòng khi tôi gặp chuyện gì.

Cuối cùng, Carrie cũng ra mở cửa, mở rất chậm rãi bước ra bậc thềm hẹp bằng gỗ. Cô mảnh dẻ, mặc quần jeans bó. Mái tóc vàng hoe cột một chùm phía sau. Không trang điểm, nhưng vẫn là cô gái dễ nhìn, dù cho nhiều năm hút thuốc đã hằn nếp nhăn quanh mắt và miệng. Tay cầm điều thuốc, cô nhìn tôi chằm chằm.

Hôm nay tôi đeo cổ áo linh mục, nhưng có vẻ nó chẳng tác động gì tới cô. Tôi mỉm cười và nói, “Tôi xin lỗi vì đường đột, nhưng tôi tình cờ đi ngang qua đây.”

“Anh muốn gì?” cô hỏi, miệng nhả khói.

“Tôi muốn thân chủ của mình được tự do, Carrie à, và việc này cần có cô. Tôi không đến để sỉ vả hay quấy rối gì cô cả. Tôi cá là Buck chưa hề nghe biết gì về Quincy Miller, phải chứ? Tôi không trách cô chuyện đó. Nếu là tôi thì cũng làm vậy thôi. Nhưng Quincy vẫn đang khổ sở vì tội giết người của kẻ khác. Anh ấy đầu giết ai. Cô đâu thấy một người da đen chạy ra khỏi hiện trường. Cô làm chứng để cảnh sát chiếu cố mình, phải chứ? Cô từng hẹn hò một cảnh sát ở đó, nên họ biết cô. Họ cần một nhân chứng, còn cô có chút rắc rối về ma túy, phải không, Carrie?”

“Sao anh tìm được tôi?”

“Thật ra cô đâu có trốn.”

“Biến đi, trước khi tôi gọi cảnh sát.”

Tôi đưa tay kiểu đầu hàng. “Được mà. Đây là đất của cô. Tôi đi đây,” Tôi thả một danh thiếp lên cỏ, “Đây là số của tôi. Việc tôi đang làm không thể nào thiếu cô, nên tôi sẽ quay lại. Và tôi hứa sẽ không phan phui quá



khứ của cô. Tôi chỉ muốn nói chuyện, thế thôi, Carrie. Hai mươi hai năm trước, cô đã mắc sai lầm khủng khiếp, giờ đến lúc bù đắp cho nó rồi.”

Cô đứng đó bất động, nhìn tôi lái xe đi.

LÁ THƯ CỦA QUINCY được viết bằng chữ vuông vắn gọn gàng chẵn chu. Chắc phải mấy tiếng mới viết xong.

post thân mến:

cảm ơn anh lần nữa vì đã nhận vụ của tôi. anh chẳng biết cảnh bị giam cùm ở đây và biết người đời chẳng một ai tin mình đâu! mấy hôm nay, lòng tôi khác hẳn, post à, tất cả đều nhờ anh đấy. giờ hãy bắt tay vào việc và cứu tôi ra khỏi đây đi.

anh đã hỏi liệu luật sư trẻ tuổi tyler townsend của tôi có giả thuyết nào về hung thủ thực sự không. có. anh ấy đã nhiều lần bảo tôi rằng ở vùng đó, hầu như ai cũng biết keith russo và vợ đã dấn vào những kẻ không nên. họ đã biện hộ cho vài tay buôn ma túy. họ bắt đầu kiếm được nhiều tiền, thế là khiến người ta để ý. ở seabrook, không mấy người có tiền, kể cả các luật sư. nên hai người họ có gì đó mờ ám. cảnh sát trưởng pfitzner là kẻ biến chất, tyler cho rằng gã có liên quan đến ma túy. thậm chí cả vụ giết người nữa.

tôi biết sự thật là thế, post à. có kẻ đã gài dây đèn pin vào thùng xe của tôi, và tôi biết đó chính là pfitzner. toàn bộ vụ này là màn gài tội quy mô. chúng biết ở seabrook, dễ kết tội người da đen hơn người da trắng và người có thể lực.

một người bạn đã khuyên tôi nên nhờ russo lo vụ ly hôn. sai. quá sai. gã tính công quá cao mà làm lại chẳng ra gì. kiện tụng nửa đường, tôi đã nhận ra là gã chẳng hề muốn biện hộ cho mấy vụ ly hôn. khi thẩm phán bắt tôi phải chịu mức chu cấp và trợ cấp khủng khiếp đó, tôi đã bảo russo: anh đùa tôi rồi. không đời nào tôi trả nổi mức đó. biết gã nói gì không? nói là: chừng đó là may rồi. thẩm phán là người sùng đạo, và rất ghét những kẻ ong bướm. vợ cũ của tôi nói tôi hay trăng hoa. russo làm như thể tôi lãnh cái tội đáng chịu.

chính russo mới là kẻ trăng hoa. mà nói chuyện đó thế đủ rồi. gã chết rồi mà.

tyler không biết tại sao chúng giết russo, nhưng hoàn toàn có thể suy luận là khi làm ăn với băng ma túy, gã đã đắc tội gì đó với chúng. có lẽ gã giữ quá

nhieu lần. có lẽ gã khai với cảnh sát. có lẽ vợ gã không muốn mất hết mọi thứ họ có. tôi từng gặp cô ta vài lần ở văn phòng, và nói thật, tôi chẳng ưa cô ta. cô ta khó tính lắm.

sau phiên tòa, tyler bị đe dọa nhiều lần, rất hoảng sợ. cuối cùng anh ấy phải trốn khỏi đó. anh ấy nói ở đó có kẻ xấu chờ chực, và anh phải ra đi để sống tiếp. nhiều năm sau, khi đã kháng cáo nhiều lần bất thành, và không còn làm luật sư cho tôi nữa, tyler đã cho tôi biết rằng một cảnh sát đã bị giết ở seabrook. còn nói anh ấy nghĩ chuyện này có liên quan đến vụ russo và các băng đảng ma túy. nhưng đến lúc đó, anh ấy mới nghĩ ra.

chuyện là thế thôi, post à. tyler giả thuyết như thế về hung thủ thực sự, và còn nghĩ rằng vợ của russo có lẽ cũng có liên quan. nhưng đã quá muộn để chứng minh tất cả những chuyện này.

cảm ơn lần nữa, post. mong lá thư này hữu ích cho anh, và tôi mong sớm gặp lại anh. chúc anh làm việc hăng say.

thân chủ và bạn của anh, quincy miller.

Chuyên gia về vết máu làm chứng chống lại Quincy thật ra là một cựu thanh tra tội phạm ở Denver, tên Paul Norwood. Sau khi trực tiếp làm việc ở các hiện trường vụ án vài năm, ông ta quyết định rời ngành, mua vài bộ vest đẹp và chuyển sang làm nhân chứng chuyên gia. Paul Norwood bỏ ngang đại học và không có thời gian để học bằng tội phạm học hay bất kỳ thứ gì liên quan đến khoa học thực sự, thế là ông ta dự các hội nghị chuyên đề và hội thảo về pháp y, đọc sách và các bài báo của những chuyên gia khác. Ông ta nói năng rất dẻo, vốn từ phong phú và dễ dàng thuyết phục các thẩm phán rằng ông ta vô cùng am hiểu chuyên ngành này. Khi chính thức có chứng nhận chuyên gia pháp y, càng dễ dàng hơn cho ông ta trong việc thuyết phục các bồi thẩm đoàn ngỡ ngàng rằng ý kiến của ông ta dựa trên khoa học có cơ sở vững chắc.

Những loại người như Norwood không hiếm. Hơn thập niên 1980 và 1990, lời chứng của chuyên gia bùng nổ trong các phiên tòa hình sự, với đủ loại chuyên gia đầy thẩm quyền tự phong, vung vẩy những ý kiến vô quy tắc của họ trước mặt bồi thẩm đoàn. Chưa hết, các chương trình truyền hình thực tế về tội phạm còn minh họa những nhà đi đầu tra pháp y này là siêu thám tử có thể giải quyết các vụ án phức tạp bằng loại khoa học không thể nào sai lầm. Những chuyên gia nổi tiếng nhất có thể xem xét một cái xác đầm máu và tìm ra hung thủ trong một hai tiếng đồng hồ. Trong đời thực, hàng ngàn bị cáo đã bị kết tội và tống vào tù bởi những giả thuyết hời hợt về vết máu, đốm máu, công cụ phóng hỏa, vết cắn, kết cấu vải, thủy tinh vỡ, da đầu và lông vùng kín, dấu giày, đường đạn, thậm chí là vân tay.

Các luật sư biện hộ giỏi đã chất vấn độ khả tín của những chuyên gia này, nhưng hiếm khi có ai thành công. Các thẩm phán thường choáng ngợp

trước khoa học và lại chẳng có mấy thời gian để tự tìm hiểu. Nếu một nhân chứng mới có chút chuyên ngành và đường như nắm rõ sự việc, thì li ền được phép lên làm chứng. Qua thời gian, các thẩm phán mặc định nguyên tắc rằng vì một nhân chứng đã được xác nhận là chuyên gia ở phiên tòa khác tại một bang khác, nên chắc chắn tư cách chuyên gia đó là xác thực. Các phiên tòa phúc thẩm cũng hòa theo, khi xác nhận cáo buộc mà không nghiêm túc chất vấn độ khả tín của phương pháp pháp y, thế là họ lại tiếp tay nâng thanh thế của mấy chuyên gia này lên cao hơn nữa. Hồ sơ lý lịch càng dày, thì càng dễ tuôn ra những giả thuyết có tội.

Paul Norwood càng ra làm chứng nhiều, thì càng có vẻ là người thông minh. Một năm trước phiên tòa của Quincy, Norwood đã tham dự một hội nghị chuyên đề 24 tiếng về phân tích vết máu do một công ty tư nhân ở Kentucky tổ chức. Ông ta đã xong khóa học, nhận tấm bằng chứng minh cho hiểu biết của mình, và thêm một chuyên ngành nữa để đi lòn thiên hạ. Ông ta sớm khiến các b ồ thẩm kinh ngạc trước kiến thức khoa học về nhiều hình thái phức tạp mà máu bắn ra ở những hiện trường kinh khủng. Chuyên môn của ông ta là máu, tái dựng hiện trường vụ án, đạn đạo, và phân tích mẫu tóc. Ông ta quảng cáo r ầm rộ, bắt tay với các công tố viên và cảnh sát, thậm chí còn viết sách về pháp y. Danh tiếng của ông ta ngày càng tăng, đi kèm là đòi hỏi thù lao rất lớn.

Trong suốt 25 năm làm nghề này, Norwood đã ra làm chứng ở hàng trăm phiên tòa hình sự, lúc nào cũng đứng về phía công tố viên và buộc tội bị cáo, và lúc nào cũng nhận thù lao hậu hĩnh.

R ồi xét nghiệm ADN xuất hiện và tàn phá việc làm ăn của ông. Xét nghiệm ADN không chỉ thay đổi tương lai của đi ều tra tội phạm mà còn khiến người ta phải xem lại thứ khoa học r ỏm mà Norwood và đ ồng nghiệp của ông đang vun vỹ. Trong ít nhất một nửa các vụ được giải oan nhờ ADN, định tội ban đầu của họ đều dựa chủ yếu vào chứng cứ do công tố viên đưa ra.

Nội trong năm 2005, ba vụ kết án dựa trên lời chứng của Norwood đã bị xét nghiệm ADN lật ngược, đ ồng thời vạch trần lời chứng và phương pháp giả mạo của ông ta. Tổng cộng ba nạn nhân này đã chịu 59 năm tù, một người là tử tù. Ông ta đã nghỉ hưu sau khi bị d ằn ép ở một phiên tòa vào năm 2006. Trong phiên đối chất, sau khi đưa ra phân tích vết máu như

thường lệ, ông ta đã bị vạch mặt dữ dội hơn bao giờ hết. Luật sư biện hộ đã kể tỉ mỉ về ba người được giải oan hồi năm ngoái. Câu hỏi anh đặt ra rất sắc sảo, khốc liệt, và phơi bày rõ ràng mọi chuyện. Sau đó, bị cáo được phán vô tội, và hung thủ thật sự đã bị bắt. Thế là Norwood đành từ bỏ cuộc chơi.

Những hậu quả thì vẫn còn dài. Quincy Miller đã bị kết tội vì phân tích của Norwood về vết máu trên cây đèn pin mà ông ta chưa hề tận mắt xem xét. Phân tích có vẻ sắc sảo của ông ta chủ yếu dựa trên những tấm ảnh chụp cây đèn pin và hiện trường vụ án. Ông ta chưa hề trực tiếp xem xét bất kỳ chứng cứ quan trọng nào, hoàn toàn chỉ trên ảnh. Thế mà ông ta vẫn khẳng khái làm chứng rằng vết máu trên mặt kính đèn pin được bắn ra từ phát súng đã giết Keith Russo.

Nhưng cây đèn pin thì đã biến mất trước phiên tòa.

NORWOOD KHÔNG CHỊU NÓI CHUYỆN với tôi về vụ án. Tôi đã viết thư hỏi ý ông ta hai lần. Ông trả lời một lá, nói rằng không muốn bàn đến chuyện này, trên điện thoại cũng không. Ông nói hiện không khỏe, vụ này lại lâu quá rồi, trí nhớ suy giảm của ông không giúp gì được, vân vân và vân vân. Và chuyện này không phải chỉ vì tránh mặt tôi hay vụ này đâu. Đến giờ, ít nhất sáu lời chứng của Norwood đã bị vạch trần là giả mạo, và ông thường bị lôi ra làm ví dụ cho kiểu tác oai tác quái của khoa học rởm. Các luật sư chống án tử hình liên tục công kích ông ta. Thậm chí Norwood còn bị kiện. Các blogger rửa sạch ông ta đã gây nên bao cảnh khổ. Các thẩm phán phúc thẩm thì oán giận sự nghiệp tội lỗi của ông ta. Một nhóm ủng hộ người vô tội đã cố gây quỹ để xem xét lại toàn bộ các vụ Norwood từng ra làm chứng, nhưng số tiền đó quá lớn không dễ gì kiếm được. Tôi mong ông ta bác bỏ hết những lời chứng của mình và cố giúp Quincy, nhưng cho đến giờ, Norwood không tỏ vẻ gì là hối hận.

Có hay không có Norwood, chúng tôi vẫn phải thuê chuyên gia pháp y riêng, mà những người giỏi nhất thì phí cao lắm.

Tôi ở lại Savannah vài ngày để xử lý chuyện này. Vicki, Mazy và tôi vào phòng họp, bàn luận về pháp y. Trên bàn là hồ sơ của bốn ứng viên cuối cùng. Tất cả đều là chuyên gia tội phạm học với uy tín hoàn hảo. Chúng tôi

sẽ chọn ra hai người và gửi hồ sơ vụ án cho họ. Người lấy giá rẻ nhất là 15.000 đô-la để xem xét và cố vấn. Người lấy giá đắt nhất là 30.000, miễn thương lượng. Việc giải oan đã nở rộ trong thập kỷ qua, những người này được các nhóm ủng hộ người chịu án oan trọng vọng.

Người mà chúng tôi đánh giá giỏi nhất trong số này, là Tiến sĩ Kyle Benderschmidt ở Đại học Thịnh vượng chung Virginia tại Richmond. Ông đã giảng dạy hàng chục năm rồi và còn lập một khoa pháp y danh tiếng hàng đầu cả nước. Tôi đã hỏi chuyện các luật sư khác, ai cũng khen ngợi ông ấy.

Chúng tôi cố để dành hạn mức 75.000 đô-la để trả cho các chuyên gia, thám tử tư, và luật sư khi cần thiết. Chúng tôi không thích trả tiền cho luật sư lắm, và dần dà khá là giỏi trong việc năn nỉ người ta rũ lòng thương mà làm không công. Hội có cả một mạng lưới như thế rải rác khắp cả nước. Một vài chuyên gia sẽ giảm giá để giúp người vô tội, nhưng hiếm lắm.

Giá tiêu chuẩn của Benderschmidt là 30.000 đô-la. “Ta có chừng đó không?” Tôi hỏi Vicki.

“Dĩ nhiên là có,” bà nói với nụ cười lạc quan như lâu nay vẫn vậy. Nếu không có, bà sẽ nhắc điện thoại réo gọi vài nhà hảo tâm.

“Thế thì thuê ông ấy đi.” Mazy gật đầu đồng ý với tôi. Chốt được người chính rồi, chúng tôi chuyển sang chọn người thứ hai.

Mazy bảo, “Có vẻ vụ này anh cũng khởi đầu chậm chạp rồi, Post à. Anh rơi vào ngõ cụt với June Walker, Zeke Hufsey và Carrie Holland. Đến giờ vẫn chưa có ai muốn nói chuyện với anh.”

Như ở bất kỳ văn phòng nào, Hội Vệ nhân cũng có kiểu trêu chọc tốt tính. Vicki và Mazy phối hợp ăn ý lắm, đôi khi cũng biết ý không chọc ngoáy nhau nhiều. Thế nên mỗi khi về đây, tôi lại thành con mồi ngon cho họ. Nếu không phải đã hiểu nhau rõ, chắc nhiều khi tôi vặc lại quá.

Tôi bật cười nói, “Nói cũng đúng. Mà cô nhớ có lần nào ta khởi đầu trượt chưa vậy?”

“Ta là rùa, đâu phải thỏ,” Vicki trả lời bằng câu ví von yêu thích của mình.

“Phải,” tôi nói. “Mất ba năm ta mới bắt tay vào vụ này mà. Thế mà muốn một tháng là giải oan xong à?”

“Nhưng cũng phải có được gì chứ,” Mazy lại vặn vẹo.

“Tôi chưa chạm đúng huyết thôi.”

Mazy đành cười trừ. “Thế khi nào anh đi Seabrook?”

“Chẳng biết. Tôi đang cố kín tiếng càng lâu càng tốt. Ở đó chẳng ai biết ta đang vào việc, và tôi muốn ẩn thân hơn.”

“Anh thấy sợ đến mức nào?” Vicki hỏi.

“Khó nói lắm, nhưng chắc chắn là có sợ. Nếu Russo đã dây vào một băng ma túy, thì chúng vẫn còn ở đó. Kẻ giết người thuộc băng đó. Tôi mà xuất hiện, chúng sẽ biết ngay.”

“Thế thì quá mạo hiểm, Post,” Mazy nói.

“Phải, nhưng h ầu như vụ nào ta làm cũng có mạo hiểm mà. Thân chủ của ta phải vào tù vì có kẻ giết dây. Chúng vẫn nhởn nhơ ngoài kia, cười nhạo vì cảnh sát bắt nhầm người. Chúng tuyệt đối đâu muốn có luật sư giải oan lật lại vụ án cũ này.”

“Nhưng cẩn thận vẫn hơn,” Vicki dặn tôi. Rõ ràng hai người họ rất lo lắng dù không thể hiện ra.

“Tôi luôn cẩn thận mà. Tối nay bà nấu gì thế?”

“Xin lỗi nhé. Tìm trong tủ lạnh ấy.”

“Có pizza nguội đấy,” Mazy nói. Cô không thích nấu ăn, mà lại có đến bốn đứa con nên chủ yếu dùng toàn đồ ăn đông lạnh.

“James có đây không?” Tôi hỏi. Mazy và chồng ly thân vài năm rồi và đã cố ly hôn. Nhưng ly hôn không được, mà sống chung cũng không xong. Cô biết tôi thật lòng quan tâm và không phải loại lắm chuyện.

“Anh ấy cứ đến chơi với bọn trẻ một chút rồi đi.”

“Tôi cầu nguyện cho nhà cô.”

“Tôi biết mà, Post. Và chúng tôi cũng cầu nguyện cho anh.”

TÍNH TÔI CẦU THẢ HAY QUÊN, thường để đồ ăn ôi thiu suốt, nên tôi chẳng để dành đồ ăn trong phòng mình làm gì. Vì không kiếm được đồ ăn từ hai đồng nghiệp nên tôi làm việc đến khi trời tối rồi đi bộ vào trung tâm thành phố. Còn hai tuần nữa là Giáng Sinh và trời đang dần mát. Tôi ở Savannah hơn chục năm mà chẳng biết nhiều về thành phố này. Tôi đi xa quá nhiều nên chẳng thường thức được vẻ đẹp và lịch sử của chốn này, cộng thêm lối sống nay đây mai đó nên khó mà kết bạn thâm giao với ai. Nhưng người bạn đầu tiên của tôi tại đây đang ở nhà và mong có người bầu bạn.

Cha Luther Hodges tuyển tôi sau khi tôi rời chủng viện và mời tôi đến Savannah. Cha đã về hưu, vợ cha vừa qua đời vài năm trước. Cha đang sống trong căn nhà nhỏ của giáo phận, cách Quảng trường Chippewa hai khối nhà. Khi tôi đến, cha đã chờ trước hiên, háo hức chạy ra.

“Chào cha,” tôi lên tiếng, vừa ôm cha.

“Chào con trai,” cha hồ hởi. Lúc nào gặp nhau chúng tôi cũng vậy.

“Trông con hơi ốm,” cha hỏi thăm. Cha lo về lối sống của tôi, ăn uống lộn xộn, ngủ ít, căng thẳng.

“Cha thì ngược lại rồi,” tôi nói. Cha vỗ bụng, “Cha không kiêng món kem được.”

“Con đói lắm rồi. Mình đi thôi.”

Chúng tôi khoác tay nhau đi dọc Phố Whitaker. Cha Luther đã gần 80, mỗi lần đến thăm, tôi lại thấy cha chậm chạp hơn một chút. Cha hơi khập khiễng, đầu gối gần như hồng rồi, nhưng cha nói chỉ mấy ông bà cụ mới phải thay khớp gối. “Không được để mình già,” là câu cửa miệng của cha.

“Lâu nay con ở đâu?” cha hỏi.

“Như lâu nay vẫn vậy. Rày đây mai đó.”

“Kể về vụ con đang làm đi,” cha hỏi. Cha thích thú với công việc của tôi và muốn tìm hiểu nhiều. Cha biết tên những người được Hội biện hộ và theo dõi diễn biến các vụ này trên mạng.

Tôi kể về Quincy Miller và khởi đầu chậm chạp của chúng tôi như thường lệ. Cha chăm chú lắng nghe và không nói gì nhiều, lâu nay vẫn vậy.



Trong chúng ta, có mấy người có bạn tâm giao thực sự thích việc ta làm và sẵn sàng lắng nghe ta kể hàng tiếng đồng hồ? Tôi thật có phúc vì có cha Luther.

Tôi kể thật nhiều nhưng không nói đến những chuyện tuyệt mật, rồi hỏi thăm tình hình cha. Hằng ngày, cha dành nhiều giờ viết thư cho những người đang ở tù. Đây là việc mục vụ mà cha vô cùng tận tâm. Cha lưu giữ kỹ lưỡng mọi thư từ và bản sao. Nếu được vào danh sách của cha Luther, thế nào bạn cũng được nhận thiệp mừng sinh nhật và Giáng Sinh. Nếu có tiền, chắc cha gửi hết cho các tù nhân rồi.

Hiện giờ, cha đang thư từ với 60 người. Một người mới chết tuần trước. Một thanh niên ở Missouri đã treo cổ tự tử, và giọng cha ghen lại khi nói đến chuyện đó. Cậu ấy đã nói đến chuyện tự tử mấy lần trong những lá thư, và cha Luther rất lo. Cha đã gọi cho nhà tù nhiều lần để nhờ họ hỗ trợ, nhưng chẳng ích gì.

Chúng tôi đi về phía sông Savannah, rảo bộ dọc con đường lát đá bên bờ sông. Ở đây có một tiệm hải sản có tuổi đời mấy chục năm mà chúng tôi rất kết. Lần đầu tôi đến đây, cha Luther đã mời ăn trưa ở đó. Đến bậc cửa, cha nói trước, “Cha mời nhé.”

Cha biết thừa tôi chẳng có mấy tiền. “Cung kính không bằng tuân mệnh,” tôi đáp lời.

Đại học Thịnh vượng chung Virginia là đại học chính của thành phố và gần như chiếm trọn khu trung tâm của Richmond. Vào một chiều tháng Một, tôi tìm đến Khoa Pháp y ở Phố Chính Tây. Kyle Benderschmidt làm trưởng khoa đã hơn hai chục năm và nắm toàn quyền nơi này, Phòng làm việc của ông chiếm nguyên một phần tầng nhà này. Tôi ngồi chờ, nhấm nháp ly cà phê cô thư ký pha mời. Sinh viên cứ đến rồi đi. Đúng 3:00 chiều, nhà tội phạm học lừng danh xuất hiện, chào đón tôi với nụ cười thân thiện.

Tiến sĩ Benderschmidt đã ngoài bảy mươi tuổi, dáng người gọn gàng đầy sức sống và vẫn ăn mặc như thời ông còn là sinh viên. Quần kaki hồ phăng phiu, giày penny loafer, áo sơ-mi cài khuy cổ. Dù công việc chuyên gia rất bận rộn, nhưng ông vẫn mê giảng đường và dạy hai tín chỉ mỗi học kỳ. Ông không thích phòng xử án và cố tránh phải ra làm chứng. Ông và tôi đều biết để đưa vụ của Quincy ra tòa xử lại hẳn phải mất nhiều năm trời. Thường thì ông xem lại vụ án, tìm hiểu, cố vấn, rồi để luật sư xử lý tiếp, còn mình thì chuyển sang vụ khác.

Tôi theo chân ông vào một phòng họp nhỏ. Trên bàn là chồng tài liệu tôi đã gửi cho ông ba tuần trước, ảnh và số liệu về hiện trường vụ án, ảnh chụp cây đèn pin, báo cáo mổ tử thi, và toàn bộ biên bản phiên tòa dài gần 1.200 trang.

Tôi chỉ đồng giấy tờ, “Ông nghĩ thế nào?”

Ông cười, lắc đầu. “Tôi đọc hết rồi, và không rõ vì sao mà anh Miller lại bị kết tội. Nhưng chuyện này không phải hiếm. Đã có chuyện gì với cây đèn pin vậy?”

“Có hỏa hoạn ở phòng chứng cứ. Chẳng bao giờ tìm lại được nó.”

“Tôi biết, tôi đọc phần đó rồi. Nhưng chuyện thực sự đã xảy ra ấy.”

“Tôi chưa biết. Chúng tôi chưa đi điều tra về vụ hỏa hoạn, và có lẽ chẳng bao giờ làm được.”

“Vậy cứ cho là chủ tâm phóng hỏa, có ai đó muốn cây đèn pin biến mất. Không có gì cho thấy anh Miller liên quan đến chuyện này. Vậy cảnh sát được gì khi tiêu hủy nó và không để b ải thẩm đoàn tiếp cận chứng cứ?”

Tôi bỗng cảm thấy như mình đang bị đối chất trước tòa vậy. “Ông hỏi hay lắm,” tôi nói và nhấp chút cà phê. “Vì ta vẫn đang giả định thôi, nên cứ cho là cảnh sát không muốn một chuyên gia bên bị cáo xem xét nó.”

“Nhưng bên bị làm gì có chuyên gia,” ông nói.

“Dĩ nhiên là không có. Bị cáo đang trong cảnh túng quẫn, luật sư thì do tòa chỉ định mà. Thẩm phán từ chối chỉ ti ền cho chuyên gia của bên bị. Có lẽ cảnh sát dự tính được thế r ồi, nhưng vẫn quyết định loại bỏ nó cho chắc ăn. Họ cho là thế nào cũng tìm được một kẻ như Norwood, sẵn sàng đứng ra phân tích và ước đoán dựa trên mấy tấm ảnh.”

“Tôi cho thế là hợp lý.”

“Ta chỉ đang đoán thôi, tiến sĩ à. Cho đến giờ, ta chỉ làm được vậy. Và có lẽ những vết máu đó là của người khác cũng nên.”

“Chính xác,” ông mỉm cười ý vị, như thể vừa khám phá ra gì đó. Ông lôi ra một tấm ảnh màu phóng to mặt kính năm centimet của cây đèn pin. “Bên tôi đã xem xét ảnh này bằng mọi công cụ phóng to khả dụng. Tôi và cả các đồng nghiệp. Tôi không chắc mấy vết này là máu người, thậm chí còn không phải là máu.”

“Nếu không phải máu thì là gì?”

“Không cách nào biết được. Điểm đáng quan tâm là cây đèn pin này không được lấy từ hiện trường vụ án. Ta không biết nó từ đâu ra, cũng như chuyện máu, hay thứ gì đó, đã bắn lên mặt kính như thế nào. Với chứng cứ hạn chế như thế này, không thể nào xác định được gì.”

“Nếu máu bắn ngược lại, chẳng phải sẽ dính lên cả hung thủ và khẩu súng sao?”

“Khả năng cao là thế, nhưng không chắc chắn được. Chẳng tìm được khẩu súng hay áo quần của hung thủ. Nhưng dựa vào vết đạn, thì đó là khẩu shotgun. Hai phát đạn trong không gian hẹp thì nhiều máu bắn tung tóe lắm. Tôi cho là ảnh hiện trường đã chứng minh rõ thế rồi. Đi đâu tôi thấy ngạc nhiên là không có dấu chân của hung thủ khi hắn đi ra.”

“Không thấy ghi lại gì về cái đó.”

“Thế thì tôi cho rằng hung thủ đã rất thiếu sót trong việc che giấu hành tung. Không có vân tay, nên có lẽ hắn đã mang găng tay. Không có dấu giày gì, nên có lẽ hắn đã dùng gì đó bọc lại dưới chân. Có vẻ là một sát nhân khá thành thạo.”

“Có thể là vụ băng đảng thanh trừng, do sát thủ chuyên nghiệp làm.”

“Đấy là việc của anh. Tôi không lo đến mức đó.”

“Có thể nào một tay bắn shotgun, một tay cầm đèn pin không?” tôi hỏi, dù câu trả lời khá rõ ràng rồi.

“Khả năng cao là không. Nhưng đây là một đèn pin nhỏ, mặt kính năm centimet, nên vẫn có thể. Có thể một tay vừa cầm đèn pin vừa giữ nòng súng. Như thế là thuận theo giả thuyết của công tố viên rồi. Nhưng tôi vô cùng nghi ngờ chuyện cây đèn pin từng xuất hiện ở hiện trường.”

“Nhưng Norwood đã làm chứng rằng vết trên đèn pin là máu bắn vào.”

“Norwood lại sai nữa rồi. Lão nên vào tù giùm tôi cái.”

“Vậy là hai người từng va chạm?”

“Phải. Hai lần. Tôi đã vạch trần lời chứng của gã hai lần, nhưng hai bị cáo đó hiện giờ vẫn đang ở tù. Thời xưa Norwood lừng lẫy trong ngành của lão lắm, cái thời đấy rầy bọn đó. Ổn trời, lão rút rồi, nhưng vẫn còn rất nhiều kẻ như thế đang tác oai tác quái. Tôi đến là ghê tởm chúng.”

Benderschmidt đã chỉ trích dữ dội các hội nghị chuyên đề thời lượng một tuần để đào tạo cho cảnh sát, điều tra viên hay bất kỳ ai có tiền để tham dự chớp nhoáng, lấy bằng, rồi tự nhận mình là chuyên gia.

Ông nói tiếp, “Lão không có chút lương tri trách nhiệm nào, khi bảo bầy thẩm đoàn rằng mấy vết đó là máu, còn là máu của Russo nữa chứ.” Ông

lắc đầu, thể hiện sự chán ghét. “Đơn giản là không có phương pháp khoa học nào chứng minh được đi đâu đó cả.”

Norwood bảo b ả thăm đoán rằng vết máu bắn ra trong không khí không thể bay xa hơn 1m2, thời đó h ầu như ai cũng tin vậy. Do đó, phát súng hẳn phải ở cự ly rất g ần. Nhưng Benderschmidt khẳng định sự thật không phải vậy. Khoảng cách máu bắn đi ở mỗi phát súng mỗi khác, thậm chí là rất khác, nên khi Norwood nói chắc nịch như vậy là l ầm to. “Vấn đề là xác suất thay đổi quá lớn, nên không thể xác định chắc chắn được.”

“Vậy ý ông thì sao?”

“Lời Norwood nói trước tòa hoàn toàn không có căn cứ khoa học nào. Không có cách nào để biết liệu cây đèn pin có hiện diện ở hiện trường vào thời điểm gây án không. Khả năng cao là những vết đó còn chẳng phải máu. Nhi ều ý kiến khác nhau lắm, anh Post. Tôi sẽ viết lại thật rành mạch rõ ràng tuyệt đối.”

Ông nhìn đ ồng h ờ r ồi cáo lỗi phải đi gọi một cuộc điện thoại. Ông đi r ồi, tôi ghi chú lại vài đi ầu, vài câu hỏi mà tôi không giải đáp được. Cả ông cũng thế, nhưng ý kiến của ông rất có giá trị. Dù gì tôi cũng đang trả ti ền cho chúng. Mười lăm phút sau, ông trở lại, tay c ần tách cà phê.

“Ông nói thêm v ề suy nghĩ của mình đi?” tôi hỏi. “Tạm gác lại khoa học, và suy đoán chút nhé.”

“Thế cũng vui đâu kém gì khoa học,” ông cười. “Vấn đề đi ầu tiên. Nếu cảnh sát gài cây đèn pin vào thùng xe của Miller, tại sao họ không gài luôn cây shotgun cho r ồi?”

Bản thân tôi cũng đã thắc mắc chuyện này cả trăm l ần. “Có lẽ họ lo khó mà chứng minh khẩu súng là của anh ấy. Tôi chắc chắn đó là súng không được đăng ký. Hoặc có lẽ gài súng thì khó hơn. Đèn pin thì nhỏ và dễ thả vào đó hơn nhi ều. Viên cảnh sát trưởng, Pfitzner, đã làm chứng rằng mình tìm thấy nó khi khám xét thùng xe. Và còn có mấy cảnh sát khác tham gia buổi khám xét đó.”

Ông lắng nghe chăm chú và gật đầu theo lời tôi nói. “Có vẻ hợp lý.”

“Rất dễ để lấy cây đèn pin trong túi ra và thả vào thùng xe. Nhưng với khẩu shotgun thì không.”

Ông lại tiếp tục gật đầu. “Tôi thấy thế là hợp lý. Vấn đề thứ hai: Theo lời tay chỉ điểm, Miller kể rằng hôm sau đó đã lái xe đến vịnh và ném khẩu shotgun xuống biển. Sao không ném luôn cây đèn pin cho xong? Cả hai đều xuất hiện ở hiện trường. Cả hai đều dính máu mà. Không phi tang cả hai thì quá vô lý.”

Tôi trả lời, “Tôi không có cách nào giải đáp hợp lý vấn đề này, và đây là lỗ hổng lớn trong kịch bản mà cảnh sát mớm cho gã chỉ điểm.”

“Và tại sao lại phi tang súng ở nơi nước nông và có thủy triều lên xuống?”

“Thật vô lý,” tôi nói.

“Đúng thế. Một vấn đề nữa: Sao lại dùng shotgun? Nó nổ quá to. Không ai nghe thấy tiếng súng đúng là chuyện ngàn năm có một.”

“Carrie Holland nói có nghe thấy gì đó, nhưng cô ấy không đáng tin. Họ dùng shotgun vì đó là loại súng mà người như Miller hay dùng, có lẽ thế. Dân chuyên nghiệp hẳn sẽ dùng súng lục có giảm thanh, nhưng họ đâu muốn gài tội sát thủ. Họ muốn Miller chịu tội mà.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Miller có đi săn không?”

“Hoàn toàn không. Anh ấy nói chưa hề đi săn bao giờ.”

“Anh ấy có súng không?”

“Miller nói trong nhà mình có hai khẩu súng lục để tự vệ. Cô vợ thì làm chứng là chồng mình có shotgun, nhưng cô ấy cũng không đáng tin.”

“Anh giỏi đấy, Post.”

“Cảm ơn ông. Tôi có chút kinh nghiệm thực địa. Ông cũng vậy, tiến sĩ Benderschmidt. Ông nắm rõ vụ án rồi, tôi muốn nghe suy đoán của ông, theo kiểu hàn lâm ấy. Tạm gác khoa học lại, và thử nói đến vụ giết người theo hình dung của ông được không?”

Ông đứng lên, bước ra cửa sổ và nhìn xa xăm. “Vụ này có tính toán kỹ lưỡng, anh Post à, và chính vì thế anh khó mà phá được nó, chắc phải có phép lạ mới phá nổi. Diana Russo có câu chuyện quá thuyết phục về xung đột giữa Miller và chồng mình. Tôi cho là cô ấy đã thổi phồng quá mức, nhưng bả thăm đoàn tin cô ấy. Cô ấy cáo buộc một người da đen ở thành

phổ da trắng. Lại là một người có động cơ gây án. Những kẻ chủ mưu am hiểu đủ về chứng cứ hình sự để dùng cây đèn pin gài tội Miller. Hung thủ thật sự không để lại dấu vết nào, và như thế là đủ để thấy tầm mưu tính của hắn rồi. Nếu hắn có phạm sai lầm gì đó, hẳn cảnh sát đã không thấy được hay thậm chí là che đậy giúp. Sau 22 năm, rõ ràng đây là một vụ hoàn toàn bế tắc, không thể nào phá nổi. Anh không tìm được hung thủ đâu, anh Post, nhưng có lẽ anh sẽ chứng minh được thân chủ mình vô tội.”

“Có khả năng anh ấy có tội không?”

“VẬY là anh vẫn còn hoài nghi?”

“Luôn như thế. Hoài nghi đến ám ảnh.”

Ông quay lại bàn, nhấp chút cà phê. “Tôi thì không thấy thế. Động cơ quá yếu để giết người. Chắc chắn, anh Miller ghét luật sư cũ của mình, nhưng có đáng để vào buồng tử tù không? Anh Miller còn có chứng cứ ngoại phạm. Chẳng có gì liên hệ anh ấy với hiện trường vụ án. Suy đoán khoa học của tôi là anh ấy không phải hung thủ.”

“Thật mừng khi nghe thế,” tôi mỉm cười đáp lời. Ông là người luôn theo lý trí, không có kiểu động lòng thương hại, và ra làm chứng cho bên công tố nhiều hơn bên bị cáo. Ông nói thẳng và khi bất đồng, ông không ngại chỉ trích các chuyên gia khác, thậm chí cả đồng nghiệp. Chúng tôi nói chuyện thêm ít phút về các vụ án khác có liên quan đến vết máu, rồi cũng đến giờ tôi phải ra về

“Cảm ơn, tiến sĩ. Tôi biết thời gian của ông vô cùng quý giá.”

“Các anh trả cho nó mà,” ông mỉm cười. Phải, 30.000 đô-la.

Khi tôi ra đến cửa, ông nói thêm, “Một chuyện nữa thôi, anh Post, và nói hơi ngoài chuyên môn của tôi, nhưng vụ này có thể rất căng đấy. Dù không phải việc của tôi, nhưng tôi muốn khuyên anh, nên cẩn thận thì hơn.”

“Cảm ơn ông.”

Tôi lên đường đến địa điểm tiếp theo trong lịch trình. Chỗ đó tên là Tully Run, ẩn dưới chân Rặng Blue Ridge ở phía Tây Virginia. Đây là lần thứ hai tôi ghé nơi này. Nhờ phước Internet, hiện giờ cả nước có đến vài trăm ngàn tội phạm tình dục bị tuyên án. Vì nhiều lý do, họ không ổn lắm khi ở nhà tù chung. Hầu hết các bang đều giam họ ở nhà tù riêng. Virginia thì cho hết đám này vào Tully Run.

Người tôi cần gặp tên Gerald Cook. Da trắng, 43 tuổi, lãnh án 20 năm vì quấy rối hai cô con gái riêng của vợ. Vì được lựa chọn giữa rất nhiều thân chủ gửi gắm, nên tôi luôn cố tránh dính líu đến những tội phạm tình dục. Tuy nhiên, trong ngành này, tôi đã biết được rằng một số họ cũng vô tội.

Thời trẻ, Cook rất phóng túng, lỗ mãng, uống bạt mạng, hay đánh nhau và mê tán gái. Chín năm trước, anh tán nhầm người và phải cưới. Họ bên nhau được vài năm khốn khổ, hợp tan liên tục. Cả hai đều không ổn định trong công việc, lúc nào cũng thiếu tiền. Một tuần sau khi vợ anh đệ đơn ly hôn, Gerald thắng giải xổ số bang được 100.000 đô, và cố giữ kín chuyện này. Nhưng cô ta biết chuyện ngay lập tức và đám luật sư của cô ta liền ồ ạt lên. Gerald bèn ôm tiền bỏ đi, vụ ly hôn bị đình lại. Để khiến anh phải chú ý, hoặc thật ra là để kiếm chút đỉnh, cô ta lên kế hoạch cho hai cô con gái lúc đó mới 11 và 14 tuổi, cáo buộc anh xâm hại tình dục cùng những chuyện tà đình do cô ta tưởng tượng. Các cô bé đã ký bản khai viết tay có tuyên thệ, kể rõ chi tiết chuyện cưỡng hiếp và quấy rối. Gerald bị bắt, tổng vào tù với điếu kiện bảo lãnh trên trời, và anh luôn một mực khẳng khái mình vô tội.

Ở Virginia, khó mà biện hộ những tội này. Ở phiên tòa của anh, cả hai cô bé đều lên bục nhân chứng, và từ trí tưởng tượng, mô tả những chuyện



kinh khủng mà cha dượng làm với chúng. Gerald đứng ra phản bác, nhưng tính nóng nảy của anh khiến bà thăm đoán không cảm thông được. Anh bị tuyên án 20 năm. Đến khi anh ra tù thì giải thưởng của anh cũng bốc hơi rồi.

Cả hai cô bé kia đều không học hết trung học. Cô chị thì sống bừa bãi ghê gớm, mới 21 tuổi mà đã kết hôn hai lần. Cô em đã có con, và đang làm ở một cửa hàng đồ ăn nhanh với mức lương tối thiểu. Mẹ chúng có một tiệm làm đẹp ở ngoại ô Lynchburg, cô ta cũng rất lắm chuyện. Thám tử của chúng tôi ở đó đã kiểm được bản khai có tuyên thệ của hai khách hàng cũ mô tả cô ta cứ kể suốt về chuyện mình đã gài tội Gerald thế nào. Chúng tôi cũng đã có bản khai có tuyên thệ từ một bạn trai cũ với cùng nội dung như thế. Cô ta dọa anh bạn trai sợ chết khiếp đến nỗi phải tìm cách bỏ của chạy lấy người.

Chúng tôi chú ý Cook từ hai năm trước, sau khi anh gửi đến một lá thư từ trong tù. Chúng tôi nhận được 20 lá thư mỗi tuần, và con số vụ tẩm động nhiều đến nỗi chẳng dám nghĩ. Vicki, Mazy và tôi cố dành thời gian đọc cho hết chúng và loại đi những trường hợp chúng tôi không giúp được. Đa số là những phạm nhân có tội, rảnh quá nên cứ tìm cách tuyên bố mình vô tội và viết những lá thư dài dằng dặc gửi khắp nơi. Những lúc đi đây đó, tôi đem theo một chồng, để đọc vào những lúc đáng ra tôi phải ngủ. Ở Hội Vệ nhân, chúng tôi có quy tắc là phải trả lời mọi thứ mình nhận.

Câu chuyện của Cook có vẻ đáng tin và tôi đã hỏi âm. Chúng tôi trao đổi thư từ qua lại, và anh còn gửi cả hồ sơ vụ án cũng như biên bản phiên tòa cho tôi. Chúng tôi đã đi điều tra sơ bộ và tin rằng có lẽ anh đã nói thật. Một năm trước, tôi đến thăm, và gần như ngay lập tức thấy cẩu với anh. Cuộc chuyện trò với Cook đã xác nhận điều tôi cảm nhận qua thư: nỗi ám ảnh với ý muốn báo thù. Mục tiêu của anh là ra tù và trả thù vợ cũ cùng hai cô con gái vợ, bằng cách tấn công thể lý hoặc khả năng cao hơn là gài tội ma túy cho họ vào tù. Anh mơ đến ngày được vào tù thăm họ. Tôi đã cố làm dịu thâm thù này bằng cách giải thích rằng chúng tôi mong các thân chủ của mình, khi đã tự do sẽ không dính líu gì đến chuyện âm mưu trả thù ai.

Hầu hết các phạm nhân tôi viếng thăm trong tù đều tử tế và biết ơn vì được gặp mặt trực tiếp. Nhưng Cook thì lại hung hăng. Anh ta ném cho tôi

cái nhìn khinh khỉnh qua lớp mica, cần lấy điện thoại hỏi gần, “Sao lâu thế anh mới đến, anh Post? Anh biết tôi vô tội mà, đưa tôi ra khỏi đây đi.”

Tôi mỉm cười đáp lại, “Rất vui được gặp anh, Gerald. Anh khỏe không?”

“Đừng có khỏe với chả mạnh với tôi, Post. Tôi muốn biết anh đang làm gì ngoài kia khi tôi đang kẹt cứng ở đây với lũ biến thái. Tôi đã đấu với đám biến thái này bảy năm, giờ tôi oải quá rồi, chán quá rồi.”

Tôi bình tĩnh nói, “Gerald à, có lẽ ta nên bắt đầu lại buổi gặp này thì hơn. Anh vừa hét vào mặt tôi, và tôi không cảm kích chuyện đó cho lắm. Anh đâu có trả công cho tôi. Tôi làm tình nguyện mà. Nếu anh không thể chuyện trò cho lịch sự nhẹ nhàng, thì tôi đành ra về vậy.”

Gerald liếc cúi đầu và bắt đầu khóc. Tôi kiên nhẫn chờ đợi cho anh tĩnh trí lại. Anh lấy cả hai tay áo lau nước mắt và không dám nhìn tôi.

“Tôi vô tội, Post à,” anh nói, giọng run run.

“Tôi tin như thế, không thì tôi đến đây làm gì?”

“Con quỷ cái đó bắt con gái nó nói láo, và cả ba đứa nó giờ vẫn còn cười chuyện đó.”

“Tôi tin lời anh, Gerald. Tin thật sự, nhưng phải mất một thời gian dài mới đưa được anh ra khỏi đây. Đơn giản là không có cách nào để đẩy nhanh tiến trình được. Như tôi đã nói, kết án một người vô tội khá là dễ, nhưng giải oan cho người ta gần như là chuyện bất khả thi.”

“Chuyện này quá sai trái, Post à.”

“Tôi biết, tôi biết mà. Giờ tôi có một vấn đề thế này, Gerald à. Tôi e là khi ra khỏi tù, anh sẽ làm chuyện ngu ngốc. Tôi đã cảnh báo anh nhiều lần về chuyện nuôi tư tưởng báo thù, và nếu anh vẫn cứ như thế, thì tôi sẽ không dính dáng gì đến vụ này nữa.”

“Tôi sẽ không giết cô ta, Post à. Tôi hứa. Tôi sẽ không làm gì đủ ngu ngốc để bị tổng lại vào nơi thế này.”

“Nhưng?”

“Nhưng gì cơ?”

“Nhưng anh sẽ làm gì, Gerald?”

“Tôi sẽ làm gì đó. Cô ta xứng đáng ng ửi tù vì việc đã làm với tôi, Post à. Tôi không thể cho qua chuyện.”

“Anh phải bỏ qua, Gerald. Anh phải đi đâu đó thật xa và quên cô ta đi.”

“Tôi không thể, Post. Tôi không thể dứt được con quỷ cái đó ra khỏi đầu. Và hai đứa con gái của nó nữa. Tôi ghét chúng tận xương tủy. Tôi ng ửi đây, một người vô tội ở trong tù, còn chúng thì nhờn nhờn ngoài kia, cười vào mặt tôi. Công lý ở đâu chứ?”

Vì vẫn còn lý do để hết sức cẩn trọng, nên tôi vẫn chưa phải là luật sư của Gerald. Dù Hội Vệ nhân đã chi gần 20.000 đô-la và hai năm đi điều tra, nhưng chúng tôi vẫn chưa chính thức tham gia vào vụ này. Ngay từ đầu, tôi đã thấy lo lắng về Gerald và luôn luôn để ngỏ lối thoát.

“Anh vẫn muốn báo thù, phải không, Gerald?”

Môi anh run run, hai dòng nước mắt lại chảy. Anh nhìn tôi, gật đầu.

“Tôi rất tiếc, Gerald, nhưng tôi phải từ chối. Tôi sẽ không biện hộ cho anh.”

Đột nhiên cơn thịnh nộ trong anh bùng nổ. “Anh không được làm thế, Post!” anh hét vào điện thoại, rồi ném nó đi, lao s ầm vào tấm mica.

“Không! Không! Anh không được làm thế, khốn kiếp! Tôi sẽ chết ở đây mất!” Anh bắt đầu đập vào tấm mica.

Tôi giật mình, lùi lại một bước.

“Anh phải giúp tôi, Post! Anh biết tôi vô tội mà! Anh không thể bỏ đi và để tôi chết ở đây. Tôi vô tội! Tôi vô tội, anh biết rõ là tôi vô tội mà!”

Cánh cửa sau lưng tôi bật mở, một quản giáo bước vào. “Ng ửi xuống,” anh ta hét với Gerald đang vung nắm đấm từ phía bên kia. Cửa phía phòng bên kia cũng mở ra, một quản giáo khác xuất hiện. Anh ta tóm lấy Gerald, đẩy ra xa tấm mica. Tôi len qua cửa để thoát khỏi cảnh này, tai vẫn nghe tiếng hét, “Tôi vô tội, Post! Tôi vô tội.”

Câu đó cứ văng vẳng trong đầu tôi, khi lái xe rời Tully Run.

BỐN TIẾNG SAU, tôi vào Cơ sở Cải huấn Nữ Bắc Carolina (NCCIW) ở Raleigh. Bãi đỗ xe hết chỗ, và như thường lệ, tôi buông liề n mấy câu cầu nhàu về ngân sách chi cho cải huấn ở đất nước này. Nó là ngành kinh doanh lớn, thậm chí là siêu lợi nhuận ở một vài bang, và thậm chí còn là nhà cung cấp việc làm lớn cho nơi nào đủ may mắn có một nhà tù. Ở Hoa Kỳ, có đến hai triệu người đang bị giam giữ, và cần đến một triệu nhân lực cùng 80 tỷ đô-la tiền thuế để lo cho số người này.

NCCIW đáng ra phải bị đóng cửa, như mọi nhà tù nữ khác. Rất ít tội phạm là nữ. Sai lầm của họ thường là chọn nhầm bạn trai.

Bắc Carolina giam các tử tù ở NCCIW. Hiện giờ ở đây có bảy tử tù, trong đó có thân chủ của chúng tôi, Shasta Briley. Cô bị kết tội đã giết ba đứa con của mình, ở một địa điểm chỉ cách buồng tử tù hiện giờ có 30 cây số.

Cuộc đời cô lại là một câu chuyện buồn nữa của những đứa trẻ không hề có cơ hội trong đời. Mẹ cô nghiện ma túy khi mang thai cô, rồi cô cứ trôi từ nhà chăm sóc này đến cô nhi viện nọ. Cô bỏ học, có thai, sinh con, sống với một người dì, làm việc chỗ này chỗ kia với mức lương tối thiểu, sinh thêm một đứa con nữa, rơi vào nghiện ngập. Sau khi sinh đứa con thứ ba, cô may mắn tìm được chỗ trong một nhà cư mang người vô gia cư và được một cô vãn ở đó giúp cai nghiện. Một người ở nhà thờ cho cô công việc, và gần như nhận nuôi cô và ba đứa con, rồi cô được chuyển đến một căn nhà hai tầng nho nhỏ mà họ thuê cho cô. Cuộc sống của cô luôn khó khăn, và cô từng bị bắt vì tội dùng chi phiếu giả. Cô bán thân kiếm tiền, rồi chuyển sang bán ma túy.

Cuộc đời cô là cơn ác mộng, cũng chính vì thế mà họ dễ dàng kết tội cô.

Tám năm trước, nhà cô bốc cháy trong đêm. Cô leo cửa sổ thoát ra được, người bị bỏng và trầy xước, chạy ra ngoài hét gọi hàng xóm cứu người. Ba đứa con gái của cô đều thiệt mạng trong ngọn lửa. Người dân trong vùng đến an ủi cô sau thảm kịch. Tang lễ của ba đứa trẻ thật thê lương, cả báo đài địa phương cũng đến đưa tin. Rồi đi điều tra viên phóng hỏa của bang đến. Khi anh ta nhắc đến chữ *phóng hỏa*, mọi cảm thương người ta dành cho Shasta đều tiêu tan hết.

Ở phiên tòa, công tố viên chứng minh được rằng vài tháng trước vụ hỏa hoạn, cô đã tất bật đi mua bảo hiểm: ba đi đầu khoản đền bù nhân mạng trị giá 10.000 đô-la cho mỗi đứa con, và đền bù 10.000 đô-la cho nội thất căn nhà. Một người bà con làm chứng rằng Shasta đã đề nghị bán con mình, với giá 1.000 đô-la mỗi đứa. Chuyên gia cũng trình bày rõ ràng quan điểm đây là cố ý phóng hỏa. Shasta có rất nhiều điểm yếu: tiền án tiền sự, ba đứa con với ba người đàn ông khác nhau, tiền sử ma túy và mãi dâm. Ở hiện trường vụ án, hàng xóm khai với cảnh sát rằng cô đã cố xông vào ngôi nhà đang cháy, nhưng lửa quá lớn. Người cô đầy máu, bị bỏng ở tay, và điên cuồng đến quẫn trí. Tuy nhiên, khi giả thuyết phóng hỏa được đưa ra, hầu hết hàng xóm đều thay đổi câu chuyện. Ở phiên tòa, ba hàng xóm của cô khai rằng cô có vẻ bàng quan khi ngọn lửa bùng cháy. Một người còn được phép đưa ra ước đoán rằng có lẽ cô đang phê ma túy.

Bảy năm sau, cô sống đơn độc trong buồng giam, hiếm khi tiếp xúc với ai. Tình dục là thứ đổi chác ở nhà tù nữ, nhưng đến giờ các quản giáo chẳng buồn động đến cô. Cô rất yếu, ăn ít, đọc Kinh thánh và sách cũ nhiều giờ mỗi ngày, và nói không ra hơi. Chúng tôi nói chuyện qua một tấm lưới nên không cần điện thoại. Cô cảm ơn tôi đã đến, và hỏi thăm về Mazy.

Phải lo cho bốn đứa con, Mazy hiếm khi rời Savannah, nhưng cô đã đến đây hai lần và rất khăng khít với Shasta. Họ viết thư cho nhau hàng tuần và trò chuyện qua điện thoại mỗi tháng một lần. Đến giờ, Mazy đã am hiểu về phóng hỏa hơn hầu hết chuyên gia trong ngành này.

“Hôm qua, tôi vừa nhận được thư của Mazy,” cô cười nói với tôi. “Có vẻ mấy đứa nhỏ khỏe cả.”

“Con của cô ấy khỏe lắm mà.”

“Tôi nhớ con mình, anh Post à. Đây là nỗi khổ lớn nhất của tôi. Tôi nhớ con.”

Hôm nay, tôi không màng gì đến thời gian gấp gáp nữa. Ở đây, họ cho phép luật sư được ở lại bao lâu tùy ý, và Shasta thì rất mừng khi được ra khỏi buồng. Chúng tôi nói chuyện về vụ án của cô, về con của Mazy, về thời tiết, Kinh Thánh, sách vở, bất kỳ chuyện gì cô thích. Sau một tiếng chuyện trò, tôi mới hỏi, “Cô đọc báo cáo phóng hỏa chưa?”

“Đã đọc hai lần, từng chữ một. Có vẻ tiến sĩ Muscrove rất giỏi.”

“Cứ mong là thế.” Muscrove là chuyên gia về phóng hỏa của chúng tôi, một nhà khoa học thực sự đã đảo ngược hoàn toàn kết quả đi điều tra của bên công tố. Anh ấy chắc chắn rằng vụ hỏa hoạn không phải do chủ tâm. Nói cách khác, không có tội ác gì ở đây cả. Nhưng làm sao để đưa báo cáo của anh đến tay một thẩm phán có lòng trắc ẩn lại là chuyện không dễ dàng gì. Cơ hội khả dĩ nhất là xin lệnh ân xá phút chót của Thống đốc, một chuyện cũng vô cùng khó xảy ra.

Khi chúng tôi nói chuyện, tôi vẫn ghi nhớ trong đầu rằng có lẽ vụ này chúng tôi sẽ thất bại. Trong sáu thân chủ mà chúng tôi đang biện hộ lúc này, Shasta Briley là người có khả năng sống sót thấp nhất.

Chúng tôi có bàn về bản báo cáo của Muscrove, nhưng khoa học thường quá cao siêu không hiểu nổi, thậm chí với người như tôi. Cô ngả người quay lại với quyển tiểu thuyết lãng mạn đang đọc, và tôi cũng sẵn lòng ngả ối đó với cô. Tôi thường phải ngạc nhiên trước đam mê văn học nảy nở trong những phạm nhân lúc chịu cảnh tù.

Một quản giáo vào nhắc tôi giờ đã muộn rồi. Hóa ra, chúng tôi đã chuyện trò được ba tiếng. Tôi đưa tay lên tấm lưới, chạm khẽ tay Shasta, nói lời tạm biệt. Và như thường lệ, cô cảm ơn tôi vì đã dành thời gian bên cô.

Vào thời điểm xảy ra vụ án mạng của Russo, cảnh sát trưởng thành phố Seabrook là Bruno McKnatt, nhưng theo chúng tôi biết, có vẻ ông ấy không dính dáng gì mấy đến cuộc đi điều tra. Ở Florida, cảnh sát hạt là lực lượng bảo vệ pháp luật chính và có thể đảm nhận bất kỳ vụ án nào, kể cả các vụ án của các tiểu khu, nhưng ở các thành phố lớn thì các đơn vị cảnh sát ở đó được hoạt động độc lập. Russo bị sát hại trong phạm vi thành phố Seabrook, nhưng McKnatt bị gạt ra, và người xen vào đảm nhận là Bradley Pfizner, cảnh sát trưởng hạt, đầy thâm niên và uy thế ở Hạt Ruiz.

McKnatt làm cảnh sát trưởng thành phố từ năm 1984 đến 1990, rồi chuyển sang làm ở Gainesville. Sự nghiệp của ông chẳng tiến triển, và ông cố chuyển sang ngành bất động sản. Theo Vicki biết, hiện giờ ông đang ở một làng dưỡng lão xoàng, tên là Làng Hoàng Hôn gần Winter Haven. Ông đã 66 tuổi, lãnh trợ cấp từ cả An ninh Xã hội và tiểu bang. Ông có vợ, ba người con trai đã lớn sống đâu đó ở Nam Florida. Hồ sơ chúng tôi có về McKnatt khá ít, vì ông không liên quan gì mấy đến việc đi điều tra vụ này. Ông không ra làm chứng trước tòa, cũng hiếm khi được nhắc đến trong phiên tòa.

Việc đầu tiên tôi làm khi bắt tay vào vụ này là liên hệ với McKnatt. Ông không phải là dân gốc Seabrook, chỉ ở đây trong vài năm. Tôi cho rằng ông còn vài người quen ở đó và không hứng thú lắm với vụ án mạng này. Tôi gọi điện cho ông trước một ngày, và có vẻ ông sẵn lòng trò chuyện.

Cấu trúc của Làng Hoàng Hôn là các nhà di động chụm lại thành từng hình tròn, và các vòng tròn nhà này bao quanh tòa nhà trung tâm. Mỗi nhà đều có cây lớn và đường bê tông đi vào, xe cộ ở đây chiếc nào chiếc nấy ít nhất cũng đã mười năm tuổi. Các cư dân cao tuổi có vẻ háo hức được thoát

khỏi căn nhà chật chội của mình, tôi thấy rất nhiều người ra hiện ng ồi, chuyện trò trao đổi với nhau. Nhiều nhà di động có cả dốc thoải cho xe lăn lên xuống. Khi lái ngang khối nhà đầu tiên, tôi chăm chú để mắt quan sát. Vài người già thân thiện vẫy tay, nhưng hầu hết đều nhìn chằm chằm chiếc Ford SUV mang biển số Georgia của tôi như thể vừa phát hiện kẻ đột nhập. Tôi đỗ xe gần tòa nhà trung tâm, đứng một hồi quan sát các ông bà cụ chầm chậm chơi shuffleboard dưới một tán l ầu lớn. Số khác thì chơi cờ và domino.

Ở tuổi 66, McKnatt chắc chắn thuộc lớp trẻ ở cộng đ ồng này. Tôi thấy ông đội mũ bóng chày đội Braves và đang tiến đến. Chúng tôi ra một bàn ngoài trời dưới bóng bức tường dán đ ầy áp-phích. Ông bị thừa cân nhưng vẫn không đến nỗi nào. Ít ra không phải thở bằng oxy.

Ông nói, có vẻ thủ thế, “Tôi thích sống ở đây, nhiều người tốt, lo cho nhau. Chẳng ai có ti ền, nên chẳng phải vờ vĩnh làm gì. Chúng tôi cố sống tích cực, và ở đây nhiều việc để làm mà.”

Tôi đáp lại bằng một câu khuôn sáo, khen chỗ này có vẻ được lắm. Nếu nghi ngờ tôi thì ông đâu lộ diện làm gì. Ông muốn nói chuyện và có vẻ tự hào vì có người đến thăm. Tôi nói qua sự nghiệp cảnh sát của ông trong vài phút, rồi ông đi vào điểm chính.

“Tại sao anh lại quan tâm đến Quincy Miller?”

“Anh ấy là thân chủ của tôi và tôi đang cố đưa anh ấy ra tù.”

“Chuyện cũng lâu lắm rồi nhỉ?”

“Hai mươi hai năm. Ông biết anh ấy chứ?”

“Trước vụ đó thì không.”

“Ông có đến hiện trường vụ án không?”

“Dĩ nhiên là có. Pfitzner cũng có mặt, đến khá nhanh, và yêu c ầu tôi đưa cô Russo về nhà. Chính cô ấy phát hiện thi thể và gọi 911. Cô ấy rồi như tờ vò. Tôi đưa cô ấy về nhà, ng ồi lại một lát cho đến khi vài người bạn của gia đình đến, thật thương tâm, rồi tôi trở lại hiện trường. Pfitzner phụ trách vụ đó, như thường lệ, và ông ta đang chỉ huy khám nghiệm hiện trường.



Tôi đã nói là nên gọi cho cảnh sát bang, theo thông lệ là thế, nhưng Pfitzner bảo để sau đi.”

“Sau đó có gọi không?”

“Đến hôm sau mới gọi. Ông ta thông thả lắm. Ông ta không muốn có ai khác đi điều tra vụ này.”

“Ông với Pritzner thế nào?” Tôi hỏi.

Ông cười, nhưng không thoải mái cho lắm. “Tôi sẽ nói thật,” làm như này giờ ông toàn nói dối vậy. “Pfitzner khiến tôi bị đuổi khỏi ngành, lão không ưa gì tôi. Lão làm cảnh sát trưởng hạt 20 năm, rồi thành phố đưa tôi về làm cảnh sát trưởng thành phố, và lão chưa hề tôn trọng tôi hay bất kỳ cảnh sát nào trong đội của tôi. Lão nắm chặt khu vực đó và không muốn có cảnh sát mới nào xâm phạm địa bàn của lão. Chuyện là thế thôi.”

“Tại sao ông ta lại khiến ông bị đuổi?”

McKnatt cau mày, nhìn sang mấy ông già đang chơi shuffleboard. Cuối cùng, ông nhún vai, “Anh phải hiểu quy tắc của thành phố nhỏ. Tầm chục người theo tôi, nhưng số ủng hộ Pfitzner thì gấp đôi. Lão chiếm phần lớn ngân sách, bao nhiêu tùy lão, phần còn lại thì cho tôi. Chúng tôi chưa hề hợp nhau vì lão xem tôi là mối đe dọa. Pfitzner đã sa thải một cảnh sát, và khi tôi tuyển lại anh ta, lão nổi giận. Mọi chính trị gia đều sợ lão, và lão đã nhờ vả ai đó, khiến tôi bị đuổi. Tôi không thoát kịp khỏi nơi đó. Anh đến Seabrook rồi chứ?”

“Chưa.”

“Anh sẽ chẳng tìm được gì nhiều đâu. Pfitzner đã nghỉ hưu lâu rồi, và tôi chắc chắn hành tung của lão đã được xóa sạch.”

Đây là một câu đậy ắp ý, như thế ông dụ tôi hỏi thêm, nhưng tôi giả vờ làm ngơ. Đây chỉ mới là lần đầu gặp nhau, và tôi không muốn tỏ vẻ quá hăm hở. Tôi phải tạo niềm tin, mà chuyện đó thường mất nhiều thời gian. Nói về cảnh sát trưởng Pfitzner thế đủ rồi. Tôi quay lại vấn đề chính.

“Ông biết Keith Russo chứ?” Tôi hỏi.

“Hắn rồi. Tôi biết mọi luật sư ở đó. Thành phố bé tí tẹo.”

“Ông nghĩ sao về anh ấy?”

“Khôn ngoan, ngạo mạn, tôi không ưa cho lắm. Anh ta từng dày vò người của tôi trong một phiên tòa, và tôi không ưa chuyện đó. Có lẽ anh ta chỉ làm việc của mình thôi. Keith Russo muốn làm luật sư t ần c ỗ và theo tôi thấy, có vẻ anh ta đang đi đúng hướng. Một hôm nọ, chúng tôi thấy anh ta lái một chiếc Jaguar đen mới coóng, có lẽ là chiếc duy nhất trong thành phố. Người ta đ ền là anh ta vừa thắng một vụ lớn ở Sarasota và kiếm được bộn t iền. Anh ta khoe mẽ như thế đấy.”

“Còn cô vợ, Diana?”

Ông lắc đầu, có vẻ thương tâm lắm. “Người phụ nữ tội nghiệp. Có lẽ tôi luôn thấy thương cô ấy. Anh tưởng tượng nỗi cảm giác của cô ấy khi thấy một thi thể nát bét như thế chứ? Cô ấy đã sụp đổ.”

“Đúng là không hình dung nổi. Cô ấy giỏi nghề luật sư chứ?”

“Được xem là giỏi, tôi đoán thế. Tôi chưa gặp vụ nào với cô ấy. Một cú hạ gục, tôi nghĩ vậy, với một mỹ nhân.”

“Ông có dự phiên tòa không?”

“Không. Họ chuyển nó sang Hạt Butler, và tôi không có thời gian để đi dự hết phiên tòa.”

“Vào thời điểm đó, ông có nghĩ Quincy Miller là hung thủ không?”

Ông nhún vai, “Hẳn r ồi. Tôi chẳng có lý do gì để nghi ngờ chuyện đó cả. Theo tôi nhớ lại, có động cơ khá mạnh để ra tay mà, thâm thù huyết hận. Chẳng phải có nhân chứng khai đã thấy anh ta chạy ra khỏi hiện trường sao?”

“Phải, nhưng cô ta không xác minh chính xác được.”

“Chẳng phải họ tìm được hung khí trong xe của Miller sao?”

“Không hẳn. Họ tìm được một cây đèn pin dính chút máu thôi.”

“Và ADN khớp, phải chứ?”

“Thời 1988 làm gì có xét nghiệm ADN. Và cây đèn pin cũng đã biến mất.”

Ông ngẫm nghĩ một h ời, và rõ ràng là ông không nhớ rõ những điểm quan trọng. Hai năm sau vụ án đó, ông rời Seabrook và cố quên hết v ề nơi

đó. Ông nói: “Tôi luôn nghĩ nó là một vụ đã đầu vào đấy. Nhưng anh lại nghĩ khác, đúng không?”

“Phải, không thì tôi đầu đến đây.”

“Vậy đi đâu gì khiến anh, sau chừng ấy năm, lại nghĩ rằng Miller vô tội?”

Tôi không định nói ra giả thuyết của mình, lúc này thì chưa. Sau hãy hay. “Căn cứ kết tội không chặt chẽ.” Tôi nói mơ hồ thế thôi, rồi chuyển sang chuyện khác, “Ông còn liên lạc với ai ở Seabrook sau khi rời đi không?”

Ông lắc đầu. “Có lẽ không. Tôi ở đó không lâu, và rời đi lại vội vã. Chỗ đó là nốt trăn trong sự nghiệp của tôi.”

“Ông biết một cảnh sát tên Kenny Taft chứ?”

“Chắc chắn rồi, tôi biết hết mọi người ở đó, dù mỗi người thân mỗi kiểu. Lúc anh ấy bị giết, tôi có đọc thấy tin trên báo. Hồi đó tôi lo chống ma túy ở Gainesville. Tôi nhớ tấm ảnh chụp anh ấy. Đó là người tốt. Sao anh lại hỏi về anh ấy?”

“Ông McKnatt à, hiện giờ chuyện gì tôi cũng muốn hỏi. Kenny Taft là cảnh sát da đen duy nhất dưới trướng Pfitzner.”

“Bọn buôn ma túy đâu quan tâm anh da trắng hay da đen, nhất là trong những vụ đấu súng.”

“Cái đó ông nói đúng. Tôi chỉ tò mò xem ông biết anh ấy không.”

Một ông già mặc quần đùi, tất đen, giày đỏ tiến đến, tay cầm hai cốc nước chanh để trên bàn cho chúng tôi. McKnatt quay ra, “Cảm ơn, Herbie. Đúng lúc thật đấy.”

Herbie nói ngay, “Tôi sẽ gửi phiếu tính tiền sau,” rồi quay đi. Chúng tôi uống nước và xem màn chơi shuffleboard kiểu chậm.

McKnatt hỏi, “Nếu Miller của anh không giết Russo, vậy thì ai ra tay?”

“Tôi chẳng biết, và có lẽ sẽ không bao giờ biết. Việc của tôi chỉ là chứng minh Miller vô tội.”

Ông lắc đầu, cười. “Chúc may mắn. Nếu hung thủ là kẻ khác, thì hẳn đã có đến hơn 20 năm để cao chạy xa bay rồi. Vụ này không có hy vọng gì

đâu.”

“Ông nói cũng phải,” tôi mỉm cười đồng ý. “Nhưng lâu nay, vụ nào của tôi cũng thế.”

“Anh toàn làm mấy việc này thôi à? Phá mấy vụ xưa lắc lơ và đưa người ta ra khỏi tù?”

“Phải.”

“Bao nhiêu vụ?”

“Tám, trong mười năm qua.”

“Cả tám người đầu vô tội?”

“Phải, như ông và tôi vậy.”

“Mấy lần anh tìm được hung thủ thật sự?”

“Không phải lúc nào cũng tìm được, nhưng đã xác định được thủ phạm trong bốn vụ.”

“Thế thì chúc anh may mắn trong vụ này.”

“Cảm ơn ông. Chắc tôi cần may mắn thật.” Rồi tôi chuyển chủ đề sang thể thao. Ông là fan của Gators và tự hào vì đội bóng rổ của mình đang có mạch thắng. Chúng tôi còn chuyển sang chuyện thời tiết, chuyện đời về hưu, bàn đôi chút về chính trị nữa. McKnatt không sắc sảo đến nỗi tôi phải nán lại học hỏi và dường như ông cũng không hứng thú gì mấy với vụ sát hại Russo.

Sau một tiếng, tôi cảm ơn ông đã dành thời gian và hỏi xem lần sau tôi ghé lại có được không. Ông rất hồ hởi khi có người đến thăm, hẳn nhiên rồi.

Tôi lái xe đi, và thấy ngạc nhiên khi ông không cảnh báo gì tôi về Seabrook hay cung cách mờ ám lâu nay của nó. Dù rõ ràng ông không ưa gì cảnh sát trưởng Pfitzner, nhưng cũng không nói gì đến chuyện tham nhũng biến chất, một chút cũng không.

Thế nghĩa là chuyện của ông vẫn còn những uẩn khúc.

Sau hai tháng khởi đầu chậm chạp, cuối cùng chúng tôi cũng có được bước đột phá đầu tiên. Carrie Holland Pruitt đã gọi và muốn nói chuyện. Tôi lên đường trước bình minh ngày Chủ nhật, lái xe sáu tiếng đến Dalton, Georgia, tầm nửa quãng đường từ Savannah đến Kingsport, Tennessee. Đến nơi, tôi tấp vào một trạm cạnh Xa lộ liên bang 75, chỗ này tôi từng ghé r ồi. Chỗ tôi đỗ xe có t ầm nhìn ra công vì tôi đang chờ Frankie. Chúng tôi đã bàn bạc qua điện thoại, và 20 phút sau, anh đến, đỗ cạnh xe tôi. Tôi vẫn ng ồi trong xe, còn anh vào quán.

Anh chọn một chỗ g ần cuối quán, gọi cà phê, sandwich, r ồi mở báo đọc. Trên bàn đã sẵn các lọ gia vị và hộp khăn giấy như thông lệ. C ầm tờ báo vừa đọc vừa làm thứ che cho mình, anh thay lọ muối tiêu của quán bằng lọ của chúng tôi, kiểu đ ồng giá rẻ mua được ở bất kỳ cửa hàng tạp hóa nào. Nhưng chúng tôi đã cài một máy thu âm ở đáy lọ muối. Bánh được dọn ra, anh c ầm lọ rắc chút muối lên để đảm bảo nó bình thường, không gây nghi ngờ gì. Anh nhắn tin cho tôi, báo đã thu xếp ổn thỏa, và trong quán không đông người.

Đến 1:00 chiều, thời điểm như đã hẹn, tôi nhắn tin cho Frankie và bảo anh ấy ăn từ từ thôi. Vẫn chưa thấy bóng dáng chiếc bán tải của Buck hay chiếc Honda của Carrie Pruitt đâu cả. Từ hồ sơ, tôi đã nắm và ghi nhớ màu xe cũng như biển số Tennessee của chúng. Đến 1:15, tôi thấy chiếc bán tải ch ầm chậm tiến vào, li ền nhắn tin cho Frankie. Tôi ra khỏi chiếc SUV, vào quán, thấy Frankie đang thanh toán ở quầy. Cô phục vụ đang dọn bàn, tôi hỏi mình ng ồi luôn ở đây được không.

Carrie đưa Buck theo cùng, thế là dấu hiệu tốt. Rõ ràng cô ấy đã kể chuyện cũ của mình và c ần anh hỗ trợ. Buck rất lực lưỡng với đôi cánh tay

vạm vỡ, chòm râu xám, và lúc đó tôi đã nghĩ anh là người dễ nổi nóng, nhưng hóa ra không phải. Họ vừa bước vào cửa, tôi đã bật dậy vẫy tay gọi. Chúng tôi giới thiệu nhau khá gượng gạo và tôi chỉ vào bàn mời họ ngồi. Tôi cảm ơn Carrie vì đã chịu gặp, và nhất định bắt họ phải gọi món. Tôi cũng đói lắm rồi, nên gọi cho mình trứng và cà phê. Họ thì gọi burger và khoai tây chiên.

Buck nhìn tôi với ánh mắt đầy ngờ vực. Tôi chưa kịp vào đề, anh đã nói, “Chúng tôi đã dò trên mạng. Hội Mục vụ Vệ nhân. Các anh là giảng sư hay luật sư?”

“Cả hai,” tôi nói với nụ cười đắc thắng, rồi nói sơ qua về Hội chúng tôi.

Buck tự hào, “Cha tôi cũng từng là giảng sư đấy.”

Tôi đã biết việc này. Bốn năm trước, cha anh nghỉ hưu sau 30 năm phụng sự Ở một nhà thờ hạt nho nhỏ tại ngoại ô Blountville. Tôi cũng chiêu theo hứng thú này, và nói dăm ba câu về thần học. Tôi ngờ rằng Buck đã rời xa đức tin từ lâu rồi. Dù về ngoài cục mịch, nhưng giọng anh lại êm dịu và cung cách nhẹ nhàng.

Carrie nói, “Anh Post à, vì nhiều lý do, tôi chưa hề kể cho Buck về chuyện trước đây của mình.”

“Cứ gọi Post là được rồi,” tôi nói. Cô mỉm cười và một lần nữa, tôi lại cảm nhận được đôi mắt và đường nét xinh đẹp của cô. Hôm nay cô có trang điểm, cột mái tóc vàng ra sau, và nếu như được sống một cuộc sống khác thế này, có vẻ nhan sắc của cô sẽ mở ra cho cô rất nhiều cơ hội tốt đẹp.

Buck nói, “Được rồi, chuyện quan trọng bàn trước. Làm sao chúng tôi tin anh được?” Anh hỏi câu đó với một người đang bí mật thu âm lời anh cơ đấy.

Tôi chưa kịp trả lời, Buck đã tiếp, “Carrie đã kể cho tôi chuyện hồi đó, việc cô ấy đã làm, và rõ ràng chúng tôi có bện tâm, nếu không đã chẳng đến đây. Nhưng tôi vẫn thấy chuyện này phiến phức lắm.”

Carrie hỏi thêm, “Thực sự, anh muốn gì?”

“Sự thật,” tôi đáp.

“Anh không mang máy thu âm hay gì đó chứ?” Buck hỏi.

Tôi khịt mũi, đưa tay lên để cho thấy mình không có gì phải giấu. “Thôi nào, tôi đâu phải cảnh sát. Nếu muốn khám xét tôi, xin cứ tự nhiên.”

Cô phục vụ đến châm thêm cà phê, và cả ba chúng tôi đều im bật. Tôi quay lại vấn đề khi cô ta đã rời đi. “Tôi không mang máy ghi âm. Tôi không làm việc kiểu đó. Cái tôi muốn đơn giản lắm. Chỉ cần cô cho tôi biết sự thật, rồi ký bản khai có tuyên thệ để sau này tôi có thể dùng nó giúp cho Quincy Miller. Tôi cũng nói chuyện với các nhân chứng khác và chỉ muốn một điều thôi — sự thật. Tôi biết nhiều về lời chứng bị cảnh sát và công tố viên ngụy tạo, và tôi đang cố xâu chuỗi chúng lại với nhau. Lời khai của cô chắc chắn sẽ rất hữu ích, nhưng nó chỉ là một phần trong kế hoạch này thôi.”

“Bản khai có tuyên thệ là gì chứ?” Buck hỏi.

“Chỉ là một bản khai, sau khi đã tuyên thệ. Tôi sẽ viết ra cho hai người duyệt qua. Rồi tôi giữ kín nó cho đến khi cần dùng. Không một ai ở Kingsport biết chuyện gì đâu. Seabrook thì quá xa chỗ này rồi.”

“Tôi có cần phải đến tòa không?” Carrie hỏi.

“Khả năng cao là không. Cứ cho là tôi có thể thuyết phục thẩm phán rằng Quincy đã bị xét xử không công bằng. Mà đây là chuyện trường kỳ, không phải nay mai đâu. Nhưng nếu tôi làm được, thì khả năng công tố viên quyết định đưa Quincy ra xét xử lại về tội giết người càng thấp hơn nữa. Có lẽ tiến trình phải mất vài năm. Nếu được như thế, cô có thể được gọi đến làm nhân chứng, nhưng xác suất thấp lắm, vì tối hôm đó, cô đâu thấy một người da đen chạy ra khỏi hiện trường, phải chứ?”

Carrie không gạt đầu, cũng không trả lời gì. Món của chúng tôi được dọn lên, ai nấy chuẩn bị để ăn. Buck thích tương cà. Cả hai chẳng ai động đến lọ muối tiêu. Tôi rắc muối lên trứng rồi đặt cái lọ ngay giữa bàn.

Carrie nhón một miếng khoai tây chiên và tránh chạm phải ánh mắt tôi. Buck thì hăng say nhai burger của mình. Rõ ràng họ đã bàn kỹ chuyện này nhưng vẫn chưa chốt được gì. Có lẽ phải thúc cô ấy mới được, “Carrie, ai đã thuyết phục cô ra làm chứng vậy? Cảnh sát trưởng Pfitzner?”

“Anh Post này, tôi sẽ nói chuyện và cho anh biết sự thật, nhưng tôi không thích dẫn sâu vào chuyện này. Tôi sẽ suy nghĩ rất kỹ và rất lâu rồi

mới ký bản khai có tuyên thệ đó được.”

“Anh không thể lặp lại chính xác mọi lời cô ấy đã nói, phải chứ?” Buck vừa lau miệng bằng giấy ăn, vừa hỏi.

“Khi ra tòa, tôi không thể đưa ra mọi lời cô ấy đã nói, chỉ được dùng những gì có trong bản khai thôi, nếu ý anh muốn hỏi vậy. Tôi có thể đem lời cô ấy nói bàn bạc với hội của mình, nhưng chỉ như vậy thôi. Bất kỳ thẩm phán nào cũng yêu cầu bản khai có tuyên thệ từ nhân chứng.”

“Tôi lo cho các con mình,” Carrie nói. “Chúng không biết chuyện. Chúng mà biết mẹ mình đã nói dối trên tòa và khiến người ta phải vào tù, thì tôi chẳng biết giấu mặt chỗ nào nữa.”

“Tôi hiểu, Carrie à, và cô lo lắng cũng phải. Nhưng cũng có khả năng, chúng sẽ tự hào vì cô đã đủ dũng khí đứng ra giúp giải thoát một người vô tội. Ta đâu mắc sai lầm ở tuổi đôi mươi, nhưng có những sai lầm ta có thể khắc phục. Cô lo cho các con là đúng. Nhưng hãy nghĩ cho Quincy Miller. Anh ấy có ba người con đã 22 năm chưa được gặp. Cả năm đứa cháu anh ấy chưa thấy mặt lần nào, kể cả qua ảnh.”

Họ không ăn nữa, thay vào đó, cố nuốt trôi những lời tôi nói. Họ quá choáng ngợp và sợ hãi, nhưng tôi không thể để dừng ngang đây. Tôi nói tiếp, “Chúng tôi có hồ sơ cho thấy các cáo buộc về ma túy của cô đã được hủy vài tháng sau phiên tòa. Pfitzner đã thuyết phục cô ra làm chứng, kể lại câu chuyện bịa đó, rồi bên công tố hứa hẹn sẽ hủy cáo buộc về ma túy cho cô, phải chứ?”

Cô ấy thở dài, nhìn qua Buck, anh nhún vai, “Cứ nói đi. Ta đâu lái xe năm tiếng để ăn burger.”

Carrie uống chút cà phê, nhưng tay cầm cốc cứ run lên. Cô để nó xuống, rồi đẩy đĩa đồ ăn ra xa mình một chút. Cô nói, mắt nhìn thẳng, “Tôi đã hẹn hò với một cảnh sát tên Lonnie. Chúng tôi chơi thuốc, nhiều lắm. Tôi bị bắt, nhưng anh ấy giúp tôi không phải vào tù. Rồi ông luật sư đó bị giết, và vài tuần sau, Lonnie bảo tôi là đã có cách. Nếu tôi khai rằng đã thấy một người da đen chạy ra khỏi văn phòng ông luật sư, thì tội trạng ma túy sẽ được hủy. Thế thôi. Rồi anh ấy đưa tôi đến văn phòng Pfitzner và tôi kể câu chuyện đó. Hôm sau, Lonnie và Pfitzner đưa tôi đi gặp công tố viên, tôi không nhớ tên ông ta.”



“Burkhead, Forrest Burkhead.”

“Đúng rồi. Và tôi lại kể câu chuyện đó. Ông ta thu âm lời khai, nhưng không nói gì về cáo buộc tội ma túy. Khi tôi hỏi Lonnie về chuyện này, anh ấy bảo Pfitzner và Burkhead đã thỏa thuận với nhau rồi, không có gì phải lo. Tôi và Lonnie hay cãi nhau, chủ yếu là về chuyện ma túy. Tôi đã cai đến nay là 14 năm rồi, anh Post à.”

“Tuyệt quá. Chúc mừng cô.”

“Buck đã giúp tôi.”

Buck nói, “Tôi thích bia nhưng luôn tránh xa ma túy. Tôi biết nếu bập vào nó, cha tôi sẽ bắn bỏ tôi ngay.”

Carrie kể tiếp, “Sau đó, họ đưa tôi đến Hạt Butler để dự phiên tòa và ra làm chứng. Tôi thấy giằng xé vì chuyện này, nhưng cũng không muốn vào tù. Tôi cho rằng mình phải chọn giữa bản thân hoặc Quincy Miller, và tôi luôn sống vì mình. Ai cũng vì mình mà. Nhiều năm sau đó, tôi đã cố quên đi chuyện phiên tòa. Tay luật sư trẻ đó đã biến tôi thành con ngốc.”

“Tyler Townsend.”

“Đúng rồi. Tôi sẽ không bao giờ quên anh ta.”

“Rồi cô đi khỏi thành phố đó.”

“Phải. Ngay khi tòa xử xong, Pfitzner gọi tôi đến văn phòng ông ta, nói lời cảm ơn, cho tôi 1.000 đô-la và bảo tôi đi thật xa. Ông ta nói nếu trong năm năm tới mà tôi về lại Florida, ông sẽ cho người bắt tôi vì tội khai man. Tin nổi không? Một cảnh sát chở tôi đến Gainesville, cho tôi lên xe bus đi Atlanta. Tôi chưa hề về lại đó, mà cũng chẳng muốn về. Tôi còn chẳng cho bạn bè biết mình đi đâu. Mà cũng có mấy bạn bè đâu. Chỗ đó đâu có gì để níu chân người ta.”

Buck có vẻ muốn tỏ ra mình là người tốt, “Khi cô ấy kể cho tôi biết sự thật, mới mấy tuần trước thôi, tôi bảo, ‘Em phải nói sự thật. Người đó bị giam là do em đấy.’”

“Hồ sơ của cô vẫn còn một tội trạng về ma túy,” tôi cho biết.

“Đấy là tội trạng đầu tiên, một năm trước vụ đó.”

“Cô nên tìm cách xóa bỏ nó đi chứ.”

“Tôi biết, nhưng chuyện lâu lắm rồi. Tôi và Buck đang rất yên ổn. Chúng tôi làm việc chăm chỉ, cuộc sống ổn định. Tôi chẳng muốn nghĩ chuyện quá khứ làm gì cho một người, anh Post à.”

“Nếu cô ấy ký bản khai có tuyên thệ, họ có thể cáo buộc cô ấy tội khai man ở Florida không?” Buck hỏi.

“Không, hạn định thời gian cho tội đó đã qua. Hơn nữa, thực sự chẳng ai quan tâm đâu. Ở đó, cảnh sát trưởng, công tố viên, thẩm phán đều là người mới.”

“Khi nào mới giải oan được?” cô hỏi, rõ ràng thấy nhẹ nhõm khi đã nói ra sự thật.

“Tiến trình này chậm lắm, nếu có ra tòa được thì cũng phải mất vài tháng hoặc vài năm. Nhưng tôi cần cô ký bản khai có tuyên thệ trước đã.”

“Cô ấy sẽ ký,” Buck nói, rồi nhai thêm miếng bánh nữa. Miệng nhồm nhoàm, anh ấy quay sang Carrie, “Phải chứ, em yêu.”

“Em sẽ suy nghĩ về chuyện này.”

Buck nói, “Nghe này, nếu ta phải đến Florida, thì anh sẽ đưa em đi và sẽ tấn bất kỳ kẻ nào kiếm chuyện.”

“Sẽ không có vấn đề gì đâu, tôi đảm bảo đấy. Vấn đề duy nhất với cô, Carrie à, là phải tìm cách kê cho các con mình. Gia đình và bạn bè cô có lẽ sẽ không bao giờ biết đâu. Nếu ngày mai Quincy Miller ra tù, thì ở Kingsport, Tennessee, có mấy người biết chuyện chứ?”

Buck gật đầu đồng ý, cắn thêm miếng bánh nữa. Carrie nhón lấy một miếng khoai tây chiên. Buck nói, “Hai đứa con của cô ấy ngoan lắm. Tôi còn có hai đứa khá nghịch ngợm, nhưng con của Carrie thì ngoan. Anh dám chắc chúng sẽ tự hào về em, em yêu.”

Carrie cười, nhưng tôi không chắc cô ấy có tin thế không. Còn Buck, đồng minh mới của tôi lại rất tự tin về chuyện này.

Tôi ăn xong phần trứng của mình và bắt đầu hỏi thăm Carrie về tình trạng ma túy ở Seabrook hồi đó. Cocaine và cần sa là phổ biến nhất, và Lonnie luôn có hàng. Hai người họ cứ hợp rồi tan, và cô ấy không kết thân

với các cảnh sát khác, nhưng cũng biết được một vài người tinh thông có bán ma túy số lượng nhỏ. Cô nói mình chẳng biết gì về chuyện Pfitzner có vai trò gì đó trong đường dây buôn ma túy này.

Khi phục vụ đã dọn bàn, tôi kêu tính tiền, rồi quay sang cảm ơn hai vợ chồng Carrie, cũng như bày tỏ sự cảm kích trước dũng khí của cô. Tôi hứa sẽ không chuẩn bị bản khai có tuyên thệ cho đến khi cô có quyết định rõ ràng. Chúng tôi chào tạm biệt rồi ra bãi đỗ xe. Tôi đứng đó nhìn họ lái đi, rồi trở vào quán, tiến tới chỗ bàn vừa nãy để lấy cái mũ mà tôi cố tình để quên. Lúc không ai để ý, tôi đổi hai lọ muối tiêu bằng hai lọ khác đã để sẵn trong túi.

Ra khỏi đó được ba dặm tôi tấp vào một trung tâm mua sắm. Mấy giây sau Frankie cũng đến, đỗ cạnh xe tôi, nhào người ra và cười tươi rói. Tay anh cầm đoạn thu âm, “Rõ ràng đến từng chữ.”

Việc này có thể bị xem là bản thử. Nhưng chúng tôi buộc phải đương đầu với các nhân chứng nói dối, cảnh sát nguy tạo chứng cứ, những chuyên gia lừa phỉnh thẩm phán, và các công tố viên mua chuộc người khai man. Chúng tôi là người tốt, mà thường phải dùng thủ đoạn bẩn, vì đó là cách duy nhất để cứu thân chủ của mình.

Nếu Carrie Holland Pruitt không chịu hợp tác và ký bản khai có tuyên thệ, thì tôi sẽ tìm cách đưa đoạn thu âm vừa rồi lên tòa. Và đây không phải lần đầu tôi làm thế.

Chúng tôi từng làm nhiều việc còn bẩn hơn nữa. Frankie đã thuê một thám tử ở Birmingham theo dõi Mark Carter, kẻ đã cưỡng hiếp và sát hại Emily Broone. Hắn ta sống ở một thị trấn nhỏ tại Bayliss, cách Verona tám 15 cây số, cũng là nơi Duke Russell bị kết án. Carter bán máy kéo cho một cửa hàng ở Verona, và mỗi khi tan làm, hắn đầu đi gặp bạn bè uống vài ly, chơi vài ván bida.

Carter đang ng ồi với một chai Bud Light thì có người vấp chân ngã thẳng vào bàn của họ. Mấy chai bia trên bàn rơi xuống vương vãi trên sàn. Người kia đứng dậy, xin lỗi rồi rút, và bầu không khí căng thẳng trong chốc lát. Anh ta dọn đồng chai vương vãi, mời lại một ch ầu mới và vẫn tiếp tục xin lỗi. Đặt bốn chai mới lên bàn, anh chàng bắt đầu kể một chuyện cười. Carter và đám bạn bắt đầu vui vẻ trở lại. Còn anh chàng kia, thám tử của chúng tôi, rút vào một góc và lấy điện thoại ra gọi. Trong túi áo của anh là chai bia mà Carter đang uống dở.

Ngày hôm sau, Frankie đưa nó đến một phòng xét nghiệm ở Durham, cùng một vài sợi lông chúng tôi lấy được từ chứng cứ do cảnh sát cung cấp. Hội chi trả 6.000 đô-la cho một lần xét nghiệm thế này. Kết quả thật tuyệt vời. Giờ chúng tôi đã có chứng cứ ADN liên hệ Carter với vụ cưỡng hiếp giết người.

Ở phiên tòa của Duke, bảy sợi lông được công tố viên bang Alabama đưa vào làm chứng cứ. Chúng được cho là lấy từ hiện trường vụ án, trên người Emily. Duke cũng nộp lông của mình. Và chuyên gia của bang tuyên bố cực kỳ chắc chắn rằng chúng khớp với những sợi tìm được trên thi thể nạn nhân, một chứng cứ quá thuyết phục để xác định chính Duke đã cưỡng

hiếp trước khi thất cô Emily. Một chuyên gia khác làm chứng rằng hung thủ còn cắn nạn nhân vài lần trong khi xâm hại.

Lạ một điểm là không tìm thấy tinh dịch trong và ngoài cơ thể nạn nhân. Nhưng công tố viên Chad Falwright chẳng nao núng, anh ta đơn giản bảo b ả thẩm đoàn rằng “có lẽ Duke đã dùng bao cao su.” Không có chứng cứ gì cho chuyện này, và chẳng hề tìm được bao cao su nào, nhưng như thế là quá hợp lý với b ả thẩm đoàn r ồi. Để có được phán quyết tử hình, Falwright phải chứng minh được tội giết người đi kèm cưỡng hiếp. Nạn nhân tr ần tru ồng và có lẽ đã bị xâm hại tình dục, nhưng chứng cứ lại không rõ ràng. Lông vùng kín là một chứng cứ tối quan trọng.

Trong một khoảnh khắc tỉnh táo hiếm hoi, tay luật sư của Duke đã xin tòa cấp ti ền thuê chuyên gia phân tích mẫu lông riêng cho bên bị, nhưng tòa không chấp thuận. Tay luật sư này, hoặc không biết gì về xét nghiệm ADN, hoặc chẳng buồn quan tâm đến chuyện này. Có lẽ anh ta cho rằng đẳng nào tòa cũng chẳng chấp thuận đâu. Vì thế mà bảy sợi lông vùng kín này chưa hề được xét nghiệm.

Nhưng chúng lại được phân tích theo phương pháp trời ơi đất hỡi, và lời chứng của tay chuyên gia rởm này đẩy Duke vào buồng tử tù mà cách đây ba tháng tôi đã giúp anh thoát kim tiêm thuốc độc khi giờ sinh tử chỉ còn cách hai tiếng.

Giờ chúng tôi đã có sự thật.

VERONA NẪM Ở KHU VỰC trung tâm của bang, khu bình nguyên đầy thông heo hút, cư dân thưa thớt. Với dân số 5.000 người, lái xe tải chở gỗ được xem là công việc ngon ăn r ồi, còn việc tẽ thì là đóng gói hàng. Cứ năm người, lại có một người thất nghiệp. Chốn này ảm đạm quá thế, nhưng hầu như chỗ nào mà tôi ghé lại trong các thị trấn cũng đều là nơi náo nhiệt.

Văn phòng của Chad Falwright nằm trong tòa án, cùng hành lang với phòng xử đã kết án Duke chín năm trước. Tôi đã từng đến đây và thật sự chẳng muốn ghé lại thêm lần nào nữa. Cuộc chuyện trò của tôi với Chad chẳng mấy thân thiện, nhưng tôi đã quen với việc đó. Hầu hết công tố viên khinh ghét tôi, và, tôi cũng đáp lại không khác gì mấy.

Như đã hẹn, tôi đến nơi lúc 1:58 chiều, cười nỉm nở với thư ký của Chad. Rõ ràng, cô ta cũng chẳng ưa gì tôi. Chad đang bận, hẳn rồi, và cô ta mời tôi ngồi chờ dưới bức chân dung một thẩm phán cau có mà tôi hy vọng đã lên trời từ lâu. Mười phút sau, cô ta vẫn cặm cụi gõ máy tính. Trong văn phòng của Chad không có chút động tĩnh nào. Rồi mười lăm phút, vẫn vậy. Qua 20 phút, tôi đành cúi gắt lên tiếng, “Cô nghe này, chúng tôi đã có hẹn, đúng 2:00 chiều, tôi lái xe đường xa đến đây, cô phải cho tôi biết đang có chuyện quái gì thế này?”

Cô ta liếc một cái điện thoại bàn cũ nát và nói, “Anh ấy vẫn đang bàn chuyện với thẩm phán.”

“Anh ta biết tôi đến đây chưa?” Tôi nói lớn, đủ cho Chad nghe thấy.

“Rồi. Giờ xin anh kiên nhẫn cho.”

Tôi ngồi xuống, chờ thêm mười phút nữa, rồi đứng lên, đến bên cửa phòng anh ta mà gõ, thật mạnh. Trước khi anh ta hay cô thư ký kịp nói gì, tôi đã xông vào phòng, và thấy Chad không phải đang gọi điện, mà đứng bên cửa sổ, như thể bị hớp hồn bởi bầu khí sôi động của thành phố dưới kia.

“Ta đã hẹn là 2:00, Chad. Cái quái gì đây?”

“Xin lỗi, Post. Tôi vừa gọi điện cho thẩm phán xong. Mời anh vào.”

“Tôi phải vào chứ, đã lái xe năm tiếng để đến đây mà. Anh tử tế một chút thì hay hơn nhiều.”

“Tôi xin lỗi,” anh ta nói giọng mỉa mai rồi ngã người vào chiếc ghế xoay bọc da của mình. Chad tầm tuổi tôi và 15 năm kinh nghiệm của anh ta chủ yếu là công tố các vụ hình sự, lừa đảo và buôn bán ma túy đá. Đến giờ, vụ nổi nhất của anh ta là án mạng Emily. Ba tháng trước, khi giờ hành hình cận kề, anh ta chớp lấy bất kỳ phóng viên truyền hình nào tìm được và luyện thuyên về gánh nặng công việc của mình.

“Chẳng sao,” tôi nói rồi ngồi xuống.

“Anh toan tính gì vậy?” Chad hỏi, mắt liếc nhìn đồng hồ.

“Chúng tôi đã xét nghiệm ADN,” tôi nói và cố gắng duy trì giọng cúi gắt cần thiết. Thật ra, bây giờ tôi chỉ muốn táng thật mạnh vào mặt anh ta

thôi. “Chúng tôi biết hung thủ thật sự là ai, Chad à, và kẻ đó không phải là Duke Russell.”

Anh ta tiếp nhận rất điềm đạm. “Hay thật.”

“Ừ, hay thật mà. Chúng tôi đã lấy được mẫu ADN của hung thủ và nó khớp với mẫu lông mà bên công tố lưu giữ. Tin xấu đây, Chad. Anh khởi tố nhầm người rồi.”

“Anh đã lục lọi chứng cứ của bên tôi sao?”

“Thông minh lắm. Anh quan tâm đến tội của tôi hơn của anh. Suýt chút nữa, anh đã hành hình một người vô tội, Chad à. Đừng lo về tôi làm gì. Tôi chỉ là người tìm ra sự thật thôi.”

“Sao anh trộm được một sợi lông đó?”

“Dễ mà. Anh đã đưa hồ sơ cho tôi, nhớ chứ? Một năm trước. Ở phòng cuối hành lang này. Tôi đã vật lộn với mở hồ sơ và chứng cứ trong căn phòng bé tẹo đó suốt hai ngày. Một sợi lông tình cờ dính vào tay tôi. Một năm trôi qua, và chẳng ai ở đây phát hiện ra.”

“Anh đã trộm một sợi lông. Thật không tin nổi.”

“Tôi đâu có trộm, Chad. Tôi chỉ mượn thôi. Anh không chấp nhận cho làm xét nghiệm ADN, nên phải có người khác làm thôi mà. Cứ truy tố tôi đi, tôi không quan tâm. Hiện giờ, anh có nhiều chuyện đáng phải lo hơn nhiều.”

Anh ta thở dài, hai vai thông xuống. Một phút cho anh ta định thần chậm rãi trôi qua. “Được rồi, vậy hung thủ là ai?”

“Người cuối cùng cô ấy gặp trước khi bị giết. Mark Carter. Họ từng có chuyện với nhau hồi trung học. Đáng ra cảnh sát phải đi điều tra về anh ta, nhưng lại không làm, vì lý do gì đó.”

“Sao anh biết là anh ta?”

“Tôi đã lấy mẫu.”

“Bằng cách nào?”

“Một chai bia. Anh ta thích uống bia, thế là có nhiều vỏ chai. Chúng tôi đưa đến phòng xét nghiệm, và tôi có đem cho anh một bản sao kết quả

đây.”

“Anh cũng trộm chai bia nữa hả?”

“Cứ truy tố tôi đi mà, Chad, thật đấy, rồi tiếp tục công việc của anh. Anh tự xem lại mình đi và đừng cứng đầu nữa. Màn khởi tố ầu của anh giờ đã thành thứ bỏ đi, và anh sắp mất mặt thâm r ồi.”

Anh ta cười ngờ ngạc nhiên với tôi, rồi buông một câu cửa miệng của dân công tố. “Không đời nào, Post, tôi vẫn tin vào những gì tôi khởi tố.”

“Thế thì anh là thằng ngu, Chad à. Nhưng cái đó hai ta biết từ lâu rồi.” Tôi ném bản kết quả xét nghiệm lên bàn anh ta rồi đi thẳng ra cửa.

“Chờ chút, Post,” anh ta gọi theo. “Nói chuyện cho xong đã. Cứ cho là anh đang nói sự thật, thế thì tiếp theo sẽ thế nào?”

Tôi đi đến tỉnh ng ồi xuống, bẻ mấy đốt ngón tay. Duke sẽ được tự do sớm hơn nhiều nếu như Chad chịu hợp tác. Nếu anh ta nhất quyết chống tôi, một chuyện thường thấy ở các công tố viên, thì phải mất vài tháng thay vì vài tuần, mới giải oan được.

“Để tôi nói cách tốt nhất để chốt vụ này nhé, Chad, và tôi chỉ thông báo thôi, không thương lượng gì hết. Tôi nắm vụ này trong lòng bàn tay rồi. Có sáu sợi lông khác. Hãy đem chúng đi xét nghiệm, như thế, ta sẽ biết thêm nhiều đi ều. Nếu cả bảy sợi đầu không phải của Duke, thì thả anh ấy ra. Nếu cả bảy sợi đầu là của Carter, thì anh có một vụ mới để làm rồi. Nếu anh đồng ý cho xét nghiệm, mọi chuyện sẽ rất êm thấm. Nếu anh ngăn cản, tôi sẽ đệ đơn lên tòa án bang, có lẽ tôi sẽ thua, nhưng tôi sẽ tiếp tục đệ đơn lên tòa liên bang. Thế nào tôi cũng lôi được mấy sợi lông đi xét nghiệm, và anh biết rõ là thế.”

Hiện thực quá phũ phàng, và anh ta nổi giận. Chad đẩy ghế lui, bước ra cửa sổ, tr ần ngâm suy nghĩ. Hơi thở nặng nhọc, anh ta quay đầu quay cổ kêu răng rắc. Mấy chuyện này đáng ra phải khiến tôi ngạc nhiên, nhưng không, qua bấy nhiêu lần gặp, tôi đã quen rồi. Anh ta nói, “Post, tôi có thể cho là cả hai cùng gây án, thay phiên nhau.”

“Chad, anh không thấy được bầu trời rành rành trước mắt, vì anh không muốn thôi.” Tôi đứng dậy, bước ra cửa.



“Tôi tin vào những gì mình khởi tố, Post.”

“Kế hoạch là thế này, Chad. Tôi cho anh hai tuần. Nếu qua hai tuần, mà anh vẫn bám vào những ảo tưởng của mình, thì tôi sẽ đệ đơn yêu cầu xét nghiệm, và tôi sẽ lên *Birmingham News* nhờ Jim Bizko. Anh biết anh ấy làm phóng sự về các vụ án và đồng thời quen biết tôi mà. Khi tôi kể về chuyện ADN, anh sẽ lên trang nhất ngay, nhưng dòng tít thì không được như anh mơ đâu. Tôi và Bizko có thể cho người ta nghĩ về anh như một thằng khùng hết thuốc chữa, Chad à. Không khó lắm đâu.”

Tôi mở cửa, ra về. Trong phòng, Chad vẫn đứng bên cửa sổ, trở mặt nhìn tôi, hoang mang choáng váng, hoàn toàn sụp đổ. Giá mà tôi chụp được tấm ảnh đó thì hay biết mấy.

Tôi gấp rút rời Verona để lái một chuyến xe đến dãy buồng tử tù. Duke chưa biết tin về kết quả ADN. Tôi muốn đích thân báo cho anh, và đây sẽ là cuộc gặp tuyệt vời.

Hiện tại, không có chuyện gì cần tôi phải đến Seabrook gấp. Mọi người có vai trò trong phiên tòa xử Quincy không chết—thì cũng nghỉ hưu, đi xa khỏi đó, hoặc biến mất trong những hoàn cảnh bí ẩn. Tôi chẳng biết mình phải e ngại những gì, nhưng cảm giác sợ hãi dấy lên trong tôi rất rõ ràng.

Thế nên tôi đã nhờ Frankie đi thám thính trước. Anh ở đó hai ngày hai đêm, ẩn thân hết sức có thể. Rồi anh gọi về báo cáo gọn lỏn như thường lệ, “Chẳng có gì nhiều, sếp à.”

Frankie rời Seabrook và lái vài tiếng đến Deerfield Beach, gần Boca Raton. Anh tìm hiểu đường phố, dò thông tin trên mạng, xác định địa điểm, rồi nhanh chóng khoác vào bộ vest bảnh bao, gọi một cuộc điện thoại. Tyler Townsend đã đồng ý gặp Frankie ở một trung tâm mua sắm mới mà công ty anh đang thuê xây dựng. Những tấm biển quảng cáo lớn treo ngoài tòa nhà cao còn nhiều chỗ cho thuê. Frankie nói dối rằng mình và cộng sự đang tìm một chỗ thật đẹp để mở cửa hàng dụng cụ thể thao, công ty của anh vừa mới lập, chưa lên mạng.

Tyler tỏ ra thân thiện, nhưng cũng có phần cảnh giác. Giờ anh đã 50 và từ bỏ ngành luật từ lâu, một bước đi đúng đắn. Anh đang làm ăn phát đạt trong ngành bất động sản Florida và rất am tường công việc. Gia đình anh, với ba đứa con đang độ tuổi thiếu niên, sống trong ngôi nhà rất lớn. Tiền thuê nhà đất năm ngoái là 58.000 đô-la. Anh lái xe sang, ăn mặc đẹp, lộ rõ là người có tiền.

Mẹo của Frankie không trụ được lâu. Họ bước vào cửa hàng đang trong giai đoạn thành hình, rộng đến 370 mét vuông, Tyler hỏi liền, “Anh nói lại đi, công ty anh tên gì?”

“Chẳng có tên, mà cũng chẳng có công ty nào cả. Tôi mạo danh để được gặp anh thôi, nhưng vì một chuyện quan trọng.”

“Anh là cảnh sát?”

“Nói tôi là gì cũng được, trừ cảnh sát. Tôi từng ở tù, 14 năm ở nhà tù Georgia vì tội giết người mà tôi không phạm. Một luật sư nhận vụ của tôi, chứng minh tôi vô tội, đưa tôi ra khỏi tù, và bang Georgia bồi thường cho tôi một khoản kha khá. Hồ sơ của tôi sạch sẽ cả. Lâu lâu tôi lại làm cho anh luật sư đó. Chắc đây là việc tối thiểu tôi có thể làm để báo đáp.”

“Chuyện anh muốn nói có liên quan đến Quincy Miller không?”

“Đúng thế. Anh luật sư đó đang biện hộ cho Quincy. Cũng như anh, chúng tôi biết anh ấy vô tội.”

Tyler hít một hơi thật sâu, và mỉm cười, dù chỉ trong khoảnh khắc. Anh bước đến cửa kính lớn, Frankie thông thả theo sau. Họ nhìn ra đội nhân công đang rải nhựa đường ở công viên.

Tyler hỏi, “Và anh tên gì?”

“Frankie Tatum.” Anh đưa danh thiếp của Hội Vệ nhân, Tyler cần lấy xem kỹ cả hai mặt, rồi hỏi, “Vậy Quincy sao rồi?”

“Đã 22 năm rồi đấy. Tôi chỉ phải làm người lương thiện kẹt trong tù 14 năm, vẫn tìm cách để giữ được đầu óc tỉnh táo. Nhưng mỗi ngày trôi qua đầu là ác mộng.”

Tyler trả lại danh thiếp như thế bàn giao chứng cứ. “Nghe này, tôi thật sự không có thời gian cho mấy chuyện này. Tôi không rõ anh muốn gì, nhưng tôi không liên quan đâu, được chứ? Tôi rất tiếc, nhưng Quincy là quá khứ tôi không muốn nhìn lại nữa rồi.”

“Anh từng là một luật sư cực đỉnh, Tyler. Lúc ấy anh chỉ là tay mơ mà đã dốc hết sức chiến đấu vì Quincy.”

Tyler cười, nhún vai, “Và thua. Mời anh về cho.”

“Được. Nhà của anh mà. Sếp của tôi là luật sư Cullen Post, cứ tìm hiểu về anh ấy đi. Anh ấy đã giải oan cho tám người, và để có được thành công đó, anh ấy không bao giờ chấp nhận lời từ chối. Anh ấy muốn nói chuyện với anh, Tyler, ở nơi nào kín đáo. Cực kỳ kín đáo ấy. Tin tôi đi, Tyler. Post

hiều cuộc chơi, và anh ấy sẽ không bỏ cuộc đâu. Anh có thể tiết kiệm được nhiều thời gian và tránh được nhiều phiền nhiễu, nếu chịu gặp anh ấy chỉ 15 phút.”

“Và anh ấy ở Savannah?”

“Không, ở bên kia đường,” Frankie chỉ về phía tôi.

Ba người chúng tôi dạo bộ đến một quán ăn gia đình mà công ty của Tyler đang xây dựng. Nó vẫn chưa hoàn thiện, và nhân công đang dỡ bàn ghế từ mấy thùng hàng ra. Đại lộ này đầy những tòa nhà mới: các cửa hiệu bán xe hơi, cửa hàng đồ ăn nhanh, các cửa hàng nhỏ, tiệm rửa xe, trạm xăng, vài chi nhánh ngân hàng. Florida đang trong thời cực thịnh. Chúng tôi đứng ở một góc, cách xa các nhân công. Tyler vào đề ngay, “Được rồi, anh nói luôn đi.”

Tôi có cảm giác cuộc chuyện trò này có thể sớm kết thúc một cách đột ngột, nên cố nhập cuộc nhẹ nhàng, “Có thể chứng minh Quincy vô tội không?”

Tyler ngẫm nghĩ rồi lắc đầu. “Nghe này, tôi không dính dáng vào chuyện này đâu. Nhiều năm về trước, tôi đã dốc hết sức để chứng minh anh ấy vô tội, và đã thất bại. Đây là cuộc đời khác của tôi rồi. Giờ tôi có vợ đẹp con ngoan, gia đình sung túc, không có gì phải lo lắng cả. Tôi không hề có ý định dính lại vào chuyện đó, Tôi rất tiếc.”

“Có nguy cơ gì chứ, Tyler?”

“Ồ, các anh sẽ biết ngay thôi. Tôi không mong các anh bị gì, nhưng anh đang trên đường sa vào một chuyện rất phức tạp đấy, anh Post.”

“Mọi vụ của tôi đều phức tạp mà.”

Tyler nhún vai như thể tôi vừa thốt lên một câu quá ngớ ngẩn. “Không gì so được với chuyện này đâu.”

“Ta cùng tuổi, Tyler à, và ta bỏ ngành luật cùng thời điểm vì thấy nó là một mộng tưởng tan vỡ. Nghiệp thứ hai tôi cũng không ổn, rồi tôi đã tìm được một tiếng gọi mới. Là rong ruổi trên đường, tìm sự khuây khỏa, tìm sự giúp đỡ. Hiện giờ, Quincy đang cần anh giúp, Tyler.”

Tyler hít một hơi thật sâu, có vẻ đã đến giới hạn rồi. “Tôi cho là công việc của anh khiến anh phải thúc ép người khác, nhưng không ai ép tôi được đâu, anh Post à. Chúc ngày lành. Để tôi yên và đừng quay lại đây nữa.” Rồi Tyler quay người, bước ra cửa.

CHẲNG NGẠC NHIÊN khi Chad Falwright nhất mực ngoan cố. Anh ta không chấp nhận đưa sáu sợi lông kia đi xét nghiệm ADN. Giờ anh ta khóa chặt chúng cùng các chứng cứ khác. Và để thể hiện mình là công tố viên cứng cựa, anh ta đe dọa sẽ truy tố tôi tội can thiệp chứng cứ. Alabama cấm hành động này, mà bang nào chẳng vậy, chỉ khác nhau về khung hình phạt, và Chad hơn hở báo rằng tôi có thể sẽ bị một năm tù.

Bị giam vì một sợi lông cơ đấy.

Tệ hơn nữa, anh ta còn nói đã đệ đơn khiếu nại tôi về đạo đức nghề nghiệp lên hội luật sư Alabama và Georgia. Với mấy chuyện này, tôi chỉ biết cười. Đâu phải tôi mới bị đe dọa lần đầu, mà mấy công tố viên kia còn sáng tạo hơn nhiều.

Mazy đã chuẩn bị sẵn một bản kiến nghị dày cộm kiến nghị xét xử hậu tuyên án. Theo thủ tục, nó phải được đệ lên tòa án bang trước đã, là ở Verona. Một hôm trước khi đệ trình, tôi lái xe đến Birmingham gặp Jim Bizko, một phóng viên kỳ cựu đã đưa tin về phiên tòa của Duke. Anh đã theo dõi vụ án này qua các cấp phúc thẩm và thể hiện sự hoài nghi về độ công tâm của phiên tòa. Anh kịch liệt chỉ trích luật sư biện hộ của Duke. Khi anh chàng luật sư tội nghiệp đó chết vì bệnh xơ gan, Jim đã đưa tin về chuyện này và nói rằng cần đi điều tra lại vụ án mạng đó. Anh phẫn khích khi biết tin xét nghiệm ADN đã minh oan cho Duke. Tôi thận trọng không tiết lộ hung thủ là Mark Carter. Chuyện đó để sau.

Một ngày sau khi chúng tôi đệ đơn, Bizko viết một bài dài trên trang nhất của mục đô thị. Chad Falwright được trích dẫn đã nói rằng: “Tôi vẫn tự tin rằng chúng tôi đã định tội đúng người, và tôi đang cần mẫn làm việc để thực hiện việc hành hình Duke Russell, một tên giết người nhẫn tâm. Kết quả xét nghiệm ADN không có ý nghĩa gì trong vụ án này.”

THÊM HAI NỖ LỰC CHUYỆN TRÒ với Otis Walker, đầu qua điện thoại, Frankie đã xác nhận rằng June Walker không muốn dính dáng gì đến Quincy Miller. Rõ ràng, cuộc ly hôn rối tung của họ đã để lại vết sẹo không phai, và cô ấy cương quyết không dính dáng gì đến Quincy nữa. Với cô chuyện này chẳng có gì ngoài gọi lại những ký ức buồn và nỗi hổ thẹn khi phải đối diện với những lời dối trá của chính mình.

Otis đã cảnh báo Frankie hãy để họ yên.

Anh hứa sẽ làm thế. Tạm thời thôi.

Seabrook hiện giờ có 23 luật sư, và chúng tôi có một hồ sơ mỏng về từng người. Khoảng một nửa đã hành nghề ở đây lúc Russo bị sát hại. Luật sư kỳ cựu là một ông đã 99 tuổi nhưng hằng ngày vẫn tự mình lái xe đến văn phòng. Hai luật sư mới đến mở văn phòng hồi năm ngoái. Tất cả đều da trắng, có sáu người là nữ. Những người thành đạt nhất có vẻ là hai anh em chuyên lo các vụ phá sản suốt 20 năm qua. Hầu hết văn phòng luật hiếm khi làm việc, một tình trạng chung của các thành phố nhỏ.

Glenn Colacurci từng làm việc ở Tham nghị viện Florida. Khu vực cử tri của ông là Hạt Ruiz và hai hạt khác, vào thời điểm xảy ra án mạng Russo, ông đang ở nhiệm kỳ thứ ba của mình. Keith Russo cũng là bà con xa của ông. Cả hai đều xuất thân từ vùng toàn dân Ý ở Tampa. Thời trẻ, Colacurci đi đầu hành một công ty luật lớn trong thành phố, tuyển mộ Keith về làm khi anh ra trường. Keith đến Seabrook cùng vợ, nhưng Colacurci không có vị trí nào trống cho cô. Keith không làm ở đó lâu, một năm sau, anh đã tách ra lập công ty luật của mình ở tầng trên một cửa hàng bánh ở Phố Chính.

Tôi chọn Colacurci vì hồ sơ của ông hơi dày hơn mấy người kia và có lẽ ông hiểu rõ về Keith hơn một chút. Trong mọi luật sư đang hành nghề ở thành phố này, ông hiểu biết về nội tình và lịch sử của nó nhất. Qua điện thoại, ông bảo có thể gặp tôi trong nửa giờ.

Lần đầu lái xe đi dọc Seabrook, nhưng tôi cảm thấy như mình nắm khá rõ nơi này. Ở đây chẳng có gì đáng để ý cho lắm, trừ tòa nhà từng một thời thuộc sở hữu của vợ chồng Russo và cũng là nơi án mạng xảy ra; con phố sau lưng tòa nhà mà Carrie Holland đã khai man là thấy một người đàn ông da đen chạy qua; cuối cùng là tòa án. Tôi đỗ xe bên kia Phố Chính, ngồi đó quan sát dòng xe cộ thưa thớt. Tôi nghĩ, không biết bao nhiêu người ở đây

nhớ được vụ án mạng đó nhỉ? Bao nhiêu người biết Keith Russo? Hay Quincy Miller? Họ có biết thành phố đã phạm sai lầm và đẩy một người vô tội vào tù? Dĩ nhiên là không rồi.

Đến giờ như đã hẹn, tôi hòa vào dòng người trên vỉa hè, đi qua nửa khối nhà đến văn phòng của Colacurci. Trên cửa kính lớn là dòng chữ sơn đen bị bong tróc mấy chỗ: CÔNG TY LUẬT COLACURCI. Tôi vừa bước vào thì nơi cửa reo lên tiếng chuông leng keng, đúng kiểu từ xưa lắc lơ rồi. Một con mèo khoang già trượt mình xuống khỏi sofa, làm sục lên một đám bụi. Bên phải tôi là một cái bàn có nắp cuộn, chêm chệ trên nó là máy đánh chữ Underwood loại thông dụng, như thể đang chờ một thư ký tóc muối tiêu nào đó quay lại tiếp tục gõ và gõ. Mùi chủ đạo ở đây là da thuộc cũ và thuốc lá để lâu năm, không dễ ngửi cho lắm và đáng ra cần kha khá thời gian dọn dẹp.

Thế nhưng, trái ngược với khung cảnh như từ đầu thế kỷ trước này, một cô gái gốc Á trẻ trung mặc váy ngắn xuất hiện kèm nụ cười thân thiện, “Xin chào. Tôi giúp được gì ạ?”

Tôi cười đáp lễ, “Vâng, tôi là Cullen Post. Hôm qua, tôi đã nói chuyện với ông Colacurci và ông ấy đã đồng ý gặp tôi sáng nay.”

Cô gái vừa mỉm cười vừa cau mày, không hiểu sao lại làm được thế, rồi bước đến một chiếc bàn có vẻ hiện đại hơn cái kia một chút. Cô nói, khá là khẽ, “Ông ấy không báo tôi. Xin lỗi. Tôi là Bea.”

“Ông ấy có đây không?” tôi hỏi.

“Có chứ. Tôi sẽ đi gọi. Ông ấy đâu có bận gì,” cô lại mỉm cười và lướt đi. Chốc lát sau, cô quay lại đưa tôi vào một văn phòng lớn, nơi Glenn đã bàn chuyện tòa án suốt hàng chục năm trời. Ông đứng cạnh bàn, có vẻ rất hài lòng khi có người đến thăm, và chúng tôi giới thiệu ngắn gọn vắn vỏi. Ông quay sang chiếc ghế sofa bọc da rồi bảo Bea, “Pha cà phê cho chúng tôi nhé.” Tập tễnh chống gậy, ông bước tới và ngồi chiếm trọn cái ghế đáng ra cho hai người ngồi. Colacurci đã gần 80 và diện mạo phản ánh rất đúng số tuổi, với thân hình phốp pháp, chòm râu bạc và mái tóc trắng xóa rồi bù rất cần cắt tỉa. Nhưng ông trông cũng khá bảnh với dây móc quần màu đỏ và nơ cổ màu hồng.

“Anh là linh mục hay gì à?” ông nhìn cổ áo linh mục của tôi.



“Phải. Thuộc Giáo hội Giám nhiệm.” Tôi nói qua cho ông về Hội Mục vụ Vệ nhân, còn ông thì dựa cằm lên đầu gậy và chăm chú lắng nghe, qua đôi mắt lục sắc sảo có hơi hoe đỏ. Bea đem cà phê lên, và tôi nhấp một ngụm. Cà phê chỉ hơi ấm, có lẽ là loại pha sẵn.

Khi cô gái đã ra ngoài, đóng cửa lại, Colacurci hỏi tôi, “Một linh mục thì liên quan gì mà can dự vào một vụ án quá cũ như vụ Quincy Miller?”

“Ông hỏi rất hay. Nếu không nghĩ anh ấy vô tội, tôi đâu đến đây làm gì.”

Câu này làm ông thấy thích thú. “Thú vị đấy. Tôi chưa hề thấy có vấn đề gì với bản án dành cho Miller. Vụ đó có nhân chứng, theo tôi nhớ là vậy.”

“Không có nhân chứng nào cả. Chỉ có một cô, hồi đó rất trẻ, tên là Carrie Holland, ra làm chứng đã thấy một người da đen chạy từ hiện trường vụ án ra, tay cầm một thứ được cho là khẩu shotgun. Cô ấy đã nói dối. Cô ấy là con nghiện thỏa thuận với cảnh sát để thoát án thôi. Và Carrie Holland đã thú nhận rồi. Nhưng ở phiên tòa đó, không chỉ mình cô ấy nói dối.”

Ông đưa tay vuốt mái tóc dài ra sau. Có vẻ là tóc dàu và lâu rồi chưa gội. “Thú vị thật.”

“Ông thân thiết với Keith không?”

Ông cười nửa miệng, có tiếng gằn hơi cáu. “Anh muốn gì ở tôi?”

“Chuyện chung chung thôi. Ông có dự phiên tòa không?”

“Không. Tôi muốn lắm, nhưng họ dời tòa sang Hạt Butler, tôi thì đang làm tham nghị viên nên khá bận. Hồi đó có bảy luật sư làm việc ở đây, công ty luật lớn nhất ở khu vực này, và tôi đâu rảnh đến mức đến tòa án xem các luật sư khác làm việc.”

“Keith là bà con của ông, phải chứ?”

“Có thể nói thế. Bà con khá là xa. Tôi quen biết gia đình nó hồi ở Tampa. Nó năn nỉ và tôi đã cho nó một công việc, nhưng lại chẳng hợp được với nó. Nó còn muốn tôi nhận cả vợ nó, nhưng tôi không muốn. Nó

ở đây t ần một năm, r ồi ra mở văn phòng riêng. Tôi chẳng thích kiểu đó. Người Ý thì phải đặt lòng trung thành lên trên hết.”

“Anh ấy giỏi nghề luật sư chứ?”

“Chuyện đó giờ còn quan trọng nữa à?”

“Tôi chỉ tò mò thôi. Quincy nói Keith xử lý vụ ly hôn của anh ấy rất tệ, và sau khi xem hồ sơ tòa, tôi cũng có cảm giác như thế. Công tố viên xem mâu thuẫn của họ là động cơ phạm tội, một suy diễn khá là xa. Ý tôi là, có thân chủ nào giận đến mức thổi tung đầu luật sư chứ?”

“Tôi chưa thấy bao giờ,” ông nói và phá lên cười. Tôi cũng cười theo. “Nhưng tôi cũng gặp đủ thân chủ điên r ồi. Nhi ều năm trước, có một gã đã xách súng đến. Gã nổi điên vì vụ ly hôn. Ít ra là gã bảo mình có súng. Nhưng mọi luật sư trong tòa nhà đều có súng cả, và chuyện có thể loạn cả lên, nhưng một cô thư ký dễ thương đã xoa dịu được gã. Tôi luôn tin tưởng mấy thư ký dễ thương, lúc nào cũng được việc.”

Mấy luật sư già thích kể chuyện chiến chinh hơn cả ăn, còn tôi chỉ mong ông hăng lên. Tôi nói, “H ồi đó, ông có công ty luật lớn thật.”

“Lớn so với khu vực này của bang. Có bảy, tám, thậm chí có lúc đến mười luật sư, hơn chục thư ký, văn phòng nhi ều t ầng, thân chủ xếp hàng dài trước cửa. Thời đó, tôi hăng lắm, nhưng tôi d ần chán mấy chuyện thị phi. Phân nửa thời gian làm việc là để phân xử cho các nhân viên. Anh từng hành nghề luật sư chưa?”

“Tôi đang làm luật sư đây, chỉ là có thay đổi chuyên ngành. Nhi ều năm về trước, tôi làm luật sư công, nhưng bỏ việc. Tôi tìm được Chúa và Ngài dẫn dắt tôi vào chủng viện. Tôi làm linh mục, r ồi lúc làm một chương trình mục vụ, tôi gặp một người vô tội trong tù. Chuyện đó đã biến đổi cuộc đời tôi.”

“Anh đã giúp anh ta ra tù?”

“Phải. R ồi thêm bảy người nữa. Hiện giờ, tôi đang lo sáu vụ, bao g ồm cả vụ của Quincy.”

“Hình như tôi có đọc đâu đó, nói rằng 10% tù nhân thật ra là người vô tội. Anh tin thế không?”

“Mười phần trăm có vẻ là hơi cao, nhưng thật sự có vài ngàn người vô tội trong tù.”

“Chắc tôi không tin nổi r ấ.”

“Hầu hết người da trắng không tin vậy, nhưng cứ đến cộng đồng da đen mà hỏi, sẽ có kha khá người tin vậy đấy.”

Trong 18 năm làm ở tham nghị viện, Colacurci đã giữ vững lập trường về luật pháp. Ủng hộ án tử hình, ủng hộ quyền sở hữu súng, quyết tâm bài trừ ma túy, và chỉ mạnh tay cho cảnh sát và công tố viên.

Ông nói, “Tôi chưa hề để tâm đến luật hình sự. Mảng đó khó kiếm tiền lắm.”

“Nhưng Keith lại kiếm tiền nhờ mảng hình sự, phải chứ?”

Ông cau mày nhìn tôi chăm chăm, như thể tôi vừa vượt quá giới hạn. Cuối cùng, ông nói, “Keith chết hơn 20 năm r ấ. Sao anh lại quan tâm đến công việc luật sư của nó?”

“Vì thân chủ của tôi không giết anh ấy. Mà là người khác, với động cơ khác. Chúng tôi biết Keith và Diana đã biện hộ cho một vài tay buôn ma túy h ấ cuối những năm 1980, một số ở khu vực Tampa. Những người như thế đáng khả nghi mà.”

“Có lẽ, nhưng tôi e là sau bao nhiêu năm như vậy, họ chẳng có gì nhiều để nói đâu.”

“Ông có thân với cảnh sát trưởng Pfitzner không?”

Ông lại trừng mắt nhìn tôi. Tôi đã liên kết Pfitzner và dân buôn ma túy, một cách không khéo cho lắm, và Colacurci biết tôi đang nghi ngờ chuyện gì. Ông hít một hơi thật sâu, thở ra chậm chậm và nói, “Bradley và tôi chưa hề thân thiết. Ai lo việc nấy. Chúng tôi có cùng quan điểm chính trị, nhưng tránh giẫm chân nhau. Tôi không dây vào bên hình sự, nên hiếm khi chúng tôi có dịp làm việc chung.”

“Giờ ông ta ở đâu?” Tôi hỏi.

“Chết r ấ, có lẽ thế. Ông ta rời khỏi đây cũng lâu r ấ.”

Ông ta chưa chết, và đang sống sung sướng ở quần đảo Florida Keys. Ông ta về hưu sau 32 năm làm cảnh sát trưởng và dọn nhà đi luôn. Căn nhà ba phòng của ông ta ở Marathon được định giá đến 1,6 triệu đô. Đúng là thời hưu dưỡng không tồi cho một công chức mà lương chưa bao giờ chạm ngưỡng 60.000 đô-la một năm.

“Anh nghĩ Pfitzner liên quan gì đó đến vụ sát hại Keith?” Colacurci hỏi.

“Ôi, không. Tôi đâu có ý đó.”

Ôi, trúng phóc thì có. Nhưng Colacurci không mắc câu. Ông ấy nheo mắt, “Nhân chứng đó nói Pritzner đã thuyết phục cô ta nói dối trên tòa sao?”

Nếu cần Carrie Holland tuyên bố bác bỏ lời khai man, thì phải là trước tòa cho tất cả mọi người chứng kiến. Tôi chưa sẵn sàng tiết lộ gì cho ông ấy. “Ông Colacurci, đây là chuyện bảo mật, được chứ?”

“Phải rồi, hẳn rồi,” ông hăm hở đồng ý. Cách đây mười lăm phút, ông còn chưa biết gì về tôi, chỉ mới chuyện trò qua điện thoại.

“Cô ấy không chỉ đích danh Pfitzner, chỉ nói là cảnh sát và công tố viên. Tôi chẳng có lý do gì để nghi ngờ Pfitzner chuyện gì cả.”

“Thế thì tốt. Án mạng này đã được phá hơn 20 năm rồi. Anh đang phí công vô ích thôi, anh Post.”

“Có lẽ. Mà ông thân với Diana Russo không?”

Ông tròn mắt như thể chẳng muốn dính dáng gì đến chuyện này vậy. “Chẳng thân gì. Từ đầu tôi đã không muốn dính dáng gì rồi. Nó xin việc, nhưng chỗ tôi không tuyển luật sư nữ. Nó xem đó là xúc phạm, và chưa hề thích gì tôi. Nó xúi Keith ghét tôi, và chúng tôi chẳng bao giờ hợp nhau. Tôi nhẹ nhõm khi Keith nghỉ việc, dù tôi chưa dạy bảo nó xong. Nó cứ gây phiền nhiễu cho tôi mãi.”

“Là sao?”

Ông ngược lên trần nhà, như thể đang bàn thảo với bóng ma xem có nên kể chuyện gì đó với tôi không. Nhưng là một luật sư già, ông đâu kìm nổi ham muốn kể chuyện cũ. “Chuyện là thế này,” ông mở lời và trở người lấy thế trên ghế như để chuẩn bị cho một câu chuyện dài. “Hồi đó, tôi nắm độc

quyền mọi vụ kiện bồi thường thiệt hại ở Hạt Ruiz. Mọi vụ tai nạn xe cộ, sản phẩm kém chất lượng, sơ suất y tế, mất uy tín, đủ thứ. Nếu ai đó bị thương, họ sẽ đến đây, hoặc thỉnh thoảng tôi đến gặp họ ở bệnh viện. Keith muốn được nhận mấy vụ như thế, vì rõ ràng mấy vụ bồi thường đó là cách duy nhất để kiếm tiền ở đây. Làm cho công ty lớn ở Tampa cũng ổn, nhưng làm luật sư bồi thường thiệt hại tằm cỡ thì chấp hết. Khi Keith rời công ty tôi, nó cuồn theo một vụ, và chúng tôi đã cãi nhau ần ỉ. Nó đang khánh kiệt và cần tiền, nhưng vụ đó của công ty tôi. Tôi dọa kiện nó ra tòa, và chúng tôi đã tranh chấp suốt hai năm. Cuối cùng nó đồng ý đưa tôi một nửa, nhưng dù thế nào đi nữa, làm thế là quá bậy. Diana cũng có phần trong chuyện này.”

Tôi cũng không ngạc nhiên gì, hầu như tu ần nào cũng có cãi vã trong các công ty luật, và lúc nào cũng vì chuyện tiền.

“Ông và Keith làm hòa chưa?”

“Tôi cho là rồi, nhưng cũng mất mấy năm. Thành phố này nhỏ mà, và các luật sư thường hòa hợp với nhau. Chúng tôi đã đi ăn trưa, một tu ần trước khi nó bị giết, nói cười vui vẻ. Keith là đứa giỏi, làm việc chăm chỉ. Có lẽ tham vọng hơi quá. Còn vợ nó thì tôi không ưa lắm. Nhưng phải thấy thương cho cô ta. Phải thấy cái xác không đầu của chồng mình cơ mà. Nó lại khá đẹp trai. Con vợ đau lòng lắm, không bao giờ tươi tỉnh lại như trước nữa. Nó đã bán tòa nhà rồi dọn đi.”

“Từ đó ông không liên lạc gì nữa?”

“Hoàn toàn không.” Ông liếc nhìn đồng hồ như thể vừa trải qua một ngày kinh khủng, ý của ông quá rõ rồi. Chúng tôi đổi sang mấy chủ đề khác, và sau 30 phút, tôi cảm ơn ông rồi xin phép ra về.

Trước khi về hưu, Bradley Pfitzner nắm quyền ở hạt này suốt 32 năm. Suốt sự nghiệp, ông ta không dính phải tai tiếng gì, đi đâu hành bộ máy trơn tru. Cứ mỗi bốn năm, đến đợt bầu lại cảnh sát trưởng, thì hoặc không có ai đứng ra tranh cử hoặc đối thủ đầu quá yếu. Chỉ đến khi sức khỏe không còn cho phép nữa, ông ta mới lui xuống để một cảnh sát thâm niên bảy năm lên thay.

Cảnh sát trưởng hiện tại là Wink Castle, và văn phòng của anh nằm trong một tòa nhà thép hiện đại, địa điểm làm việc của toàn bộ lực lượng bảo vệ pháp luật địa phương, cảnh sát bang, cảnh sát thành phố và lực lượng cải huấn. Hơn chục xe tuần tra sáng màu đỗ trước tòa nhà tọa lạc ở rìa thành phố. Tiễn sảnh tất bật cảnh sát và nhân viên bàn giấy, cũng như những thân nhân u sầu của các phạm nhân.

Tôi được đưa đến văn phòng của Castle, được tiếp đón bằng nụ cười và cái bắt tay niềm nở. Anh tầm bốn mươi, tác phong nhã nhặn của một chính trị gia miền quê. Vào thời điểm Russo bị sát hại, anh chưa đến đây, nên tôi mong anh không dính líu gì đến đám cảnh sát thời đó.

Sau vài phút tán gẫu về thời tiết, Castle hỏi, “Quincy Miller, phải chứ? Tối qua, tôi đã xem hồ sơ để cập nhật tình hình. Mà anh là linh mục hay gì?”

“Luật sư kiêm linh mục,” tôi đáp, và dành vài phút giới thiệu qua về Hội Vệ nhân. “Tôi lo các vụ án oan cũ.”

“Thế thì chúc anh may mắn trong vụ này.”

Tôi mỉm cười, “Vụ nào cũng khó mà, cảnh sát trưởng.”

“Tôi hiểu. Vậy anh dự định chứng minh thân chủ của mình không giết Keith Russo?”

“Như thường lệ, tôi sẽ trở lại hiện trường và bắt đầu đi đầu tra. Tôi biết hầu hết nhân chứng của bên công tố đưa lên đầu nói dối trước tòa. Chứng cứ thì không rõ ràng.”

“Zeke Hufsey?”

“Một tay chỉ điểm trong tù điển hình. Tôi đã gặp anh ta trong một nhà tù ở Arkansas, và mong anh ta sẽ hủy bỏ lời khai cũ. Anh ta khai gian thành chuyên nghiệp rồi, cũng không lạ gì với những người như thế. Carrie Holland đã kể sự thật cho tôi, cô ấy nói dối vì bị Pfitzner và công tố viên Burkhead gây áp lực. Họ cho cô một thỏa thuận hòa giải về tội danh ma túy. Sau phiên tòa, Pfitzner đã cho cô ấy một ngàn đô và bảo rời khỏi đây. Cho đến giờ, cô ấy chưa hề quay lại. June Walker, vợ cũ của Quincy, sống ở Tallahassee, nhưng cho đến giờ vẫn chưa chịu hợp tác. Cô ấy đã làm chứng chống lại Quincy và làm chứng dối, vì những phiên tòa từ cuộc ly hôn khiến cô giận chùng cũ. Quá nhiều dối trá, cảnh sát trưởng à.”

Đây toàn là chuyện mới với viên cảnh sát trưởng, và anh có vẻ hứng thú nghi ngờ ngấm chũng. Rồi anh lắc đầu, “Nhưng như thế vẫn chưa chứng minh được gì. Không có hung khí.”

“Phải. Quincy chưa hề có khẩu shotgun nào. Chứng cứ then chốt, rõ ràng là cây đèn pin dính vết máu đã biến mất một cách bí ẩn không lâu sau án mạng.”

“Nó bị gì?” Castle hỏi. Anh là cảnh sát trưởng mà. Câu đó để tôi hỏi mới phải chứ.

“Anh nói mới phải chứ. Theo báo cáo của cảnh sát, chính xác là theo Pfitzner, nó đã bị tiêu hủy trong vụ hỏa hoạn ở kho chứng cứ.”

“Và anh nghi ngờ chuyện đó?”

“Tôi nghi ngờ tất cả, cảnh sát trưởng à. Chuyên gia bên công tố đưa lên, ông Norwood, chưa hề trực tiếp thấy cây đèn pin. Lời chứng của ông ta khá là bừa bãi.” Tôi với tay lấy cặp táp, lôi ra vài tờ giấy, đặt lên bàn. “Đây là hồ sơ về chứng cứ, do bên chúng tôi lập. Trong này, anh sẽ thấy báo cáo của tiến sĩ Kyle Benderschmidt, một nhà tội phạm học lừng danh, ông đã

thể hiện sự hoài nghi về lời chứng của Norwood. Bản thân anh từng xem tấm ảnh chụp cây đèn pin chưa?”

“Rồi.”

“Tiến sĩ Benderschmidt tin rằng những đốm, hay vết bẩn, trên mặt kính có lẽ còn chẳng phải là máu người. Và cây đèn pin đâu được tìm thấy ở hiện trường. Chúng tôi thấy không dễ xác định nguồn gốc của nó, Quincy cũng thế là chưa hề thấy nó.”

Castle cần tập hồ sơ, thông thả đọc từng trang. Một hồi sau, có vẻ đã chán rồi, anh thả nó xuống bàn, “Tối nay tôi sẽ dành thời gian xem nó. Mà chính xác, anh muốn làm gì ở đây?”

“Hãy giúp tôi. Tôi sẽ đệ đơn kiến nghị xét xử hậu tuyên án dựa trên chứng cứ mới. Sẽ bao gồm báo cáo từ chuyên gia của chúng tôi, và lời khai của các nhân chứng đã khai man. Tôi cần anh mở lại việc điều tra vụ án mạng này. Được thế thì quá tốt vì tòa sẽ biết rằng địa phương tin rằng người này đã bị kết án oan.”

“Thôi nào, anh Post. Vụ này đã xong từ hơn 20 năm trước rồi, sau đó rất lâu tôi mới đến đây.”

“Cảnh sát trưởng à, những vụ tôi làm đầu là vụ án cũ đã xảy ra từ quá lâu. Bản chất công việc của chúng tôi là thế. Hầu hết những người tham gia vụ này đều đi cả rồi—Pfitzner, Burkhead, kể cả thẩm phán cũng đã chết. Anh có thể xem lại vụ này với một nhãn quan hoàn toàn mới và giúp giải oan cho một người vô tội.”

Castle lắc đầu. “Tôi không nghĩ vậy đâu. Tôi chẳng muốn dính dáng đến chuyện này. Trước hôm qua, lúc anh gọi điện thông báo, tôi chưa hề nghĩ gì về vụ này.”

“Thế thì càng phải can dự. Anh đâu bị gì, đâu ai trách anh vì những chuyện xảy ra từ 20 năm trước. Anh sẽ được xem là người tốt đang cố làm việc tốt.”

“Phải tìm được hung thủ thật sự mới giải oan được cho Miller?”

“Không, tôi chỉ cần chứng minh anh ấy vô tội, thế thôi. Phân nửa số vụ thành công, chúng tôi đã xác định được thủ phạm thực sự, nhưng không



phải lúc nào cũng vậy.”

Castle lại lắc đầu. Vẻ mặt nghiêm trọng hơn. “Tôi không thể, Post. Anh tưởng tôi có thể đi đầu một thanh tra cảnh sát vốn đã bận tối mắt của tôi, bỏ những vụ hiện thời và dốc công vào một vụ án mạng từ cách đây hơn 20 năm, một vụ mà dân ở đây chắc cũng quên cả rồi sao? Thôi nào, anh bạn.”

“Tôi sẽ làm phần việc nặng đó, cảnh sát trưởng à. Việc của tôi mà.”

“Thế tôi thì làm gì?”

“Hợp tác. Đừng cản trở tôi.”

Castle ngả người ra lưng ghế, đan tay sau ót. Anh nhìn đăm chiêu lên trần nhà suốt mấy phút. Cuối cùng, anh nhìn tôi, “Trong các vụ của anh, lực lượng luật pháp địa phương thường làm những gì?”

“Che đậy. Cản trở. Giấu chứng cứ, Đối đầu với tôi. Phản đối mọi thứ tôi đề lên tòa. Anh thấy đấy, cảnh sát trưởng, trong những vụ thế này, nguy cơ quá cao, sai lầm quá lớn, nên không một ai muốn thừa nhận mình đã sai. Những người vô tội đã phải ngồi tù hàng chục năm, trong khi hung thủ đích thực thì nhõn nhợ, và thường ra tay thêm lần nữa. Đây là sự bất công cùng cực, và tôi chưa gặp được cảnh sát hay công tố viên nào có gan thừa nhận mình đã sai. Vụ này thì hơi khác, vì những người chịu trách nhiệm cho án oan của Quincy đã không còn tại nhiệm. Và anh có thể trở thành người hùng.”

“Tôi chẳng hứng thú làm người hùng. Tôi chỉ không có thời gian thôi. Tin tôi đi, tôi có đủ chuyện phải lo rồi.”

“Tôi biết, nhưng anh có thể hợp tác để tạo thuận lợi cho tôi làm việc. Tôi chỉ tìm sự thật thôi, cảnh sát trưởng à.”

“Tôi chẳng biết nữa. Để tôi suy nghĩ đã.”

“Lúc này, tôi chỉ mong có thể thôi.”

Castle hít một hơi thật sâu, vẫn chưa hoàn toàn bị thuyết phục và chưa toàn tâm vì chính nghĩa này. “Anh còn cần gì nữa không?”

“Còn một chuyện nữa, một mảnh ghép nữa cho vụ này. Anh có biết về cái chết của Kenny Taft không? Xảy ra hai năm sau vụ án mạng này?”

“Có chứ. Cảnh sát duy nhất ở đây trong bao năm qua đã hy sinh khi làm nhiệm vụ. Ảnh anh ấy được treo trên bức tường đằng kia.”

“Tôi muốn xem hồ sơ vụ này mà không cần phải viện đến Đạo luật Tự do Thông tin và đủ thứ pháp lý rắc rối.”

“Và anh nghĩ vụ này có liên quan gì đó đến Quincy Miller?”

“Tôi nghi ngờ, nhưng hiện giờ chỉ muốn tìm hiểu thôi, cảnh sát trưởng à. Việc của tôi là thế, lúc nào cũng có thể có bất ngờ đang chờ ta.”

“Để tôi suy nghĩ đã.”

“Cảm ơn anh.”

ĐỘI TRƯỞNG CỨU HỎA là một cựu binh già bụng bự tóc muối tiêu, Trung úy Jordan, và anh này không được thân thiện như cảnh sát trưởng. Ở trạm cứu hỏa cách Phố Chính hai khối nhà, bầu không khí khá là êm đềm. Hai nhân viên đang đánh bóng vòi phun ở lối ra vào, bên trong thì một bà thư ký già đang sắp xếp giấy tờ. Cuối cùng, Jordan cũng xuất hiện, và sau vài câu đùa giỡn gao, dẫn tôi vào một căn phòng chật chội chất đống những thùng hồ sơ kiểu những năm 1940. Anh lục lọi trong đống đờmang tính lịch sử này một hồi và tìm được thùng hồ sơ năm 1988. Anh mở thùng, ném ra vài hồ sơ xỉn màu, tìm được đúng thứ tôi cần.

“Vụ hỏa hoạn không lớn lắm, theo tôi nhớ là vậy,” Jordan nói và đặt tập tài liệu trên bàn, “Anh tự xem đi,” rồi bước ra khỏi phòng.

Hồi đó, văn phòng cảnh sát trưởng chỉ cách chỗ này vài khối nhà. Ở Hạt Ruiz, cũng như hàng trăm nơi khác, không hiếm chuyện cảnh sát lưu trữ vật chứng rất bừa bãi, thấy chỗ nào cất được thì cất thôi. Tôi đã vào những tầng gác mái của tòa án, những căn hầm ngột ngạt, để tìm hồ sơ cũ.

Pfitzner dùng một căn nhà lều sau lưng văn phòng mình để làm chỗ lưu trữ vật chứng. Trong hồ sơ, có tấm ảnh đen trắng chụp nó trước vụ hỏa hoạn, thấy rõ ổ khóa lớn trên cửa. Căn nhà nhỏ này không có cửa sổ, Tôi ước tính nó dài chín mét, rộng sáu mét, cao hai mét rưỡi. Có thêm một tấm ảnh chụp sau vụ hỏa hoạn, chỉ có lớp sỏi cháy đen.

Còi báo động đầu tiên hú lên lúc 3:10 sáng, khi lính cứu hỏa đến thì cả căn lầu đã chìm trong lửa. Ngọn lửa được dập tắt trong vài phút, nhưng căn lầu chỉ còn lại đồng tro. Nguyên nhân hỏa hoạn được ghi lại là *Không rõ*.

Theo lời Jordan, vụ này chẳng lớn gì lắm. Cây đèn pin tìm được trong thùng xe của Quincy có vẻ đã bị hủy hoại, không còn chút dấu vết nào. Và quá tiện là, hồ sơ pháp y, lời khai nhân chứng, các bản phân tích và ảnh lại nằm an toàn trên bàn của Pfitzner. Ông ta vẫn có đủ thứ mình cần để kết tội Quincy Miller.

Cho đến giờ, vụ hỏa hoạn này chỉ là ngõ cụt.

Tôi gọi điện hỏi thăm Carrie và Buck mỗi tuần một lần. Họ nhận ra là tôi không hề có ý định từ bỏ. Tôi lặp đi lặp lại nhiều lần để trấn an Carrie rằng cô sẽ không gặp nguy cơ gì khi hợp tác với tôi, và dần khiến cô thêm phần tin tưởng tôi.

Chúng tôi gặp nhau ở một tiệm cà phê gần Kingsport, ăn trứng tráng với nhau. Cô đọc bản khai có tuyên thệ mà Mazy đã soạn sẵn, rồi Buck cũng chậm rãi dò qua. Họ lại hỏi đủ câu về đường hướng dự kiến, và tôi vẫn trả lời những câu như cũ. Sau một tiếng thuyết phục nhẹ nhàng, cô đã cầm bút ký.

Ra bãi đỗ xe, tôi ôm cô tạm biệt, ôm cả Buck nữa. Giờ chúng tôi đã thành bạn bè rồi. Tôi cảm ơn Carrie vì đã có dũng khí đứng ra giúp Quincy. Còn cô thì giàn giụa nước mắt, nhờ tôi xin Quincy tha thứ cho mình. “Tôi đã làm thế rồi,” tôi mừng rỡ trả lời.

MẸ TÔI THỪA KẾ nông trại gia đình gần quê nhà tôi, Dyersburg, Tennessee. Bà đã 77 tuổi, sống một mình từ khi cha tôi qua đời hai năm trước. Tôi lo cho mẹ vì mẹ đã già, dù cho mẹ tôi sống lành mạnh hơn tôi và không hẳn là cô đơn. Còn mẹ thì lo cho tôi vì lối sống này đây mai đó, lại chẳng có mối tình nào. Mẹ tôi miễn cưỡng chấp nhận hiện thực là tôi chẳng ưu tiên chuyện lập gia đình và có vẻ bà sẽ không có thêm cháu nữa. Chị tôi có ba đứa con, nhưng lại sống ở xa.

Mẹ tôi kiêng thịt, và sống bằng rau quả trong vườn nhà, một khu vườn huy hoàng thoải nuôi được cả trăm người, tôi không nói ngoa đâu. Mẹ cung cấp hoa quả tươi và rau củ cho tủ đồ ăn miễn phí trong vùng. Bữa tối của

chúng tôi là cà chua nh ồi gạo và nấm, đậu ngự và bí h ần. Dù có vô số đồ ăn, nhưng mẹ tôi ăn rất ít, đồ uống thì chỉ có nước hoặc trà. Mẹ khỏe mạnh, hoạt bát, không chịu uống thuốc, và dù mẹ chỉ ăn vài miếng lấy lệ nhưng cứ luôn miệng bảo tôi phải ăn thêm. Mẹ lo vì thấy tôi thiếu cân, nhưng tôi bảo không sao đâu. Nhiều người bảo tôi thế r ồi mà.

Ăn xong, chúng tôi ra hiên trước, ng ồi uống trà bạc hà. Mái hiên này chẳng thay đổi gì nhiều kể từ khi tôi về đây dưỡng bệnh nhiều năm trước, và chúng tôi nói chuyện về những tháng ngày tăm tối đó. Chúng tôi cũng nói về Brooke, vợ cũ của tôi. Hai người rất hợp nhau, và khi chúng tôi chia tay r ồi, mẹ chồng con dâu vẫn giữ liên lạc nhiều năm. Ban đầu mẹ tôi giận cô ấy vì bỏ tôi khi tôi gặp khủng hoảng, nhưng cuối cùng tôi đã thuyết phục được bà rằng chuyện chia ly này không thể tránh khỏi và đã manh nha ngay từ ngày đầu. Brooke cưới một doanh nhân khá thành đạt. Họ có bốn mặt con, bây giờ cũng vào tuổi thiếu niên cả r ồi. Mẹ tôi hay đàm chiêu thêm thu ồng khi hình dung những chuyện *giả như* trong đầu. Nên ngay khi có dịp, tôi liền chuyển hướng sang chuyện khác.

Bất kể lối sống bất thường của tôi, mẹ luôn tự hào về việc tôi đang làm, dù không hiểu rõ lắm về hệ thống tư pháp. Mẹ thấy quá chán chường khi tội phạm tràn lan, quá nhiều người phải vào tù, quá nhiều gia đình tan nát. Tôi phải mất nhiều năm mới thuyết phục được mẹ rằng có đến hàng ngàn người vô tội đang bị giam c ầm. Hôm nay là lần đầu tiên tôi kể cho mẹ về Quincy Miller, và mẹ háo hức muốn nghe thật kỹ. Một luật sư bị giết, cảnh sát trưởng biến chất, băng đảng ma túy, một người vô tội bị gài tội quá hoàn hảo. Ban đầu mẹ tôi không tin nổi, r ồi chăm chú nghe cho tường tận mọi chuyện. Tôi không lo gì khi kể hết cho mẹ. Dù gì, chúng tôi đang ng ồi ở một mái hiên tối mờ ở vùng quê Tennessee, cách xa Florida quá, và mẹ tôi sẽ kể cho ai chứ? Tôi tin mẹ tôi giữ bí mật được.

R ồi chúng tôi nói đến các thân chủ khác: Shasta Briley, tử tù ở Bắc Carolina, bị kết tội phóng hỏa và sát hại ba con gái của mình; Billy Rayburn ở Tennessee, bị kết tội do thứ khoa học đáng ngờ được gọi là Hội chứng Lắc con sau khi anh lỡ trượt chân ngã khi ẵm đứa bé một tuổi của bạn gái; Duke Russell vẫn đang ở buồng tử tù ở Alabama; Curtis Wallace, bị kết án ở Mississippi vì tội bắt cóc, cưỡng hiếp và sát hại một phụ nữ mà

anh chưa hề gặp mặt; và Jimmy Flagler, lúc bị kết án chung thân ở Georgia, cậu mới 17 tuổi và bị thiếu năng thần kinh.

Sáu vụ này là cuộc đời và sự nghiệp của tôi, việc hằng ngày của tôi, và nhiều lúc tôi cũng mệt mỏi vì suy nghĩ và nói về họ. Tôi chuyển hướng nói về mẹ và những ván poker của mẹ. Mẹ tôi chơi bài mỗi tuần một lần với các bà bạn, dù cược nhỏ thôi, nhưng sát phạt lắm. Hiện giờ mẹ đang thắng 11,5 đô-la. Số tiền nợ bài, họ sẽ dùng hết vào dịp Giáng Sinh, tổ chức tiệc, chơi xả láng và uống rượu, loại champagne rẻ tiền ấy. Mẹ còn chơi bài bridge mỗi tháng hai lần với một hội khác, nhưng vẫn kết poker hơn. Mẹ tôi tham gia hai hội đọc sách, một với các bà ở nhà thờ và chuyên đọc về thần học, một với hội bạn thoáng hơn thiên về các tiểu thuyết đang nổi, thỉnh thoảng cả những tiểu thuyết tạp nham nữa. Mẹ còn dạy giáo lý ngày Chủ nhật, đọc sách cho các ông bà cụ ở nhà hưu dưỡng, và tình nguyện giúp nhiều tổ chức phi lợi nhuận đến nỗi chẳng nhớ hết tên. Mẹ tôi vừa mua một chiếc xe hơi điện, và hằng hái giải thích cách vận hành của nó.

Mỗi năm, Frankie Tatum lại ghé dùng bữa với mẹ tôi vài lần. Họ thân nhau, và mẹ tôi thích nấu ăn mời anh. Frankie vừa ghé đây hồi tuần trước, mẹ kể tôi nghe về chuyến thăm đó. Mẹ khá tự hào về việc chính tôi đã trả lại tự do cho Frankie. Và từ chuyện này, công việc của tôi lại bị khơi lên. Có lúc mẹ đã muốn tôi ngưng việc này mà chuyển sang một sự nghiệp ổn định hơn, có lẽ ở một công ty luật bình thường nào đó, nhưng ý định này chẳng tồn tại được lâu. Lương hưu của mẹ tôi đủ để sống thoải mái, mẹ chẳng nợ nần gì, và hàng tháng đều gửi cho Hội một chi phiếu nho nhỏ.

Mẹ tôi luôn đi ngủ đúng 10:00, ngủ một mạch cho đến sáng. Mẹ hôn trán tôi rồi vào nhà, để tôi ngẩng lại nơi hiên, hai mắt tỉnh như sáo giữa màn đêm tĩnh mịch, nghĩ về các thân chủ của tôi đang ngủ sau song sắt.

Những con người vô tội.

Một tháng trước, theo một lời mách nước, các quản giáo đã khám xét bất ngờ buồng giam của Zeke Huffy, và tìm được một con dao tự chế. Trong những cuộc khám xét, quản giáo vẫn hay tìm được ma túy, và xử lý theo thông lệ. Nhưng tìm được vũ khí là chuyện lớn, vì nó là đe dọa trực tiếp đến an nguy của các quản giáo. Zeke đang ở khu cách ly ngầm, dùng để trừng phạt các phạm nhân mắc lỗi nặng. Ước mơ được ân xá của gã đã tan tành mây khói, và thay vào đó, khả năng cao còn bị tăng án.

Ở sảnh tiếp tân, chờ đón tôi là một người mặc vest, phó giám đốc nhà tù gì đó, cùng với một quản giáo. Tôi nhanh gọn hoàn tất thủ tục an ninh rồi đi theo họ đến một tòa nhà cách xa khu giam giữ. Đi đến đâu, phó giám đốc chỉ cần gạt đầu và cau mày là cửa liễn trượt mở. Tôi theo họ xuống cầu thang bê tông đến một căn phòng không cửa sổ, ẩm ướt. Zeke đang ngồi chờ trên chiếc ghế sắt, chân bị xích vào sàn. Lần này chúng tôi không phải nói chuyện qua lớp mica nữa. Tay gã không bị còng, và sau khi hơi hoảng hốt vì thấy tôi, Zeke đưa tay chào một cách khó nhọc.

Khi quản giáo đi ra và sập cửa, Zeke hỏi, “Anh đến đây làm gì?”

“Tôi đến thăm anh, Zeke. Tôi nhớ anh mà.”

Gã khịt mũi, chẳng biết đáp lại thế nào. Những ai bị biệt giam thường không được tiếp khách. Tôi lôi ra một gói thuốc, “Muốn hút không?”

“Có chứ!” gã nói, đúng kiểu của con nghiện. Tôi đưa một điếu và thấy tay gã run run. Thế là tôi quẹt diêm châm giúp. Zeke nhắm mắt lại, hít một hơi thật dài, nhả khói lên trần rồi hít tiếp. Sau ba hơi, gã gạt tàn xuống sàn và mỉm cười.

“Sao anh vào được đây vậy, Post? Cái hốc này không cho ai vào thăm mà.”

“Tôi biết. Tôi có người quen ở Little Rock.”

Zeke hút đến cạn đót rồi búng nó vào tường, “Thêm điều nữa được không?”

Tôi đốt thêm điều nữa. Zeke tái xanh và hốc hác, còn gầy hơn lần trước tôi gặp, trên cổ họng gã vừa có thêm hình xăm mới. Nicotine giúp Zeke dịu đi một chút, không còn run tay nữa. Tôi mở lời, “Họ dự định thêm cho anh vài tháng tù nữa. Giấu dao kiểu đó thì hơi ngốc đấy.”

“Hầu hết mọi việc tôi làm đều ngốc mà, Post. Anh biết thừa là thế. Người khôn đâu sống thế này.”

“Đúng. Quincy Miller khôn đấy, Zeke à, và đã bị giam rất lâu vì anh. Đến lúc cho anh ấy được tự do rồi, anh nghĩ thế không?”

Kể từ lần thăm trước, chúng tôi đã trao đổi thư từ qua lại, Hội cũng gửi cho Zeke một khoản nho nhỏ. Nhưng theo giọng điệu trên thư, có vẻ gã chưa sẵn sàng thừa nhận mình đã nói dối. Zeke xem mình đang nắm đằng chuôi và cố thao túng lợi dụng đủ đường.

“Ồ, chẳng biết nữa, Post à. Chuyện lâu quá rồi. Không chắc tôi nhớ rõ không nữa.”

“Tôi có đủ chi tiết vụ việc trong bản khai có tuyên thệ này, Zeke. Và tôi muốn anh ký vào đó. Nhớ bạn cũ Shiner không? Một con nghiện, bạn tù của anh ở Georgia?”

Zeke cười, “Nhớ chứ. Shiner, một thằng thảm hại.”

“Và anh ấy cũng nhớ anh. Giờ Shiner ở đâu đó gần Atlanta, đang ổn cả. Ổn hơn anh xa. Anh ấy đã cai được và đến giờ chưa gặp phải rắc rối gì. Chúng tôi đã có bản khai có tuyên thệ của Shiner nói rằng hai người thường tám chuyện về trò chỉ điểm trong tù của anh. Còn nói anh đã cười cợt về Quincy Miller. Cả chuyện cậu nhóc Preston ở Dothan giờ vẫn còn ngồi tù. Shiner nói anh luôn hớn hờ nói về màn diễn của mình trong phiên tòa ở Gulfport đã góp phần gán cho Kelly Morris bản án chung thân. Chúng



tôi đã xác minh những vụ này, Zeke à, đã đọc lời chứng của anh trong biên bản phiên tòa. Những lời Shiner đều là sự thật.”

Zeke trừng tôi, gạt tàn xuống đất. “Thì sao?”

“Thì đến lúc anh trở lại cuộc đời trong sạch và giúp Quincy rỗi. Việc nhẹ như không mà, Zeke. Anh không cần đi đâu cả. Như tôi đã nói mấy lần trước rỗi, dân Florida không nhớ mặt anh đâu. Anh có thừa nhận mình đã nói dối trong vụ Quincy, họ cũng chẳng quan tâm làm gì.”

Zeke dụi tàn điều thứ hai, và xin điều thứ ba. Tôi lại đốt cho gã. Zeke rít thật sâu, nhả lên cho đám khói mù trên đầu ngày càng dày thêm, rỗi buông lời mỉa mai, “Trời, tôi chẳng biết nữa, Post à, tôi lo cho thanh danh của mình mà.”

“Hài thật, nhưng nếu là tôi thì chẳng buồn phí giờ lo chuyện đó đâu. Tôi có thỏa thuận cho anh đây, Zeke, và tôi chỉ chờ 15 phút, anh vượt mất thì không còn cơ hội thứ hai. Như tôi đã nói, tôi có bạn ở Little Rock, một người có ảnh hưởng, không thì tôi đã chẳng được ngồi đây. Không ai được vào thăm người ở khu biệt giam, phải chứ? Nên thỏa thuận sẽ là thế này. Họ định cho anh thêm sáu tháng tù vì vụ dao tự chế. Như thế, tổng cộng anh còn 21 tháng ở chốn này. Bạn tôi có thể rút nó xuống còn ba tháng. Một năm rưỡi tù sẽ tự nhiên biến mất. Anh chỉ cần ký bản khai là xong.”

Zeke rít thuốc giật giật, bập tay lên đốt, nhìn tôi có vẻ không tin. “Anh đùa à.”

“Sao tôi phải đùa chứ? Đẳng nào anh cũng nên làm việc phải làm, việc một người tử tế sẽ làm, việc mà cả anh và tôi đều rõ, rỗi Quincy sẽ được tự do.”

“Chẳng có thẩm phán nào phán anh ta vô tội chỉ vì 20 năm sau tôi nhận mình đã nói dối đâu, Post. Thôi, cho tôi xin.”

“Chuyện đó cứ để tôi lo. Mỗi phần chứng cứ đều hữu ích, Zeke à. Có lẽ anh không nhớ một nhân chứng trong vụ đó tên Carrie Holland. Cô ấy cũng đã nói dối, nhưng điểm khác biệt là, giờ cô ấy đã có gan để nhận. Tôi có bản khai có tuyên thệ của cô ấy ở đây, nếu anh muốn xem. Một phụ nữ can đảm, Zeke à. Đến lúc anh làm thẳng đàn ông và nói ra sự thật rỗi.”

“Post à, thế mà tôi vừa thấy thích anh cơ đấy.”

“Thôi, khỏi cần. Tôi chẳng đáng mền thế đâu, và tôi cũng chẳng màng. Sứ mạng của tôi là gỡ được mớ dối trá đã đẩy Quincy vào tù. Anh muốn được gỡ 18 tháng tù hay là không, nói đi.”

“Sao tôi tin anh được?”

“Cái từ *tin* nghe rất lạ với anh, Zeke. Nhưng tôi là người ngay thẳng. Tôi không nói dối. Chắc anh phải theo linh tính mách bảo thôi.”

“Cho tôi điều nữa.”

Tôi đột điều thứ tư. Giờ Zeke bình tâm hơn, gã tính toán, cân đo đong đếm thiệt hơn, “Thỏa thuận này, anh viết ra được chứ?”

“Không, đâu làm thế được. Mọi nhà tù ở Arkansas đều quá sức chứa, và chính quyền bang cần giải tỏa đôi chút. Mấy nhà tù của hạt chật kín như xếp cá, sáu người ngủ một buồng, và chính quyền đang cố cho nó thông thoáng lên. Cái họ nhắm đến đâu phải là anh.”

“Anh nói cũng đúng.”

Tôi liếc nhìn đồng hồ. “Họ hứa cho tôi 30 phút, Zeke. Gần hết giờ rồi. Bây giờ, chốt hay là không?”

Gã rút thuốc, ngẫm nghĩ. “Tôi phải ở biệt giam bao lâu nữa?”

“Mai anh sẽ được ra, tôi hứa.”

Zeke gật đầu, tôi liền đưa bản khai có tuyên thệ ra. Vì gã không học hành bao nhiêu nên ngôn từ trong bản khai rất đơn giản, không từ nào vượt quá ba âm tiết. Ngâm điều thuốc trên vành môi, nhả khói ám cả mắt, Zeke cần bản khai đọc rất kỹ. Tàn thuốc rơi cả xuống áo, gã lấy tay gạt đi. Sau khi đọc xong trang cuối cùng, Zeke vút đốt rồi nói, “Tôi thấy cái này không có vấn đề gì.”

Tôi liền đưa gã cây bút.

“Anh hứa đấy nhé, Post.”

“Tôi hứa.”

LUẬT SƯ HÀNG ĐẦU về án tử hình ở Arkansas là một người bạn mà tôi từng hợp tác chung trong một vụ khác. Người anh họ con bác của vợ anh ấy là một tham nghị viên của bang, chủ tịch Ban Phân bổ Ngân sách, do đó phụ trách đi đầu phối ngân sách cho mọi ngành, bao gồm cả Cải huấn. Tôi không thích phải nhờ cậy vì đâu có gì nhiều để báo đáp, nhưng với công việc này, tôi buộc phải làm thế. Lâu lâu tôi lại nhờ được ai đó, và phép lạ xuất hiện.

Trên đường rời những cánh đồng bông ở Bắc Arkansas, tôi gọi cho Vicki báo tin. Bà reo lên sung sướng và chạy đi báo cho Mazy.

KHI CHUYỆN KINH KHỦNG của Quincy lắng xuống, June tái hôn với một người tên James Rhoad. Nỗ lực tạo mái ấm thứ hai này bớt hỗn loạn hơn lần trước, nhưng cũng không được bao lâu. Vào thời điểm đó, cô vẫn đầy rối ren, cảm xúc bất ổn và còn dùng ma túy. Frankie tìm được Rhoad ở Pensacola. Anh ta chẳng có gì tốt đẹp để nói về vợ cũ, và sau vài chai bia, anh đã cho chúng tôi câu chuyện cần thiết.

Họ sống chung rồi mới kết hôn, và trong thời gian lãng mạn vui say ngắn ngủi đó, họ uống rượu, hút cần rất nhiều, nhưng vẫn tránh không để bọn trẻ thấy. Vài lần, June đã nhạo cười Quincy, người mà cô hận cả đời. Cô tâm sự với Rhoad là đã nói dối để góp phần đẩy Quincy vào tù, và những lời khai man đó được cảnh sát trưởng Pfitzner cùng công tố viên Burkhead ủng hộ.

Rhoad lưỡng lự, không muốn dính dáng đến chuyện này, nhưng Frankie là người biết cách phá băng. Một phẩm chất của chúng tôi rồi. Mở đầu nhẹ nhàng, kết thân với các nhân chứng, tạo lòng tin, và luôn khéo léo nhắc họ nhớ rằng một người vô tội đã bị bộ máy pháp luật làm hại. Trong trường hợp này, là do tay những tên da trắng ở thành phố nhỏ cổ hủ đó.

Frankie cam đoan với Rhoad là anh không làm gì sai cả và sẽ không có rắc rối gì. June đã nói dối, và cô ấy không chịu thừa nhận hậu quả của những lời nói dối đó. Nhưng Rhoad có thể giúp bù đắp rất nhiều.

Lần gặp sau, ở một quán bar khác, sau vài lượt bia, Rhoad đã đồng ý ký bản khai có tuyên thệ.

Trong ba tháng vừa qua, chúng tôi xử lý công việc một cách kín đáo hết sức có thể. Chúng tôi vẫn chưa rõ những kẻ đã giết Keith Russo có biết chúng tôi đang đi đâu tra không, một chút cẩn thận ẩn thân vẫn hơn. Nhưng sự kín đáo đó sẽ biến mất khi chúng tôi thay mặt Quincy Miller đệ đơn kiến nghị xét xử hậu tuyên án.

Hồ sơ Mazy soạn khá dày, viết mạch lạc và lập luận sắc sảo như thường lệ. Mở đầu là bác bỏ lời chứng chuyên gia của Paul Norwood về phân tích vết máu. Cô công kích uy tín của ông ta, chỉ rõ những điểm xấu xa của ông ta. Khi mở xẻ chi tiết, cô đưa ra bảy người đi tù vì lời chứng của ông ta nhưng về sau được giải oan nhờ xét nghiệm ADN. Cô chốt lại rằng bảy người kia tổng cộng đã phải ở tù 98 năm, nhưng không ai phải ở tù lâu hơn Quincy Miller.

Khi vạch mặt Norwood xong, cô đưa ra khoa học thật sự và viện đến Kyle Benderschmidt. Uy tín cực lớn của ông được trình bày và đối chiếu với chuyên gia của bên công tố. Báo cáo của Benderschmidt mở đầu bằng nhiều nghi vấn. Cây đèn pin là vật chứng duy nhất liên kết vụ này với Quincy, nhưng nó không phải được lấy từ hiện trường vụ án. Không có bằng chứng gì cho thấy nó thật sự hiện diện ở hiện trường vào thời điểm gây án. Không có bằng chứng gì cho thấy những vết bé xíu trên mặt kính là máu người. Hoàn toàn không thể từ mấy tấm ảnh mà kết luận những chấm màu cam này là máu được. Cũng hoàn toàn không thể xác định góc súng nổ. Hoàn toàn không thể biết liệu hung thủ có cầm đèn pin khi bắn hay không, hoặc thậm chí là có cầm trên tay hay không. Quá nhiều cái không thể. Lời chứng của Norwood sai trầm trọng, không có căn cứ khoa học, mâu thuẫn với lý luận thông thường, và vô trách nhiệm về pháp lý. Norwood đã mặc định những tình tiết quan trọng là thật, dù chẳng có căn

cứ rõ ràng, và khi gặp chuyện gì chưa rõ, ông ta lại bịa thêm lời chứng khác.

Bản tóm gọn những phát hiện của Benderschmidt thật sắc sảo, đầy tính thuyết phục và đem lại chứng cứ mới. Nhưng không chỉ có thế.

Chuyên gia thứ hai của chúng tôi là tiến sĩ Tobias Black, một nhà tội phạm học lừng danh ở San Francisco. Làm việc độc lập với tiến sĩ Benderschmidt, tiến sĩ Black xem xét các tấm ảnh và tìm hiểu về biên bản phiên tòa. Ông không kìm nén sự khinh bỉ đối với những khoa học mạo nhận như Norwood. Kết luận của ông cũng tương tự.

Văn phong của Mazy như của những nhà văn đoạt giải Nobel, lại được củng cố bởi những sự thật không thể bác bỏ. Nếu lỗi phạm tội, chẳng ai muốn làm cô ấy mếch lòng đâu.

Cô còn chỉ trích việc đi điều tra của cảnh sát trưởng Pfitzner. Dùng Đạo luật Tự do Thông tin, Vicki đã lấy được hồ sơ từ cảnh sát bang Florida. Trong một biên bản, đi điều tra viên phàn nàn về việc Pfitzner can thiệp quá sâu cũng như cố gắng duy trì sự kiểm soát hoàn toàn và độc nhất của mình đối với quá trình đi điều tra. Ông ta không muốn bất kỳ người ngoài nào can dự vào, cũng như không chịu hợp tác.

Khi không có vật chứng liên kết Quincy với tội ác này, Pfitzner buộc phải tự tạo ra. Ông ta đã tổ chức khám xét xe của Quincy, mà không thông báo cho cảnh sát bang, và kết quả lại là tìm được cây đèn pin trong thùng xe.

Tiếp theo, hồ sơ đệ trình của Mazy nói đến các nhân chứng đã khai man, kèm theo các bản khai có tuyên thệ của Carrie Holland Pruitt, Zeke Huffey, Tucker Shiner, và James Rhoad. Mazy đã cố kiềm chế, nhưng vẫn dùng từ ngữ rất dữ dội với các nhân chứng khai man, cô còn bình luận gay gắt về việc các công tố viên lạm dụng lời khai của những kẻ chỉ điểm.

Rồi, Mazy phân tích vấn đề không ổn trong động cơ gây án, và sự thật rằng mối hận thù của Quincy đối với Keith Russo là chuyện đần độn hơn là có căn cứ thật sự. Cô đưa ra một bản khai có tuyên thệ từ một tiếp tân cũ ở công ty luật của Russo, nói rằng cô ấy nhớ chỉ có một lần Quincy cúi kính đến văn phòng, và có *bất ổn nhẹ*. Nhưng anh không đe dọa gì, và rời đi khi cô bảo Keith không có đây. Theo trí nhớ của cô, Quincy không đến thêm

lần nào, cũng không đe dọa gì, trái ngược với những gì mà Diana Russo đã kể với b ả thẩm đoàn. Cũng chưa hề có ai báo cảnh sát gì về chuyện đe dọa. Thật vậy, không có bất kỳ báo cáo nào về việc có ai trong công ty luật khiêu kiện gì đối với hành vi của Quincy. Còn chuyện đe dọa trên điện thoại, đơn giản là không có chứng cứ. Diana đã ngăn không cho bên bị cáo tiếp cận hồ sơ cuộc gọi của cả hai vợ chồng cô, và chúng cũng đã bị tiêu hủy từ thời điểm đó.

Phần cuối cùng là bản tóm gọn lời chứng của chính Quincy. Vì anh không được nói gì ở phiên tòa đó, nên đến bây giờ, anh mới có thể kể lại câu chuyện của mình qua bản khai có tuyên thệ. Anh bác bỏ mọi liên quan đến án mạng, bác bỏ việc mình từng sở hữu hay bắn một khẩu shotgun 12-gauge, bác bỏ việc mình biết chút gì về cây đèn pin đó trước khi thấy ảnh của nó ở phiên tòa. Anh bác bỏ việc mình đã ở Seabrook vào tối xảy ra án mạng. Nhân chứng ngoại phạm của anh, cũng là bạn gái cũ, Valerie Cooper, chưa hề thay đổi lời chứng rằng anh đã ở cùng cô tối hôm ấy. Chúng tôi cũng đính kèm cả bản khai có tuyên thệ của Valerie nữa.

Hồ sơ dài 54 trang, với lý luận rõ ràng mạch lạc, khiến người đọc hầu như không còn chút nghi ngờ nào, ít nhất là trong tâm trí của những người tử tế ở Hội Mục vụ Vệ nhân, rằng bang Florida đã kết án nhầm người. Hồ sơ này phải được đưa đến tay các thẩm phán công tâm và hiểu biết, những người thấy mình phải hành động gấp để sửa đổi chuyện bất công. Nhưng chuyện không hề được như vậy.

Chúng tôi lặng lẽ đệ đơn và chờ đợi. Sau ba ngày, rõ ràng là báo chí chẳng để tâm gì đến chuyện này, không sao cả. Xét cho cùng, vụ này đã khép lại từ 22 năm trước rồi.

Vì tôi không có giấy phép hành nghề luật sư ở Florida, nên chúng tôi cộng tác với Susan Ashley Gross, một người bạn cũ đi đầu hành Dự án Người Vô tội Trung Florida. Tên của cô được đặt đầu danh sách người đệ đơn, trên cả tên tôi và Mazy.

Hồ sơ này từ nay là tài liệu công khai rồi, nên tôi gửi một bản cho Tyler Townsend và cầu mong sẽ có phản hồi.

Ở ALABAMA, Chad Falwright rất biết giữ lời hứa thực thi công lý với tôi chứ không phải với hung thủ đích thực. Anh ta đệ đơn khiếu nại về đạo đức nghề nghiệp lên hội đồng luật sư Alabama mà tôi vốn chẳng phải thành viên, và cả hội đồng ở Georgia, nơi tôi đăng ký hành nghề. Chad muốn tôi bị tước tư cách luật sư vì can thiệp chứng cứ. Tôi mượn một sợi lông.

Tôi từng gặp mấy chuyện thế này rồi. Nó khá phức tạp, và đôi khi hơi đáng sợ, nhưng tôi không thể lùi bước. Duke Russell vẫn đang ngồi tù vì tội của Mark Carter, và chuyện đó khiến tôi trằn trọc hằng đêm. Tôi gọi cho một người bạn là luật sư ở Birmingham, và anh ấy cầu tiết muốn đấu với Chad một phen. Còn Mazy sẽ lo vụ khiếu nại ở Georgia.

TÔI ĐANG Ở PHÒNG HỌP TRÊN LẦU, xử lý đồng thư của các tù nhân cùng quần, thì Mazy réo gọi. Tôi xuống cầu thang vào văn phòng cô thì thấy cô và Vicki đang nhìn chăm chăm vào màn hình máy tính. Tin nhắn viết bằng font chữ in đậm xấu xí cực kỳ khó đọc, nhưng thông điệp lại rất rõ ràng.

Hồ sơ anh đã lên Hạt Poinsett rất đáng để đọc nhưng lại không hề nói đến Kenny Taft. Có lẽ anh ấy không phải bị dân buôn ma túy bắt đầu, có lẽ anh ấy biết quá nhiều. (tin nhắn này sẽ tự hủy trong năm phút sau khi được mở, không thể dò được dấu tích, đừng cố).

Chúng tôi nhìn chăm chăm cho đến khi nó mờ dần và chỉ còn trang giấy trắng. Vicki và tôi ra ghế ngồi, mắt nhìn mờ hồ vào bức tường trước mặt. Mazy thì gõ bàn phím, cuối cùng cô thông báo, “Website đó có tên là *Dưới Mái hiên Patty*. Trả 20 đô-la một tháng, bằng thẻ tín dụng, thì được quyền truy cập 30 ngày vào một phòng chat riêng, tin nhắn gửi đi được bảo mật, chỉ tồn tại tạm thời và không thể truy dấu vết.”

Tôi chẳng biết Mazy đang nói gì nữa. Cô ấy gõ thêm vài đọt, rồi nói, “Cái này có vẻ hợp pháp và vô hại. Có nhiều server như thế ở Đông Âu, nơi luật về quyền riêng tư nghiêm ngặt hơn.”

“Ta trả lời được không?” Vicki hỏi.

“Vấn đề là ta muốn không?” Tôi hỏi.

Mazy nói, “Ta có thể trả lời, với 20 đô-la.”

“Không nghĩ đến chi phí cho những việc thế này,” Vicki nói.

“Người này dùng địa chỉ cassius.clay.444. Ta có thể trả tiền và gửi tin nhắn cho anh ấy.”

“Giờ chưa được,” tôi nói. “Anh ta không muốn nói chuyện và đâu định nói gì thêm. Cứ nghĩ mà xem.”

Những lời mách nước ẩn danh là một phần cuộc chơi này, và dốc sức vào đó có thể phí phạm thời gian vô cùng.

KENNY TAFT MỚI 27 TUỔI khi bị giết ở một vùng hẻo lánh tại Hạt Ruiz vào năm 1990. Anh là cảnh sát da đen đầu tiên trong lực lượng của Pfitzner, phục vụ được ba năm trước khi hy sinh. Taft và cộng sự, Gilmer, được Pfitzner cử đến một địa điểm được cho là điểm tập kết của dân vận chuyển cocaine và theo tin nhận được thì chúng hiện không có ở đây. Taft và Gilmer không nghĩ sẽ có rắc rối gì. Nhiệm vụ của họ chỉ là đi tuần trạm theo yêu cầu của văn phòng DEA ở Tampa. Rất ít khả năng chỗ đó là tụ điểm của dân buôn ma túy, việc của họ chỉ là quan sát sơ qua rồi báo cáo.

Theo Gilmer, người sống sót và bị thương nhẹ, họ bị phục kích khi đang lái chậm dọc con đường lát sỏi lúc 3:00 sáng. Rừng khá rậm và họ không thấy được kẻ phục kích. Phát súng đầu tiên bắn trúng sườn chiếc xe Gilmer đang lái, gương chiếu hậu vỡ nát. Anh thắng lại, lao khỏi xe và lăn xuống một cái hố. Còn phía bên kia, Kenny Taft cũng chạy ra, nhưng ngay lập tức bị một phát vào đầu và chết ngay tại chỗ, còn chưa kịp rút súng ra. Khi không còn tiếng súng nữa, Gilmer bò trở lại xe và gọi tiếp viện.

Những tay súng phục kích đã biến mất không một dấu vết. Viên chức bên DEA tin rằng vụ này do dân buôn ma túy gây ra. Vài tháng sau, một tay chỉ điểm nói rằng thủ phạm không biết đó là cảnh sát. Vào thời điểm đó, có một lượng lớn cocaine được cất giấu ngay cuối con đường mà Taft và Gilmer đang đi, nên chúng phải bảo vệ hàng của mình.



Tay chỉ điểm còn nói rằng những kẻ nỏ súng đã cao chạy xa bay đến Nam Mỹ rồi. Có đến đó lục soát cũng chẳng được gì.

Tôi vừa nhận tràng mắng xối xả của Otis Walker qua điện thoại. Có vẻ June, vợ anh, buồn vì người chồng thứ hai của mình, James Rhoad, đã nói xấu về cô trước tòa. Tôi kiên nhẫn giải thích rằng chúng tôi vẫn chưa ra tòa, nhưng đã đệ lên bản khai có tuyên thệ của Rhoad nói rằng June đã cười cợt về chuyện khai man trước tòa để khiến Quincy bị kết tội.

“Hắn gọi cô ấy là kẻ dối trá sao?” Otis hỏi, như thể ngạc nhiên lắm vậy. “Trước mặt bồi thẩm đoàn sao?”

“Không, anh Walker, không phải trong phòng xử án, chỉ trên giấy tờ thôi.”

“Sao hắn lại thế?”

“Vì chúng tôi yêu cầu. Chúng tôi đang cố giải oan cho Quincy, vì anh ấy đầu giết luật sư đó.”

“Vậy ý anh là June vợ tôi là kẻ dối trá chứ gì?”

“Chúng tôi nói là cô ấy đã nói dối trước tòa vào thời điểm đó.”

“Có khác gì nhau đâu. Tôi chẳng biết sao các người có thể lờ chuyện từ 20 năm trước lên để làm gì.”

“Phải. Đã quá lâu rồi. Cứ hỏi Quincy là biết lâu chừng nào.”

“Tôi nghĩ tôi phải nói chuyện này với luật sư của mình.”

“Anh cứ làm thế đi. Đưa anh ấy số của tôi, và tôi rất sẵn lòng trò chuyện. Nhưng anh làm vậy chỉ phí tiền thôi.”

MAZY VỪA NHẬN ĐƯỢC tin nhắn từ *Dưới Mái hiên Patty*:

salty pelican là quán bar kè biển ở Nassau,  
Bahamas; hãy đến đó vào trưa thứ ba, chuyện quan trọng;  
(tin nhắn này sẽ tự hủy trong năm phút sau khi được mở ra;  
đừng cố truy dấu nó làm gì).

Tôi liền lấy thẻ tín dụng, vào *Dưới Mái hiên Patty*, đăng nhập với tên joe.frazier.555 và gửi tin nhắn của mình: Đem theo súng hay vệ sĩ được không?

Mười phút sau, tôi nhận được: Không, tôi đến với thiện chí. Quán bar đông đúc, xung quanh có nhiều người.

Tôi trả lời: Làm sao để tôi nhận ra người cần gặp?

Sẽ có cách. Đừng để bị bám đuôi.

Hẹn gặp lại.

Cuộc thảo luận sau đó gần như biến thành tranh cãi. Mazy cương quyết khẳng định chỉ có điên mới đi gặp kẻ lạ. Vicki cũng chẳng thích chuyện này. Tôi thì cương quyết rằng chuyện này đáng để mạo hiểm, lý do khá rõ ràng rồi. Người này biết nhiều về vụ án và muốn giúp. Anh ấy hay cô ấy cũng sợ đến nỗi không muốn gặp nhau trong nước Mỹ, và ít ra với tôi, đây là dấu hiệu về một khối lượng thông tin đầy hứa hẹn.

Hai tháng một, nhưng tôi vẫn lên đường đến Atlanta. Vicki rất giỏi tìm chuyến bay, khách sạn và xe thuê với giá sập sàn, và bà đã tìm cho tôi một chuyến bay tới Bahamas với máy bay động cơ cánh quạt cỡ nhỏ, phải dừng hai chặng trước khi rời khỏi không phận Mỹ. Trên chuyến bay chỉ có một tiếp viên không biết cười và cũng chẳng buồn nhắc mông khỏi ghế.

Không có hành lý nên tôi nhanh chóng qua cửa hải quan, đón một chiếc trong hàng dài taxi đang chờ, một chiếc Cadillac đời 1970, mở nhạc Bob Marley xập xình chủ yếu nhắm đến khách du lịch. Tài xế hút thuốc bằng tàu cho thêm nét hấp dẫn du khách. Đường xá đông nghịt, xe cộ thì đi

chậm rì rì nên cũng khó mà gặp tai nạn chết người. Chúng tôi kẹt cứng một h ầ r ầ tôi chịu hết nổi. Tôi ra khỏi xe, trả ti ền và nhờ tài xế chỉ đường đi.

Salty Pelican là một quán bar cũ, mái lợp rơm đã hơi thông xuống. Mấy cây quạt trần kêu cọt kẹt và h ầ như chẳng làm mát được gì. Một nhóm dân Bahamas địa phương đang xúm nhau chơi domino, có vẻ họ chơi ăn ti ền. Số khác thì ném phi tiêu ở góc quán. Ở đây, người da trắng đông hơn h ần dân bản địa, và rõ ràng là quán chuyên phục vụ du khách. Tôi gọi một chai bia r ầ ra ng ầ ở bàn dưới tán dù, cách mặt nước chỉ ba mét. Tôi đội mũ bóng chày, đeo kính râm, cổ khoác lấy diện mạo du khách bình thường nhất. Qua thời gian, tôi dần giỏi việc đi ầu tra nhưng vẫn kém khoản trình sát. Nếu có ai bám theo tôi cũng chẳng biết.

Tôi cứ ng ầ đó nhìn mặt biển, đến trưa r ầ qua chi ều.

Bỗng có tiếng nói vang lên sau lưng tôi, “Chào anh Post.” Tyler Townsend nhẹ nhàng ng ầ xuống chiếc ghế bên cạnh. Tên của anh ta vẫn luôn đứng đầu danh sách phỏng đoán của tôi về danh tính của nhân vật bí ẩn này. “Chào,” tôi nói mà không gọi tên anh ra, r ầ chúng tôi bắt tay. Tyler đặt chai bia trên tay xuống bàn.

Anh cũng đội mũ bóng chày và đeo kính râm, ăn mặc như thể chuẩn bị đi chơi tennis. Điển trai và r ầm n ặng, mái tóc chỉ rải rác vài sợi bạc, anh trạc tuổi tôi nhưng trông trẻ trung hơn nhi ều. “Anh hay đến đây không?” tôi hỏi.

“Có, chúng tôi có hai trung tâm mua sắm ở Nassau, nên vợ nghĩ tôi đến đây vì chuyện làm ăn.”

“Sao phải gặp ở đây?”

“Đi dạo với tôi chút nhé,” Tyler nói r ầ đứng dậy. Chúng tôi r ảo một vòng quanh bến tàu, đến c ầu tàu dài đang neo hàng trăm con thuy ền. Anh bảo, “Theo tôi.” Chúng tôi bước xuống t ầng thấp hơn, anh chỉ cho tôi con tàu tuyệt đẹp dài 15 mét và được thiết kế để ra khơi xa câu cá bu ồm, hết như mấy con được nh ầ xác và treo trên thành tàu. Anh nhảy lên boong, r ầ đưa tay kéo tôi lên.

“Tàu của anh sao?” tôi hỏi.

“Của tôi và cha vợ. Đi một vòng nhé.” Anh lấy hai chai bia trong tủ lạnh, ng ồi vào ghế thuy ền trưởn g r ồi nổ máy. Tôi ng ả người xuống sofa, hít thở làn hơi mặn mòi của biển cả khi chúng tôi rẽ sóng rời bến cảng. Bọt nước bắn lên như sương trên mặt tôi.

TYLER LỚN LÊN ở Palm Beach, cha anh là một luật sư biện hộ lừng lẫy. Anh học tám năm ở Đại học Florida để lấy bằng luật và khoa học chính trị, với dự định về quê làm việc trong công ty của gia đình. Cuộc đời Tyler đảo lộn khi cha anh bị một tài xế say rượu tông chết, chỉ vài tuần trước ngày thi lấy bằng luật sư của anh. Tyler đã chờ thêm một năm, cố xốc lại mình, qua được kỳ thi và kiếm được công việc ở Seabrook.

Lúc cha anh chưa mất và còn đảm bảo cho anh một công việc đầy hứa hẹn, anh không chuyên tâm học hành cho lắm. Học bạ đại học của anh không mấy đẹp mắt. Vì mải ăn chơi, nên anh phải mất năm năm mới lấy được bằng cử nhân với vị trí áp chót lớp. Anh có tiếng là dân tiệc tùng, nói nhì nhàu, thường chảnh chọe vì có ông cha lẫy lừng. Đột nhiên, giờ buộc phải đi tìm việc, anh mới thấy hiếm người chịu phỏng vấn anh. Một công ty bất động sản ở Seabrook tuyển anh làm luật sư, nhưng anh chỉ trụ được tám tháng.

Để đỡ chi phí, anh dùng chung văn phòng với các luật sư khác. Để có tiền trả hóa đơn, anh tình nguyện làm luật sư biện hộ cho mọi vụ do tòa chỉ định. Hạt Ruiz quá nhỏ nên không có luật sư công, và các vụ mà bị cáo quá nghèo đều được thẩm phán chỉ định. Sự hăng hái này đã làm hại anh khủng khiếp khi vụ án mạng Russo nổ ra. Các luật sư khác hoặc tránh né hoặc rời đi, và Tyler được chỉ định biện hộ cho Quincy Miller, người đã bị xem là có tội ngay từ khi bị bắt.

Chỉ là một luật sư 28 tuổi với ít kinh nghiệm trước tòa, nhưng màn biện hộ của anh chỉ có thể nói là cực đỉnh. Anh đã đấu tranh dữ dội, phản đối mọi chứng cứ, tranh luận với các nhân chứng của bên công tố và tuyệt đối tin tưởng thân chủ mình vô tội.

Lần đầu đọc biên bản phiên tòa, tôi đã thích mê sự ngông ngạo của Tyler trong phòng xử. Đọc đến lần thứ ba, tôi nhận ra lối nói bạt mạng của anh

có lẽ đã khiến b ố thăm đoàn ghét bỏ. Nhưng dù thế nào đi nữa, anh có  
tiền năng rất lớn để làm luật sư biện hộ đại tài.

Thế mà anh đã bỏ ngành luật.

CHÚNG TÔI TẠT VÀO rìa đảo Paradise và đỗ lại ở bến thuyền của một resort.  
Khi cùng bước trên c àu tàu về khách sạn, Tyler bảo, “Chúng tôi đang tính  
mua lại nơi này. Họ đang rao bán. Tôi muốn mở rộng mảng kinh doanh và  
bỏ d ầu các trung tâm mua sắm. Cha vợ tôi lại hơi bảo thủ.”

Một nhà phát triển bất động sản Florida lại có tính bảo thủ ư?

Tôi thấy chẳng hợp lý chút nào nhưng vẫn gật đầu với anh. Nói chuyện  
tiền bạc làm tôi đau đầu. Mấy thứ liên quan đến tài chính, thị trường, đầu  
cơ, vốn tư nhân, đầu tư mạo hiểm, lãi suất, bất động sản, chứng khoán...  
là tôi bỏ qua hết. Vì tôi chẳng có mấy đ ồng, nên khỏi quan tâm đến chuyện  
người khác làm gì với tài sản của họ.

Chúng tôi vào ti ền sảnh, đi thang máy lên t ầng ba, phòng suite rộng rãi  
của Tyler ở t ầng này. Tôi theo anh ra sân thượng hướng biển, t ầm nhìn đẹp  
mê ly. Anh lấy hai chai bia trong tủ lạnh ra mời và chúng tôi ng ồi xuống  
nói chuyện.

Tyler mở lời, “Tôi ngưỡng mộ anh, Post à, vì việc anh đang làm. Thật  
lòng đấy. Tôi đã phải rời xa Quincy vì chẳng còn lựa chọn nào khác, nhưng  
tôi chưa h ếtin là anh ấy giết Keith Russo. Tôi vẫn thường nghĩ đến anh  
ấy.”

“Vậy thì là ai?”

Tyler thở hắt ra r ồi uống một hơi dài. Anh đắm chiêu nhìn ra biển.  
Chúng tôi ng ồi dưới một tán dù lớn, xung quanh chẳng thấy bóng ai trừ vài  
tiếng cười đùa ở biển vọng lên. Anh nhìn tôi và hỏi, “Anh có đeo máy thu  
âm không, Post?”

Hôm nay thì không. Ổn trời.

“Thôi nào, Tyler. Tôi đâu phải cảnh sát.”

“Anh chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

“Không, tôi không đeo máy thu âm. Anh cần khám người không?”

Tyler gật đầu, “Có.”

Tôi gật đầu lại, dễ mà, có sao đâu. Tôi lùi ra khỏi bàn, cởi bỏ đồ để chứng minh. Anh quan sát kỹ, rồi đến khi còn lại cái quần đùi, anh bảo, “Đủ rồi.”

Tôi mặc đồ, ngồi vào ghế, cầm chai bia.

“Xin lỗi, Post, nhưng cần trọng không thừa. Về sau anh sẽ hiểu.”

Tôi đưa cả hai tay lên, “Tyler, tôi chẳng biết anh đang nghĩ gì, nên tôi sẽ ngồi yên, anh cứ nói thoải mái, được chứ? Tôi biết anh hiểu được là mọi chuyện sẽ cực kỳ bảo mật. Những kẻ giết Keith Russo vẫn còn nhởn nhơ đâu đó, và chúng sợ sự thật. Anh có thể tin tưởng tôi, được chứ?”

Tyler gật đầu, “Tôi cũng nghĩ thế. Anh đã hỏi tôi ai giết Russo, và câu trả lời là tôi không biết. Tôi có một giả thuyết, một giả thuyết cực kỳ ăn khớp, nghe tôi nói xong anh sẽ đồng ý là thế.”

Tôi nhấp một ngụm, “Tôi nghe đây.”

Tyler hít sâu, cố thả lỏng người. Máy tình huống thế này có thêm chút chất cần lại phù hợp, nên tôi liền uống cạn chai của mình. Anh vào tủ lạnh lấy ra thêm hai chai bia, rồi ngả người ra ghế, mắt chăm chăm nhìn mặt biển. “Tôi biết Keith Russo, biết khá rõ. Anh ta hơn tôi tám mươi tuổi, thích đi đây đó, chán cảnh sống ở thành phố nhỏ và mơ cao. Tôi không thích anh ta cho lắm, thật ra tôi chẳng thích ai cả. Anh ta và vợ kiếm tiền từ dân buôn ma túy ở Tampa, thậm chí có cả căn hộ ở đó. Ở Seabrook, người ta đồn đại là họ dự định chuyển đi, lên tầm đại gia. Anh ta và Diana khá hạn chế xã giao ở đó, như thể họ trên tầm dân thành phố nhỏ quê mùa vậy. Thịnh thoảng, những lúc thiếu việc, họ cũng phải hạ cố làm mấy vụ ly hôn, phá sản, di chúc, nhưng chúng vẫn là việc mặt hàng đối với họ. Keith đã làm rất ầu trong vụ của Quincy, và anh ấy nổi giận là đúng. Họ chọn kẻ thí mạng quá chuẩn, phải không, Post? Thân chủ bức mình nổi điên giết luật sư lười biếng.”

“Kế hoạch của họ thành công mà.”

“Phải. Cả thành phố bị sốc. Khi Quincy bị bắt, ai cũng thờ phào nhẹ nhõm. Mọi luật sư đầu lần đi hết, trừ tôi ra, và thẩm phán đã gọi. Tôi chẳng còn lựa chọn nào khác. Lúc đầu, tôi đã nghĩ anh ấy có tội, nhưng Quincy sớm thuyết phục được tôi. Tôi nhận vụ đó và hủy hoại luôn sự nghiệp luật sư của mình.”

“Anh đã thể hiện tuyệt vời ở tòa.”

Tyler khoát tay. “Tôi chẳng quan tâm chuyện đó nữa. Nó đã là một cuộc đời khác.” Anh kê khuỷu tay, nghiêng người về phía tôi, như thể câu chuyện đang trở nên nghiêm trọng hơn. “Chuyện xảy ra với tôi là thế này, Post à. Tôi chưa hề kể cho ai chuyện này, kể cả với vợ tôi, và anh không được kể nó cho ai. Mà anh cũng chẳng muốn đâu, vì sẽ vô cùng nguy hiểm. Chuyện là thế này. Sau khi tòa kết thúc, tôi kiệt sức cả về thể chất lẫn tinh thần. Tôi kinh tởm phiên tòa và phán quyết đó, cũng như khinh bỉ bộ máy tư pháp. Nhưng sau vài tuần, tinh thần tôi khá lên đôi chút, vì còn phải tiến hành kháng cáo. Tôi làm việc ngày đêm vì nó, tự nhủ lòng rằng tôi có thể lay chuyển Tòa Thượng thẩm Florida, một chuyện rất hiếm khi xảy ra.”

Anh nhấp chút bia, lại bần thần nhìn biển. “Và kẻ xấu theo dõi tôi. Đến lúc đó tôi mới nhận ra. Tôi sợ đến nỗi hoang tưởng, sợ có người nghe lén điện thoại, đột nhập văn phòng, xe, đủ thứ của tôi. Có hai cuộc gọi nặc danh, cả hai lần đều là giọng nam kỳ quái, ‘Bỏ đi.’ Thế đó. Chỉ nói, ‘Bỏ đi.’ Tôi không thể trình báo cảnh sát, vì tôi chẳng tin họ. Pfitzner kiểm soát tất cả và ông ta là địch thủ. Có khi ông ta chính là cái giọng kỳ quái đó cũng nên.

“Năm năm đến sáu tháng sau phiên tòa, khi tôi đang tiến hành kháng cáo, hai bạn học của tôi ở trường luật biết tôi cần khuây khỏa đôi chút, nên họ đã lên kế hoạch làm một chuyến đi câu cá mòi ở Belize. Anh từng câu cá mòi chưa?”

Tôi còn không biết là có trò này. “Chưa.”

“Đỉnh lắm đấy. Anh theo chúng đến vùng nước nông, ở Bahamas này và khắp Trung Mỹ, nhiều chỗ như thế lắm. Belize là một trong những chỗ xịn nhất. Bạn tôi mời và tôi thấy mình cũng cần nghỉ ngơi đôi chút. Câu cá mòi thực sự là chuyến phiêu lưu của đàn ông, không đem vợ con, bạn gái, và uống thả ga. Thế nên tôi nhận lời. Tối thứ hai ở đó, chúng tôi đến một



tiệc bãi biển không xa lắm của mình. Ở đó rất đông, dân địa phương, phụ nữ, và người nước ngoài, đầu đến đây câu cá nhậu nhẹt. Rồi tiệc tung bừng lên. Chúng tôi uống bia và rượu rum tẹt ga nhưng chưa đến mức có thể say gục. Chúng tôi không say, mà có kẻ nào đó đã cho thuốc vào đồ uống, rồi có người đưa tôi đi đến một nơi nào đó tôi chẳng biết, và sẽ chẳng bao giờ biết. Tôi tỉnh dậy thì thấy mình nằm trên sàn bê tông, trong căn phòng kín mít, không cửa sổ. Ở đó nóng kinh khủng, như lò hơi vậy. Đầu tôi đau như búa bổ, bụng dạ nôn nao. Có một chai nước nhỏ trên sàn, tôi liền nốc sạch. Áo quần trên người tôi đã bị lột hết, chỉ còn mỗi quần đùi. Tôi ngẩng lên trên sàn bê tông nóng giãy đó chờ đợi suốt mấy tiếng. Rồi cánh cửa bật mở, hai gã đáng vẻ đầu gấu bước vào, tay cầm súng, tiến về phía tôi. Chúng tát tôi, bịt mắt tôi, trói tay tôi, rồi dẫn tôi đi khoảng nửa tiếng trên đường đất khá bẩn. Chân tôi cứ xiêu vẹo, cổ họng khát khô, và cứ mười bước, một tên lại chửi tôi bằng tiếng Tây Ban Nha và thúc tôi đi nhanh. Khi dừng lại rồi, chúng siết hai cổ tay tôi lại, móc vào cái tời mà kéo lên. Đau khủng khiếp, và một năm sau, tôi phải phẫu thuật vì vụ đó, nhưng lúc đó tôi còn chẳng buồn nghĩ đến nó. Tôi bị va vào mấy thanh rầm gỗ trên đường lên, và cuối cùng dừng lại ở đỉnh một ngọn tháp. Chúng tháo bịt mắt và cho tôi được quan sát cảnh vật. Chỗ đó là rìa hồ, khúc sông hay gì đó, mặt nước rộng tít mịt một sân bóng đá. Nước có vẻ sâu, màu nâu đục ngầu, và đầy cá sấu. Nhiêu khủng khiếp. Đứng cạnh tôi là ba tên vũ trang hạng nặng không mấy thân thiện, và hai đứa nhóc gầy gò, chắc chưa được 18. Da chúng tối màu và gầy như chẳng mặc gì. Một đường *zip line* chạy từ ngọn tháp đi qua cái hồ đến một cái cây phía bên kia. Nếu không có bãi cá sấu, thì đây đúng là màn trượt *zip line* qua hồ cực đỉnh cho mùa hè. Trước mắt tôi, giờ chỉ thấy được chúng, bãi thú ăn thịt máu lạnh. Đầu tôi đau buốt, còn tim thì như chực nhảy ra khỏi lồng ngực. Chúng lấy một bao đựng đầy gà chết, máu me bê bết, treo lên đường *zip line* rồi thả xuống. Khi nó đi ngang mặt nước, máu nhỏ xuống khiến lũ cá sấu cuồn cuộn lên. Lúc cái bao dừng lại ở giữa hồ, một tên lính kéo sợi dây, và đám gà chết rơi xuống đầu bãi cá sấu. Chắc chúng đói lắm rồi, vì trên mặt nước chúng cuồn cuộn loạn cả lên.

“Xong món tráng miệng, giờ đến món chính. Chúng lôi một trong hai thằng bé Latin gầy gò, trói cổ tay vào *zip line*. Nó la hét khi chúng đẩy nó ra khỏi tháp, và kêu thét dữ dội khi trượt qua hồ. Khi dừng lại giữa hồ,

chân nó chỉ cách bẫy cá sấu có ba mét. Thằng bé tội nghiệp khóc lóc la hét thảm thiết. Kinh khủng, quá kinh khủng. Một tên càn súng gạt càn từ từ, và nó rơi xuống dầm. Nó giãy giụa điên cuồng, anh cũng tưởng tượng được mà. Nó giãy giụa la hét để cố giữ mạng, nhưng ngay khi chân nó vừa chạm mặt nước, bẫy cá sấu liền lao vào cắn xé, đến xương cũng không còn. Tên đó gạt càn tiếp, thằng bé bị chìm sâu hơn nữa. Tôi đã phải chứng kiến cảnh người ta bị ăn tươi nuốt sống.”

Anh nhấp chút bia, bần thần nhìn biển. “Post, không thể nào tả hết nỗi sợ đó, nỗi kinh hoàng tột độ khi phải xem một chuyện như thế và biết chẳng mấy chốc sẽ đến lượt mình. Tôi vãi cả ra quần. Tôi nghĩ mình sắp xỉu luôn rồi. Tôi muốn nhảy, nhưng tên gác đã giữ chặt. Tôi sợ, nỗi sợ không mấy người từng trải qua đâu. Đối diện với đội xử bắn thật kinh khủng, nhưng ít ra ta sẽ chết trong chớp mắt. Còn bị nhai sống thì... thôi.

“Rồi họ treo thằng bé thứ hai lên, tôi nhận ra, một chuyện quá rõ ràng rồi, tôi được sắp xếp ra đi cuối cùng, để chịu thêm cơn ác mộng khủng khiếp là chứng kiến cảnh chết của hai người đầu.

“Đột nhiên, chuyện đổi khác. Tôi nghe có tiếng cười ở bên phải mình, bên kia tòa tháp. Tiếng đàn ông, đang cười vì màn máu me bên dưới, và tôi tự hỏi chúng có thường tụ tập với nhau để bày trò thế này không? Tôi bước lùi lại, nhưng một tên gác chụp tóc tôi xô thẳng vào hàng rào chắn. Những tên này quá đồ con và tàn bạo, tôi chẳng đủ khỏe để chống cự, mà có cố cũng chẳng ích gì. Tôi cố tránh mặt đi, không nhìn bữa tiệc máu xương dưới kia, nhưng hắn chụp tóc tôi và rút lên, ‘Nhìn! Nhìn đi!’

“Chúng thả thằng bé thứ hai xuống. Nó hét còn to hơn nữa, và khi bị treo lủng lẳng trên miệng bẫy cá sấu, nó giãy giụa và la hét gì đó nghe như ‘Maria! Maria!’ Khi chúng bắt đầu thả nó xuống, tôi nhắm chặt mắt lại. Tiếng thịt bị xé xoẹt xoẹt, xương gãy răng rắc, thật rợn người. Tôi bủn rủn, ngã xuống nằm im không động đậy, nhưng cũng chẳng ích gì. Chúng vả tôi tàn bạo, lôi tôi đứng lên, trói vào *zip line*, và thả tôi xuống. Tôi lại nghe thấy tiếng cười lớn. Khi đã đến giữa hồ, tôi liếc nhìn xuống. Tôi đã tự nhủ là đừng, nhưng không kìm được. Dưới đó toàn là máu, xương vụn, những mảnh thân thể, và bẫy cá sấu điên cuồng đang muốn ăn thêm. Khi nhận ra mình đang bị thả xuống, tôi nghĩ về mẹ và chị tôi, nghĩ họ sẽ chẳng bao giờ biết tôi đã gặp chuyện gì. Mà họ không biết còn hay hơn ấy. Tôi không la

hét khóc lóc gì, nhưng không thể không giãy giụa. Ngay lúc con cá sấu đầu tiên định vồ lấy chân tôi, bỗng có ai đó hét lớn bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi bắt đầu được kéo lên.

“Chúng thả tôi khỏi tháp, và đeo bịt mắt vào lại. Tôi đã bủn rủn cả người, không đi nổi, nên chúng tìm một chiếc xe điện. Tôi bị ném lại vào cái hốc lúc trước, nằm co mình trên sàn bê tông nhẽ nhại, kêu khóc ít nhất cả tiếng trước khi bọn chúng trở lại. Một tên đánh tôi rồi bẻ quặt hai tay tôi ra sau lưng, tên khác thì tiêm ma túy cho tôi. Lúc tôi tỉnh lại thì thấy mình đang trên đường về Belize, đang nằm trên thùng xe bán tải của hai cảnh sát. Chúng tôi dừng lại trước một nhà tù, tôi theo họ vào trong. Một người cho tôi ly cà phê, người kia thì giải thích rằng hai bạn của tôi rất lo cho tôi. Họ được báo là tôi bị giam vì tội say xỉn nơi công cộng, và tốt nhất tôi cứ bảo với mọi người như thế.

“Khi đã được về lại lâu đài, tỉnh trí lại rồi, tôi trò chuyện với hai anh bạn và cố bịa ra một chuyện thật thuyết phục. Tôi bảo họ là mình bị vào tù, chuyện vặt vãnh mà, như một cuộc phiêu lưu nhỏ thôi. Vụ bắt cóc diễn ra trong vòng 40 tiếng, và tôi chắc chắn nó cần đến thuyền, trực thăng, máy bay, nhưng trí nhớ của tôi vẫn chưa phục hồi hẳn do ma túy. Tôi gấp rút đi khỏi Belize và về nhà. Từ đó trở đi, tôi không bao giờ tìm đến nhà chức trách của một nước thuộc thế giới thứ ba nữa. Tôi cũng bỏ luôn trò câu cá mồi.”

Tyler dừng lại, nhấp thêm ngụm bia. Tôi cũng quá choáng váng với những chuyện vừa nghe, nhưng cũng cố nói được vài chữ, “Thật quá điên rồ.”

“Tôi vẫn gặp ác mộng vì nó. Tôi phải bịa chuyện với vợ mỗi khi bật dậy hét lên trong cơn ác mộng.”

Tôi chỉ biết lắc đầu.

“Về lại Seabrook, tôi không còn là chính mình. Tôi không ăn, không ngủ được, chẳng dám ở lại văn phòng. Tôi giam mình trong phòng ngủ, cố chợp mắt, bên cạnh luôn để khẩu súng đầy đạn. Tôi kiệt quệ đến mức sụp đổ, vì không ngủ được. Tôi cứ thấy khuôn mặt hai thằng bé đó. Tôi nghe tiếng chúng kêu thét, khóc lóc thảm thiết, tiếng bày cá sấu đói ăn điên

cuồng, tiếng xương gãy, và tiếng cười vắng xa xa. Tôi đã tính chuyện tự sát, Post à, thật sự muốn chết quách cho rồi.”

Tyler uống cạn chai, và vào tủ lạnh lấy thêm. Anh ngồi xuống, kể tiếp, “Không hiểu sao, tôi lại thuyết phục được mình tin rằng đó chỉ là ác mộng, do rượu và đầu óc bị bỏ thuốc. Một tháng sau, tôi dần xóc lại mình. Rồi tôi nhận cái này qua bưu điện.”

Anh với tay lấy một tập hồ sơ mà này giờ tôi không để ý thấy. Khi mở nó ra, anh nói, “Post, tôi chưa hề cho ai xem cái này.” Anh đưa tôi một tấm ảnh màu cỡ 20X25. Là hình Tyler, đang treo trên *zip line*, chân chỉ cách cái miệng há to đầy răng lởm chởm của con cá sấu khổng lồ mấy phân. Nổi kinh hoàng trên gương mặt quá chân thực và kinh khủng không thể nào tả nổi. Ảnh này chụp cận cảnh, nên sau lưng anh không có gì để xác định vị trí và thời gian.

Tôi xem tấm ảnh rồi nhìn Tyler. Anh đang lau nước mắt nơi má, nói giọng yếu ớt, “Tôi cần gọi một cuộc. Chuyện làm ăn. Anh cứ uống thêm chai nữa, 15 phút sau tôi quay lại. Vẫn còn chuyện muốn kể cho anh.”

Tôi đặt tấm ảnh vào tập giấy và để trên bàn, không bao giờ xem lại nó nữa, mong là thế. Tôi bước ra lan can sân thượng, nhìn về phía biển. Quá nhiều ý nghĩ điên rồ cứ xoay trong đầu tôi đến nỗi tôi chẳng biết bắt đầu từ đâu nữa. Nhưng bao trùm mọi suy nghĩ là nỗi sợ. Nỗi sợ đã khiến Tyler phải bỏ ngành luật. Nỗi sợ khiến anh chôn vùi những bí mật của mình, Nỗi sợ khiến tôi phải thấy run khi nghe kể lại một chuyện từ 20 năm trước.

Tôi cứ chìm trong những suy nghĩ mông lung, không nghe thấy Tyler đã quay lại. Tôi giật thót khi anh hỏi, “Anh đang thắc mắc chuyện gì nhất, Post?” Trên tay anh là ly cà phê đen.

“Tại sao chúng không giết anh luôn? Đâu ai biết gì.”

“Đấy là câu hỏi hiển nhiên, và tôi đã mất 20 năm nghĩ về nó. Câu trả lời khả dĩ nhất của tôi là chúng cần tôi. Chúng đã có lời tuyên án. Quincy đã bị tống vào tù mãn kiếp. Chúng hằn lo ngại chuyện anh ấy kháng cáo, và vì tôi là người thực hiện việc đó, nên chúng muốn tôi bỏ cuộc. Và tôi đã làm thế. Trong đơn kháng cáo, tôi nêu lên mọi vấn đề pháp lý rõ ràng, nhưng giảm giọng điệu. Tôi chấp nhận bỏ cuộc. Tôi đã gửi đơn đi. Anh đọc nó rồi nhỉ?”

“Hẳn rồi, tôi đọc tất cả mọi thứ có liên quan. Hồ sơ kháng cáo của anh rất sắc sảo.”

“Về mặt pháp lý là thế, nhưng tôi chỉ làm chiếu lệ thôi. Thật ra, tôi có cố thì cũng vô ích. Tôi có viết gì đi nữa, Tòa Thượng thẩm Florida cũng không đảo ngược bản án đâu. Quincy chẳng biết gì về chuyện này. Anh ấy tưởng tôi vẫn hăng hái chống lại sự bất công đối với anh ấy, nhưng tôi đã bỏ cuộc.”

“Đằng nào tòa cũng bác bỏ đơn kháng cáo.”

“Chuyện đó biết thừa rồi. Tôi tiếp tục đệ đơn kháng cáo lên Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Vẫn bị bác bỏ như mọi khi. Và tôi bảo Quincy là hết cách rồi.”

“Vì thế mà anh không yêu cầu xét xử hậu tuyên án?”

“Phải, cộng thêm lúc đó chẳng có chứng cứ gì mới. Tôi vấy cờ trắng và rút. Không cần nói, lúc đó tôi cũng đâu được thù lao gì. Hai năm sau, Quincy trong tù tự đệ đơn, tìm được một luật sư chuyên trách nhà tù nhận lời giúp đỡ, nhưng chẳng đi đến đâu.”

Tyler quay lại bàn, ngồi xuống. Anh thả tập hồ sơ vào chiếc ghế trống. Tôi cũng đến ngồi với anh, cả hai thỉnh thoảng lặng một hồi lâu. “Cứ nghĩ đến chuyện sắp đặt toàn bộ vụ đó đi, Post,” anh mở lời phá tan thỉnh thoảng. “Chúng biết tôi sẽ đi cá ở Belize, biết tôi sẽ ở lại chỗ nào, nên hẳn chúng đã nghe lén điện thoại tôi. Thời đó làm gì có Internet, nên chẳng có email để mà hack rồi. Anh cứ nghĩ phải cần bao nhiêu người để chuốc thuốc vào đầu ống của tôi, lôi tôi đi, cho lên thuyền hay máy bay gì đó, đưa tôi đến cái trại nơi chúng bày trò tiêu khiển bằng cách đem kẻ thù làm mồi cho cá sấu. Đường *zip line* rất xịn, cá sấu thì vừa đông vừa đói.”

“Một băng nhóm có quy củ.”

“Phải, ai đó cực kỳ nhiều tiền, nhân lực và quan hệ với cảnh sát địa phương, thậm chí là tuần duyên và biên phòng, đầu là đặc điểm của dân buôn ma túy. Chắc hẳn chúng đã khuất phục được tôi. Tôi vẫn đệ đơn kháng án, nhưng chỉ còn cái vỏ bên ngoài. Rồi tôi đi gặp bác sĩ tâm lý, kể rằng tôi bị đe dọa khủng khiếp và chúng có thể làm thật, rằng tôi sụp đổ vì sự thật đó. Bác sĩ giúp tôi phục hồi dần, rồi tôi dọn đồ chuyển đi. Anh cần thêm chứng cứ chứng minh Quincy không giết Russo chứ?”

“Không, chẳng cần câu chuyện này thì tôi cũng có đủ chứng cứ rồi.”

“Đây là bí mật tuyệt đối không được kể với ai, Post. Và đây là lý do tôi sẽ không can dự vào bất kỳ việc gì liên quan đến Quincy.”

“Vậy anh vẫn còn chuyện chưa kể?”

Tyler nhăm nháp cà phê, tư lự một hồi. “Cứ cho là tôi biết gì đó đi.”

“Anh kể cho tôi về Brad Pfitzner được chứ? Tôi cho là h ồi đó anh biết khá rõ về ông ta.”

“H ồi đó, có người cũng nghi ngờ Pfitzner, nhưng chỉ dám xì xầm thôi. Vài luật sư chuyên mảng hình sự, kể cả tôi, thì biết nhiều hơn. Ở vịnh, có một cảng nhỏ tên là Lach Poley, nằm ở Hạt Ruiz, nên dưới quyền kiểm soát của ông ta. Người ta đồn là ông ta bảo kê cho ma túy nhập vào đó rồi chuyển đến những nhà kho ở các vùng hẻo lánh trong hạt trước khi được phân phối đến Atlanta. Nhưng đó chỉ là tin đồn. Pfitzner chưa hề bị bắt hay buộc tội gì cả. Khi đi khỏi đó rồi, tôi vẫn quan sát từ xa và giữ liên lạc với vài người bạn luật sư ở Seabrook. FBI chưa hề đưa động gì đến Brad.”

“Còn Kenny Taft?”

“Taft bị giết không lâu sau khi tôi rời Seabrook. Có tin đồn là vụ đó không phải như lời Pfitzner thuật lại. Cũng như vụ Russo, Pfitzner phụ trách điều tra và muốn báo cáo kiểu gì tùy ý. Ông ta còn tổ chức tang lễ rầm rộ, cho cảnh sát xếp hàng hai bên đường. Một màn tiền biệt hoành tráng cho chiến sĩ ngã xuống.”

“Vai trò của Taft có gì quan trọng không?” tôi hỏi. Tyler lại trầm ngâm ngẫm nghĩ. Với tôi, đây là câu trả lời khá rõ ràng rồi, nhưng anh quay lại bảo, “Tôi chẳng biết. Có lẽ là có gì đó.”

Tôi không muốn ép Tyler nữa. Tôi đã có được quá nhiều thông tin hơn dự kiến, và thế nào chúng tôi cũng còn dịp gặp nhau. Tôi biết anh không muốn nói về chuyện Kenny Taft nên quyết định chuyển sang chủ đề khác.

“Vậy sao lại phải giết Keith Russo?” tôi hỏi.

Tyler nhún vai, như thể câu trả lời quá rõ rồi. “Anh ta làm gì đó chọc giận băng này, và chúng trừ khử. Cách nhanh nhất để xơi kẹo đường là bóp xẹp. Có lẽ DEA đã ép Russo, khiến anh ta lỡ lời. Trừ khử Russo và đẩy Quincy lãnh tội xong, thì chuyện làm ăn được tiếp diễn như thường lệ. Chúng muốn bản án giữ nguyên để mọi chuyện đầu vào đây, còn tôi thì đi câu cá và chui thẳng vào bể.”

“Pfitzner nghỉ hưu ở quần đảo Keys, trong căn hộ cỡ 1,6 triệu đô,” tôi kể. “Không tệ với một cảnh sát trưởng lương hằng năm cao nhất là 60.000.”

“Và còn chưa học xong trung học, nên có lẽ ông ta phải cực kỳ ranh ma mới lên được chức đó. Tôi cá chắc hầu hết tài sản của ông ta đều ở nước ngoài. Cần thận khi tìm hiểu đấy, Post. Có lẽ anh sẽ đụng phải những chuyện mà đến lúc đó anh mới ước gì mình không biết thì hơn.”

“Việc của tôi là thế mà.”

“Nhưng tôi thì không. Mọi chuyện này đều là quá khứ xa vời rồi. Giờ tôi đang sống sung túc, vợ đẹp con xinh. Qua ngày mai, tôi sẽ không dính dáng gì đến chuyện này nữa. Chúc anh may mắn, nhưng tôi không gặp lại anh nữa đâu.”

“Tôi hiểu. Cảm ơn anh đã gặp.”

“Anh muốn thì cứ tự nhiên dùng phòng suite này. Cứ ở lại đây, mai rồi đi xe ra phi trường.”

“Cảm ơn anh, nhưng cho tôi xin phép.”



Theo Mục 13A–10–129 của Luật Quy tắc Hình sự Alabama, bất cứ ai *di dời hay làm thay đổi vật chứng* mà không nằm trong quy trình chính thức, thì can tội can thiệp chứng cứ. Và dù nó chỉ là tội nhẹ thuộc Hạng A, nhưng mức án vẫn có thể lên đến một năm tù và phạt hành chính 5.000 đô-la. Thông thường, với mấy vụ tội nhẹ thế này, bên khiếu kiện, mà trong trường hợp này là công tố viên Chad Falwright, chỉ cần nộp bản khai có tuyên thệ cáo buộc tội phạm tội đó và yêu cầu cảnh sát trưởng phát lệnh bắt tội.

Nhưng hiện giờ Chad đang sợ thành tựu lớn nhất sắp biến thành sai lầm nghiêm trọng nhất trong sự nghiệp phăng lạng của anh ta. Năm tới anh ta sẽ tái tranh cử chức công tố viên, không hẳn là không có đối thủ và nếu người ta biết anh ta đã khởi tố và suýt hành hình Duke Russell hoàn toàn oan sai, thì thế nào anh ta cũng mất kha khá phiếu. Vậy nên Chad đang cố phản kích tôi vô cùng dữ dội. Thay vì theo đuổi mục tiêu cao đẹp là tìm sự thật và thực thi công lý, anh ta lại tấn công tôi vì tôi cố chứng minh anh ta sai và giải oan cho người vô tội.

Để thể hiện bản lĩnh, anh ta triệu tập phiên tòa ở Verona và truy tố tôi tội can thiệp chứng cứ. Anh ta gọi Jim Bizko ở *Birmingham News* và huênh hoang về thành tựu to lớn này. Nhưng Bizko khinh bỉ Chad, hỏi tại sao anh ta không chịu đem bảy sợi lông đi xét nghiệm ADN, và cũng không thèm viết bài về vụ truy tố này.

Bạn tôi ở Alabama là Steve Rosenberg, một luật sư cấp tiến gốc New York, và có vẻ vẫn không chấp nhận dung hòa với lối cổ hủ khác lạ ở đây. Anh đi đầu hành một tổ chức phi chính phủ ở Birmingham, và biện hộ cho hàng chục vụ án tử hình.

Rosenberg gọi cho Chad và cả hai cãi nhau dữ dội, dù đây không phải lần đầu, Khi lấy lại bình tĩnh, cả hai đồng ý là tôi sẽ đến văn phòng Chad, tiến hành theo thủ tục, rồi ngay lập tức đi gặp thẩm phán để bàn về chuyện bảo lãnh tại ngoại. Có khả năng tôi sẽ phải ở tù một hai hôm, nhưng chuyện đó đâu nhằm nhò gì. Nếu các thân chủ của tôi phải chịu hàng chục năm khủng khiếp trong tù, chắc chắn tôi có thể chịu nổi chút khó chịu trong trại tạm giam của hạt.

Đây là lần đầu tôi bị truy tố, và tôi thấy khá là tự hào. Trên kệ sách của tôi có một quyển nói về các luật sư lừng lẫy đã chấp nhận vào tù vì đấu tranh cho thân chủ mình, và tôi rất hân hạnh được nhập hội cùng họ. Rosenberg từng phải ngồi tù một tuần vì tội khinh thường tòa ở Mississippi. Anh vẫn cười về chuyện đó, bảo là nhờ thế mà anh có thêm vài thân chủ.

Chúng tôi gặp nhau trước tòa án, chào nhau bằng cái ôm. Steve đã gần 60, và có vẻ càng thêm tuổi anh càng thêm cấp tiến. Mái tóc muối tiêu của anh dài đến vai, để tự nhiên. Tôi thấy anh bắt đầu đeo bông tai một bên, và có thêm một hình xăm nơi cổ. Hồi nhỏ, anh lăn lộn ở Brooklyn và lớn lên thì hành nghề luật như một đấu sĩ đường phố. Anh táo bạo và mê nhất là xông vào các tòa án ở vùng quê cổ hủ khắp miền Nam và khiến dân địa phương phải chới với.

“Đủ chuyện này vì một sợi lông hả?” anh hỏi, cười phá lên. “Tôi cho anh một sợi cũng được mà.”

“Của anh có lẽ bị bạc quá, xài không được,” tôi trả lời.

“Tào lao, Tào lao quá.”

Chúng tôi vào tòa án, lên văn phòng công tố. Cảnh sát trưởng cùng hai cảnh sát viên đang chờ sẵn, một người cầm máy ảnh trong tay. Để thể hiện lòng hiếu khách lạ lùng, cảnh sát địa phương đồng ý xử lý mọi chuyện trong tòa án là đủ, không cần đến phòng tạm giam làm gì, tạm thời là vậy. Hai ngày trước, tôi đã gửi văn tay cho họ. Tôi đứng đó cho viên cảnh sát chụp hình lưu hồ sơ tội phạm, xong thì cảm ơn cảnh sát trưởng và để ý thấy có vẻ anh ta chẳng hứng thú gì chuyện này, rồi ngồi chờ Chad. Khi chúng tôi được mời vào văn phòng của Chad, chẳng ai tỏ ra muốn bắt tay cả. Rosenberg và tôi khinh bỉ anh ta, phía anh ta cũng vậy. Khi chúng tôi

chào hỏi mấy câu ban đầu, tôi thấy rất rõ là anh ta đang bận tâm đến chuyện gì đó, một chuyện gây nhiều lo lắng.

Và chúng tôi sớm biết được đó là chuyện gì. Lúc 1:00 chiều, chúng tôi vào phòng xử án chính, ngồi ở bàn bị cáo. Chad cùng hai trợ lý ngồi ở bàn bên kia. Phòng xử này vốn là địa bàn của thẩm phán Leon Raney, một ông già cẩu gắt đã chủ trì phiên tòa xử Duke và rất khắc nghiệt với anh. Không có ai dự khán cả. Đâu ai quan tâm. Chỉ là một sợi lông rơi vào tay một luật sư vô tội ở tận Georgia. Tham vọng tạo chút ít chú ý của Chad lại tan tành mây khói.

Và chuyện chưa dừng ở đó, ở bậc thẩm phán, không phải ông già da trắng gắt gỏng trong bộ áo chùng đen, mà là một quý cô da đen trẻ trung và rất xinh đẹp trong bộ áo chùng đỏ xuất hiện, nở nụ cười và chào hỏi chúng tôi. Thẩm phán Marlowe thông báo là thẩm phán Raney đang nghỉ phép vì bị lên cơn đau tim hồi tuần trước, và vì thế cô sẽ thế chỗ cho đến khi ông quay lại làm việc. Cô là dân gốc Birmingham và được Tòa Thượng thẩm Alabama chỉ định về đây. Chúng tôi bắt đầu hiểu tại sao Chad lại lo lắng như thế. Lợi thế sân nhà của anh ta đã tiêu tan vì sự xuất hiện của một trọng tài công tâm.

Việc đầu tiên thẩm phán Marlowe thực hiện từ khi về đây là phiên đi đầu trình và kiến nghị tại ngoại của tôi. Cô gật đầu với thư ký tòa để bắt đầu ghi chép biên bản, rồi thông thả mở lời, “Tôi đã đọc bản truy tố, và nói thẳng, anh Falwright, vụ này đâu có gì đáng để đến mức này. Chắc chắn anh còn nhiều việc quan trọng hơn phải làm. Anh Rosenberg, thân chủ của anh vẫn đang giữ sợi lông đã qua xét nghiệm ADN chứ?”

Rosenberg đứng lên, “Vâng, thưa quý tòa. Nó nằm ngay trên bàn đây, và chúng tôi muốn trả lại cho anh Falwright, hay bất kỳ ai phụ trách về chứng cứ. Thân chủ của tôi không can thiệp, cũng không trộm gì cả. Đơn giản là anh ấy đã mượn một sợi lông mà thôi. Anh ấy buộc phải làm thế, thưa quý tòa, vì anh Falwright đây không chấp nhận tiến hành xét nghiệm ADN.”

“Cho tôi xem,” cô nói.

Rosenberg cầm một túi nhựa nhỏ, đưa cho thẩm phán. Cô không mở ra, mà căng mắt nhìn nó, và cuối cùng cũng thấy được cái cần thấy, rồi bỏ nó xuống. Cô cau mày, lắc đầu, nói với Falwright, “Hắn anh lừa tôi rồi.”

Chad bật dậy, lấp ba lấp bắp. Anh ta làm công tố viên ở đây đã 20 năm, suốt sự nghiệp, anh ta được sự che chở của người tì ền bối cực hữu, tương đ ồng ý kiến, bất dung với những ai bị cáo buộc. Leon Raney là công tố viên tì ền nhiệm của anh ta. Giờ đột nhiên, Chad buộc phải chơi trên sân trung lập, và anh ta không quen luật chơi kiểu này.

“Đây là vấn đề nghiêm trọng, thưa quý tòa,” Chad giả vờ cảm phẫn lên tiếng bác lại. “Bị cáo, anh Post đây, đã thừa nhận mình trộm chứng cứ trong hồ sơ vụ án, một hồ sơ được bảo vệ và bất khả xâm phạm,” Chad thích dùng từ đao to búa lớn và thường lạm dụng chúng để gây ấn tượng với b ồi thẩm đoàn, nhưng khi đọc các biên bản tòa, tôi thấy hình như nó không có tác dụng mấy.

Thẩm phán Marlowe đáp lại, “Nếu tôi đọc hồ sơ không nh ầm, thì sợ lòng này đã bị mất hơn một năm mà không ai, kể cả anh nhận ra cho đến khi anh Post thông báo cho anh biết.”

“Chúng tôi đâu thể bảo vệ tất cả hồ sơ vụ án cũ, thưa quý tòa.”

Cô đưa tay chặn lời Chad. “Anh Rosenberg, anh có kiến nghị gì không?”

“Có. Tôi muốn bác bỏ cáo buộc đối với anh Post.”

“Chấp thuận,” cô nói ngay.

Chad há hốc miệng, và lâu lâu gò cổ, trước khi thả phịch người xuống ghế. Marlowe nhìn Chad với ánh mắt đáng sợ. Và thế là tôi được xóa tội.

Thẩm phán lại lấy một ch ồng giấy khác ra, “Anh Rosenberg, tôi đang cần đơn xin xét xử hậu tuyên án mà anh đã đệ lên từ hai tháng trước, thay mặt Duke Russell. Vì tôi là thẩm phán chủ trì, hiện tại và trong thời gian chưa rõ hạn định sắp tới, nên tôi muốn tiến hành xử lý đơn kiến nghị này. Anh có sẵn sàng xúc tiến không?”

Nếu không phải đang trong tòa án, chắc tôi và Rosenberg đã lăn ra cười ngất r ối. “Có, thưa quý tòa,” anh đồng dục tuyên bố.

Chad tái xanh và lại cố đứng lên. “Anh Falwright?” cô hỏi.

“Không được, thưa quý tòa. Thôi nào. Phòng công tố còn chưa đưa ra h ồi đáp. Làm sao ta tiến hành được?”

“Nếu tôi yêu cầu thì anh phải tiến hành. Phòng công tố đã có hai tháng để hồi đáp, sao lại phải đợi lâu đến vậy? Sự trì hoãn này là phi lý và phi đạo đức. Mời anh ngồi.” Cô gạt đầu về phía Rosenberg, và luật sư cả hai bên đều ngồi. Ai cũng hít thở thật sâu.

Thẩm phán hắng giọng rồi nói, “Vấn đề ở đây chỉ đơn giản là bên bị cáo yêu cầu xét nghiệm ADN toàn bộ bảy sợi lông lấy được từ hiện trường vụ án. Bên bị cáo sẵn sàng chịu chi phí phụ trội cho việc xét nghiệm. Thời nay, ADN được dùng để loại trừ hoặc xác định nghi phạm và bị cáo. Thế nhưng, theo tôi biết, phòng công tố của anh, anh Falwright, lại không chấp nhận xét nghiệm. Tại sao lại thế? Anh sợ điều gì? Nếu kết quả xét nghiệm không phải của Duke Russell, thế thì đây là bản án oan sai. Nếu kết quả xác định chúng là của Russell, anh sẽ có thêm nhiều căn cứ để quả quyết anh ta đã được xét xử hoàn toàn công bằng. Anh Falwright, tôi đã đọc hồ sơ, toàn bộ 1,400 trang giấy biên bản phiên tòa và tất cả mọi thứ khác. Phán quyết dành cho anh Russell được dựa trên vết cắn và phân tích mẫu lông, những phương pháp đã rất nhiều lần bị chứng minh là cực kỳ thiếu tính xác thực. Tôi nghi ngờ về phán quyết này, anh Falwright, và tôi ra lệnh xét nghiệm ADN cả bảy sợi lông đó.”

“Tôi sẽ kháng cáo đối với lệnh này,” Chad nói mà không buồn đứng dậy.

“Xin lỗi. Anh đang nói chuyện với thẩm phán sao?”

Chad đứng lên và nói lại, “Tôi sẽ kháng cáo lệnh đó.”

“Hắn rồi. Tại sao anh lại cố chấp phản đối xét nghiệm ADN thế, anh Falwright?”

Tôi và Rosenberg nhìn nhau, không thể tin nổi. Trong ngành này, chúng tôi hiếm khi ở thế cửa trên, và hầu như lúc nào cũng phải chứng kiến thẩm phán vỗ về công tố viên. Chuyện như thế này thật quá đổi kinh ngạc, đến mức chúng tôi chẳng kịp nén được.

Chad, vẫn đang đứng, cố gắng gỡ gạc, “Chỉ là việc này không cần thiết, thưa quý tòa. Duke Russell đã bị kết tội trong phiên tòa công bằng, bởi các bồi thẩm công tâm ngay tại phòng xử án này. Chúng ta chỉ đang phí thời gian thôi.”

“Tôi không phí thời gian, anh Falwright. Nhưng tôi tin là anh đang làm thế. Anh đang cố trì hoãn và tránh né chuyện không thể tránh được. Cáo buộc can thiệp chứng cứ này càng chứng minh rõ đi ều đó. Tôi đã ra lệnh tiến hành xét nghiệm, và nếu anh cố kháng cáo lệnh của tôi, anh chỉ phí phạm thêm thời gian thôi. Tôi đề nghị anh nên hợp tác và thực hiện phận sự của mình.”

Cô nhìn Chad với ánh mắt nảy lửa khiến anh ta phải run rẩy. Khi Chad không nghĩ được gì để nói, cô chốt lại phiên đi ều tr ần, “Tôi muốn bảy sợi lông trên bàn này trong vòng một tiếng. Nếu đột nhiên chúng biến mất, thì quá tiện cho ai đó r ấ.”

“Thẩm phán, thôi mà,” Chad cố cự cãi. Marlowe li ền đập búa, “Tòa tạm hoãn.”

CHAD, DĨ NHIÊN, chẳng chịu hợp tác. Anh ta chờ đến tận phút cuối cùng của hạn chót mới kháng cáo lệnh của thẩm phán, thế là vụ này được chuyển lên tòa thượng thẩm bang và chắc phải mất một năm hoặc hơn mới xong. Ở tòa thượng th ần làm gì có hạn chót buộc họ phải xử lý mấy vụ này, hơn nữa họ khét tiếng là chậm chạp, nhất là mấy vụ xét xử hậu tuyên án. Nhi ều năm trước, họ đã phê chuẩn phán quyết dành cho Duke và chốt ngày hành hình, sau đó lại bác bỏ khi anh cố đệ đơn xét xử hậu tuyên án đi ầu tiên. Hầu hết thẩm phán thượng thẩm, cả tiểu bang và liên bang, đi ều ghét mấy vụ kiểu này vì chúng thường kéo dài hàng chục năm. Và khi họ quyết định bị cáo nào có tội thì hiếm khi đổi ý, kể cả khi có chứng cứ mới.

Thế nên chúng tôi đành chờ. Tôi và Rosenberg thảo luận chiến thuật để làm sao có được một phiên đi ều tr ần với thẩm phán Marlowe. Chúng tôi lo thẩm phán già Raney sẽ bình phục và giành lại tòa, dù chuyện này có vẻ cũng khó xảy ra. Ông ta đã ngoài tám mươi tuổi, độ tuổi vàng cho mọi thẩm phán liên bang, nhưng lại không ổn lắm với một thẩm phán dân cử. Tuy nhiên, sự thật khá phũ phàng rằng không có kết quả xét nghiệm ADN, chúng tôi không thể nào thắng kiện.

Tôi quay lại dây bu ồng tử tù ở Holman để gặp Duke. Đã ba tháng kể từ lần cuối tôi gặp anh và báo tin đã tìm được hung thủ thực sự. Thời khắc ngất ngây đó đã qua từ lâu. Hiện tại, anh không còn giận dữ nữa mà chuyển

sang khủng hoảng trầm trọng. Mỗi lần chúng tôi gọi điện, đều không được êm ái cho lắm.

Nhà tù là cơn ác mộng với ai đáng phải vào đó. Còn với những người không như thế, thì đây là đấu tranh mỗi ngày để cố giữ sự tỉnh táo. Còn với người đột ngột biết tin có chứng cứ chứng minh mình vô tội mà vẫn đang phải ở trong tù, thì đúng là chuyện khiến người ta phát điên.

Tôi lái xe trên cao tốc hai làn đi về phía Đông, hiện giờ tôi đang ở Mississippi hoặc Alabama, khó xác định lắm vì rừng thông mấy chỗ này đều trông giống hệt nhau. Thường thì tôi sẽ về Savannah. Đã ba tuần rồi tôi chưa về nhà và thật sự cần được nghỉ ngơi một chút. Điện thoại tôi reo, là Glenn Colacurci, ông luật sư già ở Seabrook.

Hóa ra không phải ông gọi mà là cô thư ký dễ thương Bea, và cô ấy muốn biết khi nào tôi ghé qua gần thành phố họ. Glenn muốn nói chuyện, nhưng muốn gặp nhau đâu đó ngoài Seabrook.

Ba ngày sau, tôi bước vào quán bar The Bull ở Gainesville. Từ bàn ở gần cuối quán, Bea vẫy tay với tôi. Ngồi đối diện cô, ăn diện chỉnh tề là ông Colacurci. Bộ vest sọc lam, áo sơ-mi trắng hồ phẳng phiu, thắt nơ sọc, đeo dây treo quần.

Bea xin phép rời đi ra, tôi ngồi vào thế chỗ của cô ấy. Cô phục vụ báo là bartender vừa pha chế món cocktail sangria đặc biệt, và chúng tôi nên nếm thử. Chúng tôi gọi hai ly như thế.

“Tôi mê Gainesville,” Glenn bảo. “Tôi từng ở đây bảy năm. Thành phố tuyệt vời. Đại học tuyệt vời. Anh học trường nào thế, Post? Tôi không nhớ.”

Tôi thì nhớ là chưa hề nói gì về chuyện đó với ông. “Đại học Tennessee. Như bài hát *Rocky Top* ấy.”

Ông thoáng cau mặt, “Tôi không mê bài đó.”

“Còn tôi không mê đội Gators cho lắm.”

“Dĩ nhiên rồi.”



Chúng tôi bỏ qua được mấy chuyện thời tiết, vốn chiếm ít nhất năm phút trong mọi cuộc chuyện trò thông thường của dân miền Nam, trước khi họ chuyển sang 15 phút bàn về bóng bầy dục. Vì muốn tránh lãng phí thời gian, tôi thường hơi khiếm nhã đôi chút.

“Bỏ qua mấy chuyện bóng bầy dục nhé, ông Glenn. Ta đâu đến đây bàn mấy chuyện đó.”

Cô phục vụ đưa ra hai ly sangria hồng hồng rất bắt mắt.

Cô ấy đi rồi, Glenn mới nói, “Hẳn rồi. Thư ký của tôi thấy đơn kiến nghị của anh trên mạng và in ra cho tôi. Tôi không thạo máy tính cho lắm. Phải nói là đơn đó rất hay. Lý luận sắc sảo, lập luận vững vàng, vô cùng thuyết phục.”

“Cảm ơn ông. Việc của chúng tôi mà.”

“Nó khiến tôi nghĩ lại về 20 năm trước. Sau khi Kenny Taft bị giết, đã có đồn đoán rằng tình tiết vụ đó không phải như lời Pfitzner nói. Nhiều người đồn rằng Taft đã bị chính đồng đội phục kích, lính của Pfitzner. Có lẽ cảnh sát trưởng của chúng tôi có liên quan đến buôn bán ma túy, như anh đã hoài nghi. Có lẽ Taft biết quá nhiều. Dù gì, vụ đó đã lắng xuống từ 20 năm trước rồi. Chẳng thấy hung thủ, chẳng có chứng cứ.”

Tôi lịch sự gật đầu với màn chào đầu của ông. Tôi cần ly lên uống, ông cũng thế.

“Cộng sự của Taft tên là Brace Gilmer, đã trốn được dù bị thương nhẹ, có vẻ cậu ta đã bị đạn bắn sượt qua, nhưng không nghiêm trọng gì. Tôi biết mẹ Gilmer, là thân chủ cũ của tôi. Gilmer rời thành phố không lâu sau vụ đó và không bao giờ quay lại. Vài năm sau, tôi tình cờ gặp mẹ cậu ta, chắc đâu đó 15 năm trước, và chuyện trò đôi chút. Bà kể với tôi rằng Brace tin mình cũng là mục tiêu triệt hạ tối đó, nhưng may mà thoát chết. Gilmer và Taft cùng tuổi, vào năm đó là 27, rất thân nhau. Taft là cảnh sát da đen duy nhất và không có nhiều bạn cho lắm. Taft cũng biết gì đó về vụ sát hại Russo, ít nhất là Gilmer bảo vậy. Anh từng nói chuyện với Gilmer chưa?”

“Vẫn chưa.” Chúng tôi chưa tìm được viên cảnh sát đó. Vicki có thể dò ra bất kỳ ai trong vòng 24 tiếng, nhưng cho đến giờ, không hiểu sao Brace Gilmer vẫn ngoài tầm với của chúng tôi.

“Tôi cũng nghĩ thế. Mẹ cậu ta đã chuyển đi lâu rồi. Trước, tôi tìm ra bà ấy đang ở một nhà hưu dưỡng gần Winter Haven. Bà ấy già hơn tôi, sức khỏe không ổn, nhưng chúng tôi chuyện trò qua điện thoại vui vẻ lắm. Anh nên nói chuyện với Gilmer đi.”

“Có lẽ vậy,” tôi cố thận trọng không để lộ. Hiện giờ, Gilmer là người tôi muốn gặp nhất.

Glenn đưa cho tôi danh thiếp của ông. Mặt sau có cái tên nguệch ngoạc: Bruce Gilmer. Địa chỉ là ở Sun Valley.

“Idaho?” tôi hỏi.

“Cậu ta vào Thủy quân Lục chiến và gặp được một cô gái ở đó. Bà mẹ nghĩ có lẽ con trai mình không thích nói nhảm. Cậu ta đã hoảng sợ và bỏ chạy khỏi Seabrook từ lâu rồi.”

“Và đổi tên.”

“Có vẻ thế.”

“Nếu anh ấy không muốn nói chuyện, sao bà mẹ lại cho ông địa chỉ?” tôi hỏi.

Ông đưa ngón tay xoay xoay một bên đầu, ý chỉ đầu óc bà ấy có vấn đề. “Có lẽ tôi gặp may thôi.” Ông cười như mình khôn khéo khủng khiếp và uống một hơi dài ly cocktail của mình. Tôi cũng nhấp một miếng. Cái mũi to của ông đỏ bừng, đôi mắt sáng lên, và bản thân tôi cũng bắt đầu thấy ngấm thứ rượu này.

Ông nói tiếp, “Vài tuần trước, tôi đã uống với một luật sư già ở Seabrook, anh không biết ông ấy đâu. Chúng tôi từng là cộng sự, nhưng ông ấy bỏ nghề sau khi vợ mất và để lại cho ông một số tiền khá khá. Tôi kể cho ông ấy về anh và giả thuyết của anh, đưa cả một bản đơn của anh nữa. Ông ấy bảo từ xưa đến giờ vẫn luôn nghi là Pfitzner cố tình bắt nhảm người vì mục đích của mình. Keith biết quá nhiều và phải bị trừ khử. Nói thẳng, Post à, hồi xảy ra án mạng, tôi chẳng nhớ có ai nói mấy chuyện kiểu đó.”

Mấy tin đồn xa xưa này chẳng ích lợi gì. Sau khi chính quyền gấp rút ra phán quyết, lẽ tự nhiên sau nhiều năm, sẽ có vài người đặt lại vấn đề

Hầu hết những người khác thì chỉ thấy nhẹ nhõm khi có người bị kết tội và vụ án khép lại.

Tôi đã có thông tin tôi cần, và có lẽ Glenn không còn gì nữa để tôi phải tìm hiểu. Uống hết ly của mình, mắt ông bắt đầu trĩu xuống. Có lẽ bữa trưa nào ông cũng làm một ly và ngủ cho hết buổi chiều.

Chúng tôi bắt tay từ biệt như hai người bạn cũ. Tôi ngỏ ý trả tiền rượu, nhưng ông lại muốn gọi thêm ly nữa. Khi tôi bước ra khỏi quán, Bea bỗng từ đâu xuất hiện với nụ cười thân thiện, nhã nhặn tạm biệt tôi và hẹn gặp lại.

KENNY TAFT RA ĐI, để lại người vợ đang mang thai, Sybil, và đưa con hai tuổi. Sau khi anh chết, Sybil trở về quê mình, thành phố Ocala, làm giáo viên phổ thông, tái hôn và sinh thêm một người con nữa.

Khi màn đêm xuống, Frankie nhẹ nhàng tiến vào thành phố và tìm nhà cô, một ngôi nhà lệch tầng ở khu ngoại ô. Vicki đã tìm hiểu và biết rằng Sybil là hiệu trưởng trường trung học. Nhà họ được định giá 170.000 đô-la, đóng thuế năm ngoái là 18.000 đô-la. Họ đang có một khoản vay từ tám năm trước. Cả hai chiếc xe đều mua trả góp. Rõ ràng, cô và chồng sống bình lặng ở khu vực trung lưu của thành phố.

Và Sybil chẳng muốn cuộc sống mình bị xáo trộn. Khi Frankie gọi, cô bảo là không muốn nói gì về người chồng quá cố. Bi kịch của Kenny xảy ra đã hơn 20 năm trước, và phải rất lâu cô mới nguôi ngoai. Việc không hề tìm được thủ phạm càng khiến cô thêm đau lòng. Cô chẳng biết thông tin gì đặc biệt cả. Frankie cố thúc ép một chút và cô nổi giận, đập máy liễn. Anh đã báo lại cho tôi, và chúng tôi quyết định tạm thời không đưa động đến cô nữa.

LÁI XE LIÊN TỤC ba ngày từ Savannah đến Boise còn dễ hơn bay đến đó. Vì vấn đề thời tiết ở khu vực nào đó giữa quãng đường bay, nên trong 15 tiếng ngồi chờ vô vọng ở sân bay Atlanta, tôi thấy các chuyến bay bị hủy liên tục. Tôi bèn ra ngồi ở quầy bar, ngắm những người bị trễ chuyến cúi gằm đi vào, rồi vài tiếng sau, loạng choạng đi ra. Nhìn họ, tôi lại thấy

mừng vì mình chẳng mê rượu. Cuối cùng tôi cũng bay đến được Minneapolis, nhưng lại được báo tin chuyến bay tôi đặt đi Boise bị quá chỗ. Tôi xin vào danh sách chờ, chờ mãi, và cuối cùng lấy được ghế trống cuối cùng. Chúng tôi đến Boise lúc 2:30 sáng, và dĩ nhiên chiếc xe tôi thuê không chờ sẵn vì bàn dịch vụ thuê xe đã đóng cửa.

Hơi nản, nhưng cũng không thành vấn đề Tôi không hẹn trước với ai ở Sun Valley. Bruce Gilmer chẳng biết tôi đang đến.

Tôi có phòng ở một khách sạn rẻ tiền nằm lọt thỏm giữa khu vực resort nổi tiếng này, nhờ ơn Vicky cả. Trời vừa bình minh, tôi cũng lê mình vào được căn phòng nhỏ của khách sạn ọp ẹp nằm ở Ketchum, rồi chợp mắt vài tiếng.

Gilmer làm quản lý sân golf ở một resort tại Sun Valley này. Chúng tôi chẳng có nhiều thông tin về Gilmer, nhưng theo chúng tôi được biết, không có hồ sơ ly hôn nào của Brace hay Bruce Gilmer, nên chúng tôi cho rằng anh vẫn đang sống cùng vợ cũ. Và ngay cả Vicki cũng không tìm được hồ sơ pháp lý nào về việc Brace đổi tên thành Bruce cả. Nhưng theo tôi thấy, anh đã rũ bỏ Seabrook và làm lại cuộc đời mới khá là thành công. Hiện tại, anh 47, kém tôi một tuổi.

Khi lái xe từ Ketchum đến Sun Valley, tôi không thể rời mắt khỏi những ngọn núi và cảnh vật ở đây. Thời tiết đẹp như mơ. Ở Savannah lúc tôi đi, trời nóng 35 độ, ẩm ướt khủng khiếp. Còn ở đây chỉ tầm 18 độ và vô cùng khô ráo.

Resort tôi muốn đến thuộc loại đặc quyền, chỉ thành viên mới được vào, nên hơi phiền phức một chút. Nhưng cái cổ áo linh mục luôn hữu ích. Tôi đeo cổ áo vào và dừng trước cổng. Tôi nói với bảo vệ là mình có hẹn với Bruce Gilmer. Cậu ấy kiểm tra danh sách, trong khi xe dừng sau tôi cả hàng dài. Hầu hết đều là dân chơi golf nôn nóng muốn ra sân. Cuối cùng, cậu bảo vệ cũng cho tôi qua.

Tôi dừng ở cửa hàng thể thao, hỏi về Gilmer và được chỉ đường. Văn phòng của anh ở trong một tòa nhà khuất tầm mắt, xung quanh toàn là máy cày, máy cắt và máy tưới. Tôi hỏi một nhân viên và được chỉ về một người đang đứng dưới mái hiên nói chuyện điện thoại. Tôi nhẹ nhàng tiến đến sau

lưng và chờ đợi. Khi thấy cuộc điện thoại đã xong, tôi tiến tới chào, “Xin lỗi, anh có phải Bruce Gilmer không?”

Anh ta quay người lại, nhìn tôi, thấy ngay cái cổ áo và có lẽ cho rằng tôi là một nhà mục vụ gì đó chứ không phải một luật sư lảm chuyện đang đào bới quá khứ của anh.

“Phải. Còn anh là?”

“Cullen Post, ở Hội Mục vụ Vệ nhân,” tôi nói và đưa danh thiếp ra. Tôi làm màn này quá nhiều lần đến mức mượt mà hoàn hảo rồi.

Anh đọc kỹ tấm danh thiếp, chần chừ đưa tay ra, “Hân hạnh gặp anh.”

“Tôi cũng thế.”

“Tôi giúp gì được cho anh?” Bruce hỏi, kèm một nụ cười. Dù gì anh cũng làm trong ngành dịch vụ. Khách hàng là trên hết.

“Tôi là một linh mục Giáo hội Giám nhiệm và cũng là luật sư, chuyên giải oan. Tôi làm việc với các thân chủ bị kết tội sai và cố trả tự do cho họ. Những người như Quincy Miller. Anh ấy đang là thân chủ của tôi. Anh có thể nói chuyện với tôi một lát được không?”

Nụ cười tắt ngấm, và Bruce liếc quanh. “Nói về chuyện gì chứ?”

“Kenny Taft.”

Hai vai Bruce thông xuống, lâu lâu gì đó và cười. Có lẽ anh không tin nổi chuyện trước mắt mình, “Anh đùa tôi rồi.”

“Nghe này, tôi là người tốt, được chứ? Tôi không đến đây để đe dọa hay làm lộ danh tính của anh. Kenny Taft biết gì đó về vụ án mạng Keith Russo và có lẽ anh ấy đã đem nó xuống mồ, hoặc không. Tôi chỉ đang lần theo manh mối, anh Gilmer à.”

“Cứ gọi tôi là Bruce.” Anh hất hàm về phía một cánh cửa, “Vào văn phòng tôi đi.”

Ồn trời, anh ấy không có thư ký. Hầu hết thời gian làm việc của anh là ngoài trời, và văn phòng của anh trông như chỗ của thợ sửa đồ đạc hơn là cho dân dùng laptop. Chỗ này chỗ kia đều có mấy thứ lặt vặt, trên tường là

những tấm lịch cũ thậm chí từ mấy năm trước. Anh chỉ một cái ghế mời tôi, rồi ngồi vào bàn.

“Sao anh tìm được tôi?” anh hỏi.

“Tôi tình cờ đi ngang chỗ này thôi.”

“Không. Tôi hỏi thật.”

“Thật ra, anh đâu có trốn, Bruce. Và cái tên Brace có vấn đề gì à?”

“Anh biết được chừng nào?”

“Nhiều lắm. Tôi biết Quincy Miller không giết Keith Russo. Hung thủ thật sự là một sát thủ của băng đảng ma túy, và có vẻ Pfitzner đã che đậy cho chúng. Tôi nghĩ việc tìm ra kẻ chủ mưu có vẻ là bất khả thi, nhưng tôi không cần phải làm tới mức đó. Tôi chỉ cần chứng minh Quincy vô tội là đủ.”

“Thế thì chúc anh may mắn.” Bruce bỏ mũ xuống, vuốt tóc.

“Vụ giải oan nào cũng lâu dài vất vả cả, nhưng chúng tôi thường thắng hơn thua. Tôi đã cứu được tám người ra khỏi tù.”

“Đấy là công việc chính của anh luôn à?”

“Anh hiểu đúng rồi đấy. Hiện tại, tôi đang lo cho sáu người, kể cả Quincy. Nhân tiện, anh biết anh ấy chứ?”

“Không. Anh ta là dân gốc Seabrook, như Kenny Taft vậy, còn tôi là dân Alachua. Chưa hề gặp anh ta.”

“Vậy anh không tham gia đi điều tra vụ đó?”

“Phải, không chút nào cả. Pfitzner phụ trách vụ đó và không cho ai mó tay vào.”

“Anh quen Russo chứ?”

“Không hẳn là quen. Tôi có biết anh ta, từng thấy anh ta nhiều lần ở các phiên tòa. Thành phố nhỏ xíu mà. Anh tin chắc Quincy Miller không phải hung thủ sao?”

“Một trăm phần trăm.”

Bruce trậ̀n ngậ̀m một lát. Anh ng ậ̀i gậ̀n nhự bất độṇg, đôi mắt mở to, mợ́ h ộ̀, không chớp. Anh sốc vì có người lậ̀n theo danh tĩṇh cũ của anh, nhưng lại có vẻ không phải vì bản thân anh.

Tôi mở lời, “Tôi muốn hỏi một câu, Bruce. Anh vẫn đang trốn tránh sao?”

Anh cười, “Không hẳn. Đã lâu quá r ậ̀i. Tôi và vợ đã vội vã rời đi, ngay nửa đêm, muốn bỏ lại nơi đó càng sớm càng tốt, và thậm chí vài năm sau tôi vẫn còn sợ hãi cảnh giậ́c.”

“Nhưng tại sao? Tại sao anh bỏ đi, và anh sợ cái gì?”

“Post ạ̀, chuyện đó tôi không chắc là nên kể cho anh. Tôi đậ̀u biết anh, anh đậ̀u biết tôi. Tôi đã bỏ h ặ́n ngành cảnh sát từ khi rời Seabrook và không bao giờ muốn đặ́ động gì chuyện đó nữa.”

“Tôi hiểu. Nhưng có lý do gì để tôi đem chuyện này kể cho ai đậ̀u. Anh đậ̀u phải nhậ̣n chửṇg trong vụ của Quincy. Dù có muốn tôi cũng đậ̀u thệ̉ buộc anh về lại Seabrook. Anh chẳng có gì để ra trước tòa làm chửṇg cả.”

“Thế anh đến đây làm gì?”

“Vì tôi tin Kenny Taft biết gì đó về vụ án mạng Russo và tôi rất muốn biết đó là gì.”

“Kenny đậ̀u nói đượ̣c gì nữa.”

“Phải. Nhưng anh ấy từng kể gì với anh về Russo không?”

Bruce ngặ́m nghĩ h ậ̀i lâu, r ậ̀i lắc đậ̀u. “Tôi không nhớ gì cả,” anh nói, nhưng tôi không nghĩ là anh đang nói thật. Bruce không thoả mái nên muốn chấm dứt câu chuyện này và độ́i sang chủ đề khác. “Do tay một băng đặ́ng, kiệ̉u nhự sát thủ giết mượ́n?”

“Đại loại thế.”

“Sao anh chắc chắn đượ̣c? Tôi nghĩ rõ ràng Miller đã giết tay luật sư.”

Sao tôi chắc chắn đượ̣c à? Hình ảnh Tyler đứṇg đựa cách miệ̣ng cá sấu mấy phậ̣n hiện lên trong đậ̀u tôi. “Tôi không thệ̉ nói rõ với anh mọi chuyện tôi biết, Bruce. Tôi là luật sư và h ậ̀u hết nhữṇg thứ tôi xử lý đậ̀u bảo mật.”

“Tùy anh thôi. Mà hiện giờ tôi bận chút việc rồi.” Anh liếc nhìn đồng hồ, và ra vẻ như đang có việc gấp, dù anh diễn dở tệ. Rồi anh mời tôi về

“Được. Tôi ở lại đây nghỉ ngơi vài ngày. Lúc nào đó ta nói chuyện được chứ?”

“Nói về chuyện gì?”

“Tôi muốn biết đã có chuyện gì vào đêm Kenny bị giết.”

“Chuyện đó có ích lợi gì cho thân chủ của anh?”

“Đời lắm chữ ngờ mà, Bruce. Việc của tôi là đi điều tra và đi điều tra. Anh có sẵn tôi rồi đấy.”



Tôi đi cáp treo lên đỉnh Bald Mountain rồi từ từ rảo bộ xuống 1500 mét đường. Về mặt sức lực, sức bền, tôi yếu kinh khủng, và lại có nhiều cơ để bao biện cho tình trạng này. Đầu tiên là lối sống này đây mai đó của tôi đâu cho tôi có cơ hội vào phòng gym luyện tập. Và mấy nhà nghỉ cùi bắp mà Vicki tìm được với giá rẻ không tưởng chắc chắn chẳng có mấy dịch vụ fitness rồi. Lý do thứ hai là tôi dành quá nhiều thời gian để ngủ thay vì đứng hay đi lại. Cái hông 48 tuổi đời của tôi bắt đầu đau, và tôi biết vô số giờ lái xe bất tận là nguyên do. Nhưng mặt tốt là, tôi ăn uống cực kỳ ít, ít nhất có thể, và cả đời chưa hề hút thuốc. Lần cuối tôi đi khám là từ hai năm trước và bác sĩ bảo tôi có vẻ ổn cả. Nhiều năm trước, ông bảo tôi bí quyết để sống lâu khỏe mạnh là ăn càng ít càng tốt. Tập thể dục quan trọng đấy, nhưng không thể đảo ngược tác hại của quá nhiều calo hấp thụ. Tôi đã cố theo lời khuyên của ông.

Thế nên, để mừng chuyến đi bộ đường trường này, tôi dừng chân một nhà nghỉ gần chân núi, ăn burger pho-mát và uống hai chai bia dưới ánh hoàng hôn. Tôi chắc chắn chỗ này vào mùa đông sẽ kinh khủng lắm, nhưng vào trung tuần tháng Bảy thì nó đúng là đẹp tựa thiên đường.

Tôi gọi cho văn phòng của Bruce Gilmer, không ai nghe máy. Tôi sẽ thử vận may với Bruce thêm hôm nay và ngày mai, sau đó sẽ đi khỏi đây. Tôi thấy có lẽ không đáng để tôi thử đến đây thêm lần nữa. Nếu sau này chúng tôi còn cơ hội trao đổi, chắc chỉ là qua điện thoại.

Tôi tìm được một thư viện ở Ketchum và đóng đô lại đó. Tôi đem theo cả chồng tài liệu cần đọc, trong đó có đánh giá sơ bộ của Hội Vệ nhân về một thân chủ tiền năng ở Bắc Carolina. Joey Barr đã ngủ từ bảy năm vì tội cưỡng hiếp mà cậu không phạm. Người bị hại cũng đồng ý như thế. Cả

hai đầu thê ràng quan hệ của họ hoàn toàn đ ồng thuận. Joey da đen, cô ấy da trắng, và năm cả hai mới 17 tuổi, cha cô bé bắt gặp cả hai đang nằm chung giường. Người cha đã đệ đơn kiện, dùng hết mọi mưu chước và mối quen biết, cho đến khi Joey bị kết tội bởi b ải thăm đoàn g ồm toàn người da trắng. Mẹ của cô bé, vốn đã ly hôn và khinh bỉ ch ồng cũ, đã đứng lên bảo vệ Joey sau khi cậu bị tổng vào tù. Hai mẹ con đã dành suốt năm năm qua để thuyết phục các tòa phúc thẩm và bất kỳ ai chịu lắng nghe v ề sự vô tội của Joey.

Diễn hình cho những gì tôi đọc mỗi ngày. Nhi ều năm r ồi, tôi chẳng có được thú vui xa xỉ là đọc cho xong một quyển tiểu thuyết nào, nhưng những cái tôi đọc còn lâm ly bi đát hơn tiểu thuyết nhi ều.

Chúng tôi tin rằng mình sắp đưa được Duke Russell ra khỏi tù, nên có lẽ đã đến lúc cần chuẩn bị để bắt đầu tìm đường giải oan cho một người mới.

Tôi đang ng ồi trong phòng đọc ở tầng trệt của thư viện công Ketchum, nghiên cứu mớ giấy tờ rải khắp chiếc bàn nhỏ, thì bỗng chuông điện thoại reo lên. Bruce vừa tan làm và muốn nói chuyện.

ANH LÁI MỘT CHIẾC GOLF CART chở tôi dạo quanh các lỗ đang tấp nập golf thủ cố tận dụng một ngày không mây hoàn hảo cho môn thể thao này. Anh dừng xe ở một gò nhỏ nhìn ra con lạch đẹp tuyệt vời.

“Đẹp quá,” tôi nói, thả mình chiêm ngưỡng những ngọn núi xa xa.

“Anh có chơi golf không?” Bruce hỏi.

“Không. Chưa hề. Chắc anh phải chấp tôi r ồi.”

“Sẽ có lúc, nhưng giờ thì chịu. Không đủ thời gian. Một trận mất chừng bốn tiếng, và giờ cũng chẳng có chỗ mà chơi. Sáng nay tôi đã gặp luật sư của mình r ồi. Anh ấy đang ở đ ối số 10 đằng kia.”

“Anh ấy nói sao?” tôi hỏi.

“Không gì nhi ều. Thỏa thuận thế này đi, Post. Tôi sẽ không nói gì có thể khiến tôi bị liên can đến vụ này, mà tôi cũng đâu biết gì. Tôi sẽ không ký bản khai có tuyên thệ và nếu có lệnh tòa, tôi cũng mặc kệ. Không một tòa nào ở Florida có quyền gì với tôi.”

“Tôi đâu yêu cầu mấy chuyện đó.”

“Tốt. Anh đã nói muốn nghe về chuyện xảy ra đêm chúng tôi bị phục kích. Anh biết được gì rồi?”

“Chúng tôi có bản sao báo cáo của cảnh sát bang Florida. Theo Đạo luật Tự do Thông tin. Nên chúng tôi biết các tình tiết căn bản, biết những gì anh đã nói với các nhà điều tra.”

“Tốt. Tôi không kể hết cho họ, có lẽ anh cũng đoán được vậy rồi. Tôi bị thương nhẹ ở vai, nằm trong bệnh viện hai ngày trước khi gặp bất kỳ ai. Tôi có thời gian để suy tính. Post à, tôi chắc chắn Pfizner đã sắp đặt vụ phục kích và đẩy chúng tôi vào cửa tử. Tôi chắc chắn Kenny là mục tiêu, nhưng họ cũng cố giết cả tôi, và nếu không nhờ thần may mắn, chắc họ đã thành công rồi.”

“May mắn à?”

Anh ấy đưa một tay lên, ý bảo tôi cứ từ từ.

“Con đường ở đó hẹp, hai bên là rừng khá rậm. Trời rất tối, ba giờ sáng mà. Chúng tôi bị bắn từ hai bên và phía sau, nên hẳn phải có vài tay súng. Trời ối, kinh khủng lắm. Khi lái đến đó, chúng tôi còn nói cười thoải mái, chẳng lo nghĩ gì cả, rồi đột nhiên ánh sáng lóe lên, cửa kính sau vỡ toang, cửa hông cũng dính đạn, quá khủng khiếp kinh hoàng. Tôi còn chẳng nhớ mình dừng xe kiểu gì nữa, nhưng tôi đã dừng xe được, trượt ra ngoài, chúi xuống một cái rãnh, đạn nã vào cửa xe phía bên tôi, tiếng súng liên thanh khắp nơi. Tôi nghe tiếng Kenny khi anh ấy trúng đạn. Ngay sau đó. Tôi có khẩu súng lục đầy đạn nhưng trời tối đen như mực. Rồi tiếng súng dừng đột ngột như khi nó bắt đầu. Tôi có thể nghe tiếng nhiều người đang di chuyển trong rừng. Chúng không rời đi, mà lại đang tiến đến chỗ tôi. Tôi hé nhìn qua các ngọn cỏ, thấy một bóng người, liền nổ súng. Trúng ngay hẳn. Phát đó cực chuẩn luôn, Post à. Hẳn rú lên, rồi la hét gì đó, và Post này, không phải bằng tiếng Tây Ban Nha. Hoàn toàn không. Nghe giọng là tôi biết ai là người vùng này, và gã đó chần chẫn lớn lên trong phạm vi 80 cây số của Seabrook. Đột nhiên chúng rơi vào thế khó, một đồng bọn bị thương, thậm chí là chết. Hẳn cần được cứu chữa, nhưng chúng biết đi đâu bây giờ? Tôi thì không giúp chúng được rồi. Thế là chúng rút lui, biến mất vào rừng. Tôi chờ đợi, thấp thỏm chờ đợi, rồi nhận ra tay mình đang chảy

máu. Sau vài phút, có thể là năm cũng có thể là ba chục phút, chẳng biết nữa, tôi bò về chỗ xe mình và thấy Kenny. Anh ấy quá thảm. Viên đạn bắn từ sau xe, xuyên qua đầu, thối bay gần nửa khuôn mặt. Với phát đó, thì chết ngay lập tức. Anh còn trúng vài phát ở thân trên nữa. Tôi lấy súng của Kenny, bò dọc rãnh được tằm sáu mét gì đấy, rồi nấp đó. Tôi đóng tai lắng nghe rất lâu, nhưng chẳng có gì ngoài tiếng rừng đêm. Tối đó trời không trăng, một màu đen phủ kín không gian. Theo báo cáo tổng đài, tôi gọi về lúc 4:02 phút, nói chúng tôi bị phục kích. Kenny đã chết. Pfitzner là người đầu tiên đến đó, một chuyện rất lạ. Cũng như lần ông ta là người đầu tiên đến văn phòng của Russo vậy.”

“Có lẽ ông ta đã ở trong rừng chỉ đạo toàn bộ vụ này,” tôi nói.

“Có lẽ thế. Họ đưa tôi đến bệnh viện để khám, không bị thương gì nặng. Chỉ bị chảy máu do đạn vượt qua. Nhưng tôi cũng xin thuốc và họ cho tôi thuốc ngủ, mê man luôn. Tôi đã bảo bác sĩ là không muốn nói chuyện với ai trong một vài ngày, và họ đã làm thế cho tôi. Khi cuối cùng Pfitzner cũng đến, dắt theo vài người của bang, tôi không kể phần đã bắn trúng một tên trong bọn phục kích hay chuyện tôi biết chắc chắn hẳn không phải dân nói tiếng Tây Ban Nha.”

“Tại sao?”

“Pfitzner muốn cả hai chúng tôi chết, Post à. Ông ta muốn trừ khử Kenny vì anh ấy biết gì đó, và vì tôi đi cùng chuyến xe, nên cũng cần khử luôn cả tôi cho an toàn. Để lại nhân chứng sẽ phiền phức lắm. Cứ nghĩ đi, Post. Một cảnh sát trưởng dân cử, được cả cộng đồng tin tưởng, lại đẩy hai lính của mình vào ổ phục kích để đoạt mạng cả hai. Bradley Pfitzner là thế đấy.”

“Ông ta còn sống, anh biết chứ?”

“Tôi chẳng quan tâm. Chuyện của tôi với ông ta đã chấm hết từ 20 năm trước rồi.”

“Anh đã kể gì với ông ta ở bệnh viện?”

“Tất cả, trừ phần tôi bắn trúng một tên trong bọn. Tôi chưa hề kể cho ai phần đó, và nếu ngày mai anh nhắc lại, tôi sẽ chối biến ngay.”

“Vậy anh vẫn còn sợ?”

“Không, Post à. Tôi không sợ. Tôi chỉ không muốn gặp rắc rối gì thôi.”

“Sau đó, anh không biết tin gì về gã bị anh bắn sao?”

“Chẳng có gì. Thời đó đâu có Internet, chuyện tìm kiếm khó hơn nhiều. Tôi đã đi điều tra kỹ, đủ để biết có hai người bị bắn nhập viện Bệnh viện công Tampa vào ngày đó. Một người bị kẻ đột nhập bắn, thủ phạm đã bị bắt. Người kia được tìm thấy đã chết trong một con hẻm. Tôi chẳng thể chứng minh được gì, nên cũng không để tâm đến nữa. Thời điểm đó, vợ chồng tôi đã quyết định rời đi.”

“Sau vụ đó, Pfitzner đối xử với anh thế nào?”

“Vẫn như cũ. Ông ta luôn cực kỳ chuyên nghiệp, một cảnh sát hoàn hảo, một lãnh đạo giỏi tin tưởng vào kỷ luật. Ông ta cho tôi nghỉ có lương một tháng từ sau tang lễ của Kenny, và làm đủ việc khác để thể hiện sự quan tâm của cấp trên. Ông ta gian xảo đến thế đấy. Dân ở đó, ai cũng ngưỡng mộ ông ta, chẳng ai tin ông ta biến chất.”

“Trong lực lượng, có cảnh sát nào biết sự thật không?”

“Chúng tôi từng nghi ngờ. Pfitzner có hai trợ thủ, là Mẻ và Ngậm. Chúng là hai anh em, là nắm đấm thép để làm những chuyện bẩn thỉu. Arnie có hàm răng hô, cái nào cũng bị chằng, một cái còn bị mẻ, nên chúng tôi sau lưng đều gọi hắn là Mẻ. Amos, thì răng nhỏ hơn, nhưng có môi dưới úc núc, lúc nào cũng ngậm một miếng thuốc lá nhai, nên có tên là Ngậm. Dưới hai tên này, còn có vài tên nữa nhận lương từ bọn buôn ma túy, nhưng chúng tách bạch chuyện bẩn thỉu này với công việc thường lệ của cảnh sát hạt. Pfitzner là cảnh sát trưởng giỏi mà. Ông ta đã quy phục trước sức cám dỗ của đồng tiền ma túy từ lâu trước khi tôi đến đó làm cảnh sát. Ông ta bảo kê cho cảng, xếp đặt cho tàu chở hàng vào trót lọt, cung cấp khu vực an toàn để trữ hàng, đủ thứ. Tôi chắc là ông ta kiếm rất bọn, Mẻ và Ngậm cùng đám kia cũng có phần. Còn đám sạch sẽ chúng tôi thì chỉ ăn lương bổng nhà nước.”

Bruce quay sang vẫy tay với hai cô xinh đẹp đang ngồi golf cart, họ cũng vẫy lại. Anh đi sau họ rồi rẽ qua một cây cầu nhỏ, đến một góc khá kín dưới tán cây. Khi đã có chỗ ngồi ổn định, tôi hỏi, “Vậy Kenny biết được chuyện gì?”

“Tôi không biết, anh ấy chưa hề nói gì. Anh ấy có nói bóng gió một lần, nhưng chưa hề nói rõ gì cả. Anh cũng biết vụ hỏa hoạn đã hủy hoại kho chứng cứ chứ, vụ đã hủy luôn cả chứng cứ trong án mạng của Russo?”

“Có, tôi đã xem báo cáo rồi.”

“Hồi nhỏ, Kenny mơ làm điệp viên. Có vẻ hơi lạ so với một đứa trẻ da đen vùng thôn quê Florida, nhưng anh ấy mê sách và tạp chí điệp viên lắm. CIA đâu có nhận, nên anh ấy đành làm cảnh sát. Anh ấy giỏi công nghệ và mấy thứ máy móc tân tiến. Có lần, bạn của anh ấy nghĩ vợ đang cảm sừng mình, và đã cạy nhờ Kenny. Chỉ trong vài phút, anh ấy đã cài xong thiết bị hỗ trợ vào đường dây điện thoại của nhà anh bạn. Nó ghi lại mọi cuộc gọi và anh ấy mở ra kiểm tra mỗi ngày. Không lâu sau, anh đã nghe được cuộc điện thoại của cô vợ bàn chỗ hẹn hò với gã b ồ. Bạn của Kenny bắt được họ tại trận, tẩn cho gã kia như tử, tát tai cô vợ nữa. Kenny tự hào về chuyện đó lắm.”

“Vậy anh ấy đã nghe được gì?”

“Chuyện gì đó về vụ tiêu hủy chứng cứ. Vài ngày trước khi Russo bị giết đã có một vụ cưỡng hiếp, da trắng với nhau, và nạn nhân nói là chưa hề thấy mặt thủ phạm, nhưng biết hẳn là da trắng. Nghi phạm hàng đầu là một đứa cháu của Mẻ và Ngậm. Chứng cứ cưỡng hiếp cũng nằm trong kho lâu đó, vì trong trụ sở hết chỗ rồi. Khi kho bị cháy, nó cũng tiêu tan cùng các chứng cứ giá trị khác. Có lần tôi và Kenny tạt vào uống cà phê khi đang đi tu ần đêm, thư giãn một chút, thì anh ấy nói gì đó ngụ ý vụ cháy không phải là tai nạn. Tôi muốn hỏi thêm, nhưng lại có cuộc gọi nên phải đi. Sau đó, tôi có hỏi lại, và anh ấy bảo đã nghe lỏm Mẻ và Ngậm bàn chuyện đốt kho.”

Bruce nói xong thì im lặng, không nói gì nữa. Sau một lát, nhận ra có lẽ anh đã kể xong rồi, tôi mới hỏi b ồ, “Không còn gì nữa à?”

“Tôi chỉ biết chừng đó thôi, Post, tôi th ề đấy. Sau nhiều năm ngẫm nghĩ, tôi cho là Kenny hẳn đã gài thiết bị nghe lén vào các điện thoại trong văn phòng. Anh ấy nghi ngờ Pfitzner và hội của ông ta dính líu đến ma túy nên muốn tìm bằng chứng. DEA đang soi mói chỗ này chỗ kia, và còn có tin đồn FBI sắp đến nữa. Chúng tôi có thể bị chết chùm không? Liệu Pfitzner

có đồ tội cho chúng tôi không? Tôi chẳng biết, chỉ có thể đoán mò mà thôi, nhưng có lẽ Kenny đã nghe lén họ và đã nghe được gì đó.”

“Giả thuyết như vậy là hơi xa vời đấy.”

“Đúng là như thế.”

“Và anh chẳng biết Kenny đã nghe được chuyện gì thật à?”

“Tôi chẳng biết gì, Post à. Một chút cũng không.”

Bruce khởi động xe và chúng tôi lại rong ruổi trên sân golf. Khung cảnh đồi núi thung lũng đẹp như tranh hiện ra sau mỗi khúc cua. Chúng tôi đi trên chiếc cầu gỗ hẹp bắc qua con suối, đến bãi phát bóng lỗ số 13, nơi luật sư của anh đang chơi. Chúng tôi hỏi thăm vài câu, rồi anh chàng kia lại tiếp tục quay đi, tập trung vào quả bóng golf hơn là thân chủ của mình. Về đến tỉền sảnh, tôi cảm ơn Bruce vì đã tử tế dành thời gian cho tôi. Chúng tôi hứa sẽ sớm chuyện trò lại với nhau, dù trong lòng cả hai biết thừa sẽ không bao giờ như thế.

Chuyến đi lần này dài ngày, thú vị, mà thành quả lại chẳng bao nhiêu. Tuy nhiên, trong ngành này, đó là chuyện thường. Nếu Kenny Taft biết gì đó, hẳn anh cũng đem theo xuống mồ rồi.

Theo luật Florida, đơn kiến nghị xét xử hậu tuyên án phải được đệ lên hạt mà bị cáo đang bị giam chứ không phải hạt mà bị cáo bị kết án. Vì Quincy đang ở Cơ sở Cải huấn Garvin, cách Peckham nửa giờ xe, và chỗ đó lại cách bất kỳ nơi nào có nền văn minh ít nhất một giờ đi đường, nên vụ của anh nằm trong quyên hạn của một tòa phúc thẩm thôn quê, với một thẩm phán già không ưa gì mấy đơn xét xử hậu tuyên án. Cũng không trách ông ta được. Sổ ghi án của ông ta kín mít đủ loại kháng cáo tào lao của những luật sư nhà tù, vẫn còn chưa giải quyết xong.

Tòa án Hạt Poinsett mang kiến trúc hiện đại dờ dờ ương ương của một kiến trúc sư nhận thù lao bèo bọt. Phòng xử án chính quá tối tăm, chẳng có cửa sổ, trần thì thấp dễ gây hoảng hốt cho những người mắc chứng sợ bị giam hãm. Thảm màu hạt dẻ sẫm đã sờn. Nội thất bằng gỗ màu nâu sẫm cũng đã loang lổ những vết phai màu. Tôi từng đến ít nhất cũng cả trăm phòng xử án ở hơn chục bang rồi, và đây là phòng thô thảm cũng như tù túng nhất.

Đứng đầu bên nhà nước là Chương lý Bang, nhưng tôi làm gì gặp được, vì phải qua cả ngàn cấp dưới của ông ta trước đã. Carmen Hidalgo gặp xui và bị giao xử lý đơn của Quincy. Năm năm trước, cô học trường luật ở Stetson, tốt nghiệp hạng trung trong lớp. Hồ sơ chúng tôi có về cô không nhiều, cũng không cần thiết. Đáp lại đơn của chúng tôi, cô chỉ gửi lại một câu trả lời chiếu lệ, kèm mấy loại giấy tờ chỉ việc thay tên đổi họ là xong.

Cô tin chắc mình sẽ thắng, nhất là khi biết thái độ của thẩm phán chủ trì phiên tòa. Thẩm phán Jerry Plank chỉ mong về hưu sớm và đã đệ đơn xin nghỉ vài năm rồi. Ông hào phóng cho chúng tôi nguyên một ngày để đi đầu trần, nhưng một ngày đầu có nghĩa là tám tiếng làm việc. Vì chẳng ai quan



tâm đến một vụ án từ 23 năm trước nên phòng xử án vắng hoe. Hai viên thư ký tòa cũng thể hiện rõ sự uể oải.

Nhưng chúng tôi vẫn đang theo dõi và chờ đợi. Frankie Tatum ngồi một mình ở hàng ghế thứ sáu, sau lưng chúng tôi, Vicki Gourley ngồi một mình ở hàng ghế năm, sau lưng bên nhà nước. Cả hai đều mang trên mình máy quay siêu nhỏ có thể kích hoạt bằng điện thoại. Cửa ra vào cũng chẳng có bảo vệ canh giữ. Mà ở thành phố này hay hạt này, đâu có ai từng nghe đến cái tên Quincy Miller. Nếu như những kẻ đó đang theo dõi chúng tôi, thì đây có thể là cơ hội đầu tiên để thấy chúng tôi làm việc như thế nào. Phòng xử án là khu vực công cộng. Bất kỳ ai cũng có thể vào ra tự do.

Đồng biện hộ với tôi là Susan Ashley Gross, một chiến binh ở Dự án Người Vô tội Trung Florida. Bảy năm trước, Susan Ashley đã biện hộ cùng tôi trong chiến thắng giải oan cho Larry Dale Kline ở Miami. Anh là người thứ hai được Hội giải oan, còn với cô thì đây là lần đầu tiên. Nếu được, chắc tôi ngỏ lời cầu hôn Susan Ashley ngay, nhưng cô trẻ hơn tôi 15 tuổi và cũng đã đính hôn rồi.

Tuần trước, tôi đã kiến nghị cho phép bị cáo được ngồi trong phiên đi đầu tiên. Thật ra không cần Quincy đến tòa, nhưng tôi nghĩ có một ngày được ra khỏi buồng giam ngột ngạt chắc anh ấy sẽ vui lắm. Và như đã lường trước, thẩm phán Plank không chấp thuận. Ông ta bác bỏ mọi đi đầu trước phiên đi đầu tiên, và chúng tôi cũng đã dự kiến thế nào ông ta cũng bác bỏ xét xử hậu tuyên án. Mazy đã soạn sẵn đơn kháng cáo rồi.

Gần 10:00, thẩm phán Plank bước ra, ngồi vào ghế chủ tọa. Một chấp hành tòa đọc các quy định tiêu chuẩn của phiên tòa, còn chúng tôi thì đứng đó, chẳng biết làm gì. Tôi nhìn quanh, xem qua mọi người đang hiện diện. Ngoài Vicki và Frankie còn có bốn người nữa, và tôi tự hỏi sao họ lại quan tâm đến phiên đi đầu tiên làm gì nhỉ. Gia đình Quincy không hề biết gì về chuyện này. Ngoại trừ một người em trai, còn lại toàn bộ người nhà Quincy đều không liên lạc gì với anh suốt bao năm nay. Keith Russo đã chết 23 năm rồi, và gia đình anh ấy cũng chẳng quan tâm gì đến hung thủ nữa.

Bốn người lạ dự khán bao gồm một người đàn ông da trắng tầm 50 tuổi, mặc bộ vest đắt tiền, một người đàn ông da trắng tầm 40, mặc áo sơ mi denim đen, một ông lão da trắng tầm 70, có vẻ là kiểu người ở nhà

buồn chán quá nên luôn đến dự các phiên xử cho vui. Người thứ tư là một phụ nữ da trắng ngồi ở hàng ghế đầu, ngay sau chúng tôi, tay cầm quyển sổ như đang ghi chép phóng sự. Chúng tôi đã đệ đơn từ vài tuần trước, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa có ai ngó ý phỏng vấn gì. Tôi không nghĩ có ai lại đi đưa tin về một phiên đầu trần cho vụ án đã bị quên lãng từ lâu ở tận góc phía Đông hẻo lánh của Florida.

Susan Ashley Gross mời tiến sĩ Kyle Benderschmidt ở Đại học Thịnh vượng chung Virginia lên bục nhân chứng. Các ý kiến và khám phá của ông đã được ghi lại trong bản khai có tuyên thệ dày cộm mà chúng tôi nộp kèm đơn kiến nghị rồi, nhưng chúng tôi quyết định chỉ thêm tiền để ông có thể xuất hiện trực tiếp ở tòa. Ông có uy tín rất lớn, và khi Susan Ashley đang giới thiệu qua về lý lịch của ông, thì thẩm phán Plank nhìn qua Carmen Hidalgo, “Cô có phản đối nghiêm trọng nào về độ khả tín của người này không?”

Cô ấy chỉ đơn giản trả lời, “Không.”

“Tốt. Thế thì ông ta được chấp nhận là chuyên gia về lĩnh vực phân tích vết máu. Tiếp tục.”

Dùng bốn tấm ảnh cỡ 20×25, phóng lớn từ ảnh được dùng ở phiên tòa gốc, Susan Ashley dẫn dắt cho tiến sĩ Benderschmidt nói về việc giám định cây đèn pin và các vết vật chất màu đỏ trên mặt kính.

Họ đang nói thì thẩm phán Plank cắt lời, “Cây đèn pin này có vấn đề gì? Nó không được trưng ra trong phiên tòa đó, phải chứ?”

Nhân chứng nhún vai, vì ông không làm chứng về chuyện này được. Susan Ashley đáp, “Thưa quý tòa, theo biên bản phiên tòa, cảnh sát trưởng làm chứng rằng nó đã bị hủy hoại trong một vụ hỏa hoạn xảy ra khoảng một tháng sau vụ án mạng, các chứng cứ khác mà cảnh sát lưu giữ trong kho cũng bị hủy hoại cùng lúc.”

“Và không còn dấu vết gì của nó?”

“Theo chúng tôi biết thì không, thưa quý tòa. Chuyên gia của bên công tố, ông Norwood, đã xem xét những tấm ảnh này đây, và đưa ra ý kiến rằng mặt kính của cây đèn pin đã bị dính máu từ nạn nhân bắn vào. Nhưng vào thời điểm đó, cây đèn pin đã biến mất rồi.”

“Vây, tôi nghĩ ý của cô là, cây đèn pin là liên kết duy nhất giữa anh Miller và hiện trường vụ án, và khi cảnh sát tìm được cây đèn pin trong thùng xe anh ta, thì Miller trở thành nghi phạm hàng đầu. Khi chứng cứ này được trình ra trước bồi thẩm đoàn, họ xem như thế là đủ để kết luận có tội.”

“Đúng, thưa quý tòa.”

“Tiếp tục.”

Benderschmidt tiếp tục chỉ trích lời chứng sai lầm của Norwood. Lời chứng đó không dựa trên khoa học, bởi Norwood không hiểu được khoa học về vết máu bắn. Benderschmidt dùng từ *vô trách nhiệm* vài lần để mô tả lời chứng của Norwood trước bồi thẩm đoàn. Thật vô trách nhiệm khi cho rằng hung thủ cầm cây đèn pin một tay còn tay kia bắn khẩu shotgun 12-gauge. Không có bằng chứng nào cho chuyện này. Không có bằng chứng nào cho thấy Keith ngẩng hay đứng khi bắn. Không có bằng chứng nào về vị trí của hung thủ. Thật vô trách nhiệm khi nói rằng những vết đó là máu, bởi số lượng quá ít. Thậm chí việc dùng cây đèn pin này làm chứng cứ là đã vô trách nhiệm rồi, bởi nó không được tịch thu từ hiện trường vụ án.

Sau một tiếng, thẩm phán Plank thối mết và cần tạm nghỉ. Không rõ có phải do ông buồn ngủ không, vì trông mắt có vẻ lơ đãng. Frankie lặng lẽ lui về hàng ghế cuối, ngẩng cạnh lối ra. Khi đã tuyên bố tạm nghỉ, và Plank ra khỏi phòng, những người dự khán cũng đứng dậy rời phòng xử. Và như thế, Frankie thu được hình ảnh của họ qua máy quay kín của mình.

Sau khi đã đi ra ngoài hút thuốc, có lẽ chớp mắt một chút nữa, thẩm phán Plank miễn cưỡng trở lại chịu trận, và Benderschmidt lại lên bục nhân chứng. Trong phần đánh giá, ông bắt đầu hoài nghi liệu những vết được cho là máu trên mặt kính đó, có thật sự là bắn ngược lại từ nạn nhân hay không. Dùng hình mô phỏng văn phòng của Russo, và các hình ảnh khác chụp hiện trường, Benderschmidt làm chứng rằng dựa trên vị trí của cửa và vị trí khả năng cao hung thủ đã đứng, dựa trên vị trí thi thể của Keith và lượng máu cùng vật chất khác rất lớn bám trên tường và giá sách, thì khả năng hai phát súng shotgun đã khiến máu bắn về phía hung thủ là rất thấp.

Để củng cố cho ý kiến của mình, Benderschmidt đưa ra vài tấm ảnh hiện trường vụ án khác liên quan đến súng shotgun 12-gauge.

Mấy thứ đó đúng là ghê rợn, và sau vài phút thẩm phán chịu hết nổi. “Mời chuyển sang nhân chứng khác, cô Gross. Tôi không chắc ảnh từ các hiện trường vụ án khác có giá trị gì ở đây.”

Có lẽ ông ta nói đúng. Khi đối chất, Carmen Hidalgo điem qua các kiến nghị và lập luận, rồi khiến ông Benderschmidt thừa nhận rằng các chuyên gia về vết máu thường xuyên bất đồng ý kiến, như trong nhiều ngành khác.

Khi Benderschmidt đi xuống, thẩm phán Plank nhìn đồng hồ, như thể vừa trải qua một buổi sáng vất vả quá mức, “Tòa tạm nghỉ ăn trưa. Tiếp tục lúc 2:00, và mong cô sẽ có gì đó mới, cô Gross.” Ông đập búa rồi biến mất, và tôi e là ông đã có quyết định sẵn trong đầu rồi.

Ở Florida, cũng như ở hầu hết các bang khác, đơn xét xử hậu tuyên án thường chỉ được xem xét khi có chứng cứ mới. Chứ không phải là chứng cứ tốt hơn hay chứng cứ khả tín hơn. Bởi thẩm đoàn xử Quincy đã nghe lời chứng của Norwood, một chuyên gia tự phong về vết máu, và bất chấp tư cách chuyên môn cũng như những ý kiến của ông ta đã bị Tyler Townsend trẻ tuổi công kích dữ dội, bởi thẩm đoàn vẫn đồng lòng tin theo ông ta.

Với Kyle Benderschmidt và Tobias Black, chuyên gia phân tích vết máu thứ hai trong đội, chúng tôi đã đệ trình được chứng cứ tốt hơn, nhưng lại không phải mới hơn. Câu nói của thẩm phán Plank đã mở mắt cho chúng tôi.

KHI NGƯỜI ĐÀN ÔNG mặc đồ vest và người mặc áo denim đen rời phòng xử án, mỗi người đi một hướng, họ không biết mình bị bám đuôi. Chúng tôi đã thuê hai thám tử tư để hỗ trợ theo dõi. Frankie đã thông báo qua cho họ, và giờ đang gọi điện báo cụ thể hơn. Vicki ngồi ở một trong hai quán ăn gần tòa án, chờ đợi. Tôi thì đến quán kia, ngồi ở quầy. Frankie từ tòa án đi ra, về phía xe anh ở một bãi đỗ xe gần đây. Người Vest Đẹp lên chiếc sedan Mercedes thời thượng mang biển số Florida. Denim Đen thì vào chiếc

BMV cũng biển số Florida. Hai người nổ máy cách nhau t ần hai phút, r ồi cả hai cùng đến trung tâm thành phố, vào cùng một bãi đỗ xe ở một trung tâm mua sắm cạnh cao tốc. Denim Đen lên chiếc Mercedes, r ồi cả hai cùng đi. Phi ền r ồi đây.

Nhận được tin, tôi li ền qua quán ăn kia, Vicki đang ng ồi chờ ở đó với phần khoai tây chiên còn y nguyên trên bàn. Bà đang gọi điện với Frankie. Chiếc Mercedes đi Cao tốc 19 v ề hướng Nam và người của chúng tôi đang bám theo nó. Anh ấy đã thấy được biển số xe, và Vicki đang dò tìm v ề nó. Chúng tôi gọi trà đá và salad. Vài phút sau, Frankie cũng đến.

Chúng tôi đã thấy địch thủ.

Chiếc Mercedes được đăng ký dưới tên Nash Cooley ở Miami. Vicki email thông tin này cho Mazy ở nhà, r ồi cả hai cùng dán mắt vào máy tính tìm kiếm. Chỉ sau vài phút, chúng tôi đã biết Cooley là cộng sự ở một công ty chuyên biện hộ hình sự. Tôi gọi cho hai luật sư quen ở Miami. Susan Ashley Gross, đang ăn sandwich ngay tại phòng xử án, thì gọi cho người quen của cô ấy. Mazy gọi một luật sư bà quen ở Miami. Vicki cũng đang gõ bàn phím. Chỉ có Frankie rảnh tay thưởng thức món cá ngừ và khoai tây chiên.

Cooley và Denim Đen đỗ lại ở một tiệm đ ồ ăn nhanh tại Eustis, thành phố với dân số t ần 18.000 người, cách đây 20 phút đi xe. Chuyện đã quá rõ ràng. Hai kẻ này kín đáo đến đây xem phiên đi ầu tr ần, mà không muốn bị người khác thấy là đi cùng nhau. Khi họ ăn, thám tử của chúng tôi đổi xe với đ ồng nghiệp để tiếp tục bám theo Cooley mà không để gã nhận ra.

Cooley là cộng sự ở một công ty luật có 12 thành viên và đã biện hộ cho những tay buôn ma túy từ lâu. Không ngạc nhiên khi công ty họ rất kín tiếng, trang web thì rất sơ sài. Họ chẳng quảng cáo, vì không c ần thiết. Cooley 42 tuổi, học trường luật Miami, hồ sơ sạch sẽ, chưa hề bị khiếu nại gì v ề công tác luật sư. Ảnh trên mạng của anh ta cũ quá r ồi, ít nhất cũng từ mười năm trước, nhưng cũng chẳng lạ gì. Sau khi tìm hiểu sơ một lượt, chúng tôi chỉ thấy một mẫu tin đáng chú ý v ề công ty này. Năm 1991, người sáng lập công ty đã chết trong hồ bơi, bị cắt cổ. Vụ án này vẫn chưa được phá. Có lẽ lại do một thân chủ bực mình nữa.

ĐÃ ĐẾN 2:00 CHIỀU mà vẫn chưa thấy thẩm phán Plank đâu. Có lẽ chúng tôi nên nhờ thư ký tòa đi kiểm tra xem ông còn sống không, hay chỉ đang ngủ trưa quên giờ thôi. Nash Cooley bước vào, ngồi ở dãy ghế sau, vẫn chưa biết chúng tôi đã nắm hết thông tin về anh ta, biết rõ con cái anh ta tên gì, học ở đâu. Một lát sau, Denim Đen cũng vào, ngồi cách xa Cooley. Nghiệp dư.

Chúng tôi đã thuê một công ty an ninh công nghệ cao ở Fort Lauderdale, gửi video có hình Denim Đen cho họ, trả phí theo thời gian làm việc. Công nghệ nhận diện khuôn mặt của họ chạy hình ảnh qua nhiều ngân hàng dữ liệu của công ty, nhưng hóa ra chỉ cần một cái là đủ. Ngân hàng dữ liệu đầu tiên họ chạy là của Sở Cải huấn Florida, và chỉ mất 11 phút đã có kết quả. Denim Đen tên thật là Mickey Mercado, 43 tuổi, địa chỉ cư trú ở Coral Gables, từng ở tù, và có hai quốc tịch, Mexico và Mỹ. Năm Mercado 19 tuổi, gã bị đi tù sáu năm, vì tội buôn ma túy, hẳn rồi. Năm 1994, gã bị bắt và phải ra tòa vì tội giết người. Bữa thẩm đoàn không thể nhất trí để tuyên án và gã thoát tội.

Trong lúc chúng tôi ngồi chờ thẩm phán Plank, Vicki vẫn ngồi ở quán ăn đó, gọi thêm cà phê và lùng sục thông tin trên mạng. Cuối buổi, bà cho chúng tôi biết Mercado là cố vấn an ninh hoạt động tự do. Cái nghề gì thế không biết.

Danh tính của hai gã này khiến chúng tôi đứng ngồi không yên, phải cố gắng lắm mới không ngoái lại để hỏi thẳng “Các anh làm cái quái gì ở đây hả?” Nhưng chúng tôi đâu non đến thế. Với kinh nghiệm bao năm qua, chúng tôi biết thừa nếu được, đừng bao giờ để địch biết ta đã rõ những gì. Hiện giờ, Cooley và Mickey chẳng biết chúng tôi đã nắm rõ tên tuổi, địa chỉ, số xe, số an sinh xã hội, nơi làm việc của họ, và vẫn đang đi đầu tra sâu hơn nữa. Dĩ nhiên, chúng tôi cũng cho rằng họ có hồ sơ về tội và Hội vệ nhân. Frankie kín tiếng lắm, và chưa hề bị phát giác. Anh đang ở hành lang ngoài phòng xử, vừa theo dõi nhưng cũng di chuyển tránh bị để ý. Ở thành phố này không nhiều người da đen, và anh biết mình rất dễ bị chú ý.

Đến 2:17, thẩm phán Plank cũng xuất hiện, bảo Susan Ashley gọi nhân chứng tiếp theo lên bục. Và đó là Zeke Huffy. Thật ngạc nhiên khi gã này chấp nhận ra tòa làm chứng nếu được chi trả chi phí đi lại, đồng thời tôi

phải thề bằng văn bản là thời gian hạn định cho tội khai man này đã hết hiệu lực, để gã không bị khởi tố.

Zeke đang tận hưởng tự do, dù chắc không được bao lâu, chúng tôi biết thừa là thế, nhưng ít ra gã luôn miệng nói về chuyện sẽ chinh đồn, làm lại cuộc đời. Zeke bước lên bục, tuyên thệ sẽ nói sự thật, một việc gã đã làm nhiều lần trước tòa ngay trước khi tuồn ra một đống chuyện bịa đặt đúng kiểu dân chỉ điếm trong tù vẫn làm. Rồi Zeke nói mình đã bịa ra chuyện bạn cùng buồng giam, Quincy Miller, đã huênh hoang về việc thổi bay đầu luật sư của mình và ném khẩu shotgun xuống vịnh. Và gã làm chứng dối để được giảm án cho tội ma túy. Zeke thấy có lỗi về việc mình đã làm với Quincy và luôn muốn bù đắp gì đó.

Zeke trên bục nhân chứng khá ổn, nhưng gã có một vấn đề quá rõ ràng. Gã nói dối quá nhiều lần, đến nỗi bây giờ có nói thật cũng chẳng ai tin nữa, nhất là thẩm phán này. Dù vậy, lời chứng của Zeke là phần mấu chốt, vì việc nhân chứng rút lại lời khai được xem là cấu thành chứng cứ mới. Với lời chứng tại tòa của Zeke và bản khai có tuyên thệ của Carrie Holland, chúng tôi có đủ căn cứ để lập luận rõ ràng rằng phiên tòa xử Quincy không ổn. Nếu được chấp thuận mở lại phiên tòa mới, chúng tôi sẽ có cơ hội trưng ra nhiều chứng cứ rõ ràng hơn về mặt khoa học. Cả Norwood lẫn bất kỳ kẻ nào cùng loại với ông ta sẽ không được bén mảng đến tòa. Chúng tôi chỉ mong muốn cho bồi thẩm đoàn thấy được những sự thật đích thực.

Đến lượt đối chất, Carmen Hidalgo được dịp hả hê khi lôi hết lý lịch vào tù ra khám và chuyên gia chỉ điếm của Zeke. Cô lấy được biên bản phiên tòa của năm vụ khác nhau trong 20 năm qua mà Zeke đã khai man với bồi thẩm đoàn để kiểm tra thuận thoát tội. Zeke thừa nhận đã khai man một vài vụ và phủ nhận một vài vụ. Gã quá rồi đến nỗi chẳng nhớ mình đã nói dối ở vụ nào. Chúng tôi như ngã trên đống lửa khi thấy thẩm phán nhanh chóng phát chán, nhưng Hidalgo vẫn tiếp tục. Chúng tôi thấy khá bất ngờ vì màn thể hiện của cô ấy.

Đến 3:30, thẩm phán Plank ngáp dài, và rõ ràng là đang tính đường thoát. Ông ta mệt lắm rồi, và đang cố hết sức để khỏi ngủ gật ngay trên ghế thẩm phán. Tôi nói thầm bảo Susan Ashley chốt phiên đi đầu trần và ra về cho rồi.

Hôm sau, tôi và Vicki về Savannah, vừa đến nơi liền họp với Mazy để đánh giá vụ này. Florida, cũng như Alabama, không bắt buộc các thẩm phán phải có hạn chót phán quyết về các vấn đề hậu tuyên án, thế nên có khi ông già Plank xuống lỗ rồi mà vẫn chưa giải quyết cho chúng tôi mất. Chúng tôi cũng nghĩ là ông ta đã có quyết định sẵn rồi, nhưng muốn để thông thả đã rồi mới ra phán quyết. Chúng tôi chẳng thể làm được gì để thúc ông ta cả, mà có cố làm thế cũng lợi bất cập hại thôi.

Đã xác định được rằng chúng tôi đang bị theo dõi, dù chưa rõ mức độ, nhưng như thế là đủ để bàn luận căng thẳng rồi. Chúng tôi nhất trí là mọi hồ sơ và giao tiếp kỹ thuật số phải được nâng cấp và bảo vệ nghiêm ngặt. Việc đó sẽ tốn tầm 30.000 đô, một số tiền ngoài dự kiến đối với ngân sách eo hẹp. Còn kẻ xấu lại có nguồn tiền vô hạn để thuê những kẻ theo dõi giỏi nhất.

Tôi không nghĩ chúng sẽ quanh quẩn ở Savannah và giám sát hoạt động của chúng tôi. Làm thế chỉ gây chán nản và không đem lại thông tin hữu ích gì. Nhưng chúng tôi cũng thống nhất là phải cảnh giác hơn và đừng tuân thủ lịch trình thường lệ. Đáng ra chúng có thể dễ dàng bám theo tôi đến Nassau và dò ra tôi gặp gỡ Tyler Townsend. Với Bruce Gilmer ở Sun Valley cũng thế. Nhưng tôi gặp hai người họ trước khi đệ đơn, trước khi chính thức ghi tên mình vào vụ này.

Chúng tôi cũng đã biết thêm nhiều về Nash Cooley. Chúng tôi có thông tin về xe cộ, bất động sản và hai vụ ly hôn của anh ta. Theo những gì chúng tôi có, thì rõ ràng anh ta kiếm được nhiều tiền và thích tiêu xài. Ngôi nhà của anh ta ở Coral Gables được định giá 2,2 triệu đô. Nash Cooley có ít nhất là ba chiếc xe, đầu là hàng Đức nhập khẩu. Công ty của anh ta đặt trụ



sở ở một khu phát triển tại trung tâm Miami, có cả chi nhánh ở Grand Cayman và Mexico City. Theo một người bạn của Susan Ashley, vài luật sư chuyên về ma túy ở Nam Florida có nhận thù lao từ nước ngoài. Họ hiếm khi bị lộ, nhưng thỉnh thoảng FBI cũng bắt một vài người vì tội trốn thuế. Anh ấy còn cho biết Varick & Valencia đã nhúng chàm trong ngành bán thuốc này từ lâu, thậm chí còn cố vấn cho các thân chủ về cách rửa tiền sạch sẽ gọn gàng hơn. Hai cộng sự thâm niên của công ty này là những tay dày dạn đã giành rất nhiều chiến thắng ở tòa. Năm 1994, họ đã biện hộ cho Mickey Mercado về tội giết người và khiến bồi thẩm đoàn không thể thống nhất được phán quyết.

Tôi chẳng hiểu được Nash Cooley nghĩ gì khi lái xe sáu tiếng để đi xem phiên điều trần xét xử hậu tuyên án của chúng tôi. Nếu anh ta muốn quan sát tôi cho kỹ thì chỉ việc lên website là xong. Với Susan Ashley cũng thế. Mọi thỉnh nguyện đơn, kiến nghị, thông cáo, và phán quyết đều là văn bản công cộng, quá dễ tìm thấy trên mạng. Thế sao anh ta lại liêu lĩnh để bị nhận diện? Cứ cho là, nguy cơ bị lộ quá thấp ở vùng hẻo lánh này của bang, nhưng dù gì anh ta cũng đã bị chúng tôi nhận ra. Tôi chỉ có thể nghĩ được rằng Cooley đến đó vì thân chủ ra lệnh như vậy.

Mickey Mercado là dân giang hồ, có lẽ đã làm cho băng ma túy này cả đời rồi. Nhưng đó là băng nào thì chúng tôi chưa rõ. Anh ta và hai kẻ khác từng bị cáo buộc tội giết một tay buôn ma túy trong một vụ mua bán đồ bề, nhưng FBI chẳng thể nào buộc tội được.

Và giờ anh ta đang bám đuôi tôi?

Tôi đã nói rõ với các đồng sự rằng ngoài nhìn lại sẽ không ích gì cho Quincy Miller đâu. Việc của chúng tôi là chứng minh Quincy vô tội, không cần phải xác định hung thủ là ai.

Nhưng tôi chưa kể hết mọi thứ. Hiếm khi thế lắm. Chuyện về Tyler và bảy cá sấu, tôi vẫn tuyệt đối giữ kín. Cái hình ảnh đó cứ ám mãi trong đầu tôi.

Hầu như mỗi lần bàn luận ý tưởng, chúng tôi đều nhắc đến Tyler. Một mặt, tôi thấy mình phải liên lạc lại, ít nhất là cảnh báo anh ấy chuyện có kẻ bắt đầu theo dõi chúng tôi. Mặt khác, tôi cũng nhận thức rằng chỉ cần liên

lạc thôi là cũng có thể gây họa cho Tyler rồi. Với Bruce cũng thế, nhưng anh ta không biết nhiều bằng Tyler.

Và cuối cùng, chúng tôi quyết định rằng làm thế quá mạo hiểm, tuyệt đối không được. Tôi lên mạng, vào *Dưới Mái hiên Patty* mà tôi đã nộp thêm 20 đô-la phí thuê bao tháng, rồi gửi tin nhắn được tự động xóa sau năm phút.

Lại ở Nassau—quan trọng.

Qua năm phút, và chẳng thấy hồi đáp. Trong ba tiếng tiếp theo, tôi gửi thêm bốn tin nhắn y hệt như thế, và bên kia vẫn im lặng.

Khi trời đã tối, tôi rời văn phòng đi dạo qua vài khối nhà trong tiết trời đêm oi bức. Mấy ngày này, nắng đổ lửa kéo dài, lại ẩm ướt, khách du lịch thì chen chúc chật kín. Như thường lệ, cha Luther Hodges đang ngồi trước hiên, háo hức chạy ra đón.

“Chào cha,” tôi gọi lớn.

“Chào con trai.” Chúng tôi ôm nhau trên lối vào, thân mến xía xối nhau về vòng eo và mái tóc bạc xơ xác, rồi đi vào nhà. Nói chuyện vài câu, tôi nhận ra cha đang có ưu tư gì đó.

“Ngày mai, một người nữa sẽ bị hành hình ở Texas,” cha giải thích.

“Con rất tiếc.”

Cha Luther là người miệt mài vận động bãi bỏ các tục lệ lạc hậu, thông điệp của cha luôn đơn giản là: Ta đâu đâu ý giết người là sai, vậy tại sao lại chấp nhận để nhà nước giết người? Khi có tin về một vụ hành hình nào đó sắp diễn ra, cha và các đồng bạn trong phong trào bãi bỏ tử hình viết thư, gọi điện, đăng bình luận trên mạng, và thậm chí còn đến nhà tù để biểu tình. Cha dành nhiều giờ cầu nguyện và thương tiếc cho những kẻ sát nhân mà cha chưa hề gặp mặt.

Với những chuyện hiện giờ, chúng tôi chẳng có hứng ăn sang chảnh, nên tạt vào một tiệm sandwich. Cha trả tiền cho tôi luôn, như lâu nay vẫn vậy, và khi cả hai đã ngồi xuống bàn, cha liền hỏi, “Kể cha nghe về vụ Quincy đi.”

TỪ KHI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG, Hội Vệ nhân đã xử lý 18 vụ, giải oàn thành công tám người trong số đó. Một thân chủ của chúng tôi đã bị hành hình. Sáu người khác thì đang chờ ngày đó. Ba người kia, chúng tôi đã bỏ cuộc sau khi xác định được họ thật sự có tội. Khi vương phải sai lầm, chúng tôi liền bỏ ngang và rút đi.

Qua 18 vụ, chúng tôi đã rút kinh nghiệm được rằng, sớm hay muộn, vận may sẽ đến. Và lần này, vận may mang tên Len Duckworth, sống ở Sea Island, cách Savannah tám một tiếng lái xe. Ông tự lái xe đến, vào văn phòng của chúng tôi, không thấy ai ở bàn tiếp tân bèn đi tìm và tự ló đầu vào văn phòng của Vicki chào hỏi. Vicki rất lịch sự, luôn là thế, nhưng bà cũng rất bận. Tiếp khách được vài phút, bà liền gọi cho tôi. “Có thể quan trọng đấy,” bà bảo. Khi tôi về, chúng tôi lên phòng họp trên lầu, ngồi nói chuyện quanh ấm cà phê mới pha. Vicki và Mazy ghi chép, còn tôi chỉ việc lắng nghe.

Duckworth tám 70, vóc người gọn gàng, làn da rám nắng, biểu hiện của cuộc sống về hưu an nhàn sung túc với nhiều thời gian chơi golf và tennis. Ông và vợ đã chuyển đến Sea Island vài năm trước, và cố sống sao cho thật năng động ở tuổi này. Ông là dân Ohio, vợ là người Chicago, cả hai đều thích khí hậu ấm áp. Hồi năm 1973, ông đang là đặc vụ FBI thì Quốc hội thành lập Lực lượng Chống Ma túy (DEA), một ngành có vẻ hấp dẫn hơn công việc bàn giấy của ông nhiều. Thế nên, từ đó ông chuyển sang DEA và có 12 năm phụ trách đơn vị ở Bắc Florida.

Mấy tháng qua, chúng tôi đã cố lấy hồ sơ của DEA trong thập niên 1980 mà bất thành. Cũng như FBI và ATF, DEA rất nhạy cảm về chuyện bảo vệ hồ sơ, tài liệu. Vicky đã gửi đi một yêu cầu theo Luật Tự do Thông tin, nhưng chỉ nhận lại được một lá thư mà phần lớn các từ ngữ đều bị bôi đen để bảo mật.

Vì vậy, hôm nay đúng là may mắn trên trời rơi xuống. Duckworth mở lời, “Tôi biết rất nhiều về chuyện buôn ma túy thời đó. Có vài chuyện tôi nói được, vài chuyện thì không.”

Tôi nói, “Tôi hơi thắc mắc vì sao ông đến đây. Chúng tôi đã cố truy cập hồ sơ và tài liệu của DEA suốt bảy tháng qua, mà chẳng được gì.”

“Các anh chẳng kiếm được gì nhiều đâu, vì DEA luôn viện cớ là vụ này vụ kia đang trong quá trình đi đầu tra gì đó. Dù cho vụ đó xưa như trái đất hay đã khép lại rồi, DEA cũng chẳng tiết lộ gì. Và họ sẵn sàng viện đến cả tòa án để bảo vệ thông tin. Chúng tôi vận hành như thế.”

“Vậy ông có thể kể được những gì?” tôi hỏi.

“Tôi có thể nói về vụ sát hại Keith Russo vì vụ đó đã khép lại hơn 20 năm rồi, và nó cũng chẳng phải chuyện của DEA. Tôi biết Keith, biết rõ là đảng khác vì chúng tôi đã nắm thóp anh ta. Anh ta làm chỉ điểm cho chúng tôi, và cũng vì vậy mà phải mất mạng.”

Vicki, Mazy và tôi trở mắt nhìn nhau. Người duy nhất trên đời sẵn sàng xác nhận Keith Russo là chỉ điểm giờ đang ngồi trong văn phòng bữa bộn của chúng tôi, thong thả nhấm nháp cà phê.

“Ai đã giết anh ấy?” Tôi ngập ngừng hỏi.

“Không biết, nhưng không phải Quincy Miller. Là sát thủ của băng ma túy.”

“Băng nào?”

Ông dừng lại, nhấp chút cà phê. “Anh đã hỏi tại sao tôi đến đây. Tôi có nghe về chuyện các anh cố giải oan cho Miller, và tôi hoan nghênh đi đầu đó. Họ đã bắt nhầm người, vì họ muốn thế. Tôi biết nhiều chuyện ở thời điểm đó, và có thể kể cho các anh mà không sợ làm lộ các vấn đề tuyệt mật. Nhưng thực ra, trên hết, tôi chỉ muốn đi đây đó đổi không khí một chút. Vợ tôi đang mua sắm gần đây, và lát nữa chúng tôi sẽ đi ăn trưa một bữa ra trò.”

Tôi nói, “Chúng tôi sẵn sàng nghe, lúc nào cũng được, bao lâu cũng được.”

“Được, kể về bối cảnh chút đã. Giữa thập niên 1970, khi DEA được thành lập, cocaine đang tàn phá khắp cả nước, khối lượng vận chuyển phải đến hàng tấn, bằng tàu thủy, máy bay, xe tải, đủ thứ. Nhu cầu cocaine quá cao, lợi nhuận quá lớn, dân trộm và buôn thuốc luôn cháy hàng. Chúng lập nên các mạng lưới lớn khắp Trung và Nam Mỹ, chất tiền như núi ở các ngân hàng vùng Caribbean. Florida, với 1.300 km bờ biển và vài chục hải cảng, trở thành điểm chuyển hàng yêu thích của chúng. Miami biến thành

địa bàn của bọn buôn ma túy. Nam Florida nằm trong tay một băng Colombia, giờ vẫn còn hoạt động. Tôi không liên quan đến khu vực đó. Phạm vi hoạt động của tôi là ở Bắc Orlando, và đến năm 1980, băng Saltillo của Mexico nắm hầu hết cocaine ở khu vực đó. Băng này vẫn hoạt động, nhưng đã bị sáp nhập rồi. Hầu hết đầu đảng của chúng đã bị xử trong cuộc chiến giành địa bàn. Mấy băng này cứ thịnh rồi suy, thương vong nhiều vô kể. Mức độ tàn bạo thì không thể nào tin nổi. Tôi chẳng nên kể ra làm gì.”

“Vâng, đừng kể,” Vicki nói.

Hình ảnh Tyler và bữa tiệc máu của cá sấu lại hiện lên trong đầu tôi. “Chúng tôi nắm khá khá thông tin về cảnh sát trưởng Pfitzner và chuyện ở Hạt Ruiz.”

Ông cười, lắc đầu, như thể vừa nghe ai đó nhắc về một ông bạn già. “Và chúng tôi chưa hề nắm thóp được gã. Theo chúng tôi biết, gã là cảnh sát trưởng duy nhất ở Bắc Florida thông đồng với băng ma túy. Chúng tôi đã đi đầu tra về gã khi Russo bị bắt. Sau đó, mọi chuyện thay đổi hết. Một vài chỉ điểm quan trọng của chúng tôi bị khử.”

“Ông thu phục Russo thế nào?” tôi hỏi.

“Keith là một anh chàng thú vị. Rất tham vọng. Chán cuộc sống thành phố nhỏ và muốn kiếm thật nhiều tiền. Anh ta là luật sư giỏi, cực giỏi. Keith có vài thân chủ liên quan đến ma túy ở khu vực Tampa–St. Pete, anh ta khá có tiếng đấy. Một chỉ điểm cho biết anh ta lấy thù lao bằng tiền mặt, tiền tấn ấy, khai báo thuế một phần hoặc là kệ luôn, thậm chí còn chuyển tiền ra nước ngoài. Chúng tôi có giám sát tình hình khai thuế của anh ta vài năm, và thấy rõ là anh ta tiêu vượt xa số tiền kiếm được từ Phở Chính ở Seabrook. Thế nên chúng tôi đã tìm đến, dọa truy tố tội trốn thuế. Anh ta biết thừa mình có tội và không muốn mất sạch. Anh ta còn phạm tội rửa tiền cho một vài thân chủ, đa số là người của băng Saltillo. Phương pháp của chúng là dùng các công ty vỏ bọc ở nước ngoài để mua bất động sản Florida rồi làm sao đó cho giấy tờ êm đẹp cả. Mấy trò đó không khó lắm và anh ta rất biết cách thu xếp.”

“Vợ Russo có biết chuyện anh ấy làm chỉ điểm không?”

Duckworth lại cười, nhấp thêm một ngụm cà phê. Chuyện chiến đấu với thuốc phiện của ông kể cả hàng giờ vẫn chưa hết. “Điểm này mới thú vị. Keith là tên hám gái. Anh ta cẩn thận không ve vãn ai Seabrook, nhưng ở Tampa lại khác. Anh ta và Diana có một căn hộ ở đó, rõ ràng là để tiện cho công việc r ấ, nhưng Keith lại dùng nó cho việc khác. Trước khi bắt anh ta làm chỉ điểm, chúng tôi đã xin được lệnh tòa và được phép theo dõi căn hộ, văn phòng, thậm chí nhà anh ta. Chúng tôi nghe mọi thứ, kể cả những cuộc Keith gọi cho tình nhân. R ấ chúng tôi phát giác một chuyện thật sốc. Có vẻ Diana cũng muốn ông ăn chả bà ăn nem. Tình nhân của cô ta là một thân chủ ngành ma túy, một tay dân chơi đẹp mã làm việc cho băng Saltillo ở Miami. Tên gã là Ramon Vasquez. Có vài lần khi Keith đang vui đ ầu xử lý công việc ở Tampa thì Ramon l ến đến Seabrook để hẹn hò Diana. Dù gì chừng đó là đủ để anh hình dung chuyện vợ chồng nhà họ r ấ đấy. Nên với câu anh vừa hỏi, tôi thấy không thể biết chắc Keith có kể chuyện làm chỉ điểm cho vợ mình không. Và dĩ nhiên, chính chúng tôi đã cảnh báo anh ta đừng làm thế.”

“Còn Diana thì sao?” Vicki hỏi.

“Có vẻ băng đó đã biết Keith đang làm cho chúng tôi. Tôi nghi là một chỉ điểm khác, một gã chơi hai mang, đã bán thông tin cho chúng. Chỉ điểm là cái nghề chơi bẩn, và lòng trung thành là thứ không tồn tại. T iền tấn và nỗi sợ bị thiêu sống khiến người ta trở mặt bất kỳ lúc nào. Chúng xử Keith, Diana thì dọn đi khỏi thành phố.”

“Còn Ramon thì sao?” giờ đến Mazy hỏi.

“Gã và Diana cặp kè ở Tampa một thời gian nữa, r ấ chuyển về phía Nam. H ồi đó chúng tôi chưa nắm rõ, nhưng về sau chúng tôi đoán có vẻ gã đã bỏ d ần nghề ma túy và cố tránh rắc rối. Theo tin cuối cùng tôi biết, họ vẫn bên nhau, ở đâu đó tại Caribbean.”

“Với cả đồng t iền,” tôi nói.

“Phải, với cả đồng t iền.”

“Cô ấy có liên quan đến vụ án mạng không?” Mazy hỏi.

“Cái đó chưa ai chứng minh được. Mọi người biết về chuyện bảo hiểm nhân thọ của Russo và cả tài khoản ngân hàng dùng chung của họ r ấ đấy,

nhưng chuyện đó cũng không có gì quá bất thường.”

Tôi hỏi tiếp, “Thế sao ông không vạch mặt Pfitzner và xử bằng đó?”

“Sau án mạng, vụ của tôi cũng bị hủy luôn. Chúng tôi chỉ cần một hay hai tháng nữa là đủ căn cứ để đưa chúng ra trước pháp luật, thậm chí là khởi tố Pfitzner vài tội danh. Chúng tôi kiên nhẫn, quá kiên nhẫn thì đúng hơn, nhưng văn phòng tư pháp ở đó lại không chịu hợp tác. Họ bị quá tải, đủ thứ lý do. Chúng tôi chẳng cách nào bắt họ xúc tiến khởi tố. Anh biết cung cách làm việc của họ mà. Sau vụ án mạng, chỉ điểm của chúng tôi cũng lặn hết, và thế là vụ này tan tành. Bằng đó đã ẩn mình một thời gian dài rồi. Pfitzner thì đã nghỉ hưu. Tôi bị chuyển đến Mobile, làm ở đó cho đến hết sự nghiệp.”

“Bằng đó dùng ai để xử lý mấy chuyện giết chóc?” Mazy hỏi.

“Ồ, chúng có cả đồng tay súng mà, và đám này thường không phải sát thủ tinh tế cho lắm. Chúng ra tay tàn bạo, thường chặt đầu người ta hơn là dùng súng đạn. Nã hai phát shotgun vào mặt vẫn còn quá lịch sự so với phong cách của lũ này. Chúng giết người theo kiểu dã man và tởm lợm vì chúng muốn phải như thế. Chúng còn chẳng sợ bị để lại dấu vết. Anh đâu bao giờ tìm được chúng, vì xong việc là chúng trốn về Mexico, thậm chí là Panama, trốn kỹ trong rừng sâu.”

Mazy hỏi tiếp, “Nhưng hiện trường vụ Russo lại quá sạch sẽ nhỉ? Chẳng thấy manh mối nào.”

“Phải, với Pfitzner là kẻ chỉ đạo vụ đi đầu tra.”

Tôi nói ngay, “Nhưng tôi không hiểu tại sao ông không tóm Pfitzner. Ông nói là biết ông ta bảo kê bến cảng, trữ ma túy cả kho, bảo vệ dân buôn ma túy. Ông còn có nhiều chỉ điểm, bao gồm cả Keith. Sao không tóm ông ta đi?”

Duckworth hít một hơi thật dài, đan hai tay để sau đầu. Ông ngả đầu nhìn lên trần, mỉm cười, “Có lẽ đây là chuyện đáng thất vọng nhất trong sự nghiệp của tôi. Chúng tôi rất muốn tóm ông ta. Một đồng nghiệp trong lực lượng bảo vệ pháp luật lại thông đồng với những kẻ đáng kinh tởm nhất. Chúng tuồn cả đồng cocaine vào Atlanta, Birmingham, Memphis, Nashville và khắp vùng Đông Nam. Và chúng tôi đã có thể tóm ông ta.

Chúng tôi đã len lỏi vào tổ chức đó. Đã mở vụ án. Đã có chứng cứ. Nhưng vấn đề là công tố viên ở Jacksonville. Chúng tôi không thể thúc hấn tiến đủ nhanh và đưa vụ này ra trước đại bồi thẩm đoàn. Hấn cứ khẳng khẳng bảo là đang xúc tiến nhưng thật ra hấn chẳng biết mình đang làm gì. R ồi Russo bị xử. Tôi vẫn cay v ề tay công tố viên đó. Sau này, nghe tin hấn tranh cử vào Nghị viện, tôi liền bỏ phiếu chống lại. Theo tôi biết, v ề sau, hấn phải vác bộ mặt xun xoe chạy quanh kiếm thân chủ trong vô vọng.”

Mazy hỏi, “Ông nói băng này vẫn hoạt động?”

“Hầu như là vậy, ít ra là vào thời điểm tôi v ề hưu. Năm năm qua, tôi không theo dõi tình hình nữa.”

Mazy hỏi tiếp, “Được r ồi, vậy ta nói v ề những kẻ ra lệnh thủ tiêu Russo nhé. Giờ chúng ở đâu?”

“Tôi chẳng biết. Tôi chắc chắn một số đã chết, một số ng ồi tù, một số thì nghỉ hưu trong biệt thự xa hoa đâu đó khắp thế giới. Và một số vẫn còn hoạt động.”

“Chúng có theo dõi chúng tôi không?” Vicki hỏi.

Duckworth cúi người tới, nhấp thêm một ngụm. Ông suy nghĩ một h ồi lâu, vì ông hiểu được những quan ngại của chúng tôi. “Rõ ràng tôi chỉ có thể ước đoán thôi. Nhưng mà đúng, chúng đang theo dõi. Chúng đâu muốn Quincy Miller được giải oan, ít ra là thế. Tôi có chuyện này muốn hỏi anh,” ông vừa nói vừa quay sang nhìn tôi. “Nếu thân chủ anh được tự do, vụ án này có bị mở lại không?”

“Có lẽ là không. Phân nửa số vụ, chúng tôi tìm được thủ phạm thật sự, nửa còn lại thì không. Và vụ này có vẻ lại càng không. Thời điểm quá xa. Chứng cứ đã mất. Hung thủ thật sự, như ông đã nói, giờ đang sống ở đâu đó rất xa r ồi.”

“Hoặc đã chết r ồi,” Duckworth thêm vào. “Đám hành quyết của mấy băng đảng không được thọ cho lắm.”

“Vậy tại sao chúng theo dõi chúng tôi?” Vicki hỏi.

“Sao lại không? Hội của bà quá dễ để theo dõi. Hồ sơ tòa thì công khai. Nắm tình hình một chút cũng chẳng hại gì.”



Tôi hỏi luôn, “Ông từng nghe tên một luật sư chuyên làm cho dân ma túy Miami, tên là Nash Cooley chưa?”

“Có lẽ là chưa. Anh ta có làm trong hãng luật nào không?”

“Varick & Valencia.”

“Ồ, hẳn rồi. Đám đó hoạt động cũng khá lâu. Khá có tiếng trong ngành. Sao anh lại hỏi về họ?”

“Tuần trước, Nash Cooley có đến phiên đi đầu trần của chúng tôi.”

“Vậy là anh biết anh ta?”

“Không, nhưng chúng tôi xác minh được nhân thân. Đi cùng là một gã tên Mickey Mercado, cũng là thân chủ của anh ta.”

Với bản năng cảnh sát, rõ là ông muốn hỏi chúng tôi làm cách nào mà xác minh nhân thân được hay vậy, nhưng ông đã kìm được và cho qua. Ông mỉm cười, “Nếu là anh, tôi sẽ cẩn trọng. Cứ cho là chúng đang theo dõi thì hơn.”

Theo Steve Rosenberg, thẩm phán Marlowe có uy hơn chúng tôi tưởng. Anh ấy đoán là cô đã vận động để Tòa Phúc thẩm Alabama xúc tiến với tiến độ phải nói là kỷ lục. Chưa đầy hai tháng sau phiên đi đầu trầu ở Verona, tòa nhất trí phê chuẩn quyết định của thẩm phán Marlowe cho xét nghiệm AND bảy sợi lông đó. Và họ cũng ra lệnh cho văn phòng của Chad Falwright đáng kính phải chi trả khoản đó. Hai thanh tra của cảnh sát tiểu bang đưa chứng cứ đến cùng phòng thí nghiệm ở Durham mà chúng tôi đã nhờ xét nghiệm nước bọt của Mark Carter. Suốt ba ngày liền, tôi cứ dán mắt vào màn hình điện thoại chờ đợi, và cuối cùng cũng nhận được cuộc gọi từ quý cô Thẩm phán.

Với ngữ âm cực chuẩn và giọng nữ êm ái nhất tôi từng nghe, cô thông báo, “Post à, có vẻ anh đã đúng. Thân chủ của anh được miễn trừ nghi vấn, theo kết quả xét nghiệm ADN. Cả bảy sợi lông đều là của Carter.”

Lúc đó, tôi đang ở trong văn phòng của Vicki, và nét mặt tôi đã đủ thông báo cho bà r ấ. Tôi nhắm mắt lại một thoáng vì vui sướng, còn Vicki lặng lẽ ôm Mazy.

Thẩm phán nói tiếp, “Hôm nay là thứ Ba. Thứ Năm, anh đến dự phiên đi đầu trầu được chứ?”

“Dĩ nhiên. Và cảm ơn cô, thẩm phán Marlowe.”

“Đừng cảm ơn tôi, anh Post. Hệ thống tư pháp của đất nước chúng ta biết ơn anh vô cùng.”

Đây là những khoảnh khắc mà chúng tôi trông chờ, những gì đem lại ý nghĩa cho công việc của chúng tôi. Bang Alabama từng cách giờ hành hình một con người vô tội chỉ có hai tiếng. Duke Russell đáng ra giờ đã nằm

trong huyết lạnh nếu không nhờ chúng tôi quyết tâm phá tan những lời buộc tội sai trái này.

Nhưng chúng tôi để cuộc ăn mừng cho sau này. Giờ tôi phải tức tốc lên đường đến Alabama, và trên đường là những cuộc điện thoại triền miên không dứt. Chad không muốn nói chuyện, và dĩ nhiên anh ta giờ đang bận tối mắt tối mày rồi. Anh ta sẽ cố phá hoại lần nữa, nhưng chúng tôi cũng thấy rõ là anh ta bất tài, nên chuyện đáng lo hơn là cách xử lý Mark Carter. Theo chúng tôi biết, Carter vẫn chưa hay biết gì về chuyện xét nghiệm ADN. Steve Rosenberg đã thuyết phục Chương lý Bang gọi cho Chad và bắt anh ta hợp tác. Chương lý cũng đã đồng ý thông báo cho cảnh sát bang và yêu cầu họ để mắt đến Carter.

CUỐI BUỔI SÁNG NGÀY THỨ TƯ, Duke Russell đang nằm trên giường, cái giường anh nằm suốt mười năm qua, và yên lặng đọc sách như thường lệ, thì một quản giáo nhìn qua song sắt và gọi, “Duke. Đến giờ đi rồi.”

“Đi đâu?”

“Về nhà. Có một thẩm phán muốn gặp anh ở Verona. Hai mươi phút nữa lên đường. Dọn đồ đi.” Viên quản giáo tuồn một cái túi rỗng qua song sắt và Duke bắt đầu nhét tư trang của mình vào đó, những chiếc vá, áo thun, quần đùi, hai đôi sneaker, vật dụng vệ sinh. Anh có tám quyển sách, và vì quyển nào cũng đọc ít nhất năm lần rồi, nên anh quyết định để lại chúng cho người tiếp theo sẽ vào phòng này. Cả cái tivi đen trắng và cây quạt điện cũng thế. Lúc anh bước ra khỏi buồng giam, tay vẫn mang còng, nhưng không còn còng chân, các chiến hữu trong tù quanh đó reo hò vỗ tay vang dội. Khi đến gần cửa trước, các quản giáo khác cũng tụ lại để vỗ vai chúc anh những điều tốt đẹp. Vài người tiễn anh ra tận cổng, nơi một chiếc xe tù màu trắng đang chờ. Khi ra khỏi dãy buồng tử tù, anh không muốn nhìn lại nữa. Ở tòa nhà đi đầu hành của nhà tù Holman, anh được chuyển sang một xe tuồn tra cảnh sát rồi lên đường. Ra khỏi nhà tù rồi, chiếc xe dừng lại, và viên cảnh sát ngẩn ngơ trước bước ra khỏi xe. Anh mở cửa khoang sau, mở còng cho Duke và hỏi anh muốn ăn gì không. Duke cảm ơn nhưng nhẹ nhàng từ chối. Cảm xúc của anh đang dâng trào đến nỗi chẳng nghĩ ra món gì cả.

Bốn tiếng sau, anh đến trại tạm giam của hạt, nơi tôi đang đứng chờ sẵn, cùng Steve Rosenberg và một luật sư ở Atlanta. Chúng tôi thuyết phục được cảnh sát trưởng rằng Duke sắp được thả vì anh vô tội, và anh ấy cũng thiện chí hợp tác, còn cho chúng tôi dùng văn phòng bừa bộn của mình để gặp gỡ nhau. Tôi giải thích với Duke những gì tôi biết, dù có vài chuyện vẫn phải giữ kín. Thẩm phán Marlowe dự định ngày mai sẽ bãi bỏ phán quyết có tội của anh và ra lệnh thả tự do. Chad đầu đất thì đang dọa tái khởi tố, không chỉ Duke mà cả Mark Carter nữa. Giả thuyết hoang tưởng mới nhất của anh ta là hai người họ cùng nhau hãm hiếp và sát hại Emily Broone.

Thực tế là hai người họ chưa hề gặp nhau. Dù chuyện này đúng là điên hết sức, nhưng chúng tôi cũng không lấy gì làm ngạc nhiên. Khi bị dấn vào đường cùng, các công tố viên thường sáng tạo ra những giả thuyết buộc tội phải nói là chỉ có trong phim. Nội chuyện phiên tòa xử Duke mười năm trước chưa hề đề cập gì đến cái tên Mark Carter, là quá đủ để dẹp giả thuyết phi lý này rồi. Thẩm phán Marlowe đang được đà, và sẽ không thêm lắng nghe mấy thứ vớ vẩn này đâu. Còn Chương lý Bang Alabama cũng đang gây sức ép buộc Chad rút lui.

Nhưng dù sao đi nữa, anh ta đủ quyền hạn để tái khởi tố và đấy là chuyện chúng tôi phải lo. Anh ta có thể khiến Duke bị bắt lại, không lâu sau khi được thả. Tôi giải thích những rắc rối tư pháp này cho Duke, nhưng có vẻ anh quá xúc động, chẳng nói được gì. Chúng tôi bèn để anh lại cho cảnh sát trưởng, và anh được đưa đến phòng giam đẹp nhất ở đây để ở đêm cuối cùng sau song sắt.

Tôi và Steve thì lái xe đến Birmingham uống vài ly với Jim Bizko của *Birmingham News*. Anh cuồn cuộn lên vì câu chuyện này và đã rỉ tai cho các đồng nghiệp. Anh hứa với chúng tôi, ngày mai sẽ là một ngày náo nhiệt cực kỳ.

Chúng tôi ăn tối xong thì đi tìm một nhà nghỉ rẻ tiền cách xa Verona, vì cảm thấy ở lại đó không được an toàn cho lắm. Gia đình nạn nhân rất đông, lại có nhiều bạn bè, và chúng tôi từng nhận những cuộc gọi đe dọa nặc danh. Một phần công việc của chúng tôi phải thế thôi.

TỜ MỜ SÁNG, Mark Carter đã bị cảnh sát bang bắt và đưa đến trại tạm giam của hạt kế cận. Cảnh sát trưởng báo tin này khi chúng tôi vừa đến cửa phòng xử án và chuẩn bị cho phiên đi đầu trầu. Khi chúng tôi ngồi chờ và người dự khán bắt đầu đông dần lên, tôi nhìn ra cửa sổ thì thấy một chiếc xe thùng của đài truyền hình nào đó đỗ trước tòa. Đúng 8:30, Chad Falwright cùng mấy thuộc cấp cũng đến. Tôi hỏi anh ta còn định tái truy tố thân chủ tôi không. Chad cười rất lịch lãm và nói không. Anh ta đã bị bủa vây tứ bề, đã chịu hết thất bại này đến thất bại khác, và có vẻ sau một cuộc điện thoại gay gắt từ Chương lý Bang, Chad đã quyết định bỏ cuộc.

Duke đến cùng đội cảnh sát áp giải, nhưng miệng anh nở nụ cười phờ phạc. Anh mặc cái áo khoác thể thao xanh navy quá khổ, áo sơ-mi trắng, thắt cà vạt với nút thắt to bằng cả nắm tay. Trông anh rạng rỡ vô cùng và đã bắt đầu tận hưởng khoảnh khắc này rồi. Mẹ anh ngồi ở hàng ghế đầu ngay sau chúng tôi, cùng ít nhất hơn chục bà con nữa. Dọc dãy ghế gần lối đi là Jim Bizko và vài nhà báo khác. Được thẩm phán Marlowe cho phép chụp ảnh, các thợ ảnh giờ đang bấm máy liên tục.

Đúng 9:00, Marlowe bước ra và mở lời. “Trước khi bắt đầu phiên tòa, tôi xin chuyển lời của cảnh sát trưởng Pilley đến với mọi người và báo giới rằng, rạng sáng nay, một công dân của hạt này, tên là Mark Carter, đã bị bắt tại nhà ở Bayliss và bị cáo buộc tội cưỡng hiếp và sát hại Emily Broone. Anh ta đang bị giam và sẽ ra trước tòa này trong một tiếng nữa. Anh Post, tôi nghĩ là anh có kiến nghị muốn đệ trình.”

Tôi đứng dậy, mỉm cười, “Vâng, thưa quý tòa. Thay mặt thân chủ của tôi, Duke Russell, tôi yêu cầu hủy bỏ phán quyết định tội anh ấy trong vụ này, đồng thời thả tự do cho anh ấy ngay lập tức.”

“Và anh có căn cứ gì cho kiến nghị này?”

“Xét nghiệm ADN, thưa quý tòa. Chúng tôi đã tiến hành xét nghiệm ADN cho bảy sợi lông tìm được ở hiện trường vụ án. Chúng không liên quan đến anh Russell. Toàn bộ đều là của anh Carter.”

“Theo tôi biết, anh Carter là người cuối cùng gặp nạn nhân khi cô ấy còn sống, phải thế không?” Cô ấy vừa hỏi vừa lườm sang Chad.

“Đúng, thưa quý tòa,” tôi nói mà phải cố kìm nén sự vui sướng. “Và cảnh sát cũng như công tố viên chưa hề xem anh Carter là nghi phạm.”

“Cảm ơn anh. Anh Falwright, anh có phản đối kiến nghị này không?”

Chad nhanh chóng đứng lên và trả lời lí nhí, “Bên công tố không phản đối gì.”

Marlowe thông thả sắp xếp mấy giấy tờ trước mặt mình, rồi gọi, “Anh Russell, mời anh đứng lên.”

Duke đứng lên ngay, ngơ ngác nhìn thẩm phán. Cô hắng giọng, “Anh Russell, phán quyết xác định anh có tội cưỡng hiếp và giết người, bây giờ đã bị hủy bỏ vĩnh viễn, không thể lật ngược. Tôi không liên quan đến phiên tòa xử anh, nhưng tôi thấy thật vinh hạnh khi được hiện diện ở đây trong phiên tòa giải oan cho anh. Đã có một sai lầm tư pháp nghiêm trọng và anh đã phải trả một giá quá đắt. Anh đã bị Bang Alabama kết án oan và cần tù suốt một thập kỷ. Đây là những năm tháng không gì thay thế nổi. Thay mặt Bang, tôi vô cùng xin lỗi anh, dù tôi biết lời xin lỗi đó chẳng thể nào hàn gắn nổi những vết thương anh đã phải chịu. Tuy nhiên, tôi mong đến một ngày, anh sẽ nhớ lại lời xin lỗi này, và thấy được chút khuây khỏa. Tôi chúc anh mọi đi đâu tốt đẹp và cuộc sống hạnh phúc sau khi đã bỏ lại cơn ác mộng này. Russell, anh được tự do.”

Người thân của Duke đứng sau lưng tôi bắt đầu khóc nức. Duke cũng run cả người, anh cúi người về phía trước, chống hai tay lên bàn để giữ mình đứng vững. Tôi vòng tay ôm lấy anh khi anh òa khóc nức nở. Với cái áo khoác thể thao quá khổ, tôi càng cảm thấy anh quá mỏng manh và gầy hơn tôi nghĩ.

Chad lặng lẽ đi ra bằng cửa hông, quá hèn nhát không dám bước đến và đích thân nói một lời xin lỗi. Có lẽ anh ta sẽ dành cả sự nghiệp còn lại để nói xạo rằng Duke thoát tội nhờ mấy chiêu trò công nghệ hiện đại.

Khi chúng tôi bước ra khỏi tòa, máy quay và nhà báo liền vây lấy. Duke nói rất ít. Anh chỉ muốn về nhà và ăn món sườn nướng gia truyền của chú mình. Tôi cũng chẳng có gì nhiều để nói. Hầu hết luật sư mơ về những phút giây này, nhưng với tôi, nó là thứ đáng cay lẫn lộn. Một mặt, đúng là thỏa mãn vô cùng khi cứu được một người vô tội. Nhưng mặt khác, trong tôi cũng thấy thất vọng và nổi giận với một hệ thống cho phép xảy ra phán quyết sai, trong khi đó là chuyện hầu như có thể tránh được.

Tại sao chúng ta phải ăn mừng sau khi một người vô tội được tự do chứ?

Tôi đưa Duke len qua đám đông, đến một căn phòng nhỏ nơi Jim Bizko đang chờ, vì tôi đã hứa cho anh ấy một cuộc phỏng vấn độc quyền. Bizko hỏi vài câu về màn thoát khỏi cửa tử trong gang tặc của Duke cách đây bảy tháng, và thế là câu chuyện trở thành cuộc cười đùa về bữa ăn cuối cùng của anh và tốc độ xử lý nhanh gọn của anh với miếng bít-tết và cái bánh trước khi phải về lại buồng giam. Nụ cười tuôn ra thật dễ dàng, nước mắt cũng thế.

SAU NỬA TIẾNG, tôi để hai người ngồi lại với nhau, còn mình thì trở lại tòa, nơi đám đông đang chen chúc chờ màn tiếp theo của tấn trò giết gân này. Thẩm phán Marlowe bước ra. Cô gật đầu ra hiệu, và chấp hành tòa mở một cánh cửa hông. Mark Carter bước vào, tay bị còng, mặc bộ đồ cam tù nhân. Gã đưa mắt nhìn quanh, thấy gia đình mình đang ngồi ở dãy ghế đầu, rồi quay đi. Mark ngồi xuống bàn bị cáo, cúi gằm mặt như đôi mắt bị nện nhà hút hết hồn rồi vậy.

Thẩm phán Marlowe nhìn anh ta, “Anh có phải là Mark Carter?”

Gã gật đầu.

“Khi tôi gọi tên anh, mời anh đứng dậy và trả lời một cách rõ ràng.”

Mark miễn cưỡng đứng lên như thể ở đây gã mới là người nắm quyền. “Phải.”

“Anh có luật sư không?”

“Không.”

“Anh có tiền thuê luật sư không?”

“Còn tùy luật sư lấy giá nào đã.”

“Được. Tôi sẽ chỉ định cho anh một luật sư, và anh ấy sẽ gặp anh trong trại giam. Tuần tới, phiên tòa sẽ tiếp tục. Trong thời gian đó, anh sẽ bị giam giữ miễn bảo lãnh. Mời anh ngồi.”

Mark ng ồi xuống, vừa lúc đó tôi cúi người tới gần bàn bị cáo. Tôi nói rất khẽ, “Mark này, tôi là người đã gọi cho anh vào buổi tối họ suýt giết Duke đấy. Nhớ không?”

Gã trừng mắt nhìn tôi, vì đang bị còng nên không thể đấm tôi được, nhưng trông có vẻ như gã chuẩn bị phun nước bọt.

“Tôi đã gọi anh là thằng hèn vì anh sẵn sàng để người khác phải chết vì tội của anh. Và tôi đã hứa sẽ gặp anh ở tòa.”

“Mày là ai,” Mark rít lên.

Một chấp hành tòa tiến tới bàn, tôi bèn thẳng người lên, quay đi.

VỚI CHÚT NGHI THỨC NGẮN GỌN, các thành viên Hội Vệ nhân treo tấm ảnh Duke Russell đóng khung đẹp đẽ lên tường, cùng hàng với tám người được giải oan khác. Bức ảnh thật đẹp. Duke đứng trước cửa nhà mẹ mình, dựa người vào hàng rào gỗ trắng, cây c ần câu gác bên cạnh. Và anh mỉm cười, cười lớn hết cỡ. Gương mặt thỏa mãn của một người hạnh phúc vì được trả tự do và còn đủ trẻ để bắt đầu một cuộc sống mới. Một cuộc sống mà chúng tôi đem lại cho anh.

Chúng tôi cùng tận hưởng khoảnh khắc này trong thoáng chốc, vỗ vai nhau, rồi trở lại với động công việc không bao giờ vơi.



Quincy nghĩ tôi đến đây bởi tôi là luật sư của anh và việc của luật sư là gặp thân chủ mỗi khi có thể. Đây là lần thứ tư tôi đến thăm và cập nhật tình hình cho anh. Dĩ nhiên, chúng tôi chẳng nghe tin gì từ thẩm phán Plank, và Quincy không hiểu được lý do tại sao chúng tôi không thể khiếu nại thúc ép ông già đó. Tôi thuật lại những lời của Zeke Huffey trước tòa, và chuyển lời xin lỗi của anh ta vì đã góp phần đẩy Quincy vào tù. Quincy thản nhiên không màng gì đến lời nói muộn màng đó.

Chúng tôi nói chuyện thêm hai tiếng nữa, rồi tôi ra về hướng theo phía Nam trên tuyến đường mở rộng từ 4 lên 6 làn khi tiến gần đến Orlando. Tôi có thói quen nhìn gương chiếu hậu, dù chính tôi ghét cái thói đó, nhưng lại không thể nào bỏ được. Hiện giờ tôi biết rõ không có ai bám đuôi mình cả. Nếu chúng đang theo dõi thì cũng không làm theo kiểu cổ điển đó đâu. Có lẽ chúng sẽ hack điện thoại, máy tính và đủ thứ khác nữa, nhưng sẽ không phí thời gian bám theo chiếc Ford SUV của tôi làm gì. Tôi rẽ vào một con đường tắt nấp, rồi tắt vào bãi đỗ xe rộng của một khu mua sắm ngoại ô. Sau khi đỗ xe lọt giữa hai chiếc khác, tôi đi bộ vào trong như một người mua sắm bình thường, cuộc bộ tầm vài trăm mét đến một cửa hàng Nike, và đúng chính xác 2:15, tôi tiến tới bên cạnh một giá áo thể thao nam. Phía bên kia giá áo, Tyler Townsend đã đứng chờ sẵn. Anh đội mũ câu lạc bộ golf và đeo kính râm loại hàng rởm.

Liếc nhìn quanh một vòng, anh nói khẽ, “Phải đáng chuyện đấy nhé.”

Tôi cần một cái áo lên thử, “Chúng tôi đã thấy kẻ địch rồi. Và tôi nghĩ nên báo cho anh biết.”

“Tôi nghe đây,” Tyler nói, không nhìn vào tôi.

Tôi kể về buổi đi đầu trần trước thẩm phán Plank, màn xuất hiện kín đáo nửa vờ của Nash Cooley và Mickey Mercado. Hai cái tên này đầu xa lạ với Tyler.

Một cậu bé mỉm cười tiến lại hỏi xem chúng tôi cần gì không. Tôi nhẹ nhàng vẫy tay bảo cậu bé đi.

Sau khi kể xong thân thế của Mercado và Cooley, tôi kết lại bằng câu chuyện Duckworth đã kể về DEA và băng ma túy.

“Anh từng nghi ngờ Russo làm chỉ điểm phải không?” tôi hỏi.

“Ừ, anh ta bị giết phải có lý do chứ. Hoặc vợ anh ta ra tay để kiểm bảo hiểm, một chuyện chẳng ai tin, hoặc anh ta gặp rắc rối lớn với một thân chủ ám muội của mình. Tôi luôn nghĩ là khả năng thứ hai. Chúng xử lý chỉ điểm kiểu đó mà, như hai thằng nhóc tôi thấy hồi ở Belize hay chỗ nào đó. Nhớ tấm ảnh chứ, Post? Tôi đựng đưa trên *zip line* ấy?”

“Ám tôi từ khi đó tới giờ.”

“Tôi cũng thế. Post này, nếu chúng đang theo dõi anh, thì chúng ta không thể giữ liên lạc nữa. Tôi không muốn gặp lại anh nữa.” Tyler lùi một bước, nhìn chăm chăm vào tôi. “Không gì hết, Post, nghe rõ chưa? Không liên lạc gì hết.”

Tôi gật đầu, “Hiểu rồi.”

Khi ra đến cửa, Tyler đảo mắt quanh trung tâm mua sắm một hồi, như thể nơi góc nào đó sẽ có vài tên giang hồ cầm súng chực sẵn, rồi anh quay đi, cố tự nhiên nhất có thể. Bước chân anh nhanh dần và sớm khuất khỏi tầm mắt tôi, và tôi nhận ra anh bị quá khứ ám ảnh kinh hoàng đến thế nào.

Nhưng vấn đề chính của tôi không phải là quá khứ, mà là: Hiện tại có thể kinh hoàng đến thế nào?

Và câu trả lời đến chỉ trong vài giờ.

CHÚNG TÔI CHỌN LỌC các vụ muốn tham gia rất cẩn thận, và khi đã bắt tay vào rồi, chúng tôi sẽ đi đầu tra và kiên tụng hết sức mình. Mục tiêu của chúng tôi là tìm ra sự thật và giải oan cho thân chủ, một việc mà chúng tôi

đã thành công chín lần trong 12 năm qua. Tuy nhiên, tôi chưa hề nghĩ đến chuyện nỗ lực cứu một người ra khỏi tù lại có thể khiến người ta mất mạng.

THEO BÁO CÁO, đó là một vụ đánh nhau trong tù, có vẻ là phục kích, và như thế thì rất khó để xác định câu chuyện. Các nhân chứng, dù có đi nữa, cũng chẳng đáng tin cậy là bao. Quản giáo thường chỉ nói là không thấy gì cả. Ban quản trị nhà tù có lý do để che đậy và đổi hướng câu chuyện sao cho có lợi cho họ nhất.

Không lâu sau khi tôi tạm biệt Quincy, anh đã bị hai tên phục kích ở hành lang, giữa cửa hàng bán đồ tự động và phòng tập thể dục. Anh bị đâm bằng dao tự chế, bị đánh bằng vật tù, và bị bỏ mặc nằm đó. Một hồi sau mới có quản giáo tình cờ đi qua, thấy anh nằm giữa vũng máu và gọi người đến giúp. Anh được đưa lên xe cứu thương đến bệnh viện gần nhất, rồi từ đó lại được cấp tốc đưa đến Bệnh viện Mercy ở Orlando. Kết quả cho thấy anh bị rạn hộp sọ, sưng phù não, gãy xương hàm, vỡ nát xương vai và xương đòn, gãy nhiều răng, ba vết đâm sâu và đủ thứ khác nữa. Anh đã được truyền sáu pint máu và được gắn ống thở. Khi nhà tù gọi cho văn phòng của chúng tôi ở Savannah, Vicki được báo là Quincy *đang trong tình trạng nguy kịch* và có lẽ không qua khỏi.

Lúc Vicky chuyển tiếp cho tôi tin này, tôi đang ở đường tránh Jacksonville. Ngay lập tức, tôi quay xe, gác hết mọi chuyện khác lại. Quincy không có người thân nào ở gần. Hiện giờ anh cần luật sư của mình hơn bao giờ hết.

SUỐT NỬA SỰ NGHIỆP LUẬT SƯ tôi đã quanh quẩn ở các nhà tù và biết thừa cái kiểu bạo lực của nó, nhưng không thể nào quên nổi, vì những con người sau song sắt luôn nghĩ ra những cách mới để hại nhau.

Tôi chưa hề nghĩ đến chuyện một vụ giải oan của tôi lại bị gạt đi từ trong nhà tù bằng cách trừ khử người cần được giải oan. Một nước đi quá bất ngờ!

Nếu Quincy chết, chúng tôi phải khép lại vụ này và chuyển sang vụ khác. Dù cho đây không phải quy trình của Hội, nhưng chỉ bởi vì chúng tôi chưa hề gặp phải chuyện như vậy, hơn nữa với vô số vụ đang xếp hàng chờ, chúng tôi không thể dành thời gian để giải oan cho một người đã không còn cơ hội tận hưởng cuộc sống tự do nữa rồi. Tôi chắc chắn chúng tôi biết thế. Dù chúng là ai đi nữa. Tôi có thể gọi chúng là băng Saltillo, hay giang hồ, sát nhân gì đó cũng được cả, nhưng cứ gọi là *chúng* thì hơn.

Chúng đang theo dõi tiến trình kháng cáo của chúng tôi. Có lẽ chúng còn thâm nhập sâu hơn, có khi còn hack máy tính và nghe lén. Và chắc chắn chúng biết về chúng tôi cùng chiến tích mới nhất ở Alabama. Chúng biết chúng tôi đã thành công nhiều lần, có năng lực trước tòa, và vô cùng bền bỉ ngoan cường. Chúng cũng biết rằng Quincy không giết Keith Russo và chúng không thích chúng tôi đi điều tra ngọn ngành. Chúng không muốn công khai đương đầu chúng tôi, cũng chẳng muốn hăm dọa chúng tôi, vì như thế là chứng minh sự tồn tại của kẻ thủ ác trong bóng tối đồng thời lại phải gây thêm một tội ác nữa, một việc chúng chẳng muốn. Một vụ nổ súng, một quả bom, có thể gây chuyện ồn ào và để lại dấu vết.

Cách dễ nhất để chặn đứng cuộc điều tra là loại Quincy khỏi cuộc chơi, ra lệnh giết người trong một nhà tù mà chúng có nhiều anh em hoặc nhiều kẻ sẵn sàng ra tay vì vài đồng bạc lẻ hay đổi lấy ân huệ. Giết người trong tù đâu phải là chuyện mới lạ gì.

Tôi hiếm khi phí thời gian xem hồ sơ lúc ở tù của các thân chủ. Vì vô tội, nên họ có khuynh hướng cư xử đàng hoàng, tránh xa băng đảng và ma túy, chịu khó tham gia các khóa đào tạo, làm việc, đọc sách và giúp đỡ các phạm nhân khác. Quincy đã xong trung học ở Seabrook vào năm 1978, nhưng chưa học cao đẳng. Thế mà ở trong tù, anh đã tích lũy được hơn trăm giờ học để lấy tín chỉ. Anh chưa hề vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, lại còn giúp các bạn tù trẻ tránh xa băng đảng. Tôi không nghĩ Quincy gây thù oán bao giờ. Anh còn tập tạ, học karate, và biết chăm sóc giữ gìn sức khỏe. Một người khỏe mạnh bình thường là không đủ để hạ Quincy đâu, và tôi cá chắc anh cũng đã khiến kẻ kia bị thương trước khi gục ngã.

Trong lúc ngồi chờ nhích từng chút một giữa dòng xe kẹt ở Orlando, tôi gọi cho nhà tù lần thứ tư, yêu cầu gặp giám đốc. Anh ta sẽ chẳng đời nào nghe máy, nhưng tôi muốn báo là sẽ đến nơi sớm. Và tôi đã gọi cả chục

cuộc r ấ. Vicki thì đang gọi bệnh viện để biết thông tin, dù rất ít ỏi, r ấ chuyển cho tôi. Tôi gọi Frankie bảo anh đến đây sớm. Cuối cùng, tôi cũng gọi được cho Marvis, em trai của Quincy, đang làm thợ xây ở Miami và không thể đến được. Anh là người thân duy nhất quan tâm đến Quincy và thăm viếng đều đặn suốt 23 năm qua. Marvis bị sốc, và hỏi kẻ nào đã làm thế với Quincy. Tôi không có câu trả lời.

Các linh mục là khách quen của bệnh viện, nên trước khi vào tôi lấy cổ áo linh mục đeo lên. Phòng chăm sóc đặc biệt nằm ở tầng hai, tôi đi thang lên đó. Có hai người đàn ông to con, một da trắng, một da đen, đang ngồi trên ghế đầu trước căn phòng với ô kính lớn. Họ là quản giáo, mặc đồng phục màu nâu và đen mà tôi đã quen mắt ở Cơ sở Cải huấn Garvin. Trông họ có vẻ uể oải, chẳng cảnh giác hay gì cả. Tôi quyết định tử tế chào hỏi và giới thiệu mình là luật sư của Quincy.

Không ngạc nhiên khi họ chẳng biết gì cả. Họ không ở hiện trường, cũng không nhìn thấy nạn nhân cho đến khi anh được đưa lên xe cứu thương, họ chỉ được lệnh đi theo xe và canh giữ tù nhân.

Quincy Miller còn đi đâu được chứ. Anh bị cột vào một chiếc giường cao nằm chính giữa phòng, xung quanh là dây nhợ, máy móc, chai lọ. Một cái máy bên cạnh kêu phù phù mỗi khi bơm oxy qua ống nội khí quản để giữ cho anh sống. Mặt anh băng kín mít, vài ống gắn vào đường miệng và mũi.

Quản giáo da trắng bảo tôi là trong hai tiếng qua, đã hai lần điện tâm đồ của anh chuyển về không. Bác sĩ và y tá rất rối ren. Quản giáo da đen xác nhận chuyện đó, còn thêm rằng chắc chắn Quincy không qua khỏi.

Câu chuyện trao đổi sớm chuyển sang những thứ vô vị. Hai quản giáo chẳng biết sẽ phải ngủ trên sàn, tìm nhà nghỉ hay về lại nhà tù. Văn phòng nhà tù đã đóng cửa, và họ chẳng liên lạc được sếp. Tôi nhẹ nhàng bảo họ là tù nhân này làm gì đi được đâu mà lo.

R ấ một bác sĩ đi ngang qua, để ý thấy cổ áo linh mục của tôi. Chúng tôi bước ra một góc nói chuyện. Tôi cố giải thích gọn là bệnh nhân không có người nhà, và anh ấy đã ở trong tù gần 23 năm vì tội mà anh không phạm, với tư cách là luật sư của anh ấy, tôi cũng xem như là người thân nhất của anh lúc này. Bác sĩ đang vội và không muốn phải lồi thối. Ông chỉ báo là

bệnh nhân bị nhiều chấn thương, nghiêm trọng nhất là chấn thương não. Họ đã dùng pentobarbital để cho anh hôn mê chủ động nhằm giảm áp suất lên não. Nếu qua khỏi, anh cũng phải trải qua nhiều ca phẫu thuật. Cằm trên bên trái, xương đòn và vai trái phải dựng lại hết. Thậm chí cả mũi. Một nhát dao đã đâm xuyên phổi. Mắt phải cũng bị tổn hại nặng. Hiện giờ, không có cách nào xác định mức độ tổn thương não vĩnh viễn, chỉ có thể nói là *nặng* thôi.

Tôi có cảm giác rằng bác sĩ chỉ đang lướt qua các tổn thương của Quincy để thử tâm lý người nhà, kiểu như đằng nào anh ấy cũng chết thì nói hết làm gì?

Tôi hỏi Quincy có bao nhiêu cơ hội sống sót, vị bác sĩ nhún vai, “Một phần trăm,” Hết như đánh bạc ở Las Vegas.

ĐẾN LÚC TRỜI BẮT ĐẦU TỐI, hai quản giáo cạn kiệt kiên nhẫn. Họ chán cái kiểu ng ỗ không này, chán làm kẻ choán đường, chán bị các y tá cau mày nhắc nhở, chán phải canh một tù nhân chẳng thể nào bỏ trốn. Họ cũng đói nữa, và nhìn cái bụng của họ, rõ ràng bữa tối là chuyện hệ trọng nhất trong ngày. Tôi thuyết phục họ là mình dự định ngủ lại ở phòng cho thân nhân ở cuối hành lang này, và nếu Quincy có chuyện gì, tôi sẽ gọi di động cho họ ngay. Thế là sau khi hứa như đinh đóng cột rằng tù nhân của họ sẽ nằm yên ở đây suốt đêm, tôi cũng chào tạm biệt được họ.

Gần giường bệnh ở khu chăm sóc đặc biệt không có cái ghế nào, vì quy định không cho thân nhân vào. Chỉ được ghé thăm, nói đôi lời nếu người bệnh nói chuyện được, nhưng y tá thường rất căng trong chuyện phải giữ nơi này yên tĩnh và tối tăm hết sức có thể.

Tôi tìm được một góc ở phòng chờ thân nhân và cố đọc sách đôi chút. Bữa tối thì ra máy bán hàng, tất nhiên là loại cố hết sức mới nuốt nổi. Rồi tôi chợp mắt một chút, kiểm tra email, đọc sách thêm chút nữa. Đến nửa đêm, tôi rón rén qua phòng của Quincy. Điện tâm đồ của anh biểu hiện không ổn và đội ngũ y bác sĩ đang vây quanh giường.

Liệu đây có phải là hồi kết hay không? Tôi mong là không, một phần là thế. Tôi không mong Quincy chết, nhưng cũng không muốn anh phải sống

đời thực vật. Cố gạt đi những suy nghĩ đó, tôi đọc kinh cầu cho anh và các y bác sĩ. Đứng vào một góc hành lang, tôi nhìn các bác sĩ và y tá anh hùng đang làm việc điên cuồng để cứu một người mà bang Florida cố hết sức để đưa về thế giới bên kia, một người vô tội đã bị tước đoạt tự do vì hệ thống tư pháp biến chất.

Tôi đấu tranh với cảm xúc trước những câu hỏi đang dấy lên. Hội Vệ nhân chịu trách nhiệm cho chuyện này sao? Nếu chúng tôi từ chối vụ này, liệu Quincy có phải vào đây không? Không. Ước mơ tự do của anh, cũng như khao khát của chúng tôi muốn giúp anh, đã biến anh thành mục tiêu.

Tôi vùi mặt giữa hai tay mà khóc.

Phòng chờ của khu chăm sóc đặc biệt có hai ghế sofa, cả hai đều được thiết kế để cho một người lớn có thể nằm ngủ được. Ghế phía bên kia là của một bà mẹ đang trông cậu con trai tuổi thiếu niên bị thương nặng trong tai nạn mô-tô. Tôi đã cầu nguyện cùng cô ấy hai lần. Chiếc ghế còn lại cùng một cái gối cứng giúp tôi có giấc chập chờn đến tầm 3:00 sáng, lúc tôi bừng tỉnh và chợt ngộ ra một điều quá rõ ràng. Ngồi trong căn phòng tối, tôi tự nhủ: “Trời. Mình ngốc quá. Sao giờ mới nghĩ ra chứ?”

Nếu vụ phục kích Quincy là theo lệnh một kẻ nào đó ở bên ngoài, thế thì giờ anh ấy đang gặp nguy hiểm hơn cả lúc trong tù. Bất kỳ ai cũng có thể vào bệnh viện, đi thang máy lên tầng hai, nhẹ nhàng qua mặt các y tá ở bàn tiếp tân bằng một câu chuyện lọt tai, rồi vào được phòng của Quincy ngay lập tức.

Tôi trấn tĩnh lại, và thừa nhận mình đang hoang tưởng mà thôi. Làm gì có sát thủ chứ, vì *chúng* tin rằng *chúng* đã xử được Quincy rồi. Nghĩ thế là hợp lý.

Nhưng tôi không tài nào chợp mắt tiếp. Tầm 5:30, một bác sĩ và y tá bước vào, nói gì đó với bà mẹ. Con trai cô đã qua đời cách đây 20 phút. Vì là người mục vụ ở gần nhất, nên tôi phải làm việc của mình. Bác sĩ và y tá đi ra, để tôi cần tay an ủi cô và gọi điện cho người thân.

Quincy vẫn đang chống chịu. Đến sáng, tôi gặp một bác sĩ khác. Tình hình của Quincy vẫn không có gì thay đổi, hy vọng sống vẫn quá mỏng manh. Tôi giải thích với bác sĩ rằng có thể thân chủ tôi đang gặp nguy hiểm. Đây không phải một vụ đánh nhau trong tù bình thường, anh đã bị phục kích bởi những kẻ rõ ràng muốn anh phải chết, và bệnh viện cần biết chuyện đó. Tôi nhờ bác sĩ báo chuyện này cho ban đi đầu hành và những



người phụ trách an ninh. Có vẻ anh ấy hiểu tình hình, nhưng không hứa hẹn gì.

Đến 7:00, tôi gọi Susan Ashley ở Dự án Người Vô tội Trung Florida, kể cho cô về Quincy. Chúng tôi bàn bạc nửa tiếng và nhất trí rằng phải báo cho FBI, và Susan Ashley biết cần gọi cho ai. Chúng tôi cũng bàn kế sách đệ đơn thẳng lên tòa liên bang, kiện bang Florida và Sở Cải huấn của họ. Chúng tôi muốn có lệnh khẩn yêu cầu giám đốc nhà tù Garvin đi điều tra vụ tấn công. Rồi tôi gọi cho Mazy, bàn tiếp những chuyện này. Như thường lệ, cô cẩn trọng nhưng không bao giờ ngại chuyện đệ đơn lên tòa liên bang. Một tiếng sau, Mazy, Susan Ashley và tôi họp trực tuyến, rồi thống nhất cứ tạm hoãn trong vài tiếng sắp tới. Nếu Quincy không qua khỏi, mọi chiến lược đều phải thay đổi.

Tôi đang ở hành lang nghe điện thoại thì một bác sĩ thấy tôi và tiến lại. Tôi kết thúc cuộc gọi và hỏi anh ấy xem có chuyện gì.

Bác sĩ nói, giọng nghiêm trọng, “Điện não đồ cho thấy suy giảm đều trong hoạt động não. Nhịp tim của anh ấy đang giảm, còn 20 nhịp một phút. Giờ đó sắp đến rồi, và chúng tôi cần bàn chuyện này với người thân của bệnh nhân.”

—“Chuyện này\_ là chuyện rút ống thở?”

“Thuật ngữ y khoa không phải thế, nhưng đúng rồi đấy. Và anh đã nói là anh ấy không có thân nhân.”

“Anh ấy có một người em trai đang cố đến đây sớm nhất có thể. Chuyện này phải do người em quyết định. Tôi nghĩ thế.”

“Anh Miller là tù nhân của bang, phải không?”

“Anh ấy là phạm nhân ở nhà tù của bang, hơn 20 năm rồi. Làm ơn đừng bảo tôi rằng giám đốc nhà tù được quyền quyết định đấy.”

“Khi vắng mặt người thân, thì đúng là thế.”

“Chết tiệt! Nếu nhà tù được quyền rút ống thở, thì chẳng có phạm nhân nào an toàn cả. Cứ chờ em trai anh ấy đến, được không? Có lẽ đến trưa thôi.”

“Được rồi. Và anh nên thu xếp các nghi thức lâm tử là vừa.”

“Tôi Ở Giáo hội Giám chế, không phải Công giáo. Chúng tôi không làm nghi thức lâm tử.”

“Thế thì cứ làm việc gì anh cần làm trước giờ tử vong đi.”

“Cảm ơn bác sĩ.”

Khi bác sĩ đi rồi, tôi thấy hai quản giáo hôm qua bước ra khỏi thang máy và chào hỏi họ như những người bạn cũ. Họ trở lại để thêm một ngày chỉ làm mỗi một việc là ngồi không. Hôm qua tôi nghĩ họ hoàn toàn vô dụng, nhưng giờ tôi lại hết sức vui mừng khi thấy các quản giáo. Càng nhiều nhân viên bảo vệ luật pháp ở đây càng tốt.

Tôi đề nghị mua bữa sáng cho họ ở căng-tin dưới lầu, không nghĩ cái bụng bự của họ lại từ chối đồ ăn bao giờ. Có bánh waffle và xúc xích cho vào miệng, họ bắt đầu cười nói kể chuyện của mình. Đầu giờ sáng nay, giám đốc nhà tù đã gọi điện sạc họ một trận. Anh ta giận vì họ để tù nhân lại một mình khi chưa được phép. Giờ họ phải chịu thử thách 30 ngày, và dính phốt trong hồ sơ.

Họ chẳng nghe tin đồn gì về vụ tấn công này, và bao lâu còn ngồi không trong bệnh viện này, họ càng khó mà biết chuyện. Tuy nhiên, nơi Quincy bị phục kích nổi tiếng là một trong vài khu vực hiếm hoi trong nhà tù không có máy quay an ninh. Ở đó từng xảy ra vài vụ tấn công. Viên quản giáo da đen, Mosby, nói mình đã quen biết Quincy nhiều năm trước khi bị chuyển sang bộ phận khác. Còn quản giáo da trắng, Crabtree, chẳng biết Quincy là ai, nhưng ở nhà tù Garvin này dù gì cũng có đến gần 2.000 tù nhân.

Dù họ biết ít, nhưng có vẻ cũng khoái trá vì mình có liên quan gì đó đến sự kiện đáng chú ý này. Tôi tâm sự với họ rằng tôi tin vụ tấn công là do kẻ chủ mưu bên ngoài ra lệnh và giờ Quincy đang là mục tiêu dễ hạ, và phải bảo vệ cho anh ấy.

Khi chúng tôi cùng quay lại khu chăm sóc đặc biệt, đã có hai bảo vệ của bệnh viện đi lại dọc hành lang, cau mày quan sát tất cả mọi người như thể Tổng thống đang nằm trong phòng. Vậy là có bốn thanh niên có vũ trang túc trực, và dù nhìn thân hình bệ vệ của họ chắc không ai đủ tầm lực sĩ, nhưng có còn hơn không. Tôi trao đổi với một bác sĩ dăm ba câu, nghe kết

luận tình hình bệnh nhân vẫn như cũ, rồi rời bệnh viện trước khi có ai tiến lại hỏi xem có nên tắt máy thở của Quincy không.

Tìm được một nhà nghỉ rẻ tiền, tôi tắm rửa, đánh răng, thay áo quần, dù không thay được cả bộ, rồi tức tốc đi về nhà tù Garvin. Susan Ashley đã cố thuyết phục thư ký giám đốc nhưng vẫn chưa được gì. Kế hoạch của tôi là xông vào văn phòng anh ta yêu cầu giải trình, nhưng nó đã bị chặn đứng ngay phòng tiếp tân khi quản giáo cự tuyệt không cho tôi vào. Tôi đứng ở đó một tiếng, đe dọa bất kỳ ai chịu nghe, nhưng vẫn vô ích. Nhà tù được canh gác kỹ lưỡng là có lý do cả, dù vài lý do chẳng hay ho gì.

Quay lại bệnh viện, tôi chuyện trò với một cô y tá mà tôi thấy nhiều thiện cảm, và cô cho biết sinh hiệu của Quincy có cải thiện dù rất nhỏ. Người em trai Marvis không thể xin nghỉ phép ở Miami. Còn người ở nhà tù thì chẳng ai chịu nghe máy hay gọi lại gì cho tôi.

Đến bữa trưa, tôi chơi trò tung đồng xu, và cậu quản giáo Mosby là người thắng cuộc. Crabtree muốn ăn bánh mì lúa mạch kẹp thịt nguội, và chấp nhận ở lại canh gác cho Quincy. Tôi và Mosby xuống căng-tin, gom cả đồng lasagna thừa và mấy thứ rau củ quả đóng hộp. Người quá đông, chúng tôi chật vật mới len vào được bàn trống cuối cùng, và cái bụng phê của cậu ấy không ưa chỗ này lắm, vì cạnh bàn đang dựa vào nó. Mosby mới tằm 30 tuổi mà đã thừa cân nghiêm trọng, trong đầu tôi cứ chực hỏi cậu ấy muốn phì ra đến thế nào sau mười năm nữa? Hay là 20 năm? Mosby có nhận ra với tiến độ thế này thì đến năm 40 chắc chắn sẽ bị tiểu đường không nhỉ? Nhưng mấy câu hỏi đó, tôi luôn biết để dành trong bụng mà thôi.

Mosby thấy thích thú với công việc của Hội và cứ nhìn cổ áo của tôi mãi. Thế nên, tôi mới kể vài mẫu chuyện được thêm mắm dặm muối về những người chúng tôi đã cứu được khỏi nhà tù. Tôi kể về Quincy và nỗ lực chứng minh anh ấy vô tội. Mosby có vẻ tin tôi, dù sự bàng quan vẫn lộ rõ trên mặt cậu. Mosby chỉ là dân quê làm việc với mức lương 12 đô-la một giờ vì thị trường việc làm ảm đạm. Cậu ấy ghét chuyện này, ghét phải làm việc sau hàng rào thép gai, ghét những hiểm nguy từ đám tội phạm luôn ứ mưu vượt ngục, ghét bộ máy quan liêu và vô số luật lệ bất tận, ghét bạo lực, ghét cả giám đốc nhà tù, ghét áp lực và căng thẳng triền miên. Tất cả

những chuyện phải chịu đựng này chỉ để đổi lấy 12 đô-la một giờ. Vợ Mosby quét dọn văn phòng, còn mẹ thì ở nhà chăm ba đứa cháu.

Vicki vừa tìm được ba bài báo nói về nạn quản giáo tham nhũng ở Garvin. Hai năm trước, tám người đã bị sa thải vì tuồn hàng vào để bán, ma túy, vodka, phim heo và món yêu thích nhất trong tù—điện thoại. Một phạm nhân bị phát hiện đang giữ bốn điện thoại để bán. Anh ta thú nhận là anh họ mình trộm chúng ngoài kia và hối lộ quản giáo để tuồn vào. Một quản giáo bị sa thải được trích lời nói rằng, “Chúng tôi đâu thể sống bằng mức lương 12 đô-la một giờ, nên phải làm gì đó thôi.”

Trong lúc xử lý món tráng miệng, bánh chocolate cho Mosby và cà phê cho tôi, tôi dò hỏi, “Mosby này, tôi đã vào trong hàng trăm nhà tù rồi nên cũng biết được đôi đi ầu. Tôi biết là thế nào cũng có người chứng kiến Quincy bị tấn công. Phải chứ?”

Mosby gật đầu, “Khả năng cao là thế.”

“Với những thứ nghiêm trọng, như cưỡng hiếp và đâm chém, thì phải tìm đúng quản giáo có thể đút lót để làm ngơ, phải không?”

Cậu ấy mỉm cười và gật đầu. Tôi thúc tiếp luôn, “Năm ngoái, có hai vụ giết người ở Garvin. Có vụ nào trong ca trực của cậu không?”

“Không.”

“Họ có bắt được thủ phạm không?”

“Vụ đầu tiên thì có. Vụ thứ hai là bị cắt cổ khi đang ngủ. Đến giờ vẫn chưa phá được, và có lẽ là không bao giờ.”

“Mosby này, với tôi chuyện tìm ra kẻ nào phục kích Quincy rất quan trọng. Cậu và tôi đều biết thừa là thế nào cũng có quản giáo liên quan. Tôi cá chắc người đó đã làm ngơ lúc xảy ra vụ tấn công. Phải chứ?”

“Có lẽ thế.” Mosby cắn một miếng bánh, mắt nhìn mông lung. Nuốt xong, cậu mới nói, “Trong tù, mọi thứ đều để mua bán, Post là. Anh biết thế mà.”

“Tôi muốn biết tên thôi, Mosby, tên của những kẻ đã đánh Quincy. Cậu ra giá đi?”

Cậu ấy cúi người tới và cố chỉnh lại cái bụng cho khỏi cắn rìu bàn. “Tôi không biết, tôi thề. Nên tôi phải đi hỏi, và phải trả tiền cho người kia. Anh ta có lẽ sẽ phải trả tiếp cho người khác mới có được thông tin anh muốn. Ý tôi là, tôi chỉ muốn có vài đồng riêng phần tôi thôi.”

“Được, nhưng để tôi nhắc lại nhé, chúng tôi là tổ chức phi lợi nhuận, không có đủ tiền đâu.”

“Anh gom được năm ngàn đô-la không?”

Tôi cau mày như thể cậu ấy đòi cả triệu đô, nhưng năm ngàn là con số hợp lý rồi. Vài người trong đường dây thông tin là những tù nhân chỉ cần những thứ đơn giản như đồ ăn ngon một chút, ma túy, tivi mới, vài bao cao su, giấy vệ sinh mềm hơn. Vài người là quản giáo cần vài ngàn đô-la để sửa xe.

“Có lẽ được,” tôi trả lời. “Nhưng phải nhanh.”

“Mà anh định làm gì với mấy cái tên này?” Mosby vừa hỏi vừa nhét miếng bánh cuối cùng vào miệng.

“Cậu quan tâm làm gì? Có lẽ chỉ là vài tên tù chung thân bất cần đời.”

“Có lẽ thế,” cậu ta nhồm nhoàm đáp. “Vậy ta chốt chứ?”

“Cậu tìm hiểu đi, còn tôi lo tiền nong.”

“Chốt.”

“Và phải kín đáo đấy, Mosby. Tôi không muốn Crabtree nhúng mũi vào. Hơn nữa, có thể cậu ấy muốn chia chác thì sao, phải chứ?”

“Phải. Tôi không chắc có tin được cậu ta không.”

“Chắc tôi cũng thế.”

Rồi chúng tôi quay về đưa bánh cho Crabtree. Cậu này đang ngồi cùng một cảnh sát thành phố Orlando, một anh chàng mau miệng, cho chúng tôi biết là đã được lệnh túc trực ở đây trong vài ngày. Vậy là quân số đủ đông rồi, và tôi bắt đầu an lòng hơn về an nguy của Quincy.

Đã 28 tiếng sau vụ tấn công, và sau năm hay sáu lần về không, anh không nhận thức được, nhưng hoạt động não đang tăng, và tim cũng khỏe dần lên. Tuy nhiên, chuyện này vẫn không khiến các bác sĩ lạc quan hơn chút nào.

Tôi phát ốm vì bệnh viện và muốn thoát đi cho rồi, nhưng làm sao ở xa thân chủ này được. Thế là tôi nằm chờ trên sofa, lướt điện thoại, bất kỳ thứ gì để giết thời gian. Mazy và tôi đã quyết định chờ thêm một ngày nữa rồi mới liên lạc FBI. Chuyện kháng cáo lên liên bang cũng tạm hoãn, dù chúng tôi đang tính lại vụ đó. Giám đốc lẫn nhân viên nhà tù vẫn chưa liên lạc gì với chúng tôi.

Đến 5:00 chiều, Mosby và Crabtree được lệnh ra về, và thế chỗ cho họ là một nhân viên tóc muối tiêu tên Holloway có vẻ không thân thiện gì lắm. Anh ta có vẻ đang cáu vì bị phân công gác hành lang và không thèm nói gì nhiều. Sao cũng được, ít ra cũng có thêm một người canh gác. Và tôi cũng chán nói chuyện với người lạ lắm rồi.

Đầu giờ tối, Marvis Miller cũng vừa đến nơi, tôi dẫn anh đi thăm anh trai mình. Thấy Marvis xúc động quá, tôi cũng lùi lại để anh được yên tĩnh. Marvis đứng ở cuối giường, chẳng dám chạm vào thứ gì, mắt chăm chăm nhìn vào khuôn mặt lọt thỏm sau mớ băng gạc của Quincy. Một y tá đến hỏi chuyện Marvis, còn tôi thì rút lui vào phòng chờ tiếp tục giết thời gian.

Lát sau, tôi đi ăn tối cùng Marvis, bữa thứ ba trong ngày tại căng-tin này. Marvis thua Quincy sáu tuổi và luôn thần tượng anh trai. Họ còn hai người chị em, nhưng chẳng nói chuyện với nhau lâu rồi. Gia đình họ chia rẽ từ sau khi Quincy bị kết tội, hai người chị em cho rằng Quincy có tội, vì bố thẩm đoàn đã phán quyết như thế, nên họ đoạn tuyệt với anh. Chuyện

này làm Marvis buồn lắm, anh luôn tin rằng anh mình bị gài tội và lúc này gia đình phải ủng hộ Quincy hơn bao giờ hết.

Sau khi cố nhét chỗ đồ ăn vào bụng, chúng tôi tìm chỗ ngồi uống cà phê thay vì chui lại vào không gian ảm đạm của phòng chờ thân nhân. Tôi giải thích với Marvis về những lo ngại cho an nguy của Quincy. Tôi cũng nói ra giả thuyết của mình là vụ tấn công này do những kẻ có liên quan đến vụ án của anh chỉ đạo vì e ngại cuộc đi điều tra của chúng tôi. Tôi chân thành xin lỗi vì chuyện thành ra như thế, nhưng Marvis khẳng định đó đâu phải lỗi của tôi. Anh vô cùng biết ơn nỗ lực của chúng tôi, đến nỗi lặp đi lặp lại câu này mấy lần. Anh luôn mơ đến một ngày người anh trai vô tội mình sẽ được hiên ngang bước ra khỏi nhà tù. Marvis giống Quincy vô cùng, dễ tính, đáng mến, đáng tin, một người tử tế cố sống giữa cảnh đời khắc nghiệt. Anh có chút cay đắng với hệ thống đã đẩy anh trai mình vào khổn khổ, nhưng cũng hy vọng đến một ngày nào đó chuyện sai trái sẽ được khắc phục.

Nói chuyện một hồi, chúng tôi lên lại khu chăm sóc đặc biệt. Nhưng hết chịu nổi cái sofa, tôi ra ngoài tìm nhà nghỉ, tắm táp rồi ngủ.

MOSBY GẶP FRANKIE TATUM ở một quán rượu rẻ tiền vùng ngoại ô Deltona, cách xa khu vực quen của Mosby. Cậu ấy bảo hồi trước hay lui tới chỗ này nhưng giờ chắc chẳng ai nhận ra nữa đâu. Như thường lệ, Frankie vào quán trước giờ hẹn. Đã gần nửa đêm, lại là thứ Năm, nên nơi này khá vắng vẻ êm đềm. Sau vài ly bia, bầu không khí bắt đầu thoải mái.

Cái tài của Frankie là thế, chỉ cần vài ly và bầu khí thân thiện một chút là anh lấy được lòng tin ngay.

“Tôi cần sáu ngàn, tiền mặt,” Mosby ra điều kiện. Họ ngồi ở bàn góc quán, gần một bàn bi-a. Hai người đang ngồi ở quầy bar không thể nào nghe được họ nói gì.

“Được,” Frankie trả lời ngắn gọn. “Đổi lại, chúng tôi được gì?”

“Tôi có ba cái tên. Hai người đầu là tù nhân, chịu án lâu năm vì tội giết người, khó lòng được giảm án. Họ đã tấn công Quincy. Người thứ ba là một quản giáo đứng gần đó nhưng lại nói chẳng thấy gì. Có vẻ anh ta canh

chừng cho họ. Không có video an ninh gì cả. Họ đã chọn vị trí không bị ghi hình. Tôi chẳng hiểu sao Quincy lại đến chỗ đó làm gì, vì hầu như phạm nhân nào cũng biết mà. Hai tháng trước, một gã cũng bị hiếp ở đó. Có lẽ Quincy cho là mình cứng quá chẳng ai dám nhờn nên khinh suất. Muốn biết câu trả lời thì anh phải hỏi anh ấy, nếu còn cơ hội.”

“Cậu biết gì thêm về hai tên kia không?”

“Cả hai đều da trắng, khá có tiếng, lại ở trong băng hồ báo tên là Phó tế Aryan. Gã đầu tiên ngày nào tôi cũng gặp, vì tôi gác ở khu gã ở. Gã là dân Hạt Dade, chuyên gây rối. Gã thứ hai thì tôi không quen. Ở Garvin có đến 2.000 tù nhân đấy, ờn trời là tôi không quen hết cả đám bọn họ.”

“Đây có thể là chuyện đấu đá băng đảng không?”

“Chắc là không. Các băng luôn đấu đá nhau, nhưng theo tôi biết, Quincy luôn tránh xa chuyện này.”

Frankie uống thêm ngụm bia rồi lấy trong túi ra một bì thư trắng. Anh để nó lên bàn, “Đây là 5.000.”

“Tôi nói là sáu mà,” Mosby nói, không đưa tay lấy tiền.

Frankie lại đưa tay vào một túi khác, lấy ra một cuộn tiền, nhưng cẩn thận để tay dưới bàn. Anh đếm và lấy ra mười tờ 100 đô-la. “Thêm đây là sáu.”

Mosby một tay đưa cho Frankie mảnh giấy, tay kia lấy tiền và bì thư. Frankie mở giấy ra, xem ba cái tên trong đó.

Mosby nói thêm, “Còn một chuyện nữa. Quincy không bị hạ chóng vánh. Anh ấy đã trả đòn dữ dội. Gã đầu tiên bị dập mũi. Chiều nay, gã đã đến bệnh xá, khai là do đánh nhau. Chuyện đó quá bình thường, nên chẳng ai hỏi gì. Cái mặt nát đó là xác minh cho lời tôi rồi.”

“Cảm ơn cậu. Còn gì nữa không?”

“À, tôi không quay lại gác ở bệnh viện nữa. Họ luân phiên đổi quản giáo, chúng tôi luôn thiếu người mà. Bảo anh Post là tôi cảm ơn về vụ này nhé.”

“Tôi sẽ chuyển lời. Và chúng tôi cũng cảm ơn cậu.”



MAZY TÌM HIỂU về gã đầu tiên, Vicki lo gã thứ hai, còn tôi được giao gã quản giáo. Mười lăm phút sau khi Frankie tạm biệt Mosby, cả ba chúng tôi đều cảm thấy lòng sục trên mạng.

Robert Earl Lane bị kết tội giết người cấp độ một vì sát hại bạn gái ở Hạt Dade cách đây 17 năm. Trước đó, gã đã ngồi tù ba năm vì tội hành hung cảnh sát. Jon Drummik thì can tội giết bà mình để lấy 60 đô-la đi mua ma túy. Gã đã nhận tội ở Sarasota vào năm 1998, nên không cần ra tòa. Cả hai đều ở Cơ sở Cải huấn Garvin gần mười năm rồi, và vì hồ sơ tù nhân là thứ bảo mật nên chúng tôi không nắm được gì nhiều sau đó. Mazy có thể hack gần như bất kỳ thứ gì, nhưng chúng tôi vẫn cố tránh phạm luật. Các băng đảng trong tù như Phó tế Aryan hiếm khi được báo cáo cụ thể, nên chẳng cách nào xác minh thành viên của chúng.

Quản giáo Adam Stone, da trắng, 34 tuổi, trú tại một thị trấn nhỏ cách nhà tù nửa tiếng đi xe. 2:15 sáng, Frankie đã tìm được nhà của Stone, ghi lại biển số hai chiếc xe của gã, một chiếc bốn chỗ và một chiếc bán tải. Đến 3:00, toàn Hội Vệ nhân họp trực tuyến, trao đổi mọi thông tin tìm được. Chúng tôi lên kế hoạch đi đầu tra thêm về thân thế của Lane và Drummik, cũng như về hoạt động của băng Phó tế Aryan ở Florida.

Giả thuyết của chúng tôi là vụ phục kích này do kẻ khác thuê chúng thực hiện. Lane và Drummik chẳng liên quan gì đến vụ của Russo cả. Chúng chỉ là hai kẻ rục tù muốn kiếm ít bạc lẻ, dù cho việc tấn công một người da đen có thể cũng đem lại cho chúng chút hứng thú.

Lúc 5:00 sáng tôi quay lại bệnh viện, phòng chờ thân nhân vắng hoe. Tôi ghé qua bàn tiếp tân thấy có một y tá, vậy là ít ra còn có người thức. Tôi hỏi thăm Marvis Miller, cô y tá chỉ về phía phòng Quincy. Marvis đang ngủ trên giường xếp, bảo vệ anh mình. Chẳng thấy bóng dáng quản giáo hay bảo vệ nào cả. Y tá giải thích rằng vào tầm nửa đêm, Marvis bức mình vì không có ai canh gác nên yêu cầu cho anh cái giường xếp để nằm cạnh anh mình. Quản lý ca đêm đồng ý, thế là họ đưa giường xếp vào phòng bệnh của Quincy. Tôi cảm ơn cô y tá rồi hỏi, “Tình hình bệnh nhân thế nào rồi?”

Cô nhún vai, “Còn cần cạy được.”

Một tiếng sau, Marvis bật dậy, dụi mắt và mừng rỡ khi thấy tôi. Chúng tôi kiểm tra hai cốc cà phê rồi ngồi trên ghế xếp ngay hành lang, xem các y tá và bác sĩ bắt đầu vào ca sáng. Một nhóm y tá bác sĩ gọi chúng tôi vào phòng Quincy, báo rằng sinh hiệu của anh ấy tiếp tục cải thiện, dù rất nhỏ. Họ dự định duy trì hôn mê chủ động thêm vài ngày nữa.

Marvis sợ đi lâu quá thì sẽ bị đuổi việc nên phải quay về. Chúng tôi ôm tạm biệt ở thang máy, và tôi hứa sẽ báo ngay cho anh nếu có thay đổi gì. Anh hứa sẽ quay lại sớm nhất thế, nhưng quãng đường năm tiếng đi xe cũng không dễ dàng gì.

Lát sau, hai cảnh sát vũ trang của Orlando đến và tôi trao đổi đôi chút với họ. Họ định ở lại đây thêm một tiếng thôi, chỉ đến khi các quản giáo vào tiếp quản.

Lúc 7:30, tôi nhận được email của nhà tù. Giám đốc đã chịu bỏ ra vài phút tiếp tôi.

TÔI ĐẾN GARVIN sớm 45 phút so với giờ hẹn là 10:00. Tôi cố giải thích với nhân viên tiếp tân là đã có hẹn với giám đốc, nhưng vẫn cứ phải qua đủ quy trình như mọi luật sư đến gặp thân chủ. Đặt chân vào nhà tù rồi thì cái gì cũng phiền. Có cả đồng quy định, thậm chí họ còn bịa thêm ra cho người ta phải phí thời gian. Xong xuôi, một quản giáo chở tôi bằng golf cart đến tòa nhà đi đầu hành.

Giám đốc nhà tù là một người da đen, to con và rất bảnh. Hai mươi năm trước, anh là cầu thủ bóng bầu dục ở Florida State, đã vào NFL, nhưng chỉ chơi được mười trận thì phải giải nghệ vì vỡ xương bánh chè. Văn phòng của anh treo đầy ảnh anh mặc đồng phục chơi bóng, những quả bóng bầu dục có chữ ký, thậm chí đèn bàn cũng có hình mũ bảo hộ. Có vẻ anh từng chơi cho Green Bay Packers. Anh ngồi sau cái bàn lớn chất đầy hồ sơ giấy tờ, đúng kiểu người quan trọng. Bên trái anh là luật sư của nhà tù, một tay ra vẻ quan liêu da trắng đang cầm tập giấy và nhìn tôi chằm chằm như thể sắp lôi tôi ra tòa vì lý do gì đó hoặc cũng chẳng cần lý do.

“Tôi có 15 phút thôi,” giám đốc mở lời. Tên anh là Odell Herman. Trên tường treo ít nhất là ba áo đấu đóng khung khác nhau nhưng đều in tên

HERMAN, tạo cảm giác như thể anh ta đã ghi tên lên Bức tường Danh vọng NFL rồi.

“Cảm ơn anh vì đã dành thời gian. Tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra với thân chủ của tôi, Quincy Miller.”

“Chúng tôi đang đi điều tra và chưa thể nói được gì. Phải chứ, anh Burch?”

Anh chàng Burch gật đầu xác nhận, đúng kiểu luật sư.

“Anh biết ai tấn công anh ấy không?” tôi hỏi.

“Chúng tôi có tình nghi, nhưng như tôi đã nói, hiện giờ chưa thể nói gì được.”

“Được, thì cứ vậy. Không cần nói rõ tên tuổi, nhưng anh biết thủ phạm chưa?”

Herman nhìn qua Burch, và tay luật sư lắc đầu.

“Chưa, chuyện đó chúng tôi chưa nắm được.”

Thế thì cuộc gặp này còn giá trị gì nữa đâu. Họ đang che đậy thông tin và sẽ không cho tôi biết gì cả.

“Được rồi. Anh có biết có quan giáo nào liên quan đến vụ tấn công, theo cách này hay cách khác không?”

“Dĩ nhiên là không,” Herman gắt giọng, như kiểu sao tôi dám hỏi một câu trắng trợn như thế chứ.

“Vậy là hôm nay, ba ngày sau vụ tấn công đó, anh vẫn không biết ai là thủ phạm và anh khẳng định là không nhân viên nào của nhà tù có liên quan. Phải thế không?”

“Đúng.”

Tôi đứng phắt dậy, quay người ra phía cửa. “Có hai phạm nhân đã tấn công thân chủ tôi. Người thứ nhất là Robert Earl Lane. Kiểm tra anh ta đi. Hiện giờ mắt anh ta đang sưng phù, mặt mày cũng bầm dập vì đã bị Quincy đập gãy mũi. Lane đã được điều trị tại bệnh xá của anh, chỉ vài tiếng sau vụ tấn công. Chúng tôi sẽ xin trát tòa để lấy bệnh án, nên đừng để chúng thất lạc nhé.”

Herman há hốc miệng, nhưng không nói lời nào. Luật sư Burch thì nhăn mặt, hoang mang cực độ.

Tôi mở cửa, dừng lại, và b ắ câu chốt, “Còn nữa đây. Tôi sẽ nói hết khi lời các anh ra tòa liên bang.”

R ồi đóng s ầm cửa.

Văn phòng FBI tại Orlando nằm ở tầng bốn một tòa nhà hiện đại trong khu ngoại ô Maitland. Tôi và Susan Ashley có cuộc hẹn lúc 3:00 ở đó. Hai ngày qua, cô ấy đã xoay xở nhờ cậy các mối quan hệ và thu xếp được buổi này. Cô còn gửi bản tóm tắt hồ sơ của chúng tôi về Quincy Miller. Chúng tôi chưa biết sẽ gặp đặc vụ nào, nhưng đang thấy lạc quan về khả năng có được một người chịu lắng nghe.

Tiếp chúng tôi là đặc vụ Agnes Nolton, ngoài bốn mươi và đủ uy quyền để có một văn phòng góc tuyệt đẹp. Trên đường đến chỗ cô, chúng tôi đi qua vài chục đặc vụ chen chúc bên dãy bàn làm việc trong phòng lớn, nên rõ ràng là đặc vụ Nolton giữ chức vụ cao hơn nhiều. Chờ sẵn trong văn phòng cô là đặc vụ Lujewski, một cậu trông trẻ mẫn như sinh viên. Sau khi đã uống chút cà phê, nói vài câu vui vẻ, Nolton mời tôi nói sơ qua vấn đề.

Tôi nhanh chóng tóm tắt công việc của Hội Vệ nhân làm cho Quincy Miller, và cũng nêu rõ ý kiến rằng anh ấy đã bị một băng ma túy gài tội nhờ sự đồng lõa của cựu cảnh sát trưởng Hạng Ruiz. Giờ chúng tôi đang xúc tiến yêu cầu xét xử hậu tuyên án, nên những kẻ chịu trách nhiệm về cái chết của Keith Russo cảm thấy rắc rối đang cận kề. Tôi nói luôn tên tuổi của Nash Cooley, tay luật sư chuyên làm cho băng ma túy ở Miami, và Mickey Mercado, trợ thủ của gã. Tôi cho là hai người này cùng với nhiều kẻ khác vẫn chưa lộ diện, chính là chủ mưu vụ trừ khử thân chủ của chúng tôi hòng chấm dứt cuộc điều tra này.

“Làm thế được gì không?” Nolton hỏi. “Nếu thân chủ của các anh chết, thì vụ án sẽ thế nào?”

“Phải, làm thế có lẽ chúng sẽ đạt được mục đích. Nhiệm vụ của chúng tôi là giải thoát người vô tội khỏi cảnh ngục tù. Chúng tôi chẳng có đủ thời gian hay nguồn lực để đi kiện cho người đã khuất.”

Cô gật đầu đồng ý, và tôi tiếp tục nói về Quincy, nêu rõ anh ấy không dính dáng đến mấy băng đảng trong tù, do đó không có lý do gì băng Aryan lại tấn công anh ấy.

“Vậy đây là vụ giết mướn?”

“Phải, giết mướn, trọng tội liên bang đấy.”

Tôi thấy rõ là Nolton thấy hứng thú với vụ này. Lujewski giữ mặt tỉnh, nhưng không bỏ sót chi tiết nào. Cậu ấy mở laptop lên bắt đầu gõ gõ.

Tôi nói tiếp, “Và chúng tôi đã có tên của hai kẻ tấn công, cả hai đều là tội phạm giết người. Các cô biết băng Phó tế Aryan nhỉ?”

Nolton mỉm cười, sự hứng thú lại càng tăng thêm rồi đây. Một băng ma túy Mexico, một cảnh sát trưởng biến chất, vụ sát hại luật sư ngay bàn làm việc, án oan sai, và giờ là vụ giết mướn nhằm ngăn chặn nỗ lực giải oan. Đâu phải ngày nào cũng có chuyện ly kỳ thế này.

“Biết chứ,” cô trả lời. “Nhưng chúng tôi quá bận cho người ta vào tù nên chẳng còn mấy thời gian để lo xem sau đó có chuyện gì. Anh có định cho tôi biết tên những kẻ đó không?”

“Cô sẽ làm gì với chúng?”

Cô nhấp chút cà phê, trầm ngâm, và nhìn qua Lujewski. Cậu ấy dừng gõ bàn phím, ngược lên, “Băng Phó tế Aryan tách ra từ băng Huỳnh đệ Aryan, băng đảng da trắng trong tù lớn nhất nước Mỹ. Phí kết nạp năm 10.000 đô, dù thông tin này không đồng nhất cho lắm. Hoạt động của chúng là tuồn lậu ma túy, đồ ăn, tình dục và điện thoại. Cựu thành viên của chúng khi mãn hạn tù vẫn tiếp tục nằm trong băng và tham gia hoạt động tội phạm. Những chàng trai hư hỏng ấy.”

Nolton quay sang tôi, “Tôi phải nói lại, chuyện ngoài nhà tù đủ khiến chúng tôi bận tối mắt rồi.”

Tôi nói, “Còn có một quản giáo có thể có liên quan. Một anh chàng da trắng đã nhắm mắt làm ngơ. Có lẽ dễ nắm thóp anh ta, vì anh ta có nhiều

thứ để mất hơn.”

Nolton cười khẽ, “Tôi thích cách nghĩ của anh đấy, Post.”

“Đại loại thì có thể coi ta cùng ngành. Cô phá án để tống người ta vào tù. Còn tôi phá án để đưa người ta ra.”

Hôm ấy là một ngày làm việc bình thường của Adam Stone. Anh ta vào ca đúng 7:59 sáng, thông thả 15 phút trong phòng thay đồ để uống cà phê và ăn donut với mấy quản giáo khác. Anh ta chẳng vội đến Khu E làm gì, khi ở đó chỉ có một ngày căng thẳng phải giám sát các tù nhân sẵn sàng giết mình mỗi khi có phen nửa cơ hội. Trong số họ, có vài người anh ta thấy vừa lòng, vui vẻ nói đùa với họ đôi câu. Số còn lại, anh ta chỉ khinh bỉ, thậm chí là ghét bỏ. Nhất là đám da đen. Stone lớn lên ở một vùng nông thôn hiếm có người da đen sinh sống và cũng không được hoan nghênh cho lắm. Cha Stone là một kẻ kỳ thị chủng tộc cay nghiệt, khinh bỉ mọi nhóm thiểu số và đổ tội cho họ về cuộc đời kém cỏi của mình. Mẹ của Stone khẳng định mình đã bị một vận động viên da đen tấn công tình dục ở trường trung học, dù cho không thấy có kiện cáo gì. Hồi nhỏ, Adam đã được dạy phải tránh xa dân da đen hết sức có thể, và chỉ khi nào hết cách mới nói chuyện với họ.

Là quản giáo, anh ta đâu có quyền lựa chọn như thế. Đến 70% tù nhân ở Garvin là người da đen hoặc da nâu, hầu hết quản giáo cũng vậy. Suốt bảy năm làm việc ở đây, tâm thức kỳ thị của Adam không giảm đi mà chỉ tăng thêm. Anh ta đã thấy những gì xấu xa nhất của dân da đen, những người lâu nay luôn bị kỳ thị và ngược đãi giờ lại nắm quyền ở nơi mà họ là nhóm đa số. Những màn báo oán của họ thường kinh khủng đến tởm lợm. Để tự vệ, dân da trắng cần có băng của mình. Anh ta thậm chí ngưỡng mộ băng Aryan. Dù bị lép vế về quân số và liên tục bị đe dọa, nhưng họ vẫn sống sót nhờ lời huyết thệ với nhau. Phong cách bạo lực đặc thù của họ đủ khiến người ta khiếp đảm. Ba năm trước, họ đã tấn công hai quản giáo da đen bằng dao tự chế cực sắc, rồi lôi đi giấu cho cả hai chết vì mất máu.

Những việc lệ thường của Adam là đi tuần, áp giải tù nhân đến bệnh xá và quay về một tiếng phụ trách máy quay an ninh, câu kéo giờ ăn nửa

tiếng thành một tiếng, và đúng 4:30 là thoát về nhà. Tám tiếng làm việc không đủ mồi hôi, nhưng chỉ được 12 đô-la một giờ.

Anh ta chẳng thể nào lường được các đặc vụ liên bang đang dành cả ngày để đào xới cuộc sống của anh.

Hai đặc vụ bám đuôi khi anh ta rời khỏi nhà tù, phấn khởi lái chiếc bán tải quái thú Ram đời mới nhất, bánh xe cực đại, vành xe đen tuyền không một vết bùn đất. Chiếc này, anh ta phải trả góp 650 đô-la một tháng, và còn nhiều năm nữa mới trả hết. Vợ anh ta thì đi chiếc sedan Toyota đời mới nhất, phí trả góp là 300 đô-la mỗi tháng. Nhà của họ cũng trả góp, với khoản vay 135.000 đô-la. Nhờ lệnh của tòa, chúng tôi được biết tài khoản ngân hàng của họ, cả thanh toán và tiết kiệm, có 9.000 đô. Tổng cộng, Adam và cô vợ làm thư ký bán thời gian ở một văn phòng bảo hiểm, đang sống sung túc hơn mức lương bèo bọt của mình nhiều.

Adam dừng lại một cửa hàng để đổ xăng, vào quầy tính tiền. Khi anh ta quay ra, hai người đàn ông mặc quần jeans và giày thể thao đã chờ sẵn. Họ nhanh chóng báo tên tuổi, đưa phù hiệu FBI, và bảo muốn nói chuyện. Với một tay được coi là cứng cựa, thậm chí còn cứng hơn mỗi khi khoác lên bộ đồng phục quần giáo, vậy mà Adam lấy bầy cả chân, mồ hôi trán rịn ra.

Anh ta theo họ đi thêm một dặm, đến một ngôi trường bỏ hoang. Dưới tán cây sồi già cạnh chỗ từng là sân chơi, Adam dựa vào cạnh một chiếc bàn ngoài trời, cố ra vẻ thoải mái, “Tôi giúp được gì đây?”

Đặc vụ Frost trả lời gọn lỏn, “Hỏi vài câu thôi.”

“Nói đi,” Adam trả lời bằng nụ cười gượng gạo, lấy tay áo chùi mồ hôi rịn ra trên trán.

Đặc vụ Thagard tiếp lời, “Chúng tôi biết anh là quần giáo ở Garvin được bảy năm rồi, phải không?”

“Phải. Chừng đó.”

“Anh biết một phạm nhân tên Quincy Miller chứ?”

Adam cau mày nhìn lên tán cây như đang tìm gì đó, rồi lắc đầu và phủ nhận không mấy thuyết phục. “Có lẽ là không. Ở Garvin nhiều phạm nhân quá mà.”



Frost hỏi, “Thế còn Robert Earl Lane và Jon Drummik? Anh gặp hai người này chưa?”

Adam liếc nhìn nụ cười có vẻ sẵn sàng hợp tác, “Hẳn rồi, cả hai đều ở Khu E. Tôi đang được phân công gác ở đó mà.”

Giờ lại đến phiên Thagard truy vấn, “Quincy Miller, một người da đen, đã bị đánh đến hôn mê cách đây ba ngày ở hành lang giữa phòng thể dục và cửa hàng, ngay cạnh Khu E. Anh ấy bị đâm ít nhất ba nhát, và bị bỏ mặc ở đó. Lúc vụ tấn công xảy ra, anh đang trong giờ làm việc. Anh có biết gì không?”

“Có lẽ tôi có nghe được gì đó.”

“Sao mà không nghe gì được chứ?” Frost bẻ lại ngay, và dẫn tới một bước.

“Ở Garvin hay có đánh nhau lắm,” Adam nói để biện hộ.

Thagard hỏi luôn, “Anh không thấy Lane và Drummik tấn công Quincy Miller sao?”

“Không.”

“Chúng tôi được báo tin rằng anh có thấy vụ đó. Họ nói là anh đã ở ngay đó, nhưng anh không thấy gì vì không muốn thấy. Còn nói anh là người canh chừng cho chúng và nhiều người biết thừa bằng Phó tế hay nhờ vả anh lắm.”

Adam thở dốc ra như thể vừa lãnh một đòn vào bụng. Anh ta lại cúi mặt cúi trán và cố nặn một nụ cười nửa vờ. “Không đâu, không đời nào lại thế.”

Thagard không buông tha, “Đừng nói nhảm nữa, Adam. Chúng tôi đã có lệnh khám xét và đã thu thập thông tin tài chính của anh rồi. Chúng tôi biết anh có 9.000 đô-la trong ngân hàng, với một người kiếm 12 đô-la một giờ, còn vợ thì chỉ được 10 đô-la một giờ cho công việc bán thời gian, lại có hai con và chẳng được thừa kế gì, thì khá là ấn tượng khi mà hàng tháng anh chỉ ít nhất 2.000 đô-la cho xe xịn và nhà đẹp, chưa nói đến tiền thực phẩm và điện thoại. Anh đang sống sung túc hơn thu nhập rất nhiều, và chúng tôi

biết anh kiếm thêm nhờ tuồn ma túy cho băng Phó tế. Chúng tôi sẽ dễ dàng chứng minh được chuyện này trước tòa án, ngay ngày mai.”

Họ nói xạo thôi, nhưng chắc hẳn Adam đâu xác định được mấy chuyện này.

Frost nhẹ nhàng ra đòn chốt hạ, “Anh sẽ bị truy tố ra tòa án liên bang. Chương lý Orlando đang xúc tiến vụ này, ngay ngày mai sẽ mở phiên đi đầu trần có đại bồi thẩm đoàn. Nhưng mục đích của chúng tôi không phải là xử lý các quản giáo. Hầu hết quản giáo đều tuồn hàng ra vào nhà tù để kiếm thêm chút đỉnh. Các giám đốc thường chẳng quan tâm lắm vì chỉ muốn các phạm nhân phê pha cho dễ quản lý. Anh biết kiểu đó mà, Adam. Chúng tôi chẳng quan tâm đến chuyện tuồn hàng lậu. Chúng tôi đang đi đầu tra một chuyện quan trọng hơn nhiều. Vụ tấn công Quincy Miller là một vụ giết mướn, do kẻ nào đó ngoài nhà tù ra lệnh. Như thế, vụ này liên quan đến một âm mưu, và do đó là vấn đề liên bang.”

Adam rơm rớm nước mắt vì sợ hãi, và lấy tay chùi đi. “Tôi không làm gì cả. Không truy tố tôi được đâu.”

Frost vẫn không buông tha, “Trời, làm như chúng tôi chưa nghe ai nói thế ấy.”

Thagard bồi thêm, “Chương lý sẽ nhốt anh ra bã, Adam à. Anh không cách nào thoát tội nổi đâu. Anh ấy sẽ bảo đảm nhà tù sa thải anh ngay lập tức. Thế là đi tong tiền lương và cả tiền ăn bữa của anh. Rồi anh sẽ mất con bán tải quái thú hằm hồ này, mất cả nhà, Adam à, sẽ kinh khủng lắm đấy.”

“Mấy anh toàn nói nhảm,” Adam cố ra vẻ cứng bằng cái giọng run run đến nỗi hai đặc vụ cũng thấy tội cho anh ta. “Mấy anh không làm được gì đâu.”

Frost nói, “Ồ, chúng tôi làm được suốt mà, Adam. Nếu anh bị truy tố, thì phải mất hai năm mới được ra tòa, nếu Chương lý thích thì có khi còn dài hơn. Chương lý đâu quan tâm anh có tội hay không, anh ấy chỉ muốn cho anh hết đường sống nếu không chịu hợp tác.”

Cái đầu cúi gằm của Adam bỗng bật lên, hai mắt mở to. “Hợp tác?”

Frost và Thagard nhìn nhau như kiểu có c ần làm chuyện này không vậy. Thagard cúi người tới, “Adam, anh chỉ là cá bé thôi. Lâu nay là thế, sau này cũng vẫn thế thôi. Chưởng lý đâu màng gì đến anh và mấy tội ăn mảnh vật vãnh đó. Anh ấy muốn xử bằng Phó tể, và muốn biết kẻ nào trả tì ền cho vụ tấn công Quincy Miller. Anh rắn mặt với chúng tôi, thì chúng tôi sẽ rắn mặt với anh.”

“Các anh muốn tôi chỉ điểm sao?”

“Không. Chúng tôi muốn anh cấp tin. Khác nhau mà. Cứ thu thập thông tin từ những kẻ anh quen r ồi chuyển cho chúng tôi. Anh tìm được kẻ nào ra lệnh vụ tấn công thì chúng tôi sẽ cho qua vụ truy tố.”

“Chúng sẽ giết tôi mất,” Adam nói, nước mắt bây giờ không tìm được nữa. Anh ta khóc nức nở, hai tay ôm mặt, còn Frost và Thagard thì cẩn trọng nhìn quanh. Trên đường vẫn có xe cộ chạy ngang, nhưng chẳng ai bu ần nhìn.

Sau vài phút, Adam trấn tĩnh lại. Thagard mới xoa dịu, “Chúng không giết anh đâu, Adam, vì chúng đâu biết anh làm gì. Chúng tôi xử lý chuyện cấp tin suốt, quá rành mấy vụ này r ồi.”

Frost cũng tiếp lời, “Nếu tình hình nguy hiểm quá, chúng tôi sẽ đưa anh đi và cho anh một công việc của liên bang. Lương gấp đôi, phúc lợi gấp đôi.”

Adam nhìn họ với đôi mắt đỏ au, “Ta có thể giữ kín không? Ý tôi là, không được để ai biết, kể cả vợ tôi.”

Khi đã nói *ta* là chốt chuyện hợp tác r ồi. Frost nói, “Được, Adam. Chẳng lẽ anh tưởng chúng tôi lại đi luyên thuyên v ề người cấp tin của mình à? Thôi nào. Chúng tôi biết cách đối xử với người cấp tin mà.”

R ồi cả hai bên yên lặng h ồi lâu, Adam cầm mặt xuống mặt đường sỏi, thỉnh thoảng lấy tay chùi nước mắt. Nhìn cảnh này, hai đặc vụ cũng phải thấy tội cho anh ta. R ồi Adam ngước lên, “Cho tôi suy nghĩ được không? Cho tôi chút thời gian.”

“Không,” Frost nói. “Chúng tôi không có thời gian. Mọi chuyện đang diễn biến nhanh lắm, Adam. Quincy mà chết thì anh sẽ phải ra tòa vì tội giết người, tòa liên bang đấy.”

“Thế giờ tội danh là gì?”

“Muru sát. Âm mưu. Tối đa là 30 năm, và Chương lý sẽ đẩy mức án lên tối đa.”

Adam lắc đầu, có vẻ chuẩn bị khóc tiếp. Giọng anh ta lạc cả đi, “Nếu tôi đồng ý, thì thế nào?”

“Miễn truy tố. Anh thoát hết tội, Adam. Đừng ngốc thế chứ.”

Frost chốt hạ luôn, “Đây là ngã rẽ cuộc đời đấy, Adam. Anh phải ra quyết định cho đúng thì anh mới còn cuộc đời để sống. Quyết định sai, anh sẽ bị giam cùng đám man rợ anh đang canh gác.”

Adam gập cả người, nôn thốc. “Xin lỗi,” anh ta vừa nói vừa bước ra rìa sân chơi mà nôn. Frost và Thagard quay người nhìn ra đường. Adam quỳ bên một bụi cây và nôn thốc nôn tháo. Nôn xong, anh ta quay lại ngẩng xuống bàn dã ngoại. Áo đầm mồ hôi, còn cái cà vạt màu nâu rẻ tiền thì dính đầy mấy thứ anh ta đã ăn trưa.

“Được.” Adam nói bằng giọng khàn khàn. “Việc đầu tiên là gì?”

Frost không bỏ lỡ giây nào. “Lane và Drummik có điện thoại không?”

“Tôi biết là Drummik có. Chính tôi đã giao cho anh ta.”

“Anh kiếm đâu ra?”

Adam ngáp ngừng. Khi nói ra chuyện này rồi, anh ta không còn đường lùi nữa. “Có một người họ Mayhall, tôi không biết tên là gì, thậm chí chưa chắc Mayhall là họ thật hay giả, tôi cũng không biết anh ta sống ở đâu hay từ đâu đến. Tôi gặp anh ta một hoặc hai lần một tháng. Anh ta đem hàng cho bạn bè trong Garvin. Điện thoại, ma túy, thường là thuốc lắc và ma túy đá, mấy thứ rẻ tiền ấy. Tôi tuồn đồ và giao cho người cần nhận. Anh ta trả tôi mỗi tháng một ngàn, bằng tiền mặt, cộng thêm chút ma túy để tôi tự bán. Đâu phải chỉ mình tôi làm mấy chuyện này. Với mức lương 12 đô-la một giờ thì khó sống lắm.”

Thagard nói, “Chúng tôi hiểu. Băng Phó tể Aryan ở Garvin có bao nhiêu người?”

“Từ 25 hay 30 gì đấy. Băng Huỳnh đệ thì đông hơn.”

“Bao nhiêu quần áo bắt tay với băng Phó tề?”

“Cái này tôi không rõ. Mỗi quần áo lo mỗi nhóm khác nhau. Nhưng tôi không nghĩ Mayhall lôi kéo thêm ai nữa đâu. Mình tôi là lo đủ rồi.”

“Anh ta từng ng ẫ tù chưa?”

“Tôi chắc là có. Đâu thể tham gia băng Phó tề nếu chưa ng ẫ tù.”

Frost hỏi, “Anh lấy điện thoại của Drummik được chứ?”

Adam nhún vai mỉm cười như khẳng định sự khôn khéo của mình.  
“Được chứ. Điện thoại là thứ xịn nhất trong tù, bị trộm cũng là chuyện thường. Tôi sẽ lấy điện thoại của Drummik khi anh ta ra sân, làm như có kẻ nào đó trộm mất, thế thôi.”

“Bao lâu thì lấy được?” Thagard hỏi.

“Ngày mai.”

“Được, làm đi. Chúng tôi sẽ dò theo cuộc gọi của anh ta, và sẽ đưa lại cho anh cái khác.”

Frost hỏi, “Nếu Drummik có điện thoại mới, tay Mayhall này có nghi ngờ gì không?”

Adam suy nghĩ một lát. Mọi chuyện vẫn chưa rõ ràng lắm. Rồi anh ta lắc đầu, “Chắc là không. Mấy gã này mua bán, trộm cắp, dối chác đủ kiểu mà.”

Thagard cúi người xuống, chìa tay ra. “Được, Adam, vậy thì chốt thế nhé.”

Adam miễn cưỡng bắt lấy tay Thagard.

Frost nói tiếp, “Và chúng tôi cũng theo dõi điện thoại của anh. Chúng tôi giám sát mọi thứ, nên đừng có làm bậy, được chứ?”

Xong rồi, hai đặc vụ lên xe, để lại Adam ng ẫ đó thần thờ nhìn vào khoảng không vô tận, tự hỏi sao cuộc đời mình lại thay đổi nhanh đến thế.

Nhờ sự can thiệp của FBI, Quincy được chuyển vào một phòng góc, an ninh cao hơn. Hai máy quay an ninh được lắp ngay trước cửa phòng anh. Nhân viên bệnh viện cảnh giác cao độ, bảo vệ cũng ghé qua phòng anh thường xuyên hơn. Nhà tù ngày nào cũng gửi đến một người gác ở hành lang vài tiếng, còn đám cảnh sát Orlando có vẻ cũng thích ghé qua để nhân tiện trêu chọc mấy cô y tá.

Tình trạng của Quincy mỗi ngày một khá lên, và chúng tôi dấn tin tưởng rằng anh sẽ không chết. Cho đến giờ tôi là người liên lạc trực tiếp với các bác sĩ và nhân viên bệnh viện, ai cũng hết lòng vì anh. Thấy Quincy giờ đã đủ an toàn, tôi quyết định đến lúc tiếp tục hành trình. Nơi này làm tôi phát điên. Nhưng có ai không ghét cảnh ng ồi cả ngày trong bệnh viện chứ? Savannah cách đây năm giờ lái xe và tôi chưa bao giờ thấy nhớ nhà đến thế.

Susan Ashley đang ở đâu đó tại St. Augustine, gọi điện báo rằng thẩm phán già Plank đã ra phán quyết bác bỏ kiến nghị xét xử hậu tuyên án của chúng tôi. Chúng tôi cũng đã nghĩ chuyện sẽ thế này, cái gây ngạc nhiên là không hiểu sao ông già đó tỉnh táo đủ lâu để ra quyết định gì đó. Chúng tôi đã dự tính chuyện này phải mất tối thiểu một năm, nhưng ông ta lại ra phán quyết bác bỏ chỉ trong hai tháng. Đây thật sự là tin tốt vì như thế là chúng tôi được đẩy nhanh tiến trình kháng cáo lên tòa thượng thẩm của bang. Tôi chẳng muốn dừng xe lại để đọc ý kiến của ông ta làm gì, nhưng Susan Ashley bảo nó ngắn gọn lắm. Phán quyết dài hai trang của thẩm phán Plank nói rằng chúng tôi không cung cấp chứng cứ mới, rõ ràng chẳng màng đến việc Zeke Huffey và Carrie Holland hủy bỏ lời khai ban đầu. Sao cũng được. Chúng tôi cũng dự đoán sẽ thua ở cấp phúc thẩm mà. Tôi buông một tràng chửi rủa trong vài phút rồi trấn tĩnh lại. Có những lần, nhiều lần thì

đúng hơn, tôi khinh bỉ các thẩm phán, nhất là những gã mù mờ, già khòm và da trắng, hầu hết bọn họ đầu nhất nhất theo lời công tố viên và chẳng có chút tình thương nào dành cho người bị khởi tố. Với họ, hễ ai bị khởi tố mặc nhiên là người có tội và phải vào tù. Hệ thống vận hành như thế là hoàn hảo và công lý luôn chiến thắng.

Khi đã dần được nổi bực tức trong người, tôi gọi cho Mazy đúng lúc cô ấy cũng đang đọc phán quyết. Chúng tôi bàn tiếp về chuyện kháng án và cô ấy sẽ chuẩn bị tất cả mọi thứ sẵn sàng. Lúc chiều muộn, khi tôi về đến văn phòng, Mazy đã xong bản kiến nghị phác thảo. Chúng tôi vừa uống cà phê vừa bàn thảo, cũng như kể lại những chuyện vừa qua ở Orlando.

ADAM STONE TRÁO TRÓT LỘT điện thoại của Jon Drummik. Anh ta lấy cái điện thoại cũ rồi ngay hôm sau đưa cho Drummik cái mới. FBI rà soát toàn bộ thông tin trong máy cũ và nghe lén máy mới. Họ tự tin là mục tiêu thế nào cũng rơi vào bẫy. Đến giờ FBI vẫn chưa có thông tin gì về Mayhall hay ít nhất là chưa có gì có thể chia sẻ với chúng tôi, nhưng họ dự định sẽ theo dõi chặt vào lần tới gã gặp Adam.

Suốt ba ngày liền trước vụ tấn công Quincy, Drummik đã gọi đến một số di động ở Delray Beach, phía Bắc Boca Raton. Hôm sau vụ tấn công, gã chỉ gọi một cuộc, đến cùng số đó. Nhưng manh mối này sớm đi vào ngõ cụt, vì đó là sim rác, chỉ dùng trong 30 ngày mà ai đó đã mua bằng tiền mặt ở một cửa hàng Best Buy. Chủ của số này rất cẩn trọng.

Adam chẳng có số của Mayhall, chưa hề có. Nếu Mayhall không gọi, thì chẳng có gì để lần theo nữa, nhưng cuối cùng gã đã gọi, FBI lấy số gọi đến từ máy của Adam và lần theo nó thì phát hiện số đó gọi từ một di động khác cũng đang ở Delray Beach. Mọi thứ dần rõ ràng. Giám sát tín hiệu điện thoại, FBI phát hiện Mayhall đang đi theo Xa lộ 95 về phía Bắc. Xe gã đang lái được đăng ký dưới tên Skip DiLuca ở Delray Beach. Nam giới, da trắng, 55 tuổi, vào tù bốn lần, tội nặng nhất là giết người, ba năm trước được mãn hạn sớm ở Florida, hiện đang quản lý một cửa hàng bán xe mô tô cũ.

DiLuca, tức Mayhall, sắp xếp gặp Adam sau giờ làm ở một quán bar tại Orange City, cách nhà tù 45 phút lái xe. Adam nói họ luôn gặp cùng một

chỗ, vừa uống chút bia vừa bàn công chuyện. Để tránh bị nghi ngờ, Adam thường thay đồ thường phục rồi mới gặp. Lần này, FBI gài thêm cho anh ta một máy ghi âm trên ngực. Adam đến sớm, chọn bàn, thử micro, mọi thứ đều đầu vào đấy. Một đội FBI đang ngồi trên chiếc xe thùng đổ ở con đường sau lưng quán, nghe rõ mồn một từng lời họ nói.

Sau vài câu xã giao, chuyện làm ăn mới bắt đầu được nêu ra.

“Chúng không giết được Miller. Có chuyện gì thế?”

“Gặp vài rắc rối. Trước hết, Miller biết đánh nhau và chống trả điên cuồng. Robert Earl Lane bị đập mũi luôn. Phải mất vài phút mới khống chế được hắn, tốn nhiều thời gian quá, nên không thể chốt hạ trước khi bị quản giáo khác nhìn thấy. Chúng ra đòn không đủ lực.

“Lúc đó anh ở đâu?”

“Tôi ở đó, ngay đó, đúng chỗ cần đứng. Tôi biết việc của mình. Vụ phục kích diễn ra hoàn hảo, chỉ là chưa dứt điểm được thôi.”

“Hắn chưa chết, vấn đề là thế. Ta đã nhận đủ tiền mà không làm cho xong. Người thuê tôi đang không vui với chuyện này.”

“Đâu phải lỗi của tôi. Tôi đã làm việc của mình rồi. Anh không xử hắn ở bệnh viện được à?”

“Khó lắm. Bọn tôi xem qua rồi, nhiều cảnh sát quá. Tình trạng của hắn lại đang khá lên nên bọn ta lại càng phiền phức hơn. Ta phải xử hắn cho bằng được, đơn giản là thế thôi. Anh bảo Drummik và Lane là tôi rất cáu vì bọn chúng làm quá ẩu. Chúng đã hứa là sẽ làm được cơ đấy.”

“Anh thấy tình hình căng đến mức nào?”

“Chuyện đó cứ để tôi lo.”

Họ nói chuyện ngắn gọn thế thôi, vừa hết ly bia là cả hai đi ra khỏi quán. DiLuca đưa Adam một túi giấy màu nâu, trong đó có 1.000 đô-la, hai điện thoại mới và một ít ma túy. Gã gấp gáp quay lưng đi, không thèm chào tạm biệt gì cả. Adam chờ đến khi gã đi khuất rồi nói vào micro là DiLuca đã rời đi rồi. Sau đó, anh ta lái xe vòng qua khối nhà, gặp FBI ở phía bên kia đường.



Về lý thuyết và pháp lý, FBI đã có đủ chứng cứ để truy tố DiLuca, Adam, Drummik và Lane vì tội giết mướn hoặc giết người bất thành. Nhưng hai phạm nhân kia đã nằm trong tù sẵn rồi. Adam lại đang là chỉ điểm quá giá trị. Còn DiLuca thì có thể dẫn họ đến con cá cược lớn.

Chạy xe được 20 phút, DiLuca thấy ánh đèn xanh đỏ nhấp nháy kính chiếu hậu. Gã xem lại đồng hồ tốc độ và biết rõ mình không vi phạm luật gì. Gã đang trong tình trạng quản chế và rất quý sự tự do này, nên gã tuân thủ luật vô cùng, ít nhất là luật giao thông. Một cảnh sát hạt đòi xem bằng lái và giấy tờ của DiLuca, nhưng nửa tiếng rồi vẫn chưa xong việc. Gã bắt đầu cáu lên. Khi quay lại, viên cảnh sát hỏi thẳng, “Anh đã uống rượu?”

“Một ly bia thôi.” DiLuca trả lời thành thật.

“Ai chẳng nói thế.”

Một chiếc xe tuần tra nữa tấp vào, đỗ sau xe của DiLuca. Hai cảnh sát nữa bước ra, nhìn gã như thể gã vừa ra tay giết trẻ con vậy. Cả ba viên cảnh sát chụm lại bàn tán gì đó, để mặc DiLuca thấp thỏm không yên. Cuối cùng, họ cũng yêu cầu gã ra khỏi xe.

“Vì chuyện gì chứ?” gã vừa đóng cửa xe vừa hỏi. Đáng ra đừng làm thế thì hơn. Hai cảnh sát tóm lấy, đè gã dí mặt vào thành xe, người còn lại thì nhanh chóng còng tay gã.

“Anh đã chuyển hướng bất cẩn,” một cảnh sát nói.

“Làm gì có,” DiLuca bật lại ngay.

“Cứ câm đi.”

Họ lục soát túi gã, lấy điện thoại và ví, rồi tống gã vào băng sau xe tuần tra. Khi đã cấn chân gã rồi, một cảnh sát gọi cho chuyên viên xâm nhập kỹ thuật số và FBI. Ở đồn, DiLuca bị đưa vào phòng chụp hình, rồi nằm ở buồng tạm giam bốn tiếng.

Một thẩm phán liên bang ở Orlando đã nhanh chóng phê chuẩn hai lệnh khám xét, căn hộ và xe của DiLuca. Các đặc vụ FBI vào căn hộ của gã ở Delray Beach và bắt tay vào việc. Căn hộ một phòng ngủ này được trang trí nội thất rẻ tiền và sơ sài, cũng chẳng có dấu vết nào cho thấy bóng dáng phụ nữ ở đây. Quầy bếp đầy chén đĩa bẩn. Đồ giặt thì chất đống ở hành

lang. Tủ lạnh chỉ toàn bia, nước lọc và thịt nguội. Trên bàn uống cà phê là một đồng tap chí khiêu dâm loại nặng. Trong hốc văn phòng nhỏ xiu, họ tìm được một laptop rồi đem ra xe kỹ thuật để sao chép ổ cứng. Còn có hai điện thoại rác, cũng được mở khóa, phân tích, cài nghe lén, rồi được đặt về lại chỗ cũ. FBI cũng lắp thiết bị nghe trộm khắp căn hộ. Sau hai tiếng, đội tác nghiệp đã xong việc, và dù sắp xếp lại đồ đạc là một phần thiết yếu trong việc này, nhưng DiLuca quá bừa bãi đến nỗi không một ai, kể cả gã, có thể nhận ra được chút gì thay đổi sau khi cả đội FBI lục tung nhà gã lên.

Một đội khác thì lục soát xe gã, chẳng thấy gì quan trọng, ngoài một điện thoại rác. Rõ ràng, DiLuca chẳng dùng số cố định nào. Khi rà soát, FBI tìm được một thứ đáng chú ý trong danh bạ. DiLuca chỉ gọi cho mười số, và một trong đó là của Mickey Mercado, kẻ đã xuất hiện ở tòa trong buổi kiến nghị xét xử hậu tuyên án của chúng tôi. Trong mục *Các cuộc gọi gần đây*, có 22 cuộc gọi đến và đi với Mercado trong vòng hai tuần qua.

Họ cũng cài GPS vào đuôi xe của DiLuca để bảo đảm có thể giám sát liên tục. Đến 10:00 tối, cảnh sát trưởng vào phòng tạm giam và xin lỗi DiLuca. Ông giải thích rằng vừa rồi có vụ cướp ngân hàng gần Naples, và chiếc xe tải thoát giống hệt xe của DiLuca. Họ đã nghi ngờ gã, nhưng sau khi xác minh thì mới biết là lầm. Gã được tự do ra về.

DiLuca chẳng cảm ơn, và rõ là không tha thứ được cho chuyện này, liền lao thẳng ra cửa. Gã thấy có gì đó không đúng, và quyết định không về lại Delray Beach nữa. Gã còn thấy có vấn đề với điện thoại của mình nên chẳng dám gọi cho ai. DiLuca lái xe hai tiếng đến Sarasota rồi vào một nhà nghỉ rẻ tiền.

Ngay sáng hôm sau, cũng thẩm phán liên bang đó ban hành lệnh lục soát căn hộ của Mercado và giám sát kỹ thuật số các điện thoại của gã. Một lệnh nữa yêu cầu nhà mạng của gã cung cấp hồ sơ cuộc gọi. Nhưng khi họ còn chưa thao tác xong, DiLuca đã gọi Mercado từ điện thoại công cộng. FBI thấy gã đã đi từ Sarasota đến Coral Gables, rồi vào một nhà hàng kebab Afghanistan ở đại lộ Dolphin. Mười lăm phút sau, một đặc vụ nữ trẻ tuổi cũng vào đó gọi món, và xác định được DiLuca đang ngồi ăn cùng Mickey Mercado.

LÒI DILUCA BẢO ADAM rằng gã đã *xem qua* Quincy ở bệnh viện là quá đủ để đội ngũ an ninh ở đó phải tất bật. Quincy lại được chuyển sang một phòng góc khác, và luôn có người canh gác 24/7.

ĐẶC VỤ AGNES NOLTON cập nhật tình hình cho tôi, dù có vẻ cô ấy vẫn giữ kín một số chuyện. Tôi đã khuyên cô ấy không nên gọi điện, dùng email mã hóa thì hơn. Nolton tự tin khẳng định rằng Quincy sẽ được bảo vệ an toàn, và họ sẽ sớm gài bẫy được Mercado. Chúng tôi chỉ lo chuyện gã có hai quốc tịch nên có thể đi đi về về tùy ý. Nếu thấy nghi ngờ gì, có lẽ gã sẽ lao về Mexico và không bao giờ quay lại nữa. Nolton tin rằng khởi tố được Mercado sẽ là thành quả lớn nhất vụ này. Bởi những kẻ giết dây sau gã, những tên tội phạm thực sự, có lẽ không ở Mỹ và cũng ngoài phạm vi khởi tố.

Khi có FBI toàn lực hợp tác và thân chủ vẫn còn sống, giờ chúng tôi có thể toàn tâm vào việc giải oan cho Quincy rồi.

Rượu sangria đang cất lời vẫy gọi. Glenn Colacurci lại thấy thèm rượu và muốn gặp tôi lần nữa ở quán The Bull ở Gainesville. Sau hai ngày cố gắng nghỉ ngơi đôi chút ở Savannah, tôi lại tiếp tục cuộc phiêu lưu, lên đường xuống phía Nam. Quincy đã hết hôn mê và khá là tỉnh táo. Sinh hiệu của anh tiến triển từng ngày, các bác sĩ đang tính chuyển anh ra khỏi khu chăm sóc đặc biệt, cho anh một phòng bệnh riêng rồi xúc tiến phẫu thuật khắc phục xương. Họ không ngừng bảo đảm với tôi là an ninh rất chặt chẽ, tôi không cần phải đến đó làm gì, làm như thể tôi thích ngồi một chỗ vô công rồi ngủ suốt ngày này đến ngày khác vậy.

Tôi đến The Bull lúc 4:00 chiều, thấy ly cocktail của Glenn đã cạn phân nửa. Cái mũi bự của ông ta đã chuyển màu hồng, gần như trùng màu với món cocktail sangria trên bàn. Tôi cũng gọi món đó, rồi nhìn quanh tìm cô thư ký nhỏ dễ thương của ông, một người không hiểu sao gần đây tôi nghĩ đến hơi nhiều hơn bình thường, nhưng chẳng thấy Bea đâu cả.

Glenn đọc thấy trên báo chuyện của Quincy và muốn biết sự tình. Vì đã quen biết cả trăm luật sư tỉnh lẻ ba hoa lảm chuyện như ông, nên tôi biết rõ không nên tiết lộ gì nhiều. Mọi vụ tấn công trong tù hiếm khi có chi tiết rõ ràng, nên cũng dễ để tôi nói qua loa cho xong chuyện. Nghe xong vài câu, Glenn cúi người tới, nói bằng giọng thì thầm có vẻ bí mật lắm, kể rằng tờ tuần báo địa phương của hạt đang theo sát vụ của Quincy và nỗ lực giải oan của chúng tôi. Tôi tỏ ra hào hứng lắng nghe và cũng luôn tiện cho ông biết Vicki đang theo sát phân nửa các tòa soạn ở Florida. Bà theo dõi từng chữ trên báo nói về vụ này. Chúng ta sống trên mạng mà. Còn ông Glenn thì mỗi tuần mới lướt thông tin một lần.

Cuộc gặp này thế nào cũng có mục đích, và chỉ sau nửa tiếng, rõ ràng ly cocktail sangria đã đẩy đưa cho cuộc chuyện trò dễ dàng hơn nhiều. Ông Glenn lấy tay áo quệt miệng, rồi bắt đầu vào việc chính. “Post, tôi phải cho anh biết là tôi cứ trần trụi về vụ này suốt. Tôi toàn nghĩ về nó thôi, thật đấy. Vụ này xảy ra dưới sự quản lý của tôi, thời tôi ở tham nghị viện và đi đầu hành công ty luật lớn nhất hạt, tôi thật sự nghĩ là mình có phần liên quan trong chuyện này. Tôi đã biết Pfitzner là kẻ hai mang, nhưng chúng tôi nước sông không phạm nước giếng, anh hiểu mà. Ông ta lo việc của mình, kiểm phiếu cho mình, tôi cũng thế. Khi Keith bị thổi bay đầu và anh chàng của anh bị kết tội vì vụ đó, nói thật, tôi thấy hài lòng, thỏa mãn. Án tử hình đúng là quá hợp với ý tôi. Cả thành phố như được gỡ bỏ một gánh nặng. Nhưng giờ, tôi nhìn lại thì..”

Ông nhìn qua cậu phục vụ, vẫy tay, hút cạn ly cocktail trước mặt rồi gọi thêm ly khác. Ly của tôi còn hơn cả tất. Với câu chuyện chắc còn dài, cái kiểu hết ly này đến ly khác có thể cho ta một buổi chiều khá là say sưa.

Glenn lấy hơi rồi nói tiếp. “Khi nhìn lại, tôi thấy mọi chuyện chẳng hợp lý gì cả. Tôi có bà con với nửa người hạt này, và làm luật sư cho nửa hạt còn lại. Lần cuối cùng tranh cử, tôi được 80% phiếu bầu thế mà vẫn bị loại vì mất 20% còn lại đó. Có một cảnh sát già, tôi không nói tên đâu, nhưng ông ta thường giúp tôi xử lý các vụ kiện. Tôi trả công cho ông ta bằng tiền mặt và chia phần trăm khi thắng kiện. Tôi cũng làm thế với các tài xế xe cứu thương và xe cứu hộ. Tôi trả công đầu đặn cho tất cả bọn họ. Viên cảnh sát đó vẫn còn đây, sống gần vịnh, tôi cũng hay nói chuyện với ông ta. Ông đã về hưu rồi, còn khỏe lắm, thế nào cũng đến được 80 tuổi. Ông ta từng làm dưới trướng Pfitzner, nhưng đã giữ được liêm khiết. Ông chuyên lo mấy chuyện vặt như xử lý giao thông, bảo vệ cho các trận bóng, các sự kiện của trường học. Chẳng phải công việc cảnh sát lớn lao gì cho cam, nhưng ông ta cũng đâu muốn trèo cao. Được mặc đồng phục và được lĩnh lương là tốt rồi. Ông ta nói anh đã đúng, Pfitzner bắt tay với mấy tên buôn ma túy, còn nói cả lực lượng ai chẳng biết chuyện này. Pfitzner có hai anh em...”

“Là Mè và Ngâm.”

Ông dừng lại, cười lộ hàm răng vàng. “Anh giỏi đấy, Post.”

“Chúng tôi đã đi đầu tra kỹ lưỡng.”

“Mẹ và Ngâm chạy việc cho Pfitzner và kiểm soát mọi người. Hội của họ kiểm tra rất kín và nghĩ không ai biết, nhưng thành phố này vốn nhỏ mà.”

Cậu phục vụ quay lại với hai ly trên tay, nhìn ly đầu tiên của tôi hầu như vẫn chưa uống gì, như thể muốn nói, “Thôi nào, đây là quán rượu mà.” Tôi cười rồi hút một hơi dài. Glenn cũng làm thế, rồi tiếp tục, “Ông cảnh sát bảo tôi là Kenny Taft không phải do băng ma túy nào đó giết đầu. Theo ông ta thì hồi đó có vài cảnh sát nghi ngờ Pfitzner đã dàn dựng vụ phục kích, còn nói là Pfitzner phải xử Taft vì anh ấy biết vài chuyện. Ông ta nói vụ đó Pfitzner đã làm trót lọt, trừ một lỗi nhỏ. Một người của Pfitzner đã bị bắn. Rõ ràng, Kenny Taft hoặc Bruce Gilmer đã bắn một tràng cầu may và một tên trong đám giang hồ đã trúng đạn. Người ta đồn là gã đã bị mất máu trên đường đến bệnh viện và chúng vứt xác gã ở sau một ổ bóng tại Tampa. Thế là lại một vụ giết người chưa phá được. May cho Pfitzner, gã đó không phải là cảnh sát, cũng chẳng phải là dân Seabrook, nên chẳng ai để ý gì. Anh cũng biết mấy chuyện này nhỉ, Post?”

Tôi lắc đầu. Tôi sẽ không nói lại những gì Bruce Gilmer đã kể cho tôi ở Idaho.

Glenn lại hút một hơi thật dài, tiếp thêm năng lượng để kể chuyện. “Vay rõ ràng vấn đề là tại sao Pfitzner lại muốn xử Kenny Taft.”

“Và vấn đề này đúng là hóc búa,” tôi bổ sung thêm vào.

“Có tin đồn là Kenny Taft biết về kế hoạch phóng hỏa căn lầu mà cảnh sát cất chứng cứ nên đã lấy vài hộp chứng cứ giấu đi trước vụ hỏa hoạn. Chẳng ai biết chuyện này, hẳn rồi, nhưng khi lấy được rồi, anh ấy lại sợ không biết làm gì với chúng. Hẳn Kenny đã lỡ miệng, và có người báo lại với Pritzner, nên ông ta mới dàn dựng vụ phục kích.”

“Vài hộp sao?” Tôi hỏi mà miệng bỗng khô khốc, tim đập liên hồi. Tôi cần ly sangria lên để tự trấn tĩnh mình.

“Tin đồn là thế, Post à. Nhưng chẳng biết cái gì bị tiêu hủy trong vụ hỏa hoạn, và cái gì về được tay Kenny Taft. Tin đồn thôi. Theo tôi nhớ, hồi đó có mất một cây đèn pin. Tôi đã đọc kiến nghị xét xử hậu tuyên án của anh

rồi, cũng thấy tuần rồi nó đã bị bác và cây đèn pin được cho là đã bị tiêu hủy rồi. Phải chứ, Post?”

“Phải.”

“Hoặc có lẽ nó chưa bị tiêu hủy.”

“Thế thì thú vị quá,” tôi cố gắng giữ giọng điềm tĩnh. “Tin đồn ông nghe được có nói Kenny làm gì với mấy cái hộp đó không?”

“Không. Nhưng có cái này cũng hay, họ đồn là trong tang lễ của anh ấy, vốn hoành tráng như cho tướng năm sao ấy, Pfitzner đã cho hai người của mình đến lục tung nhà của Kenny để tìm mấy cái hộp. Và theo lời đồn, thì chúng chẳng tìm được gì.”

“Nhưng ông có linh tính nó ở đâu đó, phải chứ?”

“Không, nhưng tôi đang tìm hiểu, Post à. Tôi có rất nhiều ngu ồn tin, cả cũ và mới, và tôi đang lùng nó. Chỉ muốn cho anh biết vậy thôi.”

“Và ông không lo lắng gì sao?” tôi hỏi.

“Lo gì chứ?”

“Lo rằng ông sẽ tìm được gì đó mà người ta đã cố giấu đi. Quincy Miller không giết Keith Russo. Hung thủ là tên giết mướn của một băng ma túy được Pfitzner bảo kê. Băng đó vẫn hoạt động, và mười ngày trước, chúng đã cố giết Quincy trong tù. Chúng không thích chuyện bất kỳ ai đào bới quá khứ này lên, dù là chúng tôi hay ông.”

Glen bật cười, “Tôi quá già để lo mấy chuyện đó rồi, Post à. Hơn nữa, làm thế tôi được vui mà, vui lắm luôn.”

“Thế tại sao ta lại phải lén lút gặp nhau ở một quán bar tại Gainesville?”

“Vì ở Seabrook chẳng có quán bar nào ra hồn, mặc dù thế lại tốt cho sức khỏe của những người như tôi. Hơn nữa, đây là nơi tôi học đại học. Tôi mến nơi này lắm. Nhưng anh lo à, Post?”

“Cứ cho là tôi chỉ cần trọng thôi.”

Hồ sơ về Mickey Mercado giờ lại dày thêm. Nhờ lệnh tòa, FBI đã thu thập và xem xét kỹ hồ sơ thuế của gã. Gã kê khai nghề nghiệp là cố vấn an ninh, theo diện kinh doanh cá thể chứ không phải là kinh doanh góp vốn hay công ty gì cả. Địa chỉ kinh doanh của gã nằm cùng tòa nhà với công ty luật Varick & Valencia của Nash Cooley. Năm ngoái, tổng thu nhập gã khai thuế chỉ hơn 200.000 đô, đã thế còn trừ tiền trả khoản vay mua nhà và tiền mua hai chiếc xe xịn. Gã đã ly dị, và không có người lệ thuộc nào. Cũng chẳng có hoạt động từ thiện gì.

FBI chẳng muốn phí thời gian đi điều tra về mấy quản giáo tuồn ma túy lậu hay đám băng đảng trong tù thích gây chiến triền miên. Nhưng đặc vụ Agnes Nolton không thể kìm lòng trước chuyện một trùm tội phạm thuê băng Phó tế Aryan giết một người vô tội trong khi các luật sư đang cố giải oan cho anh. Cô đã quyết định chơi liều, chơi lớn, và dùng DiLuca làm bàn đạp. Đây là chiến lược liều ăn nhai.

Với sự hợp tác của Chương lý, cô đã ra trước đại bồi thẩm đoàn liên bang và đệ trình chứng cứ. Jon Drummik, Robert Earl Lane, Adam Stone và Skip DiLuca bị truy tố vì tội giết mướn bất thành và hành hung nghiêm trọng đối với Quincy Miller. Việc truy tố giờ đã đâu vào đấy, FBI chỉ còn chờ thời cơ.

Tôi cũng trông đợi việc này, và trong lúc chờ đợi, tiếp tục ở bên Quincy trong phòng bệnh mới, giúp các y tá chăm sóc cho anh chóng bình phục. Chúng tôi chỉ có thể trao đổi vài câu ngắn, vì sức anh còn rất yếu. Anh chẳng nhớ gì về vụ tấn công. Trí nhớ ngắn hạn của anh có vẻ đã bị tổn hại nặng.



ADAM STONE BÁO TIN gã Mayhall đang hẹn gặp để đưa thêm hàng và tiền. Vì vụ bắt nh ần lần trước, Mayhall quyết định đổi địa điểm gặp mặt. Gã chọn một tiệm taco ở cực Bắc Sanford, thành phố với 50.000 dân. Adam đến sớm, mặc thường phục, chọn một bàn nhìn ra bãi đỗ xe, rồi gọi một cái taco. FBI đã báo anh ta rằng Mayhall, tên thật là DiLuca, đang lái một chiếc Lexus màu bạc mới công. Adam vừa nhai bánh vừa ngắm chiếc Lexus xuất hiện. Mười lăm phút sau giờ hẹn, DiLuca mới đến, đỗ xe cạnh chiếc bán tải h ần hồ của Adam. DiLuca bước ra, vội vã vào nhà hàng bằng cửa hông, nhưng đó cũng là dấu chấm hết của gã. Hai đặc vụ mặc đồ đen đột nhiên xuất hiện chặn đường gã. Họ trình phù hiệu rồi chỉ tay về chiếc SUV đen đang chờ cạnh bãi rác. DiLuca biết bây giờ có điên mới chống cự hay tranh cãi gì. Gã cúi đầu, nhún vai để hai đặc vụ áp giải đi. Thế là một lần nữa gã lại hủy hoại cuộc sống tự do của mình. Một lần nữa, gã lại cảm nhận hơi lạnh của còng số tám.

Trong tiệm, chỉ mình Adam biết chuyện đang xảy ra. Anh ta chẳng vui gì. Thế giới của anh ta lại đảo lộn lần nữa. FBI đã hứa sẽ xóa khỏi tố cho anh ta vì đã hợp tác. Họ còn hứa cho anh ta công việc tốt hơn. Nhưng ai sẽ thực hiện mấy lời hứa này chứ? Theo anh ta biết thì kế hoạch là bắt DiLuca thật bất ngờ để gã không kịp trở tay báo động cho bất kỳ ai. Do đó, băng Phó tế sẽ không biết chuyện DiLuca bị bắt, cũng chẳng biết Adam, kẻ tu ần hàng kiêm nội gián yêu thích của chúng, lại là chỉ điểm. Nhưng Adam biết thừa trong tù làm gì có cái gọi là lòng trung thành, và bí mật là thứ không tồn tại, nên anh ta thấy lo cho tính mạng và muốn kiếm một công việc khác.

Adam ng ồi đó, nhai taco, nhìn chiếc SUV đi khuất dần, li ền sau đó, một xe tới đến cầu chiếc Lexus đi luôn. Khi mọi chuyện đã trở lại bình thường, Adam ăn nốt miếng taco cuối cùng rồi đi ra xe, thấp thỏm lo mình sớm muộn gì cũng bị bắt. Hoặc tệ hơn nữa, bị đâm bằng dao tự chế và chết trong vũng máu.

SUỐT GẦN MỘT TIẾNG ĐỒNG HỒ, Skip DiLuca ng ồi ở băng ghế sau, tay trong còng, và không hé môi lời nào. Đặc vụ ng ồi cạnh gã cũng chẳng nói gì. Hai người ở băng trước cũng thế. Cửa kính trên xe đã được dán phim dày nên

bên trong h ầu như chẳng thấy gì bên ngoài, và người ngoài cũng chẳng biết ai đang ng ồi trong xe.

Sau một giờ trên đường, chiếc SUV đỗ vào mặt hậu tòa nhà FBI ở Maitland. DiLuca được dẫn lên hai t ầng l ầu, vào một phòng kín mít, hoàn toàn không có cửa sổ, nơi các đặc vụ khác đang chờ sẵn. Gã được ng ồi xuống ghế và tháo còng. Trong phòng có đến bảy đặc vụ, Skip chẳng hiểu sao họ lại biểu dương lực lượng đến thế. Nếu gã chịu thú tội, họ có tha cho gã không? Thử giãn đi nào, mọi người.

Một phụ nữ bước lên, ng ồi xuống đối diện Skip, và sáu chàng trai đứng quanh hộ vệ, sẵn sàng chờ lệnh. Người phụ nữ uy quyền giờ mới mở lời, “Chào anh DiLuca, tôi là Angeles Nolton, đặc vụ FBI, anh bị bắt vì tội giết mướn bất thành đối với Quincy Miller, cộng thêm tội hành hung nghiêm trọng và vài tội nhẹ hơn khác. Chúng tôi vừa lục soát xe anh, tìm được ba trăm viên ma túy đá, cái đó sẽ được bổ sung vào tội trạng sau. Còn đây là bản truy tố dành cho anh. Cứ xem đi.”

Cô đẩy tờ giấy tới và DiLuca c ần lấy. Gã không có vẻ gì là sợ hãi, thản nhiên xem qua như thể xem kết quả tỉ số thể thao vậy. Đọc xong r ồi, gã nhẹ nhàng đặt nó lên bàn, cười gượng với Nolton. Cô lại đưa gã một tờ giấy khác xác định quy ền được im lặng của gã. Gã đọc nhanh r ồi ký. Mấy chuyện này gã từng gặp r ồi.

Lấy tờ giấy về, Nolton nói, “Chúng tôi sẽ đưa anh đến phòng tạm giam, nhưng trước hết tôi muốn trao đổi với anh một chút. Anh c ần một luật sư chứ?”

“Không, tôi c ần hai luật sư cơ. Có khi là ba.”

“Phải r ồi. Chúng tôi có thể dừng ngang đây và ngày mai mời luật sư cho anh. Nhưng nếu làm thế thì ta chẳng thể chuyện trò thân thiện thế này, và kết quả sẽ rất không hay cho anh đấy.”

“Được, cứ nói đi,” gã bình thản trả lời.

“Anh có ti ền án ti ền sự khá là dày và giờ lơ lửng trên đầu anh là 30 năm tù cho tất cả tội danh. Anh đã 51 tuổi r ồi, nên thế đ ồng nghĩa anh sẽ chết trong tù.”

“Cảm ơn cô đã dự liệu chu đáo.”

“Khỏi cần. Nói thẳng, anh không hẳn là mục tiêu của chúng tôi, và chúng tôi cũng không rảnh để lần theo mấy trò của các băng đảng trong tù. Nhưng giết muốn lại là chuyện khác. Có kẻ đã trả tiền cho vụ này. Anh nói ra danh tính kẻ đó, đầy đủ mọi chi tiết, thì chúng tôi có thể bảo đảm cho anh một bản án nhẹ nhàng để anh còn có cơ hội sống những năm tháng tự do sau này. Và chỉ được thế nếu anh biết tránh dây vào rắc rối, dù chuyện đó tôi thấy không chắc cho lắm.”

“Cảm ơn.”

“Có gì đâu. Chúng tôi đang cho anh thỏa thuận hơi đấy, DiLuca, và thỏa thuận này sẽ tan biến trong,” cô nhìn xuống đồng hồ, “chính xác 43 phút nữa. Và rõ ràng là anh đâu thể rời phòng này cũng đâu liên lạc được ai.”

“Miễn. Tôi không phải chỉ điểm, không phải thẳng phản phúc.”

“Dĩ nhiên là không rồi, tôi đâu có ý đó. Nhưng anh đừng tự huyễn hoặc quá. Anh đâu phải chủ tịch hay ông trùm gì. Nhìn vào gương đi, Skip. Đối diện sự thật đi. Anh chỉ là kẻ tiểu tốt, là tội phạm với đầy tiền án tiền sự, là giang hồ, dân băng đảng, kỳ thị chủng tộc, là kẻ thảm hại suốt bao năm qua đã làm cả đồng chuyện ngu ngốc. Giờ anh bị bắt vì tội mua chuộc một quản giáo và tuồn ma túy cho các anh em trong băng Phó tế. Ngu ngốc, chỉ có thể nói thế mà thôi. Sao anh không thể làm gì thông minh một chút chứ, Skip? Anh thật sự muốn thêm 30 năm chung chung với đám súc sinh đó sao? Và lần này không phải là nhà tù tiểu bang nữa đâu. Chúng tôi sẽ bảo đảm cho anh vào nhà tù liên bang đấy.”

“Thôi, cho tôi xin.”

“Và là nhà tù liên bang tồi tệ nhất. Anh sẽ ở đó suốt 30 năm cuộc đời. So với chỗ đó, Garvin chỉ là kỳ dã ngoại thôi.”

Skip hít một hơi thật sâu, ngửa mặt nhìn trần nhà. Gã không sợ cảnh ở tù, cho dù là nhà tù liên bang đi nữa. Gã như cả cuộc đời của gã là sau song sắt, và gã vẫn sống, nhiều lúc còn phát đạt nữa. Anh em của gã đều ở trong tù, đều đã thể dục sinh dục tử. Ở trong tù, chẳng phải đi làm, chẳng phải lo chuyện hóa đơn gì cả, mà vẫn có ba bữa mỗi ngày, ma túy lại nhiều, nhất là khi ở trong băng nào đó. Tình dục cũng dễ kiếm, nếu sẵn sàng bẻ cong giới tính.

Nhưng gã lại không phải kiểu đó, gã vừa gặp một cô làm gã xao xuyến, cuộc tình đầu tiên của gã suốt bao nhiêu năm qua. Cô ấy có hơi già, không giàu nhưng cũng đủ sống, và họ đã bàn chuyện sống chung, đi du lịch một chuyến. Skip chưa thể đi xa vì còn đang bị quản chế, xin visa chắc cũng chỉ là chuyện trong mơ. Nhưng cô ấy đã cho gã thoáng thấy một cuộc đời khác hẳn, và gã thật sự chẳng muốn vào lại tù chút nào.

Vì quá quen mấy chuyện vào tù ra khám rồi, nên gã nắm khá rõ trò này và biết cách thương lượng đôi chút. “Vậy ý cô là bao nhiêu năm?”

“Tôi nói rồi, 30 năm.”

“Khi đã thỏa thuận ấy.”

“Ba đến năm năm.”

“Chừng đó là đủ để tôi tiêu đời rồi. Không được.”

“Nếu anh không qua nổi ba đến năm năm, thì làm sao anh qua nổi 30 năm chứ?”

“Tôi ở tù rồi, tôi biết thừa mấy chỗ đó.”

“Hắn là thế rồi.”

Nolton đứng lên, nhìn chằm chằm vào gã. “Skip, anh chỉ đang phí thời gian của tôi thôi. Ba mươi phút nữa, tôi quay lại.”

“Vậy cho tôi chút cà phê được không?”

“Cà phê? Tôi chẳng có cà phê. Có ai có cà phê không vậy?” Sáu đặc vụ khác nhìn quanh như thể đang tìm ly cà phê đang trốn đâu đó. Nhưng có vẻ nó trốn kỹ quá, nên họ đều lắc đầu với Nolton. Cô quay đầu ra khỏi phòng. Giờ chỉ còn ba đặc vụ trong phòng. Người bự con nhất ngồi cạnh cửa, bắt đầu lôi thư thoại ra xóa bớt. Hai người kia thì ngồi cùng bàn với Skip, cũng cắm mặt vào điện thoại di động. Căn phòng lặng như tờ, Skip bèn vờ như đang ngủ gật.

Mười lăm phút sau, cửa phòng mở ra, Nolton bước vào, không cần ngồi mà nói ngay với Skip, “Chúng tôi vừa bắt Mickey Mercado ở Coral Gables và sẵn sàng cho anh ta một thỏa thuận rất hời. Nếu anh ta chấp nhận thỏa thuận trước thì khỏi cần anh làm gì, và thỏa thuận dành cho anh cũng biến mất. Nghĩ nhanh đi, Skip, khi còn có thể.”

Nói xong, cô quay người đi ngay. Skip cố làm mặt tỉnh nhưng bụng dạ gã bắt đầu nôn nao. Mắt gã mờ đi, đầu óc choáng váng. Họ không chỉ biết chuyện về Mercado, mà còn bắt gã r ối. Diễn biến này là một đòn quá mạnh giáng xuống gã. Skip nhìn quanh và để ý thấy hai đặc vụ ng ồi ở bàn đang quan sát gã. Hơi thở gã bỗng trở nên khó nhọc. Mồ hôi trán cứ túa ra. Họ đang ghi chú vào điện thoại và nhắn tin.

Vài phút trôi qua, và gã vẫn chưa bị nôn. Gã cố kìm nén, qua được vài phút nữa.

Mười phút sau, Nolton quay lại. Lần này cô ng ồi xuống bàn, dấu hiệu rõ ràng là cô sắp d ùn gã vào đường cùng. Nolton mở lời nhẹ nhàng, “Anh ngốc lắm, Skip. Cựu tù nào cũng sẽ hăm hờ chộp lấy thỏa thuận này.”

“Cảm ơn cô. Nói về chuyện bảo vệ nhân chứng đi.”

Nolton không hề cười, nhưng trong lòng mở cờ vì câu chuyện bắt đầu theo ý cô muốn. “Ta có thể bàn chuyện đó, nhưng tôi không chắc có hiệu quả gì trong trường hợp này không.”

“Sẽ hiệu quả chứ. Các cô làm việc này suốt đấy thôi.”

“Đúng là thế. Vậy giả sử nếu chúng tôi đồng ý che giấu và bảo vệ cho anh, đổi lại chúng tôi được gì? Ngay trên bàn này. Rõ ràng chúng tôi đã tóm được Mercado. Anh ta là người liên lạc trực tiếp với anh? Có kẻ nào cao hơn anh ta không? Anh có thể tiết lộ được những ai? Bao nhiêu tiền? Từ đâu?”

DiLuca gật đầu và nhìn quanh phòng. Gã rất ghét chuyện phản phúc và cả đời gã đã trừng phạt tàn bạo những kẻ chỉ điểm. Nhưng giờ là lúc người ta phải lo thân mình trước. “Tôi sẽ nói hết mọi đi ều tôi biết, nhưng tôi muốn có bản thỏa thuận rõ ràng, giấy trắng mực đen. Và ngay lập tức. Ngay trên bàn, như cô đã nói. Tôi chẳng tin cô, cô cũng đâu tin tôi.”

“Được, cũng hợp lý. Chúng tôi có mẫu văn bản đồng thuận ngắn gọn đã dùng nhiều năm nay. Nó đã được nhiều luật sư biện hộ phê duyệt. Chỉ việc đi ền tên tuổi vào là xong.”

DILUCA ĐƯỢC ĐƯA ĐẾN một phòng khác, ngồi trước máy tính. Gã tự tay thảo lời khai của mình.

Khoảng sáu tuần trước, một người đã đến tìm tôi, tự nhận là Mickey Mercado ở Miami. Anh ta đến gõ cửa nhà tôi, một chuyện khá lạ, vì ít người biết tôi cũng như chỗ ở của tôi. Hóa ra, anh ta biết khá nhiều về tôi. Chúng tôi đến một quán cà phê gần nhà bàn chuyện. Anh ta biết tôi trong băng Phó tế và từng ở tù tại Garvin. Anh ta biết hết về hồ sơ hình sự của tôi. Tôi khá là hoang mang vì chuyện này, và đã hỏi anh ta rất nhiều. Anh ta bảo mình là cố vấn an ninh. Tôi hỏi đó là công việc gì, thì anh ta nói mình làm việc cho nhiều khách hàng, chủ yếu là dân ở vùng Caribbean và nhiều nơi khác, anh ta chỉ nói qua loa, mơ hồ thôi. Tôi hỏi sao tôi có thể chắc chắn anh không phải là cảnh sát, đặc vụ, hay là tên khốn nào đó muốn gài bẫy tôi. Tôi hỏi anh ta có đeo máy ghi âm không. Anh ta cười, cam đoan là không. Rồi chúng tôi cho nhau số điện thoại, và anh ta mời tôi ghé văn phòng anh ta xem cho rõ. Vài ngày sau, tôi đến trung tâm Miami, lên tầng 35 của tòa nhà đó, để gặp anh ta. Văn phòng đó đúng là sang chảnh. Có thư ký và vài nhân viên. Nhưng trên cửa không có tên công ty gì cả. Chúng tôi uống cà phê và nói chuyện một tiếng đồng hồ. Anh ta hỏi tôi còn liên lạc với người trong Garvin không. Tôi bảo là có. Rồi anh ta hỏi tôi thấy chuyện khử một tù nhân ở Garvin có khó không. Tôi mới hỏi có phải anh ta muốn thuê người giết mướn. Anh ta nói là phải, đại loại thế. Bảo là ở đó có một phạm nhân cần được *khử* vì vài vấn đề gì đó với một khách hàng của Mercado. Anh ta chưa cho tôi tên của mục tiêu và tôi cũng chưa đồng ý nhận vụ này. Rồi tôi ra về. Tôi tìm trên mạng và thấy có rất ít thông tin về Mercado. Nhưng tôi tin chắc anh ta không phải là cóm. Cuộc gặp thứ ba của chúng tôi là ở một quán bar tại Boca. Và chúng tôi đã chốt thỏa thuận. Anh ta bảo tôi lấy giá bao nhiêu. Tôi nói là 50.000 đô-la, một con số khá chất vì giá để khử ai đó trong tù thường kém xa con số đó. Nhưng dường như anh ta chẳng quan tâm chuyện giá cả. Anh ta bảo tôi mục tiêu là Quincy Miller, tù chung thân. Tôi chẳng hỏi Miller đã can tội gì, và Mercado cũng không nói gì về chuyện đó. Đây là chuyện làm ăn, và biết chừng đó là quá đủ rồi. Tôi gọi cho Jon Drummik, trùm băng ở Garvin, và anh ta thu xếp mọi chuyện. Anh ta gọi thêm Robert Earl Lane, có lẽ là kẻ nguy hiểm nhất Garvin, cả dân da đen lẫn da trắng đều phải thừa nhận vậy. Mỗi người sẽ nhận trước 5.000 đô-la, sau khi xong việc sẽ nhận tiếp 5.000 nữa. Tôi dự định bỏ túi số còn lại. Không thể đưa tiền mặt vào nhà tù, nên tôi phải sắp xếp đưa tiền cho con trai của Drummik và em trai của Lane. Trong buổi gặp thứ tư, Mercado đưa tôi 25.000 đô-la tiền mặt. Tôi nghĩ là số tiền còn lại chắc chẳng bao giờ nhận được, vì vụ Quincy Miller đâu thành công. Nhưng

lúc đó tôi chẳng quan tâm. Số tiền 25.000 đã là nhiều so với một vụ giết người trong tù. Rồi tôi gặp Adam Stone, tay trong của chúng tôi, và lên kế hoạch giết người. Anh ta chuyển tin cho Drummik và Lane. Vụ tấn công diễn ra trót lọt, nhưng họ không làm đến nơi đến chốn. Stone nói là có một quản giáo khác vô tình xuất hiện hay gì đó. Mercado nổi giận vì vụ này thất bại và không chịu trả số tiền còn lại. Thế là tôi giữ 15.000 đô-la tiền mặt.

Mercado chưa hề nói khách hàng của mình là ai. Tôi chỉ liên lạc với mỗi Mercado. Nói thẳng, tôi cũng không hỏi gì vì tôi cho là với mấy chuyện này, biết càng ít càng tốt. Mà nếu tôi có hỏi, Mercado chắc chắn cũng chẳng buồn trả lời.

Một người bạn của tôi ở Miami, cũng từng vận chuyển ma túy lậu, nói rằng Mercado làm ăn với hai giới hắc bạch, và dân buôn ma túy thường mượn tay anh ta để xử lý rắc rối của mình. Tôi còn gặp anh ta hai lần sau vụ tấn công Miller, nhưng cả hai lần đều không êm đẹp gì. Anh ta hỏi tôi có thể xử Miller trong bệnh viện được không. Tôi đã đến đó xem xét nhưng tình hình không thuận tiện cho tôi lắm. Mercado muốn tôi giám sát tình trạng hồi phục của Miller, và tìm cách chốt cho xong việc tôi đã nhận.

Skip DiLuca

KHI ÂM MƯU GIẾT QUINCY vẫn còn đó, FBI phải ra quyết định. Họ muốn theo dõi Mercado và mong hắn giúp họ lần ra những kẻ cao hơn, thậm chí còn muốn dùng DiLuca làm mồi. Nhưng bao lâu Mercado còn nhờn nhợt và lên kế hoạch trừ khử Quincy thì mối nguy hiểm vẫn chực chờ. Cách an toàn nhất là bắt Mercado, dù cho chẳng ai trong FBI nghĩ hắn sẽ chịu khai hay hợp tác gì.

DiLuca bị tạm giam, và giam riêng, giám sát chặt chẽ, không cho dùng bất kỳ hình thức liên lạc nào. Gã vẫn là tội phạm, không thể nào tin tưởng được. Nếu có cơ hội, chắc chắn gã sẽ tìm cách liên lạc với Mercado, cũng như báo tin cho Jon Drummik và Robert Earl Lane về chuyện Adam Stone là kẻ phản phúc.

Agnes Nolton muốn bắt giữ Mercado và đưa Adam Stone ra khỏi nhà tù Garvin. Kế hoạch của FBI là ngay lập tức đưa anh ta và gia đình đến một thành phố khác, nơi nào đó gần một nhà tù liên bang để anh ta nhận việc

mới, khá khẩm hơn. FBI cũng dự tính đưa DiLuca đi phẫu thuật thẩm mỹ thay đổi khuôn mặt rồi cấp cho gã danh tính mới.

NHƯNG MỘT LẦN NỮA, sự kiên nhẫn được đền đáp. Dùng hộ chiếu Honduras và cái tên Alberto Gomez, Mercado đặt chuyến bay từ Miami đến San Juan, từ đó hấn lại đi máy bay của Air Caribbean đến đảo Martinique, Tây Ấn thuộc Pháp. Đặc vụ nằm vùng ở đó phát hiện hấn đã đến Fort-de-France, thủ phủ của đảo, biết hấn đi taxi đến Oriole Bay Resort, một khu nghỉ dưỡng biệt lập xa hoa ở trên sườn núi. Hai tiếng sau, một máy bay chính phủ hạ cánh xuống sân bay đảo Martinique và các đặc vụ FBI liền lên xe tiến đến resort. Nhưng toàn bộ 25 phòng nghỉ cực kỳ sang trọng ở đó đều đã có người thuê, nên họ bèn đến một khách sạn cách đó năm cây số.

MERCADO THÔNG THẢ dạo quanh resort. Gã ăn trưa một mình cạnh hồ bơi rồi ra một quán bar nhà lá ngắm người ta tản bộ. Các khách khác đang ngồi đó đều là dân châu Âu sang chảnh, không có ai đáng khả nghi. Đến chiều muộn, gã đi bộ dọc một con đường đất bấn lên một nhà lá trên núi, gia nhân mời gã vào và dọn ra một ly cocktail. Biển Caribbean xanh ngắt ngay dưới chân gã. Mercado chìm một điều xì gà Cuba, rồi thông thả ngắm cảnh.

Chủ nhân nhà này là Ramon Vasquez, cuối cùng đã xuất hiện. Diana, bà chủ nhà, người mà Mercado chưa hề gặp mặt, thì đang ngồi trong nhà nhìn ra quan sát.

Ramon kéo ghế ngồi xuống. Hai người chẳng bắt tay. “Đã có chuyện gì?”

Mercado nhún vai như thể chẳng có gì đáng nói. “Không chắc nữa. Chúng nó không chốt được.” Họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Rõ ràng rồi. Anh có kế hoạch để hoàn thành vụ này chưa?”

“Anh muốn thế à?”



“Rất muốn. Người của chúng tôi không vui chút nào và muốn dẹp bỏ mối phiền phức này ngay. Họ và tôi nghĩ có thể tin tưởng anh xử lý mấy chuyện đơn giản thế này. Anh đã bảo là dễ như ăn kẹo. Anh đã nhàn, nhưng chúng tôi muốn mọi chuyện phải đâu vào đấy.”

“Được. Tôi sẽ tiến hành, nhưng chắc là không dễ đâu. Giờ thì hết đơn giản rồi.”

Gia nhân đem ra một ly nước đá cho Ramon. Gã đốt một điếu xì gà, rồi chuyện trò với Mercado thêm nửa tiếng. Sau đó, Mercado xin phép ra về, rửa bộ xuống resort, tắm nắng bên hồ bơi, tán tỉnh một cô gái trẻ suốt buổi tối, rồi ăn tối một mình trong phòng ăn sang trọng.

Hôm sau, Mercado dùng một hộ chiếu Bolivia để quay về San Juan.

Hạt Ruiz chỉ có hai thành phố tự trị. Seabrook, với dân số 11.000 người và Dillon, nhỏ hơn nhiều, với chỉ 2.300 dân. Dillon nằm về phía Bắc, xa nội địa, có thể nói là hẻo lánh và lạc hậu. Ở Dillon, công ăn việc làm khá là khó khăn và cũng chẳng có gì nhiều để buôn bán. Hầu hết thanh niên đều đi làm ăn xa để có kế sinh nhai. Những người còn ở lại, cả già và trẻ, đều chật vật sống với đồng lương còm cõi và trợ cấp của chính phủ.

Trong khi Hạt Ruiz có 80% dân số là da trắng thì ở Dillon tỷ lệ này là 50–50. Năm ngoái, trường trung học ở đó có 61 em tốt nghiệp, 30 trong số đó là da đen. Năm 1981, Kenny Taft đã tốt nghiệp trung học ở đó, như hai anh chị của mình. Gia đình họ sống cách Dillon vài cây số, trong nông trại lâu năm mà cha Kenny mua lại từ tài sản tịch biên của ngân hàng lúc Kenny còn chưa ra đời.

Vicky đã tìm hiểu về chuyện nhà Taft, và đau lòng là họ đã chịu quá nhiều đau khổ. Từ các bài cáo phó trên mạng, chúng tôi biết cha của Kenny đã mất năm 58 tuổi, không rõ nguyên nhân. Tiếp theo là Kenny, bị sát hại vào năm 27 tuổi. Một năm sau, người anh trai cũng thiệt mạng trong tai nạn giao thông. Hai năm sau, chị gái của Kenny, Ramona, chết ở tuổi 36, không rõ nguyên nhân. Bà Vida Taft, người bị bỏ lại sau cái chết của chồng và ba người con của mình, đã phải vào bệnh viện tâm thần của bang vào năm 1996, nhưng hồ sơ không nói rõ sau đó có chuyện gì. Thủ tục nhập viện ở Florida là tài liệu bảo mật, như mọi bang khác vậy. Chúng tôi biết bà đã được ra viện, dù lúc nào không rõ, vì theo mục cáo phó trên tờ tuần báo Seabrook thì bà *đã qua đời bình an tại nhà*. Không có chứng thực di chúc nào của bà và chồng bà cả. Nông trại cũ rộng hai héc-ta của họ giờ là tài sản của hơn chục đứa cháu, dù hầu hết chúng đã rời nơi này tìm kế sinh

nhai. Năm ngoái, Hạt Ruiz định giá bất động sản này là 33.000 đô, và chưa rõ ai đã trả 290 đô-la tiền thuế để nó khỏi bị tịch biên.

Frankie đã lần được đến ngôi nhà nằm cuối con đường rải sỏi. Nơi này đúng là ngô cụt, theo cả nghĩa bóng và nghĩa đen. Rõ ràng nó đã bị bỏ hoang từ lâu. Cỏ mọc xuyên qua những tấm gỗ ở hiên trước. Mấy cửa chớp đã rơi xuống, một số thì treo lủng lẳng trên những cây đinh gỉ sét. Cửa trước được khóa bằng một ổ khóa lớn, cửa sau cũng vậy. Các cửa kính vẫn còn nguyên vẹn, không vỡ tấm nào. Mái tôn có vẻ vẫn còn chắc.

Frankie rảo quanh nhà một lượt, rồi cẩn thận băng qua đám cỏ, trở lại xe. Anh đã lùng sục quanh Dillon hai ngày qua, và nghĩ mình đã tìm được một chuyện đáng để tìm hiểu.

Công việc ban ngày của Riley Taft là giám thị ở trường Trung học Dillon, nhưng việc chính của anh là chăm sóc cho giáo đoàn của mình. Anh là mục sư của Giáo hội Baptist Red Banks, cách chỗ này vài cây số nữa. Hầu hết người nhà Taft đều được chôn cất ở đây, với bia mộ đơn giản, có người còn không đặt bia mộ. Đàn chiên của Riley chưa đến trăm người và không thể đủ tiền trang trải cho một mục sư toàn nhiệm. Thế nên, anh mới phải làm công việc giám thị trường học. Sau vài cuộc gọi, Riley đồng ý gặp Frankie tại nhà thờ vào cuối giờ chiều.

Riley còn trẻ, gần bốn mươi tuổi, vóc người đậm, có vẻ dễ mến với nụ cười tươi rói. Anh dẫn Frankie vào nghĩa trang, chỉ khu mộ của nhà Taft. Cha anh, con cả trong nhà, được chôn giữa Kenny và mẹ mình. Anh kể cho Frankie những bi kịch của gia đình, ông anh mất năm 58 tuổi vì trúng độc gì đó không rõ, Kenny bị sát hại, cha anh chết ngay tại chỗ trong vụ tai nạn trên đường cao tốc, cô của anh thì chết vì bệnh bạch cầu ở tuổi 36. Bà Vida Taft cũng mất 12 năm trước, thọ 77 tuổi. “Tội nghiệp, bà ấy đã hóa điên,” Riley rơm rớm nước mắt. “Bà đã phải tiễn đưa cả ba người con, thật sự không còn sức lực nào để chịu đựng nữa. Bà đã buông bỏ hết rồi.”

“Bà của anh?”

“Phải. Mà sao anh lại muốn biết chuyện gia đình tôi?”

Trước đó, Frankie đã nói qua về Hội Vệ nhân, sứ mạng của chúng tôi, và chuyện chúng tôi đang cố giải oan cho Quincy Miller. Bây giờ anh mới

nói cụ thể, “Chúng tôi nghĩ vụ sát hại Kenny không phải như lời cảnh sát trưởng nói đâu.”

Riley không có phản ứng gì. Anh quay mặt về phía nhà thờ nho nhỏ của mình, “Kiểm chút gì để uống đi.” Hai người đi qua các mộ phần khác của nhà Taft rồi rời nghĩa trang. Họ đi bằng cửa sau vào phòng hội nhỏ. Riley mở tủ lạnh ở góc, lấy ra hai chai nước chanh.

“Cảm ơn anh,” Frankie nói, rồi cả hai cùng ngồi xuống.

“Giả thuyết mới này là sao?” Riley hỏi.

“Anh chưa hề nghe đồn đại gì sao?”

“Chưa hề. Khi chú Kenny bị giết, thế giới như sụp đổ. Lúc đó, tôi mới 15, 16 tuổi, học lớp 10 thì phải, và Kenny như anh trai tôi hơn là chú. Tôi vô cùng ngưỡng mộ chú ấy. Chú là niềm tự hào của cả nhà. Rất thông minh, chu du nhiều nơi. Chú tự hào được làm cảnh sát nhưng còn muốn vươn cao hơn nữa. Chúa ơi, tôi thương chú Kenny vô cùng. Cả nhà đều vậy. Ai cũng thương chú ấy hết. Sybil, vợ chú ấy cũng rất tốt bụng. Vợ đẹp, con ngoan, mọi thứ đều hoàn hảo, thế mà chú ấy lại bị giết. Khi nghe tin, tôi đã ngã quỵ, khóc òa như con nít. Tôi không còn thiết sống nữa. Cứ cho tôi vào mộ với chú cho rồi. Chuyện đó thật quá kinh khủng.” Mắt anh rơm rớm, và anh hít một hơi dài. “Nhưng bấy lâu nay, chúng tôi luôn tin chú ấy vô tình gặp phải băng ma túy và bị bắn. Giờ sau hơn 20 năm, anh lại đến đây bảo tôi chuyện không phải thế. Có thật vậy không?”

“Thật. Chúng tôi tin những kẻ phục kích Kenny là người của cảnh sát trưởng Pfitzner, đồng lõa của bọn buôn ma túy. Kenny biết quá nhiều và Pfitzner sinh nghi.”

Phải mất một hai giây, nhưng Riley tiếp nhận được chuyện này. Chuyện rất sốc, nhưng anh muốn nghe thêm. “Chuyện này thì liên quan gì đến Quincy Miller?”

“Pfitzner đứng sau vụ sát hại luật sư Keith Russo. Russo kiếm tiền nhờ biện hộ cho dân buôn ma túy, rồi bị DEA ép làm chỉ điểm. Pfitzner biết chuyện, dàn xếp vụ giết người, rồi gài tội Quincy Miller gần như hoàn hảo. Kenny biết gì đó về vụ giết người, và chính chuyện đó khiến anh ấy mất mạng.”

Riley cười, lắc đầu, “Chuyện này có vẻ hoang đường thật.”

“Anh chưa hề nghe ai đồn chuyện này sao?”

“Chưa hề Có chuyện này anh nên hiểu, anh Tatum à, Seabrook chỉ cách đây 25 cây số nhưng như cả trăm vậy. Dillon chìm trong thế giới riêng của mình. Một nơi khá là buồn tẻ. Dân ở đây chật vật lắm mới sống nổi, nên chẳng có thời gian để lo về chuyện xảy ra ở Seabrook hay bất kỳ nơi nào.”

“Chuyện đó tôi hiểu mà.” Frankie nói và uống một ngụm.

“Vậy anh nói là mình ngồi tù 14 năm vì tội giết người của kẻ khác?” Riley hỏi, rõ ràng là không tin nổi chuyện đó.

“Phải, 14 năm, 3 tháng, 11 ngày. Và Đức cha Post đã đến giải cứu tôi. Bị giam cầm và bị quên lãng, khi biết rõ mình vô tội, thì đau lắm Riley à. Chính vì thế chúng tôi mới nỗ lực hết sức vì Quincy và các thân chủ khác. Anh nên biết là ngay lúc này, có nhiều người đang bị giam cầm vì tội họ không phạm.”

“Anh nói đúng,” Cả hai cùng vui vẻ uống nước chanh trên tay.

Frankie thừa cơ lấn tới. “Có khả năng, dù rất nhỏ, là Kenny có giữ một số chứng cứ vốn được cất ở nhà kho sau văn phòng của Pfitzner tại Seabrook. Một cộng sự cũ của anh ấy vừa kể cho chúng tôi. Kenny biết tin về kế hoạch phóng hỏa tiêu hủy chứng cứ, nên anh đã lấy đi vài thứ trước vụ hỏa hoạn. Nếu đúng là Pfitzner phục kích Kenny, thì phải có lý do gì khiến ông ta muốn Kenny chết chứ. Chính là bởi Kenny biết gì đó và đang giữ thứ không nên giữ. Ngoài ra, tôi thấy chẳng còn lý do gì khác để giải thích động cơ của Pfitzner cả.”

Riley rất chú tâm vào câu chuyện. “Vậy vấn đề là, chú Kenny đã làm gì với chứng cứ đó? Và anh đến đây vì cái đó, đúng không?”

“Anh hiểu đúng rồi đấy. Tôi không nghĩ Kenny đem nó về nhà, vì như thế có thể gây nguy hiểm cho gia đình mình. Hơn nữa, lúc đó anh ấy đang sống ở nhà cho thuê.”

“Và thám cũng không thích ở đó. Nó nằm ở đường Secretary, phía Đông Seabrook. Thám Sybil đã muốn chuyển qua chỗ khác.”

“Nhân tiện, chúng tôi biết Sybil đang ở Ocala, nhưng cô ấy không muốn nói chuyện với chúng tôi, một lời cũng không.”

“Thím ấy tử tế lắm, luôn cười với tôi. Tôi không gặp thím Sybil nhiều năm rồi, và chắc là cũng chẳng bao giờ gặp lại nữa. Vậy, anh Tatum—”

“Cứ gọi tôi là Frankie.”

“Được, Frankie, anh nghĩ có khả năng chú Kenny đã đưa mấy thứ đó về nhà của cha mẹ, ngay cuối đường bên kia, và giấu ở đó, phải chứ?”

“Đâu có nhiều chỗ để giấu mấy thứ đó, Riley. Nếu Kenny có gì đó cần giấu, một thứ rất giá trị, anh ấy sẽ muốn để nó ở nơi nào đó an toàn mà dễ lấy. Hợp lý chứ? Nhà cũ của ông bà anh có tầng gác mái hay tầng hầm không?”

Riley lắc đầu. “Chẳng có tầng hầm. Còn tầng gác mái thì hình như có. Tôi chưa hề thấy, cũng chưa hề lên đó.” Anh uống một hơi rồi nói, “Frankie à, tôi thấy vụ này có khi là công dã tràng cả thôi.”

Frankie bật cười, “Ừ, chúng tôi chuyên làm mấy việc kiểu đó mà. Chúng tôi tốn cả đồng thời gian đi đầu tra tất tần tật mọi thứ. Nhưng thỉnh thoảng, chúng tôi lại gặp may.”

Riley uống hết chai nước chanh, chậm chậm đứng dậy, bắt đầu đi vòng vòng quanh phòng. Rồi anh dừng lại, nhìn Frankie và nói, “Anh không được vào nhà đó. Quá nguy hiểm.”

“Nó đã bị bỏ hoang nhiều năm rồi mà.”

“Người sống bỏ nó, nhưng hồn ma bóng quế thì không, nơi đó bị ma ám, Frankie à. Chính mắt tôi đã thấy. Tôi nghèo lắm, nhưng có cho tôi cả ngàn đô, và cả một khẩu súng, để vào đó, tôi cũng chẳng ham. Chẳng ai trong nhà tôi dám vào đó cả.”

Đôi mắt Riley bỗng dờ dẩn vì nỗi sợ, và ngón anh run rẩy khi chỉ vào Frankie đang ngẩng đầu sững sờ. Riley bước tới bên tủ lạnh, lấy ra hai chai nữa, đưa một chai cho Frankie rồi ngồi xuống, hơi thở nặng nhọc, hai mắt nhắm nghiền, như thể đang lấy sức để kể một câu chuyện rất dài. Cuối cùng, anh cũng mở mắt ra, “Bà tôi, Vida, được bà ngoại mình nuôi lớn trong một khu định cư da đen cách đây 15 cây số. Giờ nó bị san bằng rồi.

Bà Vida sinh năm 1925. Còn bà sơ của tôi thì sinh đầu đó vào những năm 1870, thời vẫn còn nhiều người da đen từng sinh ra trong cảnh nô lệ. Bà sơ của tôi làm phép phù thủy và tà thuật Phi châu, một chuyện cũng không hiếm vào thời đó. Tôn giáo của bà là kết hợp giữa phúc âm Kitô giáo và những tín ngưỡng duy linh của châu Phi. Bà từng làm bà đỡ và y tá, kiểu dùng thuốc mỡ, dầu, và trà thảo dược để trị bách bệnh. Bà sơ có tác động rất lớn đến bà nội tôi, và cả đời luôn xem mình là một bậc thầy về tâm linh, gọi như vậy vì ai cũng biết cái từ *phù thủy*, là thứ cấm kỵ. Anh đang nghe đấy chứ?”

Frankie vẫn đang nghe, nhưng cảm thấy mình đang phí thời gian. Anh gạt đầu ra vẻ hăng hái, “Có chứ. Nghe hấp dẫn đấy.”

“Tôi đang kể ngắn gọn rồi, chứ chuyện về bà nội tôi viết ra cả quyển sách dày cũng được. Bà là một người rất đáng sợ. Bà thương con, thương cháu, và gồng gánh gia đình, nhưng bà cũng có những mặt rất tối tăm, huyền bí. Tôi sẽ kể một chuyện làm ví dụ. Cô của tôi, Ramona, mất năm 36 tuổi, anh thấy bia mộ của cô ấy rồi đấy. Khi còn trẻ, tầm 14 tuổi gì đấy, cô đã bị một tên xấu xa ở Dillon cưỡng hiếp. Ai cũng biết gã đó. Nhà tôi rất buồn, nhưng không muốn báo cảnh sát. Bà nội tôi không tin vào công lý của người da trắng. Bà nói để đấy bà xử lý. Một tối nọ, lúc nửa đêm trăng tròn, chú Kenny thấy bà đang ở sân sau làm tà thuật. Bà vỗ một cái trống nhỏ, cổ đeo mấy quả bầu khô, chân quấn da rắn, và hát một bài bằng thứ tiếng gì đó không ai hiểu. Sau này, bà mới cho chú Kenny biết là bà đã yểm bùa kẻ cưỡng hiếp cô Ramona. Tin đồn lan ra, mọi người ở Dillon, ít nhất là mọi người da đen, đều biết gã đó đã bị quỷ缠 rửa. Vài tháng sau, gã bị chết cháy trong một tai nạn giao thông, và từ đó người ta không còn dám đến gần bà tôi. Vì sợ bà quá mà.”

Frankie im lặng nghe, không bình phẩm lời nào.

“Thời gian trôi đi, bà tôi ngày càng điên hơn, cuối cùng chúng tôi không còn lựa chọn nào khác. Chúng tôi phải thuê luật sư ở Seabrook để đưa bà vào trại tâm thần. Bà nổi cơn lôi đình với cả nhà và đe dọa chúng tôi. Thậm chí còn đe dọa cả luật sư và thẩm phán. Ai cũng kinh hoàng. Chúng tôi chẳng thể làm gì với bà khi bà ở trại, và bà đã tìm được cách thuyết phục họ cho mình về nhà. Bà bảo chúng tôi phải tránh xa bà và ngôi nhà, và chúng tôi làm theo như vậy.”

Frankie giờ mới có cái để nói, “Theo tờ cáo phó, thì bà mất năm 1998.”

“Phải, vào năm đó, nhưng không ai biết ngày nào. Anh họ Wendell của tôi thấy lo và tìm đến nhà, thì thấy bà đang nằm đó rất bình an thanh thản, ngay ngắn chính giữa giường, chân kéo lên tới cằm. Lúc đó bà đã trút hơi thở cuối cùng vài ngày rồi. Bà để lại một mảnh giấy căn dặn phải chôn cất bà cạnh các con, không làm tang lễ gì cả. Bà còn viết rằng việc cuối cùng bà làm là yểm lời nguyện lên ngôi nhà đó. Dù nói ra chẳng hay ho gì, nhưng chúng tôi đều nhẹ nhõm khi bà ra đi. Chúng tôi vội vã chôn cất bà trong một ngày mưa bão, làm lễ an táng sơ sài, chỉ có người thân trong gia đình dự. Và lúc hạ hòm của bà xuống, thì có tia sét đánh vào một cây trong nghĩa trang, chúng tôi ai nấy đều sởn tóc gáy. Cả đời tôi chưa hề thấy sợ hãi đến thế, và cũng chưa lúc nào mừng hơn thế khi thấy đất đã phủ kín hòm của bà.”

Riley uống một hơi dài, lấy bàn tay chùi miệng. “Bà tôi đấy. Chúng tôi gọi là bà, nhưng hầu hết bạn bè chúng tôi đều gọi bà là phù thủy, dù chỉ dám nói sau lưng.”

Với giọng chắc nịch, Frankie quả quyết, “Ta phải vào tầng gác mái xem sao.”

“Anh điên rồi.”

“Ai giữ chìa khóa vậy?”

“Tôi, nhưng nhiều năm rồi tôi chẳng vào đó. Đã cắt điện nhà đó từ lâu rồi, nhưng thỉnh thoảng ban đêm vẫn thấy có ánh sáng lập lờ trong đó. Ánh sáng ma trời đó cứ bay vòng vòng. Chỉ có điên mới vào đó. Tôi cần ra ngoài hít khí trời một chút.”

Thế là cả hai ra ngoài, bước lên xe.

Riley nói, “Chuyện này là thật đấy. Chú Kenny chết hơn hai chục năm rồi, và bấy lâu nay đâu có ai quan tâm gì. Thế mà trong vòng một tuần lại có anh và hai người nữa đến hỏi thăm.”

“Hai người nữa?”

“Tuần trước có hai người da trắng đến đây, hỏi thăm về chú Kenny. Hỏi xem chú ấy lớn lên ở đâu? Đã sống ở đâu? Được chôn đâu? Tôi chẳng



thích họ và giả vờ không biết gì.”

“Họ là dân ở đâu thế?”

“Tôi không hỏi. Mà tôi nghĩ họ cũng không chịu nói đâu.”

Cuộc phẫu thuật đầu tiên của Quincy, dài sáu tiếng để chỉnh lại vai và xương đòn, đã diễn ra tốt đẹp, các bác sĩ rất hài lòng. Tôi ngồi lại với anh vài giờ sau khi anh tỉnh dậy. Cơ thể bầm dập của anh đang hồi phục rất tốt, và trí nhớ cũng dần phục hồi, dù cho anh vẫn không nhớ gì về vụ tấn công. Tôi không kể cho anh những chuyện chúng tôi đã biết về Drummik và Lane, Adam Stone và DiLuca. Anh đang phải dùng thuốc liều nặng và chưa sẵn sàng để nghe hết sự tình.

Trong giờ làm việc, luôn có một quân giáo thay phiên nhau túc trực trước cửa phòng bệnh của Quincy, nhưng không chỉ có vậy. Bảo vệ bệnh viện, cảnh sát Orlando và FBI cũng thay phiên canh gác, và tôi rất vui khi có họ để chuyện gẫu, như thế đỡ chán hơn nhiều. Tôi thường thấy choáng váng trước cả đồng chi phí của những chuyện này. Hằng năm nhà nước phải tốn 50.000 đô-la để giữ Quincy trong tù, và suốt 23 năm ròng. Nhưng chừng đó chẳng là gì so với số tiền đang chi trả để giữ anh còn sống và chữa trị thương tích cho anh. Chưa kể đến chi phí cho an ninh. Hàng triệu đô-la vốn đã chẳng bị phí phạm nếu con người vô tội này từ đầu không bị đẩy vào tù.

Tôi đang thiếp một giấc trên giường xếp trong phòng Quincy thì chuông điện thoại reo. Đặc vụ Nolton hỏi tôi có ở trong thành phố không, cô ấy có một thứ muốn cho tôi xem. Tôi lái xe đến văn phòng cô, rồi theo cô sang một phòng họp lớn, nơi một chuyên viên IT đang chờ.

Anh ta hạ ánh sáng trong phòng xuống, mở màn hình lớn lên. Một gương mặt xuất hiện, nam giới, da trắng, tầm 60 tuổi, điển trai đúng kiểu quý ông, với đôi mắt rực lửa và chòm râu muối tiêu. Agnes cho biết, “Gã

này là Ramon Vasquez, đi đầu hành cấp cao lâu năm của băng Saltillo, giờ có vẻ như đã gác kiếm rồi.”

“Cái tên này có vẻ quen,” tôi nói.

“Chờ chút.” Cô bấm chuột, và hình ảnh tiếp theo hiện ra, ảnh chụp trên không của một resort nhỏ nằm bên sườn núi, bao quanh là một màu nước biển xanh ngắt. “Đây là nơi hắc đang dành phần lớn thời gian để ở lại. Đảo Martinique, Tây Ấn thuộc Pháp. Khu nghỉ dưỡng đó có tên là Oriole Bay Resort, thuộc sở hữu của một trong hàng triệu công ty vô danh đặt trụ sở ở Panama.” Cô lại bấm tiếp và mặt Mickey Mercado hiện ra. “Ba ngày trước, anh bạn của ta đã dùng hộ chiếu Honduras để bay đến Martinique, rồi gặp Vasquez tại resort này. Chúng tôi có đến đó, nhưng không vào trong được, nhưng có lẽ thế lại hay. Ngay hôm sau, Mercado dùng hộ chiếu Bolivia để quay về Miami qua ngã San Juan.”

Đến giờ tôi mới chợt nhớ ra. “Vasquez là gã bạn trai thời đó của Diana Russo.”

“Phải, giờ vẫn thế. Họ ở với nhau kể từ khoảng thời gian sau khi chồng cô ta chết,” Nolton lại bấm chuột. Mercado biến mất và nửa màn hình đổi sang màu đen. Nửa kia vẫn là hình hòn đảo. “Chẳng có hình của Diana. Dù tính xác thực của tin tình báo ở vùng Caribbean có hơi thiếu ổn định, nhưng theo những gì chúng tôi thu thập được, thì hầu hết bao năm qua, họ ở trong biệt khu xa hoa ở resort của mình. Có thể nói cô ta đi đầu hành nơi này, nhưng cực kỳ kín tiếng. Họ cũng đi du lịch nhiều, khắp thế giới. DEA không chắc những chuyến du lịch của họ có liên quan đến chuyện buôn ma túy hay chỉ là muốn đổi gió. DEA nghĩ Vasquez đã qua thời đỉnh cao nhưng vẫn còn cố vấn cho băng. Có thể vụ sát hại Russo do gã chỉ đạo và giờ gã muốn xóa sạch dấu vết. Hoặc có thể gã vẫn đang còn hoạt động. Nhưng dù là gì, có thể thấy gã cực kỳ cẩn trọng.”

Tôi lùi lại bên một chiếc ghế, ngả phịch xuống, lấp bắp, “Vậy là cô ta có liên quan.”

“Chuyện đó chúng ta chưa biết chắc, nhưng đột nhiên, giờ có vẻ cô ta nhúng chàm khá sâu đấy. Cô ta đã từ bỏ quốc tịch Mỹ từ 15 năm trước, và giờ chỉ dùng quốc tịch Panama. Vụ này chắc phải tiêu tốn tầm 50.000 đô. Tên mới của cô ta là Diana Sanchez, nhưng tôi cá chắc là cô ta vẫn còn

nhì ầu tên khác. Ai biết cô ta còn bao nhiêu hộ chiếu khác. Chẳng có thông tin gì về chuyện hai người chính thức kết hôn. Có vẻ họ cũng không có con cái. Anh xem mấy ảnh này đủ chưa?”

“Còn nữa sao?”

“Còn chứ.”

FBI ĐÃ THEO DÕI Mercado và chuẩn bị bắt gã ngay khi phạm sai lầm ngớ ngẩn nào. Gã đã chọn nh ầm điện thoại và gọi đến một số điện thoại không thể dò. Nhưng cuộc điện đàm đó đã bị ghi âm lại. Mercado bảo người ở đầu dây bên kia ngày mai đến gặp gã ở một quán hải sản tại Key Largo để ăn trưa. FBI đang tiến nhanh đến không ngờ, và tôi quá mừng khi đã bắt tay với họ. Nolton đã xin được lệnh bắt và các đặc vụ đến địa điểm đó chờ sẵn. Họ đã chụp hình Mercado trong bãi đỗ xe, quay phim lại bữa trưa của gã với người kia, chụp hình khi cả hai lên xe ra về. Chiếc SUV Volvo đời mới nhất của người kia được đăng ký dưới tên Bradley Pfitzner.

Trên hình, ông ta trông rất phong độ, với chòm râu và mái tóc muối tiêu b ồng b ềnh. Cuộc sống về hưu trong xa hoa thật đúng là thuốc tiên. Phong cách và sự linh hoạt của Pfitzner chẳng có gì là của một người gần 80 cả.

Nolton lên tiếng, “Chúc mừng, Post. Cuối cùng ta đã có bằng chứng về mối liên hệ của chúng.”

Tôi sững đến tê dại cả người, chẳng nói được gì. Nolton tiếp, “Dĩ nhiên ta không thể truy tố Pfitzner vì đi ăn trưa được, nhưng chúng tôi sẽ kiếm lệnh bắt và chúng tôi biết khi nào gã sẽ phạm sai lầm.”

Tôi ái ngại, “Cẩn thận đấy. Lão khôn lắm.”

“Phải, nhưng những tên tội phạm khôn nhất cũng có lúc làm chuyện ngu ngốc. Lão gặp Mercado là dí quà vào tay ta rồi.”

“Không có gì cho thấy Pfitzner có liên hệ với DiLuca?” tôi hỏi.

“Hoàn toàn không. Tôi dám cá chắc là Pfitzner còn chẳng biết DiLuca là ai. Mercado hoạt động trong thế giới ngầm, biết về băng Phó tế và dàn xếp vụ phục kích. Có thể Pfitzner cấp tiền cho vụ đó, nhưng ta chẳng bao giờ

chứng minh được, trừ phi Mercado chịu khai. Nhưng những tên như gã không đời nào khai đâu.”

Cả đồng thông tin mới này quá choáng ngợp, và tôi đang cố sắp xếp lại cho rõ ràng. Phản ứng đầu tiên của tôi là, “Kinh khủng thật. Chỉ trong vòng ba ngày, mà Mercado dẫn các cô đến chỗ Ramon và Diana, rồi cả Bradley Pfitzner.”

Agnes gạt đầu xem đó là lời tán thưởng, cô rất tự hào về tiến triển này nhưng quá nghiêm túc chẳng thể hả hê ra mặt. “Các mảnh ghép bắt đầu khớp với nhau rồi, nhưng đích vẫn còn xa lắm. Phải tăng tốc mới được. Có gì tôi sẽ cập nhật cho anh.” Xong rồi, cô qua phòng khác họp tiếp, để lại tôi với anh chàng IT trong phòng. Tôi ngồi đó, trong ánh sáng mờ mờ, nhìn chăm chăm lên tấm màn chiếu và cố tiêu hóa cả đồng thông tin mới đến choáng ngợp này. Agnes nói đúng về chuyện chúng tôi bất ngờ có thêm quá nhiều thông tin về âm mưu sát hại Keith, nhưng chúng tôi có thể chứng minh được bao nhiêu trong số đó? Và bao nhiêu phần trong đó giúp được cho Quincy?

Cuối cùng tôi rời đi, lái xe về bệnh viện và thấy Marvis đang ngồi cạnh anh mình. Anh ấy bảo tôi là đã xin sắp nghỉ phép vài ngày và sẽ quanh quẩn ở đây. Đúng là một tin tốt, thế là tôi liền về nhà nghỉ dọn đồ đạc. Tôi lái xe đi mà lòng nôn nao háo hức đến nỗi phải tắt xe vào lề, bước ra đi bộ vài vòng quanh xe cho lắng bớt. Trên đường đi, một kế hoạch dần hình thành trong đầu. Rồi tôi gọi bạn thân mới của mình, đặc vụ Agnes Nolton.

“Sao thế?” Cô ấy háng hái mở lời sau khi tôi phải chờ mấy mươi phút.

“Cách duy nhất để buộc tội được Pfitzner là đẩy ông ta vào trong âm mưu này.”

“Nghe như kiểu gài tội.”

“Cũng gần như thế, nhưng sẽ thành công.”

“Anh nói rõ hơn đi.”

“Cô đã đưa DiLuca đến chỗ trú ẩn bí mật chưa?”

“Chưa, gã vẫn còn đây.”

“Ta cần gã làm thêm một việc trước khi mai danh ẩn tích.”

Ở HIALEAH PARK, DiLuca ngồi ở góc khán đài cách xa các khán giả khác. Gã cần một tỉ lệ cá cược như chuẩn bị đặt cược vào con ngựa nào đấy. Trên người gã đang mang máy ghi âm loại tân tiến nhất, có thể thu âm được tiếng hươu thỏ cách cả 30 mét. Hai mươi phút sau, Mercado xuất hiện, ngồi xuống cạnh gã. Hai người cần hai lon bia mới mua ở máy, chờ xem cuộc đua tiếp theo.

DiLuca mở lời, “Tôi có kế hoạch này. Sau khi phẫu thuật xong, họ lại chuyển phòng cho Miller. Gã vẫn ngày một khá hơn, nhưng còn lâu mới xuất viện được. Lúc nào cũng có người canh gác, thay ca liên tục. Nhà tù thỉnh thoảng cũng cử người đến. Và kế hoạch của ta dựa vào đó. Ta sẽ mượn một bộ đồ quần áo của Stone cho người của tôi mặc. Anh ta chờ đến tối mới vào bệnh viện, vờ như vào phiên gác. Ta sẽ báo tin có bom ở bệnh viện, có khi cho nổ đôi chút ở tầng hầm, nổ không thôi, chẳng chết ai cả. Thế là bệnh viện sẽ náo loạn lên. Kiểu như sắp có tấn công khủng bố gì đó. Trong lúc đó, người của tôi sẽ xử Miller. Tôi tính dùng EpiPen, mua ở tiệm thuốc, nhưng thế ricin hoặc xyanua vào. Chỉ cần đâm kim vào chân là Miller sẽ lên đường trong năm phút. Nếu có tình tảo, gã cũng không thể phản ứng kịp thời, nhưng thường thì bác sĩ cho gã hôn mê. Ta sẽ làm vào tối muộn, vì như thế khả năng cao là gã đang ngủ. Người của ta đi vào rồi đi ra, hòa vào đám đông hỗn loạn, quá trơn tru, đơn giản.”

Mercado nốc ngụm bia, cau mày. “Tôi chẳng biết nữa. Có vẻ mạo hiểm quá.”

“Đúng, nhưng tôi sẵn sàng mạo hiểm như thế. Nếu anh trả tiền.”

“Tôi nghĩ bệnh viện chỗ nào cũng có máy quay.”

“Trên cửa thôi, trong phòng làm gì có. Người của tôi vào được vì đang mang danh quần áo mà. Khi vào được rồi, chỉ mất vài giây để ra tay rồi lại lẫn vào đám đông hỗn loạn ngay. Nếu có bị ghi hình cũng chẳng sao cả. Làm sao họ biết được anh ta là ai. Tôi sẽ cho anh ta lên máy bay đi ngay, trong vòng một tiếng.”

“Nhưng Miller đang ở bệnh viện, bác sĩ giỏi đẩy ra đó.”

“Đúng, nhưng đến lúc họ xác định được độc tố thì gã đã chết rồi. Cứ tin tôi đi. Hắn ở tù, tôi đã đầu độc ba tên, mà chỉ cần thuốc tự chế thôi đấy.”

“Tôi chẳng biết nữa. Tôi sẽ suy nghĩ xem sao.”

“Với anh thì đơn giản quá mà, Mickey. Anh chỉ lo mỗi chuyện tiền nong. Nếu người của tôi bị bắt, anh ta cũng không khai gì đâu. Tôi hứa đấy. Nếu Miller vẫn còn thở, anh khỏi cần thanh toán nữa còn lại. Nhưng ra tay trong tù thì rẻ. Ngoài này thì không.”

“Bao nhiêu?”

“Một trăm ngàn. Đưa một nửa ngay, nửa kia cứ để sau đám tang gã. Cộng thêm 25.000 của vụ trước.”

“Thế thì hơi quá đấy.”

“Sẽ cần đến bốn người, tôi và ba người khác, và phải có người chế bom. Phức tạp hơn đâm ai đó trong tù nhiều.”

“Đòi chừng đó là quá nhiều.”

“Thế anh muốn gã chết hay không?”

“Nếu người của anh không kém cỏi thì giờ gã đã chết rồi.”

“Anh muốn hay không, nói đi.”

“Nhiều tiền quá.”

“Với mấy khách hàng của anh, thì nó chỉ là chút bạc lẻ.”

“Tôi sẽ suy nghĩ xem sao.”

Bên kia đường đua, gần bãi tập hợp ngựa, một đội ngũ trong xe thùng chuyển hàng đã quay lại toàn bộ, còn phần âm thanh đã có máy cài trên người DiLuca lo.

PFITZNER ĐI ĐẠO ĐƯỜNG DÀI cùng bà vợ thứ hai, đi câu cá với bạn trên chiếc thuyền Grady-White dài mười mét, mỗi thứ Hai và thứ Tư đều đi đánh golf với một hội bốn người. Nhìn áo quần xịn, nhà cửa hoành tráng, xe sang, ăn nhà hàng ngon, còn tham gia câu lạc bộ, thì rõ ràng ông ta sống khá là sung túc. Họ chỉ quan sát Pfitzner, không vào nhà vì có quá nhiều máy quay an

ninh. Ông ta có một iPhone dùng để gọi các cuộc thông thường, và ít nhất một điện thoại rác để gọi những cuộc nhay cảm. Suốt 11 ngày, Pfitzner chỉ quanh quẩn ở sân golf và bến thuyền.

Sang ngày thứ 12, ông ta rời Marathon, vào xa lộ đi về hướng Bắc. Lúc ông ta đến Key Colony Beach, kế hoạch bắt đầu được kích hoạt. Tình hình bắt đầu nóng lên khi Mercado lên đường rời Coral Gables. Gã đến Key Largo trước và tập vào bãi đỗ xe bên ngoài nhà hàng Snooks Bayside. Hai đặc vụ mặc quần soóc áo sơ-mi hoa hòe cũng vào, ngồi ở một bàn phía bờ biển, cách bàn của Mercado gần mười mét. Mười phút sau, Pfitzner đến, bước vào mà không xách theo túi tập gym, một sai lầm.

Khi Mercado và Pfitzner ngồi ăn salad hải sản, FBI đã lấy chiếc túi tập gym khỏi chiếc Volvo của gã. Bên trong là năm xấp tiền 100 đô-la cột gọn gàng bằng dây thun. Không phải tiền mới, chúng được cột bó như vậy cũng khá lâu rồi. Tổng cộng là 50.000 đô. Họ lấy đi hai xấp, và thay vào bằng những tờ mới hơn, với số serial đã được ghi lại. Túi tập gym được thả lại vào sàn sau của chiếc Volvo. Thêm hai đặc vụ nữa đến, tổng cộng bây giờ đội ở đó đã được mười người.

Ăn trưa xong, Pfitzner thanh toán bằng thẻ American Express. Rồi cả hai bước ra khỏi quán, nán lại trước chiếc Volvo. Pfitzner mở cửa, lấy túi tập gym, không mở ra xem mà đưa ngay cho Mercado. Gã thản nhiên cầm lấy như đã quen kiểu này lắm rồi. Khi Mercado chưa kịp quay đi thì có tiếng hô lớn, “Đứng yên! FBI đây!”

Bradley Pfitzner tái mặt, ngất xỉu, đổ sập vào chiếc xe cạnh chiếc Volvo. Ông ta nằm im trên mặt đường, còn Mercado thì bị các đặc vụ đè xuống, khóa còng và lấy chiếc túi. Khi Bradley đứng dậy, ông ta vẫn còn choáng, bên tai trái bị xước, một đặc vụ lấy khăn giấy lau sơ qua, rồi hai nghi phạm bị đưa lên xe về Miami.



Ngày hôm sau, đặc vụ Nolton gọi báo tin là Skip DiLuca đã lên máy bay đi Sao Hỏa với hành trang là danh tính mới và cơ hội làm lại cuộc đời. Bạn gái của gã sẽ được đoàn tụ với gã sau. Agnes báo thêm tin đã bắt giữ Pfizner và Mercado, nhưng chỉ đến thế thôi. Không ngạc nhiên khi công ty luật của Nash Cooley đại diện cho cả hai, và chuyện khởi tố sớm gặp trắc trở về đám luật sư của gã bắt đầu hạch sách. Cả hai bị cáo đầu đề đơn xin tại ngoại, nhưng thẩm phán liên bang không chấp thuận.

Giọng Agnes có vẻ thoải mái hơn, và cô kết cuộc chuyện trò bằng câu, “Sao anh chưa mời tôi đi ăn tối thế?”

Giờ mà ngập ngừng thì kém quá nên tôi đáp liền, “Vây đi ăn tối với tôi nhé!” Do kiêu bång quan thường trực đối với người khác giới, nên lâu nay tôi không buồn để ý xem Agnes có đeo nhẫn cưới hay không. Tôi đoán chắc cô ấy tầ 42 tuổi, và nhớ là có thấy ảnh con nít trong văn phòng cô.

“Được, tôi nhận lời.” cô nói. “Ta gặp nhau ở đâu đây?”

“Đây là địa bàn của cô mà,” tôi nói, cố đẩy đưa vụ đó. Ở Orlando, tôi chỉ ăn mỗi một chỗ là căng-tin tầ hầ bệnh viện Mercy. Đồ ăn ở đó thì quá thảm, nhưng lại được cái rẻ. Giờ thì tôi cố lục lọi trong đầu xem thử hạn mức thẻ tín dụng gầ nhất của tôi còn bao nhiêu. Tôi có đủ tiền trả một bữa ở nhà hàng sang trọng không nhỉ?

“Anh ở đâu?” cô hỏi.

“Ở bệnh viện. Nhưng không sao đâu. Tôi có xe mà.” Thật ra, tôi trú ngụ ở một nhà nghỉ rẻ tiền nằm ở khu khá khét tiếng của thành phố, một nơi tôi không đời nào kể ra cho ai. Còn xe? Một chiếc Ford SUV nho nhỏ, lớp đã mòn vì cả triệu cây số đường. Chợt tôi nghĩ ra hầ Agnes đã biết hết rầ.

Thế nào FBI chẳng tìm hiểu về tôi. Nghe tôi bảo có xe rồi nên cô ấy muốn gặp tôi tại nhà hàng, hơn là theo *thông lệ* tôi đến đón cô ấy đi. Nói hay lắm, Agnes.

“Ở đường Lee có một nhà hàng tên Christner. Gặp nhau ở đó đi. Và phần ai này trả nhé.”

Nghe thế tôi càng thích Agnes hơn. Mà có khi tôi yêu cô ấy mất rồi. “Nếu cô nhất quyết vậy.”

Với tấm bằng luật và 18 năm thâm niên, mức lương của Agnes hẳn phải trên 120.000, hoặc nếu so sánh thì còn hơn cả tổng lương của tôi, Vicki và Mazy cộng lại. Thật sự thì tôi và Vicki chẳng quan tâm đến lương cho lắm. Chúng tôi lấy 2.000 mỗi tháng để chi dùng những thứ thiết yếu, và đến Giáng Sinh, nếu trong tài khoản của Hội còn sót lại gì đó thì sẽ tự thưởng cho mình chút đỉnh.

Tôi chắc là Agnes biết thừa tôi sống rất kham khổ.

Đến buổi hẹn này, tôi mặc chiếc áo sơ-mi sạch sẽ duy nhất và chiếc quần kaki cũ sờn. Cô thì đi thẳng từ văn phòng đến, với bộ vest lịch sự tao nhã như mọi khi. Chúng tôi ngồi ở quầy uống một ly rượu rồi ra bàn. Sau khi gọi một ly rượu nữa, Agnes nói ngay, “Đừng nói chuyện phiếm nữa nhé. Nói về chuyện ly hôn của anh đi.”

Tôi cười gượng gheo vì câu hỏi đột ngột của cô, dù đã lường trước sự thế. “Sao cô biết?”

“Đoán thôi. Anh nói về chuyện của anh trước, rồi đến tôi, và thế là ta khỏi phải nói về chuyện công việc.”

Thế là tôi bắt đầu miên man về miền quá khứ. Tôi gặp Brooke ở trường luật, kết hôn, làm luật sư công, rồi gặp cú sốc sụp đổ khiến tôi vào chủng viện rồi chuyển nghề giúp người vô tội.

Cô phục vụ đến, chúng tôi gọi salad và mỳ Ý.

Còn về phần Agnes, thật ra, cô đã ly hôn hai lần. Lần ly hôn đầu không nặng lòng gì lắm, còn lần thứ hai thì đau lòng và mới cách đây hai năm thôi. Anh ấy là một giám đốc điều hành, thường xuyên phải chuyển chỗ làm. Cô thì muốn tập trung vào sự nghiệp và chán cảnh cứ phải chuyển

nhà suốt. Cuộc chia ly rất đau lòng vì cả hai vẫn yêu nhau. Hai đứa con tuổi teen của họ vẫn đang cố chấp nhận chuyện này.

Agnes rất hứng thú với việc tôi làm, còn tôi thì quá sẵn lòng nói về những người được chúng tôi đã và đang giải oan. Chúng tôi ăn uống, nói chuyện vô cùng vui vẻ. Tôi quá vui khi được ngồi cùng một phụ nữ xinh đẹp và thông minh thế này, hơn nữa lại còn được ăn một bữa ở chỗ hàng hoàng thay vì căng-tin bệnh viện ảm đạm. Có vẻ cô đang rất cần những cuộc chuyện trò không dính dáng gì đến công việc.

Nhưng đến giờ tráng miệng với tiramisu và cà phê, chúng tôi lại tự nhiên trở lại những vấn đề cấp thiết. Thật sự, chúng tôi thấy khó hiểu về hành động của Bradley Pfitzner. Suốt bao nhiêu năm ròng, ông ta sống cuộc đời tiện nghi thoải mái, cách xa địa bàn phạm tội của mình. Ông ta chưa hề phải đối diện với nguy cơ bị truy tố, dù là nhỏ nhất. Người ta đã nghi vấn và đi điều tra, nhưng ông ta khôn ngoan và đủ may mắn để không bị nắm thóp. Ông ta gác kiếm với đồng tiền, và đã tìm được cách biến chúng thành tiền sạch. Chẳng ai thấy tay ông ta có chút gì là dính chàm. Pfitzner đã làm trót lọt chuyện đẩy Quincy vào tù và bịt miệng Kenny Taft. Tại sao giờ ông ta lại mạo hiểm khiến mình bị dính líu đến âm mưu giết Quincy để dập tắt những nỗ lực của chúng tôi?

Agnes cho là ông ta làm vì băng ma túy đó. Có lẽ thế, nhưng tại sao băng đó, và cả Pfitzner nữa, lại quan tâm chuyện chúng tôi giải oan cho Quincy đến vậy? Chúng tôi đâu có manh mối gì để tìm ra tay sát thủ đã giết Russo từ 23 năm trước. Và nếu tình cờ Chúa cho chúng tôi biết chuyện đó đi nữa, thì vẫn còn cần thêm mấy phép lạ mới có thể liên hệ ông ta với băng ma túy đó. Giải oan cho Quincy đâu đồng nghĩa với phá được vụ án giết người đó.

Agnes nghĩ là Pfitzner và băng ma túy cho rằng tấn công trong tù là việc dễ dàng và kín đáo, không để lại dấu vết gì. Chỉ cần tìm vài tên cứng cựa chịu án lâu năm và hứa cho chút tiền là xong. Khi Quincy đã nằm dưới mồ rồi, chúng tôi chỉ còn cách khép lại vụ này mà thôi.

Chúng tôi cùng nghĩ là có lẽ tuổi già đã khiến Pfitzner mất đi sự nhạy bén, ông ta đã suy tính ẩu khi biết có người đủ trình độ đang đào bới những chuyện mà theo ông đã bị chôn chặt rồi. Pfitzner biết vụ của chúng tôi đúng

là án oan, biết chúng tôi đã chứng minh được thực lực và sự kiên trì vốn thường dẫn đến thành công. Khi Quincy được giải oan sẽ tạo ra nhiều nghi vấn bỏ ngỏ. Cho anh lên xe tang cũng đồng nghĩa với chôn vùi những nghi vấn đó.

Còn có khả năng Pfitzner tin mình bất khả xâm phạm. Suốt bao nhiêu năm, ông ta chính là pháp luật. Ông ta hoạt động cả trong và ngoài pháp luật, vừa dưới bóng pháp luật vừa vượt trên pháp luật, vừa làm hài lòng cử tri vừa tự tung tự tác. Ông ta nghỉ hưu với cả đồng tiền và tự cho là mình thông minh. Giờ chỉ cần phạm thêm một tội ác, một vụ đơn giản là ám sát trong tù, chắc chắn ông ta có thể dẹp yên chuyện và không bao giờ phải lo lắng gì nữa, có gì mà không làm chứ.

Agnes kể cho tôi nghe nhiều chuyện ngu ngốc mà mấy tên tội phạm thông minh từng mắc. Cô nói mấy chuyện đó đủ để viết cả quyển sách.

Chúng tôi đoán già đoán non, rồi nói chuyện về quá khứ của nhau, một cuộc nói chuyện thú vị. Các thực khách khác lần lượt ra về nhưng chúng tôi cũng chẳng để ý. Đến lúc bị cậu phục vụ nhìn với ánh mắt khác lạ, chúng tôi mới nhận ra nhà hàng đã vắng hoe nên gọi trả tiền, bắt tay tạm biệt và thống nhất lúc nào đó sẽ đi thế này thêm lần nữa.

Khi FBI nắm thóp được Adam Stone và Skip DiLuca, tôi mới nhận ra rằng Quincy Miller còn một vụ kiện dân sự khá là hời. Có cả sự đồng lõa của nhân viên nhà nước là Stone, nên đây là một vụ thiệt hại mang tính chủ tâm hơn nhiều so với những vụ đánh nhau giữa các tù nhân. Bang Florida phải chịu trách nhiệm, không có cách nào thoát tội được. Tôi đã bàn rất kỹ chuyện này với Susan Ashley Gross, đồng luật sư cho Quincy, và cô khuyên tôi nên chuyển nó cho một luật sư tên Bill Cannon ở Fort Lauderdale.

Ở Florida, luật sư chuyên về bồi thường nhiều lắm. Luật của bang thường đứng về phía nguyên đơn, bồi thẩm đoàn lại có học thức và lâu nay có tiếng là rộng lượng. Hầu hết thẩm phán, ít nhất là các thẩm phán vùng ngoại ô, thường phán quyết có lợi cho các nạn nhân. Những yếu tố này tạo điều kiện cho các luật sư hung hăng và thành đạt nảy nở. Chỉ cần nhìn những tấm bảng trên các xe taxi của Florida, chắc cũng đủ để bạn muốn mình bị tai nạn gì đó cho rồi. Mở chương trình tivi ban sáng là vô số luật sư tìm thân chủ đang đang cảm với nỗi đau của bạn.

Bill Cannon không quảng cáo vì chẳng cần quảng cáo. Anh nổi danh cả nước. Anh có 25 năm thâm niên và từng thuyết phục được các bồi thẩm đoàn phê chuẩn án bồi thường tổng cộng hàng tỷ đô-la. Những tay bu bám xe cứu thương lùng sục các ngã đường để tìm về cho anh ấy các vụ án. Anh lướt qua và chọn những vụ ngon lành nhất.

Tôi lại quyết định thuê Bill vì những lý do khác. Trước hết, anh tin vào chính nghĩa và đã quyên góp rất rộng tay cho nhóm bảo vệ người vô tội của Susan Ashley. Thứ hai, anh tin vào chuyện làm việc không công, và mong các cộng sự cũng như đồng僚 quyên góp 10% quỹ thời gian của mình để

biện hộ cho những người kém may mắn. Dù giờ anh có cả máy bay riêng, nhưng anh không bao giờ quên xuất thân nghèo khó và nỗi đau khi ngôi nhà của mình bị tịch biên sai trái.

Ba ngày sau khi Mercado và Pfitzner bị bắt, Cannon thay mặt Quincy đệ đơn kiện Sở Cải huấn Florida, Mickey Mercado và Bradley Pfitzner, đòi 50 triệu đô-la tiền bồi thường. Đơn kiện còn liệt kê tên của Robert Earl Lane và Jon Drummik, Adam Stone và Skip DiLuca, nhưng sẽ buông tha cho họ sau. Ngay sau khi đệ đơn kiện, Cannon liền thuyết phục một thẩm phán đóng băng tài khoản ngân hàng và mọi tài sản khác của Mercado và Pfitzner để chúng khỏi bị tẩu tán sang vùng Caribbean.

Có lệnh, FBI khám xét căn hộ sang chảnh của Mercado ở Coral Gables. Họ tìm được nhiều súng ngắn, điện thoại rác, một hộp tiền mặt có 5.000 đô-la, và một laptop với chút thông tin có giá trị. Mercado đã sống trong sợ hãi và hạn chế để lại dấu vết. Tuy nhiên, sao kê ngân hàng lại dẫn FBI tìm ra ba tài khoản khác nhau với số tiền tổng cộng 400.000 đô-la. Văn phòng của gã cũng bị đột kích. Agnes cho rằng Mercado giữ tiền trong các ngân hàng ẩn ở nước ngoài.

Pfitzner thì không khó nắm như thế. Cuộc đột kích của FBI vào nhà ông ta chỉ bị cản trở chút xíu khi bà vợ nổi điên cố chặn cửa. Cuối cùng bà ta bị còng tay và bị dọa sẽ phải vào tù. Hồ sơ ngân hàng của ông ta dẫn đến ba tài khoản ở Miami, với tổng cộng gần ba triệu tiền mặt. Còn có một tài khoản mua bán tiền tệ với số tiền hơn một triệu đô-la. Không tệ so với một cảnh sát trưởng tỉnh lẻ.

Nhưng Agnes nghĩ đây vẫn chưa phải là toàn bộ. Thế thì quá hay cho Cannon. Nếu đủ độ lỳ để giữ bốn triệu đô-la ở ngân hàng Hoa Kỳ, thì cứ nghĩ mà xem, ông ta còn bao nhiêu tiền đang cất ở nước ngoài chứ. Và Cannon biết cách tìm ra chúng. Trong khi FBI bắt đầu nghĩ đến các ngân hàng ở Caribbean, thì Cannon thuê một công ty kế toán chuyên ngành dò theo các dòng tiền ẩn được đưa ra nước ngoài.

Dù tự tin là thế, nhưng Cannon không dự đoán kết quả sẽ thế nào. Tuy vậy, anh tin chắc thân chủ mới của mình sẽ thu về được một khoản bồi thường khá lớn, dĩ nhiên là sau khi đã trừ đi 40% để trả công cho công ty

luật. Tôi vẫn th ần hy vọng rằng Hội Vệ nhân sẽ được chia một ít để chi trả hóa đơn, dù chuyện đó hiếm khi xảy ra lắm.

Nhưng hiện giờ, Quincy không bận tâm chuyện tiền bạc. Đi lại được mới là vấn đề với anh. Các bác sĩ đã phẫu thuật vai, cả hai xương đòn, hàm và gắn cho anh một miếng nhựa dày ở ngực và cổ tay. Họ còn cấy cho anh ba chiếc răng mới và làm lại mũi cho anh. Anh phải chịu cơn đau không ngớt từ sáng đến tối, nhưng cố không nhắc đến nó. Một phổi của anh phải gắn ống, cả một bên não cũng thế. Anh được cho dùng thuốc mê quá nhiều nên rất khó xác định rõ não anh có hoạt động bình thường hay chưa, thế mà anh vẫn quyết tâm ra khỏi giường và đi lại. Mỗi lần hết giờ tập, anh đều cần nhờ với bác sĩ vật lý trị liệu. Anh muốn tập thêm, muốn đi bộ, gặp người, massage, muốn bác sĩ đặt thêm thách thức cho mình. Anh chán bệnh viện, nhưng đâu còn chỗ nào để đi. Ở Garvin chẳng có gì ngoài phòng cai nghiện và chăm sóc y tế ở đó thì quá mức dưới chuẩn. Khi tỉnh táo, anh nài nỉ, thậm chí làm dữ, để tôi giải oan ngay cho anh, tránh khỏi phải về lại Garvin.

Tin đồn loan đồn ra và vài người nhà Taft không vui lắm với chuyện có người sấm soi quanh ngôi nhà ma ám của bà Vida. Ai cũng cảm thấy bà đã yểm bùa nó trước khi chết, nơi đó đang lúc nhúc oán linh không thể siêu thoát. Mở cửa nhà đó có thể giải phóng đủ loại ác ma, và chắc chắn hầu hết đều nhắm vào con cháu của bà. Bà chết mà trong lòng mang oán thù với những người đã tống bà vào trại tâm thần. Những ngày cuối đời bà đã loạn thần lẫn rối, nhưng thế đâu ngăn bà yểm lời nguyền lên những người thân thuộc. Theo lời Frankie, một nhánh quỷ thuật Phi châu tin rằng lời nguyền sẽ chết theo phù thủy, nhưng số khác lại nói lời nguyền tồn tại vĩnh viễn. Chẳng người nhà Taft nào muốn biết chuyện này là thực hay hư.

Tôi và Frankie đi trên chiếc bán tải bóng bẩy của anh đến Dillon. Anh lái, còn tôi nhắn tin. Trên ngăn đồ giữa hai ghế là một khẩu Glock 9 ly, có lẽ anh đã mua và đăng ký bằng tên mình. Anh định sẽ cầm nó theo khi vào căn nhà đó.

“Anh không tin mấy chuyện về quỷ thuật, phải không Frankie?” tôi hỏi.

“Tôi chẳng biết nữa. Chờ đến khi anh thấy cái nhà đó đi. Lúc đấy anh sẽ hết háo hức muốn vào cho mà xem.”

“Vậy là anh ngại hồn ma bóng quế, yêu tinh nhện nhện?”

“Cứ cười đi, sắp.” Anh đưa tay qua khẩu Glock. “Đến lúc đó anh sẽ ước gì có một khẩu thế này.”

“Anh bắn hồn ma được chắc?”

“Chưa hề làm thế. Nhưng nếu cần, chắc là làm được.”

“Thế thì anh cầm súng vào trước, còn tôi theo sau, được chứ?”



“Để đến khi được vào đó rồi biết.”

Chúng tôi đi ngang qua thành phố Dillon buồn thảm, rồi đi sâu vào vùng đồng quê. Cuối con đường rải sỏi là một chiếc bán tải cũ đang đỗ trước một ngôi nhà đổ nát. Khi chúng tôi giảm tốc để dừng, Frankie quay sang tôi, “Kia kìa. Người bên phải là Riley, bạn tôi. Người kia, theo tôi đoán, là Wendell, bà con với anh ấy. Anh chàng này có thể gây phiền phức cho ta đây.”

Wendell tầm 40 tuổi, nhìn quần jeans và đôi giày dính bùn thì có lẽ là dân làm nông trại. Anh ta chẳng buồn mỉm cười khi chúng tôi chào hỏi giới thiệu nhau, Riley cũng thế. Rõ ràng là họ đã bàn cãi nhiều, và hai người này đang không mấy vui vẻ. Sau một phút nói chuyện gẫu, Riley hỏi, “Vậy các anh định làm gì ở đây? Các anh muốn gì?”

“Chúng tôi muốn vào trong nhà xem xét vài chỗ. Tôi chắc là anh biết lý do vì sao rồi.”

“Anh Post này,” Wendell lịch sự lên tiếng, “Tôi biết tường tận mọi góc ngách trong nhà này. Hồi nhỏ, tôi thường đến đây ở. Cũng chính tôi phát hiện bà đã chết. Và không lâu sau đó, tôi đã cố sống đây với vợ con mình. Nhưng bất thành. Nơi này bị ám rồi. Bà tôi đã nguyện rửa nó, tin tôi đi, thật đấy. Anh tìm mấy cái hộp, nhưng tôi nói thật, chẳng có gì đâu. Tôi nghĩ là có một tầng gác mái nho nhỏ, nhưng chưa hề lên đó. Chúng tôi sợ chẳng dám lên.”

“Thế thì đi xem chút thôi nào,” tôi nói, cố tỏ ra tự tin. “Các anh cứ ở đây trong lúc tôi và Frankie tìm kiếm.”

Riley và Wendell nhìn nhau ái ngại. Riley mới nói, “Không dễ thế đâu, anh Post à. Chẳng ai muốn mở cửa ngôi nhà đó.”

“Không một ai sao?” tôi hỏi.

“Không một ai trong gia đình tôi muốn thế,” Wendell nói, giọng câu kinh hãi. “Chúng tôi còn có nhiều anh em họ quanh đây, một số đã đi xa, và không ai muốn nơi này bị xáo trộn. Các anh không biết bà tôi, nhưng tôi cho các anh biết, bà tôi còn đây và đừng nghĩ chuyện giỡn mặt với bà.” Wendell nói mà giọng lộ rõ vẻ run sợ.

“Tôi tôn trọng chuyện đó,” tôi cố nói thật tỉnh.

Một làn gió bỗng từ đâu lướt tới luồn qua những cành liễu vắt ngang nhà. Như thể đó là ám hiệu, ngay lập tức, mái sau nhà vẳng lên tiếng cọt cọt kẹt và tay tôi liền nổi hết cả da gà. Cả bốn người chúng tôi nhìn chăm chăm vào ngôi nhà, nín thở.

Tôi thấy cần phải nói chuyện tiếp. “Các anh, chuyện này thật sự là mò kim đáy bể. Chẳng ai biết chắc Kenny Taft có lấy được chứng cứ nào trước vụ hỏa hoạn không. Mà nếu có, cũng chẳng ai biết anh ấy đã làm gì với chúng. Chúng có thể nằm trên tầng gác mái, nhưng cũng có thể đã biến mất từ lâu rồi. Việc này có thể chỉ là công cốc, nhưng chúng tôi không muốn bỏ sót manh mối nào. Chúng tôi chỉ muốn xem quanh một chút rồi đi. Tôi hứa đấy.”

“Lỡ anh tìm được gì thì sao?” Wendell hỏi.

“Chúng tôi sẽ gọi cho cảnh sát trưởng và giao nộp nó. Có lẽ nó sẽ giúp ích cho vụ của chúng tôi. Nhưng chỉ khi vật đó không có giá trị gì với gia đình anh.” Với mấy anh dân quê nghèo này, ý tưởng có nữ trang gia bảo được giấu đâu đó trong tầng gác mái có vẻ viễn vông.

Wendell lùi lại một bước, đi lui đi tới như đang ngẫm nghĩ gì, dựa lưng vào thành xe, nhõ một cái, khoanh tay rồi nói, “Tôi nghĩ là không.”

Riley cũng giải thích thêm, “Hiện giờ, người trong nhà nghe lời Wendell hơn tôi. Nếu anh ấy bảo không, thì là không.”

Tôi đưa tay lên trời, “Một tiếng, chỉ một tiếng thôi, rồi chúng tôi sẽ không bao giờ quấy quả anh nữa.”

Wendell vẫn lắc đầu. Riley nhìn anh rồi quay sang Frankie, “Tôi rất tiếc.”

Tôi hậm hực nhìn hai anh em họ. Có thể đây chỉ là ép giá, thì ép luôn đi. “Được rồi. Nhà này được Hạt Ruiz định giá 33.000 đô. Chia ra một năm là gần trăm đô-la mỗi ngày. Hội Mục vụ Vệ nhân chúng tôi sẽ thuê nhà và đất trong một ngày với giá hai trăm đô. Từ chín giờ sáng mai cho đến năm giờ chiều. Kèm đi kèm kiện gia hạn thêm một ngày với cùng mức giá đó. Ý các anh sao?”

Hai anh em nhà Taft có vẻ thối thuồng này và đưa tay gãi cằm. “Có vẻ hơi thấp,” Wendell nói.

Riley hỏi luôn, “Năm trăm một ngày thì sao? Tôi nghĩ giá đó thì chấp nhận được.”

“Thôi nào, Riley. Chúng tôi là tổ chức phi lợi nhuận, làm gì có tiền. Chúng tôi đâu thể vung tiền tứ tung được. Ba trăm.”

“Bốn trăm, giá cuối.”

“Được rồi. Tôi đồng ý. Theo luật Florida, thỏa thuận về bất động sản phải được viết thành văn bản rõ ràng. Tôi sẽ thảo tờ hợp đồng một trang, hẹn gặp các anh ở đây lúc 9:00 sáng mai. Chốt chứ?”

Riley có vẻ hài lòng rồi. Wendell hơi gật đầu. Tuyệt.

CHÚNG TÔI RỜI DILLON và cười ngặt nghẽo với nhau trên đường. Frankie thả tôi xuống chỗ xe tôi đỗ tại Phố Chính của Seabrook, rồi lên đường về hướng Đông. Anh ở lại một nhà nghỉ đâu đó giữa chỗ này và Gainesville, nhưng như mọi khi, chẳng nói rõ là ở đâu.

Vừa sau 5:00 chiều, tôi vào văn phòng luật của Glenn Colacurci, nghe ông đang nói điện thoại oang oang đầu đó ở mấy phòng bên trong. Bea, cô thư ký dễ thương của ông xuất hiện, nở nụ cười rạng rỡ như thường lệ. Tôi theo cô vào bên trong, thấy Glenn đang ngồi sau bàn, hàng đồng giấy tờ rải rác khắp mặt bàn, rơi cả xuống dưới. Thấy tôi ông liền bật dậy, tay bắt mặt mừng như vừa gặp được đứa con thất lạc bấy lâu nay. Vừa xong, ông liền nhìn đồng hồ, như thể chẳng biết bây giờ là mấy giờ rồi vậy, “Chà, ở đây là năm giờ, chắc chỗ khác cũng năm giờ rồi đấy. Anh muốn thế nào?”

“Làm ly bia thôi nhé,” tôi nói, cố kiềm thứ nào nhẹ nhất có thể.

“Một bia và một ly rượu,” ông quay sang bảo Bea, và cô liền cất bước đi ngay. “Nào, ngồi đi,” ông chỉ tay sang ghế sofa, còn mình chống gậy bước qua và thả người trên chiếc ghế bành bọc da cũ kỹ đầy bụi. Tôi đẩy cái chân mỏng ra rồi ngồi xuống chiếc sofa với lớp nệm lún sâu lắm rồi. Tôi cho là chiều nào ông cũng đánh một giấc trên sofa này cho tan bớt những thứ ông uống vào giờ ăn trưa. Đặt cả hai tay lên cán gậy, cầm thì kê lên tay, ông cười hiềm ác, “Tôi không tin nổi là Pfitzner vào tù rồi.”

“Tôi cũng thế, đúng là trời cho.”

“Anh kể tường tận cho tôi đi.”

Biết thừa mọi lời tôi nói sẽ được phát lại ở quán cà phê ngay sáng hôm sau, nên tôi chỉ nói sơ qua chuyện FBI nắm thóp được một quản giáo nào đó và cả đầi mối liên hệ của anh ta với một băng đảng trong tù. Rồi chuyện này lại dẫn đến một tổ chức làm việc cho dân buôn ma túy, từ đó lại dẫn đến Pfitzner, sau đó ông ta đã tự rơi vào bẫy, ngây thơ như dân gà mờ. Giờ ông ta đang phải đối diện bản án 30 năm.

Bea đem đồ uống lên, và chúng tôi nâng ly. Tôi thấy hình như ông uống whiskey và có vẻ trong ly không có mấy đá. Glenn quẹt môi rồi hỏi, “Vậy anh ghé lại đây vì công chuyện gì thế?”

“Tôi muốn gặp cảnh sát trưởng, Wink Castle, vào ngày mai. Chúng tôi đã trao đổi về chuyện mở lại vụ này, nhất là vì giờ ta đã biết Pfitzner cố giết Quincy.” Nói chừng đó là đủ để giải thích lý do tôi đến đây rồi. “Hơn nữa, tôi tò mò về ông. Lần trước ta gặp nhau ở Gainesville, có vẻ ông rất hứng thú khi tìm hiểu vụ này. Ông có phát hiện thêm được gì không?”

“Không hẳn, tôi bận quá mà.” Ông chỉ tay về quàn đảo giấy trên bàn như thể ông làm việc quên ăn quên ngủ vậy. “Có may mắn tìm được gì về chuyện của Kenny Taft không?”

“Có thể nói là có. Tôi cần ông giúp đôi chút về vấn đề pháp lý.”

“Quyền nuôi con, say xỉn lái xe, ly hôn, giết người? Kiểu gì tôi cũng chơi được tất.” Nói xong ông cười phá lên như để tự thưởng cho óc hài hước của mình, tôi cũng cười phụ họa. Đây là câu đùa cửa miệng của ông suốt ít nhất 50 năm rồi.

Tôi nghiêm túc trình bày hợp đồng của mình với nhà Taft và kế hoạch tìm kiếm trong ngôi nhà cũ. Tôi đưa ông một tờ 100 đô, ép ông phải nhận. Giờ ông là luật sư của tôi rồi, như thế theo nguyên tắc mọi chuyện phải bảo mật. Tôi cần một hợp đồng thuê đơn giản để anh em nhà Taft dễ hiểu, cùng một tấm séc từ quỹ tín thác của Glenn. Tôi chắc anh em nhà họ thích tiền mặt, nhưng tôi lại thích giấy tờ hơn. Nếu tìm được chứng cứ trong nhà đó, chuyện chứng minh gốc gác của nó sẽ phức tạp lắm nên bắt buộc cần có giấy tờ rõ ràng. Vừa nhấp đồ uống, tôi và Glenn vừa bàn chuyện này như hai luật sư lão luyện đang phân tích một vấn đề hóc búa độc nhất vô nhị vậy. Ông nắm khá rõ tiến trình và chỉ ra vài vấn đề tiềm tàng mà tôi chẳng

nghe đến. Uống hết ly, ông lại gọi Bea lấy thêm ly nữa. Khi cô đem rượu đến, ông bảo cô ở lại đó ghi chép, hết như những ngày xưa cũ. Chúng tôi chốt lại những điểm cần bàn rồi Bea về lại bàn mình.

Ông nói, “Tôi để ý thấy anh ngấm chân cô ấy.”

“Đúng rồi. Làm vậy có gì sai à?”

“Hoàn toàn không. Cô ấy thật sự khả ái. Mẹ cô ấy, Mae Lee, là quản gia nhà tôi, mỗi tối thứ Ba bà ấy đều dọn món nem cuốn ngon nhất đời. Tối nay anh gặp may rồi đấy.”

Tôi cười và gật đầu nhận lời. Dù sao tôi cũng đâu có kế hoạch gì khác.

“Hơn nữa, ông bạn Archie của tôi cũng đến. Có lẽ tôi từng nhắc tên ông ấy rồi. Nói thật, hình như hôm ở The Bull, tôi hơi quá chén. Chúng tôi là bạn đồng lứa, cùng làm luật sư cách đây mấy chục năm rồi. Vợ mất để lại gia tài khá khá nên ông bỏ nghề luật, sai lầm quá lớn. Mười năm qua, ông ấy chán muốn chết, sống một mình và chẳng có gì để làm. Nghỉ hưu tệ thế đấy, Post à. Tôi nghĩ ông ấy kết bà Mae Lee. Dù gì, Archie mê nem cuốn và nói dóc một tấc đến trời. Ông ấy uống cũng giỏi, lại có hăm rượu khá lớn. Thế nào ông ấy cũng đem đến một chai rượu ngon. Anh mê rượu chứ?”

“Không hẳn.” Nếu có xem qua sao kê tài khoản của tôi, chắc ông ấy chẳng hỏi câu đó làm gì.

Ông lắc lắc viên đá cuối cùng trong ly, sẵn sàng thêm ly nữa. Bea quay lại với hai tờ dự thảo. Chúng tôi thay đổi vài chỗ rồi đưa cô ấy đi in.

NHÀ CỦA GLENN nằm ở một con phố hơi tối, cách Phố Chính bốn khối nhà. Tôi lái xe vòng vòng một lát để giết thời gian rồi rẽ vào nhà ông, đỗ sau một chiếc Mercedes cũ, có lẽ là của ông Archie. Tôi nghe thấy tiếng họ cười đâu đó, liền vòng ra sân sau. Họ đã ngồi sẵn trên mái hiên, ngả người trên hai ghế lắc đan bằng sợi mây, trên đầu họ là hai cái quạt trần kiểu xưa đang kêu cọt kẹt. Archie vẫn ngồi yên trên ghế khi chúng tôi chào hỏi giới thiệu nhau. Ông cũng già như Glenn, và có vẻ không được khỏe mạnh lắm. Cả hai đều để tóc dài và rối, có vẻ là kiểu tóc một thời được xem là sành điệu, lãng tử. Bộ cánh của họ đều là vest vải sọc đã cũ lắm rồi và không

thất cả vật. Hai người đầu đi giày thể thao kiểu mấy ông già. Ít ra Archie không cần đến gậy. Niềm đam mê với rượu khiến mũi ông đỏ thừng trực. Glenn vẫn uống bourbon của mình, nhưng Archie và tôi thì thử chai Sancerre ông đem tới. Mae Lee đem đồ uống ra, tôi nhận thấy bà cũng duyên dáng hết như cô con gái Bea.

Ngỡ chưa được bao lâu, Archie đã không kìm nổi nữa rồi, “Post, anh là người tố Pfitzner vào tù phải không?”

Tôi không dám nhận công lao gì, và kể lại câu chuyện như một người quan sát ngoài lề biết được chút ít thông tin từ FBI thôi. Có vẻ thời trước, Archie thường xung đột với Pfitzner và không mấy ủng hộ những việc lão làm. Đơn giản là ông không thể tin nổi rằng sau bao nhiêu năm, lão ranh ma đó vẫn có thể bị tố vào tù.

Archie kể lại chuyện một thân chủ của ông bị hỏng xe ở Seabrook. Cảnh sát tìm được một khẩu súng dưới ghế trước, và vì lý do gì đó tin rằng anh chàng này đã giết một cảnh sát. Pfitzner cũng can dự và ủng hộ người của mình. Archie bảo Pfitzner đừng động đến cậu đó, nhưng ông ta vẫn cứ thăm vắn. Cảnh sát dùng vũ lực bắt cậu ta nhận tội và phải lãnh năm năm tù. Chỉ vì bị hỏng xe. Kể xong chuyện đó, Archie chửi rửa Pfitzner thậm tệ.

Các chuyện sau đó đều là kiểu mấy chiến binh già kể chuyện chinh chiến lặp đi lặp lại mãi không chán. Chủ yếu tôi chỉ nghe họ kể chuyện thôi, nhưng vì cả hai ông già này hứng thú với công việc của Hội Vệ nhân nên tôi cũng kể vài chuyện cho họ, dù cố kể sao cho thật ngắn gọn. Chẳng ai đề cập đến chuyện nhà Taft và mục đích thật sự của tôi trong chuyến này. Ông luật sư già của tôi rất chuẩn trong chuyện bảo mật. Ông Archie mở thêm một chai Sancerre. Bà Mae Lee dọn một bàn ở tiểu đình cạnh bờ rào quăn quít dây hoa đậu tím và cỏ ngựa. Hơi nóng ngoài này cũng được xoa dịu bởi nhờ cái quạt trần cọt kẹt. Ông Archie nghĩ Chablis sẽ hợp hơn với không khí ngoài này, nên đi lấy một chai. Glenn, giờ chắc cũng ngà ngà rồi, chuyển sang uống rượu vang cùng chúng tôi.

Món nem cuốn đúng là ngon tuyệt. Có rượu đưa đẩy và cái bụng thiếu ăn kêu gào nên tôi ăn rất hăng. Archie vẫn tiếp tục rót thêm rượu, và khi Glenn để ý thấy tôi bắt đầu tỏ vẻ muốn ra về ông liền bảo, “Trời, cứ uống

đi. Anh ngủ ở đây cũng được mà. Nhà tôi nhiều phòng lắm. Archie ở lại đây suốt. Ai lại muốn ngủ ngủ lái xe vào giờ này chứ?”

“Làm thế là thành mối đe dọa cho xã hội đấy,” Archie hòa theo.

Món tráng miệng bà Mae dọn lên là đĩa bánh tráng nướng mềm mịn. Archie rót thêm một ly Sauternes cho món cuối này, và nói mãi về chuyện món nào rượu này. Rồi hai ông già chuyển sang uống cà phê, chủ yếu là vì thứ này không có cồn nữa, và ngay lập tức, một hộp xì gà được bày ra bàn. Họ chộp lấy như thể con nít thấy kẹo. Tôi chẳng nhớ lần cuối hút xì gà là lúc nào nữa, nhưng có nhớ mình chỉ vài hơi là đã xanh ngắt như tàu lá chuối. Dù vậy, tôi chẳng phải là kiểu người ngại thách thức. Tôi hỏi xin một điếu loại nhẹ và Glenn đưa tôi một điếu Cohiba gì đó, xì gà Cuba chính hiệu. Cứ thế, chúng tôi ngửi lắt lư trên ghế và nhả khói vào không gian.

Archie là một trong số ít luật sư ở đây hợp tính với Diana Russo, và ông kể về cô ấy. Ông chưa bao giờ nghi ngờ cô có dính líu đến cái chết của chồng. Tôi chỉ lắng nghe, không bình luận gì. Cũng như mọi người khác ở Seabrook, ông đã cho rằng Quincy đích thị là hung thủ và nhẹ nhõm khi anh ấy bị kết tội. Nhưng giờ họ không thể tin nổi mình đã sai đến thế nào. Họ cũng không tin nổi chuyện Pfitzner đang ngửi tù và không biết bao giờ mới ra.

Chuyện này đúng là quá thỏa mãn. Nhưng Quincy vẫn đang mang tội giết người, và chúng tôi còn rất nhiều việc phải làm.

Lần cuối tôi liếc nhìn đồng hồ thì đã gần nửa đêm. Nhưng tôi quyết không chịu bỏ cuộc trước hai ông già này. Họ hơn tôi ít nhất cũng 25 tuổi nhưng đã quá quen với những cuộc rượu dài hơi này. Tôi giả vờ hòa theo Archie khi ông muốn đổi sang brandy, nhưng may thay, Glenn đã bắt đầu ngáy khò khò, rồi tôi cũng gục lúc nào không hay.

Ngày bắt đầu khám phá ngôi nhà ma, thời tiết trở xấu như một lễ đương nhiên trong phim ảnh. Hai tuần qua Florida không mưa, thậm chí người ta còn lo hạn hán sắp đến, nhưng trên đường chúng tôi đến Dillon, trời bắt đầu giăng mây đen tối sầm. Frankie lái xe còn tôi thì ngẩng đầu nghiên răng thờ nhọc.

“Anh chắc mình ổn chứ, sếp?” Frankie hỏi, chắc là lần thứ ba rồi.

“Anh nghĩ gì thế, Frankie?” tôi bác ngay. “Tôi đã nói rồi mà. Tối qua tôi vất vả lắm, ăn uống cả đống, lại hút cả xì gà, rồi ngủ ngoài hiên như chết đến tận ba giờ sáng, xong một con mèo nhảy xổ lên người làm tôi sợ mất hồn mất vía. Sao tôi biết đây là ghế của ông Glenn được? Rồi chúng tôi chẳng ai ngủ lại nổi. Thế nên giờ miệng tôi khô khốc, mắt đỏ ngầu, lại dính đầy lông mèo. Tôi thấy mình như xác chết biết đi ấy. Vậy đó.”

“Anh buồn nôn không?”

“Chưa. Nhưng nếu có tôi sẽ báo. Còn anh thì sao? Phấn khích được khám phá nhà ma nhỉ, ngôi nhà bị phù thủy Phi châu yểm bùa.”

“Ừ, háo hức quá mà.” Anh lại đưa tay sờ khẩu Glock, cười khúc khích, như thể thích thú lắm khi thấy tôi thâm thúy như vậy.

Riley và Wendell đang chờ trước nhà. Gió thổi ào ào và mưa chắc cũng sắp trút xuống. Tôi đưa mỗi người một bản sao hợp đồng thuê rồi nói qua mấy điểm căn bản. Thật ra, họ chỉ quan tâm đến tiền, nên tôi liền đưa họ tờ chi phiếu đề tên cả hai, để ai cũng có thể rút tiền từ quỹ tín thác của công ty Luật Colacurci.

“Sao không đưa tiền mặt?” Wendell cau mặt hỏi.



Tôi cũng cau mặt đúng kiểu luật sư, “Không được dùng tiền mặt trong giao dịch bất động sản,” Tôi không chắc ở Florida có buộc vậy không, nhưng cứ nhắc đến luật lệ thế nào cũng có uy hơn.

Frankie ra sau xe, lấy chiếc thang hai mét rưỡi và một xà beng sáng bóng anh mới mua hôm qua. Tôi thì cầm hai cây đèn pin và một chai thuốc diệt rệp. Chúng tôi băng qua đám cỏ cao, đến đồng đồ nát từng là hiên trước, rồi đứng lại nhìn chăm chăm vào ngôi nhà. Wendell chỉ tay, “Thiết kế hai tầng như nhau, dưới tầng trệt là phòng ngủ và phòng nghỉ. Cầu thang nằm bên phải, ngay chỗ phòng nghỉ. Trên lầu là hai phòng ngủ. Trên nữa là tầng gác mái, nhưng có thể các anh chẳng tìm ra được đâu. Tôi nói lại nhé, tôi chưa hề lên đó, chẳng hề muốn lên. Và thật sự là cũng chưa hề hỏi ai về nó cả. Liên hệ sau nhà có thêm công trình phụ, xây lúc nào không rõ. Chỉ là nhà tắm và bếp, không có tầng trên. Thế thôi, giờ các anh cứ tự nhiên.”

Tôi lấy chai diệt rệp phun quanh tay và chân, điệu bộ hăng hái, quyết không để lộ chút dè dặt nào. Tôi cho là nơi này đầy nhện và đủ thứ bọ quái ác mà chắc tôi chưa hề nghe tên. Xong rồi tôi đưa chai cho Frankie. Xịt xong, anh lấy thang đặt cạnh cửa, thật ra là để phòng hờ thôi, chứ chưa chắc đã dùng.

Riley bước lên, với sự dè dặt vẻ như đóng kịch nhưng tôi chắc chắn là rất thật, anh lấy chìa khóa nhét vào ổ khóa nặng nề trên cửa. Tách một tiếng, ổ khóa bật ra. Anh thoái lui ngay lập tức. Cả hai người nhà Taft có vẻ sẵn sàng thoát đi rồi. Một tia sét đánh xuống cách đây không xa làm chúng tôi ai cũng rợn người. Mây đen đang vần vũ khắp bầu trời. Đến lúc phải vào vai chiến binh can trường rồi, tôi lấy chân đẩy cánh cửa kêu kèn kẹt. Chúng tôi nín thở chờ đợi và thở phào khi không có thứ quái ác gì xông ra. Tôi quay sang Wendell và Riley, “Lát nữa gặp lại nhé.”

Đột nhiên, cánh cửa đóng sầm lại, nổ một tiếng *rầm* khô khốc. Frankie rít lên, “Chết tiệt!” còn tôi thì giật bắn cả mình, Cả hai anh em nhà Taft đều rụt người, há hốc mồm, Tôi vờ tỏ ra can đảm, cười lớn, “Trời, vụ này vui thật,” rồi bước tới đưa chân đẩy cửa lần nữa.

Chúng tôi lại chờ đợi. Vẫn không có thứ gì xông ra. Cũng chẳng ai đóng sầm cửa lần nữa. Tôi mở đèn pin trên tay, Frankie cũng thế. Anh cầm đèn

bằng tay trái, tay phải cầm xẻng, khẩu Glock nằm gọn gàng trong túi đeo hông. Nhìn mặt Frankie thì thấy ngay là anh đang kinh hoàng lắm rồi. Biểu cảm của một người đã sống qua 14 năm trong tù đấy. Tôi đẩy cửa mở toang, rồi cả hai bước vào. Bà Vida đã chết từ 13 năm trước, và đáng ra căn nhà này phải giữ nguyên hiện trạng, nhưng có vẻ ai đó đã dọn sạch nội thất ở đây rồi. Trong nhà không hôi hám gì, nhưng có mùi ẩm mốc và bụi lâu năm. Sàn gỗ đầy nấm và mốc, đến nỗi tôi có thể cảm nhận mình đang hít vào cả đồng vị khuẩn chết người. Cầm đèn pin, chúng tôi tìm kiếm trong phòng ngủ bên trái. Trên giường là tấm nệm lớn phủ đầy bụi bẩn. Có lẽ đây là chỗ bà Vida trút hơi thở cuối cùng. Bên nhà bếp vương vãi những mảnh đèn vỡ, áo quần cũ, sách báo đủ thứ. Chúng tôi qua phòng nghỉ, cầm đèn pin rọi một lượt. Có chiếc tivi từ thời những năm 1960 đã bị rạn màn hình. Giấy dán tường đã bong tróc cả ra. Hàng lớp bụi bẩn và mạng nhện giăng khắp nơi.

Khi chúng tôi rọi đèn vào cầu thang hẹp, chuẩn bị bước lên thì mưa đổ nặng hạt xuống mái tôn kêu rầm rầm đến nhức óc. Gió bắt đầu mạnh lên, rung lắc những bức tường gỗ.

Tôi bước lên ba bậc, Frankie đi ngay sau tôi, đột nhiên cửa chính lại đóng sầm. Thế là chúng tôi bị kẹt trong này với đám oán linh bà Vida để lại. Tôi khựng người trong thoáng chốc. Nhưng với tư cách là người chỉ huy, chiến binh tiên phong trong cuộc thám hiểm này, tôi không được thể hiện chút sợ hãi nào, kể cả khi bụng dạ bắt đầu nôn nao và trống ngực đập thình thịch.

Cứ nghĩ đến lúc kể lại vụ này cho Vicki và Mazy đi.

Thế là lại có thêm một chuyện nữa mà các giáo sư chẳng dạy cho ta ở trường luật.

Tôi và Frankie lên được tầng hai, nóng như phòng xông hơi, nếu đây không quá tối chắc sẽ thấy được làn hơi nước lơ lửng luôn ấy. Mưa và gió vẫn đập ầm ầm liên hồi lên mái và các cửa kính. Chúng tôi vào phòng ngủ bên phải, có một tấm nệm, một cái ghế gãy và một đồng áo quần rách nát. Rọi đèn lên sàn, chúng tôi tìm kiếm thứ gì đó trông như tấm cửa lên tầng gác mái, nhưng chẳng thấy gì. Chỉ có những thanh gỗ thông từng được sơn quét nhưng giờ đã bong cả rồi. Nơi góc phòng có thứ gì đó chuyển động,

làm đổ một cái lọ. Tôi chĩa đèn vào, “Lùi lại. Rắn!” Một con rắn dài, đen tuyền, có lẽ không có độc, nhưng lúc như thế này ai quan tâm chứ? Nó không cuộn mình mà trườn đi, tránh chỗ chúng tôi, có lẽ nó thấy động vì bị chúng tôi quấy rầy.

Tôi không nhón với rắn nhưng cũng không sợ chúng đến chết khiếp. Frankie thì khác, anh rút khẩu Glock ra ngay.

“Đừng bắn,” tôi hét lên. Chúng tôi đứng yên, chĩa đèn về phía con rắn một hồi lâu, mồ hôi đổ ra ướt cả áo, nín thở. Nó dần trườn vào dưới đồng giẻ, rồi biến mất tăm.

Mưa đã nhẹ dần, chúng tôi cũng trấn tĩnh lại. “Thế còn nhện thì sao?” Tôi trêu Frankie.

“Thôi đi!”

“Cẩn thận nhé, nhện nhện khắp nơi đấy.”

Khi chúng tôi dò dẫm ra khỏi phòng, vừa đi vừa quét đèn xuống sàn sợ lỡ có rắn hay thứ gì đó, thì một tia sét đánh âm xuống đâu đó quanh đây. Tôi sợ nếu không chết vì ác linh hay rắn độc thì cũng chết vì đau tim mất. Mồ hôi đang nhỏ giọt trên trán chúng tôi, áo cũng ướt đầm. Phòng ngủ còn lại có một cái cũi nhỏ, trên cũi có vẻ là một tấm chăn màu xanh quân đội cũ nát. Trong phòng chẳng có đồ nội thất hay trang trí gì cả. Giấy dán tường đã rơi hết xuống. Tôi liếc nhìn ra cửa sổ, qua làn mưa có thể thấy mờ mờ Wendell và Riley đang ngồi trong xe, giữa cơn bão, nhìn chăm chăm vào ngôi nhà với niềm tin là khi đã khóa cửa xe rồi thì oán linh không thể làm gì họ được.

Chúng tôi đá mấy thứ bừa bộn trên sàn để kiểm tra xem có rắn không, rồi hướng mắt lên trần nhà. Lại chẳng thấy dấu hiệu tấm cửa gì cả. Tôi cho là có thể Kenny Taft đã giấu mấy chiếc thùng trên đó và che giấu lối lên vĩnh viễn hoặc ít nhất là đến lúc anh có thể đem chúng trả lại đúng chỗ. Làm sao tôi biết anh ấy đã làm cách nào chứ?

Frankie để ý thấy có nắm đấm bằng sứ trên một cánh cửa nhỏ hơn, có lẽ là buồng thay đồ. Anh gọi tôi, chỉ tay vào đó, nhưng rõ ràng là muốn tôi đến mở cửa thay mình. Tôi cần nắm cửa, vịn thật mạnh, nó mở tung ra và

đột nhiên ngay sát mặt tôi là một bộ xương người trắng hếu. Frankie bủn rủn tay chân, khuyu gối xuống đất. Tôi bước lui vài bước, và nôn mửa.

Gió bắt đầu đập vào nhà mạnh hơn nữa, rõ ràng là âm thanh một cơn bão hình thành. Tôi thấy đỡ hơn sau khi nôn ra hỗn hợp nem cuốn, bia, rượu vang, rượu brandy, và đủ thứ khác. Frankie cũng đã trấn tĩnh lại, và chúng tôi chầm chậm chĩa đèn pin vào buồng thay đồ. Bộ xương treo lủng lẳng trên một sợi dây nhựa, bàn chân gầy chạm sàn. Dưới chân là một vùng chất lỏng đen thui, đặc quánh, có lẽ là máu và nội tạng thối rữa qua nhiều năm tháng. Nhìn bộ xương, có vẻ đây không phải là treo cổ. Sợi dây vòng quanh ngực, dưới hai tay, nên cái đầu nghiêng về bên trái và hai hốc mắt trống trơn nhìn xuống dưới, như kiểu muôn đời bàng quan vậy.

Đúng chuyện Hạt Ruiz cần luôn, lại thêm một vụ án lâu năm chưa phá. Còn chỗ giấu nạn nhân nào hay hơn là một ngôi nhà ma mà chủ nhân của nó quá sợ hãi chẳng dám đặt chân vào. Hoặc có thể, đây là một vụ tự sát. Chúng tôi rất sẵn lòng giao nó lại cho cảnh sát trưởng Castle. Đây là chuyện của người khác.

Tôi đóng cửa lại, vặn nắm đấm cửa chắc hết sức có thể.

Vậy là chúng tôi có hai lựa chọn, tìm kiếm thật kỹ trong phòng kia với con rắn lẩn khuất đâu đó, hoặc ở lại đây với bộ xương người trong buồng. Lựa chọn thứ hai có vẻ hợp với chúng tôi hơn. Frankie dùng xà beng đục lớp trần, lôi hẳn nó xuống. Trong hợp đồng thuê, chúng tôi không có quyền làm hư hại gì, nhưng ai quan tâm mấy chuyện này chứ? Hai chủ nhân của nó đang ngủ ở bên ngoài xe, sợ chết khiếp chẳng dám vào đây đâu. Chúng tôi thì có việc cần làm cho xong, và tôi cũng thấm mệt rồi. Trong khi Frankie tiếp tục lôi thêm một tấm nữa xuống, tôi cẩn thận đi xuống lầu, mở cửa chính ra. Tôi gạt đầu ra hiệu chào Riley và Wendell qua màn mưa, rồi lấy thang đem lên lầu.

Khi Frankie lôi được tấm thứ tư xuống, một lọ mứt trái cây rơi xuống vỡ tan tành bắn tung tóe dưới chân chúng tôi. “Hay rồi đây.” Tôi kêu lên. “Trên đó chắc là chỗ chứa đồ” Có thành công ban đầu, Frankie càng hăng hái và chẳng bao lâu đã biến một phần ba lớp trần thành ván vụn rớt xuống sàn, còn tôi thì quăng chúng ra góc. Chúng tôi chẳng hề tính quay lại lần nữa, và tôi cũng chẳng quan tâm chỗ này sẽ thành thế nào.

Tôi kê thang, rón rén leo lên khoảng trống trên trần. Lúc đã ngoi quá nửa người vào tầng gác mái, tôi cầm đèn pin rọi quanh tìm kiếm. Chỗ này không có cửa sổ, tối đen như mực, ẩm mốc và chật chội, chắc chiều cao chỉ hơn một mét. Tầng gác mái của một ngôi nhà lâu đời mà thế này thì quá gọn gàng, rõ ràng chủ của nó không phải là người mua sắm nhiều, và cũng cho thấy có lẽ Kenny đã niêm phong nó từ hơn 20 năm trước.

Chỗ này không thể nào đứng thẳng được, nên tôi và Frankie phải bò. Mưa đang dội xối xả trên mái tôn cách đây chúng tôi có mấy phân. Chúng tôi phải hét lên mới nghe được nhau. Frankie và tôi chia nhau đi hai hướng, và tiến rất chậm. Chúng tôi bò qua đồng mạng nhện dày, nhìn kỹ mọi góc ngách để phòng rắn rết. Tôi bò qua một chõng ván gỗ thông, có lẽ do các thợ xây để lại đây từ cả trăm năm trước. Còn có một chõng báo cũ, tờ trên cùng đề tháng 3 năm 1965.

Frankie gọi, và tôi bò qua, không khác gì con chuột, bụi giờ đã bám cả lớp trên quần jeans của tôi rồi.

Anh vừa kéo ra một tấm bạt, để lộ ba thùng carton giống hệt nhau. Anh chìa đèn pin vào tờ giấy dán trên đó, tôi cúi sát đến để đọc. Chữ viết tay trên tờ giấy đã phai đi nhiều, nhưng vẫn đủ rõ. Sở Cảnh sát Hạt Ruiz—Hồ sơ Chứng cứ QM14. Cả ba thùng đều được niêm phong bằng băng dính màu nâu.

Tôi dùng điện thoại chụp cả chục tấm nguyên trạng. Để bảo vệ chúng, Kenny khôn khéo đặt chúng trên ba tấm ván để phòng khi sàn tầng gác mái này bị úng nước vì mưa dột. Nhưng có vẻ chỗ này đã được niêm phong kín mít, và nếu trận mưa lớn thế này mà nó vẫn khô thì chắc chẳng trận mưa nào làm khó được nó.

Mấy thùng này hóa ra lại nhẹ tênh. Chúng tôi nhẹ nhàng đưa ra nó ra chỗ thoáng. Tôi xuống trước, rồi Frankie chuyển cho tôi. Khi đã đưa được chúng xuống phòng, tôi chụp thêm mấy tấm. Rồi chẳng muốn nán lại với bộ xương và lũ rắn làm gì, nên chúng tôi liền tìm cách ra ngoài. Hiên trước đã xập xệ và đang ướt sũng vì trận mưa, nên chúng tôi để mấy cái thùng trong nhà, chờ thời tiết khá lên chút đã.

Hạt Ruiz kết hợp với hai hạt khác thành khu vực Tư pháp số 22 của bang Florida. Công tố viên hiện thời là Patrick McCutcheon, dân gốc Seabrook, văn phòng đặt tại tòa án. McCutcheon tốt nghiệp trường luật cách đây 18 năm, đảm nhiệm vị trí công sự ở một trong những văn phòng tất bật của ông Glenn Colacurci. Khi sự nghiệp của anh chuyển hướng sang chính trị, hai người họ vẫn vui vẻ với nhau.

Glenn cam đoan với tôi, “Tôi nói chuyện với anh ấy được.”

Đúng là ông có thể và đã làm như thế. Trong khi ông liên hệ với McCutcheon, tôi gọi điện tìm cảnh sát trưởng Castle, một người hình như lúc nào cũng bận rộn. Nhưng khi đã thuyết phục được anh rằng tôi thực sự đã làm một chuyến thám hiểm nhà ma và lấy được ba thùng đựng chứng cứ cũ mà Bradley Pfitzner đã cố thiêu hủy, thì có vẻ mọi chuyện khác trong lịch trình của anh tự động tan biến cả.

Glenn, đầy sung sức, chẳng có dấu hiệu gì của đêm tối bên hôm qua, rất hứng thú được thể hiện phong độ và muốn nhận việc ngay lập tức. Lúc 2:00 chiều, chúng tôi quy tụ ở văn phòng ông, gồm tôi, Frankie, Patrick McCutcheon, cảnh sát trưởng Castle, và Bea ngồi ở góc ghi chép.

Lâu nay tôi và McCutcheon chỉ trao đổi với nhau qua thư từ, và rất cởi mở thân ái. Gần một năm trước, tôi đã yêu cầu anh mở lại vụ Quincy, nhưng anh lịch sự từ chối, một chuyện không lấy gì làm lạ. Tôi cũng đã yêu cầu Castle mở lại việc đi điều tra, nhưng anh không mấy hứng thú cho lắm. Kể từ đó, tôi đã đầu đặn email cho họ các bản tóm tắt tiến triển của chúng tôi, để họ nắm tình hình, hoặc ít nhất là tôi mong như thế. Tôi cho là họ đã xem qua các tài liệu tôi cung cấp. Tôi cũng cho là họ *bận ngấp đầu*

ngập cổ” cho đến khi Pfitzner bị bắt. Vụ việc chấn động đó đã khiến họ phải chú ý.

Giờ thì họ toàn tâm r ồi. Và sự chú tâm của họ lại càng dâng cao với ba chiếc thùng chứng cứ mới được tìm thấy.

Tôi gặp chút khó xử khi cố xác định ai mới là người chủ xưởng trong vụ này. Glenn chẳng muốn gì hơn là được c ần trích, nhưng tôi lịch sự đẩy ông ấy ra. Không c ần giải thích tại sao hay bằng cách nào mà chúng tôi lại chú ý đến chuyện của Kenny Taft, tôi nói ngay về việc chúng tôi đã liên hệ gia đình anh, hợp đồng thuê, thanh toán, và cuộc thám hiểm sáng nay trong ngôi nhà cũ. Bea đã phóng to ảnh chụp mấy chiếc thùng đang nằm yên vị trên tầng gác mái, tôi đưa cho họ chuyển tay nhau mà xem.

“Đã mở chúng ta chưa?” cảnh sát trưởng hỏi.

“Chưa, chúng vẫn đang được niêm phong,” tôi trả lời.

“Giờ chúng ở đâu r ồi?”

“Hiện giờ tôi chưa nói được. Trước hết, ta c ần đạt thỏa thuận về cách tiến hành chuyện này. Chưa có thỏa thuận thì miễn chứng cứ.”

“Ba chiếc thùng đó thuộc về sở của tôi,” Castle nói ngay.

“Cái đó thì chưa chắc,” tôi trả lời. “Có thể đúng, có thể không. Anh và sở của anh bao lâu nay đâu biết về chúng. Đâu có tiến hành đi đầu tra gì vì anh không chịu dính vào vụ này, nhớ chứ?”

McCutcheon c ần thể hiện chỗ đứng, nên cũng trịnh trọng, “Tôi đồng ý với cảnh sát trưởng. Nếu chứng cứ này bị trộm từ sở của anh ấy ra, thì dù thế nào đi nữa, nó vẫn thuộc về anh ấy.”

Glenn cũng đâu chịu thua kém khi dẫn mặt cộng sự cũ. “Patrick à, sở của anh ấy đã cố tiêu hủy chúng từ 20 năm trước đây. May là Post tìm được chúng. Anh đang chơi trò giăng co đấy. Ta c ần thống nhất và cùng nhau tiến hành vụ này. Tôi đại diện cho anh Post và tổ chức của anh ấy, còn anh phải lượng thứ cho anh ấy nếu anh ấy có vẻ muốn xem chứng cứ này là của mình. Trong mấy thùng đó, có một thứ có thể giải oan cho thân chủ của anh ấy. Với những chuyện của cảnh sát ở Seabrook bao lâu nay, anh ấy lo ngại cũng phải. Tất cả bình tĩnh, hít một hơi, r ồi từ từ mà giải quyết.”

Chúng tôi hít một hơi thật. Rồi tôi nói, “Tôi cho là chúng ta cứ thống nhất kế hoạch, rồi cùng nhau mở mấy thùng này ra, dĩ nhiên là phải quay video lại hết. Nếu trong đó có cây đèn pin, thì tôi muốn được giữ nó và giao nó cho các chuyên gia của chúng tôi, là tiến sĩ Kyle Benderschmidt và tiến sĩ Tobias Black, để phân tích. Tôi tin các anh đều có trong tay những báo cáo của họ rồi. Khi họ xong việc, tôi sẽ giao lại nó cho anh, để anh đưa nó đến phòng pháp y của bang.”

“Ý anh là chuyên gia của anh giỏi hơn của bang Florida sao?” Castle hỏi gay gắt.

“Đúng,” câu này thì tôi chẳng có lý gì phải ngại. “Nếu anh nhớ rõ, thì chính phía Bang đã mời gã bác học mạo nhận Paul Norwood ra làm chứng. Suốt chục năm qua, ông ta đã liên tục bị vạch trần, uy tín của ông ta chỉ còn là con số không, nhưng hậu quả của ông ta gây cho Quincy vẫn còn đó. Xin lỗi anh bạn, nhưng tôi không tin cách làm việc của nhà nước ở đây.”

“Tôi chắc là phòng pháp y của chúng tôi xử lý được chuyện này,” McCutcheon lên tiếng. “Hồi đó, Norwood đâu phải là nhân viên của bang.”

Khi McCutcheon đã lên tiếng thì Glenn buộc phải đáp trả. “Patrick, anh không chịu lắng nghe rồi. Thân chủ của tôi đang ra đi đầu kiện. Nếu anh không đồng ý, thì miễn thấy chứng cứ đó. Anh ấy sẽ đem đi và chúng tôi tiến hành kế hoạch B.”

“Là gì?”

“Chà, chúng tôi chưa xác định rõ lắm, nhưng chắc chắn anh Post sẽ đem mấy thùng đó đi và giao cho các chuyên gia độc lập phân tích chúng. Các anh sẽ bị loại khỏi cuộc chơi. Anh muốn thế à?”

Tôi đứng lên, nhìn chăm chăm vào Castle và McCutcheon. “Thực sự, tôi không đến đây để thương lượng. Tôi chẳng thích cách nói hay thái độ của các anh. Mấy thùng đó đang được giấu ở chỗ an toàn, và tôi sẽ dùng đến chúng khi sẵn sàng.” Tôi đi về phía cửa, vừa đưa tay lên chuẩn bị mở thì McCutcheon gọi giật, “Khoan đã.”

BA CHIẾC THÙNG đã được rũ bớt bụi nhưng vẫn thấy rõ là đồ đã có từ đời thuở nào rồi. Chúng tôi đặt chúng ngay giữa chiếc bàn họp dài của



Glenn. Một máy quay để trên giá ba chân chĩa thẳng về phía chúng. Chúng tôi tụ lại, nhìn thẳng vào máy quay. Tôi đưa tay đặt lên thùng đầu tiên, “Tôi cho rằng QM là viết tắt của Quincy Miller. Anh muốn là người mở nó không?” Tôi hỏi cảnh sát trưởng, rồi đưa cho anh con dao bấm. Tôi cũng đưa một đôi găng tay cao su y tế, Castle miễn cưỡng mang vào. Bea đi đầu khiến máy quay, còn Frankie cũng quay bằng điện thoại.

Castle cẩn thận lấy con dao, rạch một đường dọc dải băng dính. Khi anh mở thùng ra, chúng tôi căng thẳng kiểm kê những thứ bên trong. Đầu tiên là một túi nylon, bên trong có vẻ là một áo sơ-mi dính máu. Không cần mở ra, Castle cẩn thận nó lên, nhìn vào nhãn dán trên đó và đọc, “Hiện trường vụ án, Russo, ngày 16 tháng 02 năm 1988.”

Anh đặt nó lên bàn. Chiếc áo trong túi có vẻ bị thủng vài chỗ. Máu gần như đã thành màu đen, 23 năm rồi mà.

Tiếp theo là một túi nylon, bên trong có vẻ là một cái quần dài được gấp lại, và cũng có vết ố đen. Trên nhãn cũng cùng thông tin như túi trước.

Tiếp theo là một chiếc hộp gói trong túi đựng rác màu đen. Castle cẩn thận mở lớp nylon, đặt chiếc hộp xuống bàn rồi mới mở ra. Anh lấy ra từng cái một, đầu tiên là một tờ giấy in, rồi đến một tập ghi chú màu vàng, các thẻ ghi chú, bốn cây viết loại rẻ tiền và hai cây bút chì chưa sử dụng. Nhãn trên hộp ghi là vật dụng lấy trên bàn của Russo. Thứ nào cũng dính máu.

Tiếp theo là bốn quyển sách luật dính máu. Nhãn ghi là lấy từ giá sách của Russo.

Rồi đến một hộp carton 30×30. Nó được nhét trong hai lớp túi nylon loại để trữ đông. Castle cẩn thận lấy hai túi nylon ra, và như thể biết nó là gì, anh dừng lại một giây, còn chúng tôi thì nhìn chăm chăm vào cái hộp nâu. Nó không được quấn băng dính mà là cài chốt. Castle cẩn thận mở chốt, lấy ra một túi khóa zip nữa. Anh đặt nó lên bàn. Bên trong là một cây đèn pin nhỏ màu đen, dài tầm ba tấc, mặt kính tầm năm phân.

“Đừng mở nó ra,” tôi nói, tim chực nhảy khỏi lồng ngực.

Castle gật đầu đồng ý.

Glenn với tư cách chủ nhà, liền truyền lệnh, “Các anh, ngồi xuống và xem ta có gì rồi nào.”

Chúng tôi đi về phía cuối bàn, ngồi xuống. Frankie qua đầu bàn bên kia, cất điện thoại đi. Bea bảo anh, “Tôi vẫn còn quay mà.”

“Cứ quay tiếp đi,” tôi dặn Bea. Tôi muốn mọi lời trao đổi đều được ghi lại hết.

Bốn người chúng tôi ngồi đó trong vài phút để xác định tình hình trong đầu. Tôi nhìn vào cây đèn pin rồi quay đi, không thể nào tin nổi là nó còn đây và sẽ làm được gì. Cuối cùng, McCutcheon mở lời, “Tôi có thắc mắc, Post.”

“Nói đi.”

“Anh đã ăn ngủ cùng vụ này gần một năm rồi. Chúng tôi thì không. Vậy anh có giả thuyết gì về lý do Pfitzner muốn tiêu hủy chứng cứ này không?”

Tôi thông thả đáp, “Tôi tin là chỉ có một lời giải thích duy nhất, và Kyle Benderschmidt đã giúp tôi nghĩ ra nó. Ông ấy bảo, trong vụ này có bàn tay của một kẻ thi hành pháp luật khôn khéo và tà ác. Cây đèn pin được Pfitzner gài vào, và được chụp ảnh cẩn thận. Các anh thấy ảnh rồi đấy. Pfitzner biết thế nào cũng tìm được một tay bác học mạo nhận như Paul Norwood để khám nghiệm mấy tấm ảnh đó mà không cần đến cây đèn pin, rồi nhử nhét cho bẫy thẩm đoán cái giả thuyết của bên công tố rằng đây là cây đèn pin mà hung thủ, hay theo lời họ là Quincy, đã dùng để có thể thấy đường trong bóng tối mà bắn. Lý do Pfitzner muốn cây đèn pin này biến mất là vì ông ta sợ sẽ có một chuyên gia khác, có trình độ hơn Norwood, được bên biện hộ mời đến khám nghiệm nó và nói ra sự thật. Pfitzner cũng biết rằng kết tội một người da đen ở một thành phố toàn da trắng là chuyện quá dễ dàng.”

Họ phải mất một hồi mới tiêu hóa được chuyện này. Rồi vẫn là McCutcheon phá tan sự im lặng, “Vậy anh tính làm gì, Post?”

Tôi trả lời, “Tôi không kỳ vọng sẽ có nhiều máu trên đó. Nhưng nó đúng là món quà trên trời rơi xuống. Tôi dự định, lý tưởng nhất là đưa cây đèn pin đến chỗ tiến sĩ Benderschmidt để khám nghiệm. Tiến sĩ sẽ không

làm việc đó ở đây vì ở phân khoa Đại học của mình, ông có cả một phòng xét nghiệm đẳng cấp.”

McCutcheon hỏi tiếp, “Nếu như máu trên cây đèn pin trùng khớp với máu trên áo quần ở đây, thì Quincy có liên quan đến vụ án, phải chứ?”

“Có thể, nhưng không có chuyện đó đâu. Cây đèn pin là do Pfitzner gài vào, và không nằm ở hiện trường vụ án. Tôi khẳng định như vậy.”

Glenn lại thấy cần thể hiện vai trò chủ nhà, liề n quay sang McCutcheon, “Theo tôi thấy, ta có hai vấn đề Thứ nhất là chuyện giải oan, thứ hai là chuyện đi đầu tra tìm hung thủ thực sự. Chuyện đầu tiên thì cấp bách, chuyện thứ hai chắc chẳng bao giờ làm được. Pfitzner đang nằm trong tù, đúng là thế, nhưng liên hệ lão với hung thủ thực sự không phải việc dễ dàng. Anh đồng ý thế chứ, Post?”

“Đúng, và lúc này, tôi không bận tâm đến chuyện đó. Ông ta đã tự chui đầu vào rọ và sẽ ng ẫ từ một thời gian rất dài. Tôi muốn Quincy Miller được ra tù sớm nhất có thể, và tôi cần các anh giúp. Tôi từng gặp mấy chuyện này r ẫ, khi công tố viên hợp tác thì mọi chuyện sẽ nhanh hơn nhi ều.”

“Thôi nào, Patrick,” Glenn gấ t lên. “Mọi thứ rõ như ban ngày r ẫ. Cách đây 23 năm, anh chàng đó bị hạt này phá nát cuộc đời. Đến lúc ta phải chấn chỉnh mọi chuyện r ẫ.”

Cảnh sát trưởng Castle mỉm cười, “Tôi sẵn lòng. Chúng tôi sẽ mở lại vụ án này ngay khi anh có kết quả khám nghiệm.”

Tôi muốn lao qua bên kia bàn mà ôm anh ấy.

McCutcheon cũng nhượng bộ, “Thỏa thuận vậy đi. Tôi chỉ yêu cầu tất cả đều được chụp ảnh, ghi hình và bảo quản cẩn thận. Tôi còn cần nó để sau này đưa ra trước tòa.”

“Dĩ nhiên r ẫ,” tôi nói.

Castle quay sang hai thùng còn lại, “Giờ làm gì với chúng đây?”

Glenn chống gậy đứng lên, “Xem qua đi. Lỡ trong đó có gì tố tôi thì sao?”

Chúng tôi cười, cùng đứng lên. Frankie bỗng hắng giọng, “Sếp, đừng quên chuyện buổi thay đồ đó.”

Đúng là tôi quên thật. Tôi nhìn qua cảnh sát trưởng, “Xin lỗi vì gây thêm phức tạp cho anh, nhưng chúng tôi tình cờ tìm được một thứ nữa ở nhà Taft, trong buổi thay đồ trên lầu. Tôi không chắc có thể gọi đó là thi thể hay thi hài, vì giờ chỉ còn bộ xương trắng mà thôi. Chỉ còn xương. Có lẽ đã nằm ở đó hàng năm trời rồi.”

Castle cau mày, “Tuyệt thật. Đúng cái tôi cần quá mà.”

“Chúng tôi chưa chạm vào nó, nhưng để ý thấy có lỗ đạn nơi hộp sọ. Có thể chỉ là tự sát thôi.”

“Tôi thích cách nghĩ của anh đấy, Post.”

“Và không có áo quần gì cả. Chúng tôi chưa báo cho nhà Taft, nên nó còn nguyên đó cho các anh.”

“Cảm ơn nhiều về món quà ghê rợn của anh.”

Glenn mời Frankie và tôi ghé hiên nhà ông thưởng thức thêm một bữa món Tàu, nhưng chúng tôi biết thừa ý ông rồi nên nhất mực từ chối. Cuối giờ chiều hôm đó tôi rời Seabrook, Frankie lái xe của anh chạy ngay phía sau để bảo tiêu món hàng giá trị tôi đang chở. Nó nằm ngay trên ghế trước cạnh tôi, chỗ tôi luôn có thể dễ dàng bắt gặp. Một hộp nhỏ chứa cây đèn pin hơn hai chục năm trời chưa ai sờ đến và một túi nhựa đựng chiếc áo dính máu. Chúng tôi lái không nghỉ suốt ba tiếng, và về đến Savannah khi trời đã tối. Tôi cất các chứng cứ trong tủ khóa ở phòng mình để có thể ngủ sát bên mà canh nó. Vicki đang nướng gà, Frankie và tôi đều đói meo cả rồi.

Vừa ăn tối, chúng tôi vừa bàn xem nên đi xe hay máy bay đến Richmond. Tôi không muốn bay vì chẳng thích chuyện phải giải trình với an ninh sân bay về các chứng cứ này. Một nhân viên buồng chân hẫng sẽ hoảng lên vì cái áo dính máu. Và nghĩ đến chuyện cây đèn pin bị ai đó động chạm can thiệp vào càng kinh khủng hơn nữa.

Thế nên, lúc 5:00 sáng, chúng tôi đã lên đường trên chiếc bán tải của Frankie, vừa an toàn vừa rộng rãi hơn, anh cầm tay lái còn tôi thì cố chớp mắt thêm chút nữa. Đến biên giới bang ở Nam Carolina, thì anh bắt đầu gà gât nên tôi đổi sang lái thay. Chúng tôi mở trúng một đài R&B ở Florence, và lầm nhảm hát theo Marvin Gaye. Bữa sáng là bánh quy và cà phê mua ở cửa hàng đồ ăn nhanh phục vụ khách ngồi trên xe, rồi tấp vào vệ đường mà ăn. Chúng tôi phải phá lên cười khi nhắc lại chuyện cùng giờ này hôm qua. Trên tầng gác mái đó, chúng tôi đã kinh hoàng, nghĩ thế nào cũng bị các oán linh tóm lấy. Khi kể lại vụ nôn mửa tơi bời của tôi lúc đụng phải bộ xương trong buồng, Frankie cười đến đau cả bụng không thể nào ăn nổi nữa. Tôi mới nhắc bản thân anh cũng đã bủn rủn như cọng bún. Anh thừa nhận mình đã khụy cả gối và đưa tay chớp ngay khẩu Glock.

Gần 4:00 chiều, chúng tôi đến trung tâm Richmond. Kyle Benderschmidt đã chờ lịch đón chúng tôi và đội ngũ của ông sẵn sàng vào việc ngay. Chúng tôi theo ông đến một phòng lớn trong dãy phòng xét nghiệm ở đây. Ông giới thiệu hai đồng nghiệp và hai kỹ thuật viên, rồi cả năm người đeo găng tay y tế vào. Hai máy quay, một chĩa thẳng vào bàn, một gắn trên cao chĩa xuống, cả hai đều được kích hoạt. Tôi và Frankie lùi ra nhưng không bỏ sót bất kỳ thao tác nào của họ, vì máy quay trên trần truyền hình ảnh trực tiếp đến một màn hình gắn trên tường ngay trước mặt chúng tôi.

Kyle nhìn vào máy quay chính diện, nói tên của mọi người trong phòng, ngày tháng địa điểm và mục đích của cuộc khám nghiệm này. Ông vừa làm vừa thuật lại các thao tác, lấy chiếc hộp ra khỏi túi nylon, từ từ mở nó ra, lấy ra chiếc túi nhỏ hơn đang đựng cây đèn pin. Ông mở khóa zip, đặt món đồ chúng tôi trông đợi lên một tấm sứ trắng 90×90, rồi dùng thước đo chiều dài của nó, 28cm. Ông giải thích với máy quay rằng vỏ đèn pin màu đen là một dạng kim loại nhẹ, có lẽ là nhôm, với kết cấu bề mặt không trơn mịn. Ông cho rằng cái này sẽ gây khó khăn cho việc tìm dấu vân tay. Thế là kiến thức chuyên gia bắt đầu tuôn ra, ông nói những dấu vân tay ẩn có thể tồn tại trên các bề mặt phẳng trong hàng chục năm nếu không bị tác động gì, nhưng lại nhanh chóng biến mất nếu bề mặt bị tác động bởi môi trường. Ông bắt đầu vặn nắp để lấy pin, một chút rỉ sét rơi ra từ đường rãnh nắp. Kyle lắc nhẹ cây đèn pin và hai viên pin đại rơi xuống. Ông không chạm vào chúng, nói trên pin thường có dấu vân tay. Những tên trộm và tội phạm khôn khéo hầu như luôn lau đèn pin của mình, nhưng lại quên lau mấy viên pin.

Tôi cũng chưa hề nghĩ đến chuyện đó. Tôi và Frankie nhìn nhau thán phục. Chuyện này đúng là mới với chúng tôi.

Kyle giới thiệu một đồng nghiệp tên Max, cũng là người giỏi hơn về dấu vân tay. Max thay thế ông làm người tường thuật, cúi người xuống hai viên pin và giải thích rằng vì màu của chúng chủ yếu là đen nên anh sẽ dùng một loại bột trắng, gần giống với bột tan. Với cây cọ nhỏ và bàn tay khéo léo, anh quét bột tan lên hai viên pin, giải thích rằng nó sẽ dính vào số đầu cơ thể trong lớp da sót lại trên đó, nếu có. Ban đầu chẳng có gì. Anh

nhẹ nhàng lăn viên pin và quét thêm bột vào. “Được rồi,” anh reo lên. “Có vẻ là vân ngón tay cái.”

Đầu gối tôi run lên, đến mức chắc phải kiểm gì đó xuống. Nhưng không thể làm thế được, bao nhiêu người đang nhìn vào tôi. Benderschmidt hỏi, “Anh thấy sao, luật sư? Có lẽ tiến hành khám nghiệm vân tay luôn không phải ý hay nhỉ?”

Tôi gượng cười với ông. Suốt nhiều tháng qua, tôi luôn quả quyết rằng chẳng bao giờ tìm được hung thủ thực sự đâu. Nhưng chẳng phải chúng tôi đã có dấu vân tay của hắn rồi sao?

Tôi nói, “Phải, cứ dừng ở đó đã. Có lẽ cái này phải trình ra trước tòa, nên tôi thấy đề phòng xét nghiệm của Florida xử lý nó thì hay hơn.”

“Đồng ý,” Kyle đáp. Max cũng gật đầu. Hai người này quá chuyên nghiệp, không thể nào làm ảnh hưởng gì đến chúng cứ được.

Tôi chợt nảy ra ý tưởng. “Ta có thể chụp ảnh và gửi nó cho họ ngay được không?”

“Được,” Kyle nhún vai nói, rồi gật đầu với một kỹ thuật viên. Anh ấy nhìn sang tôi, “Chắc anh nóng lòng xác minh nhân thân kẻ đó nhỉ?”

“Đúng thế, nếu được.”

Kỹ thuật viên lôi ra một cái máy kỳ cục mà theo lời anh là máy ảnh độ phân giải cao của hãng nào đó mà tôi chẳng đọc tên nổi, rồi họ dành suốt 30 phút tiếp theo để chụp cận cảnh vân tay. Tôi gọi cho Wink Castle và lấy số của bên phòng xét nghiệm của bang. Castle muốn biết chúng tôi có tiến triển gì chưa, tôi nói là chưa.

Khi họ chụp ảnh xong rồi, Kyle đặt hai viên pin vào hộp nhựa rồi chuyển sang xử lý mặt kính. Tôi nhìn tấm ảnh chụp nó cả ngàn lần rồi và biết trên đó có các vết được cho là máu của Russo. Ba vết hơi lớn hơn một chút với đường kính tằm hơn 3mm. Kyle dự tính lấy vết lớn nhất và tiến hành một loạt xét nghiệm. Vì máu đã khô trong gần 23 năm qua, nên không dễ lấy ra. Nhìn họ làm việc, thật chẳng khác gì các bác sĩ phẫu thuật thần kinh. Kyle và Max lấy mặt kính ra, đặt trên một đĩa petri sạch. Kyle trở lại vai trò người tường thuật. Dùng một ống tiêm nhỏ, ông nhỏ một giọt nước cất vào vết máu lớn nhất. Tôi và Frankie chăm chú theo dõi trên màn hình.

Giọt nước hòa tan rồi một giọt chất lỏng màu hồng lẫn ra khỏi mặt kính, rơi vào đĩa petri. Kyle và Max gật đầu hài lòng. Họ tháo găng tay, một kỹ thuật viên cùng làm theo.

Kyle quay sang tôi, “Chúng tôi sẽ lấy một mẫu máu nhỏ trên áo và so sánh chúng với nhau. Rồi chúng tôi sẽ làm vài xét nghiệm, chẩn đoán các mẫu này. Sẽ mất chút thời gian. Chúng tôi sẽ làm cả tối nay.”

Tôi biết nói gì đây? Tôi muốn có kết quả, một kết quả có lợi cho chúng tôi, và có ngay lập tức, nhưng đành chịu vậy. Tôi cảm ơn Kyle và Max rồi ra về Frankie và tôi rời tòa nhà rồi dạo quanh khu trung tâm Richmond tìm một quán ăn. Ngồi đó ăn sandwich, uống trà đá, chúng tôi cố tránh nhắc đến máu, nhưng có vẻ là bất khả thi. Nếu mẫu máu lấy từ cây đèn pin khớp với mẫu máu trên chiếc áo thì chuyện vẫn chưa rõ ràng, và còn những vấn đề để ngờ.

Nhưng nếu hai mẫu đó khác nhau, Quincy sẽ được tự do.

Còn vân tay thì sao? Không thể mặc nhiên khẳng định đây cũng là kẻ đã bóp cò, trừ phi chúng mình được cây đèn pin từng hiện diện ở hiện trường vụ án. Nếu hai mẫu không khớp, thì cây đèn pin không hề có mặt hiện trường, chỉ là Pfitzner gài vào thùng xe của Quincy. Và còn nhiều ước đoán nữa.

Trên quãng đường dài từ Savannah đến Richmond, tôi và Frankie bàn xem có nên báo cho nhà Taft là có một bộ xương trong buồng thay đồ nhà họ không. Lúc báo cho cảnh sát trưởng Castle, chúng tôi thấy anh không quan tâm lắm. Một mặt, có thể ai đó trong nhà Taft đã mất tích nhiều năm trước, và cái này sẽ giúp giải được bí ẩn đó. Nhưng mặt khác, họ đã quá sợ nơi đó đến nỗi khó lòng tin được họ chịu quan tâm đến một cái chết ma ám khác.

Cuối cùng, chúng tôi quyết định chuyện đó quá ly kỳ, không nói thì đúng là phí. Frankie mở máy gọi cho Riley Taft, anh vừa tan giờ làm ở trường và ngạc nhiên khi biết chúng tôi đã tiến xa đến thế với các chứng cứ tìm được. Frankie giải thích rằng hầu hết đồ trong ba thùng đó giờ nằm trong tay cảnh sát trưởng, nhưng chúng tôi đã lấy được cái mình cần. Rồi hỏi thêm nhà anh ấy có người nào mất tích không, trong mười năm trở lại đây.



Riley hỏi chuyện đó có gì quan trọng vậy.

Frankie nhăn mặt kể về khám phá phụ của chúng tôi trong ngôi nhà ma vào sáng hôm qua. Trong buồng thay đồ ở phòng phía Đông có một bộ xương nguyên vẹn chưa ai đụng vào, được cột dựng lên bằng một sợi dây vắt ngang ngực. Có lẽ không phải là tự sát. Có lẽ là một vụ giết người, nhưng không phải bằng cách treo cổ, dù chưa có gì chắc chắn.

Trong lúc Riley há hốc mồm vì sốc thì Frankie phải cố bặm môi để không cười thành tiếng. Riley bảo Frankie đừng đùa vớ anh. Frankie nghiêm giọng bảo chuyện này dễ chứng minh mà. Cứ vào đó mà xem. Và hơn nữa, Frankie bảo Riley và Wendell nên vào nhà càng sớm càng tốt để đưa bộ xương đi chôn cất cho đàng hoàng tử tế.

Riley cau lên, bắt đầu chửi thề. Khi anh bình tĩnh lại rồi, Frankie xin lỗi vì đã báo tin xấu, nhưng anh ấy thật lòng nghĩ họ nên làm thế. Có lẽ cảnh sát trưởng sẽ sớm liên lạc họ và muốn đến đó nắm tình hình.

Frankie nghe Riley nói gì đó, cười và nói, “Không, Riley, là tôi thì không đốt nó đâu.”

Đáp lại là tràng quát tháo ầm ĩ của Riley, đến nỗi Frankie phải đưa điện thoại ra xa tai, còn miệng thì nói lui nói tới, “Thôi nào, Riley, đừng đốt nó mà.”

Đến lúc gác máy, có vẻ anh tin chắc thế nào ngôi nhà cũng sẽ sớm chìm trong biển lửa.

Chúng tôi phải chờ đến gần 11:00 sáng, giờ tiến sĩ Benderschmidt xong việc giảng dạy và trở về văn phòng. Tôi và Frankie đang ngồi đợi ở đó, bụng đầy cà phê. Ông lướt vào, mỉm cười với chúng tôi, “Các anh thắng rồi!” Ngả người xuống ghế, tháo lỏng nơ cổ, ông hớn hờ báo cho chúng tôi tin tuyệt diệu, “Không trùng khớp. Đó còn chẳng phải máu người. Trên áo Russo thì nhiều, là nhóm máu O, nhưng mấy chuyện đó ta biết cả rồi. Như tôi đã nói, chúng tôi không phải là phòng xét nghiệm ADN, nhưng may là các anh chẳng cần phải làm thế. Vết máu trên mặt kính là của động vật, có vẻ là của thỏ hay một loài có vú nhỏ. Trong báo cáo, tôi sẽ dùng đầy đủ thuật ngữ và thông số khoa học, nhưng giờ tôi không nói thêm gì được. Tôi bị trễ lịch lắm rồi vì thức cả đêm qua lo vụ này. Hai tiếng nữa tôi phải ra sân bay. Anh có vẻ không ngạc nhiên gì cả, Post.”

“Tôi không ngạc nhiên, chỉ thấy nhẹ nhõm khi biết sự thật.”

“Vậy là anh ấy được tự do?”

“Chuyện đó không dễ đâu. Ông biết kiểu này mà. Phải mất vài tháng vật lộn điên người trên tòa, nhưng chúng tôi sẽ thắng. Nhờ ông đấy.”

“Anh đã làm hết phần việc nặng rồi, Post. Tôi chỉ là nhà khoa học thôi.”

“Còn vân tay thì sao?”

“Tin tốt là nó không phải của Quincy, tin xấu là nó cũng không phải của Pfitzner. Hiện giờ ta chưa xác định được, nhưng phòng xét nghiệm Florida vẫn đang xử lý. Tối qua họ đã cho chạy nó trên hệ thống, nhưng chẳng thấy gì. Như thế có nghĩa là người cầm viên pin không có vân tay trong hệ thống dữ liệu. Nên có thể là bất kỳ ai. Vợ của Pfitzner, người giúp việc,

hoặc một lính của ông ta. Một ai đó anh chưa hề nghe tên và có lẽ sẽ chẳng bao giờ tìm ra.”

Frankie hỏi, “Nhưng chuyện đó không quan trọng nhỉ? Nếu cây đèn pin không ở hiện trường, thế thì hung thủ thật sự không dùng nó.”

“Chính xác,” Kyle nói. “Tôi cho là Pfitzner đã giết một con thỏ, lấy máu phun lên cây đèn pin. Nếu là tôi thì sẽ dùng một ống tiêm lớn mua ở tiệm thuốc và đứng cách mét rưỡi mà phun nó vào mặt kính đèn pin, như thế vết sẽ đẹp như thật. Sau khi máu khô, ông ta mang găng tay vào, nhét nó vào túi, kiểm lệnh soát xe của Quincy rồi thả nó vào. Ông ta quen biết Paul Norwood, tay chuyên gia mạo nhận, và thuyết phục bên công tố thuê lão đó. Miễn được trả tiền, anh muốn gì Norwood sẽ nói nấy, rồi lão vác lý lịch ấn tượng đến tòa thuyết phục bồi thẩm đoàn, có thể nói là ngơ ngơ như nai tơ, mà theo tôi nhớ thì hầu hết là da trắng!”

“Mười một trắng, một đen,” tôi xác nhận.

“Một vụ giết người chấn động, khao khát công lý, nghi phạm hoàn hảo có động cơ gây án, và màn gài tội quá khéo. Quincy may mắn thoát được án tử hình, nhưng bị tù chung thân. Hai mươi ba năm sau, sự thật được anh phơi bày, Post. Anh xứng đáng được nhận huân chương đấy.”

“Cảm ơn tiến sĩ, nhưng hội chúng tôi không trao huân chương. Chỉ có đi giải oan thôi.”

“Chuyện này làm tôi vui lắm. Một vụ án thật ly kỳ. Nếu anh cần, tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ.”

Rồi RICHMOND, tôi gọi cho cô y tá quen thân nhờ chuyển máy cho Quincy. Tôi nói đơn giản ngắn gọn là giờ chúng tôi đang có trong tay chứng cứ giá trị sẽ giúp giải oan cho anh. Tôi cũng cho biết là nhiều khả năng sẽ không nhanh được đâu, và vài tháng sắp tới sẽ là cuộc chiến ở tòa để đưa anh ra khỏi tù. Anh hài lòng, biết ơn, và chìm lắng trong hạnh phúc.

Anh bị tấn công cách đây gần ba tháng, và đang bình phục từng ngày. Khả năng nhận thức và khả năng nói của anh ngày càng cải thiện. Vấn đề lớn nhất bây giờ là anh không hiểu rằng tiến trình phục hồi của anh phải chậm hết sức có thể. Vì chỉ cần anh đủ khỏe là phải trở lại nhà tù. Tôi đã

nhều lần cố khiến đội ngũ y bác sĩ của anh hiểu ra là phải thông thả. Nhưng bệnh nhân của họ lại không muốn chậm, anh đã chán cảnh nằm viện, chán phẫu thuật, kim tiêm và dây dợ lắm rồi. Anh muốn đứng lên và chạy.

Khi Frankie đi về hướng Nam, tôi đã bàn thảo với Mazy, Susan Ashley và Bill Cannon. Có quá nhiều chuyện cần bàn, nên Mazy đã mở cuộc họp trực tuyến để cả đội đồng não trong một tiếng. Hiện thời, ý tưởng của cô là sáng giá nhất, một chiêu mà cô đã suy tính cũng khá lâu rồi. Theo luật Florida, đơn kiến nghị xét xử hậu tuyên án phải được đệ lên hạt mà bị cáo bị giam. Do đó, thẩm phán Plank già bạn tối mặt với cả đồng giấy tờ với vẫn vì Garvin nằm ngay trong Hạt Poinsett. Ông cũng quá chán nản với mấy chuyện này đến nỗi chẳng còn thì giờ để cảm thông gì nữa, và sẽ không công nhận chứng cứ mới trừ khi nó được giáng thẳng vào mặt ông.

Nhưng hiện giờ Quincy đâu bị giam ở Garvin. Anh nằm viện ở khu trung tâm Orlando, Hạt Orange với dân số một triệu rưỡi và có 43 thẩm phán phúc thẩm khác nhau. Nếu chúng tôi đệ đơn lên Hạt Orange thì bên phía nhà nước Bang sẽ ý kiến, nói rằng chúng tôi đang cố tìm tòa án có lợi, nhưng chúng tôi chẳng có gì để mất. Nếu thắng, chúng tôi sẽ đệ trình chứng cứ mới trước một thẩm phán mới, một người sống ở khu vực thành thị và hiểu rõ sự đa dạng. Nếu thua, chúng tôi sẽ lại thử tìm đến ông già Plank lần nữa thôi. Nhưng trước hết, chúng tôi phải hủy đơn kháng cáo phán quyết bác bỏ của thẩm phán Plank trước đã. Nó nằm yên đóng bụi ở Tòa Thượng thẩm Tallahassee đã được ba tháng rồi.

Tôi và Mazy bỏ ra hai ngày đệ một đơn kiến nghị mới để hủy bỏ đơn cũ. Phòng xét nghiệm bang Florida đã báo tin tốt khi họ có cùng kết luận như Kyle Benderschmidt.

Vẫn chưa thấy động tĩnh gì từ bên nhà Taft về bộ xương trong buồng thay đổi nhà họ.

Nếu trong văn phòng mà có champagne, chắc chúng tôi đã bật để ăn mừng lúc cô y tá quen ở Orlando gọi báo tôi rằng, (1) Quincy bị nhiễm trùng do một vết thương lúc mổ, và (2) hàm của anh ấy không chuẩn nên cần phẫu thuật lần nữa.

Tôi kết cuộc điện thoại bằng câu, “Làm ơn đừng để anh ấy xuất viện nhé.”

RÚT ĐƯỢC ĐƠN BÊN KIA, chúng tôi li ền đệ đơn lên Tòa Phúc thẩm ở Hạt Orange, sân nhà của Susan Ashley. Tòa này giữ kín cách chỉ định vụ án nào cho thẩm phán nào nên chúng tôi chẳng biết sẽ gặp ai ở tòa. Bang Florida mất hai tuần mới phản h ồi bằng một kiến nghị bác bỏ khác hơi quá ngắn gọn, có vẻ họ cũng không hăng hái gì lắm.

Susan Ashley yêu c ầu phiên đi ầu tr ần xúc tiến, và chúng tôi được tin người chủ trì là thẩm phán Ansh Kumar, 38 tuổi, thuộc thế hệ người nhập cư Ấn thứ hai. Chúng tôi c ầu mong ai đó hiểu được sự đa dạng, và đã được toại nguyện. Anh đã chấp thuận yêu c ầu tổ chức phiên đi ầu tr ần, một dấu hiệu tốt, nên tôi vội vã lên đường đi Orlando. Tôi ng ỡ xe của Frankie đến đó vì anh nghĩ chiếc Ford nhỏ của tôi không đủ an toàn, nhất là khi tôi vừa lái vừa mãi hò hét trên điện thoại. Thế nên anh lái, còn tôi thì cố không hò hét.

Mấy ngày này, vai trò của Frankie rất quan trọng. Không ngạc nhiên khi anh rất thân với Quincy và ng ỡ hàng giờ với anh ấy trong bệnh viện. Họ cùng nhau xem các trận bóng, ăn đ ồ ăn vặt, và làm cả bệnh viện rộn lên. Các cô y tá biết cả hai đều đã phải ng ỡ tù lâu năm vì những tội mình không phạm nên cũng có chút cảm tình và hay đùa nhả. Frankie cho tôi biết có vài cô nói năng bạt mạng không thua gì đàn ông đâu.

Bang Florida lại phái Carmen Hidalgo đi xử lý vụ này. Ở văn phòng Chương lý có cả ngàn luật sư nhưng cô vẫn không thoát khỏi. Mấy luật sư kỳ cựu ở đó đâu mê gì những vụ như thế này.

Chúng tôi quy tụ để dự phiên đi ầu tr ần ngắn gọn trong một phòng xử hiện đại nằm ở t ầng ba tòa nhà tư pháp cao t ầng mới xây xong, một niềm tự hào của Hạt Orange. Thẩm phán Kumar chào đón các luật sư bằng nụ cười n ềng hậu và yêu c ầu chúng tôi vào việc ngay.

Carmen nói trước, rằng quy chế của bang rất rõ ràng, yêu c ầu mọi kiến nghị xét xử hậu tuyên án như thế này phải được đệ trình lên hạt nơi phạm nhân đang bị giam giữ. Susan Ashley phản bác với lập luận rằng thân chủ

của chúng tôi là phạm nhân của Garvin, nhưng hiện giờ không ở đó. Suốt 15 tuần qua, anh ấy ở đây, Orlando, và chưa biết bao giờ mới xuất viện. Vấn đề này chúng tôi đã gửi thông tin cho cả hai bên và rõ ràng thẩm phán Kumar đã đọc, không chỉ các bản tóm tắt mà còn cả đơn kiến nghị dày cộm của chúng tôi nữa.

Sau khi kiên nhẫn lắng nghe, thẩm phán nói, “Cô Hidalgo, có vẻ bị cáo đã đẩy nhà nước vào vòng lặp nhỏ này rồi. Quy chế không nói gì về nơi đệ đơn kiến nghị khi bị cáo được chuyển tạm thời khỏi nhà tù của mình. Có vẻ họ đã đúng!”

“Nhưng, thưa quý tòa...”

Thẩm phán Kumar chần chừ đưa hai tay lên đầu hàng và nở nụ cười ý vị. “Cô Hidalgo, mời cô ngồi. Cảm ơn cô. Tôi sẽ giữ lại vụ này vì vài lý do. Trước hết và trên hết, tôi không tin rằng quy chế của bang đòi buộc đơn kiến nghị này phải đệ lên Hạt Poinsett. Thứ hai, tôi thấy các thông tin sự kiện, nhất là những sự kiện gần đây, khá là đáng chú ý. Tôi đã đọc hết tất cả, đơn kiến nghị thứ nhất và thứ hai của phía bị đơn, phản hồi của phía nhà nước, vụ kiện liên bang đối với cựu cảnh sát trưởng Hạt Ruiz và những người khác, các bản truy tố đối với những người được cho là âm mưu thực hiện một vụ giết mướn trong tù. Tôi đã đọc hết rồi. Và lý do thứ ba để tôi giữ lại vụ này, là bởi có vẻ có khả năng cao anh Quincy Miller đã phải ở trong tù suốt 23 năm qua vì tội giết người của kẻ khác. Tôi cam đoan là mình chưa quyết định gì, và tôi đang dự tính có một phiên đi đầu tiên để trình chứng cứ cho kiến nghị này. Cô Gross, khi nào cô sẵn sàng ra trước phiên đi đầu tiên lớn?”

Susan Ashley đang ngồi, liền nói ngay, “Ngày mai.”

“Còn cô Hidalgo?”

“Thưa quý tòa, chúng tôi còn chưa đệ trình câu trả lời của mình mà.”

“Ồ, tôi nghĩ là rồi. Cô đã xác định câu trả lời trong phiên đi đầu tiên cho bản kiến nghị trước rồi. Nó nằm sẵn trong máy tính của cô. Chỉ cần đổi ngày tháng rồi gửi ngay đi, cô Hidalgo. Phiên đi đầu tiên sẽ diễn ra trong ba tuần nữa, ngay tại phòng xử này.”

Hôm sau, Hidalgo tức tốc lên tòa thượng thẩm của bang đệ đơn kháng cáo phán quyết của Kumar. Một tuần sau đó, Tòa Thượng thẩm Florida ra phán quyết vồn vẹn trong hai câu, và đứng về phía chúng tôi. Chúng tôi đang hướng đến thời khắc trọng đại, và lần này có vẻ chúng tôi đã có được một thẩm phán biết lắng nghe.

Bill Cannon đưa ra một đề nghị khiến chúng tôi ngạc nhiên. Anh muốn đứng ra làm luật sư chính khi chúng tôi đệ trình kiến nghị xét xử hậu tuyên án. Anh xem đây là bước đệm hoàn hảo cho vụ kiện liên bang vài tháng nữa mới ra tòa. Anh rất nóng lòng ra trận và muốn trực tiếp lắng nghe các nhân chứng. Susan Ashley mới 33 tuổi và kinh nghiệm trên tòa có phần nào hạn chế, dù cho cô khôn khéo và nhanh nhạy. Tôi sẵn lòng cho Susan Ashley điểm A+, nhưng danh tiếng của Cannon vốn đã nằm trên sảnh danh vọng luật sư từ lâu rồi nên cô vui lòng nhường sân khấu cho anh và cảm thấy vinh dự khi được ngồi ghế luật sư thứ hai. Vì tôi có khả năng phải ra làm nhân chứng nên đã bỏ luôn vai trò luật sư trong vụ này, dù có phần nào tiếc nuối, nhưng dù gì tôi vẫn được ngồi hàng ghế đầu.

Nhận thấy khả năng đội mình sẽ chiến thắng nên Vicki và Mazy đã tạm nghỉ vài ngày, lái xe đến Orlando dự phiên đi đầu tiên trọng đại này. Frankie cũng ngồi cùng chúng tôi ở hàng ghế đầu, Vậy là Hội Vệ nhân hiện diện đủ cả. Nhưng chưa hết, Cha Luther Hodges cũng từ Savannah đến để xem chúng tôi thể hiện. Cha đã theo dõi vụ này ngay từ ngày đầu và đã cần nguyện hàng giờ cho Quincy. Ông Glenn Colacurci cũng đến dự trong bộ vest kẻ sọc hồng với Bea xinh đẹp thấp tùng. Ngồi với ông là Patrick McCutcheon, theo lời Glenn kể, đã quyết định không cần xử lại vụ Quincy nếu như chúng tôi thắng trong phiên đi đầu tiên về bản kiến nghị này.

Susan Ashley đã liên hệ với báo giới và vụ này được loan truyền khá rộng. Chẳng ai muốn bỏ lỡ câu chuyện về một cựu cảnh sát trưởng biến chất đã cố thủ tiêu con người vô tội mà chính tay ông ta đẩy vào tù từ hơn 20 năm trước, và giờ người đàn ông vô tội đó đang dốc hết sức để hướng đến ngày được trả tự do, còn lão cảnh sát trưởng thì đang ngồi tù. Phóng viên rải rác khắp phòng xử cùng khoảng hơn 20 người dự khán. Mọi phòng



xử án dù ở đâu, to nhỏ thế nào, đâu có sức hút với dân thường ở đó, những người hiếu kỳ và chẳng có việc gì để làm.

Thẩm phán Kumar ng ồi vào ghế chủ tọa mà không cần nghi thức chào hỏi gì cả. Anh chào mọi người rồi nhìn quanh, không thấy tù nhân đâu. Hai ngày trước, Kumar đã chấp thuận yêu cầu của chúng tôi muốn Quincy được dự phiên điếu trần của mình. Đến giờ, mọi điếu chúng tôi yêu cầu điếu được anh chấp thuận.

“Mời anh ấy vào,” thẩm phán Kumar bảo chấp hành tòa. Cánh cửa bên cạnh b ởi thẩm đoàn mở ra, một cảnh sát bước vào. Quincy đi ngay sau, tay chống gậy và không bị còng. Anh mặc áo sơ-mi trắng, quần màu da bò mà tôi mua cho anh hôm qua. Anh muốn đeo cà vạt, lần đầu tiên sau 23 năm, nhưng tôi bảo không cần thiết. Hôm nay không có b ởi thẩm đoàn, chỉ có một thẩm phán rất có thể còn không đeo cà-vạt sau lớp áo chùng. Quincy bị sụt ít nhất gần 20 cân và năng lực đi lại của anh vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nhưng nhìn khá bảnh bao. Anh nhìn quanh một vòng, mới đầu còn bối rối và bất an, làm sao trách anh được chứ, nhưng rồi thấy tôi và anh mỉm cười. Quincy đi ngang qua chỗ chúng tôi, ng ồi xuống ghế giữa Susan Ashley và Bill Cannon. Tôi vươn tới, vỗ vai Quincy, bảo hôm nay trông anh được lắm. Anh quay lại nhìn tôi, mắt rơm rớm. Cuộc tiến công giành tự do này đúng là quá sức tưởng tượng của một con người.

Chúng tôi vẫn đang tranh chấp với Sở Cải huấn về cách xử lý với Quincy. Các bác sĩ của anh đã xong việc và sẵn sàng để anh xuất viện, đồng nghĩa với tấm vé một chiều đi Garvin. Susan Ashley đã yêu cầu chuyển anh đến một nhà tù an ninh tối thiểu gần Fort Myers, nơi có thiết bị phục hồi. Các bác sĩ của anh cũng đã tốt bụng viết thư và báo cáo y tế để khẳng định thêm về nhu cầu cần phục hồi của anh. Chúng tôi kịch liệt khẳng định Garvin là một nơi nguy hiểm cho mọi tù nhân, và với Quincy thì càng nghiêm trọng hơn. Bill Cannon cũng nhắm vào các viên chức trong Sở Cải huấn ở Tallahassee. Tuy nhiên, vì hiện giờ vẫn đang trong cuộc kiện tụng trị giá 50 triệu đô-la với chúng tôi nên họ chẳng có vẻ gì chịu hợp tác. Odell Herman, giám đốc nhà tù Garvin, nói rằng Quincy sẽ được giam giữ phòng ngừa, như thể thế là hào phóng lắm. Giam giữ phòng ngừa với biệt giam cũng chẳng khác gì nhau.

Giờ Quincy cần lắm một lần bị nhiễm trùng nữa, nhưng vì lần nhiễm trùng trước suýt đoạt mạng anh nên tôi chẳng dám nói ra suy nghĩ này của mình. Anh đã ở trong bệnh viện 19 tuần, và nhiều lần bảo Frankie là hiện giờ anh thấy ở tù còn hơn ở đây.

Chúng tôi chỉ muốn tự do cho Quincy, và sẽ thành công, dù vẫn chưa rõ là lúc nào.

Bill Cannon đứng lên, tiến về phía bục. Anh đã 54 tuổi, mái tóc muối tiêu dày và rất phong cách, bộ vest đen và sự tự tin của một luật sư lão làng có thể chi phối tinh thần bất cả thẩm đoàn hay thậm chí là thẩm phán. Anh nói bằng giọng nam trung rất ấm, có lẽ đã luyện để được thế từ hàng chục năm trước, và kết quả thật vô cùng tuyệt hảo. Anh mở lời nói rằng chúng tôi đang trên ngưỡng cửa tìm ra sự thật, nền tảng của hệ thống pháp luật lớn nhất thế giới này. Sự thật về chuyện ai đã giết Keith Russo và ai không. Một sự thật đã bị che giấu quá lâu trong một thành phố nhỏ ở Bắc Florida. Một sự thật đã bị kẻ xấu chủ tâm chôn vùi. Nhưng giờ, sau hàng chục năm, sau khi một người vô tội phải ngồi tù suốt 23 năm, sự thật đang rất gần chúng ta rồi.

Cannon nói mà không cần giấy, không dừng lại liếc nhìn tờ ghi chú nào cả. Anh cũng không hề ngập ngừng, không ừ à hay nói những câu rời rạc. Anh tự nói một cách cực kỳ hoa mỹ! Và anh đã thuần thực chiến thuật mà không mấy luật sư nắm được, kể cả những người giỏi nhất, là nói súc tích, không lặp đi lặp lại và phải ngắn gọn. Anh trình bày vụ của chúng tôi và cho thẩm phán Kumar biết chúng tôi dự định chứng minh đi đâu gì. Chưa đầy mười phút, anh đã xác lập phong thái và khẳng định chắc chắn rằng anh đang thực hiện một sứ mạng và tuyệt đối không chấp nhận để nó bị bác bỏ.

Carmen Hidalgo đáp lại bằng cách nhắc tòa nhớ rằng phán quyết cũ được chính bất cả thẩm đoàn đưa ra. Quincy Miller đã được xét xử công bằng và bất cả thẩm đoàn đã nhất trí kết tội. Chỉ nhờ thiếu một phiếu, anh mới thoát được án tử hình. Tại sao giờ phải lôi một vụ án cũ ra tòa? Bộ máy của chúng ta đã có quá nhiều việc để làm, và đâu phải để xét xử lui tới một vụ suốt hàng chục năm trời. Nếu cứ để các hung thủ đã bị kết tội tạo ra chứng cứ mới, thì phiên tòa đầu tiên để làm gì?

Bài nói của cô ấy còn ngắn gọn hơn.

Cannon quyết định bắt đầu cuộc chơi, và mời Wink Castle, cảnh sát trưởng Hạt Ruiz, lên bục. Castle c ần theo một hộp carton nhỏ. Sau khi tuyên thệ, Cannon mời Castle mô tả trong hộp có gì. Castle lấy ra cây đèn pin được đựng trong túi nhựa trong, và đặt nó lên bàn của thư ký tòa. Còn Cannon mở đoạn video quay cảnh chúng tôi mở các thùng chứng cứ ở văn phòng của Glenn. Đúng là một câu chuyện vui, ai cũng hứng thú theo dõi, nhất là thẩm phán. Castle nói qua những gì mình biết về câu chuyện của nó, bao gồm vụ hỏa hoạn bí ẩn.

Anh tự hào thông báo cho tòa rằng dưới thời anh nắm quyền, tình hình ở Hạt Ruiz đã được hiện đại hóa, hay nói cách khác, những tay buôn ma túy đã biến mất.

Trong phiên đối chất, Carmen Hidalgo kiểm lại vài điểm nhỏ khi ép được Castle thừa nhận rằng các hộp chứng cứ đã mất tích nhiều năm trời, và có khoảng trống quá lớn trong chuỗi hành trình của nó. Đây có thể là điểm trọng yếu để xem nó có thể được dùng ở một phiên tòa hình sự hay không, nhưng rõ ràng giờ nó vô dụng rồi. Cô nói xong, thẩm phán Kumar hỏi Castle, “Có phải cây đèn pin này đã được khám nghiệm bởi phòng xét nghiệm của bang?”

“Phải.”

“Anh có bản sao báo cáo của họ không?”

“Không, thưa quý tòa. Chưa.”

“Anh biết nhà tội phạm học phụ trách chứng cứ này chứ?”

“Có, thưa quý tòa.”

“Tốt. Tôi muốn anh gọi cho anh ấy ngay, và bảo là tôi muốn anh ấy đến đây vào sáng mai.”

“Tôi sẽ làm thế.”

Tôi là nhân chứng thứ hai được gọi lên. Đây là lần thứ tư tôi lên bục, và khi đứng trên bục nhân chứng, phòng xử khác hẳn đi. Mọi ánh mắt đều hướng về phía nhân chứng, người đang cố hết sức tập trung và thả lỏng trong khi trống ngực đập thành thịch. Và thế nào cũng có sự ngập ngừng

khi nói, vì luôn có khả năng lờ lời gì đó. Thật trung thực. Thật thuyết phục. Thật rõ ràng. Những lời tôi hay khuyên các nhân chứng của mình sao có vẻ mơ hồ quá, ít ra là trong lúc này. Ổn trời, tôi có một luật sư xuất sắc về phe mình, và chúng tôi cũng đã tập luyện lời chứng của tôi rồi. Khó mà tưởng tượng được nếu phải ngồi đây làm chứng ầu trước mặt một đối thủ tàn sát như Cannon, đúng là ngày tận thế.

Tôi kể lại câu chuyện được biên tập kỹ lưỡng về việc tìm ra cây đèn pin, bỏ qua rất nhiều chuyện. Không kể gì về Tyler Townsend ở Nassau, Bruce Gilmer ở Idaho, những email tan biến sau năm phút, hay những chuyện quỷ thuật châu Phi và bộ xương trong buồng. Tôi nói là một luật sư già đã nghe ngóng được rằng Kenny Taft biết quá nhiều nên đã mất mạng. Vì thế tôi mới tìm đến nhà Taft và bắt đầu tìm hiểu. Rồi gặp may. Trên màn hình lớn, Cannon chiếu những tấm ảnh của ngôi nhà đồ nát, vài tấm hình tối tăm tôi chụp trên tầng gác mái, một đoạn video Frankie đẩy các thùng chứng cứ ra khỏi ngôi nhà ma. Tôi kể lại chuyện đi đến Richmond và buổi gặp tiến sĩ Benderschmidt.

Khi đối chất, Carmen Hidalgo hỏi một loạt câu hỏi soạn sẵn để tạo nghi vấn về chuỗi hành trình. Tôi không biết các thùng đó đã nằm bao lâu trên tầng gác mái, không biết ai đã đưa nó lên đó, không biết chắc có phải chính tay Kenny Taft đã lấy chúng trước vụ hỏa hoạn không, không biết có ai giúp anh ấy không, cũng chẳng rõ anh ấy có mở hộp ra và gây xáo trộn chứng cứ không. Tôi trả lời rất lịch sự và chuyên nghiệp. Cô ấy chỉ đang làm việc của mình và đâu muốn rơi vào tình thế này.

Carmen ép tôi về nguồn gốc lời đồn về Kenny Taft, và tôi giải thích rằng mình có nguồn tin mật cần được bảo vệ. Chắc chắn tôi biết nhiều hơn những gì mình nói, nhưng xét cho cùng, tôi là một luật sư và tôi hiểu sự bảo mật là gì. Carmen muốn thẩm phán yêu cầu tôi trả lời câu hỏi của cô ấy, nhưng Cannon đứng lên phản đối và giảng một bài ngắn về sự thiêng liêng của trao đổi luật sư. Thẩm phán Kumar bác bỏ yêu cầu của Carmen và tôi quay lại ghế, ngồi sau lưng Quincy.

Tiến sĩ Kyle Benderschmidt đang ngồi trong tòa và rất nôn nóng ra về vì lịch trình bận rộn. Bill Cannon mời ông lên và bắt đầu quy trình xác định tư cách chuyên gia chán ngắt theo thông lệ. Sau vài phút, thẩm phán Kumar

quay sang Carmen Hidalgo, “Cô thật sự muốn chất vấn tư cách của chuyên gia của ông ấy sao?”

“Không thưa tòa. Bên công tố chấp nhận uy tín của ông ấy.”

“Cảm ơn cô.” Kumar không thúc ép ai và có vẻ rất thoải mái trên ghế chủ tọa. Với chỉ ba năm kinh nghiệm làm thẩm phán mà anh có vẻ rất thành công và tự tin.

Cannon bỏ qua lời chứng sai lầm mà bồi thẩm đoàn lúc trước đã nghe từ Paul Norwood, thay vào đó nhắm thẳng vào chứng cứ thật. Giờ chúng tôi đã có cây đèn pin và các vết máu, không cần phải đoán mò nữa. Trên màn hình lớn, Benderschmidt cho chiếu các tấm ảnh ông đã chụp gần đây và so sánh chúng với các tấm đã trưng ra trước tòa cách đây 23 năm. Các vết dẫm đã phai màu theo thời gian, dù cho có vẻ mặt kính lâu nay được tránh ánh nắng mặt trời. Ông xác định ba vết lớn nhất và chỉ sang mẫu của mình. Ông trưng ra thêm những tấm ảnh phóng to và tuôn ra vô số thuật ngữ pháp y. Lời chứng của Benderschmidt nhanh chóng thành một bài khoa học tẻ nhạt. Có lẽ do gen của tôi không có thiên hướng khoa học và toán học, nhưng việc tôi chán hay không chẳng quan trọng. Thẩm phán đang nuốt trọn từng lời của vị giáo sư.

Kyle bắt đầu với những thứ căn bản như tế bào máu người khác tế bào máu động vật như thế nào. Hai tấm ảnh lớn được chiếu lên màn hình, và Benderschmidt chuyển sang chế độ giáo sư ngay trên tòa. Tấm bên trái là một tế bào hồng cầu lấy từ mặt kính cây đèn pin của chúng tôi. Tấm bên phải trông cũng có vẻ tương tự, và là tế bào hồng cầu lấy từ một con thỏ, động vật có vú nhỏ. Con người và động vật có vú có tế bào hồng cầu tương tự nhau, với đặc điểm là không có nhân tế bào. Tế bào hồng cầu của các loài bò sát và chim thì có nhân, nhưng chúng ta thì không. Giáo sư bấm một cái trên laptop, hình ảnh trên màn hình thay đổi, và chúng tôi chìm vào thế giới của tế bào hồng cầu. Nhân tế bào thì nhỏ, hình cầu, và hoạt động như trung tâm điều khiển của tế bào. Nó điều khiển sự tăng trưởng và sinh sôi của tế bào. Nó được bao quanh bởi màng, vân vân.

Đệ trình cùng đơn kiến nghị của chúng tôi là báo cáo trọn vẹn của Benderschmidt với nhiều trang kiến thức cao siêu bất khả lĩnh hội về tế

bào và máu. Tôi phải thú nhận là mình chẳng đọc hết phần đó, nhưng theo những gì tôi thấy có vẻ như thẩm phán Kumar lại đọc hết rồi.

Câu chốt của phần đó là: Tế bào hồng cầu của động vật mỗi loài mỗi khác. Ông cũng chắc chắn rằng máu trên mặt kính cây đèn pin được Bradley Pfitzner tìm thấy trong xe của Quincy là của một loài động vật có vú nhỏ. Ông dứt khoát khẳng định đó không phải là máu người.

Chúng tôi còn chẳng buồn xét nghiệm ADN cho hai mẫu này bởi không cần thiết. Chúng tôi đã biết máu trên áo của Russo đúng là của anh ấy. Và cũng biết máu trên mặt kính đèn pin thì không.

Xem Cannon và Benderschmidt phối hợp ở bục làm chứng hết như xem một màn vũ đạo khéo léo và nhuần nhuyễn, mà hôm nay mới là lần đầu tiên hai người gặp nhau đây. Nếu phải đối đầu với Cannon trong một vụ kiện trị giá 50 triệu đô-la thì tôi bắt đầu mặc cả luôn cho rồi.

Gần 1:00 chiều, Benderschmidt cũng trả lời xong loạt câu hỏi chép trong sách ra của Carmen. Nhìn vóc dáng gầy gò của Kumar, có vẻ anh chẳng quan tâm chuyện ăn uống lắm, nhưng số còn lại chúng tôi thì mệt và đói lắm rồi. Tòa tạm nghỉ một tiếng rưỡi. Tôi và Frankie đưa Benderschmidt ra sân bay, ghé lại giữa đường ăn một cái burger. Ông muốn chúng tôi báo tin ngay cho ông khi có phán quyết. Ông yêu công việc của mình và rất quan tâm vụ này, mong sớm giải oan thành công. Khoa học lang băm đã kết tội Quincy, và Benderschmidt muốn giải oan không chỉ cho một con người mà cho cả khoa học nữa.

Trong bảy tháng qua, Zeke Hufsey đã tận hưởng tự do sung sướng đến nỗi chẳng muốn bị bắt thêm lần nữa. Gã đang trong diện quản chế ở Arkansas và không được rời bang trừ phi được phép của nhân viên quản chế. Gã cho biết lâu nay mình không dính vào rượu chè hay ma túy gì cả và quyết tâm duy trì như thế. Một tổ chức phi lợi nhuận đã cho Zeke vay một ngàn đô-la để sống trong thời gian đầu, và gã đang làm bán thời gian ở một tiệm rửa xe, một tiệm burger, và một công ty cắt cỏ. Gã kiếm đủ tiền để sống và đã trả được gần nửa khoản vay ban đầu. Hội Vệ nhân trả tiền vé máy bay để Zeke đến đây, và khi lên bục nhân chứng, trông gã có vẻ rầm rỏi và khỏe mạnh hơn trước.

Thế hiện của Zeke được học hỏi từ lần đi đầu tiên trước với thẩm phán già Plank. Gã thừa nhận đã nói dối, đồng thời quy tội cho Pfitzner và bộ máy tư pháp tồi tệ, nói rằng lúc đó gã ý thức được việc mình làm. Gã đã được cài vào làm chỉ điểm trong tù và đem lại kết quả đúng như ý họ muốn. Nhưng giờ gã vô cùng hối hận vì những lời dối trá lúc đó. Trong một khoảnh khắc cảm động mà ai cũng bất ngờ, Zeke nhìn về phía Quincy mà nói. “Tôi đã làm sai, Quincy. Tôi làm thế để cứu thân mình, và tôi ước gì mình không làm thế. Tôi đã nói dối để cứu tôi và đẩy anh vào tù. Tôi vô cùng xin lỗi, Quincy. Tôi không xin anh tha thứ, vì nếu là anh, chắc tôi cũng không thể nào tha thứ nổi. Tôi chỉ muốn nói xin lỗi anh vì những việc tôi đã làm.”

Quincy gật đầu, nhưng không nói gì. Về sau, anh bảo tôi là lúc đó anh muốn nói lời tha thứ gì đó, nhưng lại sợ bị quy tội phát ngôn trên tòa khi chưa được phép.

Zeke gặp khó trong phiên đối chất, khi Carmen không chừa chỗ nào trong quá khứ nhiều năm khai man trước tòa của gã. Đã hết khai man chưa, và lúc nào? Tại sao phải tin giờ anh không nói dối chứ? Đủ thứ kiêu như thế. Nhưng Zeke vẫn đứng vững và xử lý rất tốt. Hơn một lần, Zeke đã khẳng định, “Đúng, thưa cô, tôi thừa nhận trước đây mình đã nói dối, nhưng giờ thì không. Tôi thề”

Nhân chứng tiếp theo của chúng tôi là Carrie Holland Pruitt. Phải mất chút công sức mới thuyết phục được Carrie và Buck đi một chuyến xa đến Orlando, nhưng khi Hội Vệ nhân hào phóng tặng họ một gói gia đình đi Disney World thì kế hoạch của họ coi như đã chốt. Thật ra, Hội đâu đủ tiền chi gói gia đình đi Disney World, nhưng như mọi khi, Vicki luôn tìm ra cách.

Với sự hỗ trợ hoàn hảo của Bill Cannon, Carrie nhớ lại câu chuyện buồn của mình trong vụ án của Quincy Miller. Cô không thấy người đàn ông da đen nào chạy ra khỏi hiện trường và cấn trên tay vật gì đó như cây gậy hay tương tự. Thật sự là cô chẳng thấy gì cả, chẳng nghe gì cả. Chỉ là cô bị cảnh sát trưởng Pfitzner và công tố viên Forrest Burkhead ép buộc khai man. Cô đã nói dối trước tòa, và ngay hôm sau, Pfitzner đưa cô một ngàn đô-la tiền mặt, bảo cô bắt xe đi ngay, và nếu cô chường mặt về Florida, ông ta sẽ tống cô vào tù vì tội khai man.

Sau một hai câu đầu tiên, mắt cô đã rớm lệ. Chẳng mấy chốc, giọng cô bắt đầu lạc đi. Được nửa chừng thì cô đã khóc như mưa, nói rằng cô rất tiếc. Thời đó cô chỉ là cô bé đầy hoang mang, chơi ma túy, thiếu tiền, cặp kè bạn trai là cảnh sát nhưng lại là cảnh sát chẳng ra gì. Cô đã cai được 15 năm rồi, và luôn là công dân gương mẫu. Nhưng rất nhiều lần cô bận tâm về Quincy. Nước mắt cô cứ tuôn ra, chúng tôi chờ cô trấn tĩnh lại. Buck ngồi ở dãy ghế đầu cũng đang đưa tay chùi má.

Thẩm phán Kumar quyết định tạm nghỉ một tiếng. Thư ký của anh cáo lỗi và nói là thẩm phán đang xử lý một chuyện khẩn trong phòng làm việc. Marvis Miller đến, ngồi lại với anh mình, một quản giáo đứng quan sát từ xa. Tôi thì ngồi với Mazy và Vicki, phân tích các lời khai từ đầu đến giờ. Một nhà báo muốn hỏi vài câu nhưng tôi từ chối.

Đến 4:30, phiên tòa bắt đầu lại, Bill Cannon gọi lên nhân chứng cuối cùng của chúng tôi trong ngày. Tôi đã báo trước cho Quincy để anh đỡ sốc. Khi Cannon gọi tên, “June Walker,” Quincy quay người, nhìn tôi chăm chăm. Tôi cười, gạt đầu để anh thêm vững dạ.

Frankie không dễ chùn bước, nhất là với chuyện bám theo người da đen nào đó mà chúng tôi cần họ hợp tác. Suốt nhiều tháng, anh đã gây dựng quan hệ với Otis Walker ở Tallahassee, rồi từ đó bắt chuyện với June. Ban đầu họ cự tuyệt và vẫn bực mình vì các luật sư của Quincy đã họa nên hình ảnh không mấy hay ho về vợ cũ của anh. Nhưng qua thời gian, Frankie dần thấm nhuần cho June và Otis rằng những lời nói dối trong quá khứ cần được nói lại cho đúng nếu có cơ hội. Quincy chẳng giết ai cả, thế mà June lại giúp cho hung thủ thực sự, một đám người da trắng.

June đang ngồi ở hàng ghế thứ ba, đứng lên và đi thẳng đến bục nhân chứng, tuyên thệ. Tôi đã ngồi lại với June và cố khiến cô hiểu rằng sẽ không dễ dàng khi ngồi trong tòa và thừa nhận mình đã khai man. Tôi cũng cam đoan với cô rằng người ta không thể và sẽ không khởi tố vì chuyện này.

Cô gạt đầu với Quincy, và nghiêng rằng chờ giờ phút thú tội. Cô nói tên và địa chỉ, rồi nói rằng người chồng đầu tiên của cô là Quincy Miller. Họ có với nhau ba người con, rồi cuộc hôn nhân dần xuống dốc và cuối cùng



là ly hôn trong cay đắng. Cô đứng vèphe của chúng tôi, và Bill Cannon rất nhẹ nhàng với cô. Anh lấy vài giấy tờ trên bàn, r ấ hỏi.

“Cô Walker, tôi muốn cô nhớ lại nhi ều năm v ềtrước, thời điểm diễn ra phiên tòa xét xử tội giết người của người ch ồng cũ, Quincy Miller. Trong phiên tòa đó, cô đã làm chứng cho công tố viên, và cô đã khẳng định một số đi ều. Cho phép tôi đi ểm qua chúng, được chứ?”

June gật đi ầu, nói rất kh ẽ, “Vâng.”

Cannon chỉnh gọng kính, nhìn vào biên bản phiên tòa. “Công tố viên hỏi cô câu này: ‘Bị cáo Quincy Miller có một khẩu shotgun 12-gauge không?’ Và cô đã trả lời, ‘Tôi nghĩ vậy. Anh ta có vài khẩu súng. Tôi không biết nhi ều v ềsúng, nhưng đúng, Quincy có một khẩu shotgun lớn.’”

“Cô Walker, câu trả lời đó của cô có đúng sự thật không?”

“Không. Tôi chưa h ềthấy khẩu shotgun nào trong nhà chúng tôi, chưa h ềbiết Quincy có khẩu súng nào như thế.”

“Được r ấ. Lời chứng thứ hai của cô. Công tố viên đã hỏi cô rằng: ‘Bị cáo có thích săn bắn và câu cá không?’ Và cô trả lời: ‘Có, anh ta không đi săn nhi ều, nhưng hay vào rừng với bạn bè, thường bắn chim và thả.’”

“Cô Walker, câu trả lời đó của cô có đúng sự thật không?”

“Không. Tôi chưa h ềthấy Quincy đi săn. Anh ấy thích lâu lâu đi câu cá với chú của mình, nhưng chưa h ềđi săn.”

“Được r ấ, đến lời chứng thứ ba. Công tố viên đã đưa cho cô một tấm ảnh màu chụp một cây đèn pin và hỏi cô có từng thấy Quincy c ầm cây nào giống nó không. Cô đã trả lời: ‘Có, nó giống hệt cây đèn pin anh ta để trong xe.’”

“Cô Walker, câu trả lời đó của cô có đúng sự thật không?”

“Không. Theo tôi nhớ, thì tôi chưa h ềthấy cây đèn pin nào giống như thế, và tôi chắc chắn chưa h ềthấy Quincy c ầm cây đèn pin nào như thế.”

“Cảm ơn, cô Walker. Câu hỏi cuối. Ở phiên tòa, công tố viên đã hỏi cô liệu Quincy có ở khu vực Seabrook vào tối Keith Russo bị sát hại không. Cô đã trả lời: ‘Tôi nghĩ vậy. Có người nói thấy anh ta ở cửa hàng của Pounder.’”

“Cô Walker, câu trả lời đó của cô có đúng sự thật không?”

Cô bắt đầu trả lời, nhưng giọng lạc cả đi. Cô nuốt nước bọt, nhìn thẳng vào chèn̄ng cũ, mặt căng thẳng, “Không, sự thật không phải thế. Tôi chưa hề nghe ai nói gì về chuyện Quincy ở đó vào tối ấy.”

Cannon nói, “Cảm ơn cô,” rồi thả tập giấy xuống bàn. Carmen Hidalgo chần̄n chậm đứng lên, như thể không chắc phải đối chất thế nào. Cô ngấp ngừng nhìn nhân chứng và nhận ra mình không thể gỡ gạc được chút gì. Sự chán nản lộ rõ, Carmen nói, “Thưa quý tòa, phía nhà nước không có ý kiến gì.”

Thẩm phán Kumar quay sang nhân chứng, “Cảm ơn, cô Walker. Cô có thể xuống rồi.”

June chẳng rời bực nhân chứng đủ nhanh. Trước mặt tôi, Quincy đột nhiên xô đồ ghế và đứng lên. Không cần gây, anh băng qua trước mặt Bill Cannon và khập khiễng đi về phía June. Cô khựng lại như thể sợ hãi, và trong một giây, chúng tôi đều sống sờ lo sợ một tai họa ập xuống. Rồi Quincy dang rộng hai tay, và June bước tới. Cô ôm lấy anh, cả hai cùng òa khóc. Hai người đã cùng nhau sinh ba đứa con nhưng dần ghét bỏ nhau qua năm tháng, và giờ lại ôm nhau trước mặt biết bao người lạ. “Em vô cùng xin lỗi,” cô nhắc đi nhắc lại. “Không sao,” Quincy cũng lặp đi lặp lại câu trả lời. “Không sao đâu.”

Vicky và Mazy đều háo hức muốn gặp Quincy. Họ đã ăn ngủ cùng vụ này rất lâu và biết rất nhiều về cuộc đời anh, nhưng chưa hề có cơ hội gặp tận mặt. Chúng tôi ra khỏi tòa án, cùng nhau đến Bệnh viện Mercy, nơi dưỡng bệnh cũng như căn tù của anh. Phòng Quincy giờ ở cùng chái với phòng phục hồi, nhưng chúng tôi gặp anh ở căng-tin dưới tầng hầm. Người canh gác hôm nay là một cảnh sát Orlando, đang ngẩng nhìn phía xa.

Sau hơn 20 năm ăn ở nhà tù thì với Quincy, mấy món đồ tộ ở căng-tin này vẫn còn ngon chán, Anh muốn ăn sandwich và khoai tây chiên, tôi liền đi lấy, để anh, Vicki và Mazy chuyện trò những bước tiến trên tòa hôm nay. Frankie ngồi cạnh Quincy, sẵn sàng hỗ trợ. Cha Luther Hodges ngồi kế bên, tận hưởng giây phút này và rất vui vì được nhập hội. Quincy muốn chúng tôi ăn cùng anh, nhưng tối nay chúng tôi có kế hoạch khác rồi.

Quincy vẫn còn xúc động vì cuộc gặp bất ngờ với June. Anh ghét cô ấy quá lâu, quá thậm tệ, đến nỗi bản thân anh cũng không hiểu vì sao mình lại tha thứ cho cô ấy nhanh đến thế. Nghe vợ cũ thú nhận đã nói dối, có gì đó tuôn trào trong anh, có lẽ là ơn Chúa Thánh Thần, và anh không còn chỗ cho thù hận nữa. Anh đã nhắm mắt lại, xin Chúa cất đi mọi thù hận trong anh, và trong chớp mắt, gánh nặng hận thù quá khứ bỗng nhiên tan biến. Anh thật sự có thể cảm nhận được sự giải thoát trong từng hơi thở. Anh đã tha thứ cho Zeke Hufsey, cho Carrie Holland, và anh cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm đến diệu kỳ.

Nghe Quincy kể, cha Luther Hodges mỉm cười, gật đầu. Đây cũng chính là thông điệp của cha.

Quincy cắn mấy miếng sandwich, ăn vài miếng khoai tây chiên, anh nói là đến giờ vẫn chưa có lại cảm giác ăn ngon miệng. Hôm qua, khi cần, anh

chỉ còn 64 kg, kém xa so với thể hình 81 kg lúc trước. Anh muốn biết tình hình ngày mai, nhưng tôi thấy không nên ước đoán làm gì. Tôi cho rằng thẩm phán Kumar sẽ kết thúc phiên chất vấn nhân chứng, cân nhắc rồi ra phán quyết trong vài tuần, hoặc thậm chí vài tháng. Chúng tôi đã thấy rõ anh là người biết cảm thương, nhưng qua năm tháng tôi đã học được rằng phải luôn dự kiến chuyện xấu nhất. Và đừng bao giờ mong các thẩm phán làm việc cấp tốc.

Sau một tiếng chuyện gẫu không ngớt, viên cảnh sát báo đã hết giờ rồi. Chúng tôi lần lượt ôm Quincy và hứa sáng mai gặp lại anh.

CÔNG TY LUẬT CỦA BILL CANNON có văn phòng ở sáu thành phố lớn nhất Florida. Cộng sự đi đầu hành văn phòng Orlando là chuyên gia xử lý sai phạm y khoa, Cordell Jollie, một cơn ác mộng đối với các bác sĩ bất tài cầu thả. Anh đã khiến nhiều người trong số họ lụn bại và còn lâu mới chịu ngừng tay. Các bản cáo trạng và thỏa thuận kiện tụng đã giúp anh mua được một ngôi biệt thự ở khu vực sang trọng nhất Orlando, một khu riêng biệt, có cổng vào, đường đi rợp bóng cây với những căn nhà xa hoa hoành tráng. Chúng tôi tấp xe vào, đỗ lại trước nhà, và bên cạnh xe chúng tôi là một chiếc Bentley, một chiếc Porsche và một chiếc Mercedes hai chỗ. Dàn xe của Jollie còn giá trị hơn ngân sách hàng năm của Hội Vệ nhân. Chẽm chệ ngay trước mặt tiề là một chiếc Beetle cũ, chắc chắn là của Susan Ashley Gross.

Thường thì chúng tôi không nhận lời mời ăn tối ở những chỗ như thế này, nhưng ai lại dám từ chối Bill Cannon chứ. Hơn nữa, chúng tôi cũng tò mò muốn xem một ngôi nhà mà lâu nay chỉ được thấy trên các tạp chí. Một anh chàng mặc tuxedo ra chào chúng tôi ở cửa chính, đây cũng là lần đầu tôi gặp được một quản gia thực sự. Chúng tôi theo anh ta qua một phòng khách lớn với thiết kế mái vòm, còn lớn hơn một ngôi nhà bình thường, và bất giác nhìn lại áo quần mình.

Ngắm lại mới thấy may cho Frankie, anh chẳng mê mấy lời mời này lắm nên đã cùng Quincy và cha Luther ở lại xem một trận bóng chày trên truyền hình.

Chúng tôi thì đến đây mà chẳng chuẩn bị gì cả, nhưng nỗi lo về áo quần tan biến khi Cordell từ phòng trong bước ra, mặc áo thun, quần soóc đánh golf khá bẩn và đi dép xỏ ngón. Anh cần một chai bia trên tay và tay còn lại hăng hái bắt tay làm quen từng người. Bill Cannon cũng mặc quần soóc đi ra, và chúng tôi theo họ qua dãy hành lang dài đến hiên lớn sau nhà, nhìn ra một bể bơi đủ rộng để đua thuyền. Tôi thấy nhà bể bơi ở góc xa bên kia chắc đủ chỗ cho 15 người ngủ lại. Một thanh niên mặc đồ trắng từ đầu đến chân hỏi chúng tôi muốn uống gì không, rồi đưa nhóm khách đến dưới một tán che nhỏ. Susan Ashley đang ngồi đó uống rượu trắng chờ chúng tôi.

“Tôi muốn giới thiệu mọi người với vợ tôi lắm, nhưng cô ấy bỏ đi từ tháng trước rồi,” Cordell nói lớn như thể muốn cả làng nghe thấy. “Ly hôn lần thứ ba.”

“Hình như là bốn chứ,” Cannon nhắc, giọng nghiêm túc.

“Có lẽ thế. Chắc tôi phải từ bỏ thôi.” Thật dễ nhận thấy Cordell là người làm hăng, chơi bạo, và thích gì nói nấy. “Cô ấy muốn ngôi nhà này, nhưng may mà có điều khoản trong hợp đồng tị hôn nhân.”

“Ta nói chuyện khác được không?” Cannon xen vào. “Công ty luật của chúng tôi lúc nào cũng thấp thỏm chờ Cordell ly dị tiếp.”

Đến giờ thì chúng tôi nên nói về chuyện gì đây? “Hôm nay ở tòa tốt đẹp thật,” tôi mở lời. “Nhờ có Bill.” Vicki, Mazy và Susan Ashley tròn mắt nhìn tôi ngưỡng mộ, vì có vẻ họ vẫn còn choáng ngợp chưa dám nói gì.

Cannon đáp lời, “Khi sự thật đứng về phía mình thì luôn dễ xử mà.”

“Chuẩn khỏi cần chỉnh,” Cordell thêm vào. “Tôi mê vụ này lắm. Tôi nằm trong hội đồng kiện tụng của công ty, và ngay khi Bill chọn vụ này, tôi đã bảo, *Chuẩn*.”

“Hội đồng kiện tụng là gì thế?” tôi hỏi. Cordell đang cùng hội cùng thuyền với chúng tôi, và anh ấy lại nói nhiều đủ để chúng tôi học được khá khá chuyện mới lạ.

“Mọi vụ kiện chúng tôi thực hiện đều phải được một hội đồng gồm các cộng sự đi đầu hành của sáu văn phòng thông qua. Có đủ loại thượng vàng hạ cám, có cả những vụ cực tốt nhưng chắc chắn chẳng thể thắng nổi hoặc quá

tốn kém. Chúng tôi chỉ nhận những vụ có khả năng thắng cao với số tiền thu về tối thiểu mười triệu đô. Đơn giản thế thôi. Nếu không thấy mười triệu đô-la vậy gọi, thì bỏ qua. Vụ của Quincy thì chắc hẳn nhiều hơn. Có tội đồng lõa của Bang Florida, chắc chắn họ chẳng chạy đi đâu được. Đã có sẵn bốn triệu đóng băng trong tài khoản của lão cảnh sát trưởng, và còn nhiều nữa ở nước ngoài. Lại có băng ma túy nữa chứ.”

“Băng ma túy?” tôi thắc mắc.

Anh chàng diện nguyên cây trắng đem ra một khay bạc, đưa đồ uống cho chúng tôi. Tôi thì bia. Mazy dùng vang trắng. Vicki cũng uống vang trắng, từ khi quen biết, có lẽ đây là lần thứ hai bà không từ chối lời mời rượu.

Bill giải đáp cho sự kinh ngạc của tôi, “Đây không phải chuyện lạ gì, nhưng đây là lần đầu chúng tôi làm kiểu này. Chúng tôi đã liên kết với một công ty luật ở Mexico City để lần theo tài sản của các tay buôn ma túy. Nguy hiểm lắm, hẳn các anh cũng ý thức được thế, nhưng họ đã tìm ra một số tài khoản ngân hàng và tiến hành đóng băng tài sản. Băng Saltillo có vài nhân vật mới, chủ yếu là do những tay lão làng đã lên đường sang thế giới bên kia rồi, nhưng một số tay cốt cán vẫn chưa lộ diện. Kế hoạch của chúng tôi là kiểm phán quyết ở đây rồi từ đó áp dụng vào bất kỳ nơi đâu xác định được tài sản của chúng.”

“Có vẻ kiện băng ma túy thì hơi nguy hiểm đấy,” tôi nói.

Cordell bật cười, “Có lẽ không tệ bằng kiện mấy công ty thuốc lá, sản xuất vũ khí hay các tập đoàn dược đâu. Chưa nói đến mấy bác sĩ lừa đảo và công ty bảo hiểm của họ.”

Mazy hỏi, “Vậy ý anh là Quincy Miller sẽ thu về ít nhất mười triệu đô?” Cô nói từng chữ, như thể vẫn chưa tin nổi.

Cannon cười, “Không, chúng tôi không bao giờ bảo đảm kiểu đó. Nhưng có hai chuyện chắc chắn. Một, đây là chuyện kiện tụng, nên chưa có gì chắc được. Bên phía bang sẽ chịu chi trả, nhưng Pfitzner thì không. Lão sẽ bày đủ trò để bảo vệ tiền của mình. Lão có luật sư giỏi, nhưng thế nào cũng sẽ vẫn cố thao túng từ trong tù. Tôi cho rằng vụ của Quincy có thể thu về rất nhiều cho anh ấy, tất nhiên là sau khi trừ đi phí của chúng tôi.”

“Chuẩn,” Cordell vừa nói vừa uống cạn chai bia trên tay.

“Vậy sẽ mất bao lâu?” Vicki hỏi.

Bill và Cordell nhìn nhau, nhún vai. Bill nói, “Hai, có thể ba năm. Công ty của Nash Cooley khá lộn xộn nên đây sẽ là trận đấu ngang cơ.”

Tôi quan sát Susan Ashley đang chăm chú lắng nghe. Như Hội Vệ nhân, tổ chức phi lợi nhuận của cô không được chia phí luật sư với các công ty luật, nhưng cô tự tin bảo tôi là Bill Cannon đã hứa quyên góp 10% phí luật sư trong vụ này cho Dự án Người Vô tội Trung Florida. Còn cô thì hứa cho tôi một nửa số tiền họ sẽ nhận được. Trong thoáng chốc, đầu tôi quay cuồng khi nghe các luật sư kể về những tài khoản ngân hàng Caribbean với số tiền khổng lồ sắp bị xiết, nhưng nghĩ lại, đến cuối cùng, Hội Mục vụ Vệ nhân có lẽ chỉ có thể ngửa tay chờ vài ngàn đô-la mà thôi.

Số tiền chúng tôi gây quỹ có liên quan trực tiếp đến số người chúng tôi giải oan được. Nếu gặp được một mẻ trời cho, có lẽ chúng tôi có thể tái cơ cấu và thêm nhân sự. Có lẽ tôi có thể mua bộ lốp mới, hoặc tốt hơn nữa là nâng cấp lên một chiếc xe cũ xịn hơn.

Có chút chất c ãn cũng hay, nó giúp chúng tôi thả lỏng và quên đi cảnh nghèo khó của mình trong lúc chờ bữa tối dọn lên. Các luật sư kiện tụng khi uống vào có thể tuôn ra những chuyện rất lý thú, và Cordell kể cho chúng tôi câu chuyện về một cựu đặc vụ CIA mà anh đã thuê thâm nhập vào sâu một công ty bảo hiểm sai phạm y tế. Người đó đã giúp anh thắng được ba vụ khủng r ãi nghỉ hưu mà không bị ai phát hiện.

Cannon thì cho biết anh đã thắng vụ kiện một triệu đô-la đầu tiên của mình vào năm 18 tuổi, đến giờ vẫn đang là kỷ lục ở Florida.

Cordell tiếp mạch bằng câu chuyện về vụ kiện rơi máy bay đầu tiên anh làm.

R ãi anh chàng nguyên cây trắng bước ra, báo là bữa tối đã sẵn sàng. Thế là chúng tôi nối đuôi nhau đến một trong số những phòng ăn bên trong biệt thự, mát mẻ hơn.

Thẩm phán Ansh Kumar ng ồi xuống ghế chủ tọa, mỉm cười chào mọi người. Chúng tôi yên vị ở chỗ của mình, háo hức chờ phiên tòa bắt đầu và h ồi hộp chờ diễn biến tiếp theo. Kumar nhìn xuống Bill Cannon, “Sau khi tạm nghỉ hôm qua, tôi đã liên hệ với phòng xét nghiệm bang và nói chuyện với giám đốc ở đó. Anh ấy bảo sẽ cho một phân tích viên, tên Tasca, đến đây lúc 10:00. Anh Cannon, anh còn nhân chứng nào nữa không?”

Bill đứng lên, “Có lẽ có, thưa quý tòa. Agnes Nolton là đặc vụ văn phòng FBI Orlando, và cô phụ trách đi ều tra vụ tấn công tàn bạo nhắm vào Quincy Miller cách đây g ần năm tháng. Cô ấy đã sẵn sàng làm chứng về quá trình đi ều tra và sự chính đáng của vụ này.”

Sáng nay tôi đã ăn sáng với Agnes và cô ấy sẵn sàng giúp đỡ hết sức có thể. Tuy nhiên, sẽ có những hạn chế vì quy định của FBI, và chúng tôi không chắc thẩm phán Kumar có thấy cần đến lời khai của cô ấy không. Anh biết Nolton sẽ lên bục, vì tôi đã nhắc đến trong thời gian nghỉ hôm qua, và Kumar đã phải mất một h ồi để suy nghĩ về chuyện này.

Carmen Hidalgo ch ần chậm đứng lên, “Thưa quý tòa, nếu được, tôi xin nói lên vài chất vấn về sự cần thiết của lời chứng này. FBI chẳng liên quan gì đến cuộc đi ều tra vụ sát hại Keith Russo hay việc khởi tố Quincy Miller. Tôi thấy, đây chỉ là phí phạm thời gian thôi.”

“Tôi cũng có cùng suy nghĩ như thế. Tôi đã đọc các bản truy tố, kiện tụng, báo chí, nên tôi đã biết đôi chút về âm mưu sát hại anh Miller. Cảm ơn đặc vụ Nolton, vì sẵn lòng ra làm chứng, nhưng tòa không cần lời chứng của cô trong vụ này.”

Tôi quay lại nhìn Agnes, cô mỉm cười với tôi.



Thẩm phán gõ búa, thông báo tạm nghỉ đến 10:00.

TASCA ĐÃ LÀM CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU về huyết học cho Bang Florida suốt 31 năm nay. Cả hai bên đều công nhận uy tín của anh. Tất nhiên Carmen công nhận vì Tasca là chuyên gia của nhà nước. Chúng tôi cũng công nhận vì muốn có lời chứng của anh. Carmen từ chối đối chất trực tiếp với Tasca. Cô nói chúng tôi mới là người đi kiện, đâu phải cô. “Chẳng thành vấn đề” Bill Cannon nói, và đứng lên.

Và chỉ mất vài phút, Bill hỏi, “Anh Tasca, anh đã xét nghiệm máu lấy từ áo sơ-mi và mẫu máu từ mặt kính đèn pin, phải không?”

“Phải.”

“Và anh đã đọc báo cáo của tiến sĩ Kyle Benderschmidt?”

“Phải.”

“Anh biết tiến sĩ Benderschmidt không?”

“Có. Ông ấy rất nổi danh trong lĩnh vực của chúng tôi.”

“Anh có đồng ý với kết luận của ông ấy rằng máu trên chiếc áo là máu người, còn máu trên mặt kính đèn pin là máu động vật?”

“Có, chắc chắn là thế.”

Rồi Cannon làm một việc mà tôi chưa hề chứng kiến tại tòa. Anh bắt đầu cười lớn. Cười vào sự vô lý khi còn cần thêm bất kỳ lời chứng nào nữa. Cười vào số chứng cứ quá ít ỏi chống lại thân chủ của chúng tôi. Cười vào Bang Florida và những nỗ lực thảm hại của họ khi cố giữ nguyên một phán quyết định tội sai lầm. Anh khoát tay và hỏi, “Thưa quý tòa, ta đang làm gì ở đây thế này? Chứng cứ hữu hình duy nhất liên kết thân chủ của chúng tôi với hiện trường vụ án, chính là cây đèn pin này. Giờ chúng ta biết rõ nó còn không hề hiện diện ở hiện trường, và cũng chưa hề nằm trong tay thân chủ của chúng tôi.”

“Anh còn nhân chứng nào nữa không, anh Cannon?”

Vẫn còn thấy tức cười, Bill lắc đầu, bước xuống khỏi bục.

Thẩm phán Kumar quay sang bên kia, “Cô Hidalgo, cô có nhân chứng nào không?”

Cô ấy nói không, và có vẻ sẵn sàng thoát đi bằng bất kỳ cánh cửa nào gần nhất r ấi.

“Các luật sư muốn phát biểu kết thúc không?”

Bill còn chưa vào trong bàn, anh đứng lại trước bàn, quay lên, “Không, thưa quý tòa, chúng tôi tin chuyện gì c ần nói đầu đã nói r ấi, và chúng tôi mong tòa sẽ sớm có phán quyết. Quincy Miller đã được các bác sĩ cho xuất viện và đã có lịch chuyển v ề nhà tù ngay ngày mai. Đây đúng là một trò hề. Anh ấy chẳng có việc gì phải ở trong tù, cả 23 năm trước và bây giờ, Anh ấy đã bị Bang Florida kết tội sai và phải được trả tự do. Trì hoãn công lý là chối bỏ công lý.”

Tôi nghe câu này bao nhiêu l ần r ấi nhỉ? Chờ đợi là một chuyện tai ác bị bình thường hóa trong tòa án. Tôi đã thấy hàng chục tòa ngậm một vụ án liên quan đến người vô tội như thể thời gian chẳng có chút giá trị gì, và tôi đã hàng trăm l ần ước ao cho mấy thẩm phán tự phụ được nếm mùi nhà tù vài ngày cho biết. Chỉ c ần ba đêm cuối tuần trong đó, là đạo đức nghề nghiệp của các ngài sẽ cải thiện vượt bậc ngay.

“Tòa tạm nghỉ đến 1:00 chiều,” thẩm phán Kumar mỉm cười nói.

CANNON LIỀN LÊN CHIẾC LIMOUSIN ra sân bay, máy bay riêng đang chờ đưa anh đến buổi dàn xếp ở Houston, nơi anh và đồng sự vừa xiết xong l ăm l ỏi của một công ty được trong khâu nghiên cứu phát triển. Anh có vẻ rất hớn h ởi với triển vọng của vụ này.

Số còn lại chúng tôi thì quây qu ần ở một c ăng-tin nằm sâu trong tòa nhà tòa án. Cha Luther Hodges cũng ng ồi cùng trong lượt cà phê đầu. Một đồng hồ trên tường chỉ 10:20, dù chúng tôi chỉ đoán mò nhờ kim ngắn, chứ kim dài có vẻ đã đứng im từ lâu r ấi. Một phóng viên tiến tới, ngó ý xem Quincy có thể trả lời vài câu hỏi được không. Tôi bảo là không, r ấi bước ra hành lang nói chuyện với cô ấy thay anh.

Sang lượt cà phê thứ hai, Mazy hỏi, “Có gì không ổn nữa chứ?”

Nhiều lắm. Chúng tôi tin chắc là thẩm phán Kumar chuẩn bị hủy bỏ phán quyết định tội và bản án. Chẳng có lý do gì để anh ấy cho tòa tạm nghỉ đến 1:00 chiều. Nếu thẩm phán định phán quyết chống lại Quincy thì đơn giản chỉ cần chờ vài ngày rồi gửi mail là xong. Phiên đi đầu trên rõ ràng đang nghiêng hẳn về phe chúng tôi. Chứng cứ cũng ủng hộ chúng tôi. Thẩm phán thì thân thiện, hay ít nhất đến giờ là vậy. Bên phía nhà nước có vẻ đã chấp nhận bỏ cuộc.

Tôi cho là Kumar muốn cho mình chút hào quang. Nhưng anh ấy có thể ra lệnh cho Quincy quay lại nhà tù trong thời gian xúc tiến xét xử lại. Hoặc có thể chuyển vụ này về lại Hạt Ruiz và cho giam Quincy để rồi đăm ở đó lại làm bảy lần nữa. Kumar cũng có thể cho Quincy vào một nhà tù ở Orlando trong thời gian chờ phía nhà nước kháng cáo. Tôi không nghĩ anh sẽ được tự do ra bằng cửa chính với cả đồng máy quay đang chờ.

Thời gian trôi sao mà chậm quá, tôi phải kìm lắm mới không liếc nhìn đồng hồ. Đến trưa, chúng tôi ăn sandwich, ăn từ từ để giết thời gian. Đến 12:45, chúng tôi quay lại phòng xử và chờ thêm chút nữa.

Đúng 1:15, thẩm phán Kumar bước ra, yêu cầu trật tự. Anh gật đầu với thư ký tòa, rồi hỏi, “Các luật sư còn ý kiến gì nữa không?”

Susan Ashley đại diện bên chúng tôi lắc đầu, Carmen cũng thế.

Thẩm phán Kumar bắt đầu đọc: “Phiên đi đầu trên này để giải quyết đơn kiến nghị xét xử hậu tuyên án được đệ trình chiếu theo Luật 3.850, từ bị cáo Quincy Miller, yêu cầu tòa hủy bỏ phán quyết kết tội giết người từ nhiều năm trước của Khu vực Tư pháp 22. Luật pháp Florida nêu rõ, chỉ có thể chấp thuận xét xử hậu tuyên án trong trường hợp có chứng cứ mới được đệ trình lên tòa, một chứng cứ không hiện diện trong tiến trình tố tụng ban đầu. Và có chứng cứ mới vẫn chưa đủ, còn phải chứng minh chứng cứ mới này sẽ thay đổi kết quả phán xử. Chứng cứ mới có thể là nhân chứng rút lại lời khai, phát hiện được chứng cứ giải tội cho bị cáo, hoặc tìm được nhân chứng mới không xuất hiện trong tiến trình xét xử ban đầu.

“Trong trường hợp này, việc ba nhân chứng, Zeke Huffey, Carrie Holland Cruitt và June Walker rút lại lời khai đã chứng minh rõ ràng rằng lời chứng của họ tại phiên tòa ban đầu đã bị thao túng và không chính xác.

Tòa xét thấy hiện giờ họ là những nhân chứng khả tín. Chứng cứ hữu hình duy nhất liên kết Quincy Miller với hiện trường vụ án là một cây đèn pin, vốn không được trưng ra ở phiên tòa ban đầu. Thật phi thường khi đội ngũ biện hộ đã tìm ra được nó. Báo cáo phân tích vết máu của chuyên gia từ hai phía đã chứng minh cây đèn pin này không hiện diện ở hiện trường vụ án, và có lẽ đã được gài vào thùng xe của bị cáo. Cây đèn pin là chứng cứ giải tội ở mức độ cao nhất.

“Do đó, phán quyết định tội giết người bị hủy bỏ và bản án bị thay đổi, hiệu lực ngay lập tức. Tôi cho rằng có khả năng anh Miller có thể bị truy tố và ra tòa lần nữa ở Hạt Ruiz, dù tôi thấy khả năng xảy ra chuyện đó là khá thấp. Nếu như thế thì đó sẽ là một phiên tòa khác, ở một thời điểm khác. Anh Miller, mời anh cùng các luật sư của mình đứng dậy.”

Quincy quên luôn cây gậy, bật người đứng dậy. Tôi đỡ tay trái anh, Susan Ashley đỡ tay phải. Thẩm phán tiếp tục, “Anh Miller, những người chịu trách nhiệm cho phán quyết sai lầm đối với anh cách đây hơn 20 năm giờ không có mặt ở phòng xử án này. Theo tôi biết, một số đã chết, một số đã tản mác đi xa. Tôi không chắc họ có chịu trách nhiệm cho hành vi tư pháp sai trái này không. Tôi cũng không có quyền hạn để đưa họ ra tòa. Nhưng trước khi anh đi, tôi buộc mình ít nhất phải thừa nhận rằng, anh đã bị đối xử sai trái bởi hệ thống tư pháp của chúng ta, và vì là một phần trong đó, tôi chân thành xin lỗi vì những gì đã xảy ra với anh. Tôi sẽ hỗ trợ nỗ lực giải oan của anh bằng mọi cách có thể, bao gồm cả vấn đề bồi thường. Chúc anh mọi sự may mắn. Anh được tự do.”

Quincy gật đầu, mấp máy môi, “Xin cảm ơn.”

Đầu gối run rẩy, Quincy ngồi xuống, lấy tay che mặt khóc. Chúng tôi vây quanh anh, tôi, Susan Ashley, Marvis, Mazy, Vicki, Frankie. Ai cũng khóc, trừ Frankie, người không đổ giọt nước mắt nào khi bước ra khỏi tù sau 14 năm oan khổ.

Thẩm phán Kumar đã cởi bỏ áo chùng, tiến đến, chúng tôi thay nhau cảm ơn anh nồng nhiệt. Anh có thể chờ một tháng, sáu tháng, vài năm, anh cũng có thể ra phán quyết chống lại Quincy và đẩy chúng tôi vào vòng xoáy pháp lý, nơi mọi thứ đều bất định và thời gian là vô nghĩa. Chắc anh sẽ không bao giờ còn cơ hội được ra phán quyết trả tự do cho một người

ng ồi tù oan hơn hai thập kỷ nữa, nên Kumar đang tận hưởng thời khắc đẹp  
đẽ này. Quincy đứng lên để ôm thăm phán. Và hóa ra cái ôm cũng lây lan  
thật, chúng tôi ôm nhau, mừng rỡ vì thành công vĩ đại này.

Đây là lần thứ mười chúng tôi giải oan thành công, lần thứ hai trong  
năm nay, và lần nào trước ống kính máy quay và micro của báo giới, tôi  
đầu khó khăn lắm mới nói nên lời. Quincy nói trước, nói anh rất biết ơn,  
nói anh chưa có kế hoạch gì, chưa có thời gian để nghĩ, hiện giờ chỉ muốn  
được ăn miếng sườn, uống ly bia thôi. Tôi muốn tỏ ra cao thượng và  
không nhắm vào những người có lỗi. Tôi chỉ cảm ơn thăm phán Kumar vì  
đã can đảm làm những gì chính đáng và công bằng. Với kinh nghiệm của  
mình, tôi biết là càng trả lời nhiều thì càng dễ lỡ lời, nên sau mười phút,  
tôi cảm ơn báo giới và chúng tôi ra về.

Frankie đã chờ sẵn trên chiếc bán tải ở góc đường. Tôi hẹn Vicki và  
Mazy gặp nhau tại Savannah vài tiếng nữa, rồi nhảy lên ghế trước. Quincy  
ng ồi vào ghế sau, ngạc nhiên, “Thứ này là cái quái gì thế?”

“Gọi là bán tải club cab,” Frankie nhẹ nhàng nói.

“Nó đang là một, chủ yếu cho dân da trắng,” tôi thêm vào.

“Tôi quen nhiều người lái chiếc này lắm,” Frankie biện minh.

“Thôi, cứ lái đi, anh bạn,” Quincy nói, vẫn đang chìm đắm trong hạnh  
phúc tự do.

“Anh muốn ghé qua Garvin lấy đồ chứ?” tôi hỏi.

Cả ba cùng phá lên cười. “Chắc tôi phải kiểm luật sư mới thôi, Post ời,”  
Quincy nói.

“Cứ tìm đi. Chẳng ai tính phí rẻ hơn tôi đâu.”

Quincy cúi người tới, “Post à, ta chưa nói về chuyện này, nhưng tôi sẽ  
được nhà nước bồi thường bao nhiêu, riêng phần án oan thôi ấy?”

“Năm mươi ngàn cho mỗi năm tù. Vậy là hơn một triệu đô.”

“Khi nào tôi được nhận?”

“Có lẽ sẽ mất vài tháng.”

“Nhưng chắc chắn sẽ nhận, phải chứ?”

“Dĩ nhiên.”

“Các anh sẽ lấy bao nhiêu?”

“Số không.”

“Thôi nào.”

Frankie lên tiếng, “Không, anh ấy nói thật đấy. Georgia trả cho tôi cả đồng tiền, và Post chẳng chịu nhận đồng nào.”

Giờ tôi mới nhận ra mình đang ngồi chung xe với hai triệu phú da đen, dù cho gia tài của họ kiếm được theo một cách chẳng ai muốn, chẳng ai hình dung nổi.

Quincy ngả người trở về, thở dài, rồi bật cười, “Tôi không tin nổi. Sáng nay tôi tỉnh dậy, chẳng biết sẽ thế nào, cứ nghĩ họ sẽ đẩy tôi lại vào tù. Giờ ta đi đâu, Post?”

“Ta phải ra khỏi Florida trước khi có người đổi ý. Đừng hỏi tôi là ai. Tôi không biết là ai, ở đâu, thế nào, tại sao gì cả, nhưng cứ ẩn thân ở Savannah vài ngày đi đã.”

“Ý anh là có thể có kẻ lòng tôi sao?”

“Tôi nghĩ có lẽ là không, nhưng cứ chơi kiểu an toàn thì hơn.”

“Còn Marvis thì sao?”

“Tôi đã bảo anh ấy gặp ta ở Savannah. Tối nay ta sẽ ăn sườn nướng, và tôi biết một quán ngon lắm.”

“Tôi muốn sườn nướng, bia và một cô nàng.”

“Chà, hai cái đầu thì tôi lo được,” tôi nói. Frankie nhìn qua tôi và nháy mắt, như thể đã có ý tưởng cho cái thứ ba rồi.

Sau nửa tiếng sống trong tự do, Quincy muốn ghé lại một tiệm burger dọc đường cao tốc. Chúng tôi vào đó, uống soda, ăn khoai tây chiên. Anh chọn một bàn gần cửa kính mặt tiền, và giải thích cái cảm giác được ngồi ăn như một người bình thường. Được tự do ra vào, tự do gọi bất kỳ món nào mình thích, tự do đi vệ sinh mà không cần xin phép, không cần lo sợ sẽ gặp chuyện gì trong đó. Cảm xúc của Quincy tội nghiệp đang lẫn lộn, và anh rất dễ bật khóc.

Quay lại xe, chúng tôi lên Xa lộ 95, thẳng tiến dọc Bờ Đông. Chúng tôi để Quincy chọn nhạc, và anh thích nhạc Motown thời kỳ đầu. Loại này tôi nghe cũng được, không sao cả. Anh rất hứng thú với cuộc đời của Frankie và muốn biết thêm về những tháng đầu tiên sau khi thoát khỏi nhà tù. Frankie cảnh báo anh về chuyện tiền bạc và đám bạn mới đông đúc sẽ nghe mùi tờ bạc xanh mà tìm đến. Rồi Quincy ngủ thiếp đi, và trên xe chỉ còn tiếng nhạc. Chúng tôi đang đi vòng quanh Jacksonville, còn hơn 30 cây nữa là đến Georgia thì Frankie lấp bắp, “Chết tiệt!”

Tôi quay lại thì thấy ánh đèn xanh đỏ. Tim tôi ngừng đập, Quincy bừng tỉnh và thấy ánh đèn cảnh sát. “Anh chạy quá tốc độ à?” tôi hỏi.

“Chắc vậy. Tôi không để ý lắm.”

Một chiếc nữa cũng tấp vào, nhưng thật lạ khi các cảnh sát tuần tra vẫn ngồi yên trên xe. Thế này có vẻ không ổn. Tôi vươn tay mở va-li, lấy cổ áo linh mục ra, đeo vào.

“Ồ, giờ anh lại thành linh mục rồi.” Quincy nói. “Nên bắt đầu cầu nguyện thôi.”

Frankie hỏi, “Anh còn cổ áo nào nữa không?”

“Có chứ.” Tôi đưa anh một cái, và vì anh chưa mang cái này lần nào nên tôi giúp anh chỉnh lại cho chuẩn.

Cuối cùng, cảnh sát trong chiếc xe đầu tiên bước ra, tiến tới bên phía ghế tài xế. Anh chàng này da đen, đeo kính râm, đội mũ cao bồi. Vóc dáng gọn gàng, trang phục chỉnh chu, không hề mỉm cười, đúng kiểu cảnh sát thứ dữ. Frankie hạ cửa kính xuống, tay cảnh sát nhìn anh chằm chằm, có vẻ hơi giật mình.

“Tại sao cha lái chiếc này?” anh hỏi.

Frankie nhún vai, chẳng nói gì.

“Tôi cứ tưởng gặp một thằng phê đá Georgia. Thế mà lại gặp một linh mục da đen.” Rồi anh ta nhìn qua tôi, để ý thấy cổ áo của tôi. “Thêm một linh mục da trắng nữa.”

Anh ta nhìn xuống băng ghế sau, thấy Quincy ngồi đó, mắt nhắm nghiền, đắm mình trong lời cầu nguyện.

“Vui lòng xuất trình bằng lái và giấy tờ xe.” Frankie đưa giấy tờ qua, anh chàng cảnh sát cầ n lấy, quay lại xe mình. Vài phút nặng nề trôi qua, chúng tôi ng ồi yên không nói gì. Khi anh chàng cảnh sát quay lại, Frankie hạ cửa kính xuống, lấy bằng lái và giấy tờ.

Anh ta bảo, “Chúa bảo tôi để các cha đi.”

“Chúc tụng Chúa,” Quincy kêu lên từ băng ghế sau.

“Một linh mục da đen lái chiếc bán tải, đi cùng một linh mục da trắng, lao xé gió trên xa lộ liên bang. Tôi chắc chắn là có lý do gì đó.”

Tôi đưa danh thiếp của mình và chỉ sang Quincy. “Anh bạn này vừa được ra tù sau 23 năm. Chúng tôi vừa chứng minh được anh ấy vô tội, và thẩm phán ở Orlando cho anh ấy được tự do. Chúng tôi định đưa anh ấy về Savannah vài ngày.”

“Hai mươi ba năm.”

“Còn tôi từng ở tù 14 năm tại Georgia, vì tội giết người của kẻ khác,” Frankie nói thêm.

Anh chàng cảnh sát nhìn tôi ái ngại, “Còn cha?”

“Họ vẫn chưa kết tội tôi gì.”

Anh cảnh sát trả lại danh thiếp cho tôi rồi nói, “Xin mời theo xe tôi.” Anh chàng lên xe, mở đèn hiệu cảnh sát, nổ máy dẫn đầu, và chỉ trong vài giây chúng tôi đã lao đi với tốc độ 130 km/h cùng đoàn hộ tống xanh trắng đầy hoành tráng.



## Lời chú giải của tác giả

Tôi có hai nguồn chính cho nhân vật và cốt truyện.

Thứ nhất, về nhân vật. Năm 15 năm trước, tôi đang tìm hiểu về một vụ án tại Oklahoma thì gặp một thùng tài liệu với nhãn dán ghi là của Centurion Ministries. Hồi đó, tôi biết rất ít về hoạt động giải oan và chưa hề nghe đến tên Centurion. Tôi dò hỏi và cuối cùng tìm đến văn phòng của họ ở Princeton, New Jersey.

James McCloskey sáng lập Centurion Ministries vào năm 1980, khi ông đang là một sinh viên thần học. Khi làm tuyên úy nhà tù, ông đã gặp một phạm nhân nhất quyết khẳng định mình vô tội. Cuối cùng Jim cũng tin và bắt đầu làm việc để chứng minh anh ấy vô tội. Lần giải oan thành công này thôi thúc Jim nhận thêm vụ nữa, rồi lại vụ nữa. Trong gần 40 năm, ông đã đi khắp cả nước, thường là đơn độc một mình, để đi đầu tra những manh mối bị bỏ qua, những nhân chứng trốn tránh, và tìm cho ra sự thật.

Đến giờ, đã có 53 người giành lại được tự do nhờ Jim và đội ngũ tận tâm ở Centurion Ministries. Nếu muốn biết thêm chi tiết, các bạn có thể ghé trang web của họ, sẽ có những câu chuyện chi tiết hơn. Hãy xem qua, và nếu được, gửi tặng cho họ một khoản gì đó. Thêm tiền đồng nghĩa với thêm người vô tội được giải oan.

Cốt truyện của *Hội Vệ nhân*, đáng buồn là, được viết dựa trên một câu chuyện có thật, liên quan đến một phạm nhân ở Texas, tên là Joe Bryan. Ba mươi năm trước, Joe bị kết tội giết vợ mình, một tội ác kinh khủng trong đêm, nhưng lúc đó Joe đang ngủ trong phòng khách sạn cách đó vài tiếng đi xe. Công tác đi đầu tra đã sai lầm ngay từ đầu. Họ không bao giờ tìm được hung thủ thực sự, nhưng có nhiều chứng cứ rõ ràng quy về một cựu cảnh sát viên đã tự sát vào năm 1996.

Biên bản truy tố không xác định được động cơ để Joe giết vợ mình, vì làm gì có động cơ nào. Cuộc hôn nhân của họ rất tốt đẹp. Chứng cứ hữu hình duy nhất liên kết Joe với hiện trường vụ án là một chiếc đèn pin không hiểu sao lại được tìm thấy trong xe ông. Một chuyên gia đã bảo b ồi thẩm đoàn rằng những vết nhỏ trên mặt kính là *máu bắn vào* và là máu của nạn nhân. Từ đó, chuyên gia làm chứng rằng cây đèn pin đã hiện diện ở hiện trường vụ án, dù cho nó không được lấy từ đó.

Lời chứng của chuyên gia này quá ức đoán, và không căn cứ trên khoa học. Ông ta còn được phép giả định rằng có lẽ Joe đã tắm sau khi gây án để loại bỏ các vết máu dính trên người, nhưng lại không đưa ra được bằng chứng nào cho chuyện đó. Về sau, chuyên gia này đã rút lại những ý kiến đó.

Đáng ra Joe đã được giải oan và phục h ồi tự do từ nhi ều năm trước, nhưng không được. Vụ của ông bị Tòa Phúc thẩm Hình sự Texas treo mãi. Ông đã 79 tuổi và sức khỏe đang rất yếu. Vào ngày 4 tháng 7 năm 2019, ông bị bác đơn xin ân xá, và đây là lần thứ tám nỗ lực xin ân xá của ông bất thành.

Vào tháng 5 năm 2018, tờ *New York Times* và *ProPublica* đồng xuất bản một loạt bài hai phần về vụ án của Joe. Và đây là một công trình báo chí đi ều tra đích thực. Nhà báo Pamela Colloff đã thực hiện xuất sắc việc đi ều tra tường tận tội ác và tiến trình công tố này, cũng như phơi bày sự kém cỏi của bộ máy tư pháp.

Tôi xin tri ân Jim McCloskey và Joe Bryan vì câu chuyện của họ. Một đi ều hối tiếc nhất là Jim đã không biết đến trường hợp của Joe. Tôi xin tri ân Pamela Colloff vì việc làm cao đẹp của cô và vì đã giúp độc giả khắp nơi biết đến câu chuyện này.

Tôi cũng muốn nhân đây gửi lời tri ân đến Paul Casteleiro, Kate Germond, Bryan Stephenson, Mark Mesler, Maddy deLone, và Deirdre Enright.



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)

